

Sophie Hannah

MÔI HÀ ĐỒ

↑↑

Tiểu thuyết | Nguyễn Việt Đông dịch



NHÀ XUẤT BẢN
LAO ĐỘNG

S O P H I E H A N N A H

Lasting Damage



Nguyễn Việt Dũng *dịch*

Số 11 Bentley Grove, Cambridge

KHÔNG DỪNG ĐỂ ĐO ĐẠC: CHỈ DỪNG ĐỂ MÔ TẢ

Mặc dù chúng tôi đã cố gắng hết sức để đảm bảo độ chính xác của bản vẽ mặt bằng, số đo của các cửa ra vào, cửa sổ và phòng sinh hoạt chỉ mang tính chất tương đối. Chúng tôi không chịu bất cứ trách nhiệm nào về các sai sót đo đạc, sự nhầm lẫn hay sự thiếu sót có thể xảy ra. Các bản vẽ mặt bằng này phục vụ mục đích mô tả đại diện chiếu theo Quy Tắc Đo Lường RICS và chỉ nên phân phát cho khách mua tiềm năng. Chúng tôi chưa hề kiểm tra dịch vụ điện nước hay hệ thống thiết bị nào, nên không thể đảm bảo chúng vẫn hoạt động bình thường.

Thứ Bảy ngày 24-07-2010

Tôi sắp sửa bị sát hại vì một gia đình tên là nhà Gilpatrick. Họ có bốn người: bà mẹ, ông bố, cậu con trai và cô con gái. *Elise, Donal, Riordan và Tilly*. Kit nói cho tôi tên của họ, cứ như kiểu tôi muốn bỏ qua mọi lễ nghi ban đầu để làm thân với họ vậy, trong khi tôi chỉ muốn la hét thất thanh và chạy khỏi căn phòng. *Riordan bảy tuổi*, anh nói. *Tilly lên năm*.

Im đi, tôi muốn gào vào mặt anh như vậy, nhưng tôi sợ hãi đến mức chẳng thể mở miệng nổi. Như thể có ai khóa chặt miệng tôi lại. Không một từ nào có thể thoát ra, không bao giờ.

Vậy đấy. Đây là nơi, là lúc, là lý do và cách tôi sẽ chết. Ít nhất tôi cũng biết được lý do, cuối cùng thì tôi cũng đã hiểu.

Kit cũng hoảng loạn như tôi. Còn hơn cả tôi ấy chứ. Đó là lý do anh cứ liến thoắng liên hồi. Vì anh biết, giống như tất cả những ai đang nín thở chờ đợi trong kinh hoàng đều biết rõ, rằng khi sự câm lặng và nỗi sợ hãi hòa làm một, chúng tạo nên một thực thể còn đáng sợ hơn trăm ngàn lần từng thành phần một cộng lại.

Gia đình Gilpatrick, anh nói, nước mắt lăn dài trên mặt.

Tôi nhìn hình phản chiếu của cánh cửa trong chiếc gương treo trên lò sưởi. Hình chiếu trông nhỏ và xa hơn nếu tôi quay lại để nhìn thẳng vào nó. Chiếc gương trông như một tấm bia mộ to lớn: ba cạnh gương thẳng và cạnh trên cùng uốn vòm.

Anh đã không tin họ thực sự tồn tại. Cái tên nghe như bịa. Kit cười rồi nắc lên một tiếng nức nở. Toàn thân anh run rẩy, kể cả giọng nói. *Gilpatrick là kiểu tên mà người ta sẽ nghĩ đến khi muốn bịa ra một người nào đấy*. Ông Gilpatrick. Giá mà anh tin là có ông ta, những chuyện này sẽ không xảy ra. Chúng ta đáng ra đã được

an toàn rồi. Giá mà anh...

Anh dừng lại, quay lưng tránh xa cánh cửa đang khóa trái. Anh cũng nghe thấy tiếng bước chân như tôi – tiếng bước chân chạy xô đẩy tán loạn. Họ đang ở đây.

... Một tuần trước đó ...



Thứ Bảy, ngày 17-07-2010

Tôi nằm ngửa, hai mắt nhắm nghiền, chờ nghe hơi thở của Kit thay đổi. Tôi giả vờ thở sâu và đều như khi người ta chìm vào giấc ngủ, như tiếng thở tôi cần được nghe từ anh trước khi có thể rời khỏi giường – *hít vào và giữ, thở ra và giữ* – và cố thuyết phục bản thân rằng sự lừa dối này là vô hại.

Liệu tôi có phải người phụ nữ duy nhất trên đời từng làm chuyện này không, hay nó xảy ra mọi lúc trong mọi ngôi nhà trên khắp thế giới? Nếu đúng như vậy, thì hẳn là vì vô vàn lý do khác đơn giản hơn lý do của tôi: một bà vợ hay cô bạn gái, ngoại tình và muốn nhấn tin cho người tình mà không bị phát hiện, hay lén lút nốc ly vang tội lỗi cuối cùng sau khi đã uống năm ly rồi. Những chuyện thường thấy. Những gấp gáp hối hả thường ngày.

Không có người đàn bà nào trên trái đất này từng ở trong tình thế của tôi bây giờ.

Mày thật lố bịch quá đi. Mày chẳng ‘trong tình thế’ gì sất, ngoài cái tình thế mày ấp ủ trong trí tưởng tượng của mày. Nguyên liệu: sự trùng hợp cộng với chứng hoang tưởng.

Chẳng có điều gì tôi tự huyễn hoặc bản thân tỏ ra hiệu quả. Thế nên tôi cần phải kiểm tra cho chắc chắn, để tâm trí mình được yên ổn. Kiểm tra không phải việc gì điên khùng, bỏ lỡ cơ hội kiểm tra mới là khùng điên. Và một khi tôi đã xem xét và chẳng thấy gì hết, tôi có thể quên chuyện này đi và chấp nhận rằng tất cả chỉ là do tôi nghĩ ra thôi.

Mày sẽ chấp nhận chứ?

Không mất quá lâu để tôi có thể trở mình, Kit thường lăn ra ngủ như chết chỉ trong vài giây sau khi đèn tắt. Nếu tôi đếm đến

một trăm... nhưng tôi không thể. Không thể ép bản thân tập trung vào điều mình không hứng thú. Nếu được, tôi đã làm điều ngược lại: tống ngôi nhà số 11 Bentley Grove ra khỏi đầu. Liệu có bao giờ tôi làm được chuyện ấy không?

Trong khi chờ đợi, tôi tập dượt lại nhiệm vụ phía trước. Căn phòng ngủ này sẽ nói lên điều gì về Kit và tôi, nếu không ai biết về hai chúng tôi? Chiếc giường cỡ đại, lò sưởi bằng gang, hai hốc tường giống hệt nhau ở hai bên gờ lò sưởi, nơi đặt hai chiếc tủ quần áo cũng y hệt. Kit thích sự đối xứng. Một trong những điều anh ngần ngại, khi tôi đề nghị mua chiếc giường lớn nhất có thể để thay cho chiếc giường đôi thường của chúng tôi, là nhiều khả năng sẽ không có chỗ cho cặp tủ đầu giường. Khi tôi đáp rằng tôi sẵn sàng bỏ đi cái của mình, Kit nhìn tôi như thể tôi là kẻ phản loạn đang âm mưu phá hoại thế giới được sắp đặt hoàn hảo của anh. “Em không thể đặt tủ một bên giường còn bên kia lại không có,” anh nói. Hai chúng tôi cuối cùng cũng đặt trọn cả giường tủ. Sau khi tôi buộc phải hứa không kể cho ai hết, Kit thừa nhận rằng dù có bất tiện cỡ nào đi nữa – phải cúi xuống, bỏ sách, đồng hồ, kính và điện thoại di động xuống gầm giường – anh vẫn thấy như thế đỡ khó chịu hơn là có một phòng ngủ trông không ‘chuẩn’.

“Anh có chắc mình không đồng tính không đó?” Tôi trêu anh.

Anh nhe răng cười. “Có thể là vậy, hoặc là anh đang giả vờ để được nhận thiệp Giáng Sinh hàng năm. Anh đoán là em chẳng bao giờ biết được sự thật đâu.”

Rèm cửa lụa màu kem dài chạm đất. Kit muốn màn che kiểu Rome nhưng tôi bác bỏ. Rèm lụa là thứ tôi đã muốn có từ hồi còn bé, một trong những lời thề ‘phải có ngay khi mình sở hữu nhà riêng’ của tôi. Và rèm cửa trong phòng ngủ nhất thiết phải buông chạm mặt sàn – đó là nguyên tắc ‘chuẩn’ của tôi. Tôi nghĩ mọi người đều có ít nhất một cái như vậy, và tất cả chúng ta đều nghĩ nguyên tắc của mình là có lý, còn của người khác thì hoàn toàn lố bịch.

Phía trên lò sưởi là một tấm thảm thêu hình một ngôi nhà màu đỏ với mảnh đất xanh xanh hình chữ nhật bao quanh, có lẽ

là khu vườn. Thay cho hoa, màu xanh trơn của cỏ được điểm xuyết bằng dòng chữ thêu màu cam: ‘Melrose Cottage, Little Holling, Silsford’, và bên dưới là dòng chữ thêu màu vàng nhỏ hơn “Connie và Kit, ngày 13 tháng 7 năm 2004”

“Nhưng Melrose đâu phải màu đỏ,” trước đây tôi thường phản đối như vậy, nhưng rồi cũng bỏ cuộc. “Nó được làm từ đất sét phiến trắng. Anh có nghĩ mẹ đã hình dung ra ngôi nhà đầm máu không?” Khi chúng tôi mới mua nó, Kit và tôi gọi tắt ngôi nhà là Melrose. Giờ chúng tôi đã sống ở đây được nhiều năm và hiểu rõ ngôi nhà như chính gương mặt mình, chúng tôi gọi nó là Mellers.

Một người quan sát khách quan sẽ thấy được điều gì từ tấm thảm? Liệu họ có nghĩ tôi và Kit ngu ngốc, đến độ có nguy cơ quên mất tên của chính mình và ngày hai đứa mua ngôi nhà? Rằng chúng tôi quyết định treo lời nhắc nhở trong nhà? Liệu họ có phỏng đoán rằng đây là một món quà tân gia ‘của nhà trồng được’ từ mẹ của Connie, rằng Connie thấy nó thật diêm dúa và xấu xí, và đã phải đấu tranh quyết liệt để lưu đày nó lên gác xép?

Kit quyết đòi treo nó lên, vì lòng trung kiên với tổ ấm và với Mẹ chúng tôi. Anh nói phòng ngủ của hai đứa sẽ là vị trí hoàn hảo, để khách đến nhà không trông thấy được. Sau đó, anh chẳng thèm để ý đến nó nữa. Nhưng tôi thì có – mỗi đêm trước khi đi ngủ và mỗi sáng khi tôi thức giấc. Nó làm tôi trầm uất vì cả tá lý do.

Ai đó ngó nghiêng vào phòng ngủ chúng tôi sẽ chẳng thấy bất cứ dấu hiệu bất hòa hay thỏa hiệp nào. Họ sẽ không nhận thấy bàn cạnh giường của Kit bị thiếu, bức tranh mà tôi muốn được đặt phía trên lò sưởi nếu cái tấm thảm thêu ngôi nhà đỏ gợn ghềnh ấy không có đó. Điều đó chứng minh rằng quan sát một căn phòng trong nhà ai đó chẳng nói lên điều gì cả. Và việc tôi chuẩn bị làm, khi chắc chắn là Kit đã chìm sâu vào giấc ngủ, chẳng có nghĩa lý gì hết. Tôi cũng nên ngủ.

Rón rén hết mức có thể, tôi cuộn mép chiếc chăn bông ở bên mình lại, trườn ra khỏi giường và nhón chân sang phòng ngủ thứ hai, căn phòng hai đứa đã sửa sang thành phòng làm việc

tại gia. Chúng tôi điều hành việc kinh doanh tại đây, điều đó có chút khó coi khi xét đến chuyện căn phòng chỉ dài khoảng 3 mét rưỡi và rộng 3 mét. Giống như phòng ngủ của Kit và tôi, nó cũng có một lò sưởi bằng gang. Chúng tôi đã cố gắng nhét hai cái bàn làm việc vào đây, một ghế cho mỗi người, ba tủ đựng tài liệu. Khi chúng tôi nhận được giấy chứng nhận thành lập công ty từ cơ quan đăng ký kinh doanh, Kit mua một tấm khung, lồng nó vào và treo lên bức tường đối diện cửa, để nó là sẽ thứ đầu tiên đập vào mắt khi bước vào phòng. “Đây là yêu cầu mang tính pháp lý,” anh đáp lại khi tôi than phiền rằng trông nó thật buồn tẻ và quan liêu. “Phải được trưng bày tại trụ sở công ty. Em muốn Nulli được sinh ra ngoài vòng pháp luật à?”

Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Nulli Secundus. Nó có nghĩa là ‘không đứng sau ai cả’ và đó là sự lựa chọn của Kit. “Cứ thử nói về chuyện cảm dỗ số phận và thất bại không tránh khỏi xem,” tôi nói khi hai đứa bàn bạc việc nên tự gọi mình là gì, tưởng tượng ra cảnh thanh lý công ty sẽ đem lại cảm giác tồi tệ đến cỡ nào với cái tên ngạo mạn như vậy.

Tôi gợi ý: “Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn C&K Bowskill.”

“Nhưng đó là tên *chúng ta* mà.” Kit gay gắt, như thể trong một khắc nào đấy tôi đã quên bằng cái sự thật đó. “Vì Chúa, em sử dụng trí tưởng tượng một chút xíu đi chứ. Tự tin cũng tốt nữa. Ta có định mở công ty này để phá sản đâu? Anh không biết em nghĩ sao, nhưng anh đang lên kế hoạch để khiến nó thành công.”

Anh còn thành công trong chuyện gì nữa nào? Còn cái gì em không biết không?

Em đang cư xử thật lỗ bịch, Connie ạ. Cái sự lỗ lã của em quả là không đứng sau ai cả.

Tôi chạm vào bàn di chuột của chiếc laptop và mở nó ra. Trang chủ Google hiện lên. Tôi gõ từ khóa ‘nhà rao bán’ vào khung tìm kiếm, nhấn enter và chờ đợi. Kết quả đầu tiên trả về là Roundthehouses.co.uk. Trang web này tự tuyên bố rằng nó chính là trang web hàng đầu về buôn bán bất động sản ở Anh. Tôi nhấn vào đó, trong đầu nghĩ hẳn là những người ở

Roundthehouses sẽ có xu hướng đi theo cách nghĩ của Kit hơn là của tôi: họ không lo lắng gì về phá sản – và sự sỉ nhục phát sinh.

Trang chủ được tải: dưới một đường viền đỏ sậm là những tấm hình ngoại cảnh của các ngôi nhà, bên trong đầy hình những chiếc kính lúp nhỏ xíu, mỗi chiếc lại có một cặp mắt bên trong. Những cặp mắt đó trông rất kỳ quái, lạ lùng và khiến tôi liên tưởng đến những người lẩn lút trong bóng tối, theo dõi lẫn nhau.

Chẳng phải đó chính xác là những gì mày đang làm sao?

Tôi gõ ‘Cambridge’ vào khung địa điểm và nhấn vào nút ‘Được Rao Bán’. Một trang khác mở ra, cung cấp cho tôi nhiều lựa chọn hơn. Tôi chọn lọc chúng một cách thiếu kiên nhẫn – phạm vi tìm kiếm: chỉ khu vực này, loại bất động sản: ngôi nhà, số phòng ngủ: bất kỳ, khung ra giá: bất kỳ, được đăng trên trang từ... Số 11 Bentley Grove được đăng lên từ bao giờ? Tôi chọn ‘7 ngày qua’. Tấm bảng ‘Bán nhà’ tôi thấy ở vườn trước vào hôm nay – hay cũng có thể gọi là hôm qua, vì giờ đã là một giờ mười lăm phút sáng – chưa có ở đó một tuần trước.

Tôi nhấn vào nút ‘Tìm bất động sản’, nhịp nhịp đôi chân trần của mình xuống sàn và nhắm mắt lại trong một giây. Khi mở mắt, trên màn hình xuất hiện hình ảnh những ngôi nhà được rao bán: một căn trên đường Chaucer giá 4 triệu bảng, căn khác trên đường Newton giá 2,3 triệu. Tôi biết cả hai con đường đó: chúng ở gần Bentley Grove, ra khỏi đường Trumpington. Tôi đã thấy chúng, trong nhiều chuyến đi tới Cambridge mà không ai hay biết.

Số 11 Bentley Grove là ngôi nhà thứ ba trong danh sách. Nó được rao bán giá 1,2 triệu bảng. Tôi hết sức ngạc nhiên là nó lại đắt đến vậy. Ngôi nhà đủ lớn, nhưng chẳng có gì đặc sắc. Tất nhiên, khu vực đó của Cambridge là một nơi đáng lựa chọn, dù với tôi nó luôn có vẻ khá là bình thường, giao thông trên đường Trumpington thường ở trong tình trạng ‘nhích từng tí một’ thay vì lưu thông thực sự. Có một siêu thị Waitrose gần đó, một nhà hàng Ấn Độ, một cửa hàng rượu vang đặc sản, một vài

trung tâm môi giới bất động sản. *Và rất nhiều biệt thự xa hoa rộng khủng khiếp.* Nếu giá chào bán của tất cả các ngôi nhà trong khu vực này của thành phố đều cỡ hàng triệu bảng, nghĩa là cũng nhiều chừng đó người có đủ khả năng chi trả số tiền lớn đến thế. Họ là những ai vậy? Ngài Cliff Richard tự nhiên nảy ra trong đầu tôi, tôi không hiểu tại sao nữa. Ai nữa nhỉ? Chủ các câu lạc bộ bóng đá, hay những người có cả giếng dầu ở sân sau? Hiển nhiên không phải tôi và Kit, dù chúng tôi đang kinh doanh đủ tốt, đủ chuyên nghiệp, như đã từng hy vọng...

Tôi cố rũ những ý nghĩ ấy ra khỏi đầu. Mà đáng ra nên đi ngủ rồi, đồ điên khùng. *Vậy mà bây giờ mà lại đang ngồi còng lưng trước màn hình máy tính trong bóng tối, cảm thấy thấp kém trước Cliff Richard. Bình tĩnh lại đi.*

Tôi nhấn chuột vào bức hình ngôi nhà mình đã biết quá rõ, nhưng đồng thời cũng chẳng biết chút gì về nó cả, để xem thông tin chi tiết. Tôi không tin là trên đời này lại có ai từng dành nhiều thời gian ngắm nhìn bên ngoài ngôi nhà số 11 Bentley Grove như tôi, tôi biết rõ đến từng viên gạch mặt tiền của nó. Cảm giác thật lạ lùng, gần như là một cú sốc, khi nhìn ảnh ngôi nhà đó trên máy tính của mình – trong nhà mình, nơi nó không thuộc về.

Mời kẻ thù vào nhà bạn...

Không có kẻ thù nào hết, tôi khẳng định chắc nịch với bản thân. Thực tế lên, vượt qua chuyện này và quay lại giường đi. Kit đã bắt đầu ngáy. Tốt. Tôi hoàn toàn không biết mình sẽ phải nói gì nếu anh bắt gặp tôi đang làm chuyện này, sẽ bảo vệ sự minh mẫn của mình ra sao.

Trang đã tải xong. Tôi không có có hứng thú với tấm ảnh lớn phía bên trái, tấm được chụp từ bên kia đường. Cái tôi cần xem là bên trong ngôi nhà. Tôi nhấn vào từng tấm hình nhỏ ở phía bên phải màn hình để mở rộng chúng ra. Đầu tiên là một căn bếp với bàn bếp làm bằng gỗ, bồn rửa đôi Belfast, bình phong sơn màu xanh dương, một tủ bàn mặt gỗ được sơn xanh ở các mặt bên...

Kit ghét tủ bàn nằm ở giữa bếp. Anh nghĩ chúng thật xấu xí

và có vẻ phô trương – một trò làm màu nhập khẩu từ Mỹ. Anh gọi chúng là những buồng tắm màu quả bơ của tương lai. Anh đã cho tháo bỏ ngay chiếc tủ bàn trong bếp chỉ trong vòng hai tuần kể từ khi dọn về nhà mới, và đặt thợ mộc làm cho chúng tôi một chiếc bàn tròn lớn bằng gỗ sồi để thay vào đó.

Căn bếp tôi đang nhìn ngắm ở đây không thể là bếp của Kit được, không phải là với tủ bàn trong đó.

Tất nhiên đây không phải bếp của Kit. Bếp của Kit ở dưới tầng – và trùng hợp thay nó cũng là bếp của mày đó.

Tôi nhấn vào ảnh một gian phòng khách. Tôi đã từng thấy phòng khách của số 11 Bentley Grove rồi, dù chỉ nhìn qua. Trong một lần ghé thăm, tôi đã đủ dũng cảm – hay đủ ngu ngốc, tùy vào cách nhìn của bạn – để mở cánh cổng, đi qua lối đi dài, có những bụi oải hương ở hai bên chia sân trước thành hai hình tam giác, và nhìn vào trong qua cửa sổ trước. Lúc đó, tôi đã sợ sẽ bị bắt gặp đang đột nhập và không thể tập trung được gì hết. Vài giây sau, một ông già với cặp kính dày nhất mà tôi từng thấy ló ra từ ngôi nhà bên cạnh và hướng cặp mắt bị kính phóng đại lên về phía tôi. Tôi vội vàng quay lại xe trước khi ông hỏi xem tôi đang làm gì, và, sau đó, hầu như chẳng nhớ được gì về căn phòng ngoại trừ việc nó có tường trắng, ghế sofa hình chữ L màu xám với hình thêu đỏ rất cầu kỳ trên đó.

Giờ tôi đang nhìn vào chính chiếc sofa ấy, trên màn hình máy tính. Nó không xám hắc mà như màu mây bạc. Trông nó có vẻ đắt tiền, độc đáo. Tôi không thể tưởng tượng được lại có một cái sofa nào khác như vậy.

Kit thích sự độc đáo. Anh tránh những sản phẩm đại trà hết mức có thể. Tất cả những ly sứ trong bếp chúng tôi đều được làm riêng bởi một xưởng gốm ở Spilling.

Từng thứ trong căn phòng khách của nhà số 11 Bentley Grove trông như thể độc nhất vô nhị: một chiếc ghế với tay vịn khổng lồ bằng gỗ uốn cong như đáy thuyền; một chiếc bàn cà phê lạ mắt với mặt kính, và bên dưới lớp kính là kết cấu mô phỏng một tủ trưng bày có mười sáu ngăn đặt nằm. Mỗi ngăn chứa một đóa hoa nhỏ với vòng tròn đỏ ở tâm và cánh hoa xanh dương hướng

lên mặt kính.

Kit hẳn sẽ thích tất cả những thứ này. Tôi nuốt nước bọt, tự nhủ cái đó cũng chẳng chứng tỏ được gì.

Còn có một lò sưởi gạch, phía trên là một tấm bản đồ lớn được lồng khung, một tường bao ống khói, hai hốc tường giống nhau ở hai bên. Một căn phòng đối xứng, đúng kiểu phòng chuẩn của Kit. Tôi cảm thấy hơi buồn nôn.

Chúa ơi, chuyện này thật điên rồ. Có bao nhiêu phòng khách, ở suốt dọc đất nước, tuân theo cấu trúc cơ bản: lò sưởi, tường bao ống khói, hốc bên phải và bên trái? Đó là kiểu thiết kế cổ điển, lặp lại trên khắp thế giới. Nó thu hút Kit và hàng triệu triệu người khác nữa.

Đâu phải mày nhìn thấy chiếc áo khoác của anh ấy rủ trên lan can cầu thang, chiếc khăn sọc của anh ấy vắt trên lưng ghế...

Thật nhanh chóng, vì muốn hoàn thành nhiệm vụ mình đặt ra – bản thân tôi nhận thức được rằng chuyện này chỉ đang khiến tôi cảm thấy tệ đi, chứ không phải tốt hơn – tôi xem đến các căn phòng khác, phóng to những tấm hình. Sảnh và cầu thang được trải thảm màu be; lan can bằng gỗ tối màu, thấp và chắc chắn. Một căn phòng đa dụng với bình phong màu xanh da trời tương tự như cái ở phòng bếp. Đá cẩm thạch màu mật ong cho phòng tắm – sạch sẽ và phô trương xa xỉ.

Tôi nhấn vào bức hình của thứ hẳn là vườn phía sau. Nó to hơn tôi tưởng tượng rất nhiều, vì tôi chỉ mới thấy ngôi nhà từ đằng trước thôi. Tôi kéo xuống để đọc chữ bên dưới tấm ảnh và thấy khu vườn được mô tả là chỉ rộng hơn một mẫu Anh. Nó là kiểu vườn mà tôi luôn muốn có: được tô điểm bởi bộ bàn ghế, một chiếc xích đu hai chỗ ngồi có tán che, bãi cỏ rộng, cây cối ở cuối vườn, phía bên kia là cánh đồng vàng óng tươi tốt. Một cảnh đồng quê bình dị, cách trung tâm Cambridge chỉ mười phút đi bộ. Giờ tôi bắt đầu hiểu được mức giá 1,2 triệu bảng. Tôi cố không so sánh thứ mà mình đang ngắm nhìn với khu vườn của Melrose Cottage, chỉ rộng khoảng nửa cái ga-ra đơn. Nó vẫn đủ rộng để đặt một chiếc bàn sắt, bốn chiếc ghế, một vài cây trồng trong chậu sành và không nhiều thứ lắm.

Thế đấy. Tôi đã xem hết tất cả những bức ảnh, đã thấy tất cả những gì cần thấy.

Và chẳng tìm ra gì hết. Hài lòng chưa?

Tôi ngáp dài và dụi mắt. Vừa định tắt trang web Roundthehouses và quay trở lại giường thì tôi để ý một hàng nút bấm bên dưới tấm hình vườn sau: ‘Cảnh Đường Phố’, ‘Bản Vẽ Thiết Kế’, ‘Tour Ảo’. Tôi không cần xem cảnh đường Bentley Grove – tôi đã quan sát quá đủ trong sáu tháng qua – nhưng có lẽ tôi sẽ xem qua bản vẽ thiết kế của số 11, dù sao tôi cũng đã đi đến tận đây rồi. Tôi nhấn vào rồi lại click thoát ra khỏi màn hình chỉ vài giây sau khi mở. Cái này sẽ không giúp tôi biết được phòng nào ở đâu, tốt hơn tôi nên đi một vòng tour ảo. Liệu nó có khiến tôi cảm thấy như chính mình đang đi lại trong ngôi nhà, nhìn vào từng phòng không nhỉ? Tôi muốn được như vậy.

Và thế là mình sẽ hoàn toàn thỏa mãn.

Tôi nhấn nút và đợi tour được tải về. Một nút nữa xuất hiện: ‘Khởi Động Tour’. Tôi nhấn vào đó. Căn bếp hiện ra đầu tiên, tôi được thấy những gì mình đã xem trong ảnh từ trước và máy quay đảo 360 độ để tiết lộ phần còn lại của gian phòng. Một vòng nữa, rồi lại một vòng. Hiệu ứng xoay vòng làm tôi choáng váng, như thể cứ đi vòng vòng mãi không dứt. Tôi nhắm mắt lại, cảm thấy cần nghỉ ngơi một chút. Tôi thấy thật mỗi mệ. Đi cả quãng đường tới Cambridge rồi lại về trong ngày vào hầu hết các ngày thứ Sáu thật không tốt chút nào. Thứ vất kiệt sức lực không phải là những mỗi mệ về thể chất, mà là sự giấu giếm vụng trộm. Tôi cần phải bước tiếp, phải buông bỏ.

Tôi mở mắt và thấy một màu đỏ lờm. Đầu tiên tôi không hiểu mình đang nhìn thấy cái gì, và rồi... *Ôi Chúa ơi. Không thể nào. Ôi, chết tiệt, ôi Chúa ơi.* Máu. Một người đàn bà nằm sấp mặt giữa phòng, và máu, cả một bể máu tràn trên tấm thảm màu be. Một khoảnh khắc, trong cơn hoảng loạn, tôi còn tưởng như đó là máu của chính bản thân. Tôi nhìn xuống mình. Không có máu. Tất nhiên là không – đó không phải thảm của tôi, không phải nhà tôi. Đó là nhà số 11 Bentley Grove. Gian phòng khách quay vòng vòng. Lò sưởi, tấm bản đồ được lồng khung bên trên nó,

cánh cửa dẫn ra sảnh...

Người đàn bà đã chết, úp mặt xuống cả một biển đỏ rực. Như thể tất cả máu trong cơ thể cô ta đã bị rút cạn ra, đến từng giọt một...

Tôi kêu lên một tiếng gần như là tiếng hét. Tôi cố gọi tên Kit, nhưng vô dụng. Điện thoại của tôi đâu rồi? Không có trên kệ. Chiếc BlackBerry của tôi đâu? Tôi có nên gọi số 999 không? Thở hồng hộc, tôi vươn tay tìm một thứ gì đó, dù không chắc là gì. Tôi không thể rời mắt khỏi màn hình. Máu đang xoay vòng, người đàn bà cũng chậm chậm xoay vòng. *Cô ta hẳn đã chết rồi, đó hẳn là máu cô ta. Vững máu đó, phía ngoài vẫn còn đỏ, nhưng ở giữa gần như chuyển sang đen. Đỏ-đen, đặc như hắc ín. Dừng xoay vòng lại đi.*

Tôi đứng lên, hất đổ ghế. Nó rơi xuống sàn một cái rầm. Tôi lùi lại khỏi cái bàn, lòng chỉ muốn chạy trốn. Ra khỏi đây! Ra khỏi đây! Một giọng nói trong đầu tôi gào thét. Tôi vấp ngã sai hướng, cách xa cánh cửa. Đừng nhìn. Đừng nhìn nữa. Tôi không thể ngăn nổi mình. Lưng tôi đụng vào tường, có vật gì cứng ấn vào da mình. Tôi nghe tiếng vỗ, chân dẫm lên thứ gì kêu răng rắc. Cơn đau nhói lên ở lòng bàn chân. Tôi nhìn xuống và thấy những mảnh kính vỡ. Máu. Lần này là của tôi.

Bằng cách nào đó, tôi lê được mình ra khỏi phòng và đóng cửa lại. Tốt hơn rồi, giờ cần một thứ gì đó chắn giữa tôi và nó. *Kit.* Tôi cần Kit. Tôi vào phòng ngủ của chúng tôi, bật đèn lên và nước mắt bắt đầu rơi. Sao anh ấy dám ngủ kia chứ? “Kit!”

Anh rên rỉ. Chớp mắt. “Tắt đèn đi,” anh lầm bầm, chuệnh choạng vì ngái ngủ “Chuyện quái gì thế? Mấy giờ rồi?”

Tôi đứng đó khóc, bàn chân lấm máu xuống tấm thảm trắng.

“Con?” Kit bật ngồi thẳng dậy và dụi mắt. “Làm sao thế? Có chuyện gì xảy ra vậy?”

“Cô ta chết rồi.” Tôi bảo anh.

“Ai chết cơ?” Anh bắt đầu cảnh giác. Anh với lấy chiếc kính dưới gầm giường, đeo lên mắt.

“Em không biết! Một người phụ nữ.” Tôi nức nở. “Trên máy

tính.”

“Người phụ nữ nào? Em đang nói về cái gì vậy?” Anh hất chân sang một bên, rời khỏi giường. “Em... em đã làm gì chân mình thế? Chúng chảy máu rồi kìa.”

“Em không biết nữa.” Đó là câu trả lời tốt nhất tôi có thể thốt ra. “Em đã làm một...” Tôi gặp khó khăn khi vừa thở vừa nói.

“Hãy nói với anh là mọi người vẫn ổn. Chị em, Benji...”

“Gì cơ?” Chị tôi? “Không liên quan gì đến họ cả, là một người phụ nữ. Em không nhìn thấy mặt cô ta.”

“Em trắng bệch ra rồi, Con. Em gặp ác mộng à?”

“Trên laptop của em. Cô ta đang ở đó.” Tôi nức nở. “Cô ta chết rồi. Chắc là thế. Chúng ta nên gọi cảnh sát.”

“Em yêu, không có người chết nào trên laptop của em hết,” Kit nói. Tôi nghe thấy sự mất kiên nhẫn ẩn dưới lời cam đoan. “Em mơ thấy ác mộng thôi.”

“Đi mà xem!” Tôi hét vào mặt anh. “Đó không phải là mơ. Anh vào đó rồi tự đi mà xem!”

Anh cúi xuống nhìn vào bàn chân tôi một lần nữa, nhìn vào vết máu dọc trên thảm và sàn nhà – một đường kéo dài những chấm đỏ dẫn tới cửa phòng ngủ. “Có chuyện gì xảy ra với em vậy?” Anh hỏi. Tôi thắc mắc không biết trông mình tội lỗi thế nào. “Chuyện gì đang diễn ra?” Âm điệu lo âu đã biến mất, giọng anh cứng lạnh đầy nghi ngờ. Không chờ nghe câu trả lời của tôi, anh tiến tới phòng trống.

“Không!” Tôi buột miệng.

Anh dừng lại ở đầu cầu thang. Quay lại. “Không? Anh tưởng em muốn anh nhìn vào máy tính của em.” Tôi đã làm anh tức giận. Bất cứ thứ gì phá rối giấc ngủ đều làm anh tức tối.

Tôi không thể để anh vào đó cho tới khi tôi đưa ra được lời giải thích, hoặc đã cố gắng giải thích. “Em làm một tour ảo xem nhà số 11 Bentley Grove,” tôi nói.

“Cái gì? Ôi trời đất, Connie.”

“Hãy nghe em nói. Chỉ nghe thôi, được không? Nó đang rao

bán, số 11 Bentley Grove đang được rao bán.”

“Làm sao mà em biết chuyện đó?”

“Em... chỉ là em biết thế, được chứ?” Tôi lau nước mắt. Nếu đang bị tấn công, tôi không được phép khóc. Tôi phải tập trung vào việc bảo vệ bản thân.

“Chuyện chỉ là... Connie, chuyện cứ loạn hết lên, anh không biết chỗ nào để...” Kit đi vượt qua tôi, cố quay lại giường ngủ.

Tôi tóm lấy cánh tay ngăn anh lại. “Tức giận gì để sau, nhưng trước tiên hãy nghe em. Được không? Đó là tất cả những gì em yêu cầu.”

Anh rũ tay tôi ra. Tôi ghét cái cách anh đang nhìn chăm chăm vào tôi.

Mày trông chờ anh ấy sẽ làm gì?

“Anh đang nghe đây,” anh nói một cách bình thản. “Anh đã nghe em nói về số 11 Bentley Grove suốt sáu tháng qua. Khi nào thì chuyện này sẽ kết thúc?”

“Nó đang được rao bán,” tôi nói, cố gắng bình tĩnh hết mức có thể. “Em tìm nó trên Roundthehouses, một trang web về bất động sản.”

“Lúc nào?”

“Bây giờ đây, chỉ... vừa nãy.”

“Em đợi đến khi anh ngủ?” Kit lắc lắc đầu phản nộ.

“Có một tour ảo, và em... em nghĩ em sẽ...” Tốt hơn là tôi không nói cho anh biết lúc đó tôi nghĩ gì. Không phải là anh không đoán ra được. “Có một người phụ nữ, trong phòng khách, úp mặt xuống sàn, máu chảy lênh láng quanh cô ta, cả một bể máu...” Mô tả cảnh đó ra làm tôi cảm thấy sắp nôn đến nơi.

Kit lùi lại một bước, nhìn tôi như thể anh chưa gặp tôi bao giờ. “Đầu đuôi câu chuyện là như thế này: em truy cập trang Roundthehouses, đi một vòng tour ảo xem nhà số 11 Bentley Grove, ngôi nhà mà em vô tình biết là đang rao bán, và thấy một người phụ nữ chết trong một căn phòng?”

“Trong phòng khách.”

Anh cười. “Sáng tạo thật đấy, dù đấy có là em đi nữa.”

“Nó vẫn còn trên màn hình,” tôi bảo anh. “Đi mà xem nếu anh không tin em.” Tôi run rẩy, đột nhiên cảm thấy cóng lạnh.

Anh sẽ từ chối. Anh sẽ lờ đi những gì tôi vừa kể và quay lại giường ngủ, để trừng phạt tôi, và bởi chuyện đó không đời nào là sự thật được. Không thể có xác một người phụ nữ nằm trên một biển máu ở trang web Roundthehouses.

Kit thở dài. “Thôi được rồi,” anh nói. “Anh sẽ đi và xem. Hiển nhiên là anh cũng ngu ngốc đúng như những gì em nghĩ về anh.”

“Em không bịa chuyện!” Tôi gào lên sau lưng anh. Tôi muốn đi theo anh, nhưng cơ thể tôi bất động. Anh ấy sắp thấy thú tôi vừa thấy. Tôi không thể nào chịu đựng được sự chờ đợi, khi biết rằng nó sẽ xảy ra.

“Tuyệt,” tôi nghe Kit tự nói với mình. Hay là anh đang nói với tôi. “Lâu nay mình đã luôn muốn được nhìn vào máy rửa bát nhà người lạ lúc nửa đêm.”

Máy rửa bát. Tour hẩn là được lặp lại. Khi tôi không có ở đó, nó đã bắt đầu lại từ đầu. “Cái tủ bàn bếp bắt buộc,” Kit càu nhàu. “Sao mọi người cứ phải có nó thế không biết?”

“Phòng khách xuất hiện ngay sau gian bếp,” tôi bảo anh. Tôi ép mình đi đến chân cầu thang, đó là mức gần nhất tôi sẵn sàng tiến tới. Tôi không thể thở nổi. Tôi ghét cái ý nghĩ Kit sắp sửa thấy thú tôi vừa thấy – không một ai nên thấy cả. Nó quá khủng khiếp. Nhưng đồng thời, tôi cũng cần anh để...

Để làm gì? Xác nhận rằng đó là thật, rằng mày không tưởng tượng ra chuyện đó?

Tôi không tự nhiên tưởng tượng ra cái gì. Tôi không hề. Đôi khi tôi lo lắng về những điều mà có lẽ không cần phải lo, nhưng đó là chuyện khác. Tôi biết cái gì thật và cái gì không. Tên tôi là Catriona Louise Bowskill. Đúng. Tôi ba mươi tư tuổi. Đúng. Tôi sống ở Melrose Cottage tại Little Holling, Silsford, cùng với chồng tôi Christian, nhưng anh luôn được biết đến với cái tên Kit, cũng như tôi luôn được gọi là Connie. Chúng tôi điều hành

công việc kinh doanh riêng – công ty có tên Nulli Secundus. Chúng tôi là những tư vấn viên về quản trị dữ liệu, hay đúng hơn, Kit là nhà tư vấn. Chức vụ chính thức của tôi là Giám đốc Kinh doanh và Tài chính. Kit làm việc toàn thời gian cho Nulli. Tôi làm bán thời gian: ba ngày một tuần. Vào các ngày thứ Ba và thứ Năm, tôi làm cho công ty của bố mẹ, Trang thiết bị Cao cấp Monk & Sons. Ở đó tôi có một chức vụ nghe lỗi thời hơn: kế toán viên. Bố mẹ tôi tên là Geoff và Val Monk. Họ sống ở cuối phố. Tôi có một em gái, Fran, năm nay ba mươi hai tuổi. Em ấy cũng làm việc cho Monk & Sons, điều hành bộ phận về kinh doanh rèm và màn che. Chồng em ấy là Anton và họ có một cậu con trai năm tuổi, Benji. Tất cả những điều trên đều là sự thật, và cũng là sự thật – theo cách y hệt như vậy – khi chỉ chưa đầy mười phút trước, tôi làm một tour ảo tham quan ngôi nhà số 11 Bentley Grove Cambridge và thấy xác một người phụ nữ nằm trên tấm thảm đầm máu.

“Bingo: phòng khách đây rồi,” tôi nghe Kit nói. Âm điệu của anh làm tôi buốt lạnh dọc sống lưng. Làm sao mà giọng anh nghe có thể cợt nhả như thế được, trù phi...

“Khéo chọn bàn cà phê thật đấy. Anh sẽ nói là cố gắng hơi quá rồi. Không có xác phụ nữ, không máu me.”

Cái gì? Anh đang nói gì vậy? Anh sai rồi. Tôi biết mình đã thấy gì.

Tôi đẩy cửa ra và ép mình bước vào phòng. Không. *Không thể thế được*. Gian phòng khách của số 11 Bentley Grove chậm chậm xoay vòng trên màn hình, nhưng chẳng có thi thể nào cả – không có người phụ nữ nào nằm sấp mặt, không một biển đỏ. Chiếc thảm vẫn màu be. Tiến lại gần hơn, tôi nhìn thấy có một vết mờ ở một góc thảm, nhưng... “Không có ở đây,” tôi nói.

Kit đứng dậy. “Anh sẽ quay lại giường,” anh nói, giọng anh cứng lại vì giận dữ.

“Nhưng... sao nó có thể biến mất được?”

“Đừng.” Anh giơ nắm đấm lên, nện vào tường. “Chúng ta sẽ không nói về chuyện này ngay bây giờ. Anh có ý này hay hơn:

đừng bao giờ nói về chuyện này. Hãy giả vờ là nó chưa từng xảy ra.”

“Kit...”

“Anh không thể tiếp tục thế này được, Con. Chúng ta không thể tiếp tục thế này được.”

Kit gạt tôi sang một bên. Tôi nghe tiếng cánh cửa phòng ngủ của chúng tôi đóng sầm lại. Quá sốc đến mức không khóc nổi, tôi ngồi xuống chiếc ghế vẫn còn hơi ấm từ Kit và thần thờ nhìn vào màn hình. Khi phòng khách biến mất, tôi lại chờ nó quay trở lại, phòng khi thi thể người phụ nữ và vũng máu lại xuất hiện. Nó có vẻ bất khả thi, nhưng những chuyện xảy ra từ nãy tới giờ đã là bất khả thi lắm rồi và sự thực là nó vẫn xảy ra.

Tôi ngồi xem lại tour của nhà số 11 Bentley Grove bốn lần. Mỗi lần hình ảnh gian bếp mờ dần, tôi lại nín thở. Lần nào phòng khách hiện lại, nó cũng sạch tinh, chẳng có xác người nào hay máu trong đó. Cuối cùng, vì chẳng biết làm gì khác nữa, tôi đành nhấn vào nút ‘x’ trên góc phải màn hình, tắt tour đi.

Không thể thế được.

Một lần cuối cùng, bắt đầu lại từ đầu. Tôi nhấn vào biểu tượng Internet Explorer, quay lại trang Roundthehouses, làm lại các bước: tìm lại ngôi nhà 11 Bentley Grove, nhấn vào nút xem tour ảo một lần nữa, ngồi và xem. Chẳng có người đàn bà nào. Chẳng có máu. Kit vẫn đúng. Tôi vẫn sai.

Tôi đập máy tính xuống. Tôi nên dọn dẹp những mảnh thủy tinh vỡ, cùng những vết máu có thật trên tấm thảm của chính mình. Tôi nhìn xuống giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Nulli, nằm trên sàn, trong chiếc khung đã vỡ tan tành. Trong cơn hoảng loạn vì nhìn thấy cảnh người chết, chắc là tôi đã xô nó rơi khỏi tường. Kit sẽ giận lắm. *Như thế anh ấy còn chưa đủ chuyện để tức giận.*

Đóng khung lại một tờ giấy chứng nhận – đơn giản. Quyết định xem phải làm gì với cái xác biến mất mà rất có thể là bạn đã tưởng tượng ra ngay từ đầu – không đơn giản thế.

Theo như tôi thấy, tôi có hai sự lựa chọn. Tôi có thể cố quên

chuyện này đi, tự thuyết phục bản thân tin rằng cảnh tượng kinh hoàng mà mình đã thấy chỉ là sản phẩm của trí tưởng tượng. Hoặc tôi có thể gọi cho Simon Waterhouse.

TANG VẬT SỐ: CB 13345/432/19IG

TRƯỜNG TIỂU HỌC CAVENDISH LODGE

TẬP SAN SỐ 581

Thứ Hai ngày 19 tháng 10 năm 2009

Cảm Xúc Mùa Thu từ học sinh lớp cô Kennedy

Những hạt dẻ ngựa...

Mượt như lụa,

Mềm như nhung

và mang sắc nâu trầm

Và đỏ sậm phía bên ngoài.

Những chiếc vỏ sáng bóng
giòn tan

mát lạnh như kem.

Em yêu mùa thu

Hạt dẻ ngựa rụng xuống vào mùa thu.

Em yêu hạt dẻ ngựa RẤT nhiều!

Riordan Gilpatrick sáng tác

Những hạt dẻ ngựa

Chúng rơi khỏi cây

Trúng xuống đầu cậu.

Cậu có thể buộc bằng dây

Chơi đánh trận với chúng

Cậu có thể nhặt nhanh chúng về

Và đặt lên trên giá

Xanh – nâu – cam – đỏ,
đó là sắc màu của...

Hạt dẻ ngựa!

Emily Sabine sáng tác

Hai em rất giỏi – các em đã thực sự mang mùa thu đến với tâm trí của tất cả chúng ta.

Cảm ơn các em!



Thứ Bảy, ngày 17-07-2010

Tay cảnh sát Chris Gibbs sẵn sàng cá xem liệu Olivia có thuyết phục được người phục vụ mang cho họ một ly đồ uống nữa, sau khi quầy bar khách sạn đã chính thức đóng cửa một lúc lâu. Mừng là anh đã sai.

“Chỉ một chén tí xíu nữa thôi cho ấm nhé,” cô ta thở ra, như thể đang nhả ra một bí mật nào đó. Cô ta lấy cái giọng đó từ đâu ra vậy? Không thể nào là chất giọng tự nhiên được. Chẳng có gì về cô ta có vẻ tự nhiên hết.

“Ừm, có lẽ cũng không hẳn là tí xíu,” Olivia nhanh chóng sửa lại, ngay khi cô ta bảo đảm được sự đồng thuận trên nguyên tắc. “Một ly Laphroaig đúp cho Chrissy đây và một Baileys đúp cho tôi, vì chúng tôi đang ăn mừng.”

Gibbs căng thẳng. Chưa từng có ai gọi anh ta là ‘Chrissy’ cả. Anh cầu cho việc đó không xảy ra thêm lần nữa, nhưng cũng không muốn gây chuyện. Chết tiệt. Liệu người tiếp tân có nghĩ anh tự gọi mình là Chrissy không? Anh hy vọng rằng vẻ ngoài của mình thể hiện rõ ràng là anh không hề và sẽ không bao giờ làm vậy.

Olivia nằm ườn xuống quầy bar trong khi chờ đợi, để lộ nhiều hơn nữa những đường cong đẳng cấp thế giới của mình. Gibbs để ý thấy anh tiếp tân kia đưa mắt liếc qua trong khi giả vờ mình không nhìn. Lúc nào cánh đàn ông chả làm thế, chỉ là họ không được điều luyện như Gibbs, theo quan điểm không-được-khiêm-tốn lắm của anh.

“Không đá nữa nhé,” Olivia nói. “Ồ, và bất cứ thứ gì mà anh đang uống, hẳn rồi – làm sao quên anh được! Một ly đúp món gì đấy thật ngon lành và nặng đô cho anh!”

Gibbs mừng là cô ta đã say lắm rồi. Tỉnh táo như vừa nãy, cô ta có hơi khó đỡ so với anh, nhưng anh biết cách giải quyết những người say xỉn, anh đã bắt giữ đủ bọm nhậu rồi. Phải thừa nhận là, hầu hết trong số đó không có ai mặc chiếc váy màu vàng kim có hình dạng kỳ lạ với giá hai ngàn bảng, theo như lời Olivia. Anh sững lại, tỏ ra không tin và cô ta cười cợt phản ứng của anh.

“Cô thật là tốt bụng, thưa cô, nhưng tôi thế này là được rồi, cảm ơn cô,” người tiếp tân nói.

“Tôi nói là không đá à? Tôi không nhớ nổi là mình đã nói ra hay chỉ mới nghĩ đến. Chuyện đấy lúc nào cũng xảy ra với tôi. Không ai trong chúng ta thích đá cả, phải không?” Olivia quay về phía Gibbs và rồi, trước khi anh có cơ hội trả lời, cô ta quay lại nói với người tiếp tân. “Chúng tôi không biết là mình có bất kỳ điểm chung nào không – ý tôi là, nhìn chúng tôi xem! Quá khác nhau! – nhưng rồi hóa ra cả hai đều ghét đá.”

“Nhiều người cũng như vậy,” người tiếp tân nói và mỉm cười. Có lẽ chẳng điều gì làm anh ta thích thú hơn là thức suốt đêm, ăn vận theo kiểu quần gia từ những năm 1920, phục vụ đồ uống cho một người phụ nữ ăn diện sang trọng nhưng ồn ào, cùng một tay cầm không lấy gì làm thân thiện đã uống quá chén. “Và nhiều người thì không.”

Đưa đồ uống đây và miễn cho chúng tôi cái trò soi mói chán ngắt đó đi. Gibbs chộp lấy ly Laphroaig và đang trên đường quay lại bàn mình thì nghe thấy Olivia nói, “Anh không định hỏi xem chúng tôi đang ăn mừng cái gì à?” Anh không biết liệu mặc kệ cô ta như vậy có bất lịch sự không, liệu mình có nên quay lại chỗ cô ta và hưởng ứng không, và mất không đến một giây để quyết định rằng anh không quan tâm. Nếu cô ta và một bản sao của Jeeves muốn làm đối phương chán muốn chết, đó là chuyện của họ. Gibbs đã lấy được đồ uống, thêm một ly mà anh tưởng mình sẽ không kiếm được, đó là tất cả những gì anh muốn.

“Chúng tôi đã tới một đám cưới hôm nay và đoán xem?” Giọng Olivia om sòm sau lưng anh. “Không có ai ở đó nữa! Ý tôi là ngoài cô dâu và chú rể. Em gái Charlie của tôi là cô dâu. Chris

cùng tôi là hai nhân chứng và là những vị khách duy nhất!”

Không còn ‘Chrissy’ nữa. Cảm ơn Chúa.

“Mỗi người chọn một,” Olivia tiếp tục. “Charlie chọn tôi và Simon chọn... Xin lỗi, tôi đã nhắc đến Simon chưa nhỉ? Cậu ấy là chồng của em tôi – từ hôm nay! Simon Waterhouse. Chú rể.” Cô ta nói như thể người tiếp tân cần phải biết tên anh ta vậy.

Gibbs cảm thấy có chút khó chịu, có lẽ là bởi anh thấy mình bị đả kích, vì cô ta không chịu nói cho hết câu: và *Simon chọn Chris*. Chuyện đó quá rõ ràng rồi, dù cô ta chưa nói ra. Nếu mỗi người họ chọn một nhân chứng, và Charlie đã chọn Olivia, thì Waterhouse hẳn phải chọn Gibbs. Người tiếp tân không cần biết chuyện đó. Sự thực là như vậy dù anh ta có biết hay không.

Ngày hôm qua, trước khi khởi hành tới Torquay, Gibbs đã hỏi Debbie, vợ mình, rằng tại sao Waterhouse lại chọn anh. “Tại sao lại không phải anh?” nàng trả lời mà không rời mắt khỏi chiếc áo đang ủi, rõ ràng nàng không có hứng thú gì với việc bàn luận về chuyện đó. Trong đầu nàng chẳng còn chỗ cho bất kỳ chuyện gì khác, ngoại trừ tình hình thụ tinh nhân tạo của bản thân lúc bấy giờ. Nàng vừa đi truyền phôi hôm thứ Ba – hai phôi đã được cấy, hai mẫu phôi khỏe mạnh nhất. Gibbs cầu Chúa là đừng để anh có hai đứa con sinh đôi. Một đã là...

Đủ tệ rồi? Không, không tệ, chính xác là vậy. Là khó khăn mới đúng. Và nếu phôi không nhận, nếu Debbie vẫn không mang thai sau tất cả những khổ sở mà họ phải trải qua, sau tất cả số tiền họ phải bỏ ra, thì mọi thứ sẽ còn khó khăn hơn nữa. Điều tồi tệ nhất là những cuộc đối thoại liên tu bất tận về việc thiếu thốn con cái, Gibbs đã quá ngán ngấm nhưng anh không được phép nói ra. Anh cóc thềm quan tâm nữa. Anh từng đồng ý rằng có một đứa bé là ý hay khi anh tưởng rằng việc đó sẽ đơn giản thôi. Nhưng nếu nó không đơn giản, nếu nó trở thành một cơn ác mộng không bao giờ chấm dứt, như hiện thực đã chứng minh, thì sao anh phải bận tâm? Có gì đặc biệt trong gen của Debbie hay của anh đến mức mà hai người phải truyền lại cho thế hệ sau cơ chứ?

Olivia thả mình xuống cạnh anh. “Anh ấy để lại mấy chai trên

quầy bar, phòng khi chúng ta muốn rót tiếp, và nói ta có thể trả tiền vào buổi sáng. Thật là một anh chàng dễ thương!”

Trước đó, Gibbs đã ước cô ta ngừng nói chuyện như liên thanh và hạ giọng mình xuống. Giờ đây, khi chỉ còn hai người, chuyện đó cũng không phiền lắm. Nhạc đã ngừng từ hơn một tiếng trước. Những ngọn nến treo tường đã được tắt đi cùng lúc và những chiếc đèn treo trên trần được bật lên. Cảm giác như thể quầy bar của khách sạn đã bước sang buổi sáng ngày hôm sau, dù, như Gibbs nhận thấy, giờ vẫn còn là đêm của hôm trước.

“Vậy, cô có định kể cho tôi nghe không nào?” anh hỏi

“Kể gì cơ?”

“Họ ở đâu, Waterhouse và Charlie?” Nếu Olivia đã biết, Gibbs đoán ra được, thì anh cũng có quyền được biết. Với tư cách nhân chứng như nhau, họ phải có quyền nắm bắt thông tin liên quan tương tự nhau.

“Nếu tôi không chịu nói với anh lúc mười giờ, hay mười một giờ, hay nửa đêm, hay một giờ, thì tại sao tôi lại nói với anh bây giờ chứ?”

“Cô đã uống nhiều hơn. Hàng rào phòng thủ của cô hạ xuống rồi.”

Olivia nhướn mày lên và bật cười. “Tôi không bao giờ hạ hàng rào phòng thủ xuống cả. Trông nó càng có vẻ thấp, sự thực nó lại càng cao đấy. Nếu anh hiểu tôi nói gì.” Cô ngả người về phía trước. Báo động đường cong. “Sao anh lại gọi cậu ấy là Waterhouse?”

“Đó là tên anh ta mà.”

“Sao anh không gọi là Simon?”

“Tôi chẳng biết nữa. Bọn tôi gọi nhau bằng họ: Gibbs, Waterhouse, Sellers. Cả bọn đều thế.

“Sam Kombothekra thì không,” Olivia nói. “Anh ta gọi anh là Chris – tôi đã nghe thấy. Anh ta gọi Simon là Simon. Và Simon gọi anh ta là Sam, nhưng anh không thể – anh vẫn gọi anh ta là Stepford. Đó là biệt danh từ đầu anh đặt cho anh ta và anh luôn

dính lấy nó.” Cặp mắt cô ta nheo lại. “Anh sợ sự thay đổi.”

Gibbs tự hỏi chuyện gì đã xảy ra với cô nàng đầu đất say khướt mà anh ngồi uống rượu cùng vài phút trước. Rõ ràng cô ta không hề say như anh tưởng. “Đây là một biệt danh hay,” anh bảo cô ta. “Anh ấy sẽ luôn là Stepford đối với tôi.” Anh sẽ đi ngủ sau khi uống xong ly này, dù có hay không còn chai rượu nào trên quầy bar. Một người phụ nữ như Olivia Zailer nhiều khả năng sẽ chẳng quan tâm tới bất cứ thứ gì anh định nói. Nhận thức được điều đó khiến anh cảm thấy khó nói chuyện với cô ta.

“Anh không ngạc nhiên là tôi biết ai gọi ai như thế nào, và tôi thậm chí còn không làm việc với anh?”

“Tôi không ngạc nhiên lắm.”

“Hừm.” Cô ta có vẻ không vừa lòng. “Anh nghĩ tại sao Simon chọn anh mà không phải Sam? Vào vai trò người làm chứng.”

Gibbs cẩn thận cố không lộ ra mặt rằng điều đó khiến anh để tâm. “Tôi chịu,” anh đáp.

“Tất nhiên là cậu ấy không chọn Colin Sellers, một anh chàng ngoại tình tận tâm,” Olivia nói. “Simon nghĩ sự tham gia của một kẻ gian dân hạ cấp như vậy vào buổi lễ sẽ thật là xúi quẩy cho cuộc hôn nhân của cậu ấy và Charlie.”

“Thật vớ vẩn,” Gibbs nói. “Sellers làm gì là việc của anh ta.” Bộ phim Kẻ thông dân, do thanh tra Colin Sellers thủ vai chính. Thanh tra Colin Sellers sẽ trở lại màn ảnh với Kẻ thông dân phần 2. Gibbs cười. Một thế giới hoàn toàn mới của những khả năng nực cười vừa mở ra. Anh ước mình đã tự nghĩ ra chuyện này sớm hơn.

“Với Colin bị loại khỏi đội hình, sự lựa chọn mà Simon có là anh hoặc Sam,” Olivia nói. “Lúc đầu, tôi tự hỏi liệu có phải cậu ấy không muốn chọn Sam vì Sam lắm lời hay không. Cậu ấy biết mình và Charlie sẽ lên máy bay và rời đi vào giữa buổi tối, bỏ lại chúng tôi một mình – tôi và người làm chứng còn lại. Simon ghét cái viễn cảnh Sam và tôi ngồi lê đôi mách về cậu ấy.”

“Stepford không phải người ngồi lê đôi mách,” Gibbs nói.

“Có lẽ thường thì không, nhưng anh ta hẳn sẽ tám chuyện với

tôi, nhất là sau khi đã làm vài ly. Và anh ta sẽ tự nhủ rằng mình không hề buồn đưa lê, chỉ đang bàn luận thôi, anh biết con người ta thế nào rồi đó.”

“Cô cho là tôi được chọn là vì tôi không tám chuyện?”

“Tám chuyện?” Olivia nén cười. “Anh hầu như chẳng nói năng gì bao giờ. Anh cố gắng nói càng ít càng tốt. Dù sao thì, không, đó chỉ là giả thuyết đầu tiên của tôi mà thôi.” Cô ta nhấm nháp ly rượu của mình. “Giả thuyết thứ hai là Simon hát Sam ra một bên vì địa vị cao hơn hẳn của anh ta – nhờ đội trưởng của mình vào vị trí người làm chứng tại đám cưới trông có vẻ như mình đang nịnh bợ ghê lắm, mặc dù không phải vậy – Simon là người ít nịnh bợ nhất tôi từng biết và cậu ấy rất ghét khi có ai nghĩ ngược lại.”

Vậy Sellers có tên trong danh sách nhưng không được duyệt, Stepford cũng thế. Để lại duy nhất mình Gibbs.

“Và rồi tôi quyết định rằng – giả thuyết thứ ba của tôi – là Simon chọn anh bởi cậu ấy dành cho anh nhiều sự tôn trọng hơn là Sam, kể cả khi cậu ấy nghĩ Sam tốt bụng hơn. Cậu ấy cho rằng anh thông minh hơn. Hoặc giống cậu ấy hơn, có thể. Anh là một câu đố bí ẩn, trong khi Sam là một cuốn sách mở.”

Gibbs không thể hiểu vì sao cô ta lại quan tâm. Cô có vẻ suy nghĩ về nó nhiều như anh vậy, và còn suy luận xa hơn cả anh: ba câu trả lời trong khi anh chẳng có cái nào.

“Tôi không thể chịu được sự phân vân, nên tôi đã bắt Charlie hỏi cậu ấy,” cô ta nói.

Bàn tay Gibbs nắm chặt lấy chiếc cốc. “Và?”

“Simon bảo là cậu ấy thấy gần gũi với anh hơn là với Colin hay Sam.” Olivia cười. “Tôi thấy nó thật là buồn cười, vì tôi dám cá rằng hai người chưa bao giờ có bất kỳ cuộc trò chuyện nào mà không liên quan đến công việc.”

“Đúng là như vậy,” Gibbs xác nhận. Anh dốc cạn những gì còn lại trong ly và đi rót thêm cho mình một ly nữa, không muốn để ý hay suy nghĩ về tâm trạng đột ngột được cải thiện của bản thân. “Nếu cô thích buôn chuyện đến thế, sao cô không kể cho

tôi nghe cặp chim câu ở đâu rồi?” Anh nói. “Tôi không có ý định để lộ cho mẹ của Waterhouse biết đâu.”

Gibbs mới gặp bà Kathleen Waterhouse chỉ một lần, tại buổi tiệc đính hôn. Bà có vẻ khiêm nhường và nhút nhát – một kiểu người lẩn-vào-đám-đông. Gibbs không thể hiểu tại sao bà lại không được phép tham dự đám cưới con trai mình, tại sao bà nhất thiết không được biết anh ta sẽ đi nghỉ trăng mật ở đâu.

“Tôi sẵn lòng trả lời bất kỳ câu hỏi nào trừ câu đó.” Olivia nghe có vẻ hối lỗi. “Xin lỗi, nhưng Charlie đã bắt tôi thề rồi.”

“Tôi không định hỏi bất kỳ câu nào khác. Đây là câu tôi đang hỏi, và tôi sẽ vẫn tiếp tục hỏi. Dù tôi cho là mình biết họ ở đâu. Không cần phải là thiên tài mới đoán được.”

“Anh không thể nào biết được, trừ phi anh có siêu năng lực.” Olivia trông có vẻ lo lắng.

“Cô nhắc đến việc họ ‘lên máy bay’ trước đây để tôi không đánh hơi được. Họ chẳng bay đi đâu hết, phải không? Họ vẫn ở đây.” Gibbs nhe răng cười, lấy làm thỏa mãn với giả thuyết của mình.

“Ở đây? Ý anh là ở Torquay?”

“Tại đây: khách sạn Blue Horizon – nơi cuối cùng tôi có thể nghĩ là họ sẽ đến, sau khi làm một màn ra đi hết sức hoành tráng vài tiếng trước.”

Olivia đảo mắt với một vẻ chế nhạo giả tạo. Hoặc cũng có thể là thật. “Họ không ở đây, và đây không phải khách sạn Blue Horizon,” cô nói. “Đây là Blue Horizon.”

Cô ta đang giỡn à? “Đây là cái tôi vừa nói mà.”

“Không, anh vừa gọi đây là khách sạn Blue Horizon.”

“Nó có tên Blue Horizon, nó là một cái khách sạn,” Gibbs mất kiên nhẫn. “Vì thế nó được gọi là khách sạn Blue Horizon.”

“Không phải thế.” Olivia nhìn anh dò xét như thể anh từ hành tinh khác đến. “Blue Horizon là tên của một doanh nghiệp hàng đầu, là nơi này. Còn nếu gọi là khách sạn Blue Horizon thì nó sẽ thành một cái nhà trọ tồi tàn bên bờ biển.”

“Phải rồi. Tôi đoán là tôi quá thấp kém nên không nhận thức được sự khác nhau.”

“Không, ý tôi không phải... ôi Chúa ơi, tôi ngu ngốc quá! Tôi đã làm anh phật ý và anh sẽ lại im lặng, ngay khi tôi vừa làm anh thoải mái hơn.”

“Tôi sắp phải lên phòng đánh một giấc,” Gibbs nói. “Tôi không thể nghe cô nói thêm nữa. Cô như một tờ họa báo tặng miễn phí hôm Chủ nhật – đủ các thể loại nhảm nhí.”

Mắt Olivia mở to. Cô ta nhìn chăm chăm anh trong im lặng.

Chết tiệt. Một cách xuất sắc để kết thúc một ngày.

“Nghe này, tôi không có ý...”

“Thôi được rồi. Có lẽ tôi đáng bị như vậy,” Olivia nhanh nhẩu. “Thường thôi – người chẳng mấy khi mở miệng cuối cùng cũng thốt ra điều gì đó, và hóa ra đó là điều rất kinh khủng về tôi mà tôi phải gánh lấy và cảm thấy tồi tệ về bản thân mình trong suốt một năm tiếp theo.”

“Tôi không có ý gì xấu cả.” Gibbs nói. “Đó chỉ là một lời nhận xét.”

“Anh muốn biết Simon và Charlie ở đâu? Tốt thôi. Tôi có thể làm tốt hơn là nói suông – tôi có thể cho anh xem ảnh biệt thự của họ.” Olivia rút điện thoại của mình ra khỏi túi xách và bắt đầu nhấn nút. Cô ta đang mong Gibbs nói, “Thôi, quên đi, chuyện đó chẳng quan trọng?” Nếu thật thế, cô ta hẳn sẽ thất vọng lắm. Nếu từ trước đến giờ anh đã muốn biết, tại sao lúc này lại đổi ý, chỉ vì cô ta giận dỗi và bực bội với anh?

Sau vài giây ấn ngón tay loạn lên, Olivia chìa điện thoại của mình trước mặt anh. “Của anh đây, Los Delfines – biệt thự trắng mát.”

Gibbs nhìn vào tấm hình nhỏ chụp một tòa nhà, cao hai tầng, trông như kiểu được thiết kế cho hai chục người ở. Hầu hết các cửa sổ đều có ban công. Sân vườn tiểu cảnh, một quầy bar ngoài trời và khu làm đồ nướng BBQ, một bể bơi trông đủ to để tổ chức Thế vận hội, tất cả đều sáng lấp lánh dưới nắng.

“Tây Ban Nha?” Gibbs đoán.

“Puerto Banus. Gần Marbella.”

“Tất cả những thứ này chỉ dành cho hai người bọn họ? Không tôi.”

“Tránh xa khỏi những chuyện không vui vẻ,” Olivia nói. Giọng cô vẫn có vẻ bức bối. “Giá tận mười lăm nghìn bảng. Ai mà không cảm thấy sung sướng khi ở một nơi như vậy, phải không?”

“Làm gì có chuyện không vui vẻ? Họ đang trong tuần trăng mật kia mà.”

Gibbs không nghĩ cô ta sẽ trả lời. Và rồi cô bảo, “Trong nhiều năm trời, nỗi uất ức thường trực của em ấy là không có được Simon, hiểu theo bất kỳ và tất cả mọi nghĩa. Giờ họ kết hôn rồi, em ấy đã có được Simon. Đôi lúc, khi đã nắm được thứ gì trong tay rồi, anh sẽ không còn ham muốn nó nữa.”

“Đôi lúc người ta ngừng trước cả khi người ta có được nó,” Gibbs nói.

“Anh có thể không? Tôi thì không.”

“Cô gọi đó là gì nhỉ? Nỗi uất ức thường trực của vợ tôi, Debbie, là không thể có một đứa con. Tôi đã ngừng muốn có con.”

“Cô ấy đã ngừng chưa?” Olivia hỏi.

“Chưa.” Giá mà như vậy.

“Vậy anh phải chấp nhận thôi. Có lẽ ngay từ đầu, anh cũng chẳng muốn có con nhiều tới mức ấy.”

“Lên lầu với tôi,” Gibbs gợi ý.

“Lên lầu?”

“Tới phòng tôi. Hoặc cô.”

“Tại sao?” Olivia hỏi.

“Cô nghĩ là tại sao?” *Mày định chơi trò gì vậy, thằng ngu kia? Mày không nhận ra lúc nào bản thân nảy sinh một ý tưởng tồi tệ sao?*

“Tại sao?” Cô ta hỏi lại

“Tôi có thể nói: ‘Tại vì chỉ một lần, để đổi gió, tôi muốn quan hệ với ai đấy không bị ám ảnh với chuyện mang thai.’ Hay tôi có

thể bảo: ‘Bởi tôi đang say và có hứng.’ Hoặc là: ‘Hôm nay là một dịp đặc biệt và ngày mai sẽ trở lại là cuộc sống thường nhật cho cả hai chúng ta.’ Hay nói thế này thì sao: ‘Vì em là người phụ nữ đẹp và gợi cảm nhất tôi từng gặp?’ Mạo hiểm đấy, có thể cô sẽ không tin tôi.”

Olivia nhăn mặt. “Lý tưởng nhất là anh nên suy nghĩ về việc lựa chọn câu trả lời trong im lặng, một cách riêng tư trong đầu. Không phải nói toạc móng heo với tôi.”

Giữ riêng trong đầu. Là do cô ta nói đấy nhé. Anh không có ý định bảo với cô ta điều đó.

Anh lấy chiếc ly từ tay cô ta và đặt nó xuống bàn. “Đồng ý đi,” anh nói. “Đơn giản thôi mà.”



Thứ Bảy, ngày 17-07-2010

“Tại sao chị lại muốn nói chuyện với Simon Waterhouse?” tay thám tử tên Sam hỏi. Họ của anh ta bắt đầu bằng chữ K, dài và nghe rất lạ – anh ta đã đánh vần nó cho tôi khi tự giới thiệu bản thân. Tôi không nhớ được và cảm thấy mình không thể hỏi lại. Anh ta cao ráo, ưa nhìn, với tóc đen và làn da tối màu. Sam mặc áo vest đen bên ngoài áo phông trắng sọc màu tím nhạt, kiểu như những đường kẻ chấm.

Không cà vạt. Tôi không thể ngừng nhìn vào vết hằn anh ta. Trông nó nhọn như thể sắp đâm thủng lớp da. Tôi tưởng tượng cảnh nó cắt qua cổ anh, một tia máu bắn ra. Tôi lắc lắc đầu xua đi tưởng tượng bệnh hoạn ấy.

Có phải anh ta muốn mình kể lại? “Tôi thấy một người phụ nữ nằm sắp mặt...”

“Chị hiểu nhầm ý tôi rồi,” anh ta ngắt lời, mỉm cười để không tỏ ra bất lịch sự. “Ý tôi là tại sao chị lại yêu cầu đích danh Simon Waterhouse?”

Kit ở trong bếp pha trà cho chúng tôi. Tôi thấy mừng. Tôi thấy khó lòng trả lời được câu hỏi khi có anh ngồi nghe. Nếu tôi không cảm thấy kinh hoàng đến thế, chuyện này có vẻ khá nực cười, kiểu như một vở kịch câm ngắn lạ lùng: Người Cảnh Sát Tới Dừng Trà. Chỉ mới tám rưỡi, chúng tôi nên mời anh ta bữa sáng. Thật tốt khi anh ta đến sớm như vậy. Có thể Kit sẽ mang tới một ít bánh sừng bò kèm theo đồ uống. Nếu anh không định mời thì tôi cũng không. Tôi chẳng nghĩ được gì ngoài người phụ nữ đã chết kia. Cô ta là ai? Liệu có ai biết hay quan tâm là cô ta đã bị sát hại, ngoại trừ tôi?

“Tôi hiện đang đi chữa bệnh ở chỗ một người dùng liệu pháp

vi lượng đồng căn trong sáu tháng vừa rồi. Tôi gặp một vài vấn đề nhỏ về sức khỏe, không có gì nghiêm trọng cả.” Liệu có lý do gì phải kể với anh ta như vậy không? Tôi quyết định không thêm thắt vào những vấn đề liên quan đến sức khỏe tâm lý của mình, hay việc người chữa bệnh theo vi lượng đồng căn của tôi cũng là một tư vấn viên. Khao khát né tránh sự thực khiến tôi cảm thấy tức giận – với bản thân mình, với Kit, Sam K và mọi người. Chẳng có gì đáng xấu hổ về việc cần được nói chuyện với ai đó.

Vậy sao mà lại xấu hổ?

“Alice – người trị liệu của tôi – gợi ý tôi nói chuyện với Simon Waterhouse. Cô ấy nói...” *Đừng có nói ra. Mà sẽ làm anh ta có thành kiến với mà.*

“Chị nói tiếp đi.” Sam K đang cố gắng hết sức để tỏ ra tử tế và không đáng sợ.

Tôi quyết định thưởng công cho nỗ lực của anh ta bằng một câu trả lời thành thực. “Cô ấy nói anh ta không như những cảnh sát khác. Cô ấy nói anh ta sẽ tin những chuyện không thể tin nổi, nếu chuyện đó có thật. Và đó đúng là có thật. Tôi thấy xác một người phụ nữ trong căn phòng ấy. Tôi không hiểu tại sao nó... tại sao cô ta không còn đó nữa khi Kit ra xem. Tôi không thể giải thích được. Nhưng phải có một cách giải thích nào đó chứ.”

Sam K gật đầu. Không thể đọc được nét mặt anh ta. Có thể anh ta đang cố động viên những người điên khùng. Nếu anh ta nghĩ tôi điên, ước chi anh ta nói thẳng ra: *Chị điên rồi, chị Bowskill à.* Tôi đã bảo anh ta cứ gọi tôi là Connie, nhưng tôi không nghĩ anh ta muốn. Từ khi tôi nói thế, anh ta chẳng gọi tên tôi gì cả.

“Simon đâu?” Tôi hỏi. Khi tôi gọi vào số anh ta đêm qua, giọng thu âm sẵn nói rằng anh ta không có đó – không rõ trong bao lâu hay tại sao – và cung cấp một số điện thoại khác để gọi lúc khẩn cấp: hóa ra đó là số của Sam K, như đã thấy.

“Cậu ấy đang trong tuần trăng mật.”

“Ồ.” Anh ta không nói với tôi là mình chuẩn bị kết hôn. Chẳng có lý do gì để nói với tôi cả, tôi đoán thế. “Khi nào anh ta trở về?”

“Cậu ấy đi được hai tuần rồi.”

“Tôi xin lỗi đã gọi anh lúc hai giờ sáng,” tôi nói. “Tôi nên đợi đến sáng, nhưng... Kit đã quay lại phòng ngủ, và tôi không thể không làm gì. Tôi phải nói với ai đó thứ tôi vừa thấy.”

Hai tuần. Tất nhiên rồi – kỳ trăng mật dài chừng đó. Tuần trăng mật của tôi và Kit còn dài hơn: ba tuần ở Sri Lanka. Tôi nhớ mẹ còn hỏi liệu ba tuần có ‘thực sự cần thiết’. Kit đáp lời mẹ tôi một cách lịch sự nhưng cũng rất cứng rắn rằng ‘có’. Anh đã sắp xếp xong xuôi mọi việc và không sẵn lòng để cho bà làm ảnh hưởng đến kế hoạch. Những khách sạn mà anh chọn quá đẹp, tôi không thể tin được chúng có thực chứ không phải mơ. Chúng tôi ở mỗi khách sạn một tuần. Kit đặt tên cho khách sạn cuối là ‘Khách Sạn Thực Sự Cần Thiết’.

Simon Waterhouse có quyền tận hưởng kỳ trăng mật của mình, cũng như Kit có quyền được ngủ trọn vẹn. Và cũng như Sam K có quyền được giải quyết nỗi lo của tôi nhanh gọn, để anh ta có thể tận hưởng ngày thứ Bảy của mình. Không thể nào mà tất cả những người tôi tiếp xúc đều khiến tôi thất vọng, hẳn là tôi phải làm sai ở chỗ nào rồi.

“Anh ta không nhắc đến tên anh trong tin nhắn thoại – chỉ có số điện thoại. “Tôi nghĩ đó có thể là một kiểu dịch vụ ngoài giờ, giống như bác sĩ vậy.”

“Đừng lo về chuyện đó. Tôi nói thực đấy. Cũng tốt khi nhận cuộc gọi khẩn cấp từ một ai đó không phải mẹ của Simon.”

“Bà có ổn không?” Tôi hỏi. Tôi cảm giác mình cần hỏi han.

“Còn tùy vào cách nhìn của chị.” Sam K mỉm cười. “Bà đã gọi cho tôi hai lần kể từ khi Simon rời đi hôm qua, khóc lóc và bảo rằng mình cần nói chuyện với con trai. Cậu ấy đã cảnh báo trước là cậu ấy và Charlie sẽ không mang điện thoại đi đâu, nhưng tôi không nghĩ bà ấy tin. Và bây giờ bà cũng không tin khi tôi nói mình không biết cậu ấy ở đâu, mà đúng là tôi không biết thật.”

Tôi tự hỏi cái người tên Charlie đang hưởng tuần trăng mật

với Simon Waterhouse là đàn ông hay phụ nữ. Mà đó có là ai thì cũng chẳng ảnh hưởng gì.

Kit bước vào với trà và một đĩa bánh quy sô-cô-la đặt trên khay gỗ. “Xin cứ tự nhiên,” anh nói với Sam K. “Chúng ta đang nói đến đâu rồi?” Anh muốn có tiến trình, muốn thấy giải pháp. Anh muốn được nghe là vị chuyên gia này đã chữa cho vợ anh khỏi tình trạng điên rồ trong mười phút anh ở trong bếp.

Sam K ngồi thẳng người lên. “Tôi đang đợi anh để chuẩn bị giải thích...” Từ phía Kit, anh ta quay sang tôi. “Tôi rất vui lòng được giúp đỡ chị hết sức, và tôi có thể giúp chị liên lạc được với đúng người nếu chị quyết định muốn đi xa hơn, nhưng... đây không phải là việc tôi có thể trực tiếp giải quyết được. Simon Waterhouse cũng không, kể cả khi cậu ấy không nghỉ tuần trắng mặt, và thậm chí kể cả khi...” Anh ta cắn môi, không nghĩ ra được gì để nói.

Kể cả khi đó không phải là câu chuyện hoang đường nhất tôi từng được nghe, và chắc chắn đó là chỉ là một mớ rác rưởi. Đó là câu anh ta vừa cố gắng mình nói ra.

“Kể cả khi có một người phụ nữ năm đó bị thương hoặc đã chết rồi tại một ngôi nhà ở Cambridge, chị cần nói chuyện với Cảnh sát Cambridge chứ không phải chúng tôi,” anh ta nói.

“Không phải cô ta bị thương,” tôi bảo anh ta. “Cô ta chết rồi. Không thể có chuyện máu chảy lênh lảng đến thế mà người ta lại còn sống được. Và tôi sẵn sàng nói chuyện với bất kỳ người nào nếu cần – cho tôi một cái tên và địa chỉ để tìm được họ, tôi sẽ tự lo.”

Có phải Kit vừa thở dài không, hay chỉ là tôi tưởng tượng ra thôi?

“Thôi được rồi.” Tự rót cho mình một cốc trà, Sam K lấy ra một cuốn sổ và cây bút. “Sao chúng ta không điểm qua một vài chi tiết nhỉ? Ngôi nhà tình nghi là số 11 Bentley Grove, đúng không?”

“Số 11 Bentley Grove, Cambridge. CB2 9AW.” Anh thấy không, Kit? Em thậm chí còn thuộc cả mã bưu điện.

“Nói cho tôi biết chính xác chuyện gì đã xảy ra, Connie. Bằng lời kể của chính chị.”

Vậy tôi còn định dùng lời kể của ai khác nữa? “Lúc đó tôi đang xem một trang web về bất động sản, Roundthehouses.”

“Lúc đó là mấy giờ?”

“Khá muộn. Một giờ mười lăm.”

“Tại sao chị lại thức khuya như vậy?”

“Thỉnh thoảng tôi bị khó ngủ.”

Một nụ cười khinh khỉnh làm méo mó gương mặt Kit trong giây lát, chỉ có tôi để ý thấy sự xuất hiện thoáng qua của nó. Anh đang nghĩ rằng, nếu việc khó ngủ là thật, đó hoàn toàn là lỗi của tôi vì đã đầu hàng chứng bệnh hoang tưởng: tôi đã chọn việc hành hạ bản thân vì những vấn đề không có thật. Anh thì tỉnh táo và bình thường, thế nên anh luôn ngủ ngon giấc.

Làm sao tôi có thể hiểu anh rõ đến mức đọc được suy nghĩ của anh, và cùng lúc, lại cảm thấy lo sợ rằng mình chẳng hiểu gì về anh? Nếu tôi nhìn vào tấm phim chụp X quang của tâm hồn anh, liệu có phải tôi sẽ chỉ thấy những gì tôi đã biết từ trước – niềm tin không thể lay chuyển của anh rằng trà uống ngon hơn nếu rót từ ấm và bỏ sữa vào ly trước, tham vọng và chủ nghĩa hoàn hảo của anh, khiếu hài hước kỳ dị – hay ở đó sẽ có một hố đen xa lạ ở trung tâm, hiểm ác và đáng sợ?

“Tại sao chị lại truy cập trang web về bất động sản, và tại sao lại là Cambridge?” Sam K hỏi tôi. “Chị đang nghĩ đến chuyện chuyển tới đó à?”

“Tất nhiên là không rồi,” Kit nói đầy cảm xúc. “Chúng tôi chỉ vừa mới sửa sang lại nội thất cho nơi này, sáu năm sau khi mua nó. Tôi muốn được tận hưởng nó ít nhất là trong khoảng thời gian tương đương. Tôi đã bảo với Connie rồi: nếu chúng ta có con trong vòng sáu năm tới, nó phải được ngủ trong một ngăn tủ kéo đựng tài liệu.” Anh nhe răng cười và với tay lấy một chiếc bánh quy. “Tôi không làm tất cả những việc đó chỉ để bán tháo đi và cho ai đó hưởng lợi. Thêm nữa, việc kinh doanh chúng tôi điều hành lấy trụ sở ở đây, và Connie có chút quá hào hứng và lờ

mua quá tay chỗ giấy viết có in tên sẵn, thế nên chúng tôi không thể chuyển đi đâu cho tới khi đã viết được ít nhất là bốn nghìn lá thư nữa.”

Tôi biết chuyện gì sẽ xảy ra tiếp theo: Sam K sẽ hỏi về Nulli. Kit sẽ trả lời lâu thật lâu, không thể nào giải thích công việc của chúng tôi nhanh gọn được, và chồng tôi chính là một kẻ mê chi tiết. Tôi sẽ phải đợi để được kể về cái xác người phụ nữ.

Connie có chút quá hào hứng.

Có phải anh cố tình nói vậy, để gieo vào tâm trí Sam K ý nghĩ rằng tôi là một người dễ bị cuốn vào điều gì đó? Người đã đặt mua lượng giấy in tên sẵn nhiều hơn sáu lần số giấy cô ấy cần cũng có thể tự hủy hoặc ra một cái xác nằm trên vũng máu.

Tôi lắng nghe Kit miêu tả công việc của chúng tôi. Trong ba năm qua, dàn nhân viên chính thức hai mươi tuổi có lẽ của Nulli đã làm việc với tập đoàn ngân hàng Liên minh Tư bản London. Chính phủ Hoa Kỳ đang trong quá trình kiện tụng tập đoàn, nơi mà, giống như nhiều ngân hàng Anh khác, có lịch sử lâu đời về chuyện vi phạm luật của Mỹ trong việc xử lý với những kẻ bảo trợ cho chủ nghĩa khủng bố, vô tình cho phép những cá nhân và tổ chức trong danh sách đen thực hiện giao dịch chuyển tiền điện tử ở Hoa Kỳ bằng đồng đô la Mỹ. Liên minh Tư bản London hiện đang cố gắng hết sức để sửa lại sai lầm, lấy lòng OFAC, phòng quản lý tài sản nước ngoài của Mỹ, và giảm đến tối thiểu tổn thất cuối cùng, gần như chắc chắn là khoản phạt lên tới nhiều triệu đô. Nulli được thuê để xây dựng hệ thống lọc dữ liệu, giúp ngân hàng đào xới đến từng giao dịch đáng ngờ nằm trong quá khứ, để có thể trình bày một cách chân thực tới Bộ Tư pháp Hoa Kỳ.

Giống như tất cả những người được nghe Kit kể, Sam K trông vừa ấn tượng vừa lúng túng. “Vậy anh có trụ sở ở London không?” anh ta hỏi. “Hay anh đi về giữa hai nơi?”

“Connie hoạt động ở đây, tôi thì nửa này nửa kia,” Kit nói. “Tôi thuê một căn hộ ở Limehouse – một cái hộp có giường, về cơ bản là như vậy. Và theo như tôi nhận thấy, tôi chỉ có một mái nhà, đó là Melrose Cottage.” Anh liếc nhìn tôi khi nói câu này. Anh ấy

mong một tràng pháo tay à?

“Tôi có thể thấy là căn hộ nhỏ ở London sẽ phải vất vả cạnh tranh với nơi này.” Sam K nhìn quanh căn phòng khách. “Nó có rất nhiều đặc điểm riêng.” Anh ta quay lại để xem xét một tấm hình đóng khung trên tường phía sau – bức ảnh Nhà nguyện King’s College, với một cô gái đang ngồi ở bậc cửa và cười. Liệu anh ta có biết mình đang nhìn vào một bức hình của Cambridge? Nếu có, anh ta cũng chẳng nói gì.

Bức hình là một món quà từ Kit và tôi thì luôn ghét nó. Trên khung ảnh ở phía dưới, ai đó đã viết lên ‘4/100’. “Đấy không phải điểm số tốt lắm,” tôi nói khi lần đầu Kit tặng tôi. “Bốn phần trăm.”

Anh cười. “Nó là ấn bản thứ tư trong một trăm bản in, ngốc ạ. Chỉ có một trăm tấm như thế này trên thế giới thôi. Nó không đẹp sao?”

“Em tưởng anh không thích hàng sản xuất đại trà chứ,” tôi nói, kiên quyết tỏ ra không biết ơn gì.

Anh cảm thấy bị tổn thương. “Chữ viết tay ‘4/100’ khiến nó độc nhất vô nhị. Đó là lý do từng bản in được đánh số.” Anh thở dài. “Em không thích nó, phải không?”

Lúc đó, tôi nhận ra mình đang hành xử ích kỷ đến thế nào và vờ tỏ ra mình thích nó.

“Vợ tôi gọi những ngôi nhà như thế này là ‘sẵn sàng để lên hình,’” Sam K nói. “Ngay từ giây phút đầu tiên bước lên thêm nhà anh, tôi đã cảm thấy kém cỏi.”

“Anh nên xem bên trong xe chúng tôi,” Kit bảo anh ta. “Hoặc có thể gọi chúng là hai thùng rác tràn trên bánh xe. Tôi đã nghĩ đến chuyện quảng chúng ở vỉa hè bên cạnh xe rác vào ngày thu gom rác thải, mở cả cửa luôn – biết đâu hội đồng thành phố lại thương hại chúng tôi.”

Tôi đứng dậy. Máu dồn lên đầu và căn phòng chao đảo, nhòe đi. Tôi có cảm giác từng phần trên cơ thể mình đang tách rời nhau ra, rơi rụng và trôi xa dần. Đầu tôi tràn ngập cảm giác buốt nhói. Chuyện này cứ xảy ra suốt. Bác sĩ của tôi không biết

nguyên nhân có thể là gì. Tôi đã làm xét nghiệm, chụp chiếu, mọi thứ. Alice, người trị liệu của tôi, cho rằng đó là biểu hiện ra ngoài của tình trạng kiệt sức về tâm lý.

Mất vài giây để cơn choáng váng qua đi. “Anh có thể ra về được rồi,” tôi nói với Sam K, ngay khi mình có thể cất lời được. “Rõ ràng anh không tin tôi, vậy tại sao cả hai bên lại phải phung phí thời gian của nhau cơ chứ?”

Anh ta nhìn tôi trầm ngâm. “Điều gì khiến chị nghĩ tôi không tin tưởng chị?”

“Tôi có thể bị ảo tưởng nhưng tôi không ngu,” tôi cúi kính với anh ta. “Anh đang ngồi đây ăn bánh quy, tán gẫu về xe rác và nội thất...”

“Làm như vậy giúp tôi tìm hiểu thêm một chút về chị và Kit.” Anh ta vẫn điềm tĩnh trước cơn bùng nổ của tôi. “Tôi muốn biết chị là ai cũng nhiều như muốn biết anh chị đã thấy gì.”

Phương pháp tiếp cận tổng thể. Alice chắc cũng sẽ về phe anh ta.

“Tôi chẳng thấy gì cả,” Kit nhún vai.

“Không đúng,” tôi bảo anh. “Không phải là anh không thấy gì – anh đã thấy một căn phòng khách mà không có xác người nào trong đó. Như thế đâu phải là không có gì.”

“Tại sao lại là trang web bất động sản, Connie?” Sam K lại hỏi. “Tại sao lại là Cambridge?”

“Một vài năm trước chúng tôi đã nghĩ đến việc chuyển tới đó,” tôi nói, không đủ can đảm nhìn vào mắt anh ta. “Chúng tôi đã quyết định thôi, nhưng... đôi khi tôi vẫn nghĩ về nó, và... tôi không biết, đó chỉ là một phút bốc đồng – không có lý do đặc biệt nào sau đó cả. Tôi tìm kiếm đủ các thể loại những thứ kỳ cục trên mạng khi tôi cảm thấy không thể nghỉ ngơi và ngủ được.”

“Vậy, đêm qua, chị đăng nhập vào trang Roundthehouses và... làm gì? Nói cho tôi cả câu chuyện, từng bước một.”

“Tôi tìm kiếm bất động sản đang chào bán ở Cambridge, thấy số 11 Bentley Grove, trích xuất thông tin chi tiết...”

“Chị có xem xét bất kỳ ngôi nhà nào khác không?”

“Không.”

“Tại sao không? Điều gì khiến chị chọn số 11 Bentley Grove?”

“Tôi không biết. Nó đứng thứ ba trong danh sách hiện lên. Tôi thích vẻ ngoài của nó, nên nhấn vào đó.” Tôi lại ngồi xuống. “Đầu tiên tôi xem ảnh các căn phòng, rồi tôi thấy có tour ảo, nên tôi nghĩ có lẽ mình cũng nên xem qua cái đó nữa.”

Kit vươn ra và bóp chặt bàn tay tôi.

“Nó được rao bán với giá bao nhiêu?” Sam K hỏi.

Tại sao anh ta muốn biết điều đó? “1,2 triệu.”

“Liệu anh chị có đủ khả năng mua được nó không?”

“Không. Một chút cũng không,” Tôi nói.

“Vậy là anh chị không hề có ý định chuyển tới Cambridge và số 11 Bentley Grove cũng nằm ngoài khả năng chi trả, nhưng chị vẫn quan tâm nó đến mức làm một tour ảo, kể cả sau khi chị đã nhìn vào những bức hình rồi?”

“Anh phải biết cảm giác nó như thế nào.” Tôi cố không tỏ ra phòng thủ. “Tự nhiên anh sẽ nhấn vào hết cái này đến cái khác. Chẳng vì một lý do cụ thể nào cả, chỉ là...”

“Cô ấy đang TĐTGT,” Kit bảo Sam K. “TĐTGT viết tắt cho Tôi đang tìm gì thế? – lướt web vô mục đích. Tôi làm thế suốt, trong khi đáng lẽ ra tôi phải đang làm việc.” Anh đang bao che cho tôi. Liệu anh có mong chờ tôi sẽ biết ơn vì sự hỗ trợ này? Do anh mà tôi phải bịa ra chuyện này. *Tôi không phải là kẻ dối trá ở đây.*

“Thôi được rồi,” Sam K nói. “Vậy là chị làm một tour ảo tham quan số 11 Bentley Grove.”

“Căn bếp xuất hiện đầu tiên. Hình ảnh cứ xoay vòng vòng – nó khiến mắt tôi mỏi, nên tôi nhắm mắt lại, và khi tôi mở mắt ra tôi thấy tất cả đều... đổ lôm. Tôi nhận ra mình đang nhìn vào gian phòng khách, và có một cái xác phụ nữ...”

“Sao chị biết đó là gian phòng khách?” Sam K ngắt lời tôi. Tôi không phiền khi bị ngắt lời. Nó làm tôi bình tĩnh lại, kéo tôi ra khỏi khung cảnh kinh hoàng vẫn còn quá sống động trong tâm

trí, và quay trở về với thực tại. “Trước đây tôi đã thấy nó trong một tấm hình – đó là cùng một căn phòng.” Tôi chưa bảo với anh ta là tôi xem ảnh trước à? Anh ta đang cố bắt thóp tôi sao?

“Nhưng không có xác người phụ nữ nào trong ảnh, đúng không?”

Tôi gật.

“Đặt sang một bên vấn đề về máu và cái xác chút đã. Trong mọi góc độ, căn phòng khách trên tour ảo cũng chính là phòng khách thấy trong ảnh, đúng không?”

“Phải. Tôi gần như chắc chắn là như vậy. Ý tôi là, tôi cảm thấy chắc chắn nhất trong khả năng của mình là như vậy.”

“Chị mô tả nó đi.”

“Để làm gì cơ chứ?” Tôi hỏi, cảm thấy bức tức. “Anh có thể đăng nhập vào trang Roundthehouses và tự mà xem lấy. Sao anh không yêu cầu tôi tả người phụ nữ ấy?”

“Tôi biết chuyện này với chị là rất khó khăn, Connie, nhưng chị phải tin tưởng rằng mọi điều tôi hỏi đều có lý do cả.”

“Anh muốn tôi miêu tả phòng khách?” Tôi cảm thấy như thể mình đang đứng trong một bữa tiệc của con nít, chơi một trò chơi xuân gốc.

“Vâng.”

“Tường trắng, thảm màu be. Một chiếc lò sưởi ở trung tâm một bức tường, xung quanh lát gạch. Tôi không nhìn được chi tiết viên gạch, nhưng tôi nghĩ nó có hoa văn dạng như hình bông hoa. Trông chúng quá lỗi thời so với căn phòng.” Tôi chỉ nhận ra điều này sau khi nghe thấy mình nói và cảm thấy nhẹ nhõm. Kit có thể chọn loại đá như vậy cho nhà chúng tôi, vốn được xây từ năm 1750, nhưng không bao giờ anh chọn chúng cho một ngôi nhà hiện đại như số 11 Bentley Grove, hẳn là không thể nào nhiều hơn mười năm tuổi. Anh ấy tin rằng những tòa nhà mới nên mang tính đương đại hoàn toàn, từ trong ra ngoài.

Vậy nên số 11 Bentley Grove chẳng liên quan gì đến anh ấy.

“Chị nói tiếp đi,” Sam K nói.

“Các hốc tường nằm hai bên bụng lò sưởi. Một chiếc ghế sofa hình chữ L màu bạc thêu họa tiết đỏ, một chiếc ghế với tay vịn gỗ hình thù lạ mắt, một chiếc bàn uống cà phê với mặt kính và những bông hoa trong tủ trưng bày có dạng nằm ngang bên dưới mặt kính – hoa màu xanh da trời và đỏ.” *Để tiếp màu với những viên gạch lát.* Còn một thứ nữa, một thứ tôi không thể gọi nhớ được. Gì thế nhỉ? Tôi còn thấy gì nữa, khi căn phòng chậm chậm xoay vòng? “Ồ, và một tấm bản đồ phía trên lò sưởi – một tấm bản đồ được lồng khung.” Không phải là nó, nhưng tôi vẫn nên nhắc đến. *Gì nữa?* Tôi có nên nói với Sam K rằng còn một thứ gì đó nữa mà tôi không nhớ là gì không? Liệu có ích gì không?

“Tấm bản đồ vẽ gì?” anh ta hỏi.

“Tôi không nhìn được – trong hình nó nhỏ quá. Ở góc trên cùng bên trái có một vài tấm khiên – có lẽ khoảng chục cái.”

“Khiên?”

“Trông như hình bia mộ dựng ngược ấy.”

“Ý em là gia huy à?” Kit nói. “Kiểu như một gia tộc có biểu tượng riêng ấy?”

“Vâng.” Chính là nó. Tôi không nghĩ ra được từ. “Hầu hết chúng đều nhiều màu sắc và có họa tiết trang trí, nhưng một cái trống trơn – nó chỉ là phác thảo.”

Liệu chiếc gia huy trống trơn có phải là chi tiết còn thiếu không? Tôi có thể vờ như chính là nó, nhưng sẽ chỉ là tự dối mình mà thôi. Trí óc tôi đã lấy đi mất một thứ gì đó từ căn phòng ấy, một thứ mà nó chẳng chịu trả về.

“Còn gì nữa không?”

“Xác một phụ nữ nằm trên bể máu,” tôi nói, cảm thấy căm ghét sự hằn học trong giọng của mình. Tại sao tôi lại giận dữ đến vậy? *Bởi vì chị cảm thấy bất lực, Alice sẽ nói thế. Chúng ta sản sinh ra sự giận dữ để đem lại cho bản thân ảo tưởng về sức mạnh của mình khi chúng ta cảm thấy yếu đuối và bất lực.*

Cuối cùng, tôi được nghe những từ ngữ mình vẫn hằng chờ đợi. “Chị mô tả người phụ nữ đi,” Sam K nói.

Từ ngữ bắt đầu tuôn trào, một dòng chảy không thể kiểm soát nổi. “Khi tôi nhìn thấy cô ta, và tất cả đám máu me đó, khi tôi nhận ra bản thân đang nhìn vào cái gì, tôi nhìn xuống chính mình – đó là việc đầu tiên tôi làm. Tôi hoảng loạn. Trong một khắc tôi đã nghĩ mình đang nhìn vào hình ảnh của chính bản thân – tôi nhìn xuống để kiểm tra xem mình có chảy máu không. Về sau tôi thấy không thể hiểu nổi – tại sao tôi lại làm thế? Cô ta nằm sấp xuống – tôi không nhìn được mặt cô ta. Cô ta nhỏ nhắn, mảnh dẻ, chiều cao và vóc dáng tầm như tôi. Cô ta có tóc màu tối, cùng màu với tóc của tôi, thẳng như của tôi. Nó trông... lộn xộn, lòa xòa trải rộng, như thể cô ta ngã xuống và...” Tôi rùng mình, hy vọng mình không cần phải nói ra: người chết rồi không thể chỉnh trang tóc mình được.

“Tôi không thấy được mặt cô ta, và tôi tưởng tượng – chỉ trong một giây lát, cho tới khi tôi lấy lại được bình tĩnh – rằng cô ta chính là tôi, rằng chính tôi đang nằm đó. Đừng viết nữa!” Tôi nghe tiếng chính mình nói. *Quá to*. “Anh không thể chỉ nghe thôi và ghi chép sau à?”

Sam K liền đặt quyển sổ và chiếc bút của mình xuống.

“Tôi không muốn dựng lên câu chuyện đi quá sự thật,” tôi nói. “Tôi biết đó không phải là tôi, tất nhiên tôi biết, nhưng... dường như tri giác đánh lừa tôi. Có lẽ là bởi cơn sốc. Cô ta nằm trên vũng máu lớn nhất tôi từng thấy. Như cả một tấm thảm lớn đỏ sẫm bên dưới cô ta. Đầu tiên tôi nghĩ đấy không thể là máu được bởi có quá nhiều, nó bao phủ đến khoảng một phần ba căn phòng, nhưng rồi tôi nghĩ... Thì, hẳn là anh biết đấy. Anh chắc đã nhìn thấy người ta chết trên vũng máu của chính mình, những người mất máu tới chết.”

“Vì Chúa, Con,” Kit càu nhàu.

Tôi lơ anh đi. “Thường thì sẽ có bao nhiêu máu?”

Sam K hắng giọng. “Điều mà chị đang miêu tả ở đây nghe không có vẻ là không thể xảy ra, trong kịch bản bị chảy máu tới chết, dù tôi chưa từng thấy cảnh đó. Căn phòng có kích thước như thế nào?”

“Dài 6,35 mét và rộng 3,43 mét,” tôi trả lời.

Anh ta ngạc nhiên. “Con số chính xác thế.”

“Nó có trên bản thiết kế mặt bằng.”

“Trên trang web Roundthehouses?”

“Phải.”

“Chị có biết kích thước của các phòng còn lại không?”

“Không. Chỉ phòng khách thôi.”

“Em kể cho anh ta mình đã làm gì đêm qua, ngay sau khi anh quay lại giường đi,” Kit nói.

“Đầu tiên tôi gọi cho Simon Waterhouse, rồi, khi không thể gặp được anh ta, tôi gọi anh,” tôi nói với Sam K. “Sau khi nói chuyện với anh, tôi quay trở lại máy tính của mình và... xem ngôi nhà số 11 Bentley Grove một lần nữa. Tôi nghiên cứu từng tấm hình một, tôi nghiên cứu bản vẽ mặt bằng. Tôi xem đi xem lại tour ảo.” *Phải, đúng thế. Qua đó tôi chính thức thông báo mình mắc chứng ám ảnh và tâm thần.*

“Cô ấy làm vậy suốt sáu tiếng đồng hồ, cho tới khi tôi tỉnh dậy và kéo cô ấy ra khỏi chiếc máy tính,” Kit lặng lẽ nói.

“Tôi cứ tắt mạng đi rồi lại bật lên. Một vài lần khác thì tôi tắt máy tính đi, rút phích cắm ra, rồi cắm lại, rồi khởi động lại. Tôi... tôi cảm thấy kiệt sức và suy nghĩ không được thông, và... kiểu như tôi có cái ý nghĩ trong đầu rằng nếu tôi cứ cố kiên trì, tôi sẽ lại thấy cảnh đó một lần nữa – cái xác người phụ nữ.” Tôi có đang quá thành thật không? Vậy là hành động của tôi đêm qua là thiếu kiểm soát – vậy thì sao nào? Liệu điều đó có khiến tôi trở thành một nhân chứng không đáng tin cậy không? Liệu có phải cảnh sát chỉ lắng nghe những người uống hàng cốc Ovaltine trước khi đi ngủ lúc mười giờ tối và, một cách hợp lý, dành cả đêm ngon giấc trong bộ đồ ngủ bằng vải nỉ mỏng? “Tôi chưa từng thấy xác chết bao giờ. Một thi thể bị sát hại, mà ngay sau đó biến mất. Tôi đã rất sốc. Có lẽ giờ tôi vẫn còn sốc.”

“Sao chị lại nói ‘bị sát hại’?” Sam K hỏi.

“Khó mà tưởng tượng nổi ai đó lại bị như thế vì tai nạn. Có lẽ cô ta đã đâm một con dao vào bụng mình, rồi nằm sấp mặt

xuống sàn chờ chết, nhưng nghe có vẻ không khả thi lắm. Không phải cách mà người ta hay dùng để tự tử.”

“Chị có nhìn thấy vết thương nào ở bụng không?”

“Không, nhưng máu nhìn đậm nhất ở quanh thân giữa cô ta. Nó gần như chuyển sang đen. Tôi nghĩ tôi vừa giả định là...” Một màu đen đặc như hắc ín, nhạt dần sang đỏ. Một cánh cửa sổ nhỏ, những ô sáng chữ nhật trên bề mặt sẫm tối...

“Connie?” Gương mặt Kit trôi trước mặt tôi. “Em ổn chứ?”

“Không. Không, không hẳn. Em thấy cái cửa sổ...”

“Đừng cố nói cho đến khi nào cơn choáng váng qua đi.”

“... trong vũng máu.”

“Ý chị ấy là sao?” Sam K hỏi.

“Tôi không biết. Con, kê đầu vào giữa hai đầu gối và hít thở đi.”

“Em ổn.” Tôi đẩy anh ra. “Giờ em ổn rồi. Nếu không một điều gì em vừa nói thuyết phục được hai người, thì chuyện này sẽ được,” tôi nói. “Em thấy cửa sổ phòng khách phản chiếu trên vũng máu. Khi căn phòng xoay vòng, vũng máu xoay vòng, và cái cửa sổ nhỏ cũng thế. Điều đấy chứng tỏ em không tưởng tượng ra nó! Không ai có thể tưởng tượng ra nổi một chi tiết ngu ngốc, mô phạm đến thế được. Chắc chắn em đã thấy nó. Nó phải là thật.”

“Vì Chúa.” Kit lấy bàn tay che mặt.

“Và váy của cô ta nữa. – tại sao em lại đi tưởng tượng ra một cái váy như vậy chứ? Nó màu xanh nhạt và tím tử đinh hương, họa tiết trang trí trông như kiểu có rất nhiều hình đồng hồ cát xuôi theo thân váy, những đường vẽ cong vào cong ra, vào và ra.” Tôi cố minh họa bằng tay.

Sam K gật đầu. “Lúc ấy, cô ta có mang giày hay quần tất không? Chị có để ý thấy thứ trang sức nào không?”

“Không quần tất. Chân cô ta để trần. Tôi cũng không nghĩ cô ta có mang giày. Cô ta đeo nhẫn cưới. Cánh tay cô ta giơ lên quá đầu. Tôi nhớ lúc ấy mình đã nhìn vào những ngón tay cô ta và...

đúng thế, chắc chắn là một chiếc nhẫn cưới.”

Và còn một thứ khác nữa, một cái gì đấy mà tâm trí tôi từ chối tập trung vào. Càng cố gắng để nhận diện nó, tôi càng nhận thức được rõ hơn sự tồn tại bị ẩn giấu của nó, giống như một bóng hình tăm tối trượt khỏi khung hình và lẩn khuất khỏi tầm nhìn.

“Chuyện gì đã xảy ra khi chị thấy cái xác trên máy tính?” Sam K hỏi. “Chị đã làm gì, sau khi tự kiểm tra để chắc rằng không phải mình đang chảy máu?”

“Tôi gọi Kit dậy và bắt anh ấy đi xem.”

“Khi tôi đi vào, đang là cảnh phòng bếp xoay vòng vòng trên màn hình,” Kit nói. “Rồi phòng khách xuất hiện, không có cái xác phụ nữ nào trong đó cả, không có máu. Tôi bảo với Connie và cô ấy vào xem.”

“Cái xác đã biến mất,” tôi nói.

“Tôi không hề tải lại tour,” Kit nói. “Nó vẫn đang chạy khi tôi bước vào phòng, vẫn là tour mà Connie đã khởi động, đang chạy theo vòng lặp. Tôi không định nói là những thay đổi không thể xảy ra trên tour ảo của ngôi nhà – đương nhiên là có thể – nhưng chúng không thể làm ảnh hưởng được đến một tour đang chạy sẵn. Chỉ là chuyện đó không khả thi...”

“Tất nhiên là khả thi chứ,” tôi ngắt lời anh. “Anh muốn nói với em là người ta không thể sắp xếp một tour ảo sao cho trong một trăm hay một nghìn lần chạy, lại có một lần xuất hiện hình ảnh khác của căn phòng khách?” *Thôi nào, Kit. Anh không tự hào về học trò của mình sao? Nhờ có anh mà em đã không còn đánh giá thấp những khả năng của kỹ thuật. Một chiếc máy tính, được lập trình bởi đúng người, có thể làm được gần như mọi thứ trên đời này.*

“Sao nào?” tôi thúc giục. “Không khả thi sao?”

Kit bực tức thừa nhận rằng việc đó là có thể. “Làm ơn nói với anh rằng em không có cái ý định dành hết cả ngày ngồi xem cái tour đó đủ một nghìn lần,” anh nói. “Làm ơn.”

“Tôi có thể xem chiếc máy tính xách tay được không?” Sam K hỏi.

Trong khi Kit dẫn anh ta lên tầng, tôi đi tới đi lui, hình dung ra căn phòng khách số 11 Bentley Grove, cố gắng lật mở chi tiết còn thiếu. *Người phụ nữ biến mất. Vững máu biến mất. Và còn một điều gì đó nữa...*

Tôi quá nhập tâm suy nghĩ đến mức không để ý rằng Kit đã quay lại. Tôi nhẩy dựng lên khi anh nói, “Anh biết tất cả mọi người đều ghét những trung tâm môi giới bất động sản, nhưng em đã đẩy chuyện này đến một mức độ hoàn toàn khác. Em chưa hề suy xét tới lý do. Tại sao một tay cò bất động sản thiên tài xấu xa nào đó, ngồi trong văn phòng của mình tại Cambridge, lại muốn mang xác một phụ nữ với một bể máu vào tour ảo của ngôi nhà hắc ta đang cố bán? Đấy liệu có phải, nói là gì nhỉ, một kỹ thuật marketing mạo hiểm mới không? Có lẽ em nên xem ngôi nhà được rao bán thông qua người môi giới nào, rồi gọi và hỏi họ.”

“Không,” tôi nói, cảm thấy bình tâm hơn trong khi anh bắt đầu mất bình tĩnh. “Cảnh sát mới là người nên làm điều đó.” Tôi sẽ không để anh biến chuyện này thành thứ để cười cợt.

“Em nói cô ta bị sát hại. Hầu hết những kẻ giết người đều muốn che giấu hành vi của mình, chứ không phát sóng nó trên một trong những trang web phổ biến nhất cả nước.”

“Em nhận thức được việc đó, Kit. Em cũng biết mình đã nhìn thấy gì.” Tôi muốn hỏi anh một chuyện, nhưng mỗi câu hỏi tôi đặt ra đều là một cơ hội nữa cho anh nói dối. “Sao anh không kể với anh ta?”

“Kể với anh ta?”

“Nói với Sam. Rằng em bị ám ảnh với nhà số 11 Bentley Grove rất lâu trước đêm hôm qua rồi. Toàn bộ câu chuyện.”

Kit trông như vừa bị bắt thóp. “Sao em không nói với anh ta ấy? Anh cho là em không muốn anh ta biết, vì...” Anh ngừng lại, nhìn đi chỗ khác.

“Bởi vì?”

“Em biết rõ quá rồi còn gì! Nếu anh mà nói cho anh ta chuyện gì đã xảy ra từ tháng Một tới giờ, anh ta sẽ không đời nào dành

thời gian cho người phụ nữ đã chết của em đâu – anh ta sẽ tin chắc cái xác biến mất đó, chẳng khác gì phần còn lại câu chuyện, cũng chỉ là từ trí tưởng tượng của em!”

“Có đúng thế không? Biết đâu anh ta lại suy đoán ngược lại – rằng có thể chuyện gì đấy đang thực sự xảy ra, liên quan đến ngôi nhà số 11 Bentley Grove và anh?” Tôi không muốn mạo hiểm và có lẽ Kit cũng thế.

Đôi mắt anh ngập nước. “Anh không thể chịu đựng chuyện này thêm nữa, Con. Anh đã nói với em rất nhiều, và em không chịu nghe.” Anh đổ ập xuống một chiếc ghế, day day thái dương. Trông anh già đi rất nhiều so với sáu tháng trước. Gương mặt anh thêm nhiều nếp nhăn, tóc bạc hẫ đi, cặp mắt thiếu tinh anh hơn. Có phải vì những gì tôi đã gây ra cho anh? Cả hai phương án đều quá tồi tệ để suy xét: hoặc anh chính là người đàn ông tốt bụng, vui tính, trung thành, chính trực mà tôi đã đem lòng yêu và tôi đang hủy hoại anh một cách chậm rãi nhưng chắc chắn, hoặc anh là một kẻ xa lạ đã đeo lớp nạ trang trong nhiều tháng trời, có lẽ hàng năm trời – một kẻ lạ mặt rồi cuối cùng sẽ hủy hoại chính tôi.

“Anh yêu em, Con,” anh nói bằng một giọng trống rỗng. Tôi bắt đầu khóc. Tình yêu mà anh dành cho tôi chính là thứ vũ khí lợi hại nhất. “Anh sẽ luôn yêu em, dù cho em có thành công trong việc đẩy anh ra khỏi ngôi nhà này và ra khỏi cuộc đời em. Đó là lý do anh đã không kể hết...” – anh đưa tay chỉ lên gác – “... toàn bộ câu chuyện. Nếu em muốn cảnh sát nghiêm túc với câu chuyện của em, nếu em muốn họ tới số 11 Bentley Grove và kiểm tra rằng chẳng có cái xác phụ nữ nào nằm trên thảm thì, dù điều đó có điên rồ thế nào đi nữa, đó cũng là điều anh muốn. Anh muốn em thấy khá hơn.”

“Em biết,” tôi nói, cảm thấy tê liệt bên trong. Tôi không biết mình biết cái gì nữa.

“Em có biết anh cảm thấy khó khăn đến thế nào không, sống trong sự ngờ vực trong khi mình chẳng làm gì sai? Em tưởng anh không biết em đang nghĩ gì hả? ‘Kit là con một máy tính. Có lẽ anh ta có thể khiến cho một cái xác xuất hiện rồi biến mất chỉ

trong vài giây. Có thể anh ta đã tự mình giết chết người đó.”

“Em không nghĩ thế!” tôi nức nở. *Bởi tôi không để mình đi xa đến mức đó.* “Em ghét phải nghi ngờ anh, em thực sự ghét việc đó. Giá như số 11 Bentley Grove ở bất kỳ chỗ nào khác chứ không phải Cambridge...”

Sam K đã trở lại, đứng ở ngưỡng cửa. Anh ta đã nghe lắm được bao nhiêu rồi? “Tôi sẽ cho anh chị biết tôi định làm gì,” anh ta nói. “Tôi sẽ tự mình nói chuyện với cảnh sát quận Cambridge. Họ sẽ quan tâm hơn nếu tôi là người liên hệ trước.”

Tim tôi như nhảy vọt lên. “Có phải anh...?” Tôi chỉ lên trên lầu, về phía văn phòng của chúng tôi.

“Tôi không thấy cái xác nào cả, không. Hay bất kỳ vũng máu nào.”

“Nhưng...”

“Khả năng cao là chị đã quá mệt mỏi nên gặp phải tình trạng kiểu như là... ảo giác nhất thời. Vừa nãy chị gọi là... là gì nhỉ? Sự đánh lừa tri giác. Nhưng, cùng lúc đó, tôi cũng không muốn bỏ qua những gì chị đã kể với tôi, bởi vì...” Anh ta thở dài. “Vì chị đã gọi cho Simon Waterhouse, không phải tôi. Simon Waterhouse là người chị muốn. Tôi không thể tự biến mình thành cậu ấy được, nhưng tôi có thể làm được điều tốt thứ hai, điều mà tôi biết cậu ấy sẽ làm: suy xét việc của chị nghiêm túc.”

“Cảm ơn anh,” tôi nói.

“Đừng cảm ơn tôi – tôi chỉ là người thế chỗ thôi.” Sam K mỉm cười. “Chị có thể cảm ơn Simon vào lần tới chị gặp cậu ấy.”

Chỉ tới khi anh ta rời đi tôi mới chợt nhận ra những lời nói đó có nghĩa là gì: anh ta biết tôi đã từng gặp Simon rồi.

TANG VẬT SỐ: CB13345/432/20IG

TRƯỜNG TIỂU HỌC CAVENDISH LODGE

BẢN TIN SỐ 586

Ngày: Thứ Hai này 30 tháng 11 năm 2009

Mèo con tại Cavendish Lodge!

Chúng ta đã có một cuộc họp lớp với một sự khác biệt nho nhỏ ở Lớp 1! Con mèo Bess của Marcus vừa sinh được năm chú mèo con, và bố mẹ em đã đưa chúng tới trường! Chúng ta đã có một khoảng thời gian tuyệt vời chơi đùa với những vị khách có lông dễ thương, và có một cuộc nói chuyện rất thú vị sau đó về thú cưng và cách chăm sóc chúng. Vô cùng cảm ơn Marcus cùng gia đình em vì niềm vui hết sẩy này! Dưới đây là hai nhận xét đáng yêu của các học sinh Lớp 1...

Chiều hôm qua bạn Marcus đưa mèo con đến trường. Chúng rất dễ thương chúng màu đen với những đốm trắng. Con được bế một con mèo chúng đáng yêu lắm và nhiều lông nhưng chúng có móng vuốt màu hồng. Một trong số chúng chạy ra sau đờn piano. Con nghe thấy một con mèo kêu rừ rừ. Mắt chúng xanh như hai hòn bi ve. Chiều qua rút là vui.

Harry Bradshaw viết

Ngày hôm qua Marcus và mẹ bạn ấy đã mang mấy chú mèo con đến buổi họp lớp chúng con đã nói chuyện về cách chăm sóc thú cưng chúng rất đáng yêu vài con có bộ lông đen với những đốm trắng. Con mèo mẹ Bess không có ở đó. Con được bế tận bốn con mèo người chúng mềm như lông vũ vậy.

Tilly Gilpatrick viết

Thứ Bảy, ngày 17-07-2010

Charlie không biết phải làm gì với họ của mình. Cô chưa từng coi nó là một vấn đề cho tới khi Simon đề cập đến nó ở sân bay. Anh gật gù khi nhìn vào hộ chiếu của cô và nói, “Anh cho là em sẽ phải làm một cái mới rồi.” Cô không hiểu ý anh là gì, và cô hẳn là đã rất thảm hại trong việc che giấu cơn sốc của mình khi nghe anh giải thích. Simon cười với cô. “Đừng lo,” anh nói. “Anh đoán là em sẽ đổi sang họ của anh, nhưng nếu em không muốn, anh cũng không phiền đâu.”

“Thật ư?” Charlie hỏi, ngay lập tức cảm thấy lo lắng về vẻ hạnh phúc của anh, thứ mà cô thấy thật mong manh và bị đe dọa ngay cả khi mọi thứ đang diễn ra ổn thỏa. Cô đã định làm việc ngược lại: cô sẽ giữ cái tên Charlie Zailer. Thành thật mà nói thì, cô đã ngạc nhiên là Simon không nghĩ như thế. Charlie giận dữ với chính mình vì đã không chuẩn bị cho chủ đề quan trọng đến vậy, cô vốn đã quyết rằng mình sẽ làm bất cứ điều gì anh muốn. Có những cái họ nghe còn tệ hơn Waterhouse.

Tuy nhiên, dường như, trong một khoảnh khắc cảm xúc của Simon chẳng có gì phức tạp. “Thật sự thì,” anh đảm bảo với cô, “tên em là gì có quan trọng không? Đó chỉ là một cái nhãn thôi, nhỉ?”

“Chính xác,” cô đáp, mặt nghiêm túc. “Ý em là, khi nghĩ về chuyện đó, thì có thể em sẽ chỉ được gọi là nữ Sĩ quan cảnh sát số 53.437, phải không?”

Vấn đề tên họ choán ngợp tâm trí cô từ lúc ấy. Những người phụ nữ đã kết hôn khác làm gì? Những người hàng xóm của Charlie: Marion Gregory, Kate Kombothekra, Stacey Sellers, Debbie Gibbs – họ đều đổi họ. Olivia, chị gái của Charlie, người

chuẩn bị làm đám cưới sang năm, đang cố thuyết phục Dominic, chồng sắp cưới của mình, rằng họ nên để tên là nhà Zailer-Lund. “Hoặc anh ấy có thể giữ tên như vậy và chị sẽ là Zailer-Lund một mình,” chị ấy nói với Charlie một cách ương ngạnh. “Nếu Dom muốn trói buộc mình trong gông cùm đang mục nát dần của truyền thống lỗi thời, đó là quyết định của anh ấy. Anh ấy không thể ngăn chị chọn lấy một hướng tiếp cận tiến bộ hơn.” Hiểu rõ về Olivia, Charlie ngờ rằng quyết tâm của chị ấy chẳng liên quan gì đến vấn đề chuẩn mực xã hội, mà thực chất liên quan đến khao khát được mang họ kép.

Charlie Zailer-Waterhouse. Không, chuyện đó không cần bàn cãi gì hết. Không giống như Liv, Charlie không ham hố gì cái mã ngoài của tầng lớp quý tộc phong lưu, một cái họ kép sẽ là nỗi xấu hổ với cô, cũng như sẽ trở thành cơ hội cho mọi người tại đồn trêu chọc.

“Sao chúng ta không lấy một họ mới?” cô gọi Simon, người đang ở trong bể bơi – hay, đúng hơn là, trên bể, nằm trên một chiếc thuyền hơi đang bập bênh trên mặt nước khi họ vừa tới. Hai cánh tay và chân của anh lê thành vệt dài trên mặt nước khi anh thả bản thân trôi lững lờ. Thỉnh thoảng, anh lại khỏa cánh tay như mái chèo để xoay lại hoặc đẩy người đi. Một vài lần anh thò chân ra khỏi rìa thuyền, thử đá chân về sau, để xem mình có đẩy thuyền đi hết quãng đường sang phía bên kia hay không. Anh không làm được, bể bơi quá rộng.

Charlie đã bí mật theo dõi anh, trong khi vờ như đang đọc sách, được gần một tiếng rưỡi. Điều gì đang diễn ra trong tâm trí anh? “Simon?”

“Hả?”

“Anh xa cách quá.”

“Em vừa nói gì à?”

“Thay vì em đổi sang họ của anh, sao mình không chọn một cái họ mới? Cho cả hai chúng ta luôn.”

“Đừng ngớ ngẩn vậy. Chẳng ai làm thế cả.”

“Charlie và Simon Herrera.”

“Đấy không phải họ của Domingo à?”

“Chính xác. Mình có thể khởi đầu một truyền thống mới: người đầu tiên anh gặp trong tuần trăng mật, họ của người đó trở thành họ mới của cặp vợ chồng.” Domingo là người trông giữ biệt thự này: một anh chàng cơ bắp trẻ tuổi với làn da rám nắng, hút thuốc như ống khói, anh ta hầu như không nói được tiếng Anh và có vẻ như đang sống trong một ngôi nhà gỗ nhỏ theo phong cách miền núi Thụy Sĩ ở góc tít xa của khu vườn. Anh ta là người đã đón Simon và Charlie ở sân bay và chở họ tới Los Delfines, rồi dẫn họ đi tham quan một vòng ngôi nhà và sân vườn mà không hỏi trước – có lẽ vì vốn từ vựng không đủ – dù cho họ muốn đợi đến sáng. Chuyến tham quan kéo dài gần một giờ. Domingo nhất quyết phải dừng trước từng thiết bị một và chỉ vào nó, trước khi minh họa, trong sự im lặng tuyệt đối, rằng thứ đó nên được sử dụng như thế nào.

Charlie không để tâm. Cô đã bước qua cánh cổng gỗ xây trên một bức tường trắng cao với mái uốn vòm, đã hít sâu hương thơm ấm áp và thoáng đặng của khu vườn, đã thấy bề bơi sáng lấp lánh như một viên đá xanh khổng lồ rục rờ và phải lòng Los Delfines ngay lúc ấy. Nếu cô buộc phải xem Domingo làm điệu bộ diễn tả cách xoay chìa trước ổ khóa và cách điều chỉnh hoặc bỏ tùy chỉnh của chuông báo động, để có thể được ở đây trong hai tuần, đó sẽ là cái giá mà cô rất vui lòng trả.

Mọi điều về nơi này đều hoàn hảo. Hoàn hảo đến mức Charlie lo lắng khi so sánh nó với bản thân và Simon. Nếu như điều duy nhất không ổn ở đây chính là họ thì sao? Cô biết rằng mình thật ngu ngốc khi đem so sánh một người với những người khác – đem so sánh cô và Simon với những cặp vợ chồng khác – nhưng khó mà tránh được việc đó. Charlie không biết một cặp mới cưới nào mà lại bước vào tuần trăng mật của mình theo kiểu những tên xã hội đen đứng ra chỉ điểm bước vào chương trình bảo vệ nhân chứng. Kathleen, mẹ của Simon, mắc chứng sợ máy bay cũng như sợ gần hết mọi thứ trên đời, không thể chịu đựng ý nghĩ rằng con trai mình sẽ đặt chân lên máy bay. Vậy nên Simon đã bảo mẹ là anh và Charlie sẽ tới Torquay cho tuần trăng mật –

bằng xe lửa. Kathleen đã hỏi họ sẽ ở đâu, phòng khi bà cần liên lạc với anh trong trường hợp khẩn cấp. Anh có thể nêu ra một cái tên khách sạn nào đó ở Torquay, có thật hoặc bịa, nhưng anh biết Kathleen sẽ cố liên lạc với con trai chỉ trong vài ngày và phát hiện ra anh nói dối. Tóm lại, Simon chẳng còn lựa chọn nào ngoài việc từ chối tiết lộ cho bà. “Sẽ không có trường hợp khẩn cấp nào đâu,” anh nói chắc nịch. “Và nếu có, mẹ sẽ phải đợi thôi.”

Kathleen đã hờn dỗi, khóc lóc, van xin. Đã có lúc, sau một trong những bữa trưa Chủ nhật đầm nước mắt đặc trưng của mình, bà quỳ xuống và ghì chặt lấy chân Simon. Thế là anh phải kéo bà ra khỏi mình. Charlie đã rất sốc, vì thái độ chẳng lấy gì làm ngạc nhiên của Simon, cũng như tất cả mọi điều khác. Michael, bố của anh, cũng chẳng có vẻ kinh ngạc gì cả. Sự đóng góp bằng lời duy nhất của ông là một câu lầm bầm hiềm hoi “Làm ơn đi, con trai,” tới Simon. *Làm ơn đi, con trai, cho bà một cách để liên lạc với con. Xin hãy để cuộc đời bố dễ thở hơn.*

Simon vẫn giữ vững lập trường, trong sự nhẹ nhõm vô cùng của Charlie. Dù cho cô phản đối mãnh liệt, anh vẫn chấp nhận lời mời tới ăn trưa tại nhà bố mẹ anh vào Chủ nhật tuần sau đó. “Thần kinh anh có bình thường không thế?” Charlie quát vào mặt anh. “Chuyện đấy sẽ lại xảy ra – chính xác những gì xảy ra tuần trước.” Simon nhún vai và bảo, “Thì anh lại bỏ đi như tuần trước.”

Simon thích thú với niềm tin rằng mẹ không kiểm soát anh, nhưng rồi anh lại làm những việc kiểu như năn nỉ hai người họ đi cả quãng đường dài tới tận Torquay để làm đám cưới – “để khiến lời nói dối nghe nó thật hơn tí,” anh nói, không sẵn lòng nhận ra sự phi lý ở đây. Charlie muốn được kết hôn ở Văn phòng đăng ký Spilling, cô ghét cái ý nghĩ rằng mọi thứ liên quan đến đám cưới của họ bị bức chế bởi bà mẹ chồng thâm hại. Simon đã quát lại cô: “Anh tưởng em mê Torquay. Không phải đấy là lý do chúng ta giả vờ đến đó nghỉ trăng mật à?”

Lạ lùng hơn nữa, Kathleen không cố ép họ tổ chức đám cưới tại nhà thờ, trong khi Charlie đã lo bà sẽ bắt thế. Cô không hề lên

tiếng phản đối khi Simon bảo rằng đám cưới sẽ chỉ có bản thân anh, Charlie và hai nhân chứng tham gia, không hề có sự xuất hiện của Kathleen. “Bà thấy nhẹ nhõm,” anh giải thích. “Không trông chờ được gì ở bà cả. Nghĩ mà xem: trong hầu hết các đám cưới, mẹ của chú rể dành phần lớn thời gian tỏ ra thân thiện và chào đón khách khứa. Bà sẽ không bao giờ làm được như thế. Kiểu gì cũng sẽ có một cơn bệnh bất ngờ và bố phải ở nhà để chăm sóc bà.”

Bố mẹ của Charlie cũng đã rất cảm kích khi biết rằng họ không bắt buộc phải có mặt ở lễ cưới. Bố của cô thích chơi golf hơn bất cứ việc gì khác. Ông có thể nghỉ một ngày vì Charlie và cố vui vẻ tận hưởng đám cưới, nhưng sớm thôi, ông sẽ tìm được cái cớ gì đó để chìm vào tâm trạng tồi tệ. Bất kỳ ngày nào không chơi golf đều là một ngày thảm họa với Howard Zailer, và với bất kỳ ai xui xẻo đụng phải ông khi đang trong tình trạng thiếu golf.

“Melville thì sao?” Simon hỏi to từ bể bơi.

“Hả?”

“Họ mới của chúng ta.”

“Sao lại là Melville?”

“Như trong Herman Melville.”

“Thế còn Dick thì sao?”

Simon giơ ngón tay hình chữ V về phía cô. Moby Dick là cuốn tiểu thuyết ưa thích của anh. Mỗi năm anh đọc nó một lần. Anh đã mang theo nó tới Tây Ban Nha, đó đúng ra phải là cuốn sách dành cho kỳ trăng mật của anh, vậy sao anh lại không đọc nó? Sao anh lại bằng lòng với việc trôi đi vô định, như thể chẳng còn điều gì khác anh muốn làm nữa? Những chiếc lá và cánh hoa nổi trên mặt bể trông còn có vẻ đang nỗ lực hơn.

Sao anh lại không ân ái với vợ mình?

Không phải bạn đáng ra phải dành phần lớn tuần trăng mật của mình trên giường sao? Hay chỉ như vậy nếu hai người chưa từng chung đụng trước khi kết hôn?

Charlie thở dài. Có phải cô đang mong đợi quá nhiều hay không? Sau bao nhiêu năm trời tránh né sự tiếp xúc thể xác với

cô, năm ngoái Simon cuối cùng cũng quyết định rằng đã tới lúc họ hoàn thiện mối quan hệ của mình. Kể từ đó, mọi chuyện đều ổn thỏa. Phải tạm gọi là ổn. Charlie vẫn không dám chủ động tiến tới, cô cảm nhận được Simon sẽ không thích như vậy. Tương tự, rõ ràng việc trò chuyện – trong, ngay sau đó, hay về chủ đề đó – là điều cấm kỵ. Hay Charlie đang tưởng tượng ra những rào chắn không thực tồn tại? Có lẽ Simon chẳng mong muốn gì hơn việc cô nói ra, “Anh có muốn ngủ cùng em không, hay anh chỉ làm thế vì anh cảm thấy đây là chuyện cần làm?” Về mặt thể chất thì dường như Simon làm cũng ổn, nhưng anh luôn có một vẻ thật xa cách – mắt nhắm lại, im lặng, đôi lúc gần như là máy móc.

Vàng mặt trời giữa buổi ban chiều đang thiêu đốt. Charlie suy xét việc gọi Simon vào trong nhà và thoa thêm kem chống nắng. Rồi cô có thể đi theo sau anh và... Không. Không bao giờ chủ động khơi gợi việc quan hệ là một quy tắc hữu ích, và cô đã quyết tâm tuân theo nó. Một lần – nhiều năm trước tại một buổi tiệc, rất lâu trước khi họ chính thức bên nhau – Simon đã từ chối sự chủ động của cô một cách đặc biệt thô bạo. Charlie đã quyết tâm sẽ không bao giờ để chuyện đó xảy ra một lần nữa.

Cô nghe thấy tiếng động sau lưng mình – tiếng bước chân. Domingo. Cô cứng người lại, rồi thở hắt ra nhẹ nhõm khi thấy anh ta cầm trên tay cái cào cùng chiếc cuốc. Anh ta tới đây để làm việc, chỉ có thế. Khu vườn bao bọc Los Delfines từ mọi phía rõ ràng là thú vui lẫn niềm tự hào của một ai đó – có lẽ là của Domingo, có lẽ là của người chủ nhà. Cả khu vườn bùng nổ những sắc màu đa dạng hơn bất cứ nơi nào mà họ từng cùng nhau ngắm nhìn: đỏ rực ánh lửa, đỏ tía, tím, tím nhạt tử đinh hương, xanh hoàng gia, cam, vàng, mọi sắc độ của xanh lục. Nó khiến hầu hết những khu vườn Anh quốc trông thật nhợt nhạt. Charlie thích nhất loài cây mà cô tưởng tượng là ‘cây hoa ly trồng ngược’, từ đó những đóa hoa loa kèn trắng muốt được treo lên như chụp đèn.

Cô đặt cuốn sách xuống và đi về phía hồ bơi. Không phải vì cô muốn lại gần Simon, mà vì cái nóng bắt đầu trở nên cháy bỏng

và cô cần được làm mát. Cô đặt chân lên những bậc thang bằng đá cẩm thạch kiểu La Mã dẫn xuống nước. “Chính xác nhiệt độ chuẩn,” cô nói. “Không lạnh, nhưng không ấm. Như kiểu bồn tắm nóng ai đấy để từ hai tiếng trước.”

Simon không đáp.

“Simon?” Anh đang tập trung vào việc gì, tới mức không thể nghe thấy cô dù cô ở ngay bên cạnh anh?

“Hử? Anh xin lỗi. Em vừa nói gì cơ?”

Câu đó còn chẳng đáng nhắc lại. Xem ra thật đáng tiếc nếu Charlie làm lỡ mất cơ hội này, cô nên nói điều gì đó quan trọng hơn trong khi anh còn chú ý đến cô. “Mỗi lần em thấy Domingo đi về phía chúng ta, em lại hoảng.”

“Em sợ Domingo sẽ dẫn chúng ta đi xem vài cái công tắc đèn nữa à?”

“Không, không phải thế, mà là... Số điện thoại của anh ta có trên trang web. Như thế nghĩa là người khác có thể liên lạc với mình qua anh ta, đúng không?”

Simon cố ngồi thẳng dậy trên chiếc thuyền của mình. “Em đang lo lắng về mẹ anh à? Bà không biết chúng ta đang ở đâu. Không ai biết.”

“Olivia biết.” Liệu anh có nổi giận vì cô lỡ nói cho chị gái điều đáng ra phải là bí mật giữa họ? Có vẻ như là không. Charlie đấu tranh nội tâm dữ dội với thôi thúc muốn hỏi xem liệu anh có dành toàn bộ sự chú ý cho cô hay không. “Khi em bảo Liv chỗ này tốn bao nhiêu tiền, chị ấy khẳng khẳng muốn được xem ảnh. Em phải cho chị ấy xem trang web.”

“Chị ấy sẽ không nói cho mẹ anh biết chứ?”

“Em không lo về Kathleen,” Charlie nói. “Mà về công việc kia.”

Simon hắt ra một tiếng khó chịu. “Diễn Đàn Vì Cộng Đồng An Toàn Hơn vẫn có thể hoạt động thiếu em trong mười bốn ngày.”

“Ý em là công việc của anh ấy. Chẳng ai quan tâm nếu em không có ở đó.”

“Ai cơ, Người Tuyết á? Sau bao nhiêu tháng trông chờ kỳ nghỉ

Waterhouse của mình, phải, Proust gọi nó như thế đấy? Sẽ chẳng có chuyện ông ta đi tìm chúng mình đâu. Em có biết câu cuối cùng ông ta nói trước khi anh đi không? ‘Cả hai hãy cùng tận dụng hết cỡ hai tuần nghỉ ngơi của chúng ta, Waterhouse. Tôi có lẽ sẽ không đi bất cứ chỗ nào thú vị hơn văn phòng mình và cái căng tin, nhưng chỉ cần không có sự xuất hiện phiền phức liên tục của cậu ở mỗi nơi tôi tới, đây vẫn là kỳ nghỉ lễ trong tim tôi.’”

“Tin em đi, Proust rất nóng lòng mong anh quay lại. Ông ta đang đếm từng ngày đó.”

“Đừng nói thế,” Simon cảnh báo cô. Anh ghét cái ý tưởng rằng thanh tra thám tử có thể cảm thấy gì khác ngoài việc ghê tởm anh.

“Chúng ta rời đi và chỉ còn Liv và Gibbs ở riêng với nhau,” Charlie nói “Nhỡ mà Liv cảm thấy còn tức giận hơn lúc ban đầu và kể với Gibbs, và nhỡ như...?” Cô không muốn nói điều ấy ra thành lời, như thế làm như vậy sẽ khiến cho nó dễ trở thành sự thật hơn.

“Gibbs?” Simon cười. “Gibbs còn chẳng buồn bắt chuyện với anh khi anh ngồi cạnh. Anh ta sẽ chẳng mất công lần tìm anh xuống tận Tây Ban Nha đâu. Sao anh ta lại phải thế chứ?”

“Nếu ở chỗ làm xảy ra chuyện gì đó kì lạ hơn thường ngày, và mọi người đều nghĩ, ‘Giá mà Simon có ở đây, giá mà mình có thể hỏi ý kiến của anh ấy...’”

“Không, mọi người không nghĩ thế đâu. Họ sẽ nghĩ, ‘Cảm ơn Chúa, Waterhouse không ở đây để phức tạp hóa mọi thứ lên.’”

“Anh biết là không đúng thế. Sam Kombothekra sẽ không nghĩ như thế. Và nếu như Gibbs...”

“Kệ nó đi, Charlie! Olivia sẽ không kể cho Gibbs biết chúng ta ở đâu, Gibbs sẽ không nói với Sam, Sam sẽ không vấp vào bất kỳ vấn đề nào khiến anh ta phải trao đổi với anh trong hai tuần tới. Được chưa? Thư giãn đi.”

Anh nói đúng, không có vẻ gì là họ sẽ bị làm phiền bởi bất kỳ ai ở nhà. Vậy tại sao Charlie không thể trút bỏ nỗi lo lắng đang

chiếm đầy buồng phổi của cô, chỗ đáng ra phải dành để thở?

“Anh hoàn toàn là của em trong hai tuần tới, vậy nên coi như em không may đi,” Simon nói. “Câu trích dẫn của Mark Twain là gì ấy nhỉ? ‘Tôi đã lo lắng về hàng nghìn điều trong đời mình, chỉ một ít trong số đó thực sự xảy ra.’ Hay câu gì đó kiểu như thế. Nhìn kìa.” Anh chỉ vào khoảng trống giữa hai cái cây, về phía một ngọn núi lớn ở phía xa.

“Em phải nhìn vào cái gì đây?” Charlie hỏi.

“Ngọn núi ấy. Có thấy gương mặt không?”

“Bề mặt quả núi á?”

“Không, một gương mặt thật sự ấy. Trông như thể nó có gương mặt vậy.”

“Em không thấy gì cả. Sao, ý anh là kiểu như nó có mắt, mũi, miệng á?”

“Và lông mày nữa, anh còn thấy một bên tai, anh nghĩ thế. Em không thấy sao?”

“Không.” Charlie cố không tỏ ra gắt gỏng. “Em không thấy gương mặt nào trên núi cả. Nhìn có thu hút không?”

“Đấy hẳn chỉ là do ánh sáng đánh lừa thị giác thôi, nhưng... anh thắc mắc liệu nó có thay đổi khi mặt trời di chuyển không. Nó chắc là phải có liên hệ với những cái bóng do các chỏm đá đổ xuống.”

Charlie nhìn chăm chú rất lâu, nhưng chẳng có gương mặt nào hiện lên trước mắt cô cả. Ngu ngốc thay, cô thấy mình như bị bỏ rơi. Simon và chiếc thuyền của anh đã trôi về phía bên kia bể. *Tốt hơn là nên bơi vài vòng*, cô quyết định, *cho khỏe người*. Cô quyết tâm từ giờ trở đi sẽ không hoảng sợ nữa khi thấy Domingo đi về phía mình, kể cả khi cô đã có một hình ảnh rõ nét đến kinh ngạc về việc anh ta phục kích cô và Simon bằng máy từ, “Điện thoại, nước Anh,” vẫy vẫy chiếc điện thoại di động trong không trung.

“Charlie?”

“Ừm?”

“Em sẽ làm gì nếu...?” Simon lắc đầu. “Không có gì đâu,” anh nói.

“Em sẽ làm gì nếu làm sao cơ?”

“Không có gì đâu. Quên đi.”

“Em không thể quên được, và anh biết là em không thể,” cô đáp. “Nói cho em đi.”

“Chẳng có gì để nói cả.”

“Nói cho em nghe!”

Em sẽ làm gì nếu anh yêu cầu em ly dị? Em sẽ làm gì nếu anh nói anh muốn chúng ta ngủ riêng phòng?

“Em đang tưởng tượng những chuyện tồi tệ. Anh có muốn cứu em ra khỏi nỗi khổ sở này không?”

“Chẳng có gì tồi tệ cả,” anh nói. “Chẳng liên quan gì đến anh và em đâu.”

Thế nghĩa là nếu có việc gì liên quan đến hai người thì nó sẽ, nhất thiết, là tồi tệ?

Đừng có tự tạo ra vấn đề vốn không tồn tại nữa, Zailer.

Charlie chửi thề. Cô biết mình sẽ dành ít nhất hai tiếng đồng hồ tiếp theo để bắt anh kể cho mình, và cô biết bản thân sẽ thất bại thôi.

. . .

“Anh phải đi thôi,” Olivia bảo Gibbs, tay ấn vào lồng ngực anh ta. Suốt cả tiếng qua, cô đã cố đẩy anh ta ra khỏi giường, nhưng anh ta khỏe hơn và cứ khăng khăng.

“Không, tôi chưa phải đi.” Anh ta đang nằm ngửa, tay khoanh sau đầu.

“Có đấy, anh có phải đi! Chúng ta phải bắt đầu giả vờ mình không phải đám đôi bại hư hỏng vô luân. Nếu ta bắt đầu ngay bây giờ, sẽ không mất quá lâu để điều đó trở nên thuyết phục – chúng ta có thể tin là thế ngay tối nay nếu gặp may.” Gibbs gần

như mỉm cười, nhưng vẫn không chịu nhúc nhích. Đã hai giờ chiều, theo như điện thoại của Olivia. Phòng khách sạn của cô vẫn tối như khi họ loạng choạng đi vào đây mười hai tiếng trước. Chiếc màn chắn sáng hoàn toàn và những tấm rèm dày dường như nghiêm túc trong công việc duy trì màn đêm hơn bất kỳ loại rèm che nào mà Olivia từng gặp trước đó, và gia nhập vào lực lượng chống lại ánh mặt trời.

“Kiểu gì thì anh cũng không phải về nhà ư? Anh không có một cuộc đời, không có kế hoạch, không có giờ giới nghiêm nào sao? Tôi có cả ba thứ đó.” Cô từ bỏ việc đẩy anh ta. Sẽ chẳng có tác dụng, chỉ tổ đau tay cô.

Gibbs trở người lại để đối diện với cô. Thật buồn cười: dù cô gọi anh là Chris, cô chỉ nghĩ về anh như là Gibbs, cái tên mà Simon dùng để gọi anh. Liệu điều đó sẽ thay đổi? Cô tự đổ trách mình trong thâm lặng vì cứ nghĩ về anh ta ở thì tương lai. Cô cần tỉnh táo lại, nhưng làm sao có thể được, khi anh nằm bên cạnh cô, hơi ấm tỏa ra?

“Cố loại bỏ tôi hả?” anh ta hỏi.

“Ừ, nhưng... không phải theo nghĩa xấu đâu.”

“Có cả nghĩa tốt sao?”

“Tất nhiên rồi. Có cả đồng luôn ấy. Có kiểu tốt hy sinh thân mình ‘hãy để em ra đi và cứu lấy bản thân khi anh còn có thể’, và còn có kiểu...” Olivia dừng lại, nhớ ra anh ta từng ví cô với tờ họa báo tặng miễn phí ngày Chủ nhật, và lý do anh ta lại nói thế. “Chúng ta phải rời đi lúc ba giờ,” cô nói quyết đoán, để che giấu nỗi xấu hổ của mình. “Tôi không thể gọi và yêu cầu nghỉ thêm nữa.”

“Còn những nghĩa tốt nào nữa?” Gibbs hỏi. Anh ta thực sự hứng thú muốn biết?

Cô không thể nói cho anh ta sự thật. Cô vừa quan hệ với anh ta, ba lần. Nếu có bất kỳ tình thế nào đòi hỏi cái trái ngược với sự thật, thì đây chính là nó.

“Tôi sẽ không đi đâu hết nếu cô không nói cho tôi,” anh ta đe dọa.

“Vì Chúa! Được rồi, có thể cách này sẽ thành công – sau khi cách đẩy anh ra khỏi giường đã thất bại. Một nghĩa tốt khác là: tôi cần anh phải đi, để tôi có thể dành hết phần còn lại của hôm nay đắm mình trong suy nghĩ về mọi khía cạnh của con người anh, hồi tưởng lại từng câu từng chữ, từng hành động của anh trong đầu, và không nghĩ đến bất cứ gì khác nữa, vì một tương lai có thể thấy trước.”

Gibbs nhe răng cười. “Vậy cô sẽ dễ nghĩ về tôi hơn khi tôi ở đây.”

“Sai rồi. Chừng nào anh còn ở đây, tôi sẽ quá bận bịu thắc mắc về những gì anh đang nghĩ trong đầu, chẳng còn tâm trí đâu mà tự nghĩ ngợi gì nữa.”

“Tôi chẳng nghĩ ngợi gì hết, ngoại trừ việc tôi muốn yêu cô lần nữa, nhưng tôi đuối quá rồi.”

“Tôi không nghe, không nghe thấy gì!” Olivia lấy tay bịt tai lại. “Đừng có bổ sung thêm số những từ ngữ mà tôi sẽ phải hồi tưởng. Tôi cần giải quyết phần đang tồn đọng đã. Đừng có cười – tôi nghiêm túc đấy. Làm ơn đi đi. Đừng nói gì thêm nữa.”

“Để cô có thể suy nghĩ về tôi?”

“Phải.”

“Và không về thứ gì khác nữa?”

“Không gì cả cho đến khi tôi giải quyết hết phần tồn, không.”

Gibbs gạt đầu như thể yêu cầu của cô là hoàn toàn hợp lý. Anh ta ngồi dậy và bắt đầu thu nhặt quần áo. Olivia nhìn vào điện thoại một lần nữa. Hai giờ năm phút. Cô cảm thấy sự phấn khích trào dâng trong lòng khi tưởng tượng đến cảnh anh ta rời đi. Có những điều cô cần phải làm, rất cấp bách. Điều đầu tiên trong danh sách việc cần làm là phải giải tỏa hơi nóng theo một cách khá là mát mẻ: chạy vòng tròn quanh phòng và hét lên: ‘Ôi Chúa ơi, ôi Chúa ơi, ôi Chúa ơi!’ Điều thứ hai là đứng trước tấm gương lớn bên cửa ra vào và quan sát thật kỹ gương mặt và cơ thể mình, như thể cô chưa từng thấy chúng trước đây và sẽ không bao giờ thấy nữa, cố gắng ngấm chúng qua đôi mắt của Gibbs. Và rồi cô sẽ gọi cho Charlie. Hay nói đúng hơn, cô sẽ gọi

cho người quản gia ở Los Delfines, người có số điện thoại được đăng trên trang web, và yêu cầu anh ta nhắn với Charlie rằng hãy gọi cho cô. Bất kỳ người chị em tử tế nào – mà về cơ bản thì Charlie đúng là thế – sẽ muốn nghe một tin như vậy ngay lập tức.

Đoán xem ai đã hoàn toàn trở thành một con đàn bà lãng loàn nào? Là chị!

Có một vài chuyện tầm phào quan trọng đến mức nó phá bỏ mọi suy xét đến việc tôn trọng sự riêng tư của tuần trăng mật, thứ đang cản đường. Và trong một tình thế hoàn toàn ngẫu nhiên, đây lại chính là ví dụ điển hình. Olivia biết mình thích được tám chuyện về bản thân cũng nhiều như tám chuyện về người khác. Thậm chí còn thích thú hơn. Cô rất hiếm khi gây ra chuyện khiến mọi người sốc. Cảm giác thật mới lạ làm sao, khi trở thành kẻ gây xì-căng-đan ở tuổi của mình – làm một điều ngu xuẩn khôn tả khi, trong suốt bốn mươi một năm, không ai từng lo rằng cô sẽ làm.

Liệu cô có thể bảo Charlie đừng kể với Simon? Một vài người không thể giữ bí mật với vợ hay chồng mình. Liệu em của cô có trở nên quá đà trong việc chia sẻ mọi thứ, khi em ấy đã lấy chồng không? Simon sẽ không chấp nhận, như cái cách mà những người thiếu kinh nghiệm sống luôn luôn không chấp nhận việc người khác có các cuộc phiêu lưu mà bản thân họ đã bỏ lỡ. Cậu ấy sẽ cảm thấy, theo một cách mơ hồ nào đó, rằng đám cưới của mình và Charlie đã bị phá hỏng, bị biến chất, vì hai người làm chứng cuối cùng lại lên giường với nhau.

Olivia thở dài khi cô nhận ra sự liên đới. Vì lợi ích của Simon, Charlie sẽ phải chịu đựng cảm giác căm giận và tổn thương. Em ấy sẽ không nhìn nhận cuộc tình một đêm của Olivia với Gibbs như là một chuyện xảy đến với Olivia, mà là một điều tồi tệ xảy đến với người chồng quan-trọng-hơn-tất-thảy của mình. Có lẽ em ấy cũng sẽ phản đối vì chính bản thân mình và buộc tội Olivia đã đi quá giới hạn. Gibbs là cảnh sát, và vì thế anh ta thuộc về Charlie và Simon, không phải của Olivia, người không có bất cứ quyền gì mà chen vào một thế giới không phải của cô,

thế giới mà chỉ thỉnh thoảng cô mới được mời vào, trong sự thận trọng của Charlie.

Có phải cô đã cướp trắng ngày quan trọng nhất cuộc đời em gái mình không? Liệu có phải là không thể tha thứ được khi tự mình đóng vai nữ chính đối thủ mà không hề hỏi đến ý kiến của bất kỳ ai, trong khi đáng ra cô phải chấp nhận vai trò nữ phụ? Olivia không thể quyết định được liệu có phải mình vừa làm một chuyện tồi tệ với Charlie, hay cô chẳng gây tổn hại gì hết. Cô sẽ không bao giờ biết được, trừ phi cô kể cho Charlie biết chuyện đã xảy ra. Cô không thể nào tự dự đoán được, không thể nào khi cô không biết được em mình sẽ phản ứng ra sao.

Mình nên cảm thấy có lỗi với Dom, cô nghĩ, và với Debbie Gibbs. Họ là những người bị hại ở đây.

Gibbs đã mặc đồ chỉnh tề. “Tôi đi đây,” anh ta nói. “Cô có thể bắt đầu suy nghĩ.”

“Anh cũng vậy,” Olivia nói, muốn tìm ra một cách để gắn bó anh ta với mình, khi giờ đây anh ta chuẩn bị rời đi. “Nghĩ về tôi, ý tôi là thế.”

“Không nghĩ đến bất cứ thứ gì khác nữa,” anh ta đáp. “Vì một tương lai có thể thấy trước.”

Nghệ như trích dẫn ở đâu vậy. Bởi vì đúng là như vậy, Olivia nhận ra. Anh ta vừa trích dẫn chính lời cô.

. . .

Sam Kombothekra không quen với cảm giác tội lỗi, nhưng anh lại cảm thấy thế khi đang ngồi ở một bàn, bên cửa sổ trong quán cà phê kiêm quán bar Chompers, chờ đợi Alice Bean. Đây là – hãy sẽ là, trong trường hợp cô xuất hiện – một cuộc gặp mặt hoàn toàn không cần thiết, nhưng Sam đã lựa chọn nó thay vì một cuộc gặp buổi chiều tại nhà mình. Anh đã biết trước câu trả lời mà Alice sẽ đưa ra cho câu hỏi dự định của anh. Đáng ra anh có thể hỏi qua điện thoại, nhưng anh rất nóng lòng được gặp lại cô

bằng xương bằng thịt, nhiều hơn cả mức anh muốn thừa nhận với bản thân. Chỉ số ít phụ nữ có thể đạt mức huyền thoại hơn cả Alice trong thế giới nhỏ bé của Spilling. Sam đã nghe từ ít nhất mười nguồn khác nhau rằng vài năm trước, Simon Waterhouse từng có tình cảm gắn bó với cô. Lúc đó cô còn là Alice Fancourt.

Sam biết rằng mối quan hệ giữa cô với Simon (mối quan hệ mà theo Colin Sellers mô tả là ‘một sự phung phí thời gian’) đã kết thúc tồi tệ, đến mức từ đó hai người họ không nói chuyện với nhau nữa. Liệu có bao nhiêu phần của câu chuyện Alice sẽ kể với anh hôm nay? Khi nói chuyện trên điện thoại sáng nay, chỉ vài giây sau khi Sam giới thiệu bản thân, Alice đã hỏi ngay anh có làm việc với Simon không. Cô đã gợi ý quán Chompers làm địa điểm gặp mặt buổi chiều và nói rằng, “Đó là nơi tôi và Simon luôn hẹn gặp.” Sam cũng cảm thấy tội lỗi vì điều đó nữa: anh không chỉ bỏ mặc gia đình vào một ngày nghỉ của mình, anh có thể còn xáo trộn lại những ký ức đau lòng của một người xa lạ, chẳng vì lý do cao quý nào, ngoài việc thỏa mãn sự hiếu kỳ không lấy gì làm lành mạnh của mình.

Anh nhìn đồng hồ. Cô đã trễ mười phút. Có nên gọi cho cô không? Không, anh sẽ chờ mười lăm phút. Có lẽ anh sẽ yêu cầu một người phục vụ bật nhỏ nhạc xuống. Có thể đoán được là âm nhạc dùng để át đi tiếng ồn từ khu vực trò chơi không có rào chắn ở góc phòng, nơi đông nghẹt những đứa trẻ mẫu giáo còn thò lò mũi xanh đang la hét, một tá các bà mẹ mang trên mặt nụ cười cứng đờ đang ì xèo trong cơn ức chế bị kìm nén, bàn và ghế có hình những cây nấm, và một dãy những hình khối bằng nhựa không biết là gì được sắp xếp theo màu cơ bản. Sam không trách cứ lũ trẻ vì la hét, có lẽ anh cũng sẽ sớm làm thế thôi nếu phải ngồi đây chịu đựng thêm các ca khúc của Def Leppard từ những năm 1980.

Anh nhìn chằm chằm ra ngoài cửa kính về phía bãi đỗ xe. Bất kỳ lúc nào, Alice cũng có thể đỗ vào một trong những chỗ trống. Đây có thể là cô, đang đóng sầm cánh cửa một chiếc Renault Clio đỏ. Kính mát, xăng đan cột dây... Không. Simon sẽ không bao giờ phải lòng một gương mặt như thế. Sam tự hỏi liệu Alice

trông có giống Charlie chút nào không. Nếu đúng thế thì sao? Mà không giống thì sao? Tại sao anh lại thấy mọi thứ có liên quan đến Simon có sức hấp dẫn như vậy nhỉ? Sẽ không có chuyện anh kéo mình ra khỏi nhà để gặp một người phụ nữ mà Chris Gibbs, hay Colin Sellers, từng yêu. Nghĩ đến đó, có lẽ anh sẽ sẵn sàng đi một quãng đường dài để tìm gặp người phụ nữ hiếm hoi nào không khiến Colin nảy sinh cảm hứng, giả sử người đó có tồn tại trên đời.

Lấy làm xấu hổ vì những ham muốn không lành mạnh của mình, Sam cố tập trung vào Connie Bowskill. Anh nhanh chóng nhận ra mình lại nghĩ đến Simon Waterhouse một lần nữa. Không có gì sai trái cả, anh quyết định, không phải trong hoàn cảnh này. Simon là thám tử giỏi nhất mà Sam biết. Cậu ta cũng là thám tử giỏi nhất mà mọi người từng biết, dù hầu hết họ đều ngần ngại khi phải thừa nhận điều đó, và thích gạt bỏ cậu ta với lý do Simon thô lỗ, là một kẻ gây rối không đoán trước được. Vào ngày mừng một tháng Một năm nay, năm phút sau đêm giao thừa, Sam đã đi đến quyết tâm: thay vì cứ dai dẳng cảm thấy thấp kém trước Simon, và để cho cảm giác oán giận cứ thế chất chồng, anh sẽ cố gắng học hỏi từ cậu ta, cố gắng đặt cái tôi của mình sang một bên và xem liệu mình có thể đạt được gì từ việc bắt chước – bằng cách nghiên cứu hành động và thái độ của Simon, như thể một hôm nào đó anh sẽ phải làm bài kiểm tra về hai thứ đó – một phần của sự thông thái ấy.

Simon sẽ không gạt bỏ Connie Bowskill một cách vội vàng, Sam chắc chắn là như vậy. Liệu cậu ta có tin Connie không nhỉ? Trong trường hợp của Sam, sau khi gặp và nghe những gì chị ta kể, liệu Simon có nghiêng người về phía trước, suy nghĩ rằng chị ta đang phải chịu đựng sự căng thẳng và nhìn thấy những thứ không có thật, hay cậu ta sẽ tin rằng chị ta đang nói dối? Có lẽ cậu ta sẽ nghĩ sự vô lý trong câu chuyện của Connie khiến nó có vẻ dễ là sự thật hơn, bởi hiếm ai có thể tự tin đưa ra một câu chuyện dối trá táo bạo đến vậy.

Mày không phải Simon – đó là toàn bộ vấn đề đấy. Mày không hề biết cậu ta sẽ nghĩ gì.

Không, như thế không đúng. Chẳng ai làm việc gần gũi với một người trong nhiều năm liền mà lại không có chút ý niệm nào về việc người ta suy nghĩ ra sao. Simon sẽ nghĩ có ít nhất một khả năng là một tội ác đã xảy ra. Nếu cậu ta mà đi cùng Sam tới nói chuyện với nhà Bowskill sáng nay, cậu ta sẽ rời đi với suy nghĩ rằng chắc chắn có chuyện gì đó vô cùng sai trái ở ngôi nhà đó – Melrose Cottage, không phải số 11 Bentley Grove, Cambridge. Sam đồng ý, ở mức độ đồng thuận cao nhất mà một người có thể đạt được với hình ảnh phản chiếu trong tưởng tượng về một người vắng mặt. Có chuyện gì đó đang xảy ra: Connie và Kit Bowskill chưa kể hết cho anh mọi chuyện, còn xa mới đầy đủ. Anh đã nghe lỏm được khá khá cuộc hội thoại, đáng ra anh không được nghe, để chắc chắn rằng họ đang âm mưu che giấu điều gì đó.

Cái ý tưởng rằng một người nào đó đăng tấm hình xác chết lên trang web của một trung tâm môi giới bất động sản nghe thật nực cười. Còn hơn cả điên rồ. Trong tâm trí mình, Sam nghe Simon nói, “Điên rồ không nhất thiết có nghĩa là bịa đặt. Tình trạng điên rồ cũng thực như tình trạng tỉnh táo. Nó chẳng cần đến sự thấu hiểu của chúng ta để làm loạn lên và kết thúc mạng sống – nó chỉ cần tự hiểu chính mình. Đôi khi nó còn chẳng cần phải làm thế.” Ngay lập tức, Sam ước mình đừng nhớ lại lời bình luận, mà cùng với nó là ký ức về một ví dụ nữa mà Simon được chứng minh là đúng trong khi anh thì sai, mặc cho anh có niềm tin hợp lý hơn vào một khả năng dường như khả thi hơn rất nhiều.

Anh thở dài. Với tư cách là người thế thân tạm thời cho Simon, anh sẽ làm hết sức có thể để tìm ra người phụ nữ xấu số mà anh không tin là có thật – một người phụ nữ mặc chiếc váy màu xanh lá và tím tử đinh hương. Anh đã gọi điện cho cảnh sát Cambridge và làm rõ rằng anh muốn họ hành động, sau khi họ đã cười xong.

“Sam?”

Anh ngược lên và thấy một người phụ nữ với mái tóc ngắn nhuộm tẩy vàng, kính gọng nhựa nâu hạt dẻ và màu son bóng

đỏ tươi như màu xe buýt London. Cô mặc chiếc váy dài không tay màu hồng và mang đôi xăng đan đế bằng màu vàng kim, xách một chiếc túi với nhiều lỗ nhỏ, trông như thể nó được làm từ nhiều sợi dây thừng thừa thắt vào nhau. Những chiếc lỗ đó là dụng ý thiết kế, không phải kết quả của sự cũ sần, và Sam có thể nhòm thấy một vài thứ bên trong túi: một chiếc ví đỏ, một chiếc phong bì và vài cái chìa khóa.

“Alice Bean.” Cô mỉm cười và đưa tay ra. “Anh không biết chuyện này với tôi kỳ lạ thế nào đâu. Tôi chưa từng đặt chân đến nơi này trong gần bảy năm qua. Nếu tôi có đi lộn vào đâu, anh biết tại sao đấy.”

“Tôi gọi đồ uống cho cô nhé?” Sam hỏi, bắt tay cô ta.

“Rượu mùi chanh và nước chanh là tuyệt nhất. Thật nhiều đá. Tôi biết đây là thức uống cho trẻ con, nhưng trong tiết trời nóng thế này, không còn gì tuyệt hơn. Tôi phải đổ đến nửa lít mồ hôi trong xe trên đường đến đây mất.”

Sam quan sát cô qua khوة mắt mình khi anh xếp hàng ở quầy bar. Không thể chối cãi được là cô rất xinh, nhưng mái tóc đã làm anh ngạc nhiên – độ ngắn và màu của nó. Và đôi kính nâu, và nhất là màu son. Anh không hề nghĩ Simon sẽ... Nhưng đây là giả sử cô trông vẫn y như bảy năm trước, và rằng sở thích về phụ nữ của Simon là dễ đoán. Tại sao nó lại như thế được, khi không có gì về cậu ta là dễ đoán hết? Cậu ta đã cầu hôn Charlie trong khi cô ấy thậm chí còn chẳng phải bạn gái cậu ta.

“Vậy là Connie cho anh số của tôi?” Alice hỏi khi Sam đặt đồ uống xuống chiếc bàn trước mặt cô.

“Cô ấy không đưa. Tôi không hỏi cô ấy. Tôi tìm tên cô trong danh bạ, dưới mục ‘Liệu pháp sức khỏe thay thế – Liệu pháp vi lượng đồng căn’. Không có Alice Fancourts nào cả, nhưng tôi cho là Alice Bean có thể đúng, và đúng như vậy thật.”

“Alice Bean là tên trước khi lấy chồng của tôi. Tôi không còn là Fancourt nhiều năm rồi.”

“Cô có thường làm việc vào thứ Bảy không?”

“Không. Hôm nay tôi không đi làm. Tôi chạy vào khu trung

tâm để chọn thuốc cho con gái tôi, Florence, nó bị nhiễm khuẩn dạ dày. Hôm nay anh may nên mới gặp được tôi. Và tôi mong là anh không bị lây khuẩn, nhưng cũng có thể đấy, nên đừng nói là tôi chưa cảnh báo anh nhé. Tôi bị trước Florence và tất cả mọi người ở chỗ làm lại bị như thế trước tôi. Nó có thể lây được, chắc chắn vậy. Thêm vào đó, nó vượt qua hàng rào miễn dịch rất nhanh. Hai mươi tư tiếng đồng hồ nôn mửa và tiêu chảy và rồi nó chuyển sang giai đoạn khốn nạn tiếp theo.”

Tuyệt. Một điều thật đáng mong chờ.

“Tôi sẽ không làm mất nhiều thời gian của cô đâu,” Sam bảo. “Nhất là khi con gái cô đang ốm.”

“Con bé sẽ ổn thôi. Nó đang ở cùng với bạn tôi là Briony, cô ấy cũng như bà mẹ thứ hai của nó. Anh cứ giữ tôi bao lâu cũng được. Tôi hứa sẽ không làm khó anh bằng cách hỏi những câu khó trả lời đâu.”

Sam cố không tỏ ra sửng sốt. Không phải anh mới là người đặt câu hỏi sao? “Ví dụ như?” anh nói.

“Hỏi về Simon. Anh ấy sẽ không muốn anh nói chuyện về anh ấy với tôi – tôi biết anh ấy không muốn.” Alice đưa tay vào túi, lấy ra chiếc phong bì Sam đã nhìn thấy qua những chiếc lỗ, và đưa ra cho Sam cầm lấy. Anh thấy tên của Simon ở mặt trước, được viết tay bằng mực xanh, có gạch chân. “Anh có thể đưa anh ấy cái này được không?”

Sam nhận thức được cảm giác không muốn nhận lấy nó từ cô, nhưng lúc đầu không thể nghĩ được là vì sao. Nhưng rồi trí óc anh bắt kịp với trực cảm. *Không, cảm ơn.* Dù màn kịch có là gì đi nữa, anh không muốn sắm dù là một vai nhỏ nhất. Bàn tay của anh ở yên tại chỗ, bao quanh cốc cà phê. Cuối cùng thì Alice đành đặt chiếc phong bì trở lại túi và anh cảm thấy mình thật nhỏ mọn và tự đại, hiểu rằng anh đã chuyển sự tập trung từ cô và Simon sang chính bản thân cùng những phép tắc của mình. Anh ước giá mà mình cứ cầm quách cái thứ khỉ gió đó đi. Có nên nói cho cô biết hôm qua Simon đã kết hôn, rằng cậu ta đang hưởng tuần trăng mật? Liệu điều đó có làm mọi thứ tệ hơn vì nó chỉ vừa mới xảy ra hôm qua thôi? Sam không nghĩ nó tạo nên sự

khác biệt nào cả, nhưng lại cảm thấy đúng là như vậy, theo một cách nào đó.

Anh mở miệng để cố giải thích tại sao anh không nghĩ việc mình làm người trung gian trong mối quan hệ sẽ là một ý hay, nhưng Alice đã át lời anh, mỉm cười để thể hiện rằng cô không phật ý. “Anh muốn hỏi gì tôi về Connie? Chị ấy có ổn không?”

“Lần cuối cô nói chuyện với chị ấy là khi nào?”

“Tôi gặp chị ấy hai tuần một lần. Lần cuối là... chờ đã, tôi có thể cho anh biết chính xác.” Cô lấy ra một quyển sổ nhật ký nhỏ màu hồng từ chiếc lưới đánh cá mang phong cách tối giản của mình. “Thứ Hai tuần trước, bốn giờ.”

“Tuần vừa rồi hả? Thứ Hai ngày mười hai tháng Bảy?”

Alice gật đầu.

“Kể từ đó, cô có nói chuyện với chị ấy qua điện thoại không? Email hay nhắn tin?”

“Không, không có.”

“Và sáng sớm nay chị ấy không gọi cho cô?”

Alice lo lắng ra mặt. Cô vươn người về phía trước. “Không. Tại sao? Có chuyện gì đã xảy ra à?”

“Theo tôi thấy thì chị ấy vẫn ổn,” Sam đáp. Anh không có ý định nói gì hơn thế nữa.

“Tại sao lại là sáng sớm nay?” Alice nài hỏi. “Sao anh lại hỏi thế?”

Bởi vì xác một người phụ nữ xuất hiện trên màn hình máy tính của chị ta rồi biến mất. Và chị ta bảo tôi là cô gợi ý cho chị ta liên lạc với Simon Waterhouse, người sẽ tin vào những điều không thể tin nổi, nếu nó là thật. Ngoại trừ việc cô không thể gợi ý về anh ta lúc hai giờ sáng nay, bởi Connie không gọi cho cô lúc ấy. Chị ta không hề nói chuyện với cô kể từ khi thấy cái xác. Trừ phi chị ta nói dối về thời điểm nhìn thấy nó.

“Cô có khuyên Connie nói chuyện với Simon không?” Sam hỏi.

“Tôi thực sự không thể tiết lộ nội dung những cuộc trò

chuyện trao đổi giữa tôi và bệnh nhân của mình. Xin lỗi anh.”

“Tôi không yêu cầu cô kể với tôi bất kỳ điều gì mà Connie chưa tự mình nói ra với tôi. Chị ấy nói cô gợi ý là Simon không giống bất kỳ thám tử nào khác, sẵn sàng tin vào những gì mà hầu hết mọi người cảm thấy bất hợp lý.”

Alice gật đầu. “Đúng vậy. Đó là những gì tôi đã nói, gần như y hệt từng từ.”

“Liệu tôi có đúng không khi nghĩ là, lúc đó – và tôi sẽ không hỏi chi tiết đâu – Connie đang kiêu như là... gặp chuyện, hay vấn đề gì đó, mà chị ấy lo là sẽ không ai tin mình?”

“Tôi thực sự không thể đi vào cụ thể, nhưng... Connie ban đầu tìm gặp tôi bởi chị ấy phải trải qua một cú sốc – chị ấy không muốn tin là một chuyện đã xảy ra, nhưng lại sợ rằng đúng là như vậy.”

“Lần đó là lúc nào?” Sam hỏi.

“Tháng Một. Vậy là... sáu tháng trước.”

“Và cô bảo chị ấy tìm tới Simon? Có khía cạnh nào liên quan tới tội phạm không?”

Alice nhú mày khi suy nghĩ về điều đó. “Không có chứng cứ về bất kỳ điều gì phi pháp, nhưng... Connie nghĩ có thể đã có tội ác liên quan, đúng vậy. Nhưng cùng lúc, chị ấy sợ rằng mình đã phát điên khi suy nghĩ như vậy.”

“Cô nghĩ sao?”

“Thành thực là tôi không biết. Tất cả những gì tôi biết là sự giằng co, chia cắt về mặt tâm lý và cảm xúc không hề tốt cho chị ấy trên bất cứ phương diện nào. Tôi nghĩ rằng nếu nói chuyện với Simon, anh ấy có thể tìm ra một hướng nào đó cho chị ấy.”

“Liệu có phải đã có tội ác xảy ra?”

Alice mỉm cười. “Tôi nhận ra rằng chẳng có một bản danh sách vĩ đại với tiêu đề *Tất cả các tội ác đã từng xảy ra trong lịch sử* nào cả, nhưng kiểu tội phạm này có lẽ đã được ghi chép lại rồi. Simon có thể lần tìm chứng cứ về nó theo một cách mà Connie không thể.”

“Cô có nhớ lần đầu tiên mình nhắc tới tên anh ta với chị ấy không?” Sam hỏi.

“Ồ, tôi không nói thẳng ra. Khoảng một tháng trước, có lẽ là sáu tuần. Đầu tiên, tôi cố gắng tự mình giúp chị ấy, đương nhiên, hết như mọi bệnh nhân của mình, nhưng không gì tôi nói hay làm có vẻ tác động tới Connie. Nếu có, thì là chị ấy bắt đầu cảm thấy càng lúc càng tồi tệ hơn. Đó là lúc tôi nhận ra chị ấy cần nhiều hơn là Anacardium hay Medorrhinum. Xin lỗi, đó là các loại chế phẩm dùng trong liệu pháp vi lượng đồng căn – tôi quên mất là đôi lúc không phải tất cả mọi người đều quen thuộc với chúng như tôi.”

“Connie có nghe theo lời khuyên của cô không?” Sam hỏi. “Chị ấy có chia sẻ vấn đề của mình với Simon không?” Liệu đó có phải lý do anh ta xin nghỉ hai ngày vài tuần trước? Anh ta lắm bầm cái gì đó không rõ ràng về ‘việc chuẩn bị cho đám cưới’, mà không dám nhìn thẳng vào mắt người đối diện. Lúc đó, Sam chỉ cho rằng đó là do sự ngại ngùng. Một điều không thể giải thích được: Simon, không nghi ngờ gì nữa, là rất xấu hổ khi đang ở trong một mối quan hệ tình cảm, và thường tránh nhắc tới tình trạng không độc thân của mình.

Alice trông có vẻ hối lỗi. “Hỏi Connie đi,” cô nói. “Tôi chắc chắn chị ấy sẵn sàng kể với anh toàn bộ câu chuyện, nếu anh chịu khó lắng nghe một cách cảm thông.”

“Liệu tội ác có-thể-đã-xảy-ra nghe có vẻ lạ thường của chị ấy có liên quan gì đến một tour tham quan ảo của một ngôi nhà trên trang bất động sản không?” Sam hỏi. Biểu hiện trên mặt Alice là câu trả lời duy nhất anh cần: cô không hề biết anh đang nói về cái gì.

Vậy là Connie Bowskill có hai vấn đề không-thể-tin-được, một cái từ tháng Một và một từ mười ba tiếng trước. Thú vị thật.

Không thể tin được.

“Có phải cô khuyên Connie nói chuyện với Simon vì cô thực lòng tin là chị ấy cần đến sự giúp đỡ của cảnh sát, hay bởi vì cô hy vọng cậu ta sẽ liên lạc với mình để hỏi về chị ấy?” Ngay khi

những từ ngữ đó buột ra khỏi miệng, Sam biết rằng anh đã đi quá giới hạn. “Tôi xin lỗi,” anh nói, giơ hai bàn tay lên. “Đó là một câu tôi không có quyền hỏi. Quên nó đi.”

“Tại sao, trong khi đây là câu tôi có thể thoải mái trả lời?” Alice đáp. “Tôi thực sự tin rằng Simon nên được nghe về vấn đề của Connie, bởi vì... ừ thì, bởi nó quá lạ lùng, quá hiếm thấy. Nó có thể là một chuyện vô cùng kinh khủng, hoặc là chẳng có gì hết. Tôi...” Cô dừng lại, nhìn chằm chằm xuống mặt bàn. Sam bắt đầu thắc mắc liệu mình có nên thúc giục không thì cô lên tiếng, “Tôi vừa mới nhận ra ngay lúc này thôi, nhưng tôi đã bảo chị ấy nói chuyện với Simon bởi đó là việc tôi muốn làm. Tôi muốn nói chuyện với anh ấy về việc đó. Anh ấy và tôi chưa hề nói chuyện với nhau từ năm 2003, và – chuyện này, vấn đề mà Connie... gặp phải, khiến tôi muốn liên lạc với anh ấy một lần nữa, hơn bất cứ việc gì. Nó khiến tôi thấy nhớ anh ấy, dù ngay từ đầu tôi chưa từng thực sự hiểu anh ấy.Ồ, điên rồ thật! Điều buồn cười là, tôi đã luôn chắc chắn rằng một ngày anh ấy sẽ lại xuất hiện trong đời mình. Và khi anh gọi tôi sáng nay...” Cô lắc đầu, nhìn qua Sam ra phía cửa sổ.

Anh có thể đoán được chuyện gì đã xảy ra tiếp theo. Khi anh gọi điện sáng nay và hỏi xin cô một buổi gặp mặt, cô đã gửi cô con gái đang ốm của mình cho một người bạn, và dành hai tiếng đồng hồ tiếp theo để dốc lòng viết lá thư cô đã hằng mong được viết trong suốt bảy năm qua, lá thư mà Sam đã từ chối chuyển giùm.

“Nghe này, tôi xin lỗi vì...”

“Đừng thế,” Alice nói. “Tôi không nên cố biến anh thành người đưa tin rất-có-thể-sẽ-bị-bắn. Như thế là không đúng. Và không cần thiết nữa – tôi đâu có cần đến anh. Tôi biết Simon làm ở đâu – tôi có thể gửi lá thư đến cho anh ấy. Dù sao, tôi cũng sẽ không làm thế.” Cô gật đầu, như thể để chính thức hóa quyết định ấy. “Tôi có niềm tin chắc chắn vào duyên số, và hôm nay định mệnh đã làm rõ với tôi rằng giờ không phải lúc thích hợp. Tôi cá là anh không quen với việc coi bản thân mình như là đại diện của số mệnh, phải không?” Cô nhoẻn miệng cười.

“Quả là tôi không quen.” Colin Sellers có thể đã đáp lại một cách hóm hỉnh, nhưng Sam thì không nghĩ ra được gì.

Alice nhắm mắt lại và nhấp một ngụm. “Thời điểm thích hợp rồi sẽ tới,” cô nói.

Thứ Bảy, ngày 17-07-2010

“Tận 1,2 triệu bảg? Ồ... Ôi! Ôi.” Mẹ tôi đã đổ trượt năm chiếc ca xếp hàng trên bàn bếp và tự đổ nước sôi lên bàn tay trái của mình. Một cách cố tình, dù tôi không thể chứng minh được điều đó. Bà từng tự làm mình bị bỏng, và đó là lỗi của tôi vì đã khiến mẹ lo lắng nhiều hơn mức bà có thể chịu đựng được. Một lần nữa. Bà muốn tất cả mọi người phải chú ý tới và đổ lỗi cho tôi. Nếu họ làm thế, nếu Fran hay Anton hay bố nói, “Nhìn xem con vừa làm gì này, Con,” mẹ sẽ đỡ lời cho tôi, nhưng sự bảo vệ của bà lại chính là một đợt tấn công được che đậy:

“Đây không phải lỗi của Connie – mẹ đáng ra phải cẩn thận hơn, không nhìn đi chỗ khác, trong khi đang cầm trên tay một ấm đầy nước sôi, nhưng mẹ sốc quá nên không thể làm khác được.”

Có phải đây gần giống với điều mà mọi người vẫn nói – biết người biết ta – hiểu được giới hạn, những ảo tưởng nuôi dưỡng cái tôi và sự tư lợi khó chịu của người khác cũng rõ như của chính mình? Có khả năng đoán trước được từ phản ứng của họ, biểu hiện trên mặt họ, cho tới những lời cuối cùng và biểu hiện làm màu? Vậy nên một cảm giác dễ đoán đến kinh tởm và sự thất vọng dâng lên và phá nát từng hơi thở của bạn ngay vào khoảnh khắc bạn trông thấy họ, trước khi họ kịp thốt ra một từ nào? Kit sẽ nói rằng đó là một phân tích quá bi quan, nhưng anh chưa bao giờ gần gũi với bố mẹ mình và giờ đã cắt đứt hoàn toàn liên hệ với họ. Anh cứ lải nhải mãi rằng anh ghen tị với việc tôi là một thành viên trong cái anh gọi là ‘gia tộc Thầy tu*’. Tôi không dám nói với anh sự thật, anh sẽ buộc tội tôi là vô ơn. Có thể anh đúng.

Thật ra, tôi thà là mình ít gần gũi với gia đình hơn, để đôi lúc họ còn có thể làm tôi ngạc nhiên. Để cho sự chê trách của họ, khi xảy đến, không thể đào sâu trong tôi và gieo những hạt giống của sự nghi ngờ bản thân, vốn được lập trình sẵn để lớn lên to bằng cỡ cây sồi. Ít nhất Kit được tự do.

“Thôi nào, Benji,” Fran thì thầm. “Một miếng súp lơ nữa là con có thể ăn một miếng sô-cô-la. Một miếng nhỏ xíu bên trên thôi. Đi mà.”

“Nào, Benji, anh bạn – cho mẹ và bố thấy con dũng cảm thế nào đi. Giống siêu anh hùng ấy!” Anton chẳng buồn hạ giọng xuống. Cậu ta không nhận thấy có chuyện gì đang diễn ra trong căn bếp của bố mẹ vợ quan trọng hơn cuộc chiến của Benji với rau xanh. Cậu không cảm thấy cần phải giữ nhỏ âm lượng cuộc thỏa hiệp súp lơ. Dùng tay làm loa, cậu ta dùng giọng thật vang và nói, “Liệu một cậu bé nhỏ có thể đánh bại con quái vật súp lơ không? Liệu Benji có đủ dũng cảm để... ăn... súp lơ? Nếu cậu chứng minh được rằng mình cũng dũng cảm như các siêu anh hùng, phần thưởng sẽ là hai... thanh... sô... cô... la!”

Tôi đang phát điên phải không? Anton không nghe thấy bất kỳ điều gì tôi nói hay sao, về chuyện chứng kiến một người phụ nữ bị sát hại nằm trên một bể máu, và cuộc trao đổi với một thám tử sáng nay? Tại sao không ai bảo cậu ta im đi? Có ai nghe tôi không?

Sao không ai trong số họ có gì để nói về một chủ đề có vẻ bất khả thi tương đương với điều tôi thấy trên máy tính đêm qua – bất khả thi, nhưng lại là thật, trừ phi tôi mất khả năng phân biệt giữa sự thật với điều ngược lại.

Kit nghĩ tôi đã mất khả năng đó thật. Có lẽ gia đình tôi cũng nghĩ thế, và đó là lý do tại sao họ lừa tôi đi.

“Đừng có bảo nó là hai,” Fran nhắc nhở Anton bằng một tông như hát, đeo trên mặt một nụ cười cường điệu để, có lẽ là, ngăn con trai mình khỏi thắc mắc liệu có phải sự tàn sát về mặt cảm xúc trong một ngôi nhà đã đổ vỡ sẽ là tất cả những gì nó trông chờ. “Một là đủ rồi, phải không Benji?”

“Con muốn hai thanh sô-cô-la cơ!” Đứa cháu năm tuổi của tôi gào khóc, mặt đỏ bừng.

Tôi mở miệng ra, rồi lại ngậm vào. Tại sao phải phí hơi chứ? Tôi đã làm điều mà tôi đến đây để làm: kể với gia đình mình điều họ cần biết. Để trông không có vẻ là tôi đang chờ đợi được chất vấn, tôi nhìn ra ngoài cửa sổ về phía xích đu, cầu trượt, khung leo trèo, nhà trên cây, máng cát không có bệ ngồi và hai cái bạt nhún trong vườn sau nhà bố mẹ tôi: sân chơi riêng cho Benji. Kit gọi nó là ‘Vùng đất thần tiên’.

“Ồi,” mẹ lại thốt lên, kiểm tra chỗ da bị đỏ lên trên tay mình một cách thật màu mè. Bà đang phung phí thời gian với Fran và Anton; bà nên biết rằng thử thách bữa tối của Benji đã làm phân tán mọi suy nghĩ khác, cũng như khả năng quan sát thông thường của họ.

“Thôi được rồi, hai thanh sô-cô-la.” Fran nói trong một mối. “Mọi người, xin lỗi vì chuyện này. Thôi nào, Benji – ăn cái này trước đã.” Fran lấy chiếc nĩa khỏi tay đứa con, xiên vào miếng súp lơ và giữ nó trước miệng Benji, đung vào môi thằng bé.

Thằng nhóc hất đầu đi chỗ khác, phun phì phì, và gằn như ngã khỏi ghế. Đồng thanh, như những thành viên đội cổ vũ đầy lo lắng, Fran và Anton hét lên, “Đừng có ngã khỏi ghế!”

“Con ghét súp lơ! Trông nó như cái cây lỗi lổm đầy nhót dãi kinh khủng!”

Khi chỉ có riêng hai vợ chồng, tôi và Kit gọi thằng bé là Benjamin Rigby. Kit khởi xướng nó, và sau vài lần phản kháng qua loa, tôi cũng hòa theo. Tên đầy đủ của thằng bé là Benji Duncan Geoffrey Rigby-Monk. “Em cứ đùa,” Kit nói, vào lần đầu tôi cho anh biết. “Benji? Thậm chí còn không phải Benjamin?” Duncan và Geoffrey là tên hai người ông – cả hai nghe đều kém thu hút và cổ lỗ sĩ, theo quan điểm của Kit, và không đáng để thế hệ mới phải chịu – còn Rigby-Monk là một sự kết hợp giữa họ của Fran và Anton. “Theo như anh được biết, thằng bé là Benjamin Rigby,” Kit nói, sau lần đầu tiên chúng tôi gặp nó. “Nó có vẻ là một đứa bé tử tế và xứng đáng có được một cái tên tử tế. Bố của nó không có một cái tên như vậy, nên anh đoán là mình

không nên ngạc nhiên.” Kit nghĩ chỉ chấp nhận được việc ‘đi lòng vòng tự gọi mình là Anton’, nếu bạn là người Tây Ban Nha, Mê-xi-cô hay Cô-lôm-bi-a, hoặc nếu bạn là một người làm tóc hoặc dân trượt băng chuyên nghiệp.

Anh bảo tôi nên cảm thấy biết ơn gia đình mình và hạnh phúc vì được ở gần họ đến vậy, rồi anh chế nhạo họ một cách tàn nhẫn trước mặt tôi, tránh việc gặp gỡ họ bất cứ khi nào có thể, thay vào đó để tôi đến đây một mình. Tôi không bao giờ phàn nàn, tôi cảm thấy có lỗi vì làm khó anh. Tôi sẽ rất ghét phải kết hôn với một người có gia đình quá lấn át và nhan nhản khắp nơi như của tôi.

“Để kệ đứa trẻ tội nghiệp ấy đi, Fran,” mẹ tôi nói. “Không đáng phải cố gắng đến thế, chỉ vì một nhánh súp lơ vô dụng. Mẹ sẽ làm cho nó g...”

“Đừng!” Fran cắt lời bà, vẫy tay điên cuồng, trước khi những từ ngữ chết người ‘gà miếning và khoai tây’ được nói ra. “Chúng ta ổn mà, phải không, Benji? Con sẽ ăn rau xanh ngon lành bổ dưỡng dễ thương của mình, phải không, con yêu? Con muốn lớn lên cao to khỏe mạnh, phải không?”

“Giống như bố,” Anton thêm vào, gập tay lại khoe cơ bắp. Cậu ta từng là huấn luyện viên ở Waterfront, nhưng đã bỏ nghề khi Benji ra đời. Giờ cậu ta nâng tạ, luyện cơ tay, hay cơ bắp, hay bất kỳ cái gì mà người ta dùng để gọi cái bộ phận trên cơ thể cần được luyện, trên những cái máy có hình dạng kỳ cục trong ga-ra của cậu ta và Fran, nơi đã được cải tạo thành phòng tập gym tại gia. “Bố ăn hết các loại rau xanh khi còn bé, và giờ thì nhìn xem!”

Và đến lúc này thì bố tôi thường sẽ nói lớn lên, “Cách duy nhất để trẻ con ăn ngoan là cho chúng một sự lựa chọn đơn giản: chúng phải biết ăn bất kỳ thứ gì người khác đang ăn, hoặc không ăn gì cả. Cách đó sẽ sớm dạy được chúng. Nó cũng từng có hiệu quả với hai đứa con. Các con sẽ ăn bất cứ thứ gì, cả hai đứa con. Con sẽ xơi luôn cả mẹ nếu bà ở trên đĩa!” Ông từng nói thế, hoặc tương tự như thế, ít nhất năm chục lần. Kể cả khi Fran không có ở đó, ông vẫn nói ‘hai đứa con’ thay vì ‘con và Fran’, bởi ông đã quá quen với việc hai đứa chúng tôi ở cùng nhau trong

căn phòng này, chính xác như hình ảnh hiện tại: ông ngồi ở chiếc bàn gỗ thông ọp ẹp đã xuất hiện trong căn bếp của Thorrold House từ trước khi tôi được sinh ra, với tờ Thời đại trước mặt mình; mẹ lảng xãng xung quanh chuẩn bị đồ ăn, thức uống và chờ đợi tất cả mọi người, chối từ mọi lời đề nghị giúp một tay để bà có thể thở dài, xoa xoa tay sau gáy sau khi bà cuối cùng cũng hoàn tất việc cho chén đĩa vào máy rửa; Anton nghiêng người – theo cái lối một người quá ngầu để đứng thẳng – lên cái tay vịn của chiếc lò nướng AGA, cái lò đã từng có màu đỏ nhưng bây giờ ngang dọc những vết màu bạc của bao nhiêu năm trầy xước; Fran loạn lên vì Benji, cố ép từng miếng búp cải Brucxen, từng lá cải bó xôi, từng hạt đậu vào miệng thằng bé, dụ dỗ bằng cả hũ kem mềm sô-cô-la, hàng núi bim bim và vô tận những bánh bơ đường tròn làm phần thưởng.

Và tôi ngồi trên chiếc ghế bập bênh cạnh cửa sổ, mơ tưởng đến việc được bọc kín đầu mình trong một tấm chăn dày cho bản thân chết ngạt, kìm giữ lại thôi thúc muốn được nói, “Liệu có phải sẽ tốt hơn cho nó khi được ăn cá, khoai tây và không phải ăn bí xanh thay vì cá, khoai tây, một ít bí xanh, hai chục điều Benson and Hedges, một chai vodka và một ít ma túy? Chỉ thắc mắc thế thôi.”

Tôi xấu xa nhất khi ở cùng với gia đình mình. Một lý do rất hợp lý giải thích tại sao tôi không nên sống cách họ gần một trăm năm mươi mét dưới phố.

“Anh nghĩ em có nên cho tay dưới vòi nước lạnh không,” mẹ nói với bố, vuốt tay mình. “Không phải đấy là việc người ta vẫn khuyên làm khi bị bỏng à? Hay là em phải cho bơ lên đó? Em không làm mình bị bỏng bao nhiêu năm rồi.” Bà đã từ bỏ việc cố thu hút sự chú ý của Fran hay Anton, nhưng bà quả là ngốc nếu không nhận thấy rằng bố đang tức giận với tôi đến mức không thể nghe bất cứ điều gì bà nói. Mức độ tức tối của ông thể hiện rõ ràng qua tư thế: đầu cúi xuống, trán nhăn lại thành một đường hằn, tay nắm chặt lại thành nắm đấm. Ông đang mặc một chiếc áo sọc vàng và xanh da trời, nhưng tôi chắc rằng nếu Alice có ở đây, cô sẽ đồng ý với tôi rằng luồng năng lượng tỏa ra từ ông có

màu xám xịt. Ông không hề nhúc nhích trong gần mười lăm phút. Ông bố vừa vỗ lưng, hay cười và chào đón tôi lúc tôi mới tới đây đã biến mất và được thay thế bởi một bức tượng, hay một tác phẩm điêu khắc, mà nếu tôi là nghệ sĩ, tôi sẽ đặt tên là ‘Người Cầm Giận’.

“Con mất trí rồi à?” Ông khạc từng tữ vào mặt tôi. “Con không đủ khả năng mua một ngôi nhà 1,2 triệu!”

“Con biết thế,” tôi bảo ông. Không chỉ là vì khía cạnh mạo hiểm tài chính của tôi làm phiền lòng ông. Ông tức giận vì những thay đổi đột ngột tôi mang đến cho cuộc đời ông mà không hỏi ý kiến trước. Chúng tôi từng là kiểu gia đình, giữa hai bố con, chưa bao giờ thấy một người phụ nữ bị sát hại rồi sau đó biến mất một cách không thể giải thích. Giờ đây, nhờ có tôi, việc đó không còn đúng nữa.

“Nếu con thừa biết mình không mua nổi một ngôi nhà 1,2 triệu bảng, sao còn tìm một cái như vậy?” Mẹ hỏi, như thể bà bắt gặp tôi với một thủ đoạn đặc biệt thông minh logic. Bà lắc đầu chậm chậm, đều đặn, như thể bà định làm như thế mãi, như thể tôi đã cho bà quá đủ lý do để khổ não muôn đời. Trong tâm trí bà, tự tôi đã phá sản và gây ra nỗi xấu hổ cho cả gia đình. Bà có khả năng bước vào chiều không gian mà hầu hết người trần mắt thịt không thể tiếp cận nổi: viễn-cảnh-tôi-tệ-nhất về mười-năm-trong-tương-lai. Đối với bà, nó cũng chân thực như chính hiện tại vậy; nó sống động đến mức, thực tế là, hiện thực hầu như không có cơ hội nào chiến thắng được nó.

“Mẹ không bao giờ tìm xem những thứ mẹ không đủ tiền mua ư?” tôi hỏi bà.

“Không, mẹ chắc chắn không làm vậy!” Cuộc đối thoại kết thúc. Như cái móc cài của một chiếc ví lỗi thời, ngoắc chặt lại. Tôi đáng ra nên biết trước. Mẹ tôi chỉ làm những việc lý trí nhất mà thôi. “Và con không nên, không được phép, trừ phi con bị cám dỗ và đang suy tính chuyện mua thể chấp toàn bộ ngôi nhà vì...”

“Mẹ, không đời nào họ chấp nhận bán thế chấp với giá trị lớn như thế,” Fran nháy vào. “Mẹ lại đang lo lắng không đâu, như

mọi khi. Anh chị sẽ không mua ngôi nhà đó vì họ không mua nổi đâu. Trong tình hình hiện giờ, Melrose Cottage có thể bán được căng nhất là ba trăm ngàn bảng, phần lớn số tiền đó sẽ quay về Hội Xây dựng Rawndesley và Silsford. Kể cả khi Con và Kit bỏ hết tiền tiết kiệm của mình vào, không có người cho vay thần trí tỉnh táo nào lại cho họ mượn một triệu bảng đâu.”

Tôi muốn hét lên rằng em gái tôi biết nhiều về tình hình tài chính của Kit và tôi như chính chúng tôi vậy. Khi Fran nói ‘khoản tiết kiệm’, trong đầu em ấy đã có con số chính xác rồi – con số hoàn toàn đúng. Tôi cũng biết về chuyện tiền bạc của em và Anton y hệt như vậy: tài khoản tiết kiệm cá nhân, khoản thế chấp của hai đứa, con số chính xác thu nhập hàng tháng sau khi Anton đã nghỉ làm, chúng đã phải trả bao nhiêu học phí cho Benji (hầu như chẵn mất đồng nào), bố mẹ phải trả bao nhiêu (gần như tất cả). “Mẹ không hiểu tại sao nhiều gia đình lại giấu kín chuyện tài chính như thế,” mẹ đã nói thế từ bao lâu nay rồi. “Tại sao lại coi những người thân thích nhất của mình như kẻ xa lạ?”

Khi tôi mười hai tuổi và Fran lên mười, mẹ cho chúng tôi xem cuốn sổ bỏ túi màu xanh dương ghi chép lại tài khoản tiết kiệm tại Halifax của bố mẹ, để chúng tôi có thể thấy họ đã để dành được bốn trăm bảy mươi ba ngàn bảng và hai mươi hai xu. Tôi vẫn còn nhớ mình đã nhìn chăm chăm vào vào con số viết tay bằng mực xanh và cảm thấy ấn tượng, có phần choáng ngợp bởi nó, nghĩ rằng bố mẹ mình hẳn là những thiên tài, rằng tôi không bao giờ có hy vọng trở nên khôn ngoan như họ. “Chúng ta sẽ luôn ổn thôi, bởi chúng ta có số tiền này để chống đỡ,” mẹ nói. Cả tôi và Fran đều tin theo lời tuyên truyền của mẹ, và dành hết những năm tháng mới lớn tích trữ tiền tiêu vặt của mình vào tài khoản tiết kiệm, trong khi bạn bè đốt sạch từng xu lẻ chúng có vào son môi và rượu táo.

“Nếu con nghĩ mẹ con và bố sẽ cho con vay tiền để có thể sống xa hoa quá khả năng của mình, con hãy quên đi,” bố nói. Trong mắt bố mẹ, việc sống quá ngưỡng mình có thể chi trả cũng tương đương, về mặt đạo đức, với việc quăng một đứa trẻ ra

khỏi cửa sổ.

“Con không nghĩ vậy,” tôi bảo ông. Tôi sẽ không hỏi vay bố mẹ dù chỉ một trăm ngàn bảng, chứ đừng nói là một triệu. “Con không muốn mua ngôi nhà số 11 Bentley Grove kể cả nếu như con có thể mua được mười cái như vậy và dù cho không còn ngôi nhà nào khác trên thế giới này.” Tôi đại khái là dừng việc giải thích tại sao. Cái đó là đương nhiên.

“Mọi người nghĩ rằng sự hoang phí giả định của con là thứ chúng ta cần bàn tới hay sao? Thế còn người phụ nữ nằm chết trên vũng máu của chính mình thì sao? Sao ta không nói về chuyện đó? Sao mọi người đều lảng tránh nó? Con có nói rồi, đúng không? Con có thể thề là con đã nói về cái mình thấy trên Roundthehouses, và về người thám tử đã tới...”

“Con không hề thấy cái xác nào trên Roundthehouses hay bất kỳ chỗ nào khác,” bố ngắt lời tôi. “Bố chưa từng nghe một mớ lảm chuyện lảng tránh nhằm nhĩ đến thế này trong đời. Con đã tự mình nói rồi đấy thôi: khi Kit đến xem, chẳng có ai cả. Phải không?”

“Đó chính là cái con đã nói đấy,” mẹ chêm vào một cách lo lắng, như thể bà sợ rằng tôi là loại ăn nói bừa bãi, dễ dàng thay đổi câu chuyện của mình.

Tôi gật.

“Vậy thì chẳng có ai cả – con tự tưởng tượng ra thôi,” bố nói. “Con nên gọi điện cho tay cớm đó và xin lỗi vì đã làm phí phạm thời gian của anh ta.”

“Mẹ chắc là nếu mình mà thức đến tận khuya lơ khuya lác thì mẹ cũng sẽ bắt đầu bị ảo giác thôi,” mẹ góp giọng. “Mẹ nói với con suốt, nhưng con nào có nghe: con cần chăm sóc bản thân mình tốt hơn. Cả con và Kit đều làm việc quá nhiều, con thức quá muộn, con không phải lúc nào cũng ăn uống đầy đủ...”

“Nghỉ bớt đi mẹ ơi,” Fran nói. “Mẹ cũng đâu có đối xử tốt với chính bản thân mình đâu. Nào, Benji, mở miệng con ra, vì Chúa. Há to miệng ra!”

“Em có nghĩ chị tưởng tượng ra chuyện đó không, Fran?”

“Em không biết nữa,” Fran nói. “Không nhất thiết phải vậy. Có lẽ thế. Ba miếng sô-cô-la, Benji, nếu con há miệng và ăn cái miếng ngon lành... Đúng rồi! Há to ra hơn chút nào...”

“Chú nghĩ sao, Anton?” Tôi hỏi.

“Em không nghĩ chị lại nhìn thấy nó nếu nó không có đó,” cậu ta nói. Tôi đang nghĩ đến chuyện nhào ra khỏi ghế và quàng tay mình quanh cậu ta thì cậu ta thành linh phá hỏng mọi thứ bằng cách nói thêm vào, “Em thấy nó như một trò chơi khăm của kẻ nào đó. Em sẽ không để chuyện đó làm chị lo lắng đâu.” Khi câu trả lời được thốt ra, nó chỉ ít thô thiển hơn câu: ‘Em không thể bận tâm vì chuyện này được – quá mất công.’

“Con không nên xem các ngôi nhà ở Cambridge bằng bất cứ giá nào,” mẹ nói. “Trên đường Millionaire’s Row hay... Pauper’s Parade. Con đã quên chuyện xảy ra lần cuối cùng con xuống phố đó ư?”

“Mẹ, làm ơn, vì Chúa!” Fran nói.

“Ít nhất lần cuối đó còn có lý do – Kit được đề nghị thăng chức.”

Đề nghị mà anh ấy không thể chấp nhận, bởi con đã phá hỏng tất cả mọi thứ. Rất cảm ơn vì đã gọi lại.

“Tại sao lại đột nhiên là bây giờ?” Mẹ van nài, dùng tông giọng mà có lẽ là ưa thích nhất trong số tất cả các kiểu giọng của bà: giọng yếu đuối, xào xạo thỏ thẻ của một người đàn bà đau khổ. “Con và Kit đang có một công việc làm ăn phát đạt, một ngôi nhà đáng yêu, tất cả chúng ta ở gần bên con, em gái con, Benji đáng yêu – tại sao bây giờ con lại muốn chuyển tới Cambridge? Ý mẹ là, nếu đó là London, mẹ có thể hiểu được, vì Kit thường xuyên làm việc ở đó – dù có Chúa mới biết được tại sao mọi người lại muốn sống ở một cái hố địa ngục ồn ào nhếch nhác như thế – nhưng Cambridge...”

“Bởi đáng ra chúng con nên chuyển đi từ 2003, nhưng bọn con lại không làm, và con hối hận về chuyện đó cho đến giờ.” Tôi đứng thẳng lên, và tôi không rõ tại sao. Tôi định chạy xộc ra khỏi phòng? Ra khỏi nhà? Bố mẹ nhìn chăm chăm vào tôi như

thể họ không hiểu tôi vừa nói gì. Bố quay đi, phát ra một âm thanh gầm gừ nghe rõ cả hơi thở mà trước đây tôi chưa từng nghe thấy. Nó làm tôi sợ.

Tại sao tôi lại cứ luôn phá hỏng mọi chuyện của người khác? Tôi làm sao vậy?

“Hoan hô! Benji ăn miếng súp lơ rồi!” Anton reo hò, một lần nữa, qua bàn tay giả làm loa, dường như không để tâm gì đến bầu không khí căng như dây đàn chằng từ đầu này sang đầu kia căn bếp. Có thể tôi đang phải hứng chịu một chứng bệnh khiến mình gặp ảo giác. Tôi có thể nhìn thấy rõ những sợi dây đó như thể chúng là thật, với những sợi chỉ của lời đe dọa không nói ra và mỗi thâm thù nóng bỏng được giăng mắc lên đó như đồ trang trí Giáng sinh.

“Benji là nhà vô địch!” Anton rống lên, trong khi Fran huơ huơ chiếc nĩa trống rỗng trong niềm vui khả hoàn.

“Benji năm tuổi rồi, không phải hai,” tôi gắt. “Sao hai người không cố gắng nói chuyện với nó bình thường, thay vì cái kiểu giống như đám người được gọi đến mua vui trong tiệc của trẻ con với giá rẻ vậy?”

“Tại vì...” – Anton tiếp tục cái giọng ồm ồm giả vờ của mình – “...chỉ khi bố nói như vậy và khiến con cười... thằng bé mới chịu ăn súp lơ!”

Benji đang không hề cười. Thằng bé đang cố để không chết ghen vì món đồ ăn nó ghét.

Thứ niềm vui không màng đến xung quanh của Anton làm tôi muốn tuôn một tràng những câu chửi rửa vào mặt cậu ta. Lần duy nhất tôi thấy một cái nhú mày như gió thoảng qua trên gương mặt của cậu là khi một khách hàng của Monk & Sons gọi cậu ta là anh chồng nội trợ. Fran nhanh chóng sửa lời bà ta một cách có phần gượng ép, thuộc lòng. Tôi đã phạm sai lầm khi kể lại câu chuyện cho Kit, người luôn phản xạ một cách có điều kiện khi nghe đến tên của Anton: ‘Anton – không phải một anh chồng nội trợ, mà là một huấn luyện viên đang trong khoảng thời gian nghỉ ngơi.’

“Rẻ tiền!” Mẹ chớp lấy cụm từ đó. “Tất nhiên rồi, con thì bây giờ cao cấp rồi, phải không, với cái nhà 1,2 triệu bảng của con.”

“Ngôi nhà 1,2 triệu bảng hoàn toàn không mua nổi,” Fran nhanh nhẩu. Việc tôi và Kit giàu có hơn em và Anton làm em khó chịu, dù tôi không chắc em có chịu tự thừa nhận điều đó không. Mọi thứ càng tệ hơn khi Kit rời Deloitte và chúng tôi tự khởi nghiệp. Nếu Nulli mà thất bại, Fran sẽ cảm thông, bực tức thay cho chúng tôi, nhưng đồng thời cũng nhẹ nhõm. Tôi chắc chắn điều này, nhưng không thể chứng minh được. Có rất nhiều điều mà ngay lúc này tôi không thể chứng minh được.

Fran và Anton sống trong một ngôi nhà nhỏ tên là Thatchers, nhỏ hơn nhà tôi, và gần nhà bố mẹ hơn – gần như chính diện Thorrold House, ngang qua bãi cỏ. Giống như Melrose Cottage, Thatchers là một ngôi nhà có hai phòng mỗi tầng, nhưng căn bếp thì không hơn gì một khoảnh nhỏ tí hìn ở cuối phòng khách, các phòng ngủ thì ở tầng lợp mái lá, vì thế có dạng hình tam giác, rất khó đứng thẳng trong đó. Và khi cuộc sống tiếp diễn, Anton và Fran phải chịu đựng rất nhiều bất tiện từ việc thiếu không gian – thật thuận tiện, hai đứa đã sống cùng bố mẹ kể từ khi Benji ra đời. Thatchers, ngôi nhà mà chúng khẳng khẳng gọi là ‘tổ ấm’, hầu như luôn luôn bỏ trống.

Tại sao chưa một ai từng thấy rằng thật điên khùng làm sao khi để mặc một ngôi nhà bỏ trống ở đó? Điên khùng hơn cả việc tìm xem nhà ở khu Cambridge trên mạng. Điên khùng hơn cả việc suy tính chuyển đến một trong những thành phố đẹp đẽ, sôi nổi nhất nước Anh thay vì dành cả quãng đời còn lại ở Little Holling, Silsford, với quán rượu duy nhất và dân số ít hơn một nghìn người.

“Mặc kệ Connie đi, Anton,” mẹ nói. “Nó rõ ràng đã vứt bỏ hết ý thức rồi.”

“Chị ấy có thể đền bù cho con.” Anton nháy mắt với tôi. “Trông cháu ngoài giờ, Con, nhé?”

Tôi cố mỉm cười, dù cái viễn cảnh phải trông cháu thêm bất cứ giây phút nào làm tôi cuộn trào nổi tức giận. Tôi đã trông Benji mỗi tối thứ Ba rồi. Trong gia đình tôi, nếu chuyện gì đó

diễn ra êm đẹp một lần, sẽ chỉ là vấn đề thời gian trước khi ai đó gợi ý rằng nó nên trở thành một truyền thống.

“Một miếng sô-cô-la, hai miếng sô-cô-la, ba miếng sô-cô-la!” Fran giờ đang phóng đại cách cư xử với Benji, để phụ họa với Anton cùng cái giọng xuẩn ngốc của cậu ta. Em đang đứng về phía cậu ta, bố và mẹ cùng một phe, và không có bất kỳ ai đứng về phía tôi. Cũng hợp ý tôi lắm, bất kỳ điều gì khiến tôi cảm thấy mình bớt giống một trong số những thầy tu của Little Holling hẳn là một điều tốt.

“Ý thức của con chẳng có vấn đề gì cả,” tôi bảo mẹ. “Con biết mình đã thấy gì. Con thấy một người phụ nữ chết trong căn phòng đó, nằm trên bề máu của chính mình. Người thám tử con nói chuyện cùng sáng nay đang suy nghĩ nghiêm túc về chuyện đó. Nếu mẹ không muốn tin như vậy, thì tùy mẹ thôi.”

“Ồ, Connie, con nghe xem mình đang nói gì kìa!” Mẹ đau khổ nói.

“Đừng phí hơi nữa, Val,” bố lầm bầm. “Có bao giờ nó để tâm đến những gì chúng ta nói không?” Ông nhấc tay trái lên và xem xét chiếc bàn bên dưới như thể ông mong tìm được một thứ gì đó. “Chuyện gì xảy ra với chén nước trà em làm lúc nãy rồi?”

“Mẹ xin lỗi, nhưng chuyện chẳng có nghĩa gì cả, con yêu à,” mẹ nói với tôi bằng giọng khàn khàn khi bà đổ đầy lại ấm nước, phóng những tia nhìn tội lỗi về phía bố, hy vọng ông không để ý thấy bà vẫn mong muốn được tiếp tục dạy dỗ đứa con gái ông vừa mới gạt bỏ. “Ý mẹ là, con chỉ cần nghĩ về việc này trong hai giây thôi là nhận ra nó chẳng khả thi gì, phải không? Tại sao lại có người cho xác một phụ nữ lên một trang web bất động sản chứ? Một kẻ giết người sẽ không làm thế, phải không, vì hẳn ta muốn che giấu điều mình đã làm. Một tay môi giới bất động sản sẽ không làm thế vì anh ta muốn bán ngôi nhà, và sẽ không có ai lại đi mua một...”

“Ngoại trừ đứa con gái lớn của bà,” bố lớn tiếng. “Không chỉ là con gái tôi – còn là kế toán sổ sách của tôi nữa, cái đó còn đáng ngại hơn.Ồ, nó còn vô cùng hạnh phúc được thể chấp cho đến khánh kiệt để mua ngôi nhà tử thần khủng khiếp với giá 1,2

triệu bảng!” Tôi không biết tại sao ông lại nhìn trừng trừng vào Benji khi nói câu ấy, như thể đó là lỗi của thằng bé.

“Bố, con không muốn mua số 11 Bentley Grove. Con không đủ tiền mua nó. Bố không thèm nghe con nói.” Như mọi khi. Câu bình luận về kế toán sổ sách của ông là có ý gì? Rằng ông sợ tôi có thể sẽ trộm tiền từ Monk & Sons? Rằng cái xu hướng thích hoang phí của tôi sẽ làm việc kinh doanh gia đình phá sản? Tôi chưa từng làm gì ngoài chuyện hoàn thành công việc thật xuất sắc cho ông, và điều đó chẳng đáng gì. Tôi đáng ra không nên bận tâm.

Và giờ tôi đang suy nghĩ như một kẻ tử vì đạo. Chẳng phải người ta nói tất cả phụ nữ đều trở thành chính mẹ mình sao?

Hãy nói với họ mày sẽ rời khỏi Monk & Sons. Từ chức. Làm việc toàn thời gian cho Nulli – đó là điều mày muốn làm, phải không? Những người này có gì để khiến mày không thể nói thành lời điều mày nghĩ và làm điều mày muốn?

“Bố đang nói năng mâu thuẫn đấy,” tôi bảo bố. “Nếu con tự tưởng tượng ra cái xác, thế thì nó không phải là ngôi nhà tử thần khủng khiếp gì, đúng không?”

“Vây là con thực sự muốn mua nó. Bố biết mà!” Ông nện năm đấm xuống bàn, làm nó rung lên.

“Người bán nhà không làm thế đâu,” mẹ lẩm bẩm, bọc tay mình bằng giấy vệ sinh cho nhà bếp trong khi đợi ấm nước sôi. “Giả sử anh ta hay cô ta cũng tha thiết muốn bán ngôi nhà như bên môi giới.”

“Xin mẹ đừng lên danh sách tất cả những người sẽ không đặt một cái xác lên trang web nữa, mẹ à,” Fran rên rỉ. “Mẹ đã đưa ra quan điểm rồi đấy: không ai làm thế cả.”

“Ừ thì, nếu không ai làm thế cả, Connie không thể nào nhìn thấy thế được, đúng không?” Mẹ hoan hỉ gật đầu về phía tôi, như thể đó nên là cái kết cho vấn đề.

Tại sao gia đình tôi luôn khiến tôi cảm thấy như thế này? Cứ hễ khi nào tôi nói chuyện với họ, bất kể mất bao lâu, cuối cùng lại là tôi khổ sở trong sự ức chế, tuyệt vọng tìm kiếm một túi

không khí trong khi ô-xi dần dần bị rút khỏi cuộc trò chuyện.

Tôi không thể chịu đựng việc ở gần họ thêm nữa. Nhưng tôi cũng không thể chịu được ý nghĩ quay về nhà với Kit, người sẽ hỏi tôi tình hình ra sao, và cười như thể đang xem một bộ phim truyền hình hài mà tôi đem vào đời thật cho anh, đúng như những gì anh sẽ mong đợi ở tôi, như thể tôi là diễn viên còn gia đình tôi là một mớ hổ lốn những trò đùa đậm tính giải trí và vô hại. Chỉ có duy nhất một người tôi muốn nói chuyện cùng bây giờ, và dù hôm nay là thứ Bảy, nó vẫn là tình huống khẩn cấp.

Có đúng thế không? Có chắc không?

Lần cuối cùng tôi cảm thấy chắc chắn về điều gì đó là khi nào?

Tôi lấy điện thoại ra khỏi túi xách và rời khỏi phòng. Mẹ nói to sau lưng tôi, “Con không cần phải sang phòng khác. Không ai nghe đâu.”

. . .

“Và điều nực cười là, tôi gần như không làm thế. Tôi thấy mình suy nghĩ: ‘Nhưng đây không phải là tình huống khẩn cấp thực sự – không phải mày đang chảy máu sắp chết, hay treo mình ở vách đá chỉ trên đầu ngón tay. Tiết kiệm quyền được gọi khẩn cấp cho tình huống sinh tử, đừng phí hoài nó vào chuyện này.’ Nhưng tại sao không? Ý tôi là, đây là tình huống sinh tử rồi: người phụ nữ tôi thấy đã bị sát hại – hẳn là thế. Và tại sao tôi tự quyết định rằng đó là quyền chỉ dùng một lần duy nhất? Rằng sau khi tôi xài hết, quyền gọi-điện-trong-trường-hợp-khẩn-cấp sẽ biến mất mãi mãi? Liệu cô có tức giận nếu tôi gọi cô ngoài giờ làm việc trong một vài tháng tới, thậm chí vài năm tới, nếu tôi đủ xui xẻo để đụng phải cảm giác tồi tệ như bây giờ một lần nữa?”

“Chị có để ý từ ngữ mình đang dùng không?” Alice hỏi. “‘Tiết kiệm’, ‘phí hoài’?”

Không, tôi không để ý. Thừa nhận cả điều đó chỉ thêm phần

phiền muộn, nên tôi không nói gì cả. Khi mới bắt đầu gặp Alice, những sự im lặng kéo dài làm tôi bối rối. Giờ thì tôi quen rồi. Tôi bắt đầu thích chúng. Đôi khi tôi đếm xem chúng kéo dài bao lâu: một con voi, hai con voi, ba con voi. Đôi khi tôi rơi vào trạng thái lơ đãng, nhìn chăm chăm vào các hạt thủy tinh trong suốt chạy dọc tấm màn lụa màu kem, hay nhìn vào chiếc đèn chùm treo những con bướm bướm màu hồng.

“Sao chị lại kể với gia đình mình chuyện nhìn thấy người phụ nữ trên vũng máu?” cuối cùng Alice cũng cất lời.

“Kit cũng hỏi tôi như vậy. ‘Sao lại kể cho họ?’ Anh nói. ‘Họ sẽ làm em khổ sở và khiến em cảm thấy tồi tệ hơn cả trăm lần.’ Tôi biết anh ấy nói đúng, nhưng tôi vẫn quay lại và đẩy chính mình vào vòng lửa đạn.”

“Chị vẫn thường miêu tả bố mẹ mình là những người rất ngọt ngào.” Alice nhớ từng từ tôi đã thốt ra trước mặt cô ấy, kể từ lần đầu chúng tôi gặp nhau, mà không cần ghi chép lại. Có thể những cánh bướm màu hồng kia có giấu một loại thiết bị thu âm nào đó. “Tại sao chị lại tiếp tục tới để bị bóp nghẹt, khi mà chị cần một giấc ngủ sau cú sốc tồi tệ nhất đời mình?”

“Tôi phải nói cho họ. Một thám tử tới để phỏng vấn tôi. Chuyện đó thật... quá to tát để mà giấu họ, quá quan trọng. Tôi không thể nào dấn dăng tới cảnh sát mà lại che giấu gia đình mình việc ấy.”

“Không thể ư?”

Không có bí mật nào giữa những người yêu thương nhau hết. Tôi đã nghe điều đó đập vào tai mình suốt cả đời rồi. Tôi không chắc có thể giải thích kiểu lập trình như vậy cho một người chưa từng trải qua nó.

“Vậy nhưng hiện giờ chị vẫn còn im lặng về điều to tát, quan trọng khác trong đời mình,” Alice nói. “Vấn đề đã ám ảnh chị kể từ tháng Một.”

Tôi bật cười, dù cảm thấy muốn khóc. “Hai vấn đề không giống nhau. Điều đó hóa ra có thể chẳng là gì hết. Có lẽ nó đúng là như vậy.”

“Cái xác người phụ nữ chị đã thấy cũng có thể chẳng là gì hết, do chị tưởng tượng ra.”

“Tôi không tưởng tượng ra cô ta. Tôi biết mình không thể.”

Alice tháo kính ra, thả nó xuống lòng. “Chị cũng không tưởng tượng ra chuyện đã xảy ra vào tháng Một,” cô ấy nói. “Chị không biết nó có ý nghĩa gì, nhưng chị không tưởng tượng ra nó.”

“Tôi không thể bảo bố mẹ rằng mình sợ là Kit có thể có một cuộc đời hoàn toàn khác mà tôi không biết tới,” tôi nói, cảm thấy kinh tởm từng từ vang lên. “Đó không phải chỉ là một lựa chọn. Cô không hiểu đâu. Đáng ra tôi đã đổi họ của mình, nhưng tôi vẫn mang họ Monk. Tất cả mọi thứ về gia đình nhà Monk đều tốt đẹp và bình thường. Đó không phải là sự trùng hợp ngẫu nhiên, nó có quy luật. Chẳng có vấn đề gì hết, chưa từng, ngoại trừ việc Benji không chịu ăn miếng súp lơ quý tha ma bắt – đó là điều tồi tệ nhất được phép xảy ra. Hoàn toàn không bàn cãi gì hết, bất kỳ việc gì kỳ lạ xảy ra hoàn toàn bị cấm tiệt – chuyện kỳ lạ thật sự tồi tệ, ý tôi là thế. Kỳ lạ một cách hài hước thì ổn, miễn là nó tạo nên một giai thoại hay.”

Tôi vuốt mặt mình, cố gắng trấn tĩnh. “Điều duy nhất tồi tệ hơn sự kỳ lạ tồi tệ là sự mập mờ. Bố mẹ tôi không chấp nhận bất kỳ hình thức nào của sự không rõ ràng – theo đúng nghĩa đen, ngay khi nó dám xuất hiện, họ tổng cổ nó một cách cực kỳ rõ ràng. Và, đúng, tôi cố tình nói thế đấy. Tất cả mọi điều bố mẹ tôi làm, họ đều làm một cách cực kỳ rõ ràng. Sự mơ hồ là kẻ thù. Một trong số những kẻ thù.” Tôi tự sửa lời mình. “Thay đổi là một kẻ thù khác. Và sự tự phát, rồi rủi ro. Có cả một đám những thứ đó.”

“Thảo nào mà bố mẹ chị lo sợ,” Alice nói. “Chị đã tự nói ra đấy: họ bị khủng bố bởi cả một đám.”

Có phải cô ấy định đưa cho tôi cùng loại thuốc cô ấy đưa lần trước? Kali Phos là tên nó. Dành cho những người có ác cảm với chính người thân của mình. Kit đe dọa sẽ trộm cái chai đó cho chính mình khi tôi bảo anh ấy thế.

“Kit cảm thấy khổ sở,” tôi bảo Alice. “Tôi khiến anh ấy khổ sở.

Anh ấy không thể hiểu được tại sao tôi không tin anh ấy. Tôi cũng không thể hiểu. Tại sao tôi không thể chấp nhận được rằng những chuyện lạ lùng thỉnh thoảng vẫn xảy ra, và bỏ lại nó đằng sau? Tôi biết Kit yêu tôi, tôi biết anh ấy đang tuyệt vọng mong muốn mọi chuyện quay trở lại bình thường. Tôi là tất cả những gì anh ấy có, và... tôi yêu anh ấy. Nghe sẽ có vẻ điên rồ, nhưng tôi yêu anh ấy nhiều hơn lúc nào hết – tôi cảm thấy oán hận thay cho anh ấy.”

“Bởi vì có thể là anh ấy vô tội, và chính người vợ lại không tin tưởng anh ấy?” Alice phỏng đoán.

Tôi gật. “Làm sao tôi có thể nói với bố, mẹ và Fran, khiến mọi người cũng nghi ngờ anh ấy được, khi mà chẳng có cách nào để kết thúc mối ngờ vực, không bao giờ? Tôi còn chưa khiến anh ấy đủ khốn khổ hay sao?”

“Vậy là vì Kit mà chị không để lộ chuyện này ra với gia đình?”

“Vì anh ấy và vì họ. Bố mẹ tôi không thể sống với chuyện đó – tôi biết họ không thể. Họ sẽ cố gắng ngăn không cho tôi sống cùng nó. Họ sẽ thuê một thám tử tư... Không, nếu họ làm thế, có nghĩa là họ thừa nhận rằng mình đang can dự vào việc gì đó ghê tởm. Tôi biết họ sẽ làm gì.” Cảm giác như đang tiết lộ một bí mật, dù ở một mức độ nào đó, tôi biết mình đang dựng chuyện. “Họ sẽ gây áp lực, buộc tôi phải rời bỏ anh và chuyển về lại Thorrold House. Chỉ để đề phòng. Họ sẽ nói, ‘Nếu con không chắc chắn một trăm phần trăm rằng cậu ta đáng tin cậy, con không thể ở với cậu ta được.’”

“Không phải điều đó thật ngu ngốc sao?”

“Đúng. Tôi thà để cả quãng đời còn lại của mình bị hủy hoại vì sự nghi ngờ vô ích còn hơn phải từ bỏ người đàn ông tôi yêu, người rất có thể chẳng làm gì sai cả.”

Alice đeo kính lại và nhướn người về phía trước. Chiếc ghế xoay bọc da của cô ấy kêu kìn kít. “Giải thích cho tôi một chuyện,” cô nói. “Chị bảo không có cách nào để kết thúc mối nghi ngờ, không bao giờ, nhưng ngay câu tiếp theo chị nhắc đến khả năng thuê một thám tử tư. Chị có thể không muốn làm thế,

và tôi hiểu vì sao chị không muốn, nhưng không phải đó là một cách chắc chắn để tìm ra xem Kit có nói dối hay không sao?”

“Cô đang nói là tôi nên thuê một thám tử?” Nếu cô ấy nói phải, tôi sẽ không bao giờ quay lại đây. “Không phải sẽ nguy hiểm khi một người hoang tưởng nhiều như tôi tưởng tượng rằng mình có thể trả tiền mua sự chắc chắn bất cứ khi nào mình cần? Không phải cố gắng nuôi dưỡng niềm tin thì sẽ tốt hơn à? Nếu như người thám tử bám theo Kit trong một tháng và chẳng tìm ra gì cả? Liệu cuối cùng tôi cũng chấp nhận rằng không có chuyện gì xảy ra cả, hay tôi sẽ lo lắng rằng tay thám tử đã cầu thả bỏ lỡ gì đó?”

Alice mỉm cười. “VẬY mà mới sáng nay thôi, chị kể cho một thám tử về việc chứng kiến xác một người phụ nữ trên mạng. Anh ta có thể cầu thả chứ – anh ta có thể bỏ lỡ mất điều gì đó.”

“VẬY thì tôi sẽ tới Cambridge và tìm một tay thám tử tận tâm và bắt hẩn nghe tôi,” tôi đáp trả quyết liệt.

“Bởi chị muốn tìm ra sự thật.”

“Đó không phải là vì tôi, mà là vì người phụ nữ tôi đã thấy, bất kể cô ta là ai. Ai đó đã sát hại cô ta. Tôi không thể chỉ...”

“Chị muốn tìm ra sự thật,” Alice nhắc lại một lần nữa.

“Thôi được rồi, đúng thế! Tôi thấy một cái xác trên sàn ngôi nhà đó. Cô có muốn biết sự thật không, nếu ở vị trí của tôi?”

“Connie, cho phép tôi thẳng thắn nhé? Khi nói đến người phụ nữ đã chết kia, nhiệt huyết muốn tìm ra sự thật của chị thực sự mạnh mẽ. Tôi có thể cảm thấy nó – nó hiện hữu trong căn phòng này. Thường thì, điều đó sẽ giúp lôi kéo sự thật đến với chị. Khi ta tập trung tất cả năng lượng của bản thân vào điều gì đó, tin rằng một ngày nào đó mình sẽ đạt được nó và theo đuổi nó với sự quyết tâm lớn lao, kiên định rằng mình sẽ không bao giờ bỏ cuộc, thì thông thường điều ta tìm kiếm sẽ đến với ta – chỉ là vấn đề mất bao nhiêu thời gian thôi. Trong trường hợp của chị, có một sự rắc rối: trong một phần khác của cuộc đời mình, chị sợ phải tìm ra sự thật, và chị đang truyền đi nguồn năng lượng kháng cự sự thật cũng lớn tương đương.” Cô khoanh

tay, chờ đợi phản ứng của tôi.

“Kit, ý cô là thế? Thật không công bằng. Cô biết tôi cố gắng đến thế nào mà.”

“Chưa đâu,” Alice nói nhẹ nhàng. “Nếu chị nghĩ thế, chị chỉ đang tự dối mình mà thôi.”

Tôi chắc là mình khá thuyết phục trong trường hợp cá biệt này. “Sao cơ, vậy ý cô là những năng lượng trái ngược đang hòa lẫn vào nhau và phát ra những tín hiệu lộn xộn? Rằng nỗi sợ tìm ra sự thật về Kit đang kháng cự lại toàn bộ sự thật?”

Alice không nói gì.

“Vậy, bất kỳ ai chịu trách nhiệm cho tất cả những thứ năng lượng và hấp dẫn này, trên kia nơi buồng lái của vũ trụ – Chúa trời, hay Định mệnh, hay bất cứ cái gì mà cô muốn gọi tên Người – Người bị cạnh thi, phải không?” Tôi bực tức nói. “Người không đọc được rõ danh sách mua hàng. Mặt hàng số một: sự thật về cái xác người phụ nữ; mặt hàng số hai: không sự thật nào về người chồng có thể là phản bội. Chúng mờ lẫn vào nhau, phải không, nên Người mới không biết chính xác là phải phân phối thứ nào? Người không thể tập trung cao độ và kiểm một cặp kính đọc sách cho tử tế sao? Với tư cách là người điều khiển toàn năng của vũ trụ, chuyện đó đâu có vượt quá khả năng của Người.”

“Chẳng có chuyện gì lẫn lộn vào nhau cả,” Alice nói. “Hai mặt hàng đó chưa bao giờ tách rời. Chúng được kết nối với nhau bằng một địa chỉ: số 11 Bentley Grove, Cambridge.”

Tôi cảm thấy như thể mình sắp nôn mửa.

Kit không giết cô ta. Anh ấy không thể. Anh không phải là một kẻ sát nhân. Tôi không yêu một tên sát nhân.

“Chị muốn chỉ một phần của sự thật hay muốn tất cả?” Alice hỏi. “Nếu như đây là tình thế được ăn cả, ngã về không thì sao? Chị sẽ chọn gì?”

“Tất cả,” tôi thăm thì. Dạ dày tôi quặn lại.

“Tốt. Điện thoại của chị đang reo kìa.”

Tôi không nghe thấy.

“Không gì bằng một kết quả tức thì để thuyết phục một người hay hoài nghi khó tính,” Alice nói.

“Cô có phiền không nếu tôi...? A lô?”

“Có phải chị là Connie Bowskill không?”

“Tôi đây.”

“Sam Kombothekra.”

“Ồ.” Tim tôi thót lên. Kombothekra, Kombothekra. Tôi cố gắng nhớ cái tên.

“Chị có thể tới đồn cảnh sát Spilling lúc chín rưỡi, sáng thứ Hai không?”

“Tôi... Có chuyện gì xảy ra à? Anh đã nói chuyện với cảnh sát Cambridge chưa?”

“Tôi muốn nói chuyện trực tiếp với chị,” anh ta nói. “Sáng thứ Hai, chín rưỡi nhé?”

“Được rồi. Không lẽ anh thậm chí không thể...?”

“Hẹn gặp chị lúc đó.”

Anh ta ngắt máy rồi.

Alice nâng kính của mình trong một cử chỉ như thể nâng ly. “Làm tốt lắm,” cô nói, tươi cười với tôi. Tôi không biết cô đang chúc mừng tôi vì cái gì.

TANG VẬT SỐ: CB13345/432/21IG

D,

Đừng quên tắt qua siêu thị và mua: Bánh mì ổ đẹp, sốt cà chua passata, túi rau trộn, thịt cừu xay, pho mát Feta, quế, a-ti-sô nướng (loại ngập dầu để trong lọ, từ khu thực phẩm – KHÔNG phải loại hộp thiếc a-ti-sô từ khu rau quả đóng hộp), hộp bút chì mới cho Riordan, một cái gì đó cho Tilly để con không cảm thấy bị bỏ rơi – tạp chí Barbie hay gì đó tương tự.

Cảm ơn anh!

E xx



Thứ Hai, ngày 19-07-2010

“Được rồi. Cậu vừa rao bán ngôi nhà của mình...”

“Không, tôi có bán đâu,” Gibbs nói.

“Giả sử cậu vừa làm thế. Cậu muốn chuyển đi, và cậu vừa rao bán nhà mình trên thị trường,” Sam nói. “Tại sao cậu lại đi và nghỉ ở một khách sạn?” Trong mười phút qua, anh ta đã lướt qua lướt lại quanh bàn của Gibbs – thỉnh thoảng liếc nhìn anh, rồi lại nhìn đi chỗ khác, như thể anh ta có điều gì đó trong đầu nhưng không chắc phải khơi chuyện như thế nào.

Gibbs đang chờ đợi anh ta phun ra, dù đó là chuyện gì đi nữa. “Nếu tôi thích đi nghỉ mát và cảm thấy quá nhọc nhằn trong việc tự chăm sóc bản thân mình...”

“Không, không phải nghỉ mát. Cậu sẽ không chọn một cái khách sạn cách nhà mình chỉ một quãng, phải không? Xin lỗi, tôi không giỏi diễn đạt ý mình lắm.”

Anh chả diễn đạt cho nên hồn ý gì hết.

“Tại sao cậu lại quyết định đi nghỉ tại khách sạn trong khi đợi nhà được bán? Dù có mất bao lâu đi nữa.”

“Tôi sẽ không làm thế,” Gibbs nói, bực bội vì Stepford là sếp mình nên anh không thể bảo anh ta hãy biến đi và đừng có làm phí thời gian của anh nữa. “Tôi sẽ ở trong nhà mình cho đến khi nó được bán, rồi tôi sẽ chuyển sang nhà mới. Không phải hầu hết mọi người đều làm thế à?”

“Đúng vậy. Chính xác.”

“Kể cả khi gặp may và nhà của anh bán rất nhanh, anh vẫn phải mất ít nhất sáu tuần, tôi đoán thế. Sáu tuần trong khách sạn là quá khả năng chi trả với hầu hết mọi người – với tôi cũng

vậy.”

“Giả sử cậu có đủ tiền cho việc đó – cậu là người có thu nhập cao, hoặc có của cải riêng.”

“Tôi vẫn sẽ không làm thế. Chẳng ai làm thế cả. Tại sao không ở nhà của mình cho đơn giản?”

“Thế còn giả sử cậu không thể chịu đựng được viễn cảnh người mua lần nhân viên giám định làm quần chân mình mọi lúc, thơ thẩn vào ra trong khi cậu đang cố gắng tiêu khiển với bạn bè, rung chuông cửa lúc chín giờ sáng Chủ nhật khi cậu đang hy vọng được ngủ nướng? Không phải chuyển sang khách sạn sẽ tiện hơn sao?”

“Không hề,” Gibbs thẳng thừng. Tiêu khiển với bạn bè? Bạn bè của Debbie vẫn thỉnh thoảng ghé chơi uống trà – như thế có tính là tiêu khiển không? Stepford nghĩ Gibbs là ai cơ chứ, Nigella Lawson?

Colin Sellers thông thượt đi vào, trông tệ hơn tuần trước, điều mà Gibbs không thể nào tin được nếu như bằng chứng không lồ trước mắt mình. “Tóc cậu trông như một quả cầu lông mà con mèo ho ra ấy,” anh gọi to. Không có phản ứng. Anh cố thử một lần nữa. “Mấy tay thợ cạo sẽ hét giá cắt cổ cậu cho một lần cắt tóc – giải quyết tất cả vấn đề của cậu trong một lượt.”

Sellers lau bầu và đi về phía bàn mình. Suki, cô bạn gái lâu năm, đã đá hấn ta hai tuần trước. Gibbs đầu tiên cũng cố làm hấn vui lên, chỉ ra rằng hấn ta vẫn còn vợ mình, Stacey, và ít nhất thì cô chưa bao giờ phát hiện ra chuyện ngoại tình này, nhưng Sellers không dễ khuây khỏa thế. “Tôi đang có một khoảng trống bạn gái cần lấp đầy,” hấn lăm bầm sâu thẳm. “Nếu cậu muốn giúp, hãy tìm cho tôi một người phụ nữ mới. Cậu có nghĩ được ra ai không?” Gibbs không nghĩ ra. “Ai cũng được,” Sellers lặp lại, buồn nản. “Già, trẻ, mũm mĩm, gầy xương, xấu như quỷ cũng được, nếu như đấy là tất cả những gì cậu có thể tìm nổi – miễn cô ta là một người mới.” Ý nghĩ rằng trên đời còn người phụ nữ nào đó mà mình chưa bao giờ quan hệ cùng là nỗi bất mãn thường trực của Sellers.

Gibbs thích cụm từ ‘nỗi bất mãn thường trực’. Nó là một cách hiệu quả để ghim lại mọi người trong tâm trí anh. Stepford thì lại khó nhằn: anh ta chẳng có nỗi bất mãn nào, theo như Gibbs biết. Quý ngài Người Tuyết thì lại có quá nhiều. Gibbs thắc mắc liệu có cần một cái nỗi bất hơn những cái còn lại để được tính không. Liệu anh có thể ôm một mớ những nỗi bất mãn thường trực được không?

“Tôi nghiệp Collin già,” Stepford lầm bầm. “Hắn ta đã rất coi trọng chuyện đó, đúng không?”

“Nhà tôi to đến mức nào?”

“Tôi không biết. Tôi đã thấy nó bao giờ đâu.”

“Cái nhà tôi vừa đem rao bán ấy,” Gibbs làm rõ.

“Ồ, xin lỗi. Với ai đó sống một mình, nó khá to đấy. Bốn phòng ngủ, phòng khách, phòng sinh hoạt gia đình, nhà kính trồng cây, phòng ăn, phòng bếp cỡ vừa đủ. Vườn rộng mênh mông.”

“Vậy là tôi đã quen với không gian rộng, đúng không? Tôi sẽ không sẵn sàng sống trong một căn phòng khách sạn dù nhà tôi mất bao lâu để bán đi nữa. Tôi sẽ phát ốm mất.”

“Tuồng tượng cậu là một phụ nữ...”

“Hạ giọng xuống đi,” Gibbs nói, hất đầu về hướng của Sellers. “Tôi không muốn bị tay thông dâm kia nhẩy vào đâu.”

“Cậu là người đa cảm. Cậu chuyển nhà vì cậu phải dời đến vùng khác của đất nước vì công việc, nhưng cậu yêu ngôi nhà của mình. Cậu không thể chịu đựng việc tiếp tục sống trong đó khi biết rằng mình sẽ sớm ra đi – cậu thà chuyển đi ngay lập tức và... Không à?”

Gibbs lắc đầu. “Tôi sẽ làm như vậy nếu tôi ghét nhà của mình và không thể chịu được việc sống ở đó thêm nữa,” anh nói. “Nếu tôi đã sống ở đó hàng năm trời với một gã cục mịch từng đánh đập tôi như tử, hay một điều gì đó rất tởm đã xảy ra ở đó – các con tôi qua đời ở đó, hay tôi bị cướp và cưỡng hiếp tập thể...”

Thanh tra Giles Proust xông xộc chạy qua mà không nhìn lên. Khi ông ta với tới được buồng kính làm việc của mình ở tít góc xa trong phòng, ông quay lại, giơ chiếc cặp táp của mình lên và

nói, “Đừng bận tâm về tôi, Gibbs. Cứ tiếp tục với cuộc trò chuyện khai sáng trí tuệ nâng bước tâm hồn của cậu, cùng những suy nghĩ của sáng thứ Hai đầy cảm hứng cho tới hết ngày đi.” Ông ta bước vào và đóng sầm cửa lại.

Biến mẹ ông đi, Frosty.

Stepford xoa xoa trán, lấy làm lo lắng. “Không thể tin được tôi lại trong tình thế này,” anh ta nói. “Trong một phút nữa, một người phụ nữ tên là Connie Bowskill chuẩn bị bước vào đây và rất có thể tuôn ra một tràng dối trá, hay một hỗn hợp của lời nói dối và sự thật nửa vời, và tôi sẽ không biết được chị ta có đang nói dối hay không bởi vì tôi không thể liên lạc với Simon Waterhouse. Không có cách nào tôi tìm ra cậu ta – không thể nào, đơn giản là vậy. Trong khi chỉ cần nói chuyện với cậu ta hai phút – thậm chí một – là tôi có thể có được góc nhìn của mình.”

Gibbs biết Waterhouse ở đâu. Điều mà anh không được phép truyền lại cho ai biết.

Cửa văn phòng của Người Tuyết bật mở và ông ta ló cái đầu hói của mình ra. Ông ta vẫn đang cầm chiếc cặp. “Anh đang chờ khách đến à, hạ sĩ? Có một người phụ nữ ở bàn tiếp tân hỏi anh đấy. Khá trẻ, tóc tối màu, quyến rũ. Connie Bowler, tôi nghĩ tên cô ta là vậy. Tôi tránh cô ta.”

“Connie Bowskill,” Stepford nói. Gibbs nghe thấy sự ngập ngừng trong giọng nói của anh ta, không nghi ngờ gì là Proust cũng thấy thế.

“Tôi rất giỏi nhớ tên và tên cô ta không gợi lên tí gì cả. Cô ta là ai?”

“Connie Bowskill?” Sellers ngẩng lên khỏi thanh kẹo Mars hẳn ta đang hí hoáy mở giấy gói. “Chưa nghe thấy cái tên ấy bao giờ.”

Đang ngứa ngáy muốn được chơi cô ta, phải không? Cậu còn chưa thấy cô ta kia mà.

Stepford đổi từ chân này sang chân kia, tránh ánh mắt của Proust.

“Cô ta là ai, hạ sĩ? Nhà tiên tri à? Giáo viên thối sáo của anh? Tôi có thể đứng đây đoán cả ngày cũng được, hoặc anh có thể

khuyến cuộc đời này dễ thở hơn cho cả hai ta bằng cách trả lời câu hỏi.”

“Chị ta... là một người tôi đang cố giúp đỡ. Đó là một câu chuyện dài, sắp ả, và sẽ còn dài hơn nữa. Nó có thể liên quan đến một vụ sát hại.”

“Kế hoạch huấn luyện nhân viên tôi nghĩ đến mỗi đêm trước khi đi ngủ cũng vậy. Nếu đó là một vụ mưu sát, sao tôi không được biết về nó?”

“Nó không nằm trong địa bàn của chúng ta.”

“Vậy thì cô ta làm gì ở đây? Sao cô ta không ở khu vực St. Annes-on-Sea ấy? Sao không phải là ở Nether Stowey, Somerset?”

“Tôi không có thời gian để giải thích đâu, nếu đúng là chị ta đang ở quầy tiếp tân,” Stepford nói. “Hãy để tôi nói chuyện với chị ta rồi tôi sẽ giúp anh nắm được tình hình.”

Một vụ án mạng có thể xảy ra. Có phải thế nghĩa là Gibbs bắt buộc phải cho Stepford biết Waterhouse ở đâu? Có thể. Có khả năng.

“Chưa gì tôi đã không ưa như vậy rồi.” Proust tru tréo. “Anh nên cố bớt xăng xái giúp đỡ đi, trong tương lai – với bất cứ ai, trừ tôi. Anh sẽ có những câu chuyện ngắn hơn để kể và ít người để giải thích tình hình hơn đấy.” Ông ta quay lại văn phòng của mình và đóng cửa lại, nhưng thay vì đi thẳng tới bàn làm việc như mọi khi, ông ta đứng im và nhìn chăm chăm qua cửa kính, cặp táp vẫn trong tay, không biểu cảm gì – như thứ gì đó cũ kỹ và xấu xí trong lồng kính trưng bày của bảo tàng. Lão đó là một gã dở người, ông ta thuộc về nhà thương điên. Gibbs quyết định cố gắng đấu nhãn với ông ta. Sau một vài giây, anh mất hứng và bỏ cuộc.

Cảnh sát viên Robbie Meakin xuất hiện tại ngưỡng cửa phòng điều tra tội phạm. “Có ông bà Bowskill chờ anh tại căng tin, hạ sĩ.”

“Căng tin?” Giọng Stepford nghe đầy thất vọng. Đó là mức gần nhất với tức giận mà anh ta từng trải qua.

“Xin lỗi, đó là những gì tốt nhất tôi có thể sắp xếp. Tất cả các phòng đều kín rồi.”

“Anh luôn có thể đặt một phòng ở dưới phố, tại khách sạn The Blantyre,” Gibbs gợi ý. “Mà nói đến khách sạn.” Hay anh chỉ cần gọi nó là ‘Blantyre’ thôi nhỉ? Không, nó ghi là ‘Khách sạn The Blantyre’ ở đằng trước. Anh tự hỏi mình và Olivia có thể chi trả bao nhiêu đêm ở Blue Horizon trước khi tiền bạc của họ cạn kiệt. Cũng kha khá, nếu cô nàng chịu bán cái váy hai ngàn bảng của mình đi.

Anh nên gọi cho cô trước khi tiết lộ bất kỳ điều gì về nơi trú ẩn của Waterhouse với Stepford, cảnh báo trước cho cô là việc hợp lý.

Anh có số của cô, hẳn là Charlie cho cô số của anh, và tuần trước cô đã nhắn tin cho anh rằng cô mong chờ được ‘làm chứng’ với anh. Giờ đây nhìn lại, khi mà đám cưới của Waterhouse đã là quá khứ, Gibbs nhận ra mình cũng đã mong chờ nó hết như cô vậy. Mọi thứ còn có ý nghĩa gì nếu không có gì để mong đợi?

Anh quyết định không gọi cho Olivia ngay lập tức. Việc đó có thể lui lại một tiếng nữa.

. . .

Anh ấy đi đâu rồi? Charlie đã nghĩ, khi cô đặt phòng ở Los Delfines, rằng sẽ thật thú vị và xa hoa khi được sống trong một ngôi nhà khổng lồ trong hai tuần lễ. Nó hóa ra lại đáng nản hơn bất kỳ điều gì. Ở nhà, khi Simon biến mất và cô đi tìm anh, cô luôn tìm thấy anh trong vài giây. Ở đây, chuyện không dễ như vậy, chẳng đời nào Charlie muốn chạy quanh ba mươi phòng trong cái nóng này. “Simon?” cô gọi với lên cầu thang đá cẩm thạch trắng. Anh ấy đang ở trong toa let sao? Không thể lâu đến thế được, chắc chắn – khi không mang theo cuốn Moby Dick bên mình, và cô vừa nhìn thấy nó cạnh bể bơi. Anh không thể ở trên

giường được, không đời nào anh mạo hiểm chọn chỗ đó để bị cô tìm thấy. Trong bếp, chuẩn bị bữa trưa? Hôm qua, Charlie đã phàn nàn về chuyện sẽ phải bóc vỏ chỗ tôm mà họ mua ở siêu thị dưới phố. Biết đâu Simon quyết định tự bóc chúng trước, để khỏi bất tiện cho cô. Cô bật cười trước suy nghĩ của chính mình. Cứ như là thật vậy.

Cô chỉnh lại áo bikini trên người, đang đi về phía nhà bếp thì có một thứ làm cô chú ý: một mảnh giấy nằm trên tủ ly với dòng chữ gì đó được viết hoa toàn bộ. Có phải anh đã ra ngoài, để lại ghi chú cho cô không? Không, thế thì cô đã thấy anh trong khi đang tắm nắng trên ghế dài bể bơi, anh phải đi qua ngay trước mặt cô nếu muốn ra ngoài.

Cô nhặt nó lên. Đó không phải mảnh giấy mà là vé máy bay của Simon. Trên đó, anh viết, 'SỐ 11 BENTLEY GROVE, CAMBRIDGE, CB29AW'. Charlie cau mày. Đó là địa chỉ của ai? Anh muốn cô tìm ra nó, hay đây là một lời ghi chú của anh về cái gì đó? Anh biết ai ở Cambridge chứ? Không ai cả, theo như cô biết.

Cô nghe tiếng bước chân trên lầu.

"Em gọi anh à?" Simon hỏi. "Anh vừa ở trên sân thượng, ngắm gương mặt trên núi. Em nên lên tầng – em sẽ thấy nó ngay lập tức."

Anh ấy vẫn còn nghĩ về chuyện đó sao? "Em không để tâm nếu mình không thấy gương mặt đó."

"Anh muốn em thấy nó." Simon khẳng định. Anh chuẩn bị quay lên tầng.

"Số 11 Bentley Grove là gì vậy?"

"Hả?"

"CB2 9AW."

Simon trông có vẻ bối rối. "Em đang nói về cái gì vậy?"

"Cái này." Charlie vẫy vẫy chiếc vé về phía anh.

"Để anh xem nào." Anh tiến lại gần. Nhìn chằm chằm vào nó, rồi vào cô. "Anh không biết," anh nói. "Đó có phải vé máy bay của em không?"

“Không. Nó là của anh,” cô bảo anh. “Của em ở ngoài bể bơi – em dùng nó để đánh dấu sách. Anh nhét vé của anh vào túi khi mình lên máy bay – em đã nhìn thấy. Một lúc nào đó từ tối thứ Sáu đến giờ, hẳn là anh lấy nó ra, viết địa chỉ này lên, và để nó ở đây, trên tủ ly.” Sao anh lại có thể không nhớ?

Anh lắc đầu. “Không, anh không làm vậy. Có phải em không?”

“Có phải em không?” Charlie bật cười. “Rõ ràng không phải em, nếu không thì em đã không hỏi anh tại sao anh lại làm thế.”

Simon trông có vẻ không bị thuyết phục. Ánh nhìn của anh giống như khi anh đang thẩm vấn nghi phạm, Charlie khó chịu nhận ra điều đó: sự thận trọng. Xa cách. “Ai sống ở số 11 Bentley Grove?” anh hỏi.

“Simon, đây là cuộc đối thoại điên khùng nhất chúng ta từng có – và, hãy đối mặt với việc này đi, đang có một cuộc xung đột không khoan nhượng ở đây. Em không biết gì về cái địa chỉ đó hết. Anh biết, bởi vì chính anh đã viết nó, vậy nên sao anh không nói cho em biết ai sống ở đó?”

“Cambridge. Em từng dạy học ở Cambridge.”

“Đừng tỏ vẻ ngờ vực ở đây! Nói cho em biết chuyện gì đang xảy ra, nếu không thì...”

“Anh không viết cái này, Charlie. Anh không biết ai ở Cambridge hết.” Anh không còn vẻ thận trọng nữa, nhìn anh đầy tức giận. “Cái chết mẹ gì đang xảy ra thế? Em nghe thấy anh xuống tầng và em biết là mình không có đủ thời gian để che giấu nó, vậy nên em vẽ ra một trò bịp kếp tinh tế ngu ngốc – em quyết định buộc tội anh đã viết nó. Thông minh đấy. Nhưng em phải biết là chiêu đó sẽ không thành công đâu. Anh biết mình không viết nó, nhớ chứ? Như thế nghĩa là chỉ còn em thôi. Trừ phi em muốn lôi Domingo vào chuyện này – có thể chính anh ta viết nó.”

“Này, này!” Charlie giơ hai tay lên. “Chuyện này thật điên rồ. Anh bình tĩnh lại đi, được chứ? Em không viết nó, Domingo không viết nó – anh ta gần như không nói được tiếng Anh. Chính anh viết nó. Đó phải là anh.”

“Trừ việc anh không viết.” Biểu cảm trên gương mặt anh làm cô lạnh cả người. “Nếu có chuyện gì đang diễn ra ở đây mà anh không được biết, tốt hơn là em nên nói cho anh nghe ngay bây giờ. Dù có tệ đến thế nào đi chăng nữa.”

Charlie trào nước mắt. Cô có thể cảm nhận được sự hoảng loạn bắt đầu nổi sóng trong dạ dày, da gà nổi lên khắp mình cô. Nếu bạn nói sự thật và không được tin tưởng bởi người quan trọng nhất với mình, bạn phải làm gì tiếp theo? “Em không viết nó!” Cô gào vào mặt anh. “Được thôi, nếu anh nói anh cũng không viết, em tin anh – anh cũng nên tin em.”

“Em muốn anh lục soát cả ngôi nhà tìm kẻ đột nhập với chiếc bút mực xanh trong tay?” Simon lạnh lùng hỏi. “Hay tốt hơn anh nên lục soát túi của em để tìm một chiếc bút xanh?”

“Lục soát...?”

“Màu mực sẽ khớp nhau hoàn hảo, anh chắc thế.”

Ôi, Chúa ơi, xin hãy dừng chuyện này lại. Làm sao Charlie có thể kết thúc được nó trước khi mọi thứ bị cuốn khỏi tầm kiểm soát? Nếu cô thực sự có một chiếc bút xanh trong túi, và nếu Simon tìm thấy nó... Nhưng cô không làm việc đó. Và anh cũng có khả năng lấy chiếc bút ra từ túi cô giống như cô vậy. Nếu anh biết chính xác chiếc bút nào đã viết những dòng đó... Không, cô không thể để bản thân nghĩ như vậy được. Họ phải tin tưởng lẫn nhau. “Hẳn là Domingo đã viết nó,” cô nói. “Tiếng Anh hoặc không phải tiếng Anh – anh ta hẳn là đã... em không biết nữa, ghi lại lời nhắn từ một ai đó – có thể từ chủ nhà, có thể họ là người Anh. Có thể họ sống ở Cambridge, hoặc họ đang nghỉ ở đó hay đại loại thế.” Chuyện đó có thể không? Phải là như vậy, nếu Simon đang nói thật.

“Tìm anh ta đi. Hỏi anh ta ấy.”

“Anh tự đi mà tìm và hỏi ấy.” Charlie gắt. “Và nếu anh ta nói không phải là mình thì anh ta đang nói dối chắc rồi!”

“Em đang run lên kìa,” Simon nói, bước về phía cô. Cô chuẩn bị tinh thần cho một đợt công kích bằng lời nói nữa, nhưng tất cả những gì anh làm là vỗ nhẹ lên cánh tay cô và... có phải một

nụ cười nhả nhở xuất hiện trên gương mặt anh không? “Thôi được rồi, trò chơi kết thúc,” anh nói. “Anh viết nó đấy.”

“Sao cơ?” Charlie cảm thấy như vừa bị hóa đá.

“Anh viết nó, và để nó ở đấy để em tìm thấy.”

Mọi thứ sáng tỏ. Cùng lúc đó, chúng lại chẳng hề sáng tỏ chút nào.

“Anh đang... thử em ư?”

“Anh đã biết mình sẽ phải dành cả ngày bò ra vì công việc, và đó là điều anh sẽ làm.” Simon mỉm cười, tự hào về bản thân mình. Tất cả mọi chuyện anh làm đều có hiệu quả.

“Đây là chuyện liên quan đến công việc, đúng không? Đây là tuần trăng mật của chúng ta, và anh đang vui đầu vào công việc! Em biết là anh đang trù tính gì đó trong đầu mà.”

“Đó không chính xác là công việc,” anh nói. “Em có thể liệt kê cho anh những suy nghĩ nào được và không được phép có trong tuần trăng mật, nhưng anh cần phải hỏi em điều này khi nó vẫn còn tươi mới trong tâm trí em...”

“Nó sẽ tươi mới trong đầu em cho đến hai chục năm nữa, Simon.” Giống như tất cả những lần anh làm em tổn thương trong quá khứ: tươi mát như một cánh đồng hoa cúc dại, mỗi đóa hoa là một vết thương.

“Em có tin anh không? Rằng anh đã không viết nó? Em có bắt đầu tự hỏi liệu có thể nào em đã viết nó mà không nhớ không?”

Charlie nhún vai, adrenaline vẫn còn đang cuộn trào trong cơ thể cô. “Em ghét anh,” cô nói. “Anh làm em sợ.”

“Em tin anh, nhưng đó chỉ vì em tuyệt vọng muốn được anh tin tưởng em,” Simon nói. “Em đưa ra một thỏa thuận: sự miễn trừ những nghi ngờ lẫn nhau. Điều đó có thể có hiệu quả, nhờ vào Domingo. Anh ta là người ngoài duy nhất ở đây, và anh ta chẳng có nghĩa lý gì với chúng ta hết. Nếu anh ta nói mình không viết nó, chúng ta có thể đuổi anh ta vì tội dối trá, cũng không sao hết, bởi chúng ta không có quan hệ gì với anh ta. Nhưng nếu Domingo không có ở đây thì sao? Nếu em biết mình không làm, và anh vẫn cứ tiếp tục thể thốt rằng anh cũng không

làm, em sẽ nghĩ gì trong đầu? Liệu em bắt đầu có ý nghĩ rằng em đang phát điên? Hay em muốn kết luận rằng anh là kẻ nói dối – kẻ mà em không tài nào ép nói ra sự thật nổi?”

“Anh tốt hơn là nói cho em, ngay lập tức, chuyện này là thế nào,” Charlie nói trong run rẩy. “Em sẽ không dành nốt phần còn lại của kỳ trăng mật...”

“Thư giãn đi,” Simon nói. “Anh đã định nói cho em biết mà.”

“Vậy sao anh không cứ thế nói cho em biết đi – ở sân bay, trên máy bay? Tại sao lại kéo dài chuyện này ra, tại sao lại hành hạ em? Em biết anh đang trù tính gì đó trong đầu mà. Anh phủ nhận nó. Anh là kẻ nói dối.” Có phải cô đang làm to chuyện quá mức không? Có phải là cô nên mỉm cười bỏ qua thôi không?

Simon đang cố gắng. “Anh nghĩ mình sẽ để em chờ đợi một xíu,” anh trêu đùa cô. “Tạo không khí hồi hộp, khiến em thực sự quan tâm...”

“Em hiểu rồi – vậy nguyên lý đó cũng áp dụng với chuyện giường chiếu của chúng ta, đúng không?”

Nụ cười biến mất trên gương mặt anh.

Thứ Hai, ngày 19-07-2010

Kit nắm lấy bàn tay tôi dưới gầm bàn khi Sam Kombothekra xoay chiếc máy tính xách tay lại đối diện với chúng tôi. Tôi ngần ngại, tôi không muốn nhìn căn phòng đó thêm một lần nữa. “Đừng lo,” Sam nói, khi tôi quay mặt đi và dựa vào Kit. “Chị sẽ không thấy bất cứ thứ gì khó chịu đâu – chỉ là căn phòng khách bình thường mà chị đã thấy trước đây, không có thứ gì lạ diệu xuất hiện trong này cả. Nhưng tôi cần chị nhìn nó. Tôi cần cho chị xem một thứ.”

“Chúng ta có cần phải làm việc này ở đây không?” Tôi hỏi. Cảm giác thật sự không ổn. Sam nên tới Melrose Cottage một lần nữa, nếu đây là lựa chọn tốt nhất anh ta có thể đưa ra. Chúng tôi đang ngồi trong một cái căng tin to bằng hội trường của một trường học, bị vây bọc tứ phía bởi âm thanh của những chiếc khay khua lanh canh, máy rửa bát kêu vo vo, những cuộc nói chuyện ồn ào từ cả hai bên của ô cửa phục vụ trong căng tin, cũng như qua cánh cửa – hai bà cấp dưỡng lớn tuổi trông như bù nhìn, nếu đó là cách người ta gọi, cười khúc khích không thể kiểm soát vì một câu đùa của một anh chàng cảnh sát trẻ tuổi mặc đồng phục, mặt mũi bóng loáng.

Dọc theo bức tường là một dãy những chiếc máy theo phong cách của khu trò chơi điện tử, đèn sáng nhấp nháy và kêu bíp bíp.

Tôi cảm thấy như vô hình. Cổ họng tôi chưa gì đã sưng lên vì phải hét lên để người khác nghe thấy. Hỗn hợp của hơi nóng ngọt ngọt nơi đây lẫn mùi xúc xích cùng trứng làm tôi buồn nôn.

“Connie?” Sam nói một cách lý trí. Tất cả mọi người đều thật

là ôi-ly-trí-quá-đi, ngoại trừ tôi. “Chị nhìn vào bức hình đi.”

Chị muốn chỉ một phần sự thật hay muốn tất cả? Nếu như đây là tình thế được ăn cả, ngã về không thì sao?

Tôi ép mình nhìn vào màn hình máy tính. Lại là nó một lần nữa: phòng khách của số 11 Bentley Grove. Không có xác người phụ nữ nào trên sàn, không máu. Sam vươn người ra và chỉ vào góc phòng, về phía chiếc cửa sổ xây nhô. “Chị có thấy vòng tròn ở trên thảm kia không?”

Tôi gật đầu.

“Tôi không thấy,” Kit nói.

“Một đường cong màu nâu rất mờ – gần như một vòng tròn, nhưng không hoàn toàn,” Sam nói. “Bên trong nó, tấm thảm màu hơi khác một chút – thấy không?”

“Đường tròn, có,” Kit nói. “Vừa xong. Với tôi thì màu trông giống nhau, trong và ngoài.”

“Trong vòng tròn thì tối màu hơn,” tôi nói.

“Đúng thế,” Sam gật đầu. “Dấu vết đó là từ một cây thông Giáng sinh.”

“Một cây thông Giáng sinh?” Anh ta đang đùa à? Tôi lau mồ hôi đọng ở môi trên mình.

Sam hạ màn hình chiếc máy tính xuống, nhìn tôi.

Cứ nói đi, dù nó có là gì đi nữa. Nói cho tôi biết anh làm thế nào để chứng tỏ được rằng tôi đã sai, điên rồ, và ngu ngốc.

“Cảnh sát Cambridge đã hết sức hợp tác,” anh ta nói. “Hơn tôi mong đợi rất nhiều. Nhờ có những nỗ lực của họ, tôi hy vọng mình sẽ có thể làm nguôi bớt những mối lo lắng của chị.”

Tôi nghe tiếng thở dài nhẹ nhõm của Kit. Cảm giác tức giận trỗi dậy trong lòng tôi. Sao anh lại có thể làm như thế, trước khi anh được nghe bất cứ điều gì, cứ như mọi chuyện kết thúc rồi? Bất kỳ giây phút nào kể từ bây giờ anh cũng sẵn sàng lôi chiếc BlackBerry ra và cầu nhàu về chuyện phải quay lại làm việc.

“Chủ nhân của số 11 Bentley Grove là một bác sĩ tên Selina Gane.”

Vậy ra đó là tên ả ta. Sam đã tìm được nhiều thông tin hữu ích trong bốn mươi tám giờ hơn là tôi trong sáu tháng.

“Cô ấy là bác sĩ chuyên khoa ung thư, làm việc tại bệnh viện Addenbrooke.”

“Tôi biết rõ nó,” Kit nói. “Tôi học đại học ở Cambridge. Addenbrooke đã chữa cho phần ruột thừa bị hoại tử của tôi, một tiếng đồng hồ trước khi nó khiến tôi mất mạng.”

Bằng đại học của Kit là bằng cấp duy nhất của anh. Anh có thể nói ‘một bằng của tôi’, nếu Sam Kombothekra cho rằng đó chỉ là một trong số nhiều bằng.

Nếu đại học ở Cambridge có khóa thạc sĩ Nghĩ Xấu Cho Người Khác, chắc tôi sẽ lấy được bằng xuất sắc.

“Bác sĩ Gane mua ngôi nhà năm 2007, từ gia đình Beater. Họ mua số 11 từ người phát triển địa ốc khi nó được xây năm 2002. Bentley Grove lúc đó còn chưa tồn tại. Một nhân viên môi giới nhà đất ở địa phương tên là Lorraine Turner phụ trách việc bán ngôi nhà của gia đình Beater cho bác sĩ Gane. Lorraine, trùng hợp thay, cũng là người môi giới đang phụ trách tiếp thị cho ngôi nhà vào thời điểm hiện tại.”

“Không hề trùng hợp chút nào,” Kit sửa lại lời anh ta. “Nếu muốn bán nhà của mình, tại sao không giao nó cho người mà anh biết là lần trước đã bán nó thành công – cho anh? Đó là điều tôi sẽ làm, nếu tôi đi bán Melrose Cottage.”

“Anh sẽ không bán Melrose Cottage.” Tôi không nhịn được mà nói. “Chúng ta sẽ cùng bán nó.” Tôi muốn xin lỗi Sam vì việc Kit ngắt lời, tôi rất ghét khi anh tỏ vẻ khoe mẽ.

“Cảnh sát Cambridge đã nói chuyện với Lorraine Turner hôm qua. Tôi cũng nói chuyện với cô ta trên điện thoại sáng nay. Tôi nghĩ chị sẽ được bảo đảm một lần nữa khi tôi kể cho chị những gì cô ấy đã nói với tôi. Vào tháng Mười hai năm 2006, gia đình Beater quyết định mang số 11 Bentley Grove đi rao bán – họ muốn chuyển về vùng nông thôn.”

Tại sao, vì Chúa?

“Ngày mà họ đưa ra quyết định cũng là ngày bà Beater yêu

cầu ông Beater ra ngoài đi mua một cây thông Giáng sinh!”

“Tôi lấy một ly ca cao được không?” Kit nói. “Cái này nghe như phần mở đầu của một câu chuyện kể trước khi đi ngủ vậy.”

“Sớm thôi, anh sẽ nhận thấy vì sao nó lại liên quan ở đây,” Sam bảo anh.

Nói cách khác là, đừng có mà ngắt lời một lần nữa.

“Bà ấy không có nhà khi chồng trở về, vậy nên không thể nhắc ông ấy đặt cái gì đó xuống để bảo vệ tấm thảm trước khi đặt cây thông lên đó, vào trong chậu. Chiếc chậu có những cái lỗ ở dưới đáy, đất trong chậu thì ướt...”

“Thật là ngốc nghếch.” Kit bật cười. “Tôi cá là bà vợ Beater đã sặc cho ông chồng Beater một trận ra trò mà ông ta suốt đời không quên được.”

“Rất có khả năng là thế.” Sam cười.

Tại sao tất cả mọi người đều đang vui vẻ, ngoại trừ tôi? Tôi không thể cảm thấy nghiêm túc về chuyện này, bất kỳ phần nào trong đó – tất cả những chuyện tầm phào về cây thông Giáng sinh và những con người chẳng có chút ý nghĩa gì với tôi; và cùng lúc đó, tôi chẳng thấy có gì đáng cười cả. Đầu óc tôi tràn ngập một hình ảnh kinh tởm: cào xé mặt mình tới khi toạc cả da, cho tới khi chẳng còn lại gì ngoài một hình cầu đỏ lôm chằm có đường nét gì nơi trước đây là đầu tôi.

“Khi Lorraine Turner tới để định giá ngôi nhà, điều đầu tiên bà Beater cho cô ta xem là tấm thảm phòng khách bị ố. Bà lại làm một tràng rên rỉ dài dòng về sự kém cỏi của ông chồng ‘Dạng đàn ông vô tích sự điển hình – vào đúng cái ngày chúng tôi quyết định bán ngôi nhà thì lại...’ vân vân. Anh chị biết rồi đấy. Bà Beater thuê một người giặt thảm chuyên nghiệp, nhưng vết ố không chịu biến mất hoàn toàn. Một vết nâu trông như vòng tròn còn lại đó mà không thể tẩy xóa được.”

Sam chuyển hướng từ Kit sang tôi. “Thứ Hai tuần trước, Lorraine tới để định giá số 11 Bentley Grove cho bác sĩ Gane. Ba năm rưỡi kể từ lần đầu tiên cô ta đặt chân vào ngôi nhà đó, vết ố vẫn còn nguyên đó. Cô ta đùa một câu về nó, có vẻ là vậy, và rồi

hối tiếc vì có vẻ bác sĩ Gane hiểu sai ý – như thể Lorraine đang ám chỉ là cô ấy là người nhếch nhác, không chịu thay tấm thảm hồng của người chủ cũ. Lorraine nói rằng lúc đó có chút khó xử.”

Tôi có cần phải cảm thấy tiếc nuối hộ một nhân viên môi giới bất động sản mình chưa từng gặp? Kit đang cười khúc khích: anh hẳn là một khán giả hoàn hảo.

“Cô ta ghi hình lại ngôi nhà và vườn cho tour ảo, chụp ảnh để đưa lên tờ rơi và trên trang web của trung tâm môi giới,” Sam tiếp tục. “Một trong số đó là căn phòng khách, với dấu vết rõ ràng là thấy được của cây thông Giáng sinh trên thảm – đó là tấm ảnh chúng ta vừa xem.”

“Vậy thì sao?” Tôi hỏi, một cách thô lỗ quá mức chủ định. “Có thứ gì ở đây chứng tỏ được điều gì? Nó liên quan gì đến người phụ nữ tôi đã thấy?”

“Connie,” Kit lầu bầu.

“Không sao đâu,” Sam bảo anh. Anh ta cảm thấy tội nghiệp cho anh, tôi nghĩ. Hẳn là không dễ dàng gì, khi phải kết hôn với một người đàn bà điên rồ. “Chiều thứ Bảy vừa mới qua, vậy là gần mười hai tiếng đồng hồ sau khi chị nhìn thấy cái xác người trên tour ảo, Lorraine Turner dẫn một cặp đôi trẻ đi xem nhà số 11 Bentley Grove. Cô ta có kể cho họ câu chuyện cây thông Giáng sinh, chỉ cho họ cái vết đó. Vẫn là vết ố đó, Connie ạ – Lorraine sẵn sàng thề là như vậy. Phần còn lại của tấm thảm hoàn toàn không tì vết. Không có chút máu nào.” Anh ta chờ đợi tôi ngấm được câu chuyện. “Chị có hiểu tôi muốn nói gì không?”

“Anh muốn nói rằng như vậy nghĩa là không thể nào từng có máu trên tấm thảm được. Anh có chắc đúng là vậy không? Tôi từng giặt quần áo có vết máu trên đó rồi, và máu biến mất sạch.”

“Connie, em có cần phải...?” Kit cố làm tôi im miệng.

Tôi nói át lời anh. “Rất dễ để loại bỏ vết máu: nước lạnh, xà phòng...”

“Tin tôi đi, nếu ai đó đã mất máu tới chết trên một chiếc thảm màu be, chị sẽ phải thấy dấu vết,” Sam nói. “Dù có tốn bao nhiêu

xà phòng và nước lạnh hay dùng bao nhiêu thuốc tẩy Vanish đi nữa.”

Tôi lùa tay qua mái tóc chưa chải của mình, cố cưỡng lại thôi thúc được nằm gục xuống sàn căng tin nhóp nhóp, nhắm mắt lại và bỏ cuộc.

“Connie, khi chị thấy thi thể người phụ nữ, có phải vết ố nằm ở đó trong góc phòng, giống như trong tấm hình vừa rồi?” Sam hỏi. “Vết ố cây thông Giáng sinh ấy?”

“Tôi không biết nữa.” Không. Tôi không nghĩ là có. “Tôi không để ý, nhưng...” Tôi lật lại trí óc mình để tìm ra một lời giải thích hợp lý. “Có thể tấm ảnh người phụ nữ đã mất đó được chụp nhiều năm trước, trước khi ông Beater đặt cây thông Giáng sinh vào chỗ đó. Anh đã nghĩ đến chuyện ấy chưa?”

Sam gật đầu. “Chị có mô tả một tấm bản đồ trên tường – chị còn nhớ chứ?”

“Tất nhiên tôi nhớ. Tại sao lại không cơ chứ? Thứ Bảy chỉ mới là hai hôm trước thôi. Tôi chưa bị lảm cẩm.”

Anh ta lấy ra một cuốn sổ tay từ túi áo, mở nó ra và bắt đầu đọc. “Comitatus Cantabrigiensis Vernacule Cambridgeshire, 1646. Jansson, Johannes.’ Còn được biết đến với cái tên Janssonius.” Anh nhìn lên. “Tôi đoán chị chưa từng nghe đến tên ông ta?”

“Ông ấy là một người bạn của gia đình Beater à?” Tôi nói cạnh khóe. Tôi không thể cưỡng lại được.

“Ông ta là một chuyên gia vẽ bản đồ người Hà Lan nổi tiếng. Chiếc bản đồ được đóng khung phía trên lò sưởi của Selina Gane là một phiên bản gốc của Janssonius, đáng giá cả một gia tài đấy. Lorraine Turner đã rất mê nó khi đến định giá nhà cho bác sĩ Gane.Ồ, và chị có nhắc tới những chiếc gia huy – chúng là huy hiệu của các trường đại học ở Cambridge: Trinity, trường St John’s...”

“Đừng quên trường tuyệt nhất,” Kit nói. “King’s.”

“Anh chưa có đủ dịp để khoác lác với những bầy tôi dễ thương của mình ở London à?” Tôi quát vào mặt anh. “Anh có nhất thiết

phải biến chuyện này thành một lễ hội huênh hoang nữa không?”

“Tấm huy hiệu bị bỏ không như vậy một cách cố ý – để bất kỳ ai mua tấm bản đồ có thể lồng vào đó gia huy riêng của dòng họ mình,” Sam vẫn tiếp tục như thể tôi chưa từng chỉ trích dữ dội chồng mình vậy. “Bác sĩ Gane kể hết cho Lorraine về nó. Một trong những tài sản quý giá của cô ấy, điều hoàn toàn dễ hiểu. Có vẻ như đó là một món quà mừng tân gia từ bố mẹ khi cô ấy từ Dorchester, nơi ở trước kia, chuyển tới Cambridge.”

Cô ả may mắn thật. Có những người được tặng tấm bản đồ Hà Lan cổ, trong khi những người khác phải lĩnh tấm thảm thêu kinh khủng. Rõ ràng mẹ của Seline Gane có mắt thẩm mỹ tốt hơn mẹ tôi. Tôi phát khiếp lên được khi nghĩ đến chuyện gia huy nhà Monk trông sẽ như thế nào, nếu chúng tôi có một cái. Một bức tranh của căn bếp Thorrold House, nhiều thế hệ của những kẻ vô danh tỉnh lẻ bị trói buộc vào mặt cái lò nướng cũ tàn tạ.

Ánh mắt của Sam gặp mắt tôi. Tôi biết anh ta định hỏi gì.

“Connie, khi chị thấy xác người phụ nữ trên tour ảo, chị có thấy cái bản đồ không? Chị có thấy cả hai thứ trong căn phòng cùng một lúc, trong cùng bức hình?”

“Phải. Điều đó không chứng minh rằng tôi tưởng tượng ra xác người phụ nữ,” tôi nhanh chóng thêm vào, sợ rằng đúng là nó chứng minh được. Tôi cần thời gian để tìm ra điều đó có nghĩa là gì, mà không chịu sự giám sát của Kit và Sam.

“Phải thế không?” Sam nói. “Giả sử chị nói đúng, vậy bức hình của người phụ nữ đã chết đó được chụp lúc nào? Trước khi Selina Gane mua số 11 Bentley Grove? Vậy tấm bản đồ của cô ấy đang làm gì trên tường thế? Sau khi cô ấy mua ngôi nhà? Trong trường hợp đó, máu đáng ra phải làm hỏng tấm thảm và cô ấy – hay ai đó – sẽ phải thay nó đi. Và chúng ta đều biết, nhờ có Lorraine Turner, rằng chuyện đó chưa từng xảy ra, bởi vết ố từ cây thông Giáng sinh của gia đình Beater vẫn còn đó.”

“Thôi nào, Con, em không thể phản bác lại điều đó đâu,” Kit nói, nóng lòng muốn được đẩy nhanh mọi thứ.

“Em không thể ư?” Tôi có thể không? Một cách thuyết phục ấy? Tại sao tôi lại muốn làm thế, nhiều đến vậy? Tại sao tôi lại không vui vẻ nổi khi bị chứng minh là sai? “Anh có thể cắt tấm thảm ra, có thể thế,” tôi nói bằng giọng đều đều. “Nếu có một đường kẻ chạy ngang căn phòng, giữa một đầu tấm thảm màu be và đầu của một tấm thảm khác có màu y hệt, liệu Lorraine Turner có nhận ra không? Anh đã hỏi cô ấy chưa?”

“Thật nực cười,” Kit lầu bàu. “Rồi em sẽ bảo nếu mà Selina Gane đặt một tấm thảm màu be khác lên trên tấm cũ, sát hại một ai đó, rồi bỏ tấm thảm ngập máu đi và thấy tấm bên dưới vẫn trong tình trạng hoàn hảo, hoàn toàn không bị bẩn một cách kỳ diệu thì sao.”

“Đó cũng là một định nghĩa cho sự nực cười, em đồng ý,” tôi dữ dội đáp trả anh. “Một cách khác là giả vờ như chuyện gì đó chưa từng xảy ra khi anh thừa biết là có – không chịu tin vào chính đôi mắt mình.” Tôi quay ra phía Sam. “Cảnh sát Cambridge có ý định làm gì?”

Gương mặt anh ta đã biểu lộ ra tất cả những gì tôi cần biết. Tôi mở miệng định phản đối, nhưng chẳng thể kiểm soát nổi những từ ngữ mà mình định dùng. Mọi thứ đều nhòe đi. Sam trở thành một đốm mờ nhạt màu hồng.

“Con?” Tôi nghe thấy Kit gọi. Giọng của anh nghe như thể vọng về từ bên kia thế giới. “Em cảm thấy chóng mặt à?”

Tâm trí tôi co rút lại, lơ lửng trôi thành từng mảnh nhỏ, nhiều phần trên cơ thể tôi tê liệt. Không thể nói được.

“Tôi lấy cho chị ấy cái gì để uống nhé?” ai đó nói – Sam, tôi nghĩ thế.

“Nước,” tôi cố nói.

Em phải để đầu mình giữa hai đầu gối – Kit luôn cố bắt tôi làm thế – nhưng tôi cảm thấy dễ chịu hơn nếu tôi thẳng lưng lên và không làm gì hết ngoài việc hít thở đều cho tới khi cảm giác đó qua đi. Alice nói rằng làm vậy cũng ổn. “Hãy lắng nghe cơ thể chị,” cô ta nói. “Nó đang nói cho chị biết nó cần gì.”

Dần dần, tôi cảm nhận được bản thân mình được gắn kết lại,

như thế có ai đó đã khâu tôi lại lần nữa. Cảm ơn Chúa. Mỗi khi chuyện này xảy ra, tôi tự hỏi liệu mình có thể quay về như cũ được không. Khi thị lực của tôi rõ ràng trở lại, tôi thấy Sam đang xếp hàng ở trước ô cửa phục vụ.

“Sao anh ta không lần hàng lên trước đi?” Kit nói. “Em cần nước khẩn thiết hơn là cái tay đầu bóng dầu kia cần đồ chiên rán.”

“Em không chắc nước có giúp được gì không,” tôi nói.

“Nếu Kombo-cái-gì-đó mời chúng ta nước ngay từ đầu, em đã ổn rồi. Trong này nóng bức ngọt ngào quá – có lẽ em bị mất nước. Gặp mặt ở căng tin làm gì khi em còn thậm chí chẳng được mời một ly nước?”

“Alice cho rằng tình trạng bị choáng váng mê mết có liên quan đến căng thẳng,” tôi nói. Tôi đã bảo với anh việc này trước đây rồi.

“Tuyệt. Đây là lỗi tại anh, nhỉ, như tất cả mọi việc khác.”

“Em không có ý đó.”

“Connie, nghe anh nói này.” Kit nắm lấy cả hai bàn tay tôi trong tay anh. “Đây là thời điểm bước ngoặt trong cuộc đời chúng ta. Hoặc nó có thể trở thành như vậy, nếu em để nó xảy ra.”

“Ý anh là nếu như em quên đi cái xác em nhìn thấy trên trang Roundthehouses – nếu em đồng ý vờ như em tưởng tượng ra nó.”

“Em thực sự đã tưởng tượng ra nó, em yêu. Thôi nào, em phải thấy rằng em không thể có hai thứ đối lập cùng một lúc được: nếu căng thẳng có thể khiến em lịm đi và bị choáng váng, nó cũng có thể làm em thấy những thứ không có thật vào một giờ sáng, chắc chắn rồi, khi em kiệt sức.”

Anh nói đúng.

“Tưởng tượng ra nhiều thứ không khiến em thành một kẻ quái dị đâu, Con. Em đang nói chuyện với người đàn ông từng tưởng tượng ra hàng tấn lá cỏ biến thành một con quái vật cỏ khổng lồ và tấn công bàn chân con quái vật đó đấy – nhớ

không?”

“Lúc đó, anh đang say bí tử. Và đang phê thuốc.” Một cách miễn cưỡng, tôi cười khi nhớ về kỷ niệm. Một vài tuần sau khi chúng tôi gặp nhau lần đầu tiên, Kit đánh thức tôi dậy giữa đêm, khóc lóc và đòi tôi kiểm tra dây giày cho anh, khẳng định rằng chúng đã bị tước hết sợi và thủng lỗ chỗ vì cuộc tấn công của quái vật cỏ. Tôi mất gần một tiếng đồng hồ để thuyết phục anh rằng chẳng có con quái vật nào và dây giày của anh vẫn còn nguyên vẹn. Sáng hôm sau, anh tuyên bố rằng cần sa chính là gốc rễ của mọi tệ nạn. Kể từ đó anh không đụng vào nó nữa.

“Em đã nói dối anh bấy nay,” tôi bảo anh. “Em đã tới Cambridge. Gần như mỗi thứ Sáu.” Tôi nhìn xuống chiếc bàn mi-ca màu trắng, ước gì mình có thể chìm vào đó và biến mất.

Kit không nói gì cả. Anh chắc là ghét tôi lắm.

“Em đi bằng xe lửa,” tôi nói, tha thiết muốn được tiếp tục lời thú tội mà mình đã bắt đầu. “Một vài lần đầu tiên em lái xe đến đó, nhưng rồi mẹ hỏi tại sao xe của em không đỗ ở lối vào ga-ra hai lần liên vào thứ Sáu, khi mà em đáng ra phải ở nhà làm việc. Em không thể nghĩ ra được phải nói gì, cho đến khi tự nhiên em bảo bà đừng có để tâm đến việc của người khác.”

“Cú đó hẳn là đau nhĩ.” Kit nói. Thật nhẹ nhõm, anh không có vẻ giận dữ.

“Sau đó, em quyết định đi xe lửa, lâu hơn gấp hai lần. Không có chuyến nào đi thẳng tới đó – anh phải đổi tàu ở nút giao King’s. Một lần, em... em về nhà chỉ ngay trước khi anh về. Chúng ta đều đi chuyến 17.10 từ London tới Rawndesley. Anh không thấy em, nhưng em thấy anh. Đó là chuyến đi đáng sợ nhất cuộc đời em. Em biết bản thân sẽ không thể nói dối – nếu anh phát hiện ra em, em sẽ phun hết tất cả mọi chuyện ra. Khi anh xuống ở Rawndesley, anh đang nói chuyện bằng chiếc BlackBerry của mình. Em lùi lại, chờ xem anh có ở lại trên sân ga để nói chuyện cho xong không. May cho em, anh không làm thế. Anh đi về phía khu đỗ xe. Ngay khi anh vừa đi, em chạy luôn ra đây taxi. Em về đến nhà chỉ khoảng hai phút trước anh thôi. Một lần khác, em...”

“Connie.” Kit siết chặt tay tôi. “Anh không quan tâm đến thời gian biểu tàu chạy. Anh quan tâm đến em, đến chúng ta, và... chuyện này nghĩa là sao. Tại sao em lại tới Cambridge gần như mỗi thứ Sáu? Em làm gì khi tới đó?”

Tôi liếc mình liếc thật nhanh vào anh, chẳng thấy gì ngoài nỗi đau buồn và khó hiểu. “Anh không đoán được ư? Em tìm anh.”

“Tìm anh? Nhưng anh ở London vào các ngày thứ Sáu. Em biết thế mà.”

“Đôi khi em ngồi trên băng ghế ở đường Trumpington phía cuối Bentley Grove và nhìn vào nhà số 11 hàng giờ đồng hồ, chờ đợi anh mở cửa trước.”

“Lạy Chúa tôi.” Kit lấy tay che mặt mình. “Anh biết chuyện khá tồi tệ. Anh chỉ không biết rằng nó tệ đến mức này.”

“Đôi khi em đứng ở đầu bên kia, sau một cái cây, chờ đợi anh lái xe ngang qua. Điều anh chẳng bao giờ làm. Đôi khi em lang thang quanh trung tâm thành phố, hy vọng bắt gặp anh đi cùng cô ả – trong một quán cà phê, hay đi bộ tới Bảo tàng Fitzwilliam.”

“Cô ả?” Kit nói. “Cô ả nào?”

“Selina Gane. Dù em mới phát hiện ra tên cô ả hôm nay, khi Sam bảo chúng ta. Đôi khi em đứng ở khu đỗ xe ở Addenbrooke’s và...” Tôi đột ngột dừng lại. *Selina Gane, Selina Gane...* Cổ họng tôi thắt chặt lại khi tôi liên hệ mọi thứ với nhau. Tại sao tôi mất nhiều thời gian đến thế? Ngay lập tức, tôi hối hận vì đã tin Kit, kể cho anh tất cả mọi điều tôi vừa mới nói. “Cho em xem nhật ký của anh.” Tôi nói.

“Gì cơ?”

“Đừng giả vờ như anh không mang nó ở đây. Anh luôn mang nó.”

“Anh sẽ không vờ vịt. Connie, chuyện gì vậy? Trông em như vừa nhìn thấy ma vậy.”

“Đưa nó cho em.” Tôi chìa tay ra.

Anh lấy quyển nhật ký ra khỏi túi, mặt đỏ bừng, và đưa nó

cho tôi. Tôi lướt qua các trang. Tôi biết đó là tháng Năm, nhưng không nhớ được chính xác ngày nào. Đây rồi. Tôi mở rộng cuốn sổ trên bàn, để cả hai chúng tôi đều trông thấy bằng chứng rành rành. ‘Ngày 13/5/2010 – 3h chiều. SG.’

Kit rên rỉ. “Đây là khám phá lớn lao của em đấy à? Bằng chứng rằng anh và Selina Gane chơi đồ hàng với nhau ở số 11 Bentley Grove sau lưng em? SG là Stephen Gilligan, một luật sư ở công ty Liên minh Tư bản London. Anh gặp ông ta lúc ba giờ chiều ngày 13 tháng Năm, tại văn phòng ở London. Gọi cho Joanne Biss, trợ lý riêng của ông ta đi, rồi hỏi cô ta.” Anh đưa tôi chiếc BlackBerry. “Ngay bây giờ, để em thấy anh không có cơ hội nhờ cô ta nói dối cho mình.”

“Anh biết em sẽ không gọi cho ai hết.”

“Em không thể mạo hiểm để bị chứng minh là mình đã sai, đúng không?” Kit vươn người về phía tôi, buộc tôi phải nhìn anh. “Em thà bám vào mỗi nghi ngờ của mình, cái thế giới ảo tưởng em vừa xây dựng nên.”

“Em không hề dựng nên chuyện đã xảy ra vào tháng Một, và em không tưởng tượng ra xác người phụ nữ đó,” tôi nói trong run rẩy.

“Em đã xem hết nhật ký của anh rồi đấy. Nhật ký của tất cả những thứ khốn kiếp...” Kit bầu chặt lấy cánh tay tôi, kéo tôi về phía anh. Móng tay anh bấm sâu vào da thịt tôi. “Anh không biết bất cứ Selina Gane nào cả,” anh nói bằng một giọng thì thầm hung dữ. Anh không muốn bất kỳ ai để ý thấy cơn tức giận của mình – chỉ tôi thôi. “Anh chưa từng tới Cambridge kể từ lần cuối cùng anh tới đó cùng em, vào năm 2003. Anh chưa từng đặt chân vào bên trong ngôi nhà 11 Bentley Grove. Anh không sống cuộc sống hai mặt, Connie – anh đang sống trong một cuộc hôn nhân rất cô đơn, rất đau khổ với một người vợ mà anh gần như chẳng còn nhận ra là ai nữa.” Anh buông tôi ra khi nhìn thấy Sam quay trở lại với cốc nước cho tôi. Sau tất cả khoảng thời gian xếp hàng đằng đằng và chỉ có một chiếc cốc nhỏ, đầy một nửa. Nếu như thế được tính là một cốc nước ở đây, tôi đáng ra nên gọi bảy cốc. Cổ họng tôi khô cháy, như thể tôi đã gào hét

trong suốt một năm liền.

“Connie? Mọi chuyện ổn chứ?”

“Không,” Kit nói. “Mọi chuyện đã đi quá xa khỏi cái mức ổn. Tôi đi làm đây.”

Ngay khi anh đi rồi, ngay khi tôi đã trấn tĩnh được, tôi nói, “Chúng tôi vừa có một cuộc cãi lộn. Tôi đoán là tôi không cần phải kể cho anh chuyện đó. Dù sao thì, anh cũng là một thám tử mà.”

Sam gõ những ngón tay mình xuống mặt bàn, như thể anh ta đang chơi piano. “Sao chị lại không kể cho tôi nhỉ?” anh ta nói.

“Sao anh lại không kể cho tôi nhỉ?” Tôi ném lại câu hỏi vào mặt anh ta. “Anh đáng ra có thể kể cho tôi về vết ố trên tấm thảm qua điện thoại. Anh hẳn là bận bịu lắm, vậy mà anh lại ở đây – phung phí thời gian vào tôi và câu chuyện ngu ngốc của tôi. Tại sao?”

Sam trông như vừa bị bắt thóp. “Lorraine Turner có kể một chuyện làm tôi bận tâm,” anh nói.

Tôi vươn người về phía trước, tim đập dồn dập.

“Selina Gane không còn sống ở số 11 Bentley Grove nữa. Ngay sau khi chào bán ngôi nhà, cô ấy chuyển tới D..., à, tới một khách sạn gần đó.”

Tôi lên một danh sách trong đầu để tìm xem khách sạn nào ở Cambridge có tên bắt đầu bằng chữ D. Hoặc cũng có thể nó là ‘Du’. The Duchess? The Duxford? Không phải có một chỗ ở gần Cambridge tên là Duxford à?

“Sao lại có ai muốn làm vậy chứ?” tôi nói.

Sam nhìn đi chỗ khác. Cả hai chúng tôi đều nghĩ đến một điều, hay ít nhất tôi nghĩ là chúng tôi như thế. Anh ta không muốn là người nói ra điều ấy.

May sao, tôi không có sự dè dặt ấy. “Anh sẽ làm thế nếu biết rằng ai đó đã bị sát hại trong nhà anh. Hoặc chính anh đã sát hại người đó.”

“Đúng,” Sam đồng ý. “Tôi sẽ làm thế. Nhưng, Connie, chị phải

hiếu rằng...”

“Tôi biết: điều đó chẳng chứng minh được gì cả. Cảnh sát Cambridge có biết không?”

“Tôi không chắc. Có thể không. Lorraine Turner vô tình nhắc chuyện đó với tôi khi chúng tôi đang nói chuyện về tám bản đồ – cô ta rất lo về việc một thứ có giá trị như thế bị bỏ lại trong một ngôi nhà trống – một ngôi nhà không có người ở, ý tôi là thế. Hầu như mọi đồ đạc của bác sĩ Gane vẫn còn đó, Lorraine kể. Đồ nội thất, sách vở, đĩa CD...”

“Cô ta có nói cho Lorraine tại sao mình chuyển ra ngoài không?”

“Không. Và Lorraine không hỏi. Cô ta cảm thấy mình không có quyền ấy.”

Tôi nuốt một ngụm nước đầy. “Anh phải nói cho cảnh sát Cambridge biết,” tôi nói.

“Sẽ không khác gì đâu.”

“Nếu họ phân tích tám tấm, họ có thể tìm thấy dấu hiệu của máu, hoặc DNA.”

“Họ sẽ không làm gì hết, Connie. Không có bằng chứng nào cả. Selina Gane chuyển ra khỏi nhà mình là việc lạ, tôi đồng ý, nhưng người ta vẫn hành xử lạ lùng suốt. Cái gã mà tôi đang phải làm việc cùng, thanh tra Grint – hắn hài lòng với những gì Lorraine bảo hắn.”

“Hắn là một tay thám tử vút đi! Lorraine là người chụp những tấm hình cho tour ảo, phải không? Cô ta là người cuối cùng trên đời này có lời nói đáng tin. Anh đã đối chiếu với gia đình Beater hay Selina Gane chưa? Nếu câu chuyện về cây thông Giáng sinh là một lời bịa đặt thì sao?”

“Hãy lắng nghe những gì chị đang nói và nghĩ xem nó có nghĩa lý gì,” Sam nói. “Lorraine Turner hắn phải là một ả sát nhân tâm thần, người giết hại những nạn nhân của mình trong ngôi nhà cô ta đang cố bán đi, rồi đăng những tấm hình chụp cái xác đó trên mạng. Điều đó nghe có hợp lý với chị không?”

“Tại sao lại là những nạn nhân, số nhiều? Có lẽ chỉ có một nạn

nhân thôi: người phụ nữ tôi thấy. Và anh có thể nói thế về bất kỳ tội phạm nào, bằng cái tông giọng rõ là không tin ấy, để khiến mọi thứ nghe khó tin. ‘Gì cơ, vậy anh ta thủ tiêu tất cả các nạn nhân của mình bằng một bồn a-xít?’ ‘Gì cơ, vậy là hẳn ta cắt nhỏ xác của những thanh niên và trữ chúng trong tủ đông?’”

“Chị có đọc nhiều về các vụ án diễn ra ngoài đời thật không?” Sam hỏi.

Tôi không thể nhịn cười. “Không đọc cái nào,” tôi bảo anh ta. “Tất cả mọi người đều biết những câu chuyện như vậy. Chúng là kiến thức phổ thông rồi. Anh có hàm ý gì, rằng tôi là một thể loại tâm thần khát máu bệnh hoạn? Thế nếu Lorraine Turner mới là kẻ bệnh hoạn, hay Selina Gane, hay tất cả bọn họ? Tại sao lại phải là tôi?”

Tại vì mày là cái người đang la hét văng lên trong một căng tin đầy người, đồ ngốc.

“Tôi đã trả lời câu hỏi của chị,” Sam đáp một cách bình thản. “Chị có định trả lời câu hỏi của tôi không?”

Sao anh ta biết được tôi đang giấu điều gì? Bởi vì tôi và Kit vừa có một cuộc cãi vã? Anh ta không thể nào nghe được chi tiết, lúc đó anh ta ở quá xa.

“Tôi đã nói chuyện với Alice Bean,” anh ta nói.

Tôi cố không để cơn giận dữ của mình lộ ra. Alice thuộc về tôi, đôi khi tôi cảm thấy cô ấy là tất cả những gì tôi có, người duy nhất tôi có thể tin là sẽ đặt lợi ích của tôi lên trước nhất. Sao Sam dám chĩa mũi vào cuộc đời tôi? Tại sao Alice không kể tôi nghe là cô đã nói chuyện với anh ta?

“Chị bảo tôi Alice khuyên chị liên lạc với Simon Waterhouse, nhưng chị chưa nói chuyện với cô ấy lúc sáng sớm thứ Bảy, đúng không? Chị chưa kể cho cô ấy chuyện nhìn thấy cái xác.”

“Tôi gặp cô ấy sau đó vào ngày thứ Bảy và có kể cho cô ấy.”

Sam chờ đợi.

“Anh nói đúng,” tôi nói. “Tôi chưa kể với cô ấy vào sáng thứ Bảy, khi tôi nói chuyện với anh.”

“Vậy hẳn là cô ấy gợi ý chị liên lạc cho Simon vì một chuyện

khác.”

Tôi chẳng nói gì.

“Tôi rất muốn được nghe xem chuyện khác đó là gì.”

“Nó không hẳn là chuyện khác đâu. Ý tôi là, đúng thế, nhưng... nó có liên quan đến nhau. Số 11 Bentley Grove chính là sự liên kết.” Tôi hít một hơi thật sâu. “Anh có nhớ trận tuyết chúng ta phải chịu hồi tháng Một không?”

Sam gật. “Tôi đã lo là nó sẽ không bao giờ hết,” anh ta nói.

“Tôi đã nghĩ đó chính là khởi đầu của kỷ băng hà mới mà những nhà khoa học về biến đổi khí hậu vẫn dự đoán.”

“Vào hôm mừng sáu tháng Một, tôi tới Combiningham để mua mười bao than. Kit rất thích lửa thật và chúng tôi hết nguyên liệu, và anh không đi được – anh ấy đang ở London. Nếu anh định hỏi tại sao tôi lại không tới ga-ra nào gần nhất, thì Kit không cho chúng tôi mua than từ bất cứ ai ngoại trừ Gummy ở Combiningham. Đó không phải tên anh ta, nhưng mọi người gọi anh ta như thế. Tôi hơi sợ anh ta, và anh ta không mạnh về khoản khiến người ta nghe theo mình, nhưng Kit khẳng khẳng rằng than của anh ta là tốt nhất. Tôi không biết hoặc quan tâm đủ về than để tranh cãi với anh ấy.”

Sam đang mỉm cười, và anh ta không nên thế. Đây không phải chuyện vui.

“Tôi lấy xe của Kit vì nó chạy trong tuyết tốt hơn của tôi – nó là xe dẫn động bốn bánh. Tôi chưa từng tới chỗ Gummy trước đây, không phải đi một mình, và khả năng về phương hướng của tôi thì rất tệ, vậy nên tôi dùng định vị vệ tinh trên xe Kit.”

“Anh ấy không tới London, hôm đó?” Sam nói.

“Anh ấy chẳng bao giờ lái xe tới London. Thường thì anh đỗ xe ở ga Rawndesley, nhưng sáng sớm hôm đó đường quá trơn trượt để có thể lái xe đi bất cứ đâu, ngoại trừ đường lớn. Kit đi bộ cả quãng tới đường Rawndesley và bắt xe buýt tới ga.”

Tôi ước anh đã lái xe. Tôi ước xe của anh được đỗ ở bãi đỗ của sân ga thay vì nằm trước cửa nhà, trông có vẻ an toàn và thu hút hơn cái xe của tôi nhiều lần.

“Tôi mua than. Tôi cũng có thể tìm được đường về, nhưng tôi không muốn nhầm đường, nên tôi quyết định chọn phương án an toàn và dùng định vị vệ tinh một lần nữa. Tôi nhấn nút ‘Nhà.’ Tôi hít một hơi sâu. “Điều đầu tiên tôi để ý là thời gian lái xe: hai tiếng mười bảy phút. Rồi tôi để ý địa chỉ.”

Sam biết. Tôi có thể thấy trên vẻ mặt anh ta rằng anh ta biết.

“Theo như định vị vệ tinh của Kit nhận biết, ‘Nhà’ là số 11 Bentley Grove ở Cambridge. Không phải Melrose Cottage ở Little Holling, Silsford.” Tôi bắt đầu khóc, tôi không thể kiềm chế được. “Tôi xin lỗi. Tôi chỉ không thể... tôi không thể tin được sáu tháng sau tôi vẫn đang kể ra chuyện này mà không hiểu nổi nó nghĩa là sao.”

“Sao chị không kể với tôi chuyện này hồi sáng thứ Bảy?” Sam hỏi.

“Tôi không nghĩ anh sẽ tin chuyện cái xác người phụ nữ nếu tôi kể với anh mọi thứ. Nếu anh biết tôi vốn bị ám ảnh bởi số 11 Bentley Grove từ trước...”

“Chị như vậy thật sao?”

Phủ nhận điều đó có ích gì không? “Đúng vậy. Hoàn toàn bị ám ảnh.”

“Bởi Kit đã cài đặt nó trong phần mềm định vị vệ tinh là địa chỉ nhà?”

Tôi gật.

“Và chị muốn biết tại sao. Chị đã hỏi anh ấy chưa?”

“Ngay giây phút đầu tiên anh ấy bước vào cửa. Kit khẳng định mình không biết tôi đang nói về chuyện gì. Anh phủ nhận nó, hoàn toàn phủ nhận. Anh nói anh chưa từng cài vào bất kỳ địa chỉ nhà nào – không phải nhà chúng tôi, và không phải một địa chỉ ở Cambridge mà anh chưa từng nghe tới. Chúng tôi đã cãi nhau dữ dội – kéo dài hàng giờ liền. Tôi không tin anh ấy.”

“Có thể hiểu được,” Sam nói.

“Anh ấy đã mua về phần mềm định vị còn mới – còn ai khác có thể lập trình địa chỉ vào, ngoại trừ anh ấy? Tôi nói thế, và anh nói, ‘Dĩ nhiên là như vậy, đúng không? Hẳn là em làm thế rồi.’

Tôi không thể tin nổi. Sao tôi lại phải làm một việc như vậy? Và nếu tôi làm, sao tôi lại buộc tội anh ấy làm thế?”

“Cố gắng bình tĩnh đi, Connie.” Sam vươn tay ra, vỗ nhẹ cánh tay tôi. “Chị có muốn uống thêm cốc khác không?”

Tôi muốn một cuộc đời khác – bất kỳ cái nào trừ cuộc đời này, vấn đề của ai cũng được miễn chúng không phải của tôi.

“Nước, làm ơn,” tôi nói, lau mắt mình. “Lần này anh có thể bảo họ rót một cốc đầy tận miệng không?”

Anh ta quay lại vài phút sau với một ly cao đầy ắp nước. Tôi uống một ngụm to đến mức làm lồng ngực đau nhói.

“Có phải chị nghi ngờ Kit có một gia đình khác ở Cambridge?” Sam hỏi.

“Đó là điều đầu tiên nảy ra trong óc tôi, đúng vậy. Song thôi.” Đây là lần đầu tiên tôi nói ra thành tiếng từ ấy. Kể cả với Alice, tôi chỉ ám chỉ nó. “Nghe có vẻ cường điệu hóa, nhưng chuyện đó có xảy ra, đúng không? Đàn ông thực sự có thể kết hôn với hai người cùng lúc.”

“Họ có thể,” Sam nói. “Một số người phụ nữ cũng vậy, tôi đoán thế. Chị đã nói chuyện với Kit về sự nghi ngờ của mình chưa?”

“Anh ấy phủ nhận điều đó – thẳng thừng phủ nhận mọi điều. Anh ấy đã phủ nhận nó suốt sáu tháng nay. Tôi không tin anh ấy, và đó lại là một chuyện nữa để tranh cãi – sự bất bình đẳng. Tôi không tin anh ấy nhiều như anh ấy tin tôi.”

“Vậy anh ấy tin khi chị nói chị không làm thế?”

“Anh ấy chuyển sang buộc tội gia đình tôi – mẹ tôi, Fran, Anton. Gợi nhớ cho tôi về tất cả những lần ai đó trong số họ lại gần khi thiết bị định vị của anh ấy nằm chơ hơ trong nhà.”

“Fran và Anton là ai?” Sam hỏi.

“Em gái tôi và bạn đời em ấy.”

“Kit có nói đúng không? Liệu có thể nào một thành viên trong gia đình chị đã lập trình địa chỉ đó?”

“Họ có thể, nhưng họ không làm thế. Tôi biết rõ gia đình mình như lòng bàn tay. Bố tôi sợ tất cả những thứ gì hiện đại và

tân tiến – ông từ chối tiếp nhận sự tồn tại của iPod và sách điện tử – ngay cả đầu DVD cũng là quá sức của ông. Không đời nào ông lại gán một thứ như thiết bị định vị. Fran và Anton thì không đủ trí tưởng tượng hay đủ xấu xa. Mẹ tôi thì có thể sở hữu cả hai phẩm chất đó, nhưng... tin tôi đi, bà sẽ không cài một địa chỉ như thế vào thiết bị định vị của Kit.”

Bà thà nuốt phải lửa. Tôi từng thấy bà đông cứng lại và chuyển ngay chủ đề khi thứ gì đó có liên hệ tới Cambridge xuất hiện trong cuộc hội thoại: cuộc đua thuyền, Stephen Hawking và thuyết về hố đen của ông ta. Bà thậm chí còn không muốn tôi nghe về Oxford, hay bất cứ trường đại học nào, phòng trường hợp nó làm tôi nghĩ đến Cambridge. Lúc đầu tôi tưởng bà sợ sẽ khiến tôi buồn bực, nhưng rồi tôi nhận ra động cơ của bà ích kỷ hơn thế: bà muốn tôi quên đi rằng Cambridge tồn tại trên đời, quên rằng Kit và tôi từng có lúc nghĩ tới việc chuyển tới đó. Nỗi sợ hãi lớn nhất của bà là một ngày nào đó tôi sẽ rời khỏi Little Holling.

Nỗi sợ của tôi là tôi không thể rời đi được.

“Kit đã cài đặt địa chỉ đó,” tôi bảo Sam. “Phải là anh ấy. Đó là điều mà, dù sao đi nữa, tôi vẫn đang nghĩ. Là điều tôi đã nghĩ hàng ngàn lần, và rồi anh thuyết phục tôi lần nữa rằng anh không nói dối về bất cứ điều gì, và anh nói... rất thuyết phục. Tôi rất muốn tin anh ấy, tôi thành ra lại tự hỏi liệu có phải tôi đã làm vậy, rồi xóa ký ức đó khỏi tâm trí mình không. Có thể tôi đã làm. Làm sao tôi biết được? Biết đâu tôi đã cài đặt số 11 Bentley Grove vào định vị vệ tinh của Kit, và tự huỷ hoại ra một thi thể không có ở đó. Biết đâu tôi là một kẻ tâm thần loạn trí nào đó.” Tôi nhún vai, đột nhiên cảm thấy xấu hổ bởi sự lạ lùng và thảm hại trong câu chuyện của tôi. “Đấy là cuộc đời của tôi kể từ tháng Một,” tôi nói. “Cứ xoay vòng: tin, không tin, nghi ngờ sự tỉnh táo của mình, chẳng đi đến đâu. Không mấy vui vẻ.”

“Vớ vẩn hay vớ vẩn Kit,” Sam nói. Có phải như thế nghĩa là anh ta tin rằng Kit đang nói thật không?

“Có lần anh ấy thậm chí còn cố nói rằng có lẽ một ai đó ở cửa hàng mà anh mua nó đã cài đặt địa chỉ đó vào.” Tôi nghĩ thế là

xong rồi, nhưng tôi không thể để kệ như thế được. “Anh ấy muốn chúng tôi xuống cửa hàng cùng nhau, hỏi tất cả nhân viên.”

“Sao chị không đi?” Sam hỏi.

“Bởi vì thế thật vớ vẩn,” tôi nói đầy bức tức. “Tôi không sẵn sàng để anh ấy chơi đùa với mình. Tôi gần như đã đồng ý, nhưng rồi trong một khoảnh khắc mọi thứ trở nên rõ ràng với tôi. Tôi có những lúc như vậy, đôi khi, khi mà tôi bất chợt nhận ra rằng tôi chẳng cần phải hành hạ bản thân mình bằng việc quá suy tính, thắc mắc. Tôi biết sự thật: không phải ai ở cửa hàng, hay tôi, hay một người trong gia đình tôi. Đó là Kit. Tôi biết chính anh ấy đã làm thế.” Ngay khi ra khỏi đây, tôi sẽ gọi cho Ngân hàng Tư bản London và yêu cầu được nói chuyện với thư ký của Stephen Gilligan. Có thể ông ta có một cuộc hẹn với Kit lúc ba giờ chiều ngày mười ba tháng Năm, có thể là không. Tôi cần phải biết.

“Trong suốt sáu tháng, Kit đã luôn nói với chị rằng anh ấy không lập trình địa chỉ đó,” Sam nói. “Điều gì khiến chị chắc chắn là anh ấy làm thế đến vậy?”

Chắc chắn ư? Tôi tự hỏi anh ta đang nói về cái gì. Liệu tôi còn có thể cảm thấy chắc chắn về bất kỳ chuyện gì không?

“Ba điều,” tôi nói. Cảm giác kiệt quệ trào lên khắp cơ thể tôi, thật khó tập hợp được năng lượng để mà nói. “Một: đó là định vị vệ tinh của anh ấy. Anh ấy chẳng có lý do gì để nghĩ rằng tôi sẽ dùng đến nó, chẳng có lý do để cho rằng tôi sẽ tìm ra.” Tôi nhún vai. “Lời giải thích đơn giản nhất thường là đúng. Hai: khi tôi mới hỏi anh ấy về nó, trước khi anh có cơ hội sắp xếp cơ mặt của mình thành biểu cảm bối rối, tôi thấy một điều gì đó trong đôi mắt anh ấy, một điều gì đó... tôi không biết phải miêu tả nó như thế nào. Nó chỉ xuất hiện trong một phần của một giây: tội lỗi, xấu hổ, hổ thẹn, sợ hãi. Anh ấy trông như một kẻ vừa bị bắt quả tang. Nếu anh định hỏi tôi liệu có phải tôi đã tưởng tượng ra điều đó không, đôi khi tôi nghĩ là có, hẳn là vậy. Những lúc khác tôi lại chắc chắn mình không tự tưởng tượng ra.” Tôi muốn nói cho Sam biết thật đáng sợ làm sao khi dòng câu chuyện của cuộc

đời mình đổi chiều, đảo đảo và tình thế thay đổi mỗi lần anh quan sát kỹ hơn, nhưng tôi không chắc liệu có bất kỳ từ ngữ nào có thể miêu tả nó cho chính xác. Thậm chí, liệu Sam có thể bắt đầu hiểu được cảm giác khi phải sống trong một thực tại thiếu ổn định đến thế? Anh ta gây cho tôi ấn tượng là một người đàn ông gắn bó chặt chẽ với một thế giới vững chắc, luôn giữ vững dáng hình và ý nghĩa của nó từ ngày này sang ngày khác.

Tôi cảm thấy như thể mình có hai cuộc đời: một cuộc đời được tạo dựng nên bởi hy vọng và một bởi nỗi sợ hãi. Và nếu như cả hai đều là những sản phẩm tự tạo, tại sao tôi lại nên tin vào bất kỳ cái nào trong đó? Tôi không biết những chuyện xảy ra trong đời tôi sẽ có dáng vẻ như thế nào nếu tôi lột bỏ hết những cảm xúc đan xen trong đó ra.

Tốt hơn hết đừng nên nói điều nào cho Sam. Chẳng cần phải kéo anh ta vào cuộc tranh luận về bản chất của hiện thực, tôi cũng đã gây đủ mối bận tâm cho anh ta rồi.

Chị suy nghĩ quá nhiều, Con. Fran đã nói với tôi như thế kể từ khi chúng tôi mới lớn.

“Điều thứ ba là gì?” Sam hỏi.

“Sao cơ?”

“Điều thứ ba khiến chị chắc chắn rằng Kit đã cài đặt địa chỉ đó.”

Tôi sẽ phải nói cho anh ta – lột bỏ thêm một lớp nữa, nhìn lại thậm chí còn xa hơn. Tôi phải làm thế, nếu tôi muốn anh ta hiểu. Mọi thứ đều có sự liên kết. Những gì xảy ra vào rạng sáng thứ Bảy không thể nào bị tách rời khỏi chuyện xảy ra vào tháng Một, chuyện xảy ra vào tháng Một có liên kết tới chuyện xảy ra năm 2003. Nếu tôi muốn Sam giúp đỡ, tôi phải sẵn lòng kể cho anh ta toàn bộ câu chuyện, cũng như tôi đã kể cho Simon Waterhouse.

“Cambridge,” tôi nói. “Tôi chắc chắn bởi số 11 Bentley Grove ở Cambridge.”



Thứ Bảy, ngày 17-07-2010

Olivia Zailer lật qua lịch trình của mình, thở dài thành tiếng khi nhìn sang những trang mới. Cô đã lên quá nhiều cuộc hẹn cho các tuần tiếp theo, cô biết rồi đến một lúc nào đó, cô sẽ hủy hầu hết trong số đó. Ăn trưa với Etta từ tạp chí MUST để thảo luận một mục về việc các cuốn sách nổi tiếng sẽ biến thành món ăn nào, trong trường hợp chúng được chuyển thành thực phẩm – Đồi gió hú tương ứng với món pudding Yorkshire là ví dụ mà Etta đưa ra; một cuộc đi bộ thể dục ở Hamstead Heath với Sabina, huấn luyện viên cá nhân của Olivia; dùng trà ở Thư viện Anh với Kurt Vogel, người muốn cô chấm điểm cho một giải thưởng báo chí liên kết giữa Anh và Đức, với các thí sinh ở độ tuổi từ mười một đến mười ba.

Olivia tự hỏi liệu mình có phải là người duy nhất trên đời mà, với niềm vui thú bốc đồng trong khoảnh khắc ấy, lập kế hoạch với hầu hết những người cô có quan hệ, khi biết rõ rằng bản thân sẽ email thông báo hủy khi đến hạn. Tại sao việc từ chối thẳng thừng lại khó khăn đến thế: 'Tôi xin lỗi, Kurt, nhưng không, tôi không làm giám khảo được'? Tại sao cảm giác lại tuyệt vời đến thế khi nói, 'Ồ, Chúa ơi, tôi rất thích,' và rồi luôn chữ 'không thể' vào sau đó? Olivia sẽ thích được hỏi Charlie; cô biết không ai khác sẵn lòng thảo luận chuyện đó với cô. Dom nhất định là không rồi. Cô ngờ rằng nó có liên quan đến khao khát được làm vừa lòng người khác, nhưng hơn cả là khao khát được thỏa mãn chính mình.

Điện thoại của cô đổ chuông, cô nhấc máy, quyết tâm không sắp xếp cuộc hẹn với bất kỳ ai nữa, kể cả một cuộc hẹn mà cô rất muốn và sẽ không hủy bỏ. Cô cần thanh lọc lại lịch trình của mình khỏi tất cả những cuộc hẹn gặp giả tạo, trước khi có thể

lên lịch những cuộc gặp thực sự.

“Tôi đây. Chris Gibbs.”

“Xin chào, Chris Gibbs.Ồ, Chúa ơi, đúng là như vậy rồi! Cứ hể tập trung chờ đợi chuyện gì là nó lại chẳng xảy ra nữa. Chỉ là bởi vì tôi đang mong anh là Kurt Vogel từ Hội liên hiệp Anh và Đức ở Dortmund. Bao nhiêu lần tôi mong sẽ là anh, thì lại không phải – và bây giờ thì anh gọi.”

“Cô vẫn giữ chiếc chìa khóa dự phòng của nhà Charlie chứ?”

“Tại sao, có chuyện gì xảy ra à?” Olivia ngay lập tức cảm thấy lo lắng.

“Theo như tôi biết thì không có gì.”

“Vậy tại sao anh lại cần chìa khóa?”

“Tôi nghĩ đó sẽ là một chỗ thích hợp để gặp nhau,” Gibbs nói.

“Anh và tôi?”

“Không, cô, tôi, Waterhouse và Charlie, khi họ quay về. Cho buổi tiệc tối sau tuần trăng mật.”

Cô phải đáp lại thế quái nào bây giờ? “Thế không phải là... hơi khó xử sao?”

Cô nghe thấy một tiếng khịt mũi. “Đùa thôi,” Gibbs nói. “Phải, tôi và cô. Tôi chưa gặp cô được...” Anh ta im lặng trong khi tính toán. “... khoảng bốn mươi bốn tiếng. Tôi đang nghĩ đến chuyện biến nó thành nỗi bất mãn thường trực của mình.”

“Anh vẫn thường không gặp tôi suốt bốn mươi bốn tiếng,” Olivia nhắc anh ta. “Gần như suốt cả cuộc đời anh không nhìn thấy tôi, và anh vẫn ổn.”

Anh ta vừa đùa cợt, hoàn toàn bốn cợt. Và anh ta lại đang trích dẫn lời mình. Một lần nữa.

“Đó là vấn đề về quan điểm,” Gibbs nói.

Cô không thể gặp gỡ anh ta ở nhà của Charlie được. Quan hệ với nhau trên chiếc giường của Charlie và Simon? Không thể chịu đựng nổi cái ý nghĩ đó. Cô với lấy một chiếc bút và viết ‘Olivia Gibbs’ bên cạnh ‘Tên’ trong cuốn lịch trình của mình, vào trang để điền thông tin cá nhân. Trông hay đấy, rất cân bằng:

những nét cong của hai chữ cái viết hoa, O và G...

Cô có nên viết đề lên đó không? Cô chỉ muốn biết cảm giác khi viết nó ra sẽ như thế nào, chỉ thế thôi. Cô nên gạch nó đi ngay. Mặt khác thì, Dom sẽ chẳng bao giờ nhìn, kể cả khi có người giờ quyển sổ ra trước mũi anh ta. Điều tuyệt vời ở Dom, từ góc nhìn của người lừa dối anh ấy, là anh gần như chẳng quan tâm đến bất cứ điều gì.

“Cô tính sao?” Gibbs nói.

“Không. Chắc chắn là không.” Giá mà cô có thể quyết đoán như vậy với Etta từ tạp chí MUST.

Olivia không có ý chí gì cả, và nghĩ rằng những người có ý chí và dùng nó cho bản thân mình là những kẻ kỳ dị. May thay, cô lại có thừa sự sợ hãi và bất an. Cô không thể đồng ý với những gì Gibbs mời gọi mà không cảm thấy như thể mình vừa bước qua một ranh giới mà bản thân vô cùng sợ phải vượt qua, kể cả khi dựng sẵn tấm lưới bảo hộ của sự hủy hện trong tương lai.

“Thôi được rồi, một khách sạn vậy,” anh nói.

“Thế còn công việc của anh? Thế còn Debbie?” Cô giở phần ‘Ghi chú’ ở phía sau quyển lịch trình và viết ‘Olivia Gibbs’ một lần nữa, nét chữ cẩn thận hơn. Cô lại viết xuống bên dưới bằng chữ hoa.

“Đó là vấn đề của tôi, không phải của cô,” Gibbs nói. “Nếu cô không muốn tới Spilling, tôi sẽ lên London.”

“Nếu anh muốn có... bạn gái, anh nên tìm một người ở gần nhà hơn,” Olivia bảo anh ta, cầu nguyện cho anh đừng nghe theo lời khuyên của mình. Vậy thì khuyên làm gì?

“Sao tôi nên làm vậy?” Gibbs nói. “Chỉ có hai người tôi từng gặp mà không làm tôi thấy chán muốn chết: Simon Waterhouse và cô. Tôi không muốn quan hệ với Waterhouse – thế nên người còn lại là cô.”

“Tôi cứ nghĩ mình đã làm anh chán,” Olivia cảm thấy cần phải nói ra, phòng trường hợp anh ta quên mất. “Anh nói tôi giống như họa báo tặng miễn phí.”

“Tôi không có ý đó. Tôi chỉ không biết phải nghĩ sao về cô, thế

thôi.”

Cô nghe tiếng rôm rốp. Anh ta đang ăn táo đấy à? “Cái chỗ Los Delfines đó,” anh ta nói. Trong một khoảnh khắc đáng lo, Olivia sợ rằng anh ta định gợi ý họ nên gặp nhau và quan hệ ở căn biệt thự trắng mát của Charlie và Simon. “Tôi cần phải cho Stepford biết Waterhouse ở đâu. Có chuyện.”

“Cái gì? Không đời nào, Chris. Nếu anh bảo cậu ấy, tôi sẽ...” Cô không nghĩ ra được điều gì để đe dọa anh ta. “Có chuyện gì?”

Thêm nhiều tiếng rôm rốp. Rồi, “Cô để tôi nói cho Stepford biết, tôi sẽ kể cho cô có chuyện gì.”

“Không! Anh sẽ không phá hoại tuần trăng mật của Charlie bằng việc nói cho Sam họ ở đâu để rồi anh ta có thể kéo Simon về nhà. Chỉ nghĩ đến đấy thôi tôi đã phát bệnh rồi.”

“Waterhouse sẽ không phải về nhà đâu – Stepford muốn một cuộc trao đổi nhanh với anh ấy thôi, chỉ có thế. Tôi sẽ cho anh ta số của người quản gia từ trang web – Pizza hiệu Domino, hay bất cứ tên gọi nào của người quản gia. Stepford sẽ gọi, mọi chuyện sẽ xong trong năm phút – Waterhouse có thể quay lại với chiếc ghế võng của mình.”

Olivia làm vẻ mặt kinh hoàng với cái điện thoại. “Chính xác thì, chuyện đó quan trọng đến mức nào?” Cô không thể không thêm vào, “Những căn biệt thự xa xỉ chỉ có ghế nằm tắm nắng, chứ không phải ghế võng.”

“Có thể liên quan tới một vụ giết người.”

“Ôi chết tiệt. Chết tiệt, chết tiệt, chết tiệt thật. Tại sao tôi lại đi nói cho anh biết họ ở đâu cơ chứ?”

“Cô thực sự muốn tôi không nói gì hết?”

“Sao anh có thể không nói, nếu có người bị sát hại?”

“Dù có là ai đi nữa thì họ cũng vẫn chết trong hai tuần nữa, đến khi Waterhouse trở về,” Gibbs nói.

Olivia có thể nghe được cái nhún vai trong giọng nói của anh ta. “Thái độ gì vậy?” cô quát lên. “Anh định cố làm tôi ấn tượng bằng cách làm một thằng nổi loạn à? Nếu đúng thế thì không có hiệu quả đâu. Xé nát quyển sách luật lệ rồi một mình một kiểu

cũng hay ho đấy. Cóc để tâm gì đến việc mưu hại ngẫu nhiên nhằm vào công dân vô tội thì hoàn toàn không thể chấp nhận được.”

“Tôi còn không biết chắc liệu đã có ai bị giết chưa. Cô đang phá hỏng kế hoạch của tôi đấy.”

“Sao?”

“Cô đáng ra phải cầu xin tôi đừng nói gì hết,” Gibbs giải thích. “Tôi đã định kết thúc bằng cách đồng ý, với điều kiện là cô chấp nhận gặp tôi.”

“Tất nhiên là anh định như thế rồi,” Olivia nói. “Nếu anh không có một bó hoa trên tay, luôn có phương án tổng tình để đưa ra.”

Im lặng.

Cô hy vọng mình không làm anh ta cảm thấy bị xúc phạm, dù không nghi ngờ gì là anh ta đáng bị như vậy lắm. Cuối cùng, anh ta nói, “Nói chuyện với cô không giống như nói với những người khác. Với những người khác, tôi nói điều tôi nghĩ, họ nói điều họ nghĩ. Với cô, nó như kiểu... tôi không biết có phải mình đang giả vờ là một thằng khốn, là một thằng khốn thực sự, hay đang đọc to những lời thoại trong một vở kịch mà tôi chẳng hiểu.”

“Cái đó gọi là lời nói đùa trước khi lên giường.”

“Đúng vậy.” Ngừng một lúc, Gibbs nói tiếp, “Tôi sẽ chắc chắn không gọi nó là cái ghế văng nữa.”

Olivia thở dài. Đó là câu đùa thứ hai anh ta từng nói ra – trong suốt cả cuộc đời anh ta, chắc vậy. Sao mà cô có thể nói không được. “Anh tới London,” cô nói. “Tôi sẽ trả tiền khách sạn. Bằng cách đó cả hai chúng ta đều... đóng góp vào việc gì đấy.” Nếu phải chọn giữa tiêu tốn năng lượng và tiêu tiền, Olivia luôn lựa chọn phương án thứ hai.

“Tôi lên đường ng...” Gibbs nói, kết thúc cuộc gọi trước cả khi nói hết chữ ‘ngay’.

Olivia nhìn chăm chăm vào cái tên không-bao-giờ-trở-thành tên kết hôn của cô, tất cả những phiên bản khác nhau của nó. Cô thậm chí thể khi nhận ra mình vừa làm gì: cô đã bỏ đi chính họ

của mình, sau tất cả những nhặng xị chính cô gây ra về chuyện đổi họ mình sang họ của Dom, việc cô khẳng khẳng phải mang họ Zailer-Lund thay vì đơn giản là Lund, bởi vì... cô còn chẳng nhớ được lý do mình nói với anh ấy.

Có phải cô không hoàn toàn chắc chắn về việc giao phó cả đời mình cho Dom?

Nếu cô kết hôn với người khác – không nhất thiết phải là Chris Gibbs, nhưng... ừ thì, cô có thể dùng anh ta làm một ví dụ ngẫu nhiên, mặc dù cái ý tưởng đó vô cùng lố lằng, họ chẳng có điểm chung gì hết, anh ta rõ ràng là loại người ghế văng – liệu cô có cảm thấy khác đi không?

Olivia khẳng định chắc chắn với bản thân là không. Cuốn lịch trình của cô có vẻ lại nghĩ ngược lại.

Tiêu đề: 11 Bentley Grove, CB2 9AW

Từ: Ian Grint (iangrint@cambs.police.uk)

Gửi: 19/7/2010

00: 10: 53

Tới: Sam Kombothekra (s.kombothekra@culvervalley. police.uk)

Sam,

Tôi gọi cho anh liên tục và toàn được nghe là anh đang ở căng tin. Gọi điện cho anh thì bị chuyển thẳng tới hộp thư thoại. Anh có thể kéo mồm ra khỏi cái máng ăn và gọi cho tôi được không? Càng sớm càng tốt.

Thân.

Ian (Grint)

TANG VẬT SỐ: CB13345/432/22IG

Lưu ý – Bạn phải mang giấy này theo xe hơi. Xin hãy giữ nó ở nơi an toàn.

Wheel Women

Sân Wayman, Đường Newmarket, Cambridge, CB5 9TL

Ngày phát hành: 08/11/2009

Giấy chứng nhận này là bằng chứng trước pháp luật rằng bạn có bảo hiểm. Nó không còn giá trị nếu có bất kì thay đổi nào. Thông tin chi tiết về bảo hiểm, vui lòng xem thêm Lịch Bảo Hiểm Xe Hơi và Sổ Tay Chính Sách.

Chứng Nhận Bảo Hiểm Xe Cơ Giới

Số Chứng Nhận Và Hợp Đồng Bảo Hiểm: 26615881

Mã Số Đăng Kí Phương Tiện: MM02 OXY

Họ Tên Người Sở Hữu Hợp Đồng Bảo Hiểm: Elise Gilpatrick

Ngày Bắt Đầu Có Hiệu Lực: 06/11/2009 vào 00:00 giờ

Ngày Hết Hạn: 06/11/2010 vào 00:00 giờ

Người Hoặc Nhóm Người Được Phép Lái: Elise Gilpatrick, Donal Gilpatrick (với điều kiện người đó đang hoặc đã từng có bằng lái xe phù hợp và không bị tước hay không được phép có bằng lái đó)

Người có hợp đồng bảo hiểm, Elise Gilpatrick, với sự cho phép của chủ sở hữu, được phép lái phương tiện không thuộc quyền sở hữu của mình, với điều kiện phương tiện đó không được thuê dưới hình thức trả góp hay cho thuê dài hạn.

Giới hạn sử dụng: Mục đích xã hội, thú vui và sử dụng nội địa

Tôi xin chứng nhận hợp đồng liên quan tới Chứng nhận này thỏa mãn các điều khoản của pháp luật sử dụng tại Vương quốc

Anh, Bắc Ireland, đảo Man, đảo Jersey, đảo Guernsey và đảo Alderney.

Rosemary Vincent

Rosemary Vincent, Người Kí Tên Có Thẩm Quyền



Thứ Hai, ngày 19-07-2010

Tôi bắt đầu kể cho Sam Kombothekra về cuộc cãi vã đầu tiên của chúng tôi. Nó là về Cambridge. Lúc đó, chúng tôi mới thành đôi được gần một tháng.

Kit không có ý gây sự, anh chỉ cố khen ngợi tôi. Về cơ bản, có lẽ chính tôi là người bắt đầu trận cãi vã, dù lúc ấy tôi không cảm thấy như vậy. Chúng tôi đang đi bộ từ Thorrold House sang căn hộ hai phòng ngủ mà Kit thuê ở Rawndesley, chúng tôi vừa tới chỗ bố mẹ ăn trưa. Đó là lần thứ năm hay sáu Kit gặp gỡ gia đình tôi. Mất chín năm để anh có đủ can đảm hỏi xem liệu đôi khi anh có thể được miễn một vài cuộc viếng thăm một tuần mà anh nhận thấy do tôi yêu cầu.

Bố tôi, vì muốn gây ấn tượng với Kit, đã gợi ý khai một chai rượu vang đặc biệt mà hai năm trước ông được một khách hàng thân thiết của Monk & Sons tặng. Tôi chẳng biết gì về rượu vang, và bố cũng thế, nhưng vị khách hàng đã khiến ông tin rằng có điều gì đó đặc biệt về chai vang đó – có thể là nó rất lâu năm hoặc rất có giá trị hoặc cả hai. Cả bố và mẹ tôi đều không thể nhớ được chi tiết chính xác, nhưng bất cứ điều gì người khách nói cũng đủ gây ấn tượng rằng rất đại dột khi mở chai vang và uống nó ngay, nên thay vào đó họ đã ký gửi nó vào một chỗ an toàn – an toàn đến mức khi bố quyết định rằng sự xuất hiện của một anh con rể tương lai tốt nghiệp Oxbridge khéo ăn nói ở bàn ăn của ông là một dịp xứng đáng để giải phóng quyền năng huyền hoặc của chai vang cổ, cả bố và mẹ đều không nhớ nổi họ cất nó ở đâu. Kit cố gắng bảo họ rằng chuyện đó không quan trọng, rằng anh thích nước lọc hay nước ép táo hơn, bởi anh còn phải lái xe, nhưng bố khẳng định phải tìm cho ra chai vang đặc biệt đó, có nghĩa là mẹ phải để thức ăn nguội lạnh

trong khi nơi mẹ lục soát đầu tiên là hầm rượu và sau đó là cả ngôi nhà. Còn lại chúng tôi nghe theo lời bố và tiếp tục ăn. “Nếu như cháu không đánh chén trong khi đồ ăn vẫn còn nóng hổi, Val sẽ trừng phạt rất ghê đấy,” bố nói với Kit, người đang cảm thấy không thoải mái vì phải bắt đầu dùng bữa mà không có mẹ. Fran, Anton và tôi đã quen với chuyện đó. Bố thường quyết định rằng ông cần mẹ đi lấy cái gì đấy cho mình ngay khi bà chuẩn bị ngồi xuống ăn. Tôi nghĩ ông nhìn vào thức ăn trên đĩa của bà, hơi hoảng lên về việc sẽ mất bao lâu để bà lại có mặt bên cạnh, và quyết định rằng ông muốn sớm có thứ mình yêu cầu.

Trong khi dùng bữa, chúng tôi nghe tiếng thở hồng hộc rất lớn và một tràng những tiếng rên rỉ từ bên kia bếp, mẹ muốn chúng tôi biết chính xác chuyện tìm kiếm chai vang rẻ tiền thiêng liêng khiến bà vất vả thế nào. Tôi có thể thấy rằng Kit đang căng thẳng, cảm thấy mình có trách nhiệm dù cho anh không cần phải thế. Rồi mẹ kêu to, “Ôi, vì Chúa! Lại nữa làm bằng bạch bông rồi. Mẹ biết mình để nó ở đâu rồi.” Chúng tôi lắng nghe khi một cánh cửa kéo kẹt mở ra. Đó là tiếng kéo kẹt mà Fran và tôi biết rõ như chúng tôi biết về nhau vậy, nó đã là một phần của bản nhạc nền Thorrold House kể từ khi chúng tôi còn bé. Bố bật cười và bảo Kit, “Chạn bát đĩa dưới cầu thang – bác không biết tại sao bà ấy không tìm ở đó luôn từ đầu. Đó là nơi nếu là bác thì bác sẽ bắt đầu tìm. Quá rõ ràng.”

“Tiếc làm sao bố không chia sẻ tầm nhìn đó với mẹ,” Fran châm chọc. “Bố đã có thể tiết kiệm cho mẹ khoảng nửa tiếng của cuộc đời mẹ – cuộc đời duy nhất mẹ có.” Tôi vẫn còn nhớ mình đã thắc mắc có phải em tức giận vì bố xun xoe với Kit và lờ Anton đi, người không tốt nghiệp Oxbridge, người có bố mẹ sống tại một ngôi nhà lưu động trong chiếc xe moóc đặt ở ngoại ô của Combingham.

Vài giây sau, có tiếng huých và một tiếng hét chói tai. Chai vang đặc biệt không phải là tất cả những gì mẹ tìm thấy trong chạn bát dưới cầu thang. Chúng tôi chạy vội ra hành lang. Bà đang đang quỳ trên sàn, hai tay chống xuống đất, cúi xuống phía trên một chiếc hộp bìa. Bên trong là một đám bụi nhùi lổn

nhổn màu đen, một vài chỗ còn cứng nhưng phần lớn đã hóa lỏng. Mùi từ nó thật choáng váng, làm tôi phải bịt miệng. “Cái gì thế?” Ông hỏi, cúi người xuống để nhặt cái chai thiêng liêng lên, cái mà, trong cơn sốc, mẹ đã làm rơi.

“Em nghĩ chắc là bắp cải,” bà nói. “Em nhớ từng bỏ một cái bắp cải vào đây cả năm rồi, trong một cái hộp...”

“Ừ thì, nó không còn là cái bắp cải nữa,” bố nói, dùng cùi chỏ huých vào mạng sườn Kit như thể muốn nói, “Lại một tập hài hước nữa trong bộ phim cuộc sống của nhà Monk!”

“Con sẽ vứt nó đi cho mẹ, Val,” Anton nói. Cậu ta đẩy mẹ sang một bên như một chuyên gia tháo gỡ bom mìn chuẩn bị vây hãm khu vực.

“Anton tới để giải cứu,” bố nói cho Kit, như thể sợ Kit không hiểu chuyện gì đang xảy ra, phụ đề có thể cần thiết. “Khi gặp khủng hoảng thì không ai tốt hơn cậu ta cả.”

“Phải đó,” Fran lầm bầm. “Khi nhắc đến chuyện đi vứt rau củ dập hỏng, không ai có thể bì được với anh ấy.”

Tôi nhìn sang Kit, khiếp sợ trước nỗi kinh tởm mà tôi chắc chắn rằng mình đã thấy trên mặt anh. Anh nhoẻn miệng cười với tôi và mở to mắt trong một tín hiệu bí mật, như thể muốn nói, “Chúng ta sẽ bàn về chuyện này sau.” Tôi mỉm cười với anh, thầm biết ơn bởi anh đã khiến tôi cảm thấy như là một người ngoài, không phải một phần của sự điên rồ Thorrold House. Không dính líu.

Tất cả chúng tôi đứng quan sát khi Anton mở cánh cửa trước và cầm chiếc hộp có chứa thứ trước đây là bắp cải ra ngoài. “Phải rồi.” Bố vỗ tay vào nhau. “Quay trở lại với việc quan trọng thôi nào: đồ ăn và rượu vang.”

Chúng tôi ăn món lagsana lạnh ngắt – mà bố vẫn khẳng định là nó còn ‘nóng hổi’, còn mẹ thì cứ đe dọa sẽ làm nóng lại nó trong lò vi sóng – và uống rượu vang, ngon nhưng không có gì đặc sắc, và rồi uống thêm một ít rượu vang thường khi thứ rượu cường điệu quá đà đã cạn hết. Bố mắng mẹ vì đã làm rơi chai rượu trên thảm, dù có hay không thứ bắp cải mục rửa kia,

bởi “nó có thể dễ dàng bị vỡ,” dù rằng nó chưa vỡ. Kit hết lần này đến lần khác cố ngăn bố không rót đầy thêm ly, bố làm tôi và Fran phát chán và làm Kit sốc khi bày tỏ quan điểm về chuyện uống rượu và lái xe: “Theo như bác được biết, nếu cháu không thể lái xe một cách cẩn trọng khi đã uống vài ly, cháu hoàn toàn không được phép lái xe. Một người lái xe giỏi là một người lái xe giỏi, dù đang say hay tỉnh.”

Và rồi, chẳng đúng thời điểm gì hết, mẹ òa lên khóc và chạy khỏi phòng. Chúng tôi kinh ngạc nghe tiếng bà sụt sịt khi bà chạy lên tầng. Bố quay sang Fran. “Có chuyện gì với bà ấy vậy? Quá nhiều rượu vang, con có nghĩ thế không?”

“Chịu,” Fran nói. “Sao bố không bắt mẹ lái xe vòng theo đường đua A1 vài tiếng đồng hồ đi? Nếu mẹ đâm vào đâu đấy, mẹ đang bực bội. Nếu mẹ không, thì tức là không phải. Hay là ngược lại, theo như bố?”

“Lên kiểm tra xem mẹ thế nào đi,” bố nói. “Một trong số các con. Connie?”

Tôi nhìn chằm chằm xuống đĩa của mình, kiên quyết lờ ông đi. Fran thở dài và đi tìm mẹ.

Bố nói, “Chúng ta sẽ uống một tách trà thật ngon trong một phút nữa, cùng bánh pudding táo kèm với vụn cây đại hoàng, bố nghĩ là như vậy.” Ý ông là chúng tôi sẽ được cả hai nếu mẹ xuống nhà. Tôi cố kiềm chế cảm giác muốn được nói với Kit, “Bố em có thể nịnh nọt anh hết cỡ và ép anh phải uống thứ rượu ngon nhất, nhưng ông sẽ không bao giờ, không bao giờ pha cho anh một tách trà, dù anh có ngồi ở bàn căn bếp suốt bao nhiêu năm đi nữa, bất kể anh có khát đến mức nào.”

Vào lúc đó, một cảm giác như là nỗi tàn nhẫn đánh vào tôi: biết và yêu thương một người – chính con gái mình – nhưng lại không bao giờ mời chúng một tách trà hay cà phê trong ba mươi tư năm, trừ phi chắc chắn rằng ai đó sẽ pha hộ.

Fran xuất hiện trở lại, trông có vẻ bực tức. “Mẹ nói sẽ xuống trong một phút nữa. Mẹ uất ức vì chuyện cái bắp cải.”

“Tại sao chứ, vì Chúa lòng lành?” Bố mất kiên nhẫn.

Fran nhún vai. “Con không thể khiến mẹ nói ra được gì nhiều. Nếu bố muốn thêm thông tin, hãy tự đi hỏi mẹ ấy.”

Một vài phút sau, mẹ lướt vào bếp với một lớp trang điểm mới và bắt đầu trò chuyện với một niềm vui thất thường về bánh hấp và bánh sữa trứng. Chiếc bắp cải thối rửa không được nhắc tới nữa.

Hai tiếng sau, món tráng miệng đã xong xuôi và trà đã dùng, chúng tôi mới có thể đào thoát. Một cách ngoại giao hết cỡ, Kit đánh chặn những nỗ lực của bố nhằm ép anh lái xe về nhà sau bốn ly rượu vang lớn. Anh để xe của mình bên ngoài Thorrold House – anh hoàn toàn đồng ý với bố về chuyện uống rượu – lái xe, tất nhiên anh đồng ý, nhưng còn phải suy xét đến những tay cảnh sát giao thông hủ lậu ngoài kia – và chúng tôi đi bộ về Rawndesley, mất một tiếng rưỡi. Chúng tôi gần như không để ý đến thời gian, cả hai còn bận rộn bàn tán về gia đình tôi.

“Fran cứ tỏ ra thù địch với bố em, và ông thì chẳng phản ứng lại chút nào,” Kit nói, tươi vui và tràn đầy sức sống khi giờ đây chúng tôi được tự do. “Ông còn chẳng buồn để ý. Thật là hài hước. Con bé thì giống Culver Dorothy Parker ở Culver Valley. Nếu anh mà nói chuyện với bố mình như thế, dù chỉ một lần, ông sẽ gạch tên anh ra khỏi di chúc.” Kit vẫn giữ mối quan hệ chừng mực với bố mẹ vào thời điểm đó.

“Dorothy Parker là ai?” Tôi hỏi.

Kit cười, anh rõ ràng cho rằng tôi đang đùa.

“Không, thật đấy,” tôi nói. “Cô ta là ai?”

“Một người hài hước nổi tiếng,” Kit nói. “‘Khi nhắc đến chuyện đi vớt rau củ dập hỏng, không ai có thể bì được anh ấy.’ Đó đúng là những từ ngữ mà Dorothy Parker sẽ dùng, anh nghĩ vậy. Bố em không hiểu gì cả – rằng Fran đang giễu cợt ông vì xúc phạm Anton bằng lời khen tặng vô vị nhất của vô vị: ‘Khi gặp khủng hoảng thì không ai tốt hơn cậu ta cả.’ Đúng thế, miễn tất cả những gì cần để giải quyết khủng hoảng là một ai đó mang đồ ăn thối hỏng vớt vào thùng rác. Đó là dịp duy nhất bố em công nhận sự tồn tại của Anton trong suốt cả buổi chiều, ông quá bận

rộn với việc làm thân với anh. Chẳng lạ gì khi Fran tức giận.”

“Em rất tiếc về chuyện cái bắp cải bốc mùi,” tôi trình trọng nói, và cả hai chúng tôi đều phá lên cười. Đó là một ngày tháng Hai lạnh lẽo – đêm dần buông – và trời thì bắt đầu mưa, điều này khiến chúng tôi cười còn to hơn nữa: nhờ có bố và món rượu vang đặc biệt, chúng tôi chuẩn bị ướt như chuột lột.

“Lý do vì sao mẹ em khó chịu vì người nghệ sĩ lúc trước được biết đến với danh xưng bắp cải vô cùng hiển nhiên,” Kit nói, cố giữ vẻ mặt nghiêm túc.

“Bà không thể chịu đựng bất kỳ thể loại phung phí nào,” tôi bảo anh. “Đó là hai mươi xu đáng ra bà có thể tiết kiệm được trong năm ngoái.”

“Bà cảm thấy hổ thẹn vì chuyện đó đã xảy ra trước mặt anh. Giá như bà cứ nói ra, anh có thể đảm bảo lại với bà rằng anh không hề quan tâm tí nào. Thật không giống anh chút nào khi nghĩ xấu về một người để rau củ thối hỏng chảy nhão ra trong một cái...” Anh không nói thêm được nữa, anh đang cười quá nhiều.

Khi chúng tôi đã bình tĩnh lại, tôi nói, “Không phải thế đâu, điều anh vừa nói ấy. Đúng, mẹ chắc là đã cảm thấy xấu hổ, nhưng đấy không phải lý do cho phản ứng kỳ cục của bà. Về ngoài là hết sức quan trọng với mẹ, nhưng sự kiểm soát mới là vị Chúa tối cao của bà. Bà cố gắng rất vất vả để kiểm soát mọi khía cạnh của cuộc đời mình và của thế giới, và thường thì bà thành công. Thời gian dừng lại vì bà, và thế giới co lại tương đương kích cỡ của căn bếp Thorrold House, dòng năng lượng vũ trụ dừng lại trên đường đi của nó – nó biết rằng tốt hơn hết là không nên bất tuân Val Monk. Và rồi bà tìm thấy một chiếc bắp cải đã ở đó nhiều tháng trời, nếu không nói là nhiều năm trời – thứ mà bà không hề hay biết sự tồn tại của nó, đã thối rữa, bốc mùi và chuyển màu đen xì, mà bà không hề hay biết gì. Và rồi nó không hẹn mà tự động xuất hiện vào một buổi chiều bà có khách. Bà cố bỏ qua và vờ như nó không làm bà bận tâm, nhưng bà không thể vượt qua được. Cái bắp cải là bằng chứng bà không thể lờ đi – bằng chứng rằng bà không hề nắm quyền kiểm soát.

Thế lực của cái chết và sự bại hoại đang điều hành, chúng chính là những kẻ điều hành cuộc trình diễn. Chúng cư ngụ bên trong thành trì, và ngay cả bà mẹ luôn sắp xếp mọi thứ đâu ra đấy của em, với cuốn sổ ‘thực đơn trong tuần’ và cuốn lịch được điền tỉ mỉ những ngày sinh nhật của bà, cũng không thể xua đuổi được chúng.”

Kit nhìn chăm chăm vào tôi. Anh không còn cười nữa.

“Xin lỗi,” tôi nói. “Khi em uống quá nhiều, em nói cũng quá nhiều.”

“Anh có thể nghe em nói như vậy cả đời cũng được,” anh nói.

“Thật chứ? Nếu vậy thì, anh đã nghĩ sai về Fran rồi.”

“Em ấy không phải bản sao của Dorothy Parker ở Culver Valley ư?”

“Không phải em ấy tấn công bố đâu, dù nếu em hỏi, có thể em ấy sẽ vờ như mình đang làm thế thật. Em ấy mới là người hạ thấp Anton bằng những lời khen vô vị. Em ấy yêu cậu ta, đừng hiểu lầm ý em, nhưng em nghĩ đôi khi em ấy ước rằng cậu ta... em không biết nữa, hữu ích hơn chút.”

“Sao em không đi học đại học?” Kit hỏi tôi.

Sự thay đổi chủ đề đột ngột làm tôi ngạc nhiên. “Em đã bảo với anh rồi: không có bạn bè nào của em đi học đại học cả, và bố mẹ đã dành cho em một công việc được trả lương khá tốt tại cửa hàng.”

“Em vô cùng thông minh và sâu sắc, Connie. Em có thể làm nhiều việc tuyệt vời hơn là kế toán của bố mẹ nếu em muốn. Em có thể tiến được xa – rất xa. Xa hơn Little Holling, Silsford.” Anh dừng bước và khiến tôi cũng dừng lại. Nó khiến tôi có cảm giác lãng mạn vô bờ rằng anh sẵn sàng giữ chúng tôi bất động trong mưa để nói cho tôi biết tôi thông minh và tràn đầy tiềm năng đến thế nào.

“Các thầy cô ở trường em đã tha thiết đề nghị em nghĩ đến chuyện học đại học, nhưng... em cảm thấy nghi ngờ. Đến giờ em vẫn thấy thế. Tại sao lại phải dành ra ba năm để bị những người nghĩ rằng họ hiểu biết hơn ép buộc anh đọc một số lượng sách

nhất định, khi anh có thể tự chọn ra thứ anh muốn đọc và tự trau dồi kiến thức cho mình mà không cần sự giúp đỡ của bất kỳ ai cả – và không cần phải trả tiền cho việc đó?”

Kit vuốt một giọt nước mưa khỏi gương mặt tôi. “Đó chính xác là kiểu suy nghĩ anh đoán mình sẽ gặp ở một người mà nền tảng giáo dục bị đứt đoạn một cách vội vã ở tuổi mười tám.”

“Mười sáu,” tôi bảo anh. “Em còn chưa học bằng A.”

“Quý thần ơi,” anh nói. “Tiếp theo đây em chắc sẽ bảo anh em được nuôi dạy bởi chó sói.”

“Anh có biết bao nhiêu cuốn sách em đã đọc năm qua không? Một trăm linh hai. Em viết tất cả chúng vào một quyển sổ nhỏ...”

“Em nên đi học đại học,” Kit nói át lời tôi. “Ngay bây giờ, với tư cách một sinh viên trưởng thành. Connie, em sẽ yêu việc học đại học, anh biết em sẽ thế. Cambridge là điều tuyệt vời nhất từng xảy đến với anh – không còn nghi ngờ gì nữa, ba năm tuyệt vời nhất trong cuộc đời anh. Anh...” Anh dừng lại.

“Cái gì? Kit?”

Tôi nhận thấy anh không còn nhìn vào tôi nữa. Anh đang nhìn qua tôi, hay xuyên qua tôi, đang nhìn vào một khoảng thời gian khác, một nơi chốn khác. Anh quay đi khỏi tôi, như thể anh không muốn sự hiện diện của tôi xen vào bất kỳ thứ gì anh đang hồi tưởng. Rồi anh hẳn là nhận ra mình vừa làm gì, bởi anh cố gắng một cách có tính toán nhằm kéo bản thân quay về. Tôi thấy cái nhìn ấy trong đôi mắt anh, cùng một ánh mắt tôi thấy mười năm sau, vào tháng Một, khi tôi hỏi anh tại sao số 11 Bentley Grove được lập trình vào định vị vệ tinh của anh là địa chỉ nhà: tội lỗi, sợ hãi, hổ thẹn. Anh đã bị bắt quả tang. Anh cố buông một câu đùa. “Điều tuyệt vời thứ hai từng xảy đến với anh,” anh nói nhanh, mặt đỏ lên. “Em mới là điều tuyệt vời nhất, Con.”

“Cô ta là ai?” Tôi hỏi.

“Không ai cả. Đó không phải là... Không ai hết.”

“Anh không có bạn gái lúc học đại học ư?”

“Anh có rất nhiều, nhưng không ai đặc biệt cả.”

Tuần lễ trước đó, tôi đã hỏi xem anh từng yêu bao nhiêu người trước tôi rồi, và anh tránh né câu hỏi, nói những câu kiểu như, ‘Ý em khi nói đến yêu là gì?’ và ‘Em đang nói đến tình yêu kiểu nào?’, trong khi mắt anh đảo quanh phòng và chối từ nhìn vào mắt tôi.

“Kit, em đã thấy gương mặt anh khi anh nói Cambridge là ba năm đẹp đẽ nhất của cuộc đời anh. Anh đang hồi tưởng lại chuyện tình yêu.”

“Không, anh không hề.”

Tôi biết anh đang nói dối, hoặc tôi nghĩ mình biết. Có thứ gì đó trong tôi sầm tối lại và dồn nén, tôi quyết định trở thành con khốn mà mình có thể dễ dàng biến thành khi tôi cảm thấy khốn khổ. “Vậy là anh đang nghĩ về những bài giảng và hướng dẫn, phải không, với biểu cảm băng khuôn tiếc nuối trên gương mặt? Đang mơ về những ghi chú bài luận ư?”

“Connie, em đang cư xử buồn cười đấy.”

“Cô ta là giảng viên của anh à? Vợ của giảng viên của anh? Vợ của hiệu trưởng trường đại học?”

Kit cứ phủ nhận và phủ nhận. Tôi vẫn cứ tiếp tục cuộc khảo cung suốt quãng đường trở về căn hộ của anh – đó là một người đàn ông à? Liệu có phải ai đó chưa đủ tuổi không: cô con gái chưa-đầy-mười-sáu-tuổi của ông hiệu trưởng trường đại học? Tôi từ chối nằm chung giường với Kit đêm đó, ném ra một cơn thịnh nộ vô lý và một lời đe dọa chấm dứt mối quan hệ của chúng tôi trừ phi anh chịu nói thật. Rồi, thấy rằng anh không có ý định ấy, tôi đành hạ mức độ đe dọa xuống: anh không nhất thiết phải nói sự thật, nhưng phải thừa nhận rằng có một điều gì đó anh không muốn kể với tôi, để chắc chắn lại rằng tôi không điên rồ và không tưởng tượng ra những cảm xúc mãnh liệt tôi đã thấy trong mắt anh, hay cảm giác tội lỗi. Cuối cùng, anh thừa nhận rằng có thể trông anh có chút bẽn lễn, nhưng đó chỉ là cảm giác tức giận với bản thân vì đã quá ngu ngốc, đến mức làm cho tôi có cái ấn tượng – là sai lầm, anh đảm bảo với tôi – rằng việc

học đại học của anh đối với anh còn quan trọng hơn cả tôi.

Tôi muốn tin anh. Tôi quyết định tin anh.

Lần tiếp theo chủ đề về Cambridge nảy sinh giữa chúng tôi là vào năm 2003, ba năm sau. Tôi đã chuyển hẳn tới căn hộ Rawndesley của Kit lúc đó, và mẹ đã bắt đầu thích thú với việc lúi lỏ, “Xin chào, người lạ,” khi tôi xuất hiện vào mỗi sáng để làm việc. Tôi lờ bà đi, và để phần phản đối lại cho Fran: “Vì Chúa, mẹ! Rawndesley cách đây hai mươi lăm phút đi xe. Ngày nào mẹ chẳng gặp Connie.”

Suốt cuộc đời, tôi đã cho rằng gia đình mình bị tê liệt bởi một chứng bệnh mà không ai khác chịu ảnh hưởng, triệu chứng chính của nó là tầm nhìn vô cùng hạn hẹp. Và rồi một ngày, khi Kit và tôi đang trên đường ra ngoài đi ăn và chúng tôi chạm mặt một vài người hàng xóm, một cặp đôi sống trong căn hộ cạnh chúng tôi, Guy và Melanie. Lúc đó, Kit làm việc với Guy ở Deloitte, chính Guy là người đã cho anh biết có một căn hộ dành cho hai người cho thuê ở tòa nhà anh ta ở với cảnh nhìn ra sông rất đẹp. Trong khi hai người đàn ông nói chuyện công việc, Melanie nhìn tôi từ trên xuống dưới và chất vấn tôi: tôi làm nghề gì, có phải tóc tôi tự nhiên đã tối màu như thế, tôi đến từ đâu? Khi tôi nói là Little Holling ở Silsford, cô ta gật gù như thể mình vừa được chứng minh là đúng. “Nghe giọng chị là tôi biết chị không phải là người ở quanh đây,” cô ta nói.

Sau đó, ở Isola Bella, nơi tốt hơn trong hai nhà hàng đồ Ý của Rawndesley, tôi kể cho Kit nghe là lời nhận xét của Melanie đã làm mình phiền muộn. “Tại sao Silsford lại không được tính là ‘quanh đây’ trong khi anh đang ở Rawndesley?” Tôi phản nản. “Người dân ở Culver Valley thật là hẹp hòi. Em cứ nghĩ chỉ có bố mẹ em là như thế, hóa ra không phải. Kể cả ở Rawndesley, nơi đáng ra là một thành phố...”

“Nó là một thành phố mà,” Kit phản bác.

“Không phải một thành phố đúng nghĩa. Nó không sôi động và náo nhiệt, như London. Nó chẳng có... không khí. Hầu hết những người sống ở đây không lựa chọn nó. Hoặc là họ sinh ra ở đây và không giàu trí tưởng tượng đủ để rời đi, hoặc họ giống

em – sinh ra và lớn lên ở Spilling hay Silsford, bị bao bọc và cô lập tới mức cái viễn cảnh chuyển đi ba mươi dặm xuống dưới khu thành phố là Rawndesley cũng có cảm giác thú vị như thể chuyển tới Manhattan, hay đại loại thế – cho tới khi anh đến đó. Hay người ta chuyển tới đây bởi vì họ không có sự lựa chọn nào cả, bởi vì họ có công việc mà...”

“Giống như anh, ý em là vậy?” Kit nhe răng cười.

Lạ lùng thay, tôi còn chưa nghĩ tới anh. “Tại sao anh lại tới đây?” Tôi hỏi anh. “Từ Cambridge, trong số tất cả mọi nơi – em cá rằng đó là một thành phố sôi nổi, náo nhiệt.” Đó là lần đầu tiên Cambridge được một trong hai chúng tôi nhắc tới kể từ trận cãi nhau to đáo nọ.

“Đúng thế,” Kit nói. “Đó cũng là một thành phố xinh đẹp nữa, không như Rawndesley.”

“Vậy sao anh lại rời bỏ nó và chuyển tới Culver Valley ngọt ngào?”

“Nếu anh không tới đây, anh đã không được gặp em,” Kit nói. “Connie, có một việc anh cần hỏi em. Đó là lý do vì sao anh gợi ý mình đi ăn ở bên ngoài.”

Tôi ngồi thẳng lên. “Em có đồng ý lấy anh không? Có phải thế không?” Trông tôi hẳn là hào hứng lắm.

“Không phải thế, không, nhưng vì em đã nhắc tới... em đồng ý chứ?”

“Để em nghĩ về việc này. Được rồi, em đã suy nghĩ rồi. Em đồng ý.”

“Tuyệt vời.” Kit gật đầu, nhăn trán.

“Trông anh có vẻ lo lắng,” tôi nói. “Anh đáng ra trông phải tràn ngập hạnh phúc, đắm đuối trong tình yêu.”

“Anh đang tràn ngập hạnh phúc vì tình yêu.” Anh mỉm cười, nhưng trong đáy mắt có bóng tối. “Anh cũng lo lắng nữa. Đó là một sự trùng hợp quá lớn, nhưng anh phải nói chuyện với em về công việc của anh và... à thì, về Cambridge.”

Tôi nín thở, nghĩ rằng anh đã đủ tin tưởng để chuẩn bị bộc bạch với tôi câu chuyện mà anh từ chối kể ba năm trước. Thay

vào đó, anh bắt đầu nói chuyện về Deloitte, kể với tôi rằng có một cơ hội cho anh dẫn đầu một nhóm mới ở chi nhánh Cambridge, làm những công việc mới mẻ thú vị, rằng tương lai sẽ tươi sáng đến thế nào nếu anh đồng ý. Tim tôi bắt đầu đập dồn dập. Những từ ngữ của Kit tuôn ra mỗi lúc một nhanh hơn, tôi không thể tiếp thu hết các chi tiết, và một vài điều anh nói tôi không hiểu được nghĩa – những cụm từ như kiểu ‘làm việc trực tiếp với khách hàng’ và ‘tỷ lệ hạt’ – nhưng tôi nắm được đại ý. Công ty của Kit muốn anh chuyển tới Cambridge, điều đó có nghĩa là tôi, người vừa mới đồng ý lời cầu hôn của anh, dù cho có vẻ như tôi tự cầu hôn chính mình, có một cơ hội trốn thoát khỏi gia đình mình và Culver Valley.

“Anh phải đồng ý,” tôi rít lên với Kit khi người phục vụ bưng tới cùng món bánh tiramisu của chúng tôi. “Chúng mình phải thoát khỏi đây. Họ hỏi anh lúc nào thế?”

“Hai ngày trước.”

“Hai ngày? Anh đáng ra phải nói với em ngay. Nhỡ họ đổi ý thì sao?”

Kit đặt bàn tay mình lên tay tôi. “Họ sẽ không đổi ý đâu, Con.”

“Làm sao anh biết được?” Tôi gặng hỏi, cảm thấy hoảng sợ.

“Họ là một trong những công ty về kế toán hàng đầu Vương quốc Anh, không phải một đám những đứa trẻ vị thành niên bốc đồng. Họ đã đưa ra lời mời của mình – một lời chào mời siêu hào phóng – và bây giờ họ đang chờ đợi câu trả lời từ anh.”

“Gọi cho họ ngay đi,” tôi ra lệnh.

“Ngay bây giờ? Đã chín giờ mười lăm rồi.”

“Sao cơ, họ sẽ đi ngủ à? Tất nhiên là không rồi! Nếu em là một trong những doanh nghiệp kế toán hoạt động trực tiếp với khách hàng dẫn đầu Vương quốc Anh, em sẽ thức đến mười rưỡi để xem chương trình Thời sự đêm.”

“Con, chậm lại nào,” Kit nói, cảm thấy kinh ngạc vì sự tuyệt vọng của tôi. “Em không muốn nghĩ về việc đó trước ư? Dành ra một chút thời gian, suy xét cẩn thận?”

“Không. Tại sao chứ, anh sẽ suy nghĩ à?” Nếu Kit không muốn

chuyển đi thì sao? Anh đã sống ở vài nơi khác nhau rồi: anh sinh ra ở Birmingham, rồi chuyển tới Swindon khi anh lên mười, tới Bracknell năm mười lăm tuổi. Rồi tới Cambridge học đại học, rồi Rawndesley. Anh không bị mắc kẹt như tôi, anh không nhất thiết phải chia sẻ khao khát được thoát ra của tôi.

“Công việc đó là một bước tiến, không nghi ngờ gì cả,” anh nói. “Và em nói đúng, Cambridge là một thành phố rất tuyệt. Và Rawndesley... thì không. Nhưng... em có chắc không, Con? Anh gần như còn không buồn nhắc đến nó. Hôm qua, anh đã suýt từ chối nó mà không hỏi ý kiến em. Anh không nghĩ em sẽ sẵn lòng rời bỏ gia đình mình, tất cả mọi người đều rất...”

“Phụ thuộc vào nhau một cách không lành mạnh?” Tôi gợi ý.

“Thế còn công việc của em thì sao?” Kit hỏi.

“Em sẽ kiếm một việc khác. Em sẽ làm bất kỳ việc gì – cắt cỏ, lao công. Hỏi Deloitte xem họ có cần người dọn dẹp không.”

Khi chúng tôi rời khỏi nhà hàng, Rawndesley đã như thể một nơi chúng tôi từng sống. Chúng tôi là những bóng ma, vất vưởng ở cuộc đời xưa cũ, nuôi sống hy vọng cho một cuộc đời mới.

Tôi kể cho bố mẹ, Fran và Anton ngày hôm sau. Tôi đã sợ rằng họ sẽ tìm ra cách nào đó để ngăn tôi, dù cho Kit đã cố hết sức để đảm bảo với tôi rằng việc này là không thể, rằng tôi hoàn toàn có thể tự quyết.

Một sự im lặng kéo dài sau lời thông báo của tôi. Tôi nhìn gương mặt của bố mẹ sắp xếp lại biểu cảm sau cơn sốc, cảm thấy như tôi vừa đổ xuống bảy tấn gạch vụn tinh thần vô hình vào giữa căn phòng và đè ngạt tất cả những người có mặt ở đó.

Fran là người đầu tiên phản hồi. “Cambridge? Chị chưa bao giờ đến đó cả. Có thể chị sẽ ghét nó.”

“Đó là kế hoạch ngớ ngẩn nhất bố từng được nghe,” bố nói một cách phũ phàng, lắc mạnh tờ báo của ông như muốn rũ những lời nói của tôi đi. “Cứ nghĩ xem sẽ mất bao lâu để con lái xe đi làm mỗi buổi sáng. Hai tiếng đồng hồ một chiều là ít nhất.”

Tôi giải thích rằng mình sẽ rời khỏi Monk & Sons, rằng Kit và

tôi đã lên kế hoạch làm đám cưới, rằng Deloitte đã đưa ra cho anh một đề nghị mà có điên mới từ chối. Mẹ có vẻ thực sự sốc. “Nhưng Kit có một công việc ở đây,” bà nói, giọng run run. Bỗng dưng, vì chúng tôi đang lên kế hoạch chuyển tới Cambridge, Rawndesley đã trở thành ‘ở đây’, không còn là ‘ở đó’. “Con có một công việc ở đây,” mẹ nói. “Nếu con chuyển tới Cambridge, con sẽ trở thành người thất nghiệp.”

“Con sẽ tìm được một việc gì đó,” tôi bảo bà.

“Việc gì? Chính xác là con sẽ tìm được việc gì?”

“Con không biết nữa, mẹ. Con đâu có thể nhìn trước được tương lai. Có thể con sẽ... học một khóa ở trường đại học.” Tôi không dám dùng từ ‘bằng cấp’.

“Một khóa học là rất tốt, nhưng nó không phải là một nghề,” mẹ nói. “Nó không giúp con chi trả hóa đơn.”

Fran, Anton và bố đều đang quan sát mẹ, chờ xem bà sẽ chống lại mỗi họa treo lơ lửng này như thế nào. “Ừ thì,” bà cuối cùng cũng nói, quay mặt đi chỗ khác. “Mẹ cho rằng đấy là tin tốt với Kit, dù sao đi nữa – một sự thăng tiến. Mất mát của chúng ta là lợi ích của cậu ta.”

Trong tấn bi kịch cá nhân của mẹ phác thảo nên về tình hình, Kit là người chiến thắng, mẹ, bố và Fran là những kẻ chiến bại, và tôi thì chẳng xuất hiện ở đâu hết.

“Chúc mừng chị đã đính hôn,” Anton nói.

“Em cứ tưởng anh nghĩ hôn nhân cổ hủ và quá rắc rối,” Fran quát vào mặt cậu ta. Em ấy không hề chúc mừng tôi. Cả bố và mẹ cũng vậy.

. . .

Việc đầu tiên xảy ra sáng hôm sau, là tôi nhảy khỏi giường và chạy tới nhà tắm để nôn. Kit hỏi liệu có phải tôi đang có thai không, nhưng tôi biết là không phải. “Hoàn toàn là do tâm lý,” tôi bảo anh. “Đấy là phản ứng của cơ thể em với phản ứng của

gia đình em về chuyện chúng ta chuyển đi. Đừng lo, sẽ qua thôi.”

Không hề. Kit và tôi bắt đầu thói quen tới Cambridge mỗi thứ Bảy để tìm nhà. Chúng tôi đều muốn mua thay vì thuê – với Kit là vì thuê nhà rất tốn kém, còn tôi là để ràng buộc bản thân mình một cách hợp pháp với một nơi không phải là Little Holling, để khiến cái khả năng tôi quay về trở nên ít đi. Mỗi lần chúng tôi đi săn lùng nhà, Kit lại phải dừng xe ít nhất một lần để tôi xuống nôn ở vệ đường. “Anh không chắc lắm về chuyện này, Con ạ.” Anh cứ nói đi nói lại. “Em rất ổn trước khi chúng ta quyết định chuyển đi. Chúng ta không thể sống ở Cambridge nếu em dị ứng với sự phản đối của bố mẹ.” Anh cố buông một câu đùa về chuyện đó: “Anh không muốn em thành ra một bóng ma từ thời Victoria loạn thần kinh liệt giường chiếu, mặc váy ngủ dài trắng toát và có mùi muối.”

“Em sẽ vượt qua chuyện này,” tôi nói với anh một cách chắc chắn. “Đây chỉ là một giai đoạn tạm thời thôi. Em sẽ ổn.” Tóc của tôi bắt đầu rụng, nhưng chưa rõ ràng lắm. Tôi đang cố giấu Kit.

Chúng tôi tìm được một ngôi nhà xinh đẹp: số 17 Pardoner Lane – một ngôi nhà ống trần cao ba tầng kiểu Victoria với lò sưởi truyền thống trong tất cả các phòng khách và phòng ngủ, hàng rào thép màu đen bên ngoài, bậc thềm lên cửa trước và một sân thượng với tầm nhìn ra toàn cảnh thành phố. Bên trong được trang trí rất đẹp, sáng bóng, với một cái bếp và phòng tắm mới. Kit mê mẩn ngôi nhà ngay giây phút đầu tiên để mắt đến nó. “Chính là nó,” anh nói nhỏ với tôi, để người môi giới không nghe thấy.

Đó là ngôi nhà đắt tiền nhất trong số những căn chúng tôi đã đi xem, cho tới lúc bấy giờ, và là lớn nhất. “Làm sao chúng ta có đủ tiền mua nó được?” tôi hoài nghi hỏi anh. Chuyện dường như quá tốt để có thể thành sự thật.

“Nó không có vườn, và nó gắn với một ngôi trường ở một phía,” anh nói.

Tôi nhớ tám biển chúng tôi đã thấy trên tòa nhà bên cạnh. “Trung tâm Beth Dutton là một trường học?”

“Không hẳn,” Kit nói. “Anh kiểm tra rồi. Nó là nhánh trung học phổ thông của một trường tư mà chỉ nhận tối đa mười bốn học sinh một niên khóa, vậy nên sẽ không có hơn hai mươi tám đứa trẻ dù vào bất kỳ lúc nào. Chúng có thể xích xe mình vào hàng rào của chúng ta, nhưng anh chắc chắn chúng sẽ hành xử văn minh. Hầu hết mọi thứ ở Cambridge đều văn minh.”

“Thế còn chuông thì sao?” tôi nói. “Không phải chuông sẽ kêu sau mỗi tiết học? Như thế sẽ khó chịu lắm – chúng ta có thể nghe được tiếng chuông qua lớp tường.”

Kit nhướn mày. “Anh tưởng em muốn không khí ồn ào náo nhiệt của thành thị? Chúng ta có thể chuyển tới Little Holling, bên cạnh phụ huynh của em, nếu em không muốn nghe gì hơn là âm thanh của hoa mọc lên và, thi thoảng, tiếng rin rít khi ai đó đánh bóng bếp lò.

“Không, anh nói đúng,” tôi đáp. “Em thực sự thích ngôi nhà.”

“Nghĩ về toàn bộ không gian mà xem. Em có thể sở hữu một phòng bệnh kiểu Victoria u ám hoàn toàn cho riêng mình.”

“Em đoán là mình có thể yêu cầu nhân viên ở Beth Dutton giảm âm lượng chuông xuống, nếu có vấn đề gì.”

“Cái chuông sẽ không thành vấn đề đâu.” Kit thở dài. “Nỗi sợ hãi của em là vấn đề duy nhất.”

Tôi biết anh nói đúng, và chỉ có một cách duy nhất để giải quyết nó: tôi phải làm điều tôi vẫn sợ làm, và chứng minh với bản thân rằng sẽ chẳng có tận thế xảy ra. Một thời gian rồi bố mẹ cũng sẽ qua thăm, tôi có thể tới thăm họ thường xuyên. Việc họ tới và ở cùng chúng tôi ở Cambridge có vẻ ít khả thi. Ba năm trước, mẹ đã tới Guildford để thăm một người bạn. Bà đã bị một cơn hoảng loạn vào ngày thứ Hai ở đó, và bố được gọi đến để đón bà về. Kể từ đó, trung tâm thị trấn Silsford là quãng đường xa nhất bà có thể đi.

“Vậy, chúng ta sẽ làm gì đây?” Kit hỏi tôi. Chúng tôi đang ngồi trong xe của anh bên ngoài văn phòng Cơ quan bất động sản Cambridge trên đường Hills. “Chúng ta có định mua ngôi nhà đó hay không?”

“Chắc chắn rồi,” tôi nói.

Chúng tôi hủy các cuộc hẹn xem nhà khác mà mình đã lên lịch hôm đó. Kit đề nghị mua ngôi nhà số 17 Pardoner Lane, và người môi giới nói với anh rằng cô ta sẽ phản hồi với anh ngay khi cô có cơ hội trao đổi với chủ nhà.

Sáng hôm sau, tôi tỉnh dậy và phát hiện ra mình không thể cử động một bên mặt. Mắt phải của tôi không thể nhắm lại được – tôi cố hết sức cũng chỉ hạ được mí mắt trên của mình xuống như một tấm rèm và để nó yên ở đó – và khi tôi thè lưỡi ra, nó lệch về bên trái thay vì thẳng ra đằng trước. Kit sợ rằng tôi bị đột quỵ, nhưng tôi đảm bảo với anh rằng không phải thế. “Đó là cái anh đã nói hôm qua đấy,” tôi bảo anh. “Căng thẳng. Sợ hãi. Cứ lờ nó đi – đó là điều em sẽ làm.” May sao, nó không dễ nhận thấy lắm khi mọi người mới nhìn mặt tôi. Kit lo lắng hơn tôi rất nhiều. Tôi hứa với anh rằng ngay khi chúng tôi chuyển đi và bắt đầu ổn định ở nơi mà giờ đây cả hai đều đã gọi là nhà ‘của chúng ta’, những triệu chứng của tôi sẽ biến mất. “Anh không hiểu em được bằng em đâu,” tôi cứ nói với anh như vậy.

“Đây là nỗ lực tầy vãi tuyệt vọng một mất một còn cuối cùng của tiềm thức của em nhằm chắc chắn rằng em phải dành quãng đời còn lại để tôn thờ Thần Sợ hãi. Em phải cưỡng lại nó. Em không quan tâm nếu chân em có rụng ra, nếu em có hóa mù lòa hay dù em có biến thành một con bọ hung đi nữa – chúng ta sẽ mua ngôi nhà đó.”

Mất một thời gian người môi giới mới liên lạc lại cho Kit. Khi cuối cùng cô ta gọi lại, sau khi tránh nghe điện thoại và lờ đi các tin nhắn của Kit suốt bốn ngày, cô bảo anh rằng một người mua khác có hứng thú với số 17 Pardoner Lane, và đã đưa ra một khoản tiền nhiều hơn chúng tôi, thậm chí còn cao hơn cả giá chào bán. “Chúng ta có thể trả giá cao hơn,” Kit nói với tôi, đi đi lại lại trong căn phòng khách của chúng tôi ở căn hộ Rawndesley. “Thứ chúng ta không thể làm là trả giá cao hơn, mà vẫn đủ khả năng đi ăn tiệm, đi nghỉ mát...”

“Vậy mình đừng mua nó nữa,” tôi nói. Sau những tuần trào thất vọng lúc đầu, tôi cảm thấy một nút thắt bắt đầu được nói

lỏng ra bên trong mình.

“Anh sẵn lòng hy sinh và thắt lưng buộc bụng nếu em cũng sẵn lòng,” Kit nói. “Chúng ta ăn bên ngoài rất nhiều, và đồ ăn trong một nửa số lần đi ăn đó thật đáng thất vọng.”

“Đó là bởi vì những nhà hàng chúng ta đi đều ở Rawndesley. Ở Cambridge thức ăn sẽ ngon miệng hơn. Mọi thứ sẽ tốt hơn.”

“Vậy chúng ta có thể ăn tiệm vài tháng một lần, thay vì một tuần một lần,” Kit nói. “Bất kỳ sự hy sinh nào mà chúng ta phải bỏ ra đều sẽ xứng đáng, Con. Chúng ta sẽ không phải lòng một ngôi nhà nào khác theo một cách như vậy nữa. Anh sẽ gọi và trả cao thêm năm ngàn nữa.” Thêm năm ngàn bảng so với mức giá người mua kia đã ra, ý anh là vậy, có nghĩa sẽ là thêm hai mươi ngàn bảng so với mức giá chúng tôi đưa ra ban đầu.

“Không.” Tôi chặn anh lại khi anh đi về phía điện thoại. “Em không muốn bước tiến này trở thành cái gì đáng sợ hơn lúc đầu. Mình hãy tìm một ngôi nhà rẻ hơn, một căn mà chắc chắn mình có đủ khả năng mua.”

“Em đang nói cái gì vậy?” Kit giận dữ. “Em từ bỏ nhà số 17 Pardoner Lane dễ dàng thế sao? Anh tưởng em yêu nó.”

“Em có chứ, nhưng...” tôi ngừng lại khi Kit chỉ vào tôi.

“Gương mặt em,” anh nói. “Nó đã trở lại bình thường.”

Anh nói đúng. Tôi còn không để ý. Một cách ngập ngừng, tôi chạm vào chân mày mình, rồi má mình. Tôi thè lưỡi ra. “Hoàn toàn thẳng thớm,” Kit nói. “Dù đó có là gì đi nữa, nó đã mất rồi. Chỉ cần hai giây suy nghĩ rằng em đã thoát được trách nhiệm, và nó biến mất.” Anh lắc đầu. “Không thể tin nổi.”

“Không thể như vậy được,” tôi phản đối. “Kể cả khi không mua ngôi nhà đó, chúng ta vẫn sẽ chuyển tới Cambridge cơ mà.”

“Trên lý thuyết,” Kit nói. “Em có thể chịu được lý thuyết. Thực tế – chào mua một ngôi nhà, đề nghị mua được chấp thuận, để bước tiến này thực sự diễn ra – khiến em tê liệt vì hoảng sợ, theo đúng nghĩa đen.”

Tôi chẳng cảm thấy gì ngoài nỗi khinh ghét dành cho người phụ nữ anh đang mô tả. Cái ý nghĩ rằng cô ta chính là mình làm

tôi phần nộ đến mức tôi muốn tự móc mắt mình ra. “Gọi cho người môi giới đi,” tôi nói. “Trả cao hơn mười ngàn, và em thề với anh, em sẽ ổn – hoàn toàn khỏe khoắn. Em sẽ không buồn nôn vào buổi sáng, mặt em sẽ không cứng đơ lại...”

“Làm sao em biết được?” Kit hỏi.

“Bởi vì em đã quyết định rồi. Tất cả những thứ đó đã kết thúc rồi. Em chán ngán việc bị... mắc tật rồi. Từ giờ trở đi, ý muốn của em là thép tôi đặc, và nó sẽ dành từng phút một mỗi ngày để đá đít cái tôi khác – một đứa trẻ nhát chết – trong em. Tin em đi, em sẽ ổn.”

Kit nhìn chăm chăm vào tôi thật lâu. “Được rồi,” anh nói. “Nhưng anh không nâng giá tiền lên tận mười ngàn bảng khi không cần thiết. Với tất cả những gì mình biết, thì năm thôi cũng được rồi.” Anh gọi cho người môi giới bất động sản, cô ta nói sẽ trả lời anh.

Ngày hôm sau, khi tôi đang ở văn phòng của Monk & Sons thì Kit xuất hiện bất ngờ. “Sao anh không đi làm?” Tôi hỏi anh, rồi thở dòn. “Chúng ta đã có được nó chưa? Mình đã có được ngôi nhà chưa?” Tôi không nhận thức được bất kỳ nỗi sợ hãi nào lúc đó, không có cái ‘nhưng’ nào trong đầu tôi cả, tôi muốn nhà số 17 Pardoner Lane, thuần khiết và giản đơn. Tôi rất hào hứng, hào hứng hơn bất cứ lúc nào trong đời.

“Người chủ đã chấp nhận đề nghị của chúng ta,” Kit nói. Tôi cố vòng tay mình quanh cổ anh, nhưng anh bắt tôi dừng lại. “Và rồi anh rút lại,” anh nói.

“Rút lại gì cơ?” Tôi không hiểu.

“Đề nghị. Chúng ta sẽ không chuyển đi, Con. Anh xin lỗi, nhưng... chúng ta không thể.”

“Tại sao không?” Nước mắt tôi trào ra. Không. Chuyện này không thể xảy được, không phải bây giờ. “Có phải Deloitte...”

“Không liên quan đến Deloitte. Anh lo rằng nếu ta làm việc này, em sẽ... anh không biết nữa, chịu đựng một sự sụp đổ nào đó.”

“Kit, em hoàn toàn... “

“Em không hề ổn, Con. Đêm qua em hét lên trong lúc ngủ.”

“Không, không phải đâu. Lúc đó em nói gì?”

Anh tránh nhìn vào tôi. “Tóc em đang rụng và em cố giấu nó,” anh nói. “Và... anh không nghĩ chúng ta sẽ vui vẻ sau khi biết được cảm giác của bố mẹ về việc chúng ta chuyển đi. Thật là khó mà sống với suy nghĩ mình vừa làm người khác khốn khổ, nhất là khi họ lại chính là bố và mẹ em.”

“Thật là vớ vẩn!” Tôi rít vào mặt anh, vươn người về phía trước, đóng sầm cánh cửa lại để khách không nghe thấy. “Em không khiến họ khốn khổ – tự họ khiến bản thân khốn khổ bởi vì họ quá ngốc nghếch không nhận ra rằng việc con gái mình chuyển nhà đi một trăm năm mươi dặm không phải là một thảm họa khủng khiếp! Em thích họ vui lòng vì chuyện đó hơn, tất nhiên em thích như vậy rồi, nhưng không có chuyện em phải chịu trách nhiệm cho việc họ không hài lòng!”

“Anh đồng ý, em không cần chịu trách nhiệm,” Kit nói. “Anh cũng biết rằng em sẽ như thế. Em sẽ cảm thấy tệ. Nó sẽ phá hỏng mọi chuyện. Chúng ta sẽ luôn có thứ... bóng đen này lơ lửng trên đầu mình.”

Đến lúc này thì tôi khóc nức nở, kinh hoàng bởi những gì mình đang nghe, nhưng cũng lo sợ rằng đó là sự thật. Nếu tôi chuyển đi, liệu có phải sẽ luôn có một giọng nói trong đầu tôi thì thầm rằng tôi đã ruồng bỏ gia đình mình? “Anh đã nghĩ rồi,” Kit nói. “Có nhiều cách để đạt được điều chúng ta muốn mà không phải chuyển đi.”

Tôi tự hỏi có phải anh đã mất trí rồi không. Chuyển đi xa là điều chúng tôi muốn, không phải sao? Đó là điều duy nhất chúng tôi muốn: sống ở Cambridge. Làm sao chúng tôi có thể có được điều đó từ căn hộ của mình ở Rawndesley?

“Chúng ta có thể mua một ngôi nhà thay vì thuê – không phải ở Rawndesley xấu xí, mà là ở Spilling, hoặc Hamblesford, hoặc...”

“Spilling?” Tôi muốn lôi đầu anh ra khỏi cổ và đá nó sang bên kia phòng. Có phải có ai đó đã tách sọ anh ra vào buổi đêm và ăn

trộm mắt nào không? “Các bà già chơi đánh bài và tham gia câu lạc bộ Rotary sống ở Spilling! Em còn trẻ, Kit – em muốn được sống một cuộc đời đúng nghĩa ở một nơi có sự sống động ấy. Em không thể tin được anh lại đang nói chuyện này!”

Ánh mắt Kit trở nên cứng rắn. “Đâu cũng có người này người kia, Connie. Em không thể đánh đồng như vậy. Em nghĩ ở Cambridge thì không có các bà già chơi đánh bài à?”

“Đúng, có thể – giữa rất nhiều những sinh viên và... những con người thú vị khác.” Tôi biết mình nói năng nghe như một đứa nhà quê ngây ngô vậy, đó là vấn đề tôi đang cố xác định với sự thay đổi này. “Ở Cambridge, những người già cổ lỗ có thể dở đến mức nào cũng được, họ vẫn không thể làm ngọt ngào nơi ấy với sự nhàm chán của họ, bởi có một dòng chảy liên tục những con người mới mẻ, thú vị, nhờ có trường đại học. Em tưởng anh muốn em đi học lấy bằng?”

Kit im lặng, quay mặt đi. Vài giây sau, anh nói nhẹ nhàng, “Anh rất muốn em được học lấy bằng, nhưng... Chúa ơi, thật khó khăn.”

“Nhưng sao? Anh nghĩ em không đủ thông minh? Anh không nghĩ Cambridge sẽ chấp nhận em?”

Anh quay lại. “Em nghĩ là vì cái đó sao? Con, họ sẽ nhận em ngay trong vòng một nốt nhạc. Anh cũng sẽ chuyển tới Cambridge với em trong vòng một nốt nhạc nếu anh nghĩ em sẽ đủ khả năng chinh phục nó, nhưng...” anh lắc đầu.

“Đêm qua em đã nói gì?” Tôi hỏi anh.

“Gì cơ?”

“Đêm qua – anh nói rằng em la hét trong lúc ngủ. Đó là lý do khiến anh thay đổi quyết định, đúng không? Ngày hôm qua chúng ta vẫn ổn – chúng ta chuẩn bị mua số 17 Pardoner Lane, bất kể mức giá nào, trả cao hơn hẳn người mua khác kể cả khi việc đó có nghĩa là không được ăn gì khác ngoài cháo lạnh trong suốt hai năm trời. Anh nhớ không? Em đã hét cái gì trong lúc ngủ mà lại khiến anh muốn quên đi tất cả và bỏ cuộc, Kit?”

Anh ấn ấn sống mũi mình bằng ngón giữa và ngón trỏ. “Em

nói, ‘Đừng bắt em đi.’” Anh nhấn mạnh chữ ‘bắt’. Tôi hiểu tại sao, và đó là sự nhấn mạnh của anh, chứ không phải của tôi. Thấm sâu bên trong, tôi muốn ở lại, anh nghĩ, và nếu chúng tôi chuyển đi thì tôi sẽ cảm thấy buồn khổ, tôi sẽ quy trách nhiệm cho anh, bởi anh là người bắt đầu toàn bộ chuyện này, với lời đề nghị công việc quá-tốt-không-thể-từ-chối từ Deloitte. “Em cứ nhắc đi nhắc lại câu đó,” anh bảo tôi. “Em đã cầu xin anh, Connie. Mắt em mở to, nhưng em không hề phản ứng khi anh... em không nhớ sao?”

Tôi lắc đầu. Thứ gì đó trong tôi ngừng hoạt động. Kit và tiềm thức của tôi thông đồng với nhau chống lại tôi. Tôi chẳng làm được gì với sự chống đối như thế. “Thế còn Deloitte thì sao?” Tôi hỏi một cách đều đều. “Việc thăng tiến của anh.”

“Anh sẽ rời Deloitte,” Kit nói. Anh mỉm cười. “Anh đã bảo em rồi mà: anh đã suy nghĩ, điều chỉnh lại. Cả hai chúng ta đều cần phải thoát khỏi con đường mòn – chúng ta cần một thứ gì đó để hào hứng, kể cả khi điều đó không phải là Cambridge. Vậy nên chúng ta sẽ tự xây dựng việc kinh doanh riêng. Em vẫn có thể làm việc bán thời gian cho bố mẹ nếu em muốn, nhưng cơ bản là em sẽ làm việc cùng anh. Em cần phải độc lập hơn khỏi gia đình mình – ở đó tám tiếng một ngày, năm ngày một tuần là quá nhiều. Họ cần hiểu rằng em có thể làm được những việc mà từ đầu không phải do bố em, hay do bố của bố của bố em, khởi xướng nên. Việc đó sẽ giúp em hiểu được con người mình: một người phụ nữ thông minh, giỏi giang, độc lập.”

Tôi mở miệng định nói rằng anh không thể quyết định tất cả việc này mà không hỏi ý kiến tôi, nhưng anh nói quá nhanh, và đã đến đoạn mô tả phần tiếp theo trong kế hoạch của anh. “Chúng ta sẽ tìm một ngôi nhà chúng ta thích – thực sự thích, còn nhiều hơn cả số 17 Pardoner Lane. Sẽ không khó đâu. Đây là điểm mà những nơi như Spilling và Silsford hơn hẳn Cambridge – nhiều những ngôi nhà độc đáo hơn, nhiều sự đa dạng hơn. Ở Cambridge hầu như mọi nhà đều là nhà gạch xây thành dãy.”

“Em thực sự thích số 17 Pardoner Lane,” tôi vớt vát một cách vô vọng. Giờ đây, lần đầu tiên và với một sự rõ ràng đáng ngạc

nhiên, tôi nhận ra rằng đó là ngôi nhà hoàn hảo, ngôi nhà duy nhất tôi muốn, khi giờ đây tôi thấy được bảo rằng mình không thể có nó.

“Em sẽ yêu ngôi nhà mình mua ở Culver Valley, anh hứa với em,” Kit nói. “Nếu em không thích, mình sẽ không mua nó. Nhưng em sẽ thích. Và rồi, công việc kinh doanh của chúng ta sẽ nhanh chóng thành công, và chúng ta sẽ có thật nhiều tiền, và em đã có thể cho phụ huynh thấy rằng em có thể tự lo liệu cho mình, không cần đến món tiền lương gần-như-không-tồn-tại mà họ trả cho em...”

“Em tưởng mình vẫn sẽ làm việc bán thời gian cho họ,” tôi nói. Việc rời khỏi Monk & Sons nói chung sẽ làm phiền lòng mẹ không kém gì việc chuyển tới Cambridge.

“Lúc đầu là thế, nếu em muốn.” Kit gật đầu. “Nhưng một khi việc làm ăn của chúng ta bắt đầu khởi sắc, một khi chúng ta thu được kha khá lợi nhuận từ việc ấy, thật sự, sẽ thật ngớ ngẩn nếu em vẫn tiếp tục kiếm có bảy trăm bảng một tháng hoặc bao nhiêu cũng được với tư cách kế toán viên trông giữ sổ sách bán thời gian của Monk & Sons, lúc đó em chỉ cần bảo với bố mẹ rằng em có những việc quan trọng hơn phải làm – nói, ‘Con rất tiếc, bố ạ, nhưng nếu con muốn làm tình nguyện, con sẽ đi đăng ký với hội Chữ thập đỏ.’”

Tôi không thể không cười. “Vậy công việc kinh doanh đem lại lợi nhuận khổng lồ này của chúng ta sẽ là gì nào?” tôi hỏi.

“Chưa biết được,” Kit nói đầy lạc quan, nhẹ nhõm khi tôi nhìn và nói năng có vẻ vui tươi hơn. “Anh sẽ nghĩ ra một việc gì đó, và nó sẽ rất tuyệt, dù là gì đi nữa. Và, trong năm năm tới, chúng ta có thể nói về chuyện chuyển tới Cambridge một lần nữa, có thể, hoặc một nơi khác – London, Oxford, Brighton – và em sẽ nhận thấy mình sẽ không sợ hãi bằng một nửa bây giờ, bởi em đã sẵn sàng trên con đường...” anh làm điệu bộ đang bóc một thứ gì khỏi một thứ khác “...giải thoát bản thân mình.”

. . .

“Đó là lý do vì sao Melrose Cottage lại đẹp để đến vậy,” tôi nói với Sam Kombothekra, mắt anh ta giờ đã đờ đẫn đi vì lắng nghe tôi quá lâu. Lúc này, có lẽ anh ta đang rút ra kết luận rằng chẳng có người nào thần trí tỉnh táo lại vẽ ra cả một vở cải lương từ một kế hoạch chuyển tới sống ở một nơi khác đơn giản đến vậy. Thế nên tôi hẳn là điên khùng, và có khả năng là đã ảo tưởng ra người phụ nữ chết trong bể máu trên màn hình máy tính của mình. “Melrose Cottage là tên ngôi nhà của chúng tôi ở Little Holling,” tôi thêm vào, phòng khi anh ta không chú ý đến tấm bảng trên cánh cửa.

“Nó chắc chắn là cực kỳ hoàn hảo,” anh ta đồng ý.

“Nó phải là như thế. Để bù đắp cho... tất cả mọi thứ.” Đã bảy năm kể từ cuộc trò chuyện giữa Kit và tôi tại văn phòng của Monk & Sons. Anh chưa từng nhắc lại khả năng chuyển tới Cambridge hay London hay Brighton lần nào, chưa một lần. London chắc chắn là bị loại ra khỏi danh sách; giờ đây khi anh làm việc ở đó vài ngày một tuần, anh bắt đầu trở về nhà với những câu chuyện về việc thành phố đó giống địa ngục thế nào: xả rác bừa bãi, ồn ào, xám xịt. Đó là kiểu chuyện mà mẹ tôi, người chưa từng tới London, vẫn ca cẩm, nhưng nó làm tôi chán nản nhiều hơn khi nghe từ Kit, người đáng ra phải là đồng minh trong những nỗ lực vì tự do của tôi.

Giáng sinh sau khi chúng tôi chuyển tới Melrose Cottage, Kit mua cho tôi bản in Nhà nguyện King's College '4/100'. “Anh nghĩ mình nên có một bức hình để gợi nhắc chúng ta về Cambridge, vì chúng ta sẽ không sống ở đó.” Tôi không thể nhìn nhận bản in theo cách nào khác ngoài biểu tượng bại trận của tôi, và nó làm hỏng kỳ Giáng sinh của tôi. Người phụ nữ đang cười trên bậc thềm nhà nguyện dường như đang cười vào mặt tôi.

“Vào tháng Một, khi tôi tìm ra địa chỉ đó ở định vị vệ tinh của

anh ấy, tôi bắt đầu tự hỏi về... à thì, về sự thay đổi quyết định đột ngột của anh ấy,” tôi nói với Sam. “Anh ấy tỏ ra lo lắng về mức độ căng thẳng của tôi, nhưng nếu mọi thứ không phải như vậy? Nếu lý do anh muốn chuyển tới Cambridge lúc đầu là bởi anh có một người bạn gái ở đó thì sao?” Selina Gane. “Rồi họ chia tay – có một cuộc cãi vã to, cô ả bỏ anh ấy – và đó là lý do anh ấy thay đổi thái độ. Thế rồi, vào một thời điểm nào đó sau này, một trong hai người liên lạc lại với người kia và họ quay về với nhau, nhưng lần này, thay vì đề xuất với tôi rằng chúng tôi chuyển nhà, Kit có một ý tưởng hay hơn: xây dựng gia đình với cô ta ở số 11 Bentley Grove, trong khi giữ tôi ở lại Little Holling, để tránh làm vướng anh. Anh ấy rất thích Melrose Cottage – anh ấy làm chính xác những gì mình lên kế hoạch năm 2003: tìm ra một ngôi nhà anh ấy yêu thích còn hơn cả số 17 Pardoner Lane. Anh ấy sẽ không đời nào chịu từ bỏ nếu không bị bắt buộc phải làm thế. Một vài tuần trước đó, anh ấy đặt hàng một họa sĩ chân dung địa phương vẽ nó, cứ như nó là một con người hay đại loại thế.”

Không phải đó cũng là cái cảm giác của mày về nó sao?

Tôi không dám thừa nhận rằng tôi đang trên bờ vực bắt đầu ghét chính tổ ấm của mình, dù rằng nó rất xinh đẹp và chẳng làm gì sai cả.

“Kit muốn cả hai, giống như rất nhiều người đàn ông khác,” tôi nói một cách tức giận. “Hai cuộc đời. Tôi và Melrose Cottage ở một ngăn, Selina Gane và Cambridge ở một ngăn khác. Và anh ấy chẳng hề quan tâm tôi muốn gì. Tôi vẫn muốn được rời đi. Anh ấy thậm chí còn chẳng buồn hỏi tôi nữa. Anh tự cho rằng tôi đang hạnh phúc với mọi thứ, nhưng sao tôi lại hạnh phúc được?” Tôi quát lên với Sam, người mà, cũng như Melrose Cottage, chẳng làm gì sai cả.

“Chị đâu biết chắc rằng Kit có quan hệ tới Selina Gane,” anh ta nói.

“Anh cũng đâu biết chắc là không.”

Và giờ thì anh chẳng còn gì để nói, đúng không? Chẳng còn gì để nói, chẳng còn gì có thể làm, không có cách nào để biết được. Chào

mừng tới thế giới của tôi.

“Chị đã nói với Simon Waterhouse tất cả những chuyện này chưa?” Sam hỏi.

Nói chuyện với Simon dễ hơn là với Sam, dễ hơn nhiều. Tôi bắt cảm thấy mình giống đồ quái dị hơn. Simon không bị đẩy lùi trước sự lạ lùng trong câu chuyện của tôi. Sam thì lại như vậy, dù anh ta đang cố gắng hết sức để che giấu sự khó chịu của mình. Tôi có ấn tượng rằng, bằng một cách nào đó, khi tôi nói chuyện với Simon, sự lạ thường ấy lại là sân nhà của anh ta. Simon đã gật gù với những điều mà đáng lẽ đã khơi dậy sự hoài nghi của hầu hết mọi người, và có vẻ bối rối bởi những chi tiết bình thường hơn, đặt những câu hỏi không có mối liên hệ rõ ràng tới bất kỳ điều gì. Anh ta cứ liên tục hỏi tôi về bố mẹ của Kit, khi nào và tại sao anh ấy cắt đứt liên lạc với họ.

Tôi không kể cho Simon hết mọi thứ. Không muốn thừa nhận bất kỳ điều gì có thể là phạm pháp, tôi không nhắc đến thói quen rình rập của mình, những ngày thứ Sáu ở Cambridge. Tôi không nói cho anh ta là thỉnh thoảng tôi bám theo Selina Gane tới chỗ làm, đi đằng sau cô ả, hay có lần cô ả từng tấn công tôi ở khu vực tiếp tân của bệnh viện, hỏi xem liệu có phải cô ả từng nhìn thấy tôi trước đây.

“Không,” tôi nói nhanh, cảm thấy xấu hổ. “Tôi không nghĩ vậy.”

“Chị sống trên đường Bentley Grove à?” cô ả hỏi. Cô ả hẳn là đã thấy tôi ở đó, hơn một lần.

Tôi lại nói dối tiếp, vờ rằng mình có bạn bè sống ở đó.

Tôi không nói cho Simon rằng, chỉ hai tuần sau sự việc ở bệnh viện, tôi lại đụng mặt Selina một lần nữa – vô tình, trong thành phố. Tôi đã kết luận là không có chuyện gì xảy ra ở số 11 Bentley Grove hôm đó, nên tôi đi bộ vào trong thành phố để kiếm gì đó ăn. Tôi đang chuẩn bị vào quán Brown’s trên đường Trumpington thì bắt gặp cô ả đi về phía mình. Tôi biết đó là cô ả. Tôi đã đỗ xe ở phía cuối đường Bentley Grove và quan sát cô ả rời khỏi nhà sáng hôm đó, và cô ả cũng mặc bộ quần áo đó: áo

khoác bờ màu xanh lá, quần dài màu đen, boots cao cổ. Đó chính là cô ả, và cô ả chưa thấy tôi. Tôi cảm thấy tức tối một cách phi lý vì cô ả không ở Addenbrooke's, nơi mà tôi đã chắc chắn rằng cô ả tới sáng nay, nơi đáng ra cô ả phải ở đó cả ngày.

Tôi đi theo cô ả hết con phố King's Parade và vào đường Trinity. Khi cô ả bước vào một cửa hiệu quần áo, tôi loanh quanh bên ngoài. Cô ả ở trong đó cả buổi – lâu đến mức tôi bắt đầu lo rằng đôi mắt mình đã đánh lừa bản thân. Có thể tôi đã mất dấu cô ả và đang đứng ngoài cửa hiệu trong khi cô ả đã vội vàng đi đâu đó rồi, bỏ lại tôi đằng sau.

Sau khi đợi được gần một tiếng, sự nản lòng đã khiến tôi làm một việc thật ngu ngốc, đến mức giờ đây tôi vẫn khó lòng tin được mình đã làm thế. Tôi bước vào cửa hàng. Tôi đã rất chắc chắn mình sẽ không gặp cô ả trong đó, nhưng cô ả có ở đó. Cô ả và người phụ nữ đứng đằng sau quầy thu ngân nhìn chăm chăm vào tôi với cùng một cái nhìn tức giận và đắc thắng trong mắt, tôi biết ngay mà không cần ai nói rằng họ là bạn bè. “Chuyện gì đang xảy ra ở đây?” Selina Gane cất vấn. “Cô là ai, và tại sao cô đi theo tôi? Đừng nghĩ đến chuyện phủ nhận, nếu không tôi sẽ gọi cảnh sát đấy.”

Chân tôi gần như rụng rời. Tôi nhìn chăm chăm lại dữ dội vào cô ả, không biết phải nói gì. Tôi nhận thấy cô ả không đeo nhẫn cưới, điều khiến tôi cảm thấy chẳng dễ chịu chút nào.

“Khóa cửa lại đi,” cô ả bảo bạn mình. Rồi, với tôi. “Tôi sẽ có được câu trả lời từ cô – dù có phải làm gì đi nữa.”

Trước khi bạn cô ả có cơ hội rời khỏi quầy thanh toán, tôi chạy ra cửa rồi thoát ra ngoài và xé toạc con phố Trinity như một con thú bị săn lùng chạy bán sống bán chết. Tôi chạy một quãng đường cảm giác như rất nhiều dặm. Khi cuối cùng tôi cũng dám dừng và quay lại, tôi thấy rằng không có ai ở đó cả, ít nhất không ai có vẻ để tâm đến tôi, và rơi nước mắt vì nhẹ nhõm. Tôi đã thoát rồi. Cô ả không biết tôi là ai. Chỉ tới ngày hôm sau, tôi mới đột ngột nhận ra rằng mình đã có thể nói, một cách bình tĩnh, “Tên tôi là Connie Bowskill. Tôi là vợ của Kit Bowskill.” Cô ả sẽ phản ứng ra sao? Một sự khó hiểu trống rỗng,

hay sốc? Cô ả có biết Kit không? Cô ả có biết Kit có vợ rồi không?

Tôi cũng không biết được tên cô ả hôm đó. Tôi chỉ mới tìm ra sáng nay, khi Sam Kombothekra bảo tôi.

“Connie?”

“Hả?”

“Chị đã kể với Simon Waterhouse chưa?”

“Rồi,” tôi nói. “Tôi đã kể cho anh ta tất cả mọi thứ tôi vừa kể cho anh.”

“Cậu ta nói sao?” Sam hỏi.

Thứ Hai, ngày 19-07-2010

“Anh hỏi cô ta xem liệu có khả năng chính cô ta đã tự cài đặt địa chỉ ấy vào định vị vệ tinh của chồng không,” Simon kể cho Charlie. Họ đang ngồi tại chiếc bàn gỗ lớn bên cạnh bể bơi – Simon ngồi dưới tán ô còn Charlie thì dưới ánh nắng chói chang. Cô biết như vậy là có hại, nhưng cô ưa thế: cái cách ánh nắng cháy sáng trên làn da khiến cô có cảm giác như não mình đang tan chảy, và cô không có lựa chọn nào khác ngoài việc lao mình xuống bể bơi.

Trước thêm bữa trưa, chuyện không thể tưởng tượng nổi đang xảy ra: Simon lột vỏ tôm và chuyển chúng cho cô, từng con một. Đó là do cô đã khiến anh cảm thấy tội lỗi thế nào. Cô không còn thấy đói nữa, nhưng muốn anh tiếp tục bóc. Xem ra anh không bận tâm, điều đó khiến cô hơi cáu, nhưng anh mới lột được tám con này giờ và cô cho rằng mình có thể ăn đến năm mươi con, kể cả cô có phát bệnh sau đó. Cô đã tự tin rằng anh sẽ tức xì khói và chửi thề trước khi cô sẵn sàng miễn cho anh hết trách nhiệm.

“Tại sao chị ta lại tự cài đặt địa chỉ đó, rồi buộc tội chồng mình làm thế?” Cô hỏi Simon.

“Bởi cô ta thực sự tin rằng anh ta làm thế. Nếu cô ta tự xóa bỏ ký ức việc bản thân mình đã làm, và rồi tìm thấy nó ở đó – thì, hẳn là anh ta đã làm việc đó rồi, phải không? Và cô ta muốn biết tại sao. Tại sao anh ta lại cài cái địa chỉ Cambridge không biết ở đâu ra vào định vị vệ tinh là ‘Nhà’?”

“Vớ vẩn,” Charlie nói. “Không có chuyện nào con người tẩy xóa ký ức. Dù sao thì, tại sao lại là địa chỉ đó? Giả thuyết trí-nhớ-xóa-bỏ-sau-chấn-thương-tâm-lý sẽ có lý nếu địa chỉ chị ta tìm

thấy trên định vị vệ tinh là số 17 Pardoner Lane.”

“Trừ phi số 11 Bentley Grove có tầm quan trọng tương tự với cô ta,” Simon nói. “Mà có thể là thế. Nếu cô ta bị sang chấn tinh thần đủ mạnh để xóa bỏ ký ức việc đã cài đặt nó vào định vị vệ tinh, ai dám khẳng định cô ta không xóa hết tất cả những ký ức liên quan đến ngôi nhà đó? Như thế cho nên, khi thấy địa chỉ đó, nó chẳng có nghĩa lý gì với cô ta cả.”

Charlie rên rỉ. “Đây mới là chuyện đã xảy ra: người chồng, Kit, đã lập trình địa chỉ đó vào. Giải pháp đơn giản nhất, kiểu thế.”

Simon giơ một con tôm đã bóc vỏ lên và nhìn chăm chăm vào nó. “Nguyên lý Dao cạo của Occam? Đó chỉ là chuyện hoang đường,” anh nói. “Nếu em nhìn lại những năm làm việc gần đây của chúng ta...”

“Connie Bowskill không phải công việc, nên anh đừng vờ là như thế nữa,” Charlie nói. “Chị ta là sở thích điên khùng gần đây nhất của anh. Và những năm làm việc của chúng ta không tồn tại. Em rời khỏi phòng điều tra tội phạm nhiều năm rồi. Em đã có công ăn việc làm với bên cảnh sát và được trả lương đáng hoàng, bên cạnh việc làm nhà cung cấp dịch vụ kiểm tra thực tế không lương cho anh.”

“Thôi được rồi, những năm làm việc của anh,” Simon mất kiên nhẫn. “Chưa có chuyện gì đến tay anh giải quyết mà lại đơn giản dễ dàng cả. Chẳng có gì thực sự giống như vẻ ngoài của nó, chẳng có gì là dễ đoán hết.” Anh thở dài. “Có lẽ giải pháp đơn giản nhất lại là kẻ chiến thắng khi anh không xía vô, nhưng với anh thì nó chưa bao giờ đúng cả.”

“Người chồng đã từng là một sinh viên của Cambridge,” Charlie nói. “Anh ta là người gợi ý việc chuyển tới đó vào năm 2003, và địa chỉ được cài vào định vị của anh ta, trong xe của anh ta. Em sẽ nghĩ chính xác những gì Connie Bowskill đã nghĩ: rằng anh ta hẳn có một người vợ và gia đình khác ở số 11 Bentley Grove...”

“Anh ta không có,” Simon cắt lời cô. “Anh đã tới Cambridge, tới nhà đó. Chủ nhân là một người phụ nữ tên Selina Gane, một

bác sĩ. Ngoại tứ tuần, không con cái, sống một mình. Anh đã hỏi liệu cô ta có biết đến Kit Bowskill nào không. Cô ta nói cái tên đó chẳng có ý nghĩa gì với mình cả. Cô ta cũng không đeo nhẫn cưới, vậy nên...”

“Chuyện đó xảy ra lúc nào vậy?” Charlie giật lấy con tôm từ tay anh. “Anh tới thăm nhà số 11 Bentley Grove lúc nào vậy?”

“Vài tuần trước. Anh xin nghỉ vài hôm.”

“Anh bảo với em là anh đang đi mua lễ phục và giày cho đám cưới.”

“Anh cũng làm cả những việc đó nữa.”

“Ở Cambridge á?”

Anh biết anh đã bị bắt thóp rồi.

“Anh nói với em là anh đã mua cả hai thứ đó ở cửa hàng Remmick’s ở Spilling.”

“Chỉ bởi vì anh không muốn nói cho em biết rằng anh đã tới Cambridge. Em sẽ lại hỏi tại sao. Mọi chuyện sẽ lại tuôn ra, và anh không muốn cho em biết lúc đó. Anh muốn bây giờ mới nói cho em.”

“Em không đói nữa,” Charlie nói, khi anh cố đưa cho cô một con tôm nữa. “Anh giữ kín chuyện, để nói với em vào tuần trăng mật của chúng ta?”

Anh gật đầu. “Anh đã lên kế hoạch cho tất cả mọi thứ – viết địa chỉ đó vào chỗ nào đó để em thấy, phủ nhận là anh đã biết nó... mọi thứ.” Trong khoảng hai mươi giây, anh cố tỏ vẻ hối lỗi. Khi anh thấy Charlie cố nín cười, anh mỉm cười, và cô hiểu rằng anh vẫn rất hài lòng với bản thân vì đã dàn xếp sự tái thiết của mình thành công đến vậy. “Chúng ta chưa từng dành ra hai tuần ở riêng với nhau trước đây,” anh nói. “Anh sợ rằng mình sẽ hết cả chuyện để nói.”

“Tin em đi, chuyện đấy sẽ không bao giờ xảy ra đâu. Vậy, cô ta có hấp dẫn không?”

“Ai cơ? Connie Bowskill hay Selina Gane?”

“Cả hai.”

“Anh không biết nữa. Em lúc nào cũng hỏi anh như thế.”

“Không, không có,” Charlie tự động phản đối.

“Em thậm chí còn hỏi như vậy về gương mặt trên núi. Nhìn kìa.” Anh chỉ. “Em có thể thấy nó từ đây, chắc chắn thế?”

Charlie tự hỏi liệu đó có phải là trò vòng quanh luẩn quẩn khác của anh không. Có lẽ Connie Bowskill không phải tiểu thư mắc nạn duy nhất anh cần phải giải cứu ngay bây giờ. Có lẽ ở đâu đó còn có một người phụ nữ nào khác mà chồng cô ta khẳng định rằng anh ta nhìn thấy một gương mặt trên ngọn núi, thứ mà cô ta không thể nhìn ra dù cố đến đâu đi chăng nữa. Có lẽ cô ta cuối cùng sẽ chìm chết anh ta trong một cái bể bơi Tây Ban Nha.

“Selina Gane có những gì mà hầu hết đàn ông gọi là quyến rũ, anh nghĩ vậy. Tóc hoe vàng óng ả, gương mặt thanh thoát, thân hình nảy nở.”

“Nảy nở?”

“Em biết mà.” Simon dùng tay mình vẽ ra dáng người.

Charlie nheo mắt với anh. “Thường được biết đến với cái tên ‘đồng hồ cát,’” cô nói. “Cô ta ngoài bốn mươi, anh vừa nói thế phải không?”

“Khoảng tầm đó. Cô ta giàu có nữa.”

“Connie Bowskill bao nhiêu tuổi?”

“Ba mươi tư.”

“Quyến rũ chứ? Vì Chúa, Simon à, chẳng có gì đáng xấu hổ về chuyện nói rằng một người có quyến rũ hay không!”

“Mảnh khảnh, tóc màu tối. Em có thể nói rằng cô ta rất xinh.”

“Ồ, em có thể nói thế đấy, phải không nhỉ? Sao anh biết được Selina Gane giàu có?”

“Về ngoài của cô ta,” Simon nói. “Quần áo, mọi thứ. Nút đồ đồ vách, anh sẽ nói vậy.”

“Vậy thì, nếu Kit Bowskill quan hệ với cả Connie và Selina, anh ta được cả đôi đường, nhỉ? Một người tóc sẫm, một người tóc vàng; một mảnh dẻ, một đầy đặn; một người già hơn, một

trẻ hơn; một giàu, một không giàu lắm. Chắc anh ta giống như Sellers ấy – miễn là phụ nữ, thì đều là mẫu người của anh ta.”

“Anh ta không dính líu gì đến cả hai người,” Simon tiếp tục. “Anh đã nói chuyện với một vài người hàng xóm khi anh tới Bentley Grove, hỏi họ về bất kỳ người nào họ thấy đến và đi từ số 11...”

“Em đoán là anh hỏi họ với tư cách thám tử của mình, dù cho việc anh tới đó chẳng liên quan gì đến công việc?” Charlie đã xoáy, biết rằng Simon sẽ không cho phép những suy xét về mặt đạo đức cản đường mình. Anh chỉ để tâm đến kết luận của riêng mình về việc thứ gì là đúng hay sai; sự đồng thuận về quan điểm của số đông chẳng liên quan gì đến anh. Anh và Charlie giống nhau ở điểm đó; nếu đặt mình vào tình cảnh của anh, cô cũng sẽ lạm dụng quyền lực bản thân theo chính xác cùng một cách.

“Anh đã kiểm tra với Cơ quan đăng ký sở hữu đất đai rồi. Số 11 Bentley Grove được đăng ký với cái tên duy nhất là Selina Gane – không đề cập gì đến Kit Bowskill. Anh cũng cho những người hàng xóm sống ngay cạnh xem những tấm hình từ cả phía trước và sau của Bowskill mà anh lấy từ Connie. Một trong số họ nói rằng trông anh ta không quen, bà ấy chưa từng thấy anh ta trước đây. Nói với anh rằng bà ấy chỉ thấy nhiều phụ nữ khác nhau và một cặp đôi lớn tuổi viếng thăm nhà số 11. Một người hàng xóm khác, một ông già lưng còng trông cỡ hai trăm tuổi và có cái tên dài dòng nhất anh từng nghe – Hiệp sĩ Giáo sư Basil Lambert-Wall – ông ta nói tương tự về những người đến thăm nhà: rất nhiều phụ nữ, một cặp đôi ông ta miêu tả là trung tuổi, nhưng anh nghĩ những người đó và cặp đôi lớn tuổi mà người hàng xóm kia kể là một – bố mẹ của Selina Gane, có lẽ thế. Lambert-Wall có nhìn qua bức hình của Kit Bowskill và bảo, ‘Tất nhiên là tôi nhận ra anh ta. Anh ta đã lắp đặt chuông chống trộm mới cho tôi.’”

“Bệnh Alzheimer sao?” Charlie hỏi.

“Anh không nghĩ thế,” Simon nói. “Tâm trí ông ta có vẻ sắc sảo như người mới đôi mươi vậy, dù ông ta phải vịn vào cây gậy chống to gấp hai lần người mình. Anh không muốn bỏ qua điều

ông ta cho anh biết chỉ vì ông ta trông quá già nua, nên anh đã xuống cửa hàng Chuông báo động an toàn ở Trumpington...”

“Nơi mà người ta chưa từng nhìn hay nghe thấy gì về Kit Bowskill trước đây cả,” Charlie kết luận.

“Đúng, họ chưa từng.”

“Vậy là ông già đã nhầm lẫn.”

“Ông ta có vẻ chắc chắn lắm,” Simon nói một cách ương bướng. Anh thở dài. “Em nói đúng. Dù cái tên của ông ta rất hoành tráng, ông ta hẳn đã nhầm rồi. Kit Bowskill sẽ làm gì với cái việc lắp đặt chuông báo động cơ chứ?”

“Nếu em cũng điên khùng như anh, em sẽ nói rằng anh ta đang sống hai cuộc đời cùng một lúc, với mỗi bên là một người vợ và một gia đình, rồi mỗi bên là một công việc khác nhau – hệ thống dữ liệu gì gì đó ở Silsford, người lắp đặt hệ thống báo động ở Cambridge. Có thể tồn tại một nét văn hóa chống cảnh sát sâu sắc ở cửa hàng Báo động an toàn, cho nên họ tự động phủ nhận tất cả mọi thứ khi cảnh sát xuất hiện.” Trông thấy Simon cau mặt lo lắng, Charlie vỗ vào cánh tay anh. “Em đùa đấy. Em hy vọng anh đã nói với Connie Bowskill rằng chồng chị ta trong sạch.”

“Chưa đâu. Anh không muốn làm cô ta hy vọng. Chỉ bởi vì không ai trong số những người hàng xóm từng nhìn thấy anh ta ở ngôi nhà đó không có nghĩa anh ta chưa từng tới đó. Biết đâu anh ta và Selina Gane rất cẩn thận. Không.” Simon thường làm như vậy khi anh đang trong chế độ bị ám ảnh: bày tỏ thành lời sự không tán thành với chính mình. “Họ không có quan hệ tình cảm. Không thể được. Vậy thì anh ta làm cái gì mà lại cài đặt địa chỉ nhà cô ta vào định vị là ‘Nhà’?”

“Sao họ lại không thể có quan hệ tình cảm với nhau?” Charlie hỏi.

Cô quan sát khi Simon nhận ra mình vừa nói gì, rằng anh đã nói năng có chút quá chắc chắn. Trông anh có vẻ bế tắc.

“Em xin lỗi, anh không muốn kể cho em toàn bộ câu chuyện ngay bây giờ ư?” Cô hỏi. “Anh định để dành câu mẩu chốt cho

tuần thứ hai ư?”

“Có điều này rất lạ khi anh nói chuyện với Selina Gane,” Simon nói.

“Thậm chí còn lạ lùng hơn, ý anh là vậy. Mọi chuyện vốn đã lạ sẵn rồi.”

“Anh cho cô ta xem bức hình, và không nhận được phản ứng gì cả. Cô ta không giỏi nói dối – anh nhận ra điều đó mười giây sau đấy – cho nên anh khá chắc việc không phản ứng của cô ta là thật. Gương mặt Kit Bowskill không có nghĩa lý gì với cô ta cả. Rồi anh bỏ tấm hình đi và hỏi cô ta có biết cái tên không. ‘Không.’ Cô ta nói. ‘Cô ta là ai? Tôi chưa từng nghe tên cô ta cả.’”

“Khá dễ hiểu.” Charlie ngập dài. “Kit có thể là tên một người phụ nữ cũng có thể là đàn ông.” Cái nóng đang gây ảnh hưởng như thuốc an thần lên cô. Làm sao người ta có thể làm việc trong cái khí hậu này được? Nếu mình mà sống ở Tây Ban Nha, mình sẽ thành một con mèo mất, cô nghĩ.

“Khi anh trả lời Selina Gane rằng Kit Bowskill là một người đàn ông, có cái gì đó thay đổi trên gương mặt cô ta,” Simon nói.

Charlie không nhìn được. “Anh có thấy một ngọn núi trên đó không?”

“Cô ta rất ngạc nhiên – thậm chí là bị sốc. Có một thứ... anh không biết miêu tả nó như thế nào – bùng nổ trong đôi mắt cô ta là thứ cảm xúc ‘Không, không thể như vậy được’. Anh quan sát cô ta điều chỉnh lại những phỏng đoán của mình. Khi anh hỏi về nó, cô ta ngậm tã, nhưng càng cố giấu thì cô ta càng lộ ra bản thân đang nói dối rõ ràng hơn.”

“Chuyện đó đúng là lạ lùng,” Charlie đồng ý. “Vậy thì...” Trong một giây, cô không thể nào hiểu được điều đó. Không ai lại phải suy nghĩ khổ sở như thế vào kỳ nghỉ. “Cô ta không biết mặt anh ta, còn không biết tên anh ta. Vậy thì...” Cuối cùng, bộ não bị nắng mặt trời làm cho kiệt quệ của cô bật ra câu hỏi mà nó đã mò mẫm từ nãy tới giờ. “Vậy thì tại sao cô ta lại chắc chắn đến thế rằng Kit Bowskill là một người phụ nữ?”

. . .

Khi Sam quay lại phòng Điều tra tội phạm của mình, không có dấu hiệu nào của Sellers hay Gibbs ở đó. Proust cũng không có ở văn phòng.

Sam kiểm tra email của mình. Anh có bảy thư mới, năm trong số đó trông như có thể lờ đi mà không gặp vấn đề gì, hai cái còn lại là từ thanh tra Ian Grint và Olivia Zailer, chị gái của Charlie. Sam mở thư từ Grint, người đã cố và thất bại trong việc liên lạc với anh. Sam không chắc anh còn năng lượng để gọi lại cho anh ta sau buổi làm việc kiệt sức với Connie Bowskill, anh cảm thấy mình như một bác sĩ tâm thần không được trả lương – một cuộc gặp như vậy nữa và chính anh sẽ phải đi gặp bác sĩ tâm thần. Grint có lẽ đã gọi để thông báo số điện thoại hiện thời của nhà Beater, đôi vợ chồng từng sở hữu số 11 Bentley Grove trước Selina Gane, Sam đã có lúc yêu cầu nó, nghĩ rằng mình có thể hỏi họ về vết ố của cây thông Giáng sinh trên tấm thảm. Anh tự mỉm cười với mình. Chắc Grint nghĩ anh điên thật rồi, Sam sẽ không trách cứ gì nếu anh ta nghĩ thế.

Email từ Olivia chứa đựng một chuỗi những chỉ dẫn khó hiểu, phủ định hai lần và những lời buộc tội không cụ thể úp úp mở mở – “Tôi không nói rằng anh nên hay không nên...”, “xin đừng, hay đúng hơn, chỉ làm nếu anh cảm thấy bắt buộc phải...”, “sau khi tôi đã xem xét lại, tôi quyết định rằng tôi chỉ là không thể không cho anh số...”, “rõ ràng là sẽ không một ai khác có ý định cho anh biết...” – và cung cấp cho Sam một phương tiện để liên lạc với Simon, điều đã đặt anh vào một tình thế mà anh sẵn sàng đánh đổi bất kỳ điều gì để không bị rơi vào. Không thể tha thứ cho việc làm phiền ai đó đang trong tuần trăng mật, dù chỉ bằng một cuộc điện thoại chóng vánh. Cuộc gọi mà, Sam phải thừa nhận, sẽ không thể ngắn gọn cho nổi. Có quá nhiều điều anh muốn hỏi Simon hay kể cho cậu ta, anh không chắc mình biết nên bắt đầu từ đâu. Tuần trăng mật sẽ kết thúc ngay

khi anh kéo cậu ta vào, và Charlie sẽ hành quân vào phòng điều tra tội phạm để đập cho Sam bất tỉnh nhân sự bằng một cái va li nặng chịch.

Điện thoại trên bàn anh bắt đầu đổ chuông. Sam cầu nguyện đó sẽ là Simon, buồn chán, giết thời gian trong khi Charlie ngủ trưa, gọi với hy vọng được nói chuyện lâu lâu.

Đó là Ian Grint. Anh ta đi thẳng vào vấn đề mà không rào đón trước sau. “Xem ra cô nàng của anh đang nói thật. Tôi vừa có một người phụ nữ xuất hiện sáng nay, nhìn thấy chính xác cùng một thứ. Anh có tin vào thần giao cách cảm không? Tôi chưa từng, nhưng chắc phải bắt đầu tin.”

“Đó là...” Cái gì thế? Sam không biết. Anh không chắc mình đã kỳ vọng chuyện gì sẽ xảy ra, nhưng chắc chắn không phải là chuyện này.

“Cùng một mô tả,” Grint nói. “Về người phụ nữ và căn phòng. Bản đồ được đóng khung, bàn cà phê, các tác phẩm. Người phụ nữ: thanh mảnh, nhỏ nhắn, váy họa tiết xanh lá và tím nhạt, mái tóc tối màu rũ rượi trải rộng, một bể máu lớn, tối màu hơn ở gần bụng. Thời điểm cũng trùng khớp nữa. Họ hẳn là đã nhấp nút xem tour ảo cách nhau vài giây. Có thể là hai người duy nhất trong cả nước làm việc đó, vì đó là hơn một giờ sáng.”

“Có thể không phải,” Sam nói. “Có thể những người khác đang trên đường tìm tới anh – hoặc không, bởi họ không biết chắc phải chứng minh việc họ đã thấy như thế nào.”

“Nó biến mất khỏi trang web gần như ngay sau khi hai người được biết nhìn thấy, không nghi ngờ gì cả,” Grint nói. “Jackie Napier – người phụ nữ ở đây – nói rằng cô ta đã tắt tour đi, rồi khởi động nó lại một lần nữa và cái xác không còn ở đấy. Đó chính xác là chuyện đã xảy ra với Bà Bowskill của anh đúng không?”

“Đúng vậy,” Sam nói với anh ta.

“Anh và cô ta có thể xuống đây sớm nhất là khi nào?” Grint hỏi.

“Tôi và... tôi và Connie Bowskill?” Anh mới thoát khỏi cơn

kích động gần như không kiểm soát nỗi của chị ta chưa đầy năm phút trước, và không hề mong muốn tìm gặp chị ta trong tương lai gần. Chị ta vừa gọi một chiếc taxi đến đón mình, bởi anh chồng đã lấy xe và bỏ lại chị ta không một phương tiện gì đi lại. Bây giờ chị ta có lẽ đã đi xa rồi. Nghĩ đến chuyện bỏ lại mọi thứ và đi tới Cambridge, Sam có thể tưởng tượng ra phản ứng của Proust. “Tôi không chắc mình có thể.”

“Ồ, anh có thể đấy, tin tôi đi.” Tiếng cười gằn của Grint cho thấy rõ ràng anh ta không lấy gì làm hài lòng. Sam nghe được sự nghiêm túc ẩn giấu, dấu hiệu của sự đe dọa. “Còn có vài chi tiết khác nữa, và tôi không thể nói qua điện thoại – anh cần trực tiếp nghe nó. Chúng ta đang có một mớ hỗn độn trong tay, những thứ anh chưa từng thấy trước đây. Tôi biết tôi cũng chưa từng thấy. Tôi cần cả hai người có mặt ở đây, anh và cô ta.”

Một vài giây sau, Sam gấp gấp chạy dọc hành lang, phòng trường hợp Connie Bowskill còn đang ở khu đỗ xe đợi chiếc taxi vẫn chưa tới.

TANG VẬT SỐ: CB13345/432/23IG

Gửi Elise, Donal, Riordan và Tilly

Chỉ là một lời nhắn ngắn gọn, rất muộn màng, để bày tỏ sự biết ơn VÔ CÙNG vì cuối tuần tuyệt vời! Đó chính là điều mà chúng mình cần sau một vài tháng căng thẳng như địa ngục – một liều thuốc bổ thực sự! Từng góc ngách Cambridge đều đẹp đúng như các cậu đã mô tả, chúng mình rất nóng lòng được tới thăm và ở lại một lần nữa! Trên đường về, chúng mình đã hỏi bọn trẻ điều chúng thích nhất trong kỳ nghỉ cuối tuần và chúng trả lời, ‘Tất cả mọi thứ’ – cũng là câu nói tổng kết lại cảm nhận của chúng mình. Chuyến đi thuyền dọc con sông thật tuyệt đỉnh: những tòa nhà trường đại học tuyệt đẹp, mặt trời... Ồ, tiện đây, chúng mình nghĩ đã giải mã được bí ẩn của chiếc thuyền chúng ta đứng phải dưới cây cầu: ‘Bước Tới Thiên Đường’. Một người bạn của chúng mình tại đây là sinh viên trường đại học Trinity, và anh ấy nói họ có những chiếc thuyền riêng, và mỗi cái được đặt tên theo một thứ gì đó thuộc về một bộ ba – có một bài hát tên là ‘Ba Bước Tới Thiên Đường’, đúng không nào? Gene Vincent, hay là Eddie Cochrane hát nhỉ? Dù sao thì, chúng mình cũng đang cố gắng tìm hiểu xem những chiếc thuyền khác của Trinity sẽ được gọi là gì: Người Lính Ngự Lâm? Chú Chuột Mù? Nhà Thông Thái? Cho chúng mình biết nếu các cậu thấy bất kỳ cái thuyền nào trong số đó ở sông Cam (hoặc ở sông Granta, hoặc bất cứ nơi nào nữa!).

Nhà các cậu đẹp đến ngỡ ngàng – chúng mình rất ghen tị! Có cảm giác thoải mái như ở nhà chưa, hay các cậu vẫn cảm thấy như đang chơi đồ hàng? Mình nhớ các cậu cũng đã nói

như vậy về chỗ cũ, và cảm thấy như thế ai đó có thể giành mất chỗ đấy khi các cậu không để ý! Thư giãn đi, nó là nhà của các cậu mà! Trong khi đấy, mình ước ai đó sẽ đến giật mất cái lều rách nát của mình đi cho rồi – tiện thể cả cái trần nhà bị dột luôn! Dù sao thì, cảm ơn các cậu lần nữa vì đã khiến cho gia đình mình cảm thấy được chào đón đến thế!

Leigh, Jules, Hamish và Ava

Tái bút: Jules khẳng khẳng rằng một trong những chiếc thuyền của Trinity phải là ‘Con Sư Tử Trên Áo Phong’, nhưng mình cho rằng như thế thì hơi quá!

Thứ Hai, ngày 19-07-2010

Tôi bước ra ngoài cái nóng, dừng lại khi cơn choáng váng xâm chiếm. Tôi nhắm mắt lại và dựa vào bức tường của đồn cảnh sát, chống mình lên để đảm bảo bản thân không ngã vật xuống đất. Một chiếc xe ré còi. Tôi không thể biết nó ở cách bao xa. Có lẽ là chiếc taxi của tôi. Tôi nên nhìn xem, nhưng tôi biết rằng tốt hơn là không mạo hiểm khi tâm trí tôi đang vỡ ra thành từng mảnh xám xịt lờ mờ. Tôi sẽ không mở mắt cho tới khi mình chắc chắn rằng thế giới trông sẽ bình thường trở lại. Điều tồi tệ nhất ở những cơn choáng váng này là sự méo mó thị giác. Nếu tôi cứ mở mắt ra, nó sẽ rất khủng khiếp – cảm giác như rơi xuống sâu hơn và sâu hơn vào trong đầu mình, bị một dòng chảy bên trong kéo đi khỏi đôi mắt mình, thứ vẫn cố định một chỗ trong khi tôi tuột dần vào thẳm sâu bên trong.

“Connie!” Chiếc xe lại bấm còi một lần nữa. Tôi nhận ra giọng nói, nhưng không thể nhận dạng người nói. Tôi vẫn đang dựa vào tường với đôi mắt nhắm nghiền thì cảm thấy một bàn tay đặt trên cánh tay mình. “Connie, chị có ổn không?”

Em gái tôi. Fran.

“Chỉ hơi váng vất tí thôi,” tôi cố nói. “Chị sẽ ổn ngay đây. Em đang làm gì ở đây? Sao em biết được...?”

“Em gọi cho Kit khi điện thoại của chị để chế độ tin nhắn thoại. Anh ấy bảo em là chị cần người chở về nhà.”

Bởi vì chị làm anh ấy tức giận, và anh ấy bỏ chị mắc kẹt ở đây.

“Em sẽ không đưa chị về nhà ngay đâu. Lên xe đi.”

Không đưa mình về nhà? Vậy thì đâu mới được? Tôi mở mắt. Một nửa chiếc Range Rover của Fran đậu trong chỗ để xe dành cho người tàn tật nằm gần tòa nhà nhất. Cánh cửa ghế lái và ghế

phụ đang để mở. Nó làm tôi nghĩ đến một bộ phim mình đã xem khi còn bé về một chiếc xe thần kỳ có thể bay: những cánh cửa của nó là đôi cánh.

Fran đang mặc chiếc quần bò mài và áo bóng bầu dục sọc cam và trắng mà tôi coi là đồng phục mặc khi không làm việc của em ấy. Đôi khi, lúc tôi ở nhà em ấy và thấy chúng được phơi trên giá quần áo, tôi nghĩ đến chuyện trộm chúng và vứt đi, dù không thực sự có gì là sai với mấy cái áo đó cả.

“Chị đã gọi taxi rồi,” tôi nói. “Chị nên đợi.”

“Quên cái taxi đi. Em đã gọi cho Diane để nhờ làm thay em vào ngày nghỉ của cô ấy bởi vì em cần nói chuyện với chị – ngay bây giờ. Dù thích hay không, chị vẫn phải đi với em.”

“Đi đâu?”

“Phòng trà ở Silsford Castle. Chúng ta sẽ uống trà và nói chuyện.” Fran nói với chất giọng quyết tâm không lay chuyển được. Không có bất kỳ dấu hiệu nào trong tông giọng em ấy cho thấy cuộc nói chuyện sắp tới sẽ vui vẻ.

Tôi để mặc em ấy đẩy mình vào xe. Nó có mùi pha trộn giữa khoai tây chiên và khăn ướt trẻ em hương lô hội của hãng Johnson, loại mà em ấy luôn luôn dùng, dù cho Benji đã năm tuổi và hiện giờ không có em bé nào trong họ hàng. Tôi nhận thấy mình chẳng có quyền gì để cảm thấy khó chịu về việc này. Fran vào ghế lái, quăng túi của em ấy vào lòng tôi và phóng đi, không buồn thắt dây an toàn.

“Sao lại là Silsford Castle?” tôi hỏi. “Sao không phải là chỗ nào đó trên đường về nhà?”

“Nhà ư? Nó nằm ở chỗ nào vậy?” Fran quay ra nhìn vào tôi, để kiểm tra xem những lời nói của em có làm tôi bị sốc theo ý em ấy đã định hay không.

“Cái gì?” Tôi quát. Một cơn đau nhói của nỗi sợ hãi làm dây thần kinh tôi xoắn cả lại. “Ý em là gì?”

Em ấy lắc đầu như thể muốn nói ‘thôi quên đi’. “Điện thoại của chị đã tắt chưa?” em hỏi.

“Không. Chị bật nó lên khi chị...”

“Tắt nó đi. Đừng hỏi tại sao, cứ làm đi. Em không muốn bị bắt cứ ai xen vào.”

Tôi làm theo mệnh lệnh, nhận thức rằng có lẽ tôi nên phản đối, đó hẳn là phản ứng của hầu hết mọi người. Liệu nó có nói lên điều gì tệ hại về tôi, về việc tôi lại thấy dễ chịu khi được ra lệnh phải làm gì, để khỏi phải tự mình suy nghĩ?

Tại sao Fran hỏi tôi nhà ở đâu?

“Chỉ cần quay lại chỗ bác sĩ,” em nói khi chúng tôi bỏ lại trung tâm Spilling đằng sau.

“Để làm gì cơ chứ? Ông ta chẳng thấy điều gì bất thường ở chị cả.”

“Ông ta hẳn là không xem xét đủ kỹ,” em làu bàu.

Chúng tôi đi hết quãng đường còn lại trong im lặng. Khi Fran đỗ vào một trong năm chỗ đỗ xe dành cho người tàn tật trái đá cuội bên ngoài Silsford Castle, tôi không thể ngăn mình nói, “Em không được phép đỗ xe ở đây.”

“Em không quan tâm đến chuyện được phép. Và về mặt đạo đức thì em vẫn thấy ổn bởi vì em đi cùng với chị,” em nói. “Nếu đi bộ ra ngoài đồn cảnh sát và gần như gục ngã chẳng vì lý do gì không được tính là khuyết tật, thì em không biết thế nào mới được tính nữa.”

Tôi ghét con bé vì đã nói như thế, vì khiến tôi hoảng sợ về điều sẽ xảy ra khi tôi ra khỏi chiếc Range Rover. Liệu cơn choáng váng có tấn công lần nữa không? Nếu như tôi không có đủ thời gian để kiểm tra thứ gì tôi có thể dựa vào được?

Fran không hề hỏi tôi tình hình với cảnh sát như thế nào. Em ấy hẳn phải biết tại sao tôi ở đó.

Tôi không bị sao cả khi ra khỏi xe và hòa vào buổi chiều. Vậy nên không thể là vì đi từ trong nhà ra ngoài khiến tôi choáng váng được, và cũng không thể bởi phải đứng lên sau khi ngồi một lúc. Tất cả những gì tôi biết được, sau nhiều tháng theo dõi bản thân, là cơn xây xẩm bất cứ lúc nào, trong bất kỳ tình huống nào – không có cách nào dự đoán được nó. Hoặc né tránh nó.

Phòng trà ở Silsford Castle có mùi quế, bánh quy gừng và hoa hồng, vẫn như khi tôi còn bé. Tạp dề của những người phục vụ bàn cũng không thay đổi – chúng vẫn có màu lam nhạt, điểm xếp nếp, điểm chấm những bông hồng nhỏ xíu. Không cần hỏi xem tôi dùng gì, Fran gọi hai ly trà Earl Grey oải hương và đi về phía chiếc bàn tròn cạnh cửa sổ – chiếc bàn mà mẹ luôn đi thẳng tới mỗi khi bà mang chúng tôi tới đây lúc còn nhỏ, để dành cho chúng tôi cái bà gọi là ‘thết đãi cuối tuần’, sau chuyến đi sáng thứ Bảy tới thư viện.

Được rồi, nào, các cô gái – chúng ta sẽ đi lấy sách ở thư viện và đọc một cuốn trong khi nhà mình ăn bánh mềm sô-cô-la nhé?

“Sao chị lại ở đây?” Tôi hỏi Fran.

Em ấy nheo nheo mắt lại, nhìn chòng chọc vào tôi. “Có phải là Benji không?” em nói. “Hẳn rồi.”

“Có phải cái gì Benji cơ?”

“Lý do chị khó chịu với em.”

“Chị không có.”

“Nếu chị không muốn trông trẻ mỗi tối thứ Ba, chị không cần phải làm – chỉ cần nói ra thôi. Nói ra sự thật, Anton và em cũng không thoải mái với việc đó y như chị vậy. Nó giống như kiểu chị làm thay ca việc trông con trai chúng em. Thường thì cả ba người bọn em muốn tự tập làm một việc gì đấy vào một ngày thứ Ba nào đó và chúng em không thể – mọi thứ đã được khắc sâu rằng chị phải trông Benji, hoặc đôi khi em có cảm giác như vậy.” Fran thở dài. “Quá nhiều lần em đã suýt gọi chị và hỏi xem liệu có ổn không nếu chúng em trông con chỉ một lần này thôi, và em lại nhát chết không dám làm, sợ rằng chị có thể cảm thấy phật ý. Thật nực cười. Tại sao em lại sợ phải thành thật với chị cơ chứ? Ngày xưa em đâu có như vậy.” Tôi không chắc liệu em đang tức giận với chính bản thân mình, hay là với tôi.

Thay ca trông con trai chúng em. Em ấy không tự nghĩ ra cụm từ đó hôm nay. Em và Anton đã nói xấu về tôi và Kit – có lẽ cũng nhiều như chúng tôi nói xấu về hai đứa.

Chính mẹ là người đã nói, sau lần đầu tiên tôi trông Benji, ‘Có

lẽ việc này có thể diễn ra thường xuyên. Con và Kit giữ thẳng bé mỗi tối thứ Ba, qua đêm – cho Fran và Anton được nghỉ ngơi, và cho các con cơ hội được thấu hiểu thẳng bé, đấy là còn chưa kể đến chuyện luyện tập một chút trước khi hai đứa có con của riêng mình.’ Chẳng quan trọng Fran hay tôi nghĩ gì, mẹ muốn chuyện diễn ra, thì chuyện diễn ra.

Đây không thể là lý do Fran đưa tôi tới đây, để nói về chuyện trông cháu. “Chị không quan tâm,” tôi bảo em. “Chị rất vui lòng được trông Benji mỗi thứ Ba, hoặc vài ngày thứ Ba, hoặc chẳng thứ Ba nào hết – em muốn sao cũng được. Em và Anton quyết định.”

Fran lắc đầu, như thể đáng ra có một điều đúng đắn để nói và điều tôi vừa nói thì lại không phải. Đôi khi tôi cảm thấy như thế, càng lúc càng rõ rệt hơn, tôi đang nói một ngôn ngữ khác với những người còn lại trong gia đình, phiên dịch theo cách nào cũng nhỏ thêm một giọt gây hấn, tráng thêm một lớp xúc phạm, thứ vốn không có trong câu nói ngay từ đầu.

“Ngôi nhà ở Cambridge, số 11 Bentley Grove đó – không phải chị định mua nó đâu, đúng không?”

Tại sao giọng điệu em ấy nghe có vẻ hân hoan chiến thắng, như thể vừa nắm thóp tôi? Tôi mở miệng định nhắc cho em ấy nhớ rằng mình không thể chi trả được một ngôi nhà 1,2-triệu-bảng, nhưng em át lời tôi: “Chị đang bán nó.”

“Cái gì cơ?”

“Thôi nào, Connie, đừng có quanh co với em nữa. Đó là nhà của chị. Chị sở hữu nó, chị và Kit. Anh chị là những người đã rao bán nó.”

Đây hẳn phải là một trong những điều phi lý nhất từng được nói với tôi từ khi cha sinh mẹ đẻ tới giờ. Nó gần như đã làm tôi vui lên. Tôi bắt đầu cười, và rồi dừng lại khi thấy người phục vụ hướng về phía chúng tôi với chiếc xe đẩy. Khi bà dọn ra đĩa lót, tách, thìa, ấm trà, bình đựng sữa và đường, tôi có thể cảm nhận được sự sốt ruột của Fran tỏa ra từ bên kia bàn, em muốn một câu trả lời.

“Sao nào?” em nói, ngay khi người phục vụ rời đi.

“Đấy là điều điên rồ nhất chị từng được nghe. Em lấy cái ý tưởng ấy ở đâu ra vậy?”

“Đừng có nói dối em, Con. Em không biết việc một người phụ nữ nằm chết sấp mặt trên vũng máu liên quan đến câu chuyện kiểu gì – em chẳng tin là chị lại không dựng chuyện lên, dù em không hiểu tại sao chị lại...”

“Em im đi và nghe chị nói được không?” Tôi nạt. “Chị không bịa ra bất cứ chuyện gì hết – chị thấy thú chị bảo với em là mình thấy. Em nghĩ đấy là ý tưởng về trò vui của chị à, dành cả buổi sáng ở đồn cảnh sát chẳng vì lý do gì? Chị không quan tâm em có tin chị hay không – đó là sự thật. Chị không sở hữu số 11 Bentley Grove. Một bác sĩ tên là Selina Gane sở hữu nó. Đi mà hỏi cảnh sát nếu em không tin chị.”

“Thế tại sao chị lại tìm xem nó trên Roundthehouses vào nửa đêm nửa hôm, nếu chị không sở hữu nó và cũng không đủ khả năng mua nó?” Fran hỏi. “Đừng giả vờ là chị chỉ lướt web chơi. Có một liên kết nào đó giữa ngôi nhà đó với chị và Kit.”

“Sao em biết được?” Chết tiệt. Tôi vừa thừa nhận là em ấy đúng à? Em ấy có vẻ cũng nghĩ thế, không thể không nhận ra tia sáng khả hoàn trong ánh mắt em ấy. Sao tôi không phải kẻ nói dối trơn tru hơn kia chứ? “Đột nhiên, chị lại quan tâm đến số 11 Bentley Grove,” tôi nói một cách cay đắng. Cảm thấy tức giận với Fran dễ hơn là với chính mình. “Vào hôm thứ Bảy em còn chả thèm quan tâm cái quái gì. Chị hỏi em liệu em có nghĩ chị tưởng tượng ra những gì mình thấy không – em có nhớ mình đã nói gì không? ‘Em không biết. Không nhất thiết. Có lẽ thế.’ Là như thế đấy – toàn bộ phản ứng của em, trước khi em hướng sự chú ý trở lại vào bữa tối của Benji.”

Fran rót đầy tách trà của cả hai chúng tôi. Tôi đợi em ấy tự bào chữa cho mình nhưng tất cả những gì em ấy làm là nhún vai. “Lúc đó em nên nói gì đây? Em còn không biết mình nghĩ gì – làm sao em có thể biết được liệu có thật là chị thấy xác một người phụ nữ nào đó trên Roundthehouses hay không? Mẹ và bố đều bắt đầu câu chuyện theo cách khác nhau – em thấy là chị có

đủ thứ từ họ để đối mặt rồi, nên em lùi lại đằng sau.” Em đặt bình trà xuống và nhìn tôi. “Ngay khi em cho Benji đi ngủ xong hôm đó, em tự mình đăng nhập vào trang Roundthehouses. Trong khi chị đang ngộp thở vì sự thiếu quan tâm của em và chắc chắn là kẻ xấu em với Kit rồi, em ngồi nhìn những bức hình số 11 Bentley Grove. Em chẳng làm gì khác suốt cả buổi tối, dù cho những bức hình chẳng có gì thay đổi. Đây là mức độ không quan tâm của em đấy.”

Điều gì đó khiến em kết nối giữa ngôi nhà với tôi và Kit. Tôi phải cố gắng mới nuốt trôi được trà trong miệng. “Em đã thấy gì rồi?” Tôi hỏi, giọng lạc đi. “Kể cho chị nghe.” Tại sao tôi lại không thấy nó, dù nó là gì đi nữa? Tôi đã dành nhiều tiếng đồng hồ quan sát.

“Chị thật thảm hại, Connie,” Fran nói một cách thẳng thừng, lời đi câu hỏi của tôi. “Chị ngồi đó và chỉ nghĩ những chuyện tồi tệ nhất về người khác, áp ủ ác cảm và sự oán giận, thối phồng những chuyện ngu ngốc thành những vấn đề khổng lồ, bám dính lấy nó không chịu rời, quyết tâm không nói một lời về những điều đang làm phiền lòng chị để không ai có cơ hội giải thích rằng mọi người không đến nỗi tệ như chị quyết là vậy.”

“Em đã thấy gì, Fran?”

“Chị rùng mình mỗi khi mẹ mở miệng, cứ như thể mẹ là ác quỷ đeo găng tay lò nướng. Đúng, bà có thể khó chịu, nhưng chị nên làm điều em vẫn làm: bảo với bà hãy kiềm chế cảm xúc của mình đi và rồi tiến về phía trước, quên mọi chuyện đi. Tương tự với bố. Bảo tất cả nhà mình rút đi nếu chị muốn, nhưng hãy thẳng thắn về điều đó, vì Chúa.”

Fran rất thông minh. Em ấy khiến mọi thứ nghe thật dễ kiểm soát và bình thường. Lắng nghe lời em ấy nói, tôi gần như bắt đầu tin rằng gia đình Monk là một tổ chức hoàn toàn vô hại, rằng các thành viên của tổ chức này được phép rời khỏi Little Holling theo cách họ muốn và vào lúc họ thích, và sẽ không phải chịu bất cứ một tác dụng phụ nào khi lựa chọn theo đuổi thứ tự do ấy.

“Nói cho chị nghe em đã thấy gì,” tôi hỏi một lần nữa.

“Chị nói cho em trước,” Fran nói, vươn người về phía tôi qua bàn. “Tất cả mọi thứ. Số 11 Bentley Grove – có chuyện gì thế? Chết tiệt, Con, chúng ta là chị em hay người dưng nước lã? Cho em biết, bởi em có thể là một trong hai điều đó. Đây là lựa chọn của chị.”

“Phải. Đúng là như thế, nhỉ?” Em ấy mong tôi từ chối. Tôi sẽ làm em ấy ngạc nhiên. Em ấy đòi hỏi được biết mọi thứ, vậy thì tất cả mọi thứ là điều tôi sẽ cho em ấy: không chỉ những sự thật trần trụi, những hoán đổi của khả năng, tất cả những cách tôi đã dùng để thay đổi suy nghĩ rồi lại đổi về như cũ, đôi khi mười hoặc mười hai lần một ngày. Khi tôi nói chuyện, tôi bắt đầu cảm thấy thích thú. Tôi biết từ chính kinh nghiệm bản thân trong suốt sáu tháng khốn khổ vừa qua rằng câu chuyện tôi đang kể không đem lại sự thỏa mãn hay cái gì cũng được, chỉ là một chuỗi những vấn đề không thể giải quyết. Cứ để Fran bối rối như tôi, để em ấy bị cuốn vào cơn ác mộng không bao giờ chấm dứt. Tôi tự hỏi liệu em ấy có thể cảm thấy sự thỏa thuê ác trong giọng nói của tôi trong lúc tôi đảm bảo rằng mình không bỏ qua một chi tiết nhỏ nào.

Khi tôi cuối cùng cũng kết thúc, trông em không có vẻ bối rối như tôi hy vọng. Em trông chẳng có vẻ gì ngạc nhiên, hay bị sốc. “Vậy chị đã gọi cho ông ta chưa?” em hỏi.

“Ai cơ?”

“Stephen Gilligan – cái người SG mà Kit có cuộc hẹn gặp vào ngày 13 tháng Năm. Chị đã gọi cho thư ký của ông ta, Joanne gì gì đó?”

“Joanne Biss. Chưa. Chị định gọi, lúc ngồi taxi trên đường về nhà, nhưng rồi em xuất hiện, và chị...”

Fran không thèm nghe nốt. Em đã lấy điện thoại ra, và chưa gì đã hỏi số điện thoại của văn phòng của Ngân hàng Liên Minh tư bản London tại Canary Wharf. Tôi nhắm mắt lại và chờ đợi, suy nghĩ về những gì Alice đã nói: rằng tôi không thực sự muốn biết sự thật về Kit. Cô ấy có nói đúng không? Liệu tôi có gọi cho Stephen Gilligan, nếu để tôi tự quyết định? Liệu đó có phải lý do tôi bị một cơn choáng váng ngay sau khi rời đồn cảnh sát, để tôi

có thể tránh việc gọi điện?

“Joanne Biss, vâng,” Fran nói. “Ồn thôi. Tôi rất vui lòng chờ đợi.”

“Đáng ra chị định gọi.” Tôi bảo với em. “Khi chị về nhà.” Ánh mắt em lóe về phía tôi một tia nhìn ngờ vực. Tôi có thể tưởng tượng chính xác em đang nghĩ gì. “Tại sao chị lại phải tiêu tốn tiền bạc vào thám tử tư trong khi chị có thể tự mình theo dõi căn hộ Limehouse của Kit, không mất phí?” Tôi nói đầy vẻ phòng thủ.

“Chị đã làm thế chưa?” Fran hỏi.

“Chị đã lái xe tới đó vào buổi tối hai hay ba lần, ngồi bên ngoài trong bóng tối. Kit không bao giờ đóng rèm phòng khách và căn hộ thì nằm ở tầng trệt. Chị gọi cho anh ấy từ khu đỗ xe bên ngoài, giả vờ như chị đang gọi từ nhà. Chị quan sát anh ấy qua cửa sổ, uống rượu vang đỏ trong khi nói chuyện với chị – cùng loại rượu anh ấy uống ở nhà. Chưa bao giờ có ai ở cùng anh ấy ở đó.” Và khi anh mỉm cười, vẫn là nụ cười triu mến tôi thường thấy trên gương mặt anh khi anh biết tôi đang quan sát. Tôi không thể nào đủ can đảm chia sẻ sự thật này với em gái tôi. Điều đó rất quan trọng với tôi, và tôi không tin tưởng để chia sẻ với em.

“Hai hay ba lần không chứng minh được điều gì cả,” em nói cộc cằn.

“Chị đã dành nhiều tiếng đồng hồ chờ đợi trong xe của mình trên phố Bentley Grove để thấy anh ấy ra khỏi nhà số 11. Chưa bao giờ xảy ra.” Tại sao tôi lại đang cố thuyết phục Fran rằng mọi chuyện đều ổn khi tôi biết rằng không phải thế?

Em ấy giơ một tay lên làm dấu để tôi im lặng rồi áp điện thoại lên tai. Tôi lắng nghe khi em ấy tự giới thiệu với Joanne Biss là nhân viên mới của Nulli, và hỏi về cuộc gặp giữa Kit và Stephen Gilligan vào thứ Năm ngày 13 tháng Năm – nó có diễn ra như kế hoạch không, hay đã bị hủy? Em ấy không nói gì về lý do mình cần được biết, nhưng giọng nói của em ấy lộ rõ sự tự tin và quyền lực của một người cảm thấy không cần phải giải thích gì

cả. Tôi chưa bao giờ có được tông giọng đặc biệt ấy, tôi sẽ nói một cách lo lắng và nghe có vẻ dối trá, và hẳn là sẽ bị chất vấn tại sao tôi lại cần thông tin về một cuộc gặp từ hai tháng trước. Một vài giây sau, Fran cảm ơn Joanne Biss và nói tạm biệt.

“Kit đã nói sự thật,” em nói, đặt điện thoại xuống bàn. Giọng em nghe có vẻ thất vọng. “Anh ấy và Stephen Gilligan gặp nhau vào hôm thứ Năm ngày 13 tháng Năm lúc ba giờ.”

Cảm giác như thể một đám mây tối đen khổng lồ đã được dời đi.

“Kit có thể đã gọi cho Joanne Biss và bảo cô ta phải nói gì,” Fran nói. “Anh ấy có dư thời gian. Kể cả không phải thế, kể cả khi SG trong nhật ký của anh ấy đúng là Stephen Gilligan, như thế cũng không có nghĩa anh ấy không ngoại tình với cô ả Selina Gane kia.”

“Điều đó có nghĩa anh ấy có thể không phải thế,” tôi nói, cảm thấy đã lâu lắm rồi mình mới lạc quan như vậy. “Chẳng có gì liên hệ anh ấy với cô ả – không có gì hết – ngoại trừ địa chỉ của cô ả trong định vị của anh ấy là ‘Nhà’. Và có thể anh ấy không phải người đã cài nó vào đó. Có thể một ai khác đã làm thế.” Tiếp tục đi. Nói đi. “Có thể em đã làm thế. Hoặc Anton.” Thật khó để xua đuổi một mối nghi ngờ một khi nó đã cắm chốt bên trong bạn, việc thay đổi hướng tập trung của nó dễ hơn nhiều việc trục xuất tận gốc nó.

“Em sẽ chẳng thềm phản ứng với cái đó,” Fran nói một cách mất kiên nhẫn. “Em hoặc Anton,” em làu bàu. “Tại sao chúng em lại làm thế chứ?”

Bởi vì em ghen tị. Bởi vì bọn chị có nhiều tiền hơn, bởi vì Kit thành công còn Anton thì không.

“Tại sao em lại nhanh chóng nghĩ tới những điều xấu xa nhất về Kit vậy?” tôi khởi động đợt tấn công của mình, trước khi Fran nhận thấy và chỉ ra sự đạo đức giả của tôi. “Sao em không kể cho chị những gì mà em cần phải nói cho chị biết ấy?” Nếu chuyện đó là thật, chẳng phải là em ấy đã kể luôn với tôi rồi? Liệu em ấy có đủ thông minh và đê tiện để thuê dợt nên một kế hoạch tỉ mỉ

nhằm phá hoại cuộc hôn nhân của tôi và phá hủy thần trí tôi, một kế hoạch rắc rối và gian xảo đến mức thậm chí tôi còn không biết bắt đầu suy từ đâu?

Mẹ nó, Connie – em ấy là em gái mày đấy. Mày đã biết em ấy cả cuộc đời rồi. Tỉnh lại đi.

Fran không thể nào khiến xác một người phụ nữ xuất hiện trên màn hình máy tính của tôi được. Em không thể có bất kỳ mối liên quan nào đến số 11 Bentley Grove. Em chưa từng tới Cambridge, em chưa từng đi bất cứ đâu ngoài Monk & Sons, trường học của Benji, siêu thị và nhà bố mẹ.

“Em không thể nào quan sát những tấm hình của số 11 Bentley Grove cẩn thận hơn chị được,” tôi nói trong run rẩy. “Không có dấu hiệu gì của Kit trong những bức ảnh đó, và chẳng có gì liên hệ anh ấy với Selina Gane. Không có gì cả. Đó thậm chí còn chẳng phải kiểu nhà của anh ấy. Kit sẽ không bao giờ gọi một nơi như thế là ‘Nhà’ – một cái hộp hiện đại, không có cá tính, được bao bọc bởi những bản sao của chính nó, những ngôi nhà hiện đại không có cá...”

“Trưởng thành lên tí đi, Connie, có được không?” Fran gắt. “Nếu si mê người phụ nữ trong nhà, anh ta sẽ chẳng thèm quan tâm quái gì đến sự thiếu hụt của gờ đắp nổi và họa tiết hoa hồng trên trần nhà. Chị đã quên cảm giác khi yêu là thế nào rồi ư?” Em nhếch mép cười với chính mình. “Em gần như đã từng, nhưng không hẳn. Em có thể kể cho chị ngay bây giờ: nếu như em đã mê như điệu đở một người nào đó, em sẵn lòng sống ở bất kỳ đâu cùng người ta. Em sẽ sống ở một ngôi nhà hội đồng ở Brixton, hay một nơi nào đó ảm đạm tương đương – những tòa nhà cao tầng gớm ghiếc ấy.” Em nhăn mũi lại trong sự chán ghét.

Tôi gần như bật cười. Hầu hết những người ở Brixton sẽ cảm thấy bản thân thật bất hạnh nếu họ phải dành thời gian, dù chỉ nửa tiếng đồng hồ, ở Little Holling. Trong một phần tư khoảng thời gian ấy, họ thử nghiệm mọi thứ có ở đó, và sẽ tự hỏi tại sao cư dân ở đây chưa đào thoát khỏi chốn tươi xanh tĩnh lặng chết người này và chạy tới thành phố náo nhiệt gần nhất với tốc độ

một trăm dặm một giờ.

“Ai cũng có thể cài đặt cái địa chỉ đó vào định vị của Kit,” tôi bảo Fran. “Một ai đó ở cửa hàng, như lời anh ấy nói.” Tôi có tin vào điều mình đang nói không, hay tôi đã mặc kệ mọi thứ ngoại trừ khao khát trở thành người chiến thắng ở đây? Nếu như Fran đang bảo vệ Kit, liệu tôi có khăng khăng anh ấy là một kẻ dối trá không? “Trừ phi em có thể chứng minh anh ấy đã nói dối chị...”

“Em không thể,” Fran cắt lời. “Nhìn này, em nghĩ mình nhìn thấy cái gì đó trên Roundthehouses, chỉ thế thôi. Có thể em sai, em không biết nữa. Em có thể thấy rằng chị không hề nóng lòng muốn tìm ra đó là gì.”

“Không phải chị đang phủ nhận thực tế, Fran. Chỉ là chị đang bắt đầu suy nghĩ một cách lý trí – cố gắng cứu vãn cuộc hôn nhân của chị, thứ mà trong suốt sáu tháng qua chị đã phá nát bằng những lời buộc tội và hoài nghi.” Tôi nuốt ngược nước mắt. “Chị đã luôn tra tấn Kit – không hề nói quá đâu, tin chị đi. Cật vấn anh ấy liên miên, quay lưng vào anh ấy khi nằm chung giường... Anh ấy đã thật kiên nhẫn và thấu hiểu – bất kỳ ai khác cũng có thể đã rời bỏ chị rồi. Em có biết hôm trước chị đã làm gì không? Chị về nhà từ cửa hàng và anh ấy ở trong nhà tắm khóa trái cửa. Anh ấy chưa bao giờ khóa cửa cả. Chị bắt anh ấy mở cửa. Đầu tiên anh ấy không chịu, nói rằng đang ngâm mình trong bồn, nhưng chị biết là không phải thế. Chị nghe tiếng anh ấy đi lại. Chị khăng khăng đòi. Bảo rằng chị sẽ bỏ anh ấy nếu không chịu cho chị vào ngay lập tức. Chị nghĩ chắc anh ấy vào đó để gọi điện cho cô ả – Selina Gane, dù lúc đó chị chưa biết tên cô ả. Khi anh ấy tháo khóa và mở cửa, chị đã trông chờ sẽ thấy anh ấy cầm trên tay chiếc điện thoại với vẻ mặt tội lỗi, hay cố gắng xả nó xuống bồn cầu hoặc đại loại thế. Chị đã nghĩ, cuối cùng thì, thế này đây – chị sẽ tóm lấy cái điện thoại của anh ấy và tìm ra tên cùng số điện thoại của cô ả, rồi chị sẽ có bằng chứng. Chị đã xem xét điện thoại của anh ấy từ trước và không tìm ra gì cả, nhưng chị nghĩ có thể lần này...” tôi ngừng lại. Thật khó để miêu tả một trạng thái tinh thần mà giờ đây dường như quá đổi xa lạ. Như thể tôi đang báo cáo lại hành vi của một

người khác, một kẻ tâm thần.

“Tim chị đập nhanh đến nỗi chị nghĩ nó sẽ nổ tung mất. Và rồi chị thấy dòng chữ ‘Chúc mừng sinh nhật’ trên một cuộn giấy gói bên chân Kit, và một chiếc túi xách Chongololo. Kéo và băng dính...” tôi lấy tay mình che mặt. “Con người tội nghiệp đó đang cố gắng bọc quà sinh nhật cho chị, không phải che giấu một chiếc điện thoại khỏi tầm mắt. Anh ấy đang làm một việc tử tế cho chị, và chị đã phá hỏng nó. Sự nghi ngờ của chị đã phá hoại điều đó, như cách nó phá nát mọi thứ. Chị hẳn sẽ tức giận lắm nếu có ai đó làm vậy với mình, nhưng Kit thì không. Anh ấy cố làm chị cảm thấy khá hơn – kiên quyết nói rằng chị không làm hỏng điều gì cả, rằng món quà của chị vẫn là một bất ngờ. ‘Tất cả những gì em biết là nó từ Chongololo,’ anh ấy nói, ‘mà em thậm chí còn không biết điều đó. Chiếc túi có thể chỉ là mỗi nhủ. Em còn không biết có quần áo bên trong đó hay không.’”

“Vì Chúa, làm ơn đừng tự trừng phạt mình nữa,” Fran nói. “Để em cho chị xem cái mà em đã thấy trên Roundthehouses. Một khi chị thấy nó rồi, có muốn tin Kit hay không là tùy vào chị. Đi nào.” Em đứng dậy.

Tôi làm theo một cách tự động. “Chúng ta đi đâu đây?”

“Sang bên cạnh, tới thư viện. Chúng ta có thể lên mạng ở đó.”

Thế này tốt đấy, tôi tự nhủ khi hai chúng tôi đi xuống cầu thang xoắn ốc bằng đá và ra khỏi quán. Đây là một cuộc kiểm tra, và tôi sẽ vượt qua. Cứ để Fran tung ra quân át chủ bài, dù nó có là gì đi nữa. Tôi biết không có điểm gì trong những bức ảnh về số 11 Bentley Grove trên trang Roundthehouse mà lại có liên quan đến Kit, vậy nên tôi chẳng có gì phải sợ cả.

Tôi không thể tin là Fran lại sẵn sàng nghĩ ra những điều xấu xa nhất về anh. Sao em ấy lại dám cơ chứ?

Quay trở lại ngôi nhà kính với chiếc túi đựng đá lớn, phải không?

“Nhắc đến Chongololo, cái áo khoác hồng của chị đâu rồi?” em hỏi, khi chúng tôi đi bộ sang đường để tới thư viện.

“Áo khoác? Trời đang ấm, nếu em không nhận ra.”

“Nó đâu rồi?”

“Chị không biết. Trong tủ quần áo của chị, chắc thế.”

“Nó có màu hồng tươi, Con. Nếu nó ở trong tủ, chị sẽ phải thấy nó mỗi ngày – nó sẽ đập vào mắt chị.”

“Có thể nó được treo trên những cái móc gần cửa sau. Tại sao chứ?”

“Em muốn mượn nó,” Fran nói.

“Vào tháng Bảy ư?”

“Đã lâu lắm rồi chị không mặc nó,” em tiếp tục nói, không nhìn vào tôi. “Có thể chị đã ném nó đi rồi.”

“Không, không có chuyện... ồ, chị biết nó ở đâu rồi – trong xe của Kit, đằng sau ghế hậu, bị nhét vào phía sau chỗ dựa đầu. Nó đã ở đấy được khoảng hai năm rồi. Chị sẽ lôi ra cho em nếu em thực sự muốn nó. Chị cứ nghĩ em ghét màu hồng cơ.”

Một biểu cảm căng thẳng hiện lên trên mặt Fran khi chúng tôi bước vào thư viện. Tôi muốn hỏi thêm vài câu hỏi, nhưng em ấy còn đang bận thu hút sự chú ý của người thủ thư. Về phía bên phải của cánh cửa chính, bốn chiếc bàn hình chữ nhật màu xám được đẩy vào cạnh nhau tạo thành một hình vuông lớn. Xung quanh đó, những người phụ nữ độ hai mươi tuổi, trung tuổi và già lão cùng với một người đàn ông trẻ có bộ râu tí hìn nhất mà tôi từng thấy đang uống trà cam từ những chiếc cốc giấy và ngắt lời nhau. Đó hẳn là một buổi gặp mặt của hội những người đọc sách, trên bàn đầy các bản in của một cuốn sách tên là Nếu Không Ai Nói Về Những Điều Đáng Lưu Tâm.

Tôi rất thích tham gia vào một hội đọc sách, nhưng không phải hội ở Silsford. Brixton, có lẽ thế.

Khu trẻ em đầy những bà mẹ đang cầu xin những đứa con của mình, đang cười rúc rích và kêu ré lên, hãy nhỏ tiếng thôi. Hồi mẹ còn mang tôi và Fran đến đây, chúng tôi yên lặng ngay từ giây phút đặt chân vào đây cho tới khi rời đi. Chúng tôi giao tiếp bằng cách chỉ tay và gật đầu, sợ hãi rằng những người thủ thư sẽ ném chúng tôi ra cửa nếu chúng tôi mở miệng. Hẳn là mẹ đã bảo với chúng tôi họ sẽ làm thế. Tôi còn nhớ mình từng nghe thấy những đứa trẻ khác thì thầm một cách phẩn khích về cuốn

sách nào của Enid Blyton mà chúng đã đọc và chưa đọc, tôi luôn tự hỏi tại sao chúng lại không sợ chết khiếp như tôi.

Fran vỗ tay gọi tôi lại. Biết rằng mình sắp sửa nhìn thấy số 11 Bentley Grove một lần nữa, tôi phải cố ép bản thân di chuyển về phía màn hình. Trong một khoảnh khắc điên rồ, tôi tưởng tượng ra Selina Gane sẽ xuất hiện từ phía sau một giá sách và bắt quả tang tôi có hành động gián điệp ảo: Tại sao cô vẫn đang nhìn ngó nhà tôi? Tại sao cô không thể để tôi được yên?

Tôi đứng sau lưng Fran, thẳng người lên, chờ đợi em ấy nhấn vào nút xem tour ảo. Nhưng thay vào đó, em ấy chọn nút bên cạnh: Cảnh Đường Phố. Em nhấn một lần nữa nhằm mở rộng bức hình con đường khi nó hiện lên, để tấm hình trải ra toàn màn hình. Nó hơi nhòe một chút, như thể được chụp từ một chiếc xe đang chạy. “Đây không phải số 11,” tôi nói. “Đây là phía bên kia, và xa hơn xuống dưới – số 20 hay đại loại thế.” Có những đường kẻ trắng và biểu tượng mũi tên chồng lên bức hình, để di chuyển lên và xuống con phố. Dù chúng có vẻ đồng bộ và nhân bản thế nào đi nữa, những ngôi nhà ở Bentley Grove trông chỉ giống hệt nhau với những ai chưa từng dành ra hầu hết các ngày thứ Sáu trong suốt sáu tháng để đồng hành với chúng, tôi biết rõ đường viền của từng tấm rèm, những hạt đính trang trí của từng bức màn.

“Vậy hãy quay lại và tìm số 11 nào,” Fran nói, thận trọng di chuột. Tôi quan sát khi con phố Bentley Grove bắt đầu xoay vòng.

Con đường xoay vòng, căn phòng khách xoay vòng. Xác một người phụ nữ xoay vòng vòng trong bể máu.

Tôi túm lấy lưng ghế của Fran và ra lệnh bản thân mình không được phép choáng váng, không phải bây giờ. Trong sự ngạc nhiên và nhẹ nhõm của tôi, cách đó lại có hiệu quả.

Giờ chúng tôi đang đối mặt với hướng đi đúng. “Đi một chút về phía bên trái,” tôi nói với Fran, dù em ấy không cần sự chỉ dẫn của tôi, em hẳn đã tập luyện ở nhà rồi. Em nhấn vào một mũi tên trắng và chúng tôi được đưa tới số 9. Cửa chính đang mở. Có bóng dáng lơ mơ của mái tóc xù màu trắng và bộ áo choàng tắm

màu đỏ ở ngưỡng cửa: ông già nhỏ thó lưng gù sống ở đó. Ông ta đang nắm lấy chiếc gậy chống. Tôi không nghĩ ông có thể đi nổi vài bước chân mà không có nó. Tôi vẫn thường thấy ông, bằng xương bằng thịt – hay bằng những gì còn lại, khiến ông trông như thể một trăm năm mươi tuổi. Ông cứ đi cà nhắc từ nhà mình ra chỗ những chiếc thùng rác được đặt vòng tròn kiểu Stonehenge ở giữa vườn trước. Không hề có ngoại lệ, tất cả những cư dân khác của Bentley Grove đều để thùng rác của họ ở trong ga-ra.

Tôi chờ đợi Fran nhấn vào mũi tên trắng một lần nữa, nhưng em không làm thế. Em quay lại và ngẩng lên nhìn vào tôi. “Đó là số 9,” tôi nói. “Không phải số 11.”

“Quên ngôi nhà đi. Nhìn vào chiếc xe đang đi ra từ lề đường kia. Biển số xe bị mờ, thật bức mình, nhưng kể cả như thế...”

Một vị chua gắt lấp đầy miệng tôi. Tôi muốn nói với Fran là em đang hành xử lỗ bịch, nhưng tôi không thể nói được gì, tôi cần toàn bộ năng lượng của mình để xua đuổi cơn sợ hãi và hoảng loạn đang trào lên trong tôi. Không. Em ấy sai rồi.

“Ngay khi em thấy nó, em đã nghĩ, ‘Họ đã xem ngôi nhà rồi. Mình cá là họ đã chào mua rồi.’ Và rồi em nhớ là chị đã nghiêm túc hứa với bố mẹ rằng chị không định mua nó, và em tự hỏi liệu như thế có phải vì chị vốn sở hữu nó ngay từ đầu hay không. Chị đang bán nó – đó là lý do chị lại đặc biệt quan tâm đến ngôi nhà đó như vậy. Phải thừa nhận là em có hơi quá đà. Em đi đến kết luận là chị và Kit đã bí mật trở thành triệu phú hàng năm rồi, giàu giấm gia đình mình.” Tông giọng Fran nghe hời hợt và xác xược. Em ấy thích thú chuyện này lắm sao? “Tất nhiên, nếu đó là nhà hai người, chị đáng ra phải để xe ở chỗ đỗ, không phải trên vệ đường. Em không hiểu tại sao mình lại không nghĩ ra. Những ngôi nhà ở Bentley Grove có đường lái xe vào nhà rất rộng. Kit có thể đỗ xe ngay bên ngoài cửa trước số 11 Bentley Grove, nhưng anh ấy không làm thế, phải không?”

Nói với em ấy đi. Nói rằng em ấy đang nói chuyện vớ vẩn, rằng mày không muốn nghe nữa.

“Không, nếu như anh ấy đúng ra không nên ở đó,” Fran tiếp

tục, bắn một tràng câu từ vào tôi quá nhanh. “Anh ấy không muốn bất kỳ ai liên hệ được anh ấy với Selina Gane. Trong khi đó, nếu như anh ấy đỗ xe ở vỉa hè, bên ngoài ngôi nhà hàng xóm...”

“Không có mối liên hệ nào cả,” tôi cố gắng nói trước khi tâm trí lại mờ nhòe, cuộn các góc của những suy nghĩ trong tôi lại. Tôi nhắm mắt, chào đón sự trống rỗng thần trí xuất hiện. Xua nó biến đi, toàn bộ chuyện này. Khi màu xám xịt như nhuộm bao trùm lấy và kéo tôi xuống, tôi nhận ra rằng chẳng có ích gì, nó chẳng có hiệu quả. Tôi đã mang theo điều mình muốn bỏ lại phía sau nhất: hình ảnh chiếc xe của Kit trên phố Bentley Grove, đánh xe ra khỏi vệ đường, với chiếc áo khoác Chongololo hồng của tôi lộ qua tấm kính chắn gió phía sau, bị nhét vào giữa chỗ kê đầu của ghế hậu.

Thứ Hai, ngày 19-07-2010

Charlie không thể tin nổi. Domingo đang ở đây, chạy vội về phía cô qua bãi cỏ, giơ nắm tay anh ta lên tai thành một động tác mà chỉ có thể có một ý nghĩa duy nhất. Chính xác như cô đã tưởng tượng ra, chỉ trừ việc viễn cảnh tệ nhất mà cô mong đợi lại xảy ra vào ban ngày, chứ không phải đêm.

Đáng ra cô không bao giờ nên nói cho Liv biết mình đang đi đâu và tin tưởng rằng chị ấy sẽ giữ bí mật. Dù sao, vẫn tốt hơn khi chuyện xảy ra ngay bây giờ, lúc Charlie chỉ có một mình. Simon đã ra ngoài đi dạo. Cô có thể giải quyết chuyện này trước khi anh trở về, làm rõ với Sam hay Proust hoặc bất kỳ ai cũng được rằng Sam không rảnh rồi đâu – dù có chuyện gì xảy ra – bất kể là khẩn cấp, bất ngờ không thể tiên đoán trước hay lạ lùng đến đâu đi nữa. Kể cả khi từng cư dân cuối cùng của Spilling có bị tàn sát trên chính giường của mình đi nữa. Charlie nhăm nháp sự ảm đạm của khả năng ấy.

Cô sẽ không nói với Simon về cuộc điện thoại, và cô cũng sẽ nói khéo để Domingo không nhắc gì tới nó. Đây là tuần trăng mật, vì Chúa, dù cho người chồng mới cưới của cô nhất quyết đòi đi ra ngoài một mình đêm nay, bỏ mặc cô khóc lóc và đốt hết điều thuốc này tới điều khác trên sân thượng một mình, nhìn chằm chằm đầy giận dữ vào một chỗ gỗ lên của ngọn núi mà có thể có hoặc không có gương mặt nào trên đó. Đi bộ. Ai đi dạo bộ lúc mười giờ tối, mà không có điểm đến cụ thể nào trong đầu cơ chứ? Ai mà lại đi nói với vợ mình, vào tuần trăng mật của cả hai: Đừng hiểu lầm, nhưng anh mong là em không đi với anh? Charlie đã lấy loại đàn ông nào vậy? Cô ngờ rằng mình sẽ dành suốt phần đời còn lại để vật lộn nhằm trả lời câu hỏi ấy.

“Simon, có phải anh không?” Domingo gọi to từ bên kia hồ bơi. Charlie đã tắt đèn sân thượng, không muốn bị ánh sáng phơi bày những giọt nước mắt đang giàn giụa chảy xuống mặt mình dù cho chẳng có ai ở quanh đó để mà nhìn thấy cả.

“Là tôi đây,” cô khẽ đáp, nửa hy vọng anh ta sẽ không nghe thấy. Cô tự hỏi người quản gia sẽ nói gì nếu cô đề nghị khẩu đảm cho anh ta, và mỉm cười trước sự ngu xuẩn của ý tưởng ấy.

“Điện thoại. Nước Anh.” Domingo làm cử chỉ về phía gian buồng bằng gỗ của anh ta. “Cô gọi ở nhà tôi, tôi có số điện thoại.”

Có lẽ nào mẹ của Simon đã lòng ra được rồi? Không phải vậy, Charlie có một linh cảm mạnh mẽ rằng Kathleen vẫn còn tiếp tục xoắn vặn những dây thần kinh của mình trong ba chục năm tới, vẫn bòn rút dần cuộc sống của những người thân quanh bà theo một cách xuyên suốt lạ lùng. Charlie vốn luôn coi thường những linh cảm – của chính cô và của những người khác, nhất là của Simon – nhưng khi linh cảm trước của cô về cuộc điện thoại đến từ nước Anh đã trở thành hiện thực rành rành như vậy, cô quyết định rằng giờ đây đã đến lúc để bắt đầu tin tưởng vào trực giác của mình.

Cô dập tắt điều thuốc, chùi nước mắt trên mặt rồi đứng dậy. Cô đang đi được nửa đường xuống những bậc cầu thang thì đổi ý. “Mẹ nó,” cô thầm cầu nhàu. Tại sao cô lại phải là người cố gắng trong mọi thứ? Cô đã quá ngán ngấm việc cố ép mọi thứ vào đúng khuôn khổ, đã đến lượt người khác phải đảm bảo cho mọi thứ không tan tành. “Simon không có đây, anh ấy ra ngoài rồi,” cô nói to từ đầu kia bể bơi. Đó là tất cả những gì cô cần nói. Nếu Domingo muốn quay lại sau một tiếng và chuyển cho Simon một tin nhắn hay một số điện thoại để gọi, đó là tùy thuộc vào anh ta. Nếu Simon muốn dành hết phần còn lại của tuần trăng mật trên điện thoại với Sam Kombothekra hay Người Tuyết, nếu anh muốn đáp chuyến bay tiếp theo về nhà và lao đầu vào công việc thay vì ở lại Tây Ban Nha tại biệt thự xinh đẹp cùng với Charlie... thì, may sao ai đó đã phát minh ra một điều kỳ diệu có tên là ly dị.

“Điện thoại của cô, không phải Simon,” Domingo nói. “Chị gái

Olivia. Cô đến ngay, cô gọi trong nhà tôi. Chị ta buồn nhiều, đang khóc.”

Charlie đã bắt đầu chạy. Tất cả những suy nghĩ của cô – ly dị Simon, yêu thương anh, ghét bỏ anh – đã biến mất, chỉ để lại một từ trong tâm trí cô: ung thư. Olivia đã chiến thắng căn bệnh đó nhiều năm trước, nhưng Charlie luôn thầm lo sợ rằng nó có thể quay lại, bất kể bao nhiêu lần chị gái cô đã đảm bảo rằng căn bệnh đó sẽ không tiến triển kiểu thế đâu. “Nếu nó không tái phát trong vòng năm năm, thì nó không thể nào tái phát được,” Liv nhấn mạnh. “Nếu chị đủ xui xẻo để bị ung thư lần nữa, nó sẽ là kiểu ung thư mới – không phải cái cũ tái phát.”

Liv sẽ không gọi nếu như việc đó không nghiêm trọng, không phải sau khi nghe Charlie miêu tả việc mình sẽ làm với những kẻ đủ ngu ngốc để xâm phạm sự riêng tư của cô và Simon. Không được nói cho bất kỳ ai bọn em ở đâu – không một ai cả – trừ phi đó là chuyện sống chết. Hay một ai đó quyết tâm tặng chúng em cơ man là tiền.

Chuyện sống chết. Liệu có phải cô đã khiến chuyện này xảy ra, chỉ bằng cách dùng những từ ngữ đó?

Bằng cách nào đó, cô cũng đến được ngôi nhà nhỏ bằng gỗ của Domingo. Anh ta phải nhấn số cho cô rồi đặt chiếc điện thoại vào tay cô. Anh ta chạm nhẹ vào vai cô trước khi để cô lại một mình, đóng cánh cửa lại sau lưng anh ta. Trong đầu anh ta không nghĩ ngờ gì rằng đó sẽ là tin xấu, Charlie cũng không nghĩ ngờ gì điều đó.

“Liv? Có phải chị không?” Tất cả những gì cô có thể nghe thấy là tiếng nức nở.

“Char?”

“Bình tĩnh nào. Kể em nghe.”

“Chị nghĩ chị đã tự phá hoại cuộc đời mình.”

“Có chuyện gì vậy? Chuyện gì đã xảy ra?”

“Chị sẽ bỏ Dom. Chị đã ngủ với người khác. Hơn một lần. Đừng giận chị vì đã gọi. Chị phải nói chuyện với em – chị cảm thấy như thể mình sắp phát điên rồi. Em có nghĩ là chị điên

không?”

Charlie dụi dụi đôi mắt sưng húp và ngã mình vào chiếc ghế gần nhất – một cái ghế hình tròn đan bằng liễu gai, giống như chiếc giỏ dã ngoại lớn có chân, được phủ một tấm chăn choàng len sọc vuông kiểu Scotland màu xanh da trời và đỏ. Cô đợi nhịp tim của mình bắt kịp với đầu óc. Cảm giác kinh sợ vẫn còn thít chặt – một con quái vật cần được tống vào trong vùng khuất phục. Một con quái vật mà tự mình tạo ra, từ trong hư vô. Không cần thiết. Có phải cô đã làm điều tương tự với cuộc đi dạo của Simon không. Anh đã cố hết sức để thuyết phục cô rằng nó chẳng liên quan gì đến việc không muốn dành thời gian bên cô cả. ‘Anh không quen với việc ở bên ai đó suốt cả ngày lẫn đêm,’ anh nói. ‘Anh chỉ cần nửa tiếng thôi, có thể một tiếng – rồi anh sẽ quay về.’ Liệu như thế có vô lý hay không? ‘Có khi anh sẽ nhớ em trong lúc đi,’ anh thêm vào một cách miễn cưỡng, mắt nhìn xuống, như thể bị ép phải thừa nhận.

“Thế này nhé,” Charlie nói, ngay khi cô đủ bình tĩnh để mở miệng. “Em sẽ nói chuyện với chị trong năm phút – chỉ bởi vì em đã yên tâm rồi. Em tưởng chị sẽ thông báo với em rằng bố mẹ đột tử ở trên sân gôn.” *Em cứ nghĩ chị sắp chết. Em nghĩ cuộc hôn nhân của em có thể kết thúc.*

“Em có bao giờ thích Dom đâu. Em hẳn là thấy nhẹ nhõm gặp đôi.”

“Chị có muốn phung phí năm phút để cãi nhau không?”

Im lặng.

“Tuần trăng mật thế nào?” Liv cuối cùng cũng hỏi.

“Ổn, cho tới khi chị gọi điện. À thì, hơi ổn.”

“Sao lại là ‘hơi’?”

Charlie hạ giọng. “Bọn em chỉ mới quan hệ tất cả là đúng một lần.”

“Có tệ đến thế không? Mới là thứ Hai thôi mà.”

Charlie suy nghĩ một chút về việc này. Nếu chuyện đó diễn ra một lần nữa vào đêm nay, thì cũng không tệ lắm. Nếu không, sẽ là hai đêm liền không có – thì sao việc đó lại có thể không phải là

một thảm họa cơ chứ? Nếu lát nữa Simon không có động thái gì khi họ lên giường ngủ, Charlie không nghĩ cô có thể vờ là mình vẫn ổn như cô đã cố gắng đêm hôm qua, khi anh quay lưng về phía cô và chìm vào giấc ngủ ngay sau vài giây. Liệu đó có phải lý do khiến cô bồn chồn đến thế, sẵn sàng suy nghĩ những điều tồi tệ nhất đến thế? Ngày hôm nay gồng gánh nhiều áp lực hơn những ngày thứ Hai bình thường.

“Như thế anh ấy nghĩ rằng chúng em không nên làm thế,” cô nói trong nước mắt. “Anh ấy... tránh né em sau đó, như kiểu em vừa làm một việc gì đáng xấu hổ lắm. Anh ấy nằm đó ngay bên cạnh em, nhưng anh ấy tránh né em.” Charlie thở dài. “Khó giải thích lắm.”

“Simon lập dị trên mọi phương diện, không chỉ chuyện phòng the,” Liv nói, như thể bằng cách nào đó thì điều này khiến mọi chuyện tốt lên. Giọng chị nghe đã đỡ vất vả hơn một phút trước rất nhiều. Charlie không nghĩ chị mình sẽ dựng nên cả một cuộc đời thống khổ trong khi tất cả những gì chị ấy muốn làm là tám chuyện. “Em và cậu ta đã ngủ cùng nhau được một thời gian, sống cùng nhau được một khoảng thời gian còn dài hơn – việc đó thay đổi nhiều điều. Chị không bao giờ còn cảm thấy muốn quan hệ với Dom nữa. Chị đã có một mẹo này...”

“Làm ơn đừng có kể với em về cái đó,” Charlie ngắt lời.

“Gì cơ? Không, nó không phải là về chuyện quan hệ đâu, đây là mẹo tâm lý. Khi Dom bắt đầu tiến vào, nếu chị chỉ không muốn một chút thôi, chị vẫn để mặc anh ấy. Bằng cách đó, khi chị vô cùng cực kỳ không muốn, khi chị tuyệt vọng muốn được hoàn thành hết quyển sách mình đang dang dở và thực sự không đợi đọc sau được, chị được miễn nghĩa vụ – chị có thể từ chối mà lương tâm hoàn toàn không cắn rứt, biết rằng không có chuyện anh ấy buộc tội là chị không bao giờ ưng thuận.”

Charlie nhìn chăm chăm vào cái điện thoại. Có phải điều này có liên quan gì đó đến việc họ đang nói chuyện đường dài không? Liệu có phải cô sẽ hiểu rõ chị gái mình hơn nếu họ ở cùng trong một đất nước? Cô cố không tưởng tượng ra cảnh Dom tiến vào.

“... không phải là chị không thấy anh ấy hấp dẫn – chị có chứ. Nhưng... chị không biết nữa, bọn chị đã làm việc ấy quá nhiều lần.”

Và bây giờ thì chị cũng đang làm thế với một người khác.

“Simon có tệ đi kể từ sau đám cưới không?” Liv hỏi. “Tỷ lệ ân ái có giảm xuống hay không? Chị đoán là còn quá sớm để biết được.”

Charlie thở dài. Hết sức tinh tế. “Nghe này, em không thực sự muốn nói về chuyện đó, và em đặc biệt không muốn thì thầm về nó trong căn lều của một người quản gia Tây Ban Nha. Kể với em về chuyện chị bỏ Dom đi.”

“Chị không thể bỏ anh ấy được.”

“Bồ mới của chị là ai?”

“Chị không thể bỏ Dom được, Char. Điều đó sẽ tàn phá anh ấy. Anh ấy không biết rằng chuyện sẽ đến mức ấy, nhưng sẽ là vậy. Và nếu chị bỏ anh ấy vì... người khác này – không phải là anh ta yêu cầu chị, không phải là chị và anh ta có bất cứ điểm chung nào – chị sẽ nhanh chóng chán việc quan hệ với anh ta theo cách tương tự thôi, phải không? Mặc dù ngay bây giờ chị chưa có cảm giác như vậy. Vậy nên chị có thể ở lại với Dom và lừa dối anh ấy trong bí mật cho đến khi niềm vui ngắn ngủi trở nên nhàm chán như mối quan hệ chính thức. Bản thân Dom không nhàm chán – chỉ chuyện quan hệ thôi. Nó không hẳn là tệ đâu.”

Charlie không thể ép mình nghĩ ra một câu phản hồi.

“Em nghĩ sao?” Liv hỏi trong lo lắng.

“Chị không muốn biết đâu.”

“Chị chắc chắn cũng sẽ chán Anh Bạn Mới, một khi sự mới lạ qua đi. Em không nghĩ thế đấy chứ?”

“Em chán phải nói về anh ta rồi, nếu điều đó có ích gì,” Charlie đáp. Anh Bạn Mới. Hẳn hẳn là một tay phóng viên nghệ thuật ăn chay trường gầy còm nhom hay một nhà văn thùng rỗng kêu to nào đó mà tòa báo của Olivia đã phân công chị đi phỏng vấn.

“Không thể tránh khỏi được.” Liv khịt mũi. Charlie nghe tiếng chị hỉ mũi. “Đó là quy luật của tự nhiên. Mọi đam mê lớn lao đều

tự mình tan dần thành những nỗi chán ngán, qua thời gian.”

“Thật là khai sáng quá,” Charlie nói. “Nói đến thời gian, chị hết giờ rồi.”

“Chờ đã – còn một việc nữa chị muốn hỏi em, nhanh thôi. Simon sẽ không phiền là chị đã gọi em, đúng không?”

“Anh ấy sẽ không biết đâu,” Charlie bảo chị. “Anh ấy đã ra ngoài đi dạo rồi.”

“Một mình?” Sự phẫn nộ của Olivia có thể nghe thấy từ tận London. “Sao anh ta lại không đưa em theo?”

“Câu hỏi của chị là gì, Liv?”

“Chị vừa hỏi đấy: Simon có phiền không nếu chị gọi? Chị không nghĩ cậu ấy sẽ để tâm đâu. Em có phiền không nếu cậu ấy có một cuộc điện thoại thật là ngắn với... ai đó, ai cũng được? Từ nhà, hoặc... chỗ làm?”

Charlie cố nuốt tiếng hét đang ứ trong cổ họng cô. “Sam muốn nói chuyện với Simon, đúng không?”

“Đừng giận. Chị chưa bảo cậu ta biết hai em ở đâu, nhưng... liệu có thể nào Simon gọi cho cậu ta không? Chị không biết chi tiết, nhưng chị nghĩ có lẽ ai đó đã bị sát hại.”

“Thì sao? Chẳng khác gì cắt ngang tuần trăng mật của người đưa thư vì có ai đó muốn gửi một bưu kiện cho ông bà họ. Chị có thể nhắn với Sam rằng em đã bảo anh ta là một thằng đầu đất nhát chết, dùng chị để chuyển lời nhắn.”

“Đừng nói xấu về Sam – anh ta rất tốt bụng. Và anh ta chưa hề nhờ chị chuyển lời gì cả – chị chưa nói chuyện với anh ta nhiều tháng rồi. Nghe này, dù có là ai bị giết đi nữa, chị nghĩ đó có thể là một người mà Simon biết, hoặc từng biết.Ồ, chị không biết nữa!”

Một người Simon từng biết? Ngay lập tức, Charlie nghĩ đến Alice Fancourt. Không phải cô ta, ai cũng được trừ cô ta. Charlie không biết liệu anh có khi nào nghĩ về cô ta trong những ngày này không – chủ đề đó, như rất nhiều chủ đề khác, đã bị cấm vận hoàn toàn – nhưng cô biết chắc chắn như cô biết tên mình rằng nếu Alice bị sát hại, Simon sẽ lại bắt đầu bị ám ảnh bởi cô ta.

Charlie có thể cảm thấy trí óc cô vật lộn để chiến thắng hơi nóng hừng hực và rượu vang đỏ. Có gì đó không ăn khớp. Một điều gì đó có chút hiển nhiên, một khi suy nghĩ về nó. “Nếu chị không nói chuyện với Sam, làm sao mà chị...” Cô dừng lại, không thể tìm được từ còn thiếu trong khi câu trả lời đánh vào cô như một trái banh chì đập vào lồng ngực. Được bao nhiêu người đàn ông mà chị có thời gian để gặp, kể từ thứ Sáu? “Anh Bạn Mới,” cô nói, giữ giọng mình trung lập hết mức có thể. “Anh ta là ai, Liv?”

“Đừng giận nhé,” Liv nghe có vẻ hoảng sợ.

“Anh ta là Chris Gibbs, phải không?”

“Chị không lên kế hoạch cho việc ấy. Chị không định...”

“Chấm dứt đi.”

“Ôi, Chúa ơi, đừng nói thế! Em không biết được...”

“Chấm. Dứt. Đi. Đây không phải lời gợi ý, đây là một câu ra lệnh khốn kiếp. Chị là con ngốc!”

Charlie quăng chiếc điện thoại trên bàn, chạy ra ngoài vào màn đêm nóng nực và va phải Domingo. Cô quên khuấy mất anh ta. Cô có thể sẽ lại quên mất anh ta vào một ngày nào đó, nhưng cô sẽ không bao giờ quên căn nhà bằng gỗ của anh ta, chiếc điện thoại của anh ta, chiếc ghế hình giỏ dã ngoại làm bằng liễu gai với chiếc chăn màu đỏ và xanh da trời của anh ta. Cô sẽ nghĩ về tất cả những thứ đó mỗi khi cô nghĩ về sự phản bội, kể từ giờ phút này. Và cô thường nghĩ về sự phản bội rất nhiều.

“Chị gái ổn không?” Domingo hỏi.

“Không, chị ta không ổn,” Charlie bảo anh ta. “Chị ta là một con khốn ngu xuẩn.”



Thứ Ba, ngày 20-07-2010

“Nói cho họ biết đi,” tôi bảo Kit. “Quên cảm xúc của em đi, quên chuyện cố không làm em tổn thương đi. Nói ra điều anh thực sự nghĩ đi. Sao anh có thể chịu được việc ngồi đó mà nghe em nói những lời dối trá về anh, nếu đó là việc em đang làm?”

Chúng tôi đang ở đồn cảnh sát Parkside ở Cambridge, trong một căn phòng có tường vàng, sàn được trải vải sơn lót màu xanh da trời và một cửa sổ lớn được bao bọc bởi lưới thép mỏng. Để không ai có thể ném mình ra ngoài cửa sổ. Sam Kombothekra đang ngồi cùng phía bàn với chúng tôi, giữa tôi và Kit. Điều đó làm tôi ngạc nhiên tôi cứ nghĩ anh ta sẽ ngồi phía đối diện, cùng với thanh tra Grint. Có phải một thám tử ở Spilling vẫn được coi là một thám tử khi ở Cambridge không? Sam có chút quyền lực nào trong căn phòng này không, hay anh ta ở đây hôm nay chỉ đơn thuần là anh tài xế, hay một người đi kèm im lặng?

Kit nhìn Grint. “Tôi chưa từng tới Bentley Grove – chưa từng đi bộ ở đó, chưa từng lái xe tới đó, chưa từng đỗ xe ở đó.” Anh nhún vai. “Tôi còn có thể nói gì khác đây? Rất nhiều người chạy xe sedan màu đen.” Hai đường màu đỏ chạy dài trên cổ, chỗ mà anh cắt lẹm vào da khi cạo râu sáng nay, và hai quầng màu xanh lam nhạt dưới mắt anh; không ai trong chúng tôi ngủ đêm qua cả, khi biết rằng mình còn thử thách này phải vượt qua hôm nay. Không ai trong chúng tôi chải đầu trước khi khởi hành đến Cambridge. Grint nghĩ gì về chúng tôi? Anh ta đã cố gắng hết sức để không phản ứng gì khi tôi giải thích về những vết thâm tím và chỗ sưng trên mắt của mình, nhưng tôi có thể thấy anh ta cảm thấy tôi đáng gờm, và không thể tôn trọng Kit cho lắm. Thằng ngu nào lại đi cưới một cô vợ ngất xỉu rồi đập đầu vào

bàn thư viện? Tôi cảm thấy muốn thử thể cho cả hai chúng tôi; tôi muốn nói với Grint rằng chúng tôi là những người khá khăm hơn là anh ta nghĩ.

Tôi muốn điều đó là sự thật.

Mày không nhớ là đã đập đầu xuống cái bàn đó. Mày còn không nhớ được cái gì nữa?

“Vết mờ màu hồng trong chiếc xe đen trên phần Cảnh Đường Phố không cùng màu với áo khoác của Connie,” Kit nói. “Nó đậm hơn – gần giống màu đỏ.”

“Connie nói cùng là màu hồng ấy,” Grint nói lại.

Kit gật đầu. Anh đã nghe tôi nói thế rồi.

“Sao anh lại gật đầu cơ chứ?” Tôi quát vào mặt anh. “Anh không nghĩ là cùng màu hồng ấy. Sao anh không phản bác?”

“Để làm gì cơ chứ?” Kit vẫn nhìn Grint. “Không phải là anh có thể tác động đến những bức ảnh Cảnh Đường Phố để tăng độ nét của biển số xe sao? Đây là cách duy nhất chứng minh đó có phải là xe của tôi hay không. Anh có thể còn xem được ai đang lái nó.”

“Ý anh ấy là tôi,” tôi nói.

“Thời gian và tiền bạc,” Grint nói. “Nếu anh là nghi phạm của một tội ác nghiêm trọng, nếu chúng tôi cần chứng minh rằng xe của anh đã được đỗ ở Bentley Grove, chúng tôi sẽ phải xem xét việc tăng chỉnh bức ảnh. Đã có tội ác nào xảy ra chưa, anh Bowskill? Theo như hiểu biết của anh?”

“Không... Không hề.” Kit nhìn xuống.

Tôi không thể chịu được nữa. “Anh ấy định nói, ‘Không phải do tôi gây ra.’ Đúng không? Em không hiểu tại sao anh chưa chịu thừa nhận! Em biết anh đang nghĩ gì.”

“Anh Bowskill? Chị Bowskill hình như nghĩ rằng anh có điều cần nói với chúng tôi.”

Kit ấn ngón tay vào mắt. Tôi nhận ra mình chưa bao giờ thấy anh khóc, dù chỉ một lần kể từ lần đầu chúng tôi gặp nhau. Chuyện đó có lạ không? Hầu hết đàn ông có khóc không?

“Chỉ bởi vì nó thoáng hiện lên trong đầu tôi không có nghĩa là

tôi tin vào nó! Tôi không tin.”

“Anh ấy nghĩ có thể tôi đã sát hại một người phụ nữ,” tôi dịch lại, cho Grint và Sam. “Trong căn phòng khách tại số 11 Bentley Grove.”

“Chị ấy nói có đúng không?” Grint hỏi Kit. “Đó có phải điều anh nghĩ không?”

“Có điều gì đó đã thay đổi, đó là tất cả những gì tôi biết.” Kit nhìn chăm chăm xuống bàn tay mình. “Sáng hôm qua, hạ sĩ Kombothekra nói với chúng tôi là chẳng có lý do để lo lắng về bất kỳ điều gì cả. Rồi đột nhiên chúng tôi bị triệu tập tới đây. Đột nhiên các vị quan tâm tới chúng tôi – tới màu áo khoác của Connie, tới chỗ tôi đã đỗ hoặc không đỗ xe của tôi. Chẳng cần phải là thiên tài mới hiểu được chuyện gì đang xảy ra.”

“Vậy thiên tài đó sẽ rút ra kết luận gì?” Grint hỏi, miết ngón tay giữa vào chiếc ghim cài cà vạt màu bạc của anh ta. Anh ta gầy và cao lêu đêu, với những vết sẹo lồi trên cằm do mụn từ lâu. Giọng nói không hợp với người. Nó quá nặng và trầm, âm thanh không đúng với một người đàn ông gầy gò.

“Anh tin vào người phụ nữ đã chết của Connie,” Kit nói. “Có chuyện gì đó xảy ra khiến anh tin rằng cô ta có thật. Anh sẽ không phí thời gian với chúng tôi nếu không phải như vậy.”

“Và điều đó khiến anh nghĩ gì? Nếu cô ta có thật.”

“Làm sao mà vợ tôi biết được cô ta đã chết rồi?” Kit hỏi Grint một cách giận dữ, như thể tất cả là lỗi của anh ta. “Không có ai xuất hiện trên tour ảo hết, tôi có thể hứa với anh là như vậy. Tôi đã xem nó chỉ vài giây sau Connie, và chẳng có gì ở đó hết: một căn phòng khách bình thường, không hơn không kém. Không có xác người, không có máu. Lúc đó tôi đã nghĩ Con hấn là bị ảo giác – cô ấy đang mệt mỏi, căng thẳng...”

“Cô ấy căng thẳng là do tìm thấy số 11 Bentley Grove được cài đặt trong định vị vệ tinh của anh làm địa chỉ nhà? Phải không?”

“Đó là điều tôi nghĩ lúc ấy đấy, đúng vậy.”

Grint vươn người qua bàn. “Và giờ anh nghĩ sao?”

Kit rên rỉ. “Tôi không hiểu sao anh cứ hỏi tôi. Tôi không biết

gì hết.”

“Nhưng anh nghi ngờ.”

“Anh ấy nghi ngờ tôi là kẻ giết người,” tôi nói một cách nhiệt tình.

“Connie có thể đã tự lập trình địa chỉ đó,” Kit nói, tránh nhìn thẳng vào tôi. Anh hẳn là cảm thấy biết ơn lắm vì Sam ngồi giữa chúng tôi, dù bản thân Sam không vui vẻ chút nào với chỗ ngồi của mình. Làm sao trách anh ta được? Tôi tự hỏi liệu chúng tôi có phải là cuộc hôn nhân tồi tệ nhất anh ta từng chứng kiến không.

“Tôi không cài đặt nó,” Kit nói. “Hẳn là Connie đã làm thế. Tôi luôn tự lừa dối mình là có thể ai khác đã làm thế – một người nào đó ở cái cửa hàng đã bán cho tôi định vị vệ tinh.” Anh cười cay đắng. “Tôi cho là chúng ta chỉ tin vào cái chúng ta muốn tin, đúng không?”

Một vài người trong chúng ta làm thế. Những người khác thất bại, dù có cố gắng đến đâu.

“Connie là một mớ bòng bong. Nhiều tháng nay,” Kit lầm bầm.

Tiếp tục đi. Đừng dừng lại bây giờ. Theo một cách nào đó, tôi thấy nhẹ nhõm khi nghe anh nói ra. Ít nhất thì tôi sẽ có một điều gì đó cụ thể để chiến đấu với nó.

“Chẳng có xác một người phụ nữ nào trên trang web Roundthehouses. Có thể Connie đã tận mắt nhìn thấy cô ta. Trong ngôi nhà đó, trong căn phòng khách. Connie có thể đã đỗ chiếc xe của tôi ở Bentley Grove. Cô ấy thường lái xe của tôi đến Cambridge...”

“Em chưa bao giờ lái tới đó bằng xe của anh,” tôi bảo anh. “Không một lần.”

“Hỏi cô ấy đi.” Kit thúc giục Grint. “Bắt cô ấy nói ra sự thật đi – cô ấy sẽ không chịu nói với tôi đâu.”

Hỏi ngay đi, thanh tra Grint. Hỏi bao nhiêu câu cũng được, và tôi sẽ không nói một lời dối trá nào với anh.

“Tại sao anh nghĩ Connie tới Cambridge?” Grint vẫn tập trung

vào Kit.

“Cô ấy đã nói với anh tại sao rồi. Anh không nghe ư? Tại sao anh không nói với chúng tôi chuyện gì đã xảy ra, anh biết gì về người phụ nữ đã chết đó? Liệu có người phụ nữ đã chết nào hay không?”

“Tại sao Connie tới Cambridge thường xuyên đến thế? Cô ấy không sống ở đó, cô ấy không làm việc ở đó...”

Kit ngồi ngả ra ghế. “Như cô ấy vừa nói: cô ấy tìm tôi.”

“Cô ấy đã nói thế, đúng vậy, nhưng anh nói sao? Cô ấy khẳng định là mình đang cố bắt quả tang anh đi ngoại tình. Cô ấy khẳng định đã tìm thấy số 11 Bentley Grove được đặt làm địa chỉ nhà trong định vị vệ tinh của anh – cô ấy nói anh đã cài nó vào. Nếu cô ấy tự cài vào, như anh gợi ý, vậy thì chắc chắn cô ấy biết anh không làm thế. Vậy thì, tại sao, cô ấy lại loay quanh ở số 11 Bentley Grove chờ đợi anh xuất hiện? Liệu điều đó có lý chút nào với anh không, anh Bowskill?”

Kit không nói gì cả.

“Hay là cô ấy đặt địa chỉ vào trong định vị vệ tinh của anh bởi vì cô ấy nghi ngờ anh đang ngoại tình với người phụ nữ sống ở đó? Có phải đó là cách cô ấy nói, ‘Trò chơi kết thúc rồi’?”

“Kit?” Sam thúc giục.

“Tôi không biết. Tôi không biết tại sao! Tôi không biết gì hết.” Kit phát ra âm thanh gì như tiếng nghẹn, dùng nắm tay che miệng mình. “Nghe này, Connie không xấu xa, cô ấy... Tôi yêu cô ấy.”

Tôi hơi giật nảy người, khi từ ‘xấu xa’ gia nhập với chúng tôi trong căn phòng này. Như một luồng khí lạnh.

“Tôi tiếp lời được không?” Tôi nhanh nhẩu, cố gắng để giọng mình nghe có vẻ vô tư hết mức có thể. Cách duy nhất để thoát ra khỏi chuyện này là phải khách quan. Grint cần biết cả tôi và Kit nghĩ gì. Rồi có thể chúng tôi sẽ có sự tiến triển. “Kit nghĩ rằng tôi đã sát hại một người phụ nữ. Hoặc có thể tôi không giết cô ta – có thể đó là ngộ sát hoặc tự vệ, bởi tôi không xấu xa. Dù sao đi nữa, tôi cũng cảm thấy thật tội lỗi và chần chừ, đến mức tôi cố

phong tỏa nó. Tôi thành công trong việc trục xuất số 11 Bentley Grove và hình ảnh người phụ nữ đã chết ra khỏi nhận thức của tôi, nhưng tiềm thức của tôi thì không dễ thỏa hiệp như thế. Cảm giác tội lỗi trào lên và gây rắc rối cho tôi. Như Kit đã nói, tôi là một mớ bòng bong – điều đó hoàn toàn đúng, đó là điều duy nhất chúng tôi đồng ý với nhau. Tôi lập trình địa chỉ ngôi nhà nơi vụ ám sát diễn ra vào định vị của anh ấy. Có thể, thậm chí sâu bên trong, tôi muốn bị bắt và bị trừng phạt.”

“Connie, dừng lại,” Sam nói khẽ, đổi tư thế ngồi trên ghế của mình. Anh ta thực sự không nên làm việc cho cảnh sát nếu bản thân không có khả năng đối mặt với những tình huống bất tiện, căng thẳng.

Tôi lờ anh ta đi và tiếp tục câu chuyện của mình. “Khi ngôi nhà được rao bán, phần biết rõ sự thật bên trong tôi hoảng sợ rằng bất kỳ ai mua nó cũng sẽ tìm ra bằng chứng về tội ác của tôi. Đó là lý do tôi thức cả đêm quan sát nó trên Roundthehouses, nhìn chăm chăm vào hình ảnh của từng căn phòng. Người phụ nữ đã chết và vũng máu biến mất lâu rồi – tôi chắc chắn rằng mình đã xóa sạch mọi dấu vết – nhưng tôi là kẻ hoang tưởng, và trong cơn hoảng loạn của mình, tôi tưởng tượng ra mình vẫn nhìn thấy cảnh tượng tội ác chính xác như lúc trước: cái xác, vũng máu...”

“Chờ một chút đã,” Grint ngắt lời. “Nếu cô tìm xem ngôi nhà để đảm bảo chắc chắn ở đó không còn dấu vết nào của vụ sát hại mình đã gây ra, vậy thì cô không hề phong tỏa ký ức của mình, đúng không? Cô biết mình đã làm gì.”

“Không, tôi không biết,” tôi nói, cảm thấy mất kiên nhẫn vì anh ta bỏ lỡ mất điểm quan trọng đã quá rõ ràng. “Tôi chỉ biết được nó trong tiềm thức thôi. Tôi đã phong tỏa hết: vụ giết người, việc đặt địa chỉ vào định vị vệ tinh – tất cả mọi thứ. Trong nhận thức của tôi, Kit hẳn đã cài đặt địa chỉ đó. Nhưng anh ấy phủ nhận, nên dễ hiểu là tôi nghi ngờ. Tôi bắt đầu đến Cambridge vào thứ Sáu gần như là hàng tuần, cố gắng bắt quả tang anh ấy.” Tôi chùn lại khi hình ảnh của hai bàn tay đầy máu tràn ngập trong tâm trí tôi. Đây những vết đỏ kéo dài qua cổ tay,

xuống tới khuỷu.

“Chị ổn chứ?” Sam hỏi tôi. “Chị có muốn uống một chút nước không?”

“Không. Tôi ổn,” tôi nói dối. “Vào một ngày – ngày thứ Sáu vừa rồi – tôi nhìn thấy số 11 Bentley Grove với tám biển ‘Bán Nhà’ đặt trong vườn. Đêm đó, tôi quyết tâm sục sạo những tấm ảnh trên một trang web bất động sản, để xem tôi có điểm ra được bất kỳ thứ gì thuộc về Kit trong một căn phòng nào đó. Tôi chẳng tìm thấy gì cả – không có dù chỉ một mảnh nhỏ của bằng chứng. Tôi suýt nữa đã đi ngủ với cảm giác lại được chắc chắn: mọi thứ vẫn trong tầm kiểm soát. Cho tới thời điểm này, tôi vẫn thành công trong việc phong tỏa nhận thức về việc mình đã làm, nhưng nhìn lại những hình ảnh của ngôi nhà trên màn hình trước mặt là quá mức chịu đựng của tôi – ký ức bùng lên, và tôi nhìn thấy...” Tôi ngừng lại, nuốt nước bọt. “Tôi thấy cảnh tượng chết chóc, rõ ràng như thể nó đang ở trên trang web thật. Tôi không nhận ra nó là phép chiếu của tâm trí, tôi tin rằng bản thân đã thấy nó trên màn hình máy tính.”

Giờ thì Kit đang khóc mà không buồn che giấu.

“Em chỉ đang nói những điều em biết là anh đang nghĩ.” Tôi bảo anh.

“Để tôi xem liệu mình có hiểu đúng không nhé,” Grint nói. “Cô giết một người phụ nữ, và thành công trong việc che lấp ký ức khỏi chính mình, để rồi sau này cô hầu như không hề hay biết rằng mình đã làm thế. Chỉ có hai lần mà tiềm thức tội lỗi của cô phá vỡ lớp vỏ bọc: một lần khi cô cài đặt địa chỉ vào định vị vệ tinh, và rồi một lần nữa khi cô nhìn thấy xác chết vốn không có ở đó trên trang Roundthehouses.”

“Đó là những gì Kit nghĩ, đúng vậy.”

Grint đẩy ghế ra xa khỏi chiếc bàn, tựa lưng ra sau. Anh ta gõ gõ gót của một bên giày vào mũi chiếc giày còn lại. “Vậy là, khi cô nhìn vào số 11 Bentley Grove trên Roundthehouses, ở mức độ bề ngoài thì cô đang tìm kiếm chứng cứ về sự xuất hiện của chồng trong ngôi nhà đó. Đồng thời, không để cho chính bản

thân nhận thức ra được, thực ra cô đang tìm kiếm bất kỳ chứng cứ nào có thể đã sót lại mà có khả năng kết nối cô với vụ giết người cô gây ra.”

Tôi gượng cười. “Ngu xuẩn, phải không?”

“Vậy thì, cô ta là ai mới được chứ, người phụ nữ bị giết ấy? Tại sao cô lại giết cô ta?”

“Tôi không làm thế. Kit nghĩ như vậy. Tôi đang hy vọng anh sẽ nói với anh ấy rằng viễn cảnh tôi vừa miêu tả là mớ rác rưởi lố bịch nhất anh từng được nghe.”

Grint gõ nhịp ngón tay lên tay vịn ghế. “Mất trí nhớ sau thảm kịch là một công cụ viễn tưởng hữu ích, nhưng tôi chưa bao giờ gặp trường hợp đó ngoài đời thật,” anh ta nói, sau một quãng dừng ngắn. “Dù tôi đã gặp vài kẻ vô lại giả vờ mình bị ảnh hưởng bởi chứng đó.”

“Anh nghĩ sao?” Tôi hỏi Sam.

“Chị cứ nói rằng tất cả những chuyện này là điều Kit tin...”

“Ồ, anh ấy tin mà – nhìn anh ấy xem! Anh đã nghe anh ấy phủ nhận một lời nào chưa? Hay đúng hơn, đó là điều anh ấy muốn tất cả chúng ta nghĩ rằng anh ấy tin. Quan trọng nhất, anh ấy muốn tôi nghĩ rằng anh ấy tin vào điều đó – phải không anh? Anh muốn em sợ hãi rằng mình không thể kiểm soát nổi trí óc bản thân – rằng em có thể đã giết ai đó và chôn vùi ký ức sâu đến mức em không hề hay biết mình đã làm thế!”

Kit lấy tay che mặt. “Ai đó có thể dùng chuyện này lại được không?” anh thầm thì.

“Tôi nghĩ chúng ta nên...” Sam cố gắng giải cứu Kit, nhưng Grint giơ một ngón tay lên để ra dấu cho anh ta im lặng. Vậy là tôi và Grint đối đầu với Kit và Sam, phải không? Hai trong chúng tôi muốn nghe điều tồi tệ nhất, hai người còn lại thì không.

“Tất nhiên, Kit sẽ muốn nói với anh là tôi có tiềm thức rất mạnh,” tôi nói với sự tươi tỉnh giả tạo. Một cách cô đọng hết mức có thể, nhưng không bỏ qua chi tiết đầm máu nào, tôi kể cho Grint về chứng rụng tóc, nôn mửa, liệt cơ mặt của tôi – cách

mà những triệu chứng của tôi đã phá hủy cuộc trốn chạy tới Cambridge vào năm 2003. “Tôi đã hối hận vì không chuyển đi kể từ lúc ấy. Tôi có một chút cảm tình với Cambridge. Tôi đã dựng lên trong tâm trí mình về một nơi này... thiên đường đẹp để văn minh, ngoài tầm với của những người như tôi. Kể cả ở đây, trong đồn cảnh sát – tôi không nói là mình thích thế này, nhưng tôi thà bị tình nghi giết người ở đây còn hơn bất kỳ nơi nào khác.” Trong thâm lặng, tôi tự chúc mừng bản thân vì một màn trình diễn tuyệt hảo, con người mà tôi giả vờ trở thành đang che chở tôi khỏi nỗi đau mà tôi đáng ra sẽ phải chịu đựng nếu không có nó. Nếu Grint là một thám tử giỏi giang, anh ta sẽ có khả năng phân biệt giữa sự điên rồ, lập dị và khiêu hài hước.

“Tôi sẽ coi đó là một lời khen ngợi,” anh ta nói.

“Cambridge, với tôi, nó như thế... một người đã ra đi, nếu điều đó nghe hợp lý. Kit gọi nó là ‘vùng đất của sự toại nguyện đã mất’ của tôi. Đó là một câu trong một bài thơ.”

“A. E. Housman,” Grint mỉm cười. “Ừa vào trái tim ta một luồng hơi chết chóc/ Từ vương quốc xa xôi thổi về/Những ngọn đồi xanh lam được tưởng nhớ kia là chi?/Những đỉnh chóp, những cánh đồng kia là chi?/Là vùng đất của nỗi toại nguyện đã mất/Tôi thấy nơi ấy tỏa sáng đơn thuần/Những con đường tôi đã tới/Và chẳng khi nào còn trở lại thêm một lần.”

Tôi bắt đầu cười. Tôi không thể ngừng lại được.

“Connie.” Sam đặt bàn tay lên cánh tay tôi.

“Có gì buồn cười vậy?” Grint hỏi tôi.

“Chỉ có ở Cambridge cảnh sát mới trích dẫn thơ cho anh. Anh đang củng cố lại những ý tưởng được định trước của tôi đấy.”

“Em im đi được chưa?” Kit quát vào mặt tôi, lần đầu tiên nhìn thẳng vào tôi kể từ khi chúng tôi tới đây. “Em đang tự làm mình xấu hổ đấy.”

Tôi tấn công lại anh. “Em đang làm anh sợ, ý anh là thế. Em nhìn thấu suốt con người anh, và anh ghét em vì thế. Nhìn anh xem – anh gần như chẳng thềm để tâm mà ra vẻ được nữa! Anh đã nói dối quá nhiều rồi, anh đang cạn kiệt năng lượng. Những

sự mâu thuẫn đang dần hé lộ – nếu em lái xe của anh tới Bentley Grove, vậy thì đó là chiếc áo khoác hồng của em ở cửa kính sau, đúng không? Ai vừa nói rằng màu hồng đó trông khác?”

“Cô Bowskill... “ Grint cố chen vào.

Tôi cao giọng lên để chặn họng anh ta, chỉ muốn làm tổn thương Kit, chỉ muốn giáng lên anh vết thương đau đớn nhất mà tôi có thể. “Anh có thực sự nghĩ mình có thể khiến em tin rằng em đang phải chịu một thể loại rối loạn đa nhân cách nào đó, mà Em Trong Tiềm Thức có thể gây ra một tội ác mà Em Trong Nhận Thức không hề hay biết? Thật là lỗ lã! Anh nghĩ em ngu đến mức nào, chính xác đấy? Anh mới là người phải cảm thấy xấu hổ! Kể cả trong những điều kiện riêng đi nữa, việc đó là không thể. Nếu em đang đè nén ký ức về việc sát hại một người phụ nữ, chắc chắn nó phải quay lại với em ngay bây giờ rồi, khi mà chúng ta đang thảo luận về khả năng này hết sức chi tiết?”

Grint đứng thẳng người lên. “Sao tôi không nói cho các vị biết vì sao các vị ở đây nhỉ?” anh ta nói.

Tôi nghe thấy một tiếng thở dài. Tôi không chắc đó là từ Kit hay Sam.

“Tôi có một người phụ nữ tên là Jackie Napier đang ở phòng phỏng vấn tầng dưới. Cái tên đó có gợi lên gì với ai trong hai anh chị không?”

“Không,” tôi nói. Kit lắc đầu. Có khi làm cho anh ghét bỏ tôi lại là cách nhanh gọn, khi anh không còn quan tâm là mình có thể làm tổn thương tôi, có lẽ anh sẽ nói sự thật.

“Jackie đăng nhập vào Roundthehouses vào thời điểm gần như trùng khớp với cô, rạng sáng thứ Bảy.” Grint quan sát tôi, chờ đợi phản ứng. Tôi cố gắng nắm bắt, tiêu hóa điều anh ta đang nói. Theo như tôi hiểu, chỉ có bốn người xuất hiện trong cơn ác mộng của tôi: tôi, Kit, Selina Gane và người phụ nữ đã chết. Không có Jackie nào cả. “Cô ta mở trang của số 11 Bentley Grove,” Grint tiếp tục. “Giống như cô, cô ta cũng nhấn vào nút xem tour ảo. Đoán xem cô ta thấy gì nào?”

Dịch mật trào lên trong cổ họng. Tôi mím chặt môi, sợ rằng mình sẽ nôn mất.

“Cô ta thấy điều chị đã thấy, Connie,” Sam nói. Giọng anh ta có vẻ nhẹ nhõm, như thể anh đã chờ đợi được nói ra điều này từ lâu lắm rồi.

“Miêu tả của cô ta bù trừ cho cô,” Grint nói. “Một lượng máu rất lớn trên sàn, người phụ nữ mái tóc màu tối với váy in hoa, nằm sấp, tóc xòa ra quanh đầu, như thể vừa bị ngã. Nhưng cô biết điều gì làm tôi sốc nhất không? Cô ta nói – và cô cũng đã nói vậy, từ những gì Sam bảo tôi – rằng máu sẫm màu nhất ở gần vùng bụng người phụ nữ đó.”

Tôi nhắm mắt lại và cảnh tượng đó hiện ra lần nữa. “Đáng ra anh nên nói với chúng tôi ngay từ đầu,” tôi khó khăn lắm mới mở miệng được.

“Cô nghĩ vậy à?” Grint nói. “Tôi không đồng ý. Nếu tôi nói với hai vị ngay khi hai người vừa bước vào đây, thành ra là tôi kể chuyện với hai người lạ.”

Như thế có nghĩa là sao?

“Jackie nói cô ta không thể chịu nổi việc nhìn vào nó. Cô ta tắt tour, đi rót cho mình một ly lớn rượu gin và tonic. Cô ta đã nghĩ đến chuyện gọi điện cho người bạn thân, nhưng lại không muốn đánh thức bạn mình dậy. Mười phút sau, cô ta đi xem lại một lần nữa. Vòng thứ hai, không có cái xác người nào cả.”

“Vậy...” Kit giờ đứng thẳng người lên. “Nếu người phụ nữ này thấy điều mà Connie đã thấy...”

“Còn nữa.” Grint tiến về phía cửa sổ, ngón tay móc vào lưới thép đan. “Tôi đã nói chuyện với một người của Roundthehouses. Tour ảo của số 11 Bentley Grove không liên quan gì tới họ – chính người môi giới đang chịu trách nhiệm bán ngôi nhà mới là người cung cấp tất cả các tài liệu – ảnh, tour, kích cỡ các phòng, mọi thứ.”

“Lorraine Turner,” tôi nói, nhớ được tên cô ta từ câu chuyện của Sam về người chủ cũ và cây thông Giáng sinh của họ, vết ố trên tấm thảm.

“Đúng vậy.” Grint mỉm cười. Anh ta trông có vẻ vui vẻ, một cách không hề phù hợp. Tôi hy vọng đó chỉ là anh ta đang tận hưởng cảm giác quyền lực khi đứng trước chúng tôi, chứ không phải cảnh tượng một người phụ nữ chết vì vết thương ở bụng. “Lorraine Turner là người môi giới chào bán số 11 Bentley Grove, nhưng cô ta không liên quan gì đến khía cạnh công nghệ của câu chuyện. Hai người biết bao nhiêu về việc xâm nhập máy tính?”

“Chẳng có gì về máy tính mà Kit không biết,” tôi nói.

“Tôi không phải tin tặc.”

“Nhưng anh hiểu được việc xâm nhập diễn ra như thế nào.” Đó không hẳn là một câu hỏi tu từ mà giống một lời khẳng định hơn. Grint quay qua tôi. “Cô có biết không?”

“Hoàn toàn không.”

“Vậy thì tôi sẽ không dông dài vào chuyện kỹ thuật và cố giữ cho nó đơn giản thôi. Một trong những nhân viên IT của trung tâm môi giới bất động sản gọi lại cho tôi nửa tiếng trước khi hai người đến đây. Ai đó đã xâm nhập vào trang web của họ ngay trước một giờ sáng thứ Bảy. Trông có vẻ như chúng đã thay một tour ảo bằng cái khác – tour có hình cái xác người phụ nữ thay cho bản gốc.”

“Thật vô lý,” Kit nói, mặt xám xịt lại. “Khi tôi xem, không có cái xác, không có máu me nào.”

“Lúc 1 giờ 23 phút sáng, tay tin tặc lại máy mó một lần nữa,” Grint nói. “Hắn hoặc ả ta, tôi nghĩ mình nên nói vậy, bởi người đó có thể là nam hoặc nữ. Tour gốc đã được phục hồi.”

“Nó chưa đến 1 giờ 23 lúc tôi xem,” Kit nói. “Tôi còn nhớ mình đã nhìn giờ trên máy tính, trong đầu nghĩ ‘Mình đang làm cái chết tiệt gì vào cái giờ muộn thế này?’ Lúc đó chính xác là 1 giờ 20. Và tôi không nhấp nút tour ảo một lần nữa – tôi xem tour của Connie, cái mà cô ấy đã khởi động. Lúc đó nó chạy theo vòng lặp. Tại sao tôi lại không thấy cái mà cô ấy đã thấy?” Mắt của Kit đảo quanh phòng, không nhìn cụ thể vào đâu hay vào ai.

“Rất rõ ràng, phải không?” Tôi nói. “Trong phiên bản của tay

tin tặc, hẳn cài đặt để bức hình người phụ nữ đó chỉ xuất hiện một lần trong hai mươi vòng chạy, hoặc một lần mỗi năm mươi vòng.” Không phải tôi đã giải thích chuyện này rồi à? Tại sao Kit lại chọn quên đi?

“Liệu điều đó có khả thi không?” Grint hỏi anh. Bởi vì Kit là chuyên gia máy tính ở đây, hay bởi Grint nghĩ rằng anh là người đã máy mó tour ảo?

“Chuyện gì cũng có thể xảy ra.” Kit nhún vai. Anh thở ra một hơi dài, và sâu. “VẬY là tôi đoán là mình hết trách nhiệm ở đây. Nghĩ mà xem, Connie. Anh ở đâu, ngay trước một giờ sáng? Trên giường, bên cạnh em. Anh đang đọc sách – em đang ngủ. Đang vờ như mình ngủ,” anh tự sửa lời mình. “Lúc 1 giờ 23 anh ở đâu? Quay trở lại giường – tỉnh như sáo và ước là anh đừng thế. Tự hỏi nên chịu đựng những ảo ảnh hoang tưởng của em thêm sáu tháng nữa, hay thu dọn một cái túi và biến mất ngay sáng hôm sau.”

Anh nói đúng. Tôi thấy Grint ghi nhận ánh mắt của sự bại trận trên mặt tôi. Hẳn anh ta đang nghĩ rằng tôi muốn chồng mình bị kết tội xâm nhập máy tính, hoặc lấy hai vợ.

Hoặc giết người.

Điều tôi muốn – tất cả những gì tôi muốn – là hiểu. Là biết. Vào chính khoảnh khắc này, tôi không quan tâm lời giải thích là gì, miễn là có lời giải thích. Nếu Kit không xâm nhập vào trang web của trung tâm bắt động sản...

“Anh định làm gì với việc này?” Tôi hỏi Grint. “Anh đã điều những người làm pháp y kiểm tra tám thăm chưa? Anh đã phỏng vấn Selina Gane chưa?”

Anh ta lờ những câu hỏi của tôi đi, chỉ tay vào tôi, rồi vào Kit. Với ngón tay cái chìa lên, trông như thể anh ta đang giả bộ làm một khẩu súng. “ĐỪNG ĐI Đâu cả. Sam và tôi chuẩn bị nói chuyện với Jackie Napier, rồi chúng tôi sẽ quay lại.” Sam bật dậy, như thể chỉ chờ có thế. Tôi không nghĩ anh ta nhận ra rằng sự xuất hiện của mình là không cần thiết, nhưng anh ta sẽ không phản đối, anh ta sẽ tuân theo người lãnh đạo.

Ngay khi họ vừa rời đi, tôi đứng lên và đi về phía cửa.

“Con, đợi...” Kit giờ tay ra.

“Không,” tôi bảo anh. “Em sẽ không đợi. Em đã đợi quá lâu rồi.”

. . .

Tôi chạy bên ngoài đồn cảnh sát. Đầu tôi nhức nhối, máu chảy quá dồn dập, khi tôi rẽ vào một góc đường, rồi một góc nữa, một góc nữa. Vĩa hè nghiêng ngả. Mắt tôi giật giật, tôi hít không khí vào nhiều hết mức có thể. Chân tôi loạng choạng, không chịu kết nối với phần còn lại của cơ thể. Tôi ngã xuống một đồng gạch trên vĩa hè, dựa vào tường. Một người phụ nữ đi qua cùng hai cậu bé phía sau bà, cả hai đều đang đi trên xe đẩy hai bánh trông như những chú chó kì lạ gầy gò xương. Một trong số đó nói, “Mẹ ơi, sao cô kia lại ngồi trên đường?” Tôi hẳn là trông như bị loạn trí, túm chặt chiếc túi vào ngực mình – như thể tôi sợ rằng ai đó sẽ cướp của tôi.

Khi bạn biết rằng đang có một mối đe dọa, nhưng bạn không biết nó đến từ đâu, sẽ là hợp lý khi sợ hãi tất cả mọi thứ. Tôi không cho rằng bà mẹ ăn mặc rất kiểu cách của các cậu bé sẽ bạn tâm giải thích điều đó cho chúng.

Ngay khi tôi lấy lại được hơi thở của mình, tôi lấy điện thoại ra, gọi số 118118, và hỏi tên của bất kỳ khách sạn nào ở Cambridge có tên bắt đầu bằng ‘D’ hoặc ‘Du’. Sam đã nói ngày hôm qua rằng Selina Gane đang ở tại một khách sạn, khả năng cao là cô ả vẫn còn ở đó. Cô ả có lần từng muốn nói chuyện với tôi, và tôi đã chạy mất. Có thể nếu lúc đó tôi không làm thế, tôi đã tìm ra sự thật nhanh hơn nhiều.

“Có khách sạn Doubletree cạnh khách sạn Hilton Garden House trên đường Granta Place. Đó có phải là cái chị muốn tìm không?”

Có thể là nó.

Đó là khách sạn duy nhất ở trung tâm Cambridge mà bắt đầu bởi chữ 'D'.

“Nổi máy cho tôi,” tôi nói. Cô ả sẽ không có ở đó. Cô ả ở chỗ làm. Tôi giữ máy. Kể cả khi cô ả đi ra ngoài rồi, tôi muốn tìm ra xem có đúng là khách sạn đó hay không.

Tại sao chứ? Mà có định đến thăm cô ả không?

Tôi nghe giọng hướng dẫn tự động: phím 1 cho các cuộc họp và sự kiện, phím 2 để đặt phòng theo nhóm, phím 3 để biết mức giá các phòng nghỉ và đặt phòng cá nhân, phím 4 cho chỉ dẫn và các yêu cầu khác. Tôi nhấn phím 4 và được nối máy tới người tiếp tân, một phụ nữ. Nghe giọng cô ta như người Pháp. Tôi hỏi xem liệu có Bác sĩ Selina Gane nào đang ngụ tại khách sạn hay không, mong chờ một câu trả lời ngắn gọn: có hoặc không.

“Chị sẽ được nối máy ngay bây giờ,” người tiếp tân viên nói. Tim tôi bắt đầu đập nhanh. Tôi cầu mong mình sẽ không ngất xỉu lần nữa. Điều duy nhất ngăn cản tôi nhấn nút ngừng cuộc gọi là niềm tin chắc chắn rằng Selina Gane sẽ không ở trong phòng vào lúc hai rưỡi chiều thứ Ba. Cô ả có thể đã thu âm lại lời chào hộp thư thoại: một vài khách sạn tôi từng nghỉ lại cho phép khách làm thế. Tôi chờ đợi, tự hỏi liệu có phải mình sắp được nghe giọng cô ả không. Tự hỏi giọng nói đó sẽ bảo gì.

Xin hãy để lại lời nhắn sau tiếng bíp, và, phải, tôi đang qua lại với chồng cô.

“A lô?”

Ôi, Chúa ơi. Chết tiệt. Tôi làm gì bây giờ?

Mày muốn nói chuyện với cô ả, phải không?

“Có phải là Selina Gane không?”

“Tôi đây.”

Tôi không thể làm được điều này. Không thể. Phải làm.

“Là tôi đây. Connie Bowskill. Tôi là người đã...” tôi dừng lại. Chính xác thì, tôi đã và đang làm gì đây? “Tôi là người mà...”

“Tôi biết cô là ai,” cô ả cắt lời tôi. “Làm sao cô biết được tôi đang ở khách sạn nào? Làm sao mà cô có được chìa khóa nhà

tôi?”

“Tôi không có...”

“Để tôi yên! Cô là đồ bệnh hoạn! Tôi không biết cô bị làm sao, hay trò chơi của cô là gì, và tôi không muốn biết. Tôi sẽ gọi cảnh sát.”

Có một tiếng cách, rồi đường dây tắt lịm.

Tôi bắt đầu run lên, đột nhiên thấy lạnh băng ở chỗ lồm thượng vị. Khi tôi cố nén cơn run lại, nó lại càng tệ hơn. Ý định bốc đồng đầu tiên của tôi là gọi điện cho Sam, để liên hệ với cảnh sát trước Selina Gane và bảo với họ điều đó không đúng – tôi không có chìa khóa nhà cô ả, tôi không biết cô ả đang nói về điều gì cả. Tôi không thể suy nghĩ liền mạch được nữa. Nếu người phụ nữ đã chết đó là thật, liệu tôi có sắp bị kết tội giết người? Làm sao có thể như vậy được, trong khi tôi chẳng làm gì, trong khi tôi chẳng biết gì? Có thể Selina Gane không cố ý nói dối, có thể đó chỉ là một nhầm lẫn. Tôi cần phải giải thích...

Không. Nghĩ đi, Connie. Nếu mà gọi Sam, anh ta sẽ thuyết phục mà quay trở lại đồn cảnh sát, quay lại chỗ Grint. Và Grint thì sẽ không đưa mà đến nơi mà muốn đâu.

Tôi cần vào trong ngôi nhà ấy. Đó là cách duy nhất. Tôi đã soi xét những tấm hình hết lần này đến lần khác mà vẫn không thể nào nghĩ ra chi tiết còn thiếu, cái bóng đã biến mất khỏi tầm mắt mỗi khi tôi cố gắng tập trung vào nó. Tôi cần phải tự mình có mặt ở đó – tự mình đứng trong căn phòng khách đó, dù có cảm thấy buồn nôn đến thế nào ở nơi ấy. Có lẽ lúc đó mảnh ghép còn thiếu sẽ khớp vào đúng chỗ.

Tôi ước rằng mình có chìa khóa vào nhà số 11 Bentley Grove. Nếu thế, tôi sẽ không phải gọi cuộc điện thoại mà tôi sắp gọi đây. Tôi lần mò trong túi mình, lấy ra một tờ hóa đơn Sainsbury cũ. Có một số điện thoại được viết ở mặt sau của nó: 08433156792. Tôi đã thấy nó trên màn hình máy tính của Grint khoảng một tiếng rưỡi trước, tự hỏi tại sao mình không để ý thấy nó từ trước trên Roundthehouses: số điện thoại dùng để sắp xếp một buổi xem nhà số 11 Bentley Grove, hoặc để hỏi thêm thông tin.

Trong khi Grint, Sam và Kit bận rộn xem xét chiếc xe đen bị làm mờ, tôi xin phép vào nhà vệ sinh để viết nó ra.

Tôi nhập số điện thoại và nhấn nút gọi.

“Connie!”

Kit đang chạy hốc tốc về phía tôi. Không kịp chạy trốn nữa rồi. Tôi cuộn mình lại như một trái bóng, quàng tay ôm lấy đầu gối và tay giữ chiếc điện thoại chặt hơn. Anh sẽ không bắt tôi dừng việc này lại được.

“Cảm ơn Chúa. Anh nghĩ em đã...”

“Trật tự.”

“Em đang gọi cho ai vậy?”

“Em bảo anh trật tự đi mà.” Nhắc máy đi. Nhắc máy đi.

“Em đang gọi cho ai vậy, Connie?”

“Lorraine Turner,” tôi nói, giọng lạnh lùng. “Cô ta có một ngôi nhà cần phải bán. Em sẽ sắp xếp một buổi xem nhà.”

Kit rít lên một câu chửi thề tục tằn và lắc đầu. Tôi cố gắng chỉ lắng nghe tiếng chuông đổ, thích nó hơn là âm thanh chán ghét từ chồng mình. Nhắc máy đi. Làm ơn.

“Em nghĩ họ sẽ dẫn ta đi xem loanh quanh? Một người phụ nữ bị sát hại ở đó, và cảnh sát không nghĩ đến chuyện yêu cầu bên môi giới ngừng việc cho tham quan nhà? Em bị cái quái gì thế? Nhìn em đi, ngồi thu mình trên vỉa hè như một... Em có thực sự biết mình đang làm cái gì không?”

Anh nói đúng. Tôi đã không suy nghĩ. Tất nhiên là Grint sẽ phải bảo với họ không được phép dẫn bất kỳ ai đi xem Bentley Grove hẳn nơi đó giờ đây phải đầy cảnh sát. “Anh không biết gì hết,” tôi nói, giữ chặt điện thoại bên tai. Tôi sẽ không bỏ cuộc, không phải khi Kit đang quan sát tôi.

Những tiếng đổ chuông dừng lại. Ai đó nhắc máy. Giọng một người phụ nữ vang lên, “Lasting Damage.” (Sự Hủy Hoại Dài Lâu).

Tôi không thể thốt nên lời. Hơi thở trong cổ họng tôi đông đặc lại, hóa thành bê tông.

“Sự hủy hoại dài lâu.” Cô ta lặp lại, lần này lớn giọng hơn. Ngân nga. Như thể cô ta đang chế nhạo tôi.

Em có thực sự biết mình đang làm cái gì không?

Sự hủy hoại dài lâu. Sự hủy hoại dài lâu. Sự hủy hoại dài lâu.

Tôi hét lên, ném điện thoại của mình xuống đường. Tôi không muốn nó ở bất kỳ đâu gần tôi.

“Con, sao thế?” Kit ngồi thụp xuống bên cạnh tôi. “Chuyện gì xảy ra vậy?”

“Cô ta nói...” tôi lắc đầu. Không thể là thật. Không thể thể được. Tôi đã nghe thấy, hai lần. “Cô ta nói ‘Lasting Damage’, người phụ nữ trả lời điện thoại. Sao cô ta lại nói thế với em?”

Tôi thấy sự bối rối của mình phản chiếu trong đôi mắt Kit: hoàn toàn không thể hiểu nổi điều gì. Rồi anh hít một hơi thật sâu và gương mặt anh thay đổi. “Cô ta không nói ‘Lasting Damage’, Connie. Cô ta nói ‘Lancing Damisz’ – đó là tên của trung tâm môi giới.”

Tôi vòng tay ôm lấy mình, lắc lư trước sau để làm cho cảm giác ấy biến đi. “Cô ta nói ‘Sự hủy hoại dài lâu.’” Tôi biết mình đã nghe thấy gì.

“Connie... Connie! Lancing Damisz là trung tâm môi giới đang chịu trách nhiệm bán số 11 Bentley Grove. Đó là công ty Lorraine Turner làm việc: Lancing Damisz.”

Lasting Damage. Lancing Damisz. Tôi không biết Kit nói cái tên đó bao nhiêu lần thì tôi mới cho phép bản thân nghe nó. “Sao anh biết được? Sao anh biết được trung tâm môi giới tên là gì?”

Anh nhắm mắt lại, chờ đợi vài giây rồi trả lời. “Anh không thể tin được là em lại không biết. Logo trên trang Roundthehouses. Ngay phía bên trên dòng chữ ‘11 Bentley Grove, Cambridge’. Em không thể hình dung ra ư? Chúng ta vừa dành nửa tiếng đồng hồ nhìn chăm chăm vào nó, với Grint và Sam. Tất cả đều được viết hoa, với chữ D được móc nối vào chữ L, uốn một vòng tròn quanh nó. Anh để ý bởi vì đó là một cái tên lạ. Anh đã nghĩ, ‘Họ hẳn là những người mới – chẳng có Lancing Damisz nào năm

2003 khi chúng ta đi tìm nhà.”

Chữ D móc nối vào chữ L. Đúng thế: những chữ màu xanh hải quân. Tôi không thấu nập cái tên đó bởi tôi không quan tâm trung tâm môi giới nào đang nhận bán số 11 Bentley Grove, tôi đã quá bận bịu tìm kiếm chồng mình trong những bức ảnh.

“Anh... anh có chắc không?” Tôi hỏi Kit. Sao tôi lại có thể không biết cái tên đó? Tôi đã từng gọi cho trung tâm môi giới trước đó rồi – thứ Sáu tuần trước, khi tôi lần đầu thấy tấm biển ‘Bán Nhà’ trong vườn. Tôi đã hỏi xem có ai ở đó có thể ngay lập tức dẫn tôi vào xem nhà được không. Không có ai cả.

“Gọi lại cho họ đi.” Kit liếc chiếc điện thoại vỡ nát của tôi nằm từng mảnh trên đường, rồi cố đưa tôi điện thoại của anh. “Đừng nghe lời của người em không tin tưởng.”

“Không, em...”

“Gọi đi!” Anh vẫy nó trước mặt tôi. “Tự mình chứng minh với mình đi. Có thể rồi sau đó em sẽ nhận ra mình cần được giúp đỡ – một sự trợ giúp về mặt y tế đúng đắn, không phải một bà chữa phép vi lượng đồng căn lang băm vớ vẩn – người có thể nhận ra ngay một kẻ ngốc cả tin dễ lường gạt ngay khi cô ta nhìn thấy.”

Anh thì sao, Kit? Anh có nhận ra một kẻ ngốc cả tin dễ lường gạt ngay khi anh nhìn thấy không?

Tôi tìm lại tờ hóa đơn Sainsbury, nhập vào những con số. Vài giọt nước rơi xuống màn hình điện thoại. Nước mắt. Tôi lau chúng đi. Lần này, có người trả lời chỉ sau một tiếng chuông. “Lancing Damisz.”

Vẫn là giọng nói ấy, người phụ nữ ấy. Những từ ngữ ấy. Sao tôi có thể nghe nhầm được? Tôi chuyển điện thoại lại cho Kit, người đang chờ đợi tôi thừa nhận sai lầm và xin lỗi.

Có để làm gì cơ chứ? Có nghĩa lý gì đâu việc tôi và Kit nói gì với nhau, khi chẳng ai trong hai chúng tôi là đáng tin tưởng?

Thứ Ba, ngày 20-07-2010

“Mới chỉ hai ngày trước thôi,” Jackie Napier trả lời câu hỏi của Sam trong khi mắt nhìn vào Ian Grint. “Hai ngày không phải là khoảng thời gian dài. Tôi đã thấy nó vào thứ Bảy, và việc đầu tiên tôi làm sáng thứ Hai là gọi cho cảnh sát. Tôi đã giải thích cho anh vì sao.”

“Chị có thể giải thích cho tôi không?” Sam hỏi. Jackie rời mắt khỏi Grint để quắc mắt nhìn anh. Cô ta đã lấy ra một chiếc khuyên vòng và dùng đầu của nó để cạo đầu móng tay sơn hồng của mình. Hành động lạ lùng với một người ăn mặc sang chảnh như vậy, Sam nghĩ, vẻ ngoài hoàn hảo và hành động chỉnh tề không đẹp mắt nơi công cộng dường như tương phản lẫn nhau. Lối trang điểm của Jackie trông như thể được thực hiện bởi một chuyên gia, và mái tóc tối màu cắt ngắn kiểu bob của cô ta được tạo kiểu với sự tỉ mỉ của một công trình kiến trúc. Sam không thể hiểu được làm sao mà có thể giữ được dáng hình tam giác thẳng băng như vậy – mà không có giàn giáo hay thanh dầm.

Anh không thể đoán định được tuổi của Jackie như cách anh vẫn đoán tuổi của hầu hết mọi người – cô ta có thể nằm ở bất kỳ đâu giữa hai mươi và bốn mươi. Cô ta có gương mặt tròn giống trẻ con, nhưng đôi chân để trần bị bao phủ bởi những mảng tĩnh mạch xanh hằn lên, giống như những phụ nữ lớn tuổi hơn nhiều. Hoặc có thể nó chẳng liên quan gì đến tuổi tác. Nếu Kate, vợ của Sam ở đây, nàng sẽ nói: ‘Đôi chân có thể không phải lỗi của cô ấy, nhưng cái váy thì có đấy. Quần dài được phát minh ra là có lý do.’ Hay những từ ngữ kiểu như vậy. Những điều khác thường làm Kate khó chịu, những điều mà Sam chẳng bao giờ buồn để tâm: những người mặc quần áo không phù hợp với họ, đồng hồ ở các địa điểm công cộng chỉ sai giờ, những ngôi nhà

với khung cửa sổ màu nâu, máy sấy khí nóng cầm tay.

Sam có ấn tượng rằng Jackie Napier đã mong đợi Grint là người dẫn dắt, và bực bội với việc cả quá trình lại bị một người mới đến – thậm chí còn chẳng phải người ở đây – cướp công, nhưng Grint đã quyết định rằng Sam nên chỉ dẫn cho cuộc phỏng vấn và không hề tham gia gì cho đến giờ. Anh ta ngồi ở một góc xa trong phòng, dùng chiếc lò sưởi làm chỗ để chân. Sam nghĩ đáng ngồi mất thiện cảm như mấy thằng trẻ ranh của anh ta là không phù hợp, và mong anh ta để chân xuống sàn, nhưng anh không hề ảo tưởng về việc ai đang nắm quyền. Dù mình có đi đâu chẳng nữa, một ai khác luôn là người nắm quyền, anh nghĩ. Điều đó chỉ làm anh lo lắng phần nào: anh dành rất nhiều thời gian tự hỏi liệu mình có nên cố gắng đòi nhiều quyền lợi hơn cho bản thân không, và luôn luôn đi đến kết luận rằng anh không muốn nắm quyền kiểm soát người khác, nếu anh có thể cưỡng lại được. Điều anh muốn là những người có quyền lực sẽ hành xử giống như anh nếu anh là họ.

“Tôi không chỉ trích chị,” anh nói với Jackie. “Chị đã cung cấp những thông tin rất hữu ích, và như chị nói, hai ngày không phải là một khoảng thời gian dài lắm.”

“Không, không dài. Tôi phải làm gì cơ chứ, gọi cho cảnh sát và nói: ‘Xin lỗi, nhưng tôi thấy một cái xác trên một trang web bất động sản, chỉ trừ việc bây giờ nó biến mất rồi?’ Ai lại đi nói thế không kia chứ? Sẽ chẳng ai tin tôi hết. Tôi sẽ trông như một con ngốc.”

“Nhưng rồi chị cũng nói mà,” Sam đáp lời.

“Ừ thì, tôi không thể cứ để mặc như vậy được, phải không? Ý tôi là, có thể tôi đã tưởng tượng ra nó, nhưng tôi vẫn phải nói với ai đó, phải không? Nhỡ đâu tôi không tưởng tượng ra? Tôi đã lo lắng về điều đó cho tới khi nó làm tôi khó chịu, tôi đã hỏi tất cả bạn bè – phung phí thời gian, tất cả đều cho những lời khuyên khác nhau. Có người nói, ‘Đừng ngớ ngẩn, không có chuyện cậu nhìn thấy nó đâu’, có người nói, ‘Cậu phải nói cho ai đó’. Nhưng hầu hết mọi người chỉ cười vào mặt tôi, nói thật là như vậy. Chẳng có gì buồn cười cả, anh biết đấy,” cô ta phần nộ nói, như

thể chính Sam đã nói thế. “Sáng thứ Hai, tôi tỉnh dậy và nghĩ, chuyện này sẽ đeo bám mình nếu mình không trút bỏ cái gánh này. Đáng ra nó không phải trách nhiệm của tôi, phải không? Chẳng ai trả tiền cho tôi để đi lo lắng về một người bị sát hại cả. Vậy nên tôi đã gọi cho cảnh sát.” Với Sam, giọng địa phương của cô ta nghe như từ Essex, nhưng cũng có thể đó là giọng Cambridge. Liệu có thứ gì như thế không nhỉ? Anh tự hỏi. Nếu có, đó cũng không phải là một trong những chất giọng địa phương phổ biến, như là Brummie hay Scouse.

“Chị đã làm điều đúng đắn,” anh ta nói.

Jackie gật đầu “Tôi sẵn sàng thế ngay bây giờ: tôi không hề tưởng tượng ra gì cả. Đó không phải là con người tôi, tôi không phải dạng người hay tưởng tượng. Anh hiểu ý tôi là gì chứ?”

Sam hiểu. Jack Napier khác Connie Bowskill đến không thể khác hơn được nữa. Họ ở hai đầu mút trái ngược của thang đo. Với người phụ nữ đã chết nằm ở chính giữa khoảng cách giữa họ.

“Có hai điều về tôi...” Jackie giơ ngón tay đếm. “Một: tôi vô cùng trung thành. Nếu tôi đứng về phía anh, tôi sẽ đứng về phía anh vĩnh viễn. Hai: tôi sống trong thế giới thật, không phải vùng đất thần tiên. Tôi không có các ý tưởng, tôi không lừa dối bản thân mình về cuộc đời mình, vờ như nó tốt đẹp hơn thực tế: Tôi thích được nhìn nhận mọi thứ theo đúng bản chất của nó.”

Có phải ý cô ta là cô ta không có những ý tưởng vượt quá tầm với? Sam tự hỏi. Những ý tưởng đi quá xa, đồng bóng? Hay những ý tưởng, thời điểm? Cô ta đã cho anh một ý tưởng rồi: có thể anh sẽ tô vẽ cho những thiếu hụt của mình bằng một chút ba hoa đổi chiều. Anh tự tưởng tượng mình nói với Proust: ‘Hai điều về tôi, thưa ngài: tôi tránh né sự đối đầu trực tiếp bất cứ khi nào có thể, và để cho các điều tra viên của tôi điều hành mọi thứ xung quanh mình.’ Như thế có khi lại hay – cũng hay ngang việc Sam cố hiến cả ngày hôm nay để giúp Ian Grint trong vụ giết người có-thể-có-thật-mà- cũng-có-thể-không của anh ta, như thể anh chẳng có vụ nào khác để thụ lý nữa.

“Chị nhìn thấy cái xác trên Roundthehouses lúc mấy giờ?”

anh hỏi Jackie.

“Tôi đã nói với thanh tra Grint rồi: khoảng một giờ mười lăm, một giờ hai mươi.”

Và Grint có thể đã nói với Sam rồi. Nhưng Sam mừng là anh ta chưa nói, khi giờ đây anh đã đi xa đến mức này, khi giờ đây Jackie cuối cùng cũng nhìn vào anh, không còn quắc mắt với mỗi lời anh nói nữa. Khi mà, trước đó, anh yêu cầu được thẩm vấn, Grint đã cười khùng khục và nói, “Quá nhiều nỗ lực, không đủ thời gian.” Sam bước vào phòng phỏng vấn, không biết gì hơn ngoài tên của Jackie, và rằng cô ta khẳng định mình thấy thứ mà Connie Bowskill đã thấy. Kết quả là, anh đang tìm hiểu cô ngay từ bước đầu tiên, không bị ảnh hưởng bởi bất kỳ kết luận nào mà Grint đã rút ra từ lần gặp gỡ trước đó với cô ta.

Grint đã đúng: đó là cách tốt hơn để làm. Sam không bị lừa bởi sự suồng sã bề ngoài, Grint có quan tâm đến người phụ nữ bị sát hại đã biến mất của số 11 Bentley Grove. Khi bạn ở trước mặt một người đang thực sự quan tâm đến điều gì đó – còn hơn là vượt ra khỏi sự tận tâm nghề nghiệp – bạn có thể cảm nhận được điều đó trong mọi thứ họ nói và làm. Khi làm việc cùng Grint, Sam có cảm giác ấy – như thể có adrenaline lan tỏa trong không khí, trên những bức tường, thấm vào nội thất – và anh biết mình không phải là người tạo ra nó. Grint giống Simon Waterhouse thật, anh nghĩ. Anh cá là hai tay thám tử sẽ ghét nhau.

“Chị có thường lên mạng vào đêm khuya không?” anh hỏi Jackie.

“Chúa ơi, không. Tôi là dạng người lên giường lúc chín giờ tối đấy. Tôi bị mất ngủ sau mỗi chuyến bay dài. Tôi trở về từ kỳ nghỉ hôm thứ Năm tuần trước, và tôi không bao giờ cảm thấy khỏe khoắn trong suốt vài ngày sau đó, nếu phải đi xa.”

“Chị đi nghỉ mát ở đâu?”

“Matakana ở New Zealand. Anh chưa bao giờ nghe đến nơi đó cả, đúng không?”

Sam đã nghe rồi, nhưng vờ như chưa, đoán rằng Jackie sẽ

thích thú với việc khai sáng cho anh.

“Chị tôi sống ở đó. Đó là một nơi nhỏ bé xinh xắn. Chị ấy có một quán cà phê. À thì, đó thực ra là một phòng trưng bày nghệ thuật – nhưng họ làm bánh và cà phê với các thứ nữa. Không biết gọi nó là gì – nhưng nơi đó có thể đã làm ra được nhiều tiền hơn nếu nó có một cái tên. Tôi luôn nói, chỗ đó rất tuyệt vời cho một kỳ nghỉ, Matakana ấy, nhưng anh sẽ không muốn sống ở đó đâu.”

Sam tự hỏi Jackie có thường xuyên nói điều này trước mặt chị gái mình không, trong khi hưởng thụ sự tiếp đón của chị ấy.

“Chị có phiền không nếu tôi hỏi chị làm nghề gì?”

Jackie quay ngoắt về phía Grint. “Anh chưa kể hết mọi thứ cho anh ta ư?”

“Sẽ có ích hơn cho tôi nếu được nghe từ chị,” Sam nói.

“Tôi là người môi giới bất động sản. Tôi làm việc cho Lancing Damisz. Chúng tôi là những người đang chào bán ngôi nhà có cái xác đó, số 11 Bentley Grove. Anh nghĩ vì sao mà tôi lại lên tìm kiếm trên Roundthehouses?” Cô cau mày. “Anh có phải là một trong những người ghét các nhân viên môi giới bất động sản không?”

“Không, tôi...” Sam nghe thấy tiếng cọt két, và quay lại, Grint đã chọn chính lúc này để đổi tư thế ngồi ghế của mình. Một nhân viên môi giới bất động sản. Đó là điều Sam không hề dự đoán trước, Grint biết rất rõ, đó là lý do cho nét thoáng cười rất nhẹ trên mặt anh ta.

“Khi tôi không ngủ được tối thứ Sáu, tôi nghĩ mình nên xem qua tình hình thị trường trong khi tôi không ở nhà,” Jackie nói. “Tôi biết số 11 Bentley Grove sẽ xuất hiện trên đó – tôi biết người phụ nữ đang bán nó, cô bác sĩ sở hữu nó, bác sĩ Gane. Đáng ra tôi phải lo việc bán nhà một mình, nhưng tôi phải tới New Zealand, vậy nên tôi giao lại cho Lorraine – đồng nghiệp của tôi, Lorraine Turner?”

“VẬY LÀ...” Sam có cảm giác mình đang bị tụt lại đằng sau. “Xin lỗi, chị phải làm rõ điều này với tôi đã: chị nói mình lên

trang Roundthehouses để xem có gì được đem chào bán trong khi chị ra nước ngoài...”

“Đúng vậy. Để xem có gì đã được bán nữa, và xem cái nào đã được chào mua. Để mắt tới đối thủ, kiểm tra xem liệu họ có bán được nhiều hơn chúng tôi không. Thị trường bất động sản đang hoạt động rất sôi nổi ở Cambridge. Cuộc suy thoái không ảnh hưởng quá xấu đến chúng tôi như một số nơi khác, và tình hình hiện giờ đang tiến triển rất tích cực. Bất kỳ ngôi nhà hay căn hộ nào ở khu trung tâm thành phố mà có giá khoảng dưới sáu trăm ngàn bảng được bán ngay sau vài ngày, trừ phi ngôi nhà đó cần trùng tu rất nhiều hay nằm trên một con phố ồn ào. Đó là một sự bổ khuyết và...”

“Rất xin lỗi, tôi phải ngừng chị ở đây.” Sam mỉm cười để bù đắp cho việc xen vào. “Vây là cơ bản chị đang cố gắng để bắt kịp tiến độ trước khi quay lại làm việc.”

“Đúng. Anh thấy đấy, có một điều về tôi là, tôi yêu công việc của mình – nó là nghiệp của tôi chứ không đơn thuần chỉ là nghề. Tôi thậm chí còn nhớ nó khi đi xa. Chẳng còn việc nào khác tôi muốn làm, và đó là sự thật có Chúa chứng giám.”

“Tôi nghĩ đó có lẽ là đáp án cho câu hỏi tôi định nêu ra.” Câu hỏi đáng ra tôi đã nêu ra từ lúc nãy, nếu không phải là cô quá để tâm đến giọng điệu của mình. “Tại sao chị lại xem tour ảo của số 11 Bentley Grove? Tôi đoán là chị cần phải xem nội thất của ngôi nhà để xem nó có được định giá đúng hay không,” Sam tự trả lời câu hỏi của mình, tưởng tượng xem cảm giác sẽ thế nào khi bán nhà là niềm đam mê của đời mình.

“Anh đúng đấy,” Jackie gật đầu một cách nhiệt tình. “Anh nói quá đúng. Dù sao, tôi cũng đã xem bên trong nhà bác sĩ Gane, hai lần. Tôi xem tour ảo bởi tôi tò mò muốn biết liệu có phải cô ấy đã chuyển đi như lúc trước cô ấy nói không. Chỉ là tọc mạch thôi, thật sự là như vậy. Cô ấy từng nói với tôi là mình không thể nào ở lại đó nữa sau những gì đã xảy ra, nói là mình sẽ phải chuyển tới ở tại khách sạn. Tôi nói với cô ấy, ‘Như vậy sẽ tiêu tốn của cô rất nhiều tiền – nghỉ tại khách sạn cho tới khi bán được, và mua được một chỗ khác.’ Lúc đó cô ấy đã chuyển đi xong xuôi

rồi – tôi có thể thấy vậy từ tour. Cô ấy để lại phần lớn đồ đạc của mình trong nhà, nhưng không thấy có bàn chải, kem đánh răng hay giấy vệ sinh trong nhà tắm, không có chồng sách hay ly nước ở bàn bên cạnh giường.” Jackie nhẹ gõ mũi. “Tôi có trực giác, khi nói đến những ngôi nhà – và những con người sống trong đó.”

Và cả những người chết trong đó nữa?

“Tôi còn nhớ mình đã nghĩ: ‘Cô ấy đã đi rồi – chuyển vào ở khách sạn, với cái giá chỉ có Chúa biết được. Đúng là đồ ngốc!’ Và rồi hình ảnh phòng khách hiện ra, và tôi thấy cái xác nằm đó, tất cả chỗ máu...” Jackie rung mình. “Tôi không muốn nhìn thấy bất kỳ thứ gì như thế nữa, cảm ơn rất nhiều.”

“Chị vừa nói: ‘Sau những gì đã xảy ra.’ Tôi e là chị sẽ cần bắt đầu lại từ đầu.” Sam có thể cảm nhận được Grint quan sát anh.

Jackie cười khinh miệt. “Đó là yêu cầu có hơi khó khăn. Như tôi đã nói với cảnh sát Grint, tôi không hiểu chuyện quái gì đang xảy ra, vậy nên làm sao tôi biết được nó bắt đầu lúc nào?” Chán ngịch móng tay, cô ta xỏ lại chiếc khuyên vào lỗ tai.

“Bắt đầu bằng cuộc điện thoại ngày 30 tháng Sáu,” Grint bảo cô ta. Nếu Sam mà là một kiểu người khác – ví dụ nếu anh là Giles Proust – anh có thể đã quay lại và nói, Thanh tra Grint! Rất vui vì anh có thể tham gia cùng chúng tôi.

Jackie thở dài nặng nề. “Tôi đang làm việc. Tôi nghe điện thoại,” cô ta kể lại chuyện bằng một tông giọng nhàm chán. “Một người phụ nữ. Cô ta bảo tên mình là Selina Gane – bác sĩ Selina Gane. Cô ta nói thế có chủ đích. Bình thường người ta không nói vậy – thường chúng tôi sẽ hỏi. Kiểu là, nếu anh gọi cho tôi và nói tên anh là Sam...” Jackie nhăn mũi. “Nhắc lại xem họ của anh là gì nhỉ?”

“Kombothekra.”

“Vậy là anh sẽ nói tên anh là Sam Kombothekra và chúng tôi sẽ nói, ‘Tôi có thể gọi là ông, tiến sĩ hay giáo sư?’ Hoặc, nếu là phụ nữ, chúng tôi sẽ nói, ‘Tôi có thể gọi là cô, bà, tiến sĩ hay giáo sư?’ Chúng tôi không hỏi đại từ ‘chị’ – không được phép, yêu cầu

từ cấp trên. Cái chuyện giữ gìn hình ảnh truyền thống ấy mà.” Jackie làm điệu bộ dẩu nháy. “Thật ra, tôi cứ nhắc đi nhắc lại với mình về nó. Tôi là ‘chị’ – hầu hết các đồng nghiệp của tôi đều là thế. Nhưng Cambridge là Cambridge – rất nhiều người ở đây không nhận ra sự thay đổi ấy sẽ xảy đến với họ dù họ có thích hay không.”

“Cuộc điện thoại,” Grint ngân nga từ cuối phòng. “Ngày 30 tháng Sáu.”

“Vâng, vậy là tôi nhận cuộc điện thoại, bác sĩ Selina Gane xưng tên. Muốn được rao bán nhà, số 11 Bentley Grove, vậy nên tôi sắp xếp một cuộc gặp với cô ta ngay trong ngày tại ngôi nhà. Cô ta có vẻ tốt bụng – không có điều gì về cô ta làm tôi nghi ngờ. Tôi xem xét, đo đạc, thảo luận với cô ta về hoa hồng, quảng cáo, chúng tôi đồng thuận một mức giá chào bán. Tôi chụp một vài tấm ảnh cho tờ rơi...”

“Cô chụp các bức ảnh?” Sam hỏi. “Khi nói chuyện với Lorraine Turner, cô ta nói với tôi là mình đã chụp những bức hình đó.”

“Đúng vậy, bởi tôi đã xóa những tấm của tôi,” Jackie nói, như thể chuyện đó hẳn là hiển nhiên rồi.

“Lorraine chụp những tấm hình được đưa vào tờ rơi và trang web,” Grint góp lời từ chỗ ngồi ở ngoài rìa. “Nhưng đừng nhảy cóc. Cô nói tiếp đi, Jackie.”

“Người phụ nữ – người tự xưng là Selina Gane – cô ta bảo sẽ ghé qua văn phòng của tôi ngày hôm sau, để kiểm tra lại bản mẫu tờ rơi, và đúng là cô ta có làm vậy. Cô ta thay đổi một vài chỗ, và tôi nói, tuyệt, cảm ơn, tôi sẽ gửi một bản tờ rơi khi nó xong xuôi. Cô ta nói không cần phải làm thế – cô ta không cần. Cô ta đưa tôi một chiếc chìa khóa dự phòng, bảo tôi cứ việc sắp xếp các cuộc xem nhà bất cứ khi nào mình muốn, tôi có thể ra, vào thoải mái. Tôi nói là sẽ gọi điện thông báo khi nào tôi chuẩn bị đến, theo đúng phép tắc, nhưng cô ta nói, không, không cần thiết.”

Sam gặp khó khăn trong việc tập trung. Anh biết chuyện gì đó – mà anh không có khả năng dự đoán dù có cố gắng một triệu

năm đi nữa – sắp xảy đến. Liệu Simon có biết được câu chuyện của Jackie sẽ đi tới đâu, nếu cậu ta có ở đây? Liệu cậu ta có sẵn giả thuyết luôn không? Sam căng mình lên để tập trung vào từng từ, và sự tự nhận thức về nỗ lực của mình đang làm ảnh hưởng đến khả năng lắng nghe của anh. Sự xuất hiện lù lù ở đó của Grint chẳng giúp ích gì.

“Lúc tờ rơi đã hoàn thành, tôi gọi sẵn cho một vài người mua trong danh sách ưu tiên,” Jackie tiếp tục. “Bất kỳ ai mà tôi nghĩ có thể quan tâm. Không phải những người từ các trường đại học – tất cả bọn họ đều muốn những tòa nhà cổ kính với những đặc điểm của từng thời kỳ, và không có nhiều những điểm như vậy ở Bentley Grove. May mắn là dân ở khu nghiên cứu khoa học và ở Addenbrooke không quan tâm – người ta muốn lô đất vuông vức, những khu vườn rộng, còn mới và xinh đẹp. Tôi có một gia đình rất nóng lòng được dẫn đi xem, gia đình người Pháp – họ là những người đầu tiên tôi gọi, thật lòng là vậy. Tôi biết họ sẽ là chủ nhân hoàn hảo cho số 11 Bentley Grove.”

Thật là một cách nhìn nhận lạ lùng, Sam nghĩ. Một ngôi nhà cần phải thích hợp cho những người ở, chắc chắn vậy, không phải theo chiều ngược lại.

“Khi tôi dẫn gia đình người Pháp tới xem nhà, tôi tự mình vào và đụng mặt người phụ nữ tôi chưa gặp bao giờ. Ngoại trừ việc tôi đã từng – đã từng thấy một bức hình của cô ấy, một tấm ảnh hộ chiếu. Trông cô ấy rất hoảng hốt, như thể cô ấy nghĩ tôi định tấn công cô ấy, hay đại loại thế. Cô ấy hỏi tôi là ai, tôi đang làm gì trong nhà cô ấy, làm sao mà tôi lại có chìa khóa? Mặt cô ấy trắng bệch – thề có Chúa, tôi đã nghĩ cô ấy sắp ngất đến nơi. Tôi hỏi cô ấy là ai. Cô ấy nói mình là Selina Gane – thì, cô ấy đúng là Selina Gane, giờ tôi đã biết rồi – nhưng không phải người tôi biết với cái tên Selina Gane.” Jackie vỗ nhẹ lên gáy mình, như muốn nhấn mạnh phát hiện của mình. “Cô ấy không hề biết tôi đang định làm gì. Một người đàn bà trời đánh thánh vật nào đó vừa mới đi rao bán ngôi nhà của cô ấy mà không cho cô ấy biết.”

. . .

Charlie đang chụp ảnh. Nhiều hết mức có thể, nhiều hết mức cô có thể: chụp bể bơi từ mọi góc độ, những cái cây ưa thích của cô và cây cối trong vườn, phòng ngủ của cô và Simon. Còn được biết đến với cái tên là địa điểm của lần ân ái duy nhất. Đêm qua, anh đã vòng tay ôm lấy cô trên giường – theo cách của anh, cứng nhắc nghiêm trọng và cố gắng gượng gạo – nhưng cô quá tức giận về chuyện Liv và Gibbs, rồi lại càng bức bối hơn vì Simon chẳng có vẻ gì là bận tâm chuyện cô không muốn.

Cô chụp một tấm cho mỗi căn phòng ngủ trống mà họ không dùng, một vài tấm cho phòng khách, bếp, phòng ăn, những ghế dài tắm nắng khác nhau. Chúa ơi, cô yêu nơi này. Làm sao có thể yêu một nơi mà bạn chẳng cảm thấy gì ngoài nỗi khốn khổ ở đó? Cùng một kiểu khả thi với việc ta yêu một người mà bên người ấy ta khốn khổ, cô đoán vậy.

Một cách miễn cưỡng, cô cũng chụp cả ngọn núi đáng ghét lì lợm không chịu phô bày gương mặt của nó cho bất kỳ ai khác ngoài Simon. Cô đã hỏi Domingo sáng nay, anh ta cũng không nhìn ra được. Từ vẻ hoang mang rõ rệt của anh ta, cô rút ra kết luận rằng chẳng có vị khách nào khác nhắc đến điều đó. Một lần nữa, Simon lại là người khác biệt. Charlie không loại trừ khả năng anh đang giả vờ nhìn thấy thứ gì đấy vốn không tồn tại: một thử nghiệm lý trí kỳ dị của anh.

Cô có nên chụp một tấm hình gian buồng gỗ của Domingo không? Có chứ, tại sao không? Để cho hoàn thiện, cô cần phải có một tấm. Nếu cô có cơ hội nói chuyện với chị mình một lần nữa, cô có thể cho chị xem tấm hình đó và nói, “Đó là nơi em đứng khi em được biết chị ngủ với Chris Gibbs.”

Khi tiến lại gần, cô nghe thấy giọng Simon. Anh đã nói chuyện với Sam được gần một tiếng rồi. Họ định đóng góp cho Domingo một khoản tiền trả hóa đơn điện thoại. Charlie lắng nghe từ bên ngoài cánh cửa để mở: chuyện gì đó liên quan đến

Roundthehouses, trang web bất động sản. Và một vụ giết người, hoặc chết người. Connie Bowskill có liên quan, Simon đã nhắc tên chị ta vài lần lúc bắt đầu cuộc hội thoại, trước khi Charlie từ bỏ việc cố hiểu xem chuyện gì đang xảy ra và bỏ đi tìm máy ảnh của mình.

Cô chụp lại căn lều từ mọi góc độ. Tiến vào căn phòng tối tăm, ngọt ngào có mùi nước hoa cạo râu của Domingo, cô đẩy Simon sang một bên để có thể chụp một tấm hình chiếc ghế làm bằng liễu gai từ phía cánh cửa mở, chiếc chăn màu xanh lam và đỏ rủ phủ lên nó.

Đó là nơi em đang ngồi khi chị phá hủy tuần trăng mật của em, đồ khốn ích kỷ.

“Tôi sẽ cố gắng gọi cho Sam sau,” Simon nói. “Tôi phải tới Puerto Banus, tìm một cái điện thoại khác để gọi cho anh ta. Tôi cảm thấy bị áp lực ở đây, khi người quản gia cứ chờ để lấy lại buồng của anh ta. Không hoàn toàn tập trung được. Gì cơ? Không có phòng khác nữa, chỉ có phòng này và nhà tắm. Chừng nào tôi còn đang dùng điện thoại của anh ta, anh ta phải đứng ngoài.”

Gọi Sam sau ư? Charlie cau mày. Sam là người Simon nói rằng anh đang gọi. Anh gọi cho ai khác sau đó nữa ư? Người Tuyết ư? Không, sự ghét bỏ rõ ràng không hiện lên trong giọng nói của anh, vậy nên không phải là Proust rồi. Vậy thì là Colin Sellers. Chắc hẳn là anh ta.

Simon lầm bầm lời tạm biệt. Anh không bỏ điện thoại xuống ngay. Charlie chụp một bức hình anh thì nó xuống cầm, tự độc thoại với mình – đó luôn là dấu hiệu cho thấy mức độ ám ảnh của anh đang tăng vọt, sắp sửa vượt ra khỏi biểu đồ. “Cười đi, cái đồ khùng nhà anh,” cô nói.

“Anh tưởng em không định chụp ảnh gì cho đến ngày cuối cùng ở đây.”

Cô cười. “Anh nghĩ đây không phải là ngày cuối cùng ở đây của chúng ta? Đừng tự lừa mình nữa.”

Simon lấy chiếc máy ảnh khỏi tay cô. “Em đang nói gì vậy?”

“Anh muốn về nhà.”

“Không, anh không muốn.”

“Sẽ mất vài tiếng nữa để anh thừa nhận với chính mình, thêm vài tiếng nữa để anh lấy được dũng khí bảo với em chúng ta sẽ về.”

“Vớ vẩn. Chúng ta không đi đâu hết.”

“Sellers vừa nói gì đó với anh về một người phụ nữ đã chết. Anh muốn đến đó, nơi có hiện trường. Nơi có cái xác cứng đờ thì đúng hơn.”

“Anh muốn ở đây. Với em.”

Charlie không thể nào để những lời thể thốt của anh xuyên thủng bức tường cảm giận của cô. Cô sẽ rất đau lòng nếu tin tưởng vào anh và rồi anh phản lại lời hứa. “Sao anh lại không muốn về nhà cơ chứ?” cô nói đầy tức tối. “Cô bạn Connie của anh chứng kiến một vụ giết người và muốn kể toàn bộ cho anh. Thật trùng hợp làm sao chị ta lại vô tình bắt gặp cái xác. Liệu người phụ nữ đã chết đó, có khả năng nào, là cô bạn gái của chồng chị ta không?”

“Không ai biết chuyện gì cả.” Simon thở dài. “Nhất là em. Connie Bowskill thấy một xác chết nằm sấp mặt trên một tấm thảm đầm máu trên trang Roundthehouses. Ở một trong số những bức hình chụp nội thất số 11 Bentley Grove – ngôi nhà mà chồng của cô ta lưu trong định vị vệ tinh là ‘Nhà’.”

Charlie nhìn chăm chăm vào anh. “Anh đang nghiêm túc, phải không? Anh đang thực sự nghiêm túc.”

“Vào đêm thứ Sáu, chuyện xảy ra – rạng sáng thứ Bảy.”

“Simon, Roundthehouses là một trang web bất động sản,” Charlie đánh vần từng chữ ra như nói với trẻ con hay với một tên dần. “Không có cái xác nào trên đó hết, chỉ có nhà rao bán. Và cho thuê – đừng quên phần cho thuê của doanh nghiệp. Căn hộ, nhà cấp bốn... không có xác chết nào cả. Có phải Sellers...” Charlie ngừng lại, lắc lắc đầu. “Đây là một trò chọc phien có chủ đích, đúng không? Anh ta có lẽ đã lên kế hoạch được cả tháng trời rồi.”

“Anh chưa nói chuyện với Sellers. Lúc này trên điện thoại là Gibbs.”

Gibbs. Charlie có cảm giác như có một bàn tay vô hình vòng quanh cổ họng cô, siết chặt lấy để không một từ gì có thể thoát ra được. Có lẽ như vậy lại tốt: cơ thể con người thật là sáng suốt khi tạo ra cả một hệ thống nhằm ngăn chặn một người gào thét suốt cả tuần trăng mật của họ.

Chính Chris Gibbs là người mà bốn năm trước, đã thốt ra những lời khiến cho cả thế giới của Charlie như ngừng lại. Anh ta và chỉ anh ta đã thấy biểu cảm trên gương mặt cô khi cô nhận ra mình đã làm gì, khi cuộc đời cô bắt đầu được tháo gỡ – ở nơi công cộng, giữa ban ngày ban mặt, giữa thanh thiên bạch nhật ở khắp mọi nơi. Có lẽ Gibbs chẳng nghĩ gì về điều đó, không nhận thức được rằng anh ta đang chứng kiến sự tàn phá của điều mà Charlie trân trọng nhất trên đời: cảm nhận bản thân là một người xứng đáng với điều gì đó. Đó chẳng phải là lỗi ở Gibbs, tất cả những gì anh ta đã làm là cung cấp cho cô những thông tin cô yêu cầu mà anh ta tìm ra được cho cô. Theo logic thì, cô biết anh ta không làm sai điều gì cả nhưng cô vẫn giữ thành kiến với anh ta y nguyên. Anh ta đã đứng ở hàng đầu tiên và vị trí trung tâm, là khán giả cho cảnh tượng nhục nhã của cô.

“Anh nói anh định gọi cho Sam.”

“Điện thoại của cậu ta tắt nguồn.” Simon vươn người về phía trước để nhìn vào mặt Charlie. “Sao nào? Đừng có trông như thế. Anh chưa nói gì về Olivia đâu đấy. Em đã nghe cuộc nói chuyện rồi – đó là về Connie Bowskill. Gibbs và anh không nói chuyện riêng tư.”

Tất cả mọi người và anh đều không nói chuyện riêng tư.

“Anh dành một tiếng đồng hồ trên điện thoại để tám với Gibbs về những cái xác không có thật trên trang web bất động sản, và anh không nghĩ đến chuyện nói về việc anh ta và bà chị gái phản bội của em đã cố gắng hết sức để phá hủy đám cưới và tuần trăng mật của chúng ta?”

Simon đặt điện thoại của Domingo lại vào đế của nó. “Họ

không thể phá hoại được gì,” anh nói. “Ngoại trừ chính những mối quan hệ của riêng họ, và đó là vấn đề của họ.”

“Anh đã đổi giọng rồi! Đêm qua, anh nói mình luôn nghĩ về ngày cưới của chúng ta như là ngày mà...”

“Không, em mới nói thế. Và em nói với anh rằng anh cũng cảm thấy tương tự – thất vọng, rối rắm...”

“Thì, không phải anh thấy thế sao? Đây là ngày cưới của chúng ta. Họ không có quyền được biến nó thành bất cứ thứ gì khác.”

Simon đi vượt qua Charlie, bước vào dưới nắng mặt trời. “Bất kỳ điều gì thuộc về chúng ta, thì những người duy nhất có thể phá rối chúng là anh và em. Nếu em không muốn tuần trăng mật của mình bị hủy hoại, hãy ngừng đề cập đến chuyện về nhà sớm.”

“Như thế là... anh đang nhầm lẫn giữa hai thứ chẳng liên quan gì đến nhau!”

“Thật ư?” Simon đẩy một cành cây trên đường đi của mình. Những cánh hoa màu cam rơi xuống Charlie, cô phủi chúng khỏi mặt mình.

“Đêm qua, anh nói anh đã mất hết sự tôn trọng dành cho hai người họ.” Cô đang chạy để bắt kịp được anh. “Đó là một lời nói dối sao? Anh đã tha thứ cho họ rồi?”

“Anh không có quyền định đoạt việc tha thứ cho họ hay không. Ừ, anh bớt tôn trọng họ đi. Gibbs đã kết hôn rồi, Liv đáng ra cũng sắp kết hôn. Họ không nên làm việc đó.”

“Giọng anh nghe như thể anh không hề bớt tôn trọng Gibbs đi, lúc này, trên điện thoại. Anh nói năng vẫn y như bình thường.”

“Anh ta có cần biết anh nghĩ gì hay không?” Simon ngồi xuống bậc của bể bơi, thả cặp chân trần của mình xuống ngập đến đầu gối. “Không ngăn được anh nghĩ như vậy.”

Charlie nhắm chặt mắt. Không điều gì cô nói có thể gây ra sự thay đổi gì. Simon và Gibbs vẫn sẽ tiếp tục như thế không có chuyện gì xảy ra – nói chuyện về công việc, chê bai Proust, đi

uống rượu cùng nhau ở Brown Cow. Cô đã mong chờ gì chứ, rằng Simon sẽ phản đối ư? Từ chối nói chuyện với Gibbs cho đến khi anh ta xin lỗi và hứa sẽ để Liv yên?

Giống như tất cả mọi người ở sở Spilling, Gibbs biết chuyện gì đã xảy ra ở buổi tiệc sinh nhật tuổi bốn mươi của Sellers. Anh ta biết Simon và Charlie đã vào trong một phòng ngủ cùng nhau, rằng Simon đã đổi ý và trốn chạy khỏi việc đó, bỏ lại cánh cửa để mở và Charlie khóa thân trên sàn. Stacey, vợ của Sellers, lúc bấy giờ đang đứng ở đầu cầu thang cùng ba người bạn, cô ta đã thấy hết mọi chuyện. Charlie đã cười cho qua tất cả những gợi nhắc về sự việc đó ở chỗ làm, và không nhắc đến nó với bất kỳ ai ngoài chỗ làm. Liv không biết chút gì về việc đó. Chưa biết.

“Anh không tin vào trách nhiệm tập thể,” Simon nói. “Gibbs là người lừa dối Debbie. Anh ta đã gặp Liv nhiều lần trước đó rồi. Họ đã tới Brown Cow với chúng ta bao nhiêu lần rồi, mà không có Debbie hay tên gốc Dom Lund? Chuyện đó có thể đã xảy ra vào bất kỳ thời điểm nào – chẳng cần đến dịp hai chúng ta kết hôn để chuyện nó đến.”

“Thế nếu như Debbie phát hiện ra chúng ta đã biết, mà lại không nói với cô ấy?”

Simon nhìn lên, dùng bàn tay che mắt khỏi ánh mặt trời. “Sao chúng ta lại phải nói cho cô ấy? Đây không phải là việc của mình.”

Cứ như thể cố gắng giải thích cách mà Trái đất vận hành cho một sinh vật ngoài hành tinh. Charlie hít một hơi thật sâu. “Liv là chị gái em. Nếu chuyện vỡ lở, mọi người sẽ cho rằng em đứng về phía chị ấy.”

“Vậy em có thể nói cho họ điều mà em nói với anh đêm qua: rằng em không bao giờ muốn nhìn thấy bản mặt béo phì phản bội lằng lộn của chị ấy một lần nào nữa.”

“Em nói thế à?”

“Anh đã bị thuyết phục đấy,” Simon nói. “Anh không thấy ai mà lại nghi ngờ em được.”

Charlie ghét việc bị gợi nhắc rằng cô đã nói như vậy về chính

chị gái mình. Nhưng đó là lỗi của ai cơ chứ? Ai đã bắt cô phải nói thế? “Debbie rất được yêu quý,” cô nói lên nỗi lo lắng của mình. “Tất cả bạn bè của cô ấy đều là vợ của cảnh sát – vợ của Meakin, của Zlonsnik, của Ed Butler – Debbie là phần trung tâm trong... mạng lưới đó. Cô ấy và Lizzie Proust đến lớp thể dục dưới nước cùng nhau ở Waterfront. Nếu đó là Stacey Sellers, em sẽ không lo lắng nhiều đến thế – tất cả mọi người đều nghĩ cô ta là một ả xấu tính. Và cô ta không phải đang thực hiện thụ tinh trong ống nghiệm, cô ta chưa phải trải qua hàng triệu lần sảy thai bị kịch. Anh có thấy tấm thẻ ‘Chúc May Mắn’ được chuyển đi khắp mọi người, trước khi Debbie thực hiện cái vụ.... hoóc-môn gì đó?”

Simon gật. “Không thể nhét chữ ký của anh vào được, có quá nhiều chữ ký ở đó rồi.”

Charlie vòng tay ôm lấy chính mình, cảm thấy run rẩy. “Tất cả mọi người ở chỗ làm sẽ ghét bỏ em, Simon. Em đã trải qua chuyện đó một lần...”

“Người duy nhất căm ghét em bốn năm trước chính là em.”

“Có vẻ như em vẫn còn nhớ những tờ báo lá cải xin được thể hiện sự ủng hộ,” Charlie cay đắng nói. “Em không thể đổi mặt với chuyện đó một lần nữa, Simon – em không thể đương đầu với việc trở thành kẻ xấu mà mọi người chỉ trở vào.”

“Charlie, tờ The Sun và The Mail không quan tâm đến việc thụ tinh ống nghiệm của Debbie làm quái gì đâu.”

“Sẽ ra sao nếu Debbie phát hiện ra, rồi cô ấy và Gibbs chia tay, rồi Liv trở thành bà Gibbs mới? Bà Zailer-Gibbs, với cái trò mang họ kép khốn kiếp của chị ấy...”

“Em đang tự đẩy mình vào thế khó chằng vì lý do gì cả.”

“Em sẽ rời chỗ làm và rồi chị ấy ở đó, chờ đợi ở bãi gửi xe để đón anh ta sau ca làm. Sẽ không có cách nào thoát khỏi chị ấy cả. Chị ấy có thể chuyển tới Spilling.” Charlie nhún vai. “Anh nghĩ chưa có chuyện gì kiểu như thế này từng xảy ra với chị ấy? Chuyện với Gibbs, chị ấy đã cố tình làm thế đấy.”

“Anh hy vọng thế,” Simon nói. “Vô tình lên giường với Gibbs sẽ là thảm họa với mọi người.”

“Chị ấy luôn luôn thích thể giới của em hơn của chị ấy – loanh quanh ở ngoài lề, chờ đợi em mời chị ấy bước vào. Chị ấy nhìn thấy cơ hội của mình và nắm lấy nó – giờ thì chị ấy đã ở trong rồi. Tất cả những gì chị ấy cần là loại bỏ Debbie. Chị ấy không cần em để tiếp cận nó nữa.”

Không có lời đáp.

“Nói gì đi chứ!” Charlie quát.

Simon nhìn chăm chăm vào mặt nước.

Charlie suy nghĩ về điều cuối cùng anh vừa nói. Anh chưa từng dùng từ ‘lên giường’ theo kiểu như vậy. Chưa từng.

“Simon?”

“Xin lỗi, sao cơ?”

“Anh đang không thèm nghe em nói.”

“Anh biết mình sẽ nghe thấy gì nếu nghe em nói: một ai đó nghiện sự khổ sở. Người sẽ làm bất kỳ giá nào để tạo ra cơ hội được cảm thấy tồi tệ, và khiến người khác cảm thấy tồi tệ.”

Charlie cố đẩy anh xuống bể. Anh tóm lấy cổ tay cô để ngăn cô lại. Cô bỏ cuộc, anh khỏe hơn rất nhiều. Vài giây sau, mọi thứ như thể chưa có chuyện gì xảy ra. Cô ngồi xuống bậc bên cạnh anh. “Anh không nghe bởi anh đang nghĩ đến Connie Bowskill điên rồ, với cái định vị vệ tinh ngớ ngẩn của chị ta và những câu chuyện về xác chết,” cô nói. “Anh ở Spilling thì hơn.”

“Anh có một giả thuyết.”

Charlie rên lên.

“Không phải về Connie Bowskill – về em cơ. Em là người muốn trở về. Em muốn Liv phát hiện thông qua bố mẹ mình rằng chúng ta đã bỏ về sau bốn ngày. Thế là ẩn ý trở nên rõ ràng: một hôm chị ấy gọi em, ngày hôm sau tuần trăng mật chấm hết – rõ ràng rành rành ra đấy. Một giấc mơ lãng mạn bị xé tan, một kiểu thảm họa súc tích...”

“Ôi, anh im đi!”

“Bản án cảm giác tội lỗi chung thân cho chị em.”

“Em hỏi anh một điều được không?” Giọng Charlie vỡ vụn.

“Tại sao anh lại cưới em nếu anh nghĩ em là một con khốn như vậy?”

Simon có vẻ ngạc nhiên. “Anh không nghĩ thế,” anh nói. “Em là con người, tất cả chỉ có thế. Tất cả chúng ta đều có những ý nghĩ chẳng ra gì, tất cả chúng ta đều làm những chuyện chẳng ra sao.”

Charlie muốn anh nói rằng có một sự khác biệt rõ ràng giữa sự chẳng ra gì của mình và của Liv, rằng Liv tệ hơn một trăm lần. Từ rất nhiều năm kinh nghiệm, cô biết rằng điều mà bạn muốn Simon Waterhouse nói sẽ chẳng bao giờ là điều anh ta nói.

Anh nheo mắt. Anh liếc nhìn Charlie, như thể đang tập trung vào việc thôi miên cô. “Lên danh sách những loại người khác nhau – đó là nơi chúng ta khởi đầu. Em đăng hình ảnh một cái xác trên một trang web, hoặc em là kẻ sát nhân...”

“Em không thể tin được chuyện này,” Charlie lầm bầm. Cô bước những bậc của bể để xuống nước và bắt đầu bơi. Chiếc váy dính vào người, đôi xăng đan như thể những viên gạch dán chặt vào bàn chân.

Simon đứng dậy và đi dọc theo bể, song song với cô. “Nếu em không phải tên giết người hoặc tòng phạm, em là ai? Người sở hữu ngôi nhà? Tất nhiên, chủ nhà có thể là kẻ sát nhân. Người môi giới bán nhà? Anh không hiểu làm như thế thì sẽ có kết quả gì, em có hiểu không? Hoặc có thể một người muốn mua. Không gì làm hạ giá tốt hơn máu me và lòng mề khắp sàn.”

“Biến mẹ nhà anh đi, Simon, biến mẹ đi, biến cho khuất mắt tôi đi.”

“Nếu em là kẻ sát nhân và em đăng một tấm hình về cái xác lên mạng, em đang quảng bá việc làm của mình. Nếu em không phải tên giết người...”

“Không có cái xác nào ngoại trừ ở trong đầu Connie Bowskill,” Charlie gào lên át lời anh.

“Anh chưa nói cho em à?” Simon nói. “Một người khác cũng nhìn thấy nó và đã liên hệ với cảnh sát Cambridge.”

“Cái gì?” Charlie dừng bơi. “Ai cơ? Bạn thân của Connie Bowskill? Mẹ của chị ta?” Đấy hẳn là một lời dối trá.

“Nếu em không phải tên giết người, em có ở đó khi chuyện xảy ra không? Em có đang quan sát không? Trốn ở đâu đó? Em có biết chuyện đó sẽ xảy ra không? Em có đang chờ đợi với một chiếc máy quay không? Hay em chỉ đến sau đó và tìm ra cái xác?”

Charlie kéo mình ra khỏi bể. Bây giờ, người cô nặng đi vì nước ngấm đầy quần áo, di chuyển thật nhanh dưới cái nắng còn khó khăn hơn.

“Em đi đâu đấy?” Simon hỏi.

“Em đi đâu đấy?” cô nhại lại câu hỏi. “Charlie có thể đi đâu được nhỉ?” Hãy để cho kẻ thích suy đoán tự suy đoán, cô nghĩ và đi thật nhanh về ngôi nhà gỗ của Domingo. Cô chuẩn bị gọi cho hãng hàng không, hỏi xem mình có thể bay về nhà sớm nhất là lúc nào.

. . .

Sam hiểu, đương nhiên rồi, điều mà Grint nói vào lúc trước: rằng anh ta đã yêu cầu Lorraine Turner đưa tên, địa chỉ và số điện thoại của tất cả những người cô ta đã dẫn đi xem số 11 Bentley Grove cho đến thời điểm hiện tại, cũng như tất cả những người đã hỏi về nó, dù họ không đi xem. Sam đã nghĩ anh ta làm việc đó vì sự thấu đáo, một khao khát muốn được bao quát tất cả các cơ sở thực tiễn, nhưng giờ anh thấy chuyện còn hơn cả như thế. Người phụ nữ đã sử dụng danh tính của Selina Gane và đem rao bán nhà cô ta mà không có sự cho phép của chủ nhân có thể đã quyết định vào vai người mua sau này. Mạch tâm lý rất phù hợp. Đây là một người với toan tính có thể vào được bên trong ngôi nhà bằng cách giả dạng, một người mà ta biết là đã dối trá về danh tính của mình. Sam có thể thấy rằng hẳn cô ả thấy rất thú vị khi lừa phỉnh được một nhân viên khác

của Lancing Damisz.

Và rồi sao? Người phụ nữ không phải Selina Gane đó sẽ làm gì tiếp theo? Đưa ra lời chào mua? Mua ngôi nhà? Mục đích cuối cùng là gì, sau tất cả? Việc suy đoán là vô ích, Sam nghĩ vậy, với quá ít những sự thật vững chắc ở đây.

“Không thể bịa ra được, đúng không?” Jackie bây giờ đang tám chuyện với anh như thể họ là bạn bè lâu năm. “Tôi đứng gần ra đó, với những người Pháp tội nghiệp, những người đáng ra đã mua ngôi nhà, tôi đảm bảo đó, ngoại trừ việc tôi phải nói với họ rằng cuối cùng thì nó vẫn không được rao bán, đây là một nhầm lẫn. ‘Xấu hổ’ không diễn tả được một phần tí ti nào cảm giác ấy! Gia đình người Pháp vô cùng thất vọng. Đó là phần tệ nhất trong công việc của tôi, phải đối mặt với hậu quả tiêu cực về cảm xúc khi mọi thứ đi chệch hướng. Hẳn là cũng tương tự trong nghề của anh.”

Thật đáng tiếc là Jackie Napier không thông minh hơn, một người thông minh hơn sẽ biết rõ phần nào của câu chuyện là quan trọng và phần nào thì không. Sam có một cảm giác tệ hại rằng anh sẽ phải nghe toàn bộ câu chuyện về việc Jackie đã cứu cánh mọi thứ – một ngôi nhà thậm chí còn tốt hơn cho những người Pháp, với khu vườn đầy nắng hơn và khu vực ga-ra tốt hơn hẳn – nếu anh không có bước tiến để tránh né việc đó.

“Tôi cần làm rõ điều này,” anh ta nói. “Chị nói người phụ nữ mình gặp ở số 11 Bentley Grove khi lần đầu chị tới đó không phải là Selina Gane? Người phụ nữ nói với chị là cô ta muốn bán ngôi nhà, người biên tập tờ rơi và đưa cho chị chìa khóa?”

“Cô ta không có tí gì giống bác sĩ Gane cả,” Jackie nói một cách giận dữ.

“Vậy Selina Gane thật là người chị bắt gặp khi chị tới nhà cùng với gia đình người Pháp vài ngày sau đó?”

“Chính xác là một tuần sau đó,” Grint nói. “Thứ Tư ngày 7 tháng Bảy.”

“Tôi đáng ra phải biết ngay khi tôi thấy tấm hình hộ chiếu chết tiệt đó,” Jackie nói, rít lên. “Selina Gane tóc vàng và xinh

đẹp. Người kia thì tóc màu tối và... kiểu là trông tàn nhẫn, nhưng anh đâu có suy nghĩ gì, phải không? Ai đó cho anh xem ảnh hộ chiếu và nói, 'Ngày xưa tôi nhuộm tóc vàng,' anh tin họ, đúng không? Anh không nghĩ rằng, 'Không biết có phải là họ đang giả dạng người khác hay không.' Tôi chẳng có lý do gì để nghi ngờ cô ta cả. Cô ta có chìa khóa vào nhà, vì Chúa – cô ta đang ở trong nhà khi tôi đến để gặp cô ta tại đó. Tất nhiên tôi phải cho rằng đó chính là hộ chiếu của cô ta và nhà của cô ta – ai mà lại không nghĩ thế? Ai lại đi rao bán nhà của người khác? Ý tôi là, tại sao lại có người đi làm thế?"

Tại sao lại có người đăng tải ảnh về một nạn nhân trong vụ sát hại lên một trang web bất động sản?

"Làm sao chị có thể xem được hộ chiếu?" Sam lựa chọn một câu hỏi dễ hơn.

"Chúng tôi cần xem giấy tờ tùy thân của bất kỳ ai sở hữu nhà chúng tôi sẽ bán. Vậy nên chúng tôi biết được họ là những người họ tự xưng tên." Nếu Jackie nhận thức được sự mỉa mai, cô ta đang che giấu nó rất giỏi.

"Chị nói tóc cô ta tối màu, người phụ nữ mà không phải Selina Gane. Vóc dáng của cô ta như thế nào – thấp, cao, béo, gầy?"

"Thấp và gầy. Nhỏ nhắn."

Sam có cảm giác có điều gì đó vụt lên trong tâm trí trước khi anh nhận ra được vì sao. Và rồi anh vỡ lẽ: nhỏ nhắn. Connie Bowskill đã dùng cùng từ đó. Một người phụ nữ tóc màu tối nhỏ nhắn...

Một người đàn bà trời đánh thánh vật nào đó vừa mới đi rao bán ngôi nhà của cô ấy mà không cho cô ấy biết. Đó là điều Jackie đã nói.

Một người đàn bà trời đánh thánh vật nào đó...

"Jackie, người phụ nữ cô thấy trên tour ảo, nằm sắp mặt – liệu có thể nào đó là người cô đã gặp ở số 11 Bentley Grove và giả vờ là Selina Gane?"

Jackie cau mày. "Không. Tôi không nghĩ thế, không. Người phụ nữ đã chết kia – anh có thể thấy phía sau chân của cô ta. Cô

ta da màu tối hơn. Người phụ nữ tôi gặp trắng bệch cơ. Và cô ta đeo nhẫn cưới, nhưng rất mảnh – chẳng dày hơn cái giạt nắp trên lon thiếc là bao nhiêu. Người đã chết kia đeo một chiếc nhẫn cưới dày dặn cơ.”

“Chị chắc chứ?” Sam hỏi.

Jackie gõ một ngón tay của mình lên khuyên tai – chính là chiếc cô ta đã dùng để nghịch móng tay. “Tôi luôn chú ý đến đồ trang sức,” cô ta nói đầy tự hào.

Kể cả khi có một người phụ nữ bị mổ bụng trong cùng tấm ảnh đó, tranh giành sự chú ý của cô? Sam để ý thấy bản thân Jackie không đeo chiếc nhẫn cưới nào, và cảm thấy buồn thay cho người đàn ông xấu số nào có ngày phải đeo một chiếc nhẫn cưới lên ngón tay cô ta.

“Selina Gane thật không đeo nhẫn cưới,” Jackie thêm vào. “Cô ấy không có chồng. Tôi nghĩ cô ấy có thể không muốn – chỉ là cảm giác của riêng tôi thôi.”

Da trắng nhợt. Nhẫn cưới mảnh. Sam quay sang nhìn Grint, thấy rằng anh ta đang cúi gập người, cau mày. Connie Bowskill nhỏ nhắn, với nước da xanh xao và một chiếc nhẫn cưới rất mảnh. Sam đột nhiên rùng mình không thể kiểm soát được. Tại sao Connie Bowskill lại vờ là Selina Gane và rao bán số 11 Bentley Grove? Bởi chị ta nghĩ Selina đang sống ở đó cùng Kit? Sam không thích một lời giải thích như vậy – mạch logic của nó quá mơ hồ. Đó không thể nào là điều đầu tiên bạn nghĩ ra để làm trong tình thế đó? Nếu Connie là người phụ nữ tóc tối màu Jackie gặp ở số 11 Bentley Grove, thì làm sao chị ta lại có trong tay được chiếc chìa khóa?

Grint đã đứng lên, và đang đi cà nhắc về phía bên kia căn phòng. “Chân tê hết cả,” anh ta nói. “Jackie, cô có khẳng định mình sẽ nhận ra mặt người phụ nữ đó nếu cô nhìn thấy mặt cô ta một lần nữa, người đã giả dạng Selina Gane ấy?”

“Chắc chắn rồi. Tôi rất giỏi nhớ mặt.”

Sam nghĩ điều đó còn phải xem đã, khi sự thật là cô ta đã bị lừa bởi tấm ảnh hộ chiếu. Khi anh nhìn lên, anh nhận ra cô ta

đang nhìn chăm chăm vào mình, mặt cô ta đông cứng lại trong một biểu cảm khó chịu. Điều đó làm anh bị sốc, anh đã làm gì sai?

“Anh nghĩ đáng lẽ tôi phải biết được đó không phải là cô ta, từ tấm hộ chiếu. Phải không? Tôi hẳn đã ngu ngốc đến mức nào, đến nỗi không nhìn ra nổi đó là ảnh của người khác? Cô ta đã nghĩ đến chuyện đó. ‘Tôi từng nhuộm tóc vàng,’ cô ta nói. ‘Nó cũng rất hợp với tôi. Thừa nhận đi, trông tôi trên ảnh đẹp hơn ngoài đời thật. Nhiều người có ảnh hộ chiếu trông như kẻ giết người hàng loạt – trong khi ảnh của tôi trông như một minh tinh màn bạc vậy. Buồn thay, hiện thực thì phủ phàng.’”

“Cô ta nói như vậy?”

“Không chính xác là như thế,” Jackie nói. “Tôi không nhớ được chuẩn xác lời cô ta. Đã hơn một tháng rồi. Nhưng cô ta nói vòng vo tam quốc về chuyện cô ta trông không giống như trong ảnh. Cô ta chắc chắn có nói đến kẻ giết người hàng loạt và minh tinh màn bạc.Ồ, cô ta thật thông minh. Cô ta biết tất cả những gì mình cần làm là nói về chuyện người ta trông không giống như trong ảnh hộ chiếu của họ. Nếu cô ta khiến tôi nghĩ về tất cả những người đó, cô ta sẽ không phải thuyết phục tôi – tôi sẽ tự mình làm hết tất cả. Đó là một trong những điều mọi người đều nói đúng không? ‘Trông anh ta không giống ảnh hộ chiếu tí nào cả, tôi ngạc nhiên là anh ta vẫn được nhập cảnh lại về nước đây.’”

Sam phải thừa nhận là cô ta cũng có lý.

“Nếu chúng tôi định giới thiệu với cô – ở đây, hôm nay – với người phụ nữ đã tự nhận mình là Selina Gane thì sao?” Grint hỏi Jackie.

“Tôi sẽ hỏi cô ta đang chơi cái trò quái quỷ gì thế.”

Grint gật đầu. “Tôi cũng sẽ hỏi cô ta một câu chẳng khác gì. Giữa chúng ta, có thể tìm được một lời giải thích từ cô ta.”

Sam không thích điều mà mình vừa nghe. Jackie còn chưa nhận dạng Connie là người phụ nữ cô ta đã gặp, tại sao Grint lại hành xử như thể cô ta đã làm thế, và đề nghị hỗ trợ cô ta? Đó là

chiến lược à? Nếu anh ta thực sự có kế hoạch cho Jackie và Connie vào cùng một phòng, Sam không muốn cũng phải ở đó. Thêm vào đó, còn một điều gì khác nữa làm anh lo lắng, một điều gì đó không phải bất kỳ cái nào anh biết mình đang lo. Anh đột nhiên nhận thức rõ về nỗi lo lắng kéo dài ẩn dưới bề mặt những suy nghĩ của mình. Đó là gì vậy? Nó còn chưa xuất hiện ở đó một khắc trước.

“Tôi muốn nghe phần cuối câu chuyện của Jackie,” anh nói. “Vậy là chị ở đó tại số 11 Bentley Grove, với gia đình người Pháp và một bác sĩ Gane sợ hãi, bối rối – chuyện gì đã xảy ra?”

“Nhà người Pháp vội vàng bỏ đi để gọi cho sếp của tôi và phàn nàn.” Jackie đảo mắt. “Đám khốn nạn vô ơn – tin vào sự chân thật của tôi thì có hại gì đâu, phải không? Họ cho là tôi dựng chuyện. Tôi chưa hề nói chuyện với họ kể từ lúc ấy. Tôi không có ý định đó.”

Vậy là, không có ga-ra siêu xịn và những khu vườn ngập nắng hơn cho người Pháp, Sam nghĩ. Không phải cô ta đã tự mô tả mình là người trung thành, ở ngay đầu cuộc phỏng vấn? Theo kinh nghiệm của Sam, những người tán dương sự trung thành của chính họ thường cố gắng tìm kiếm sự đối xử tương đương, thậm chí là ép buộc nếu cần. Gần như luôn luôn, tồn tại một câu cảnh báo không nói thành lời: nhưng nếu như anh dùng thủ đoạn với tôi, hoặc làm tôi thất vọng...

“Tôi bị bỏ mặc đứng ở đó như một thứ thừa thãi, với Selina Gane đe dọa gọi cảnh sát. Tôi cố gắng làm cho cô ấy bình tĩnh lại, ít nhất đủ để giải thích chuyện gì đã xảy ra. Cô ấy đã hoảng loạn – ai mà lại không thế được? Tôi cũng vậy, thật lòng là thế. Ý tôi là, nó không hề giống với bất cứ chuyện tồi tệ gì từng xảy ra với tôi, nhưng nó làm mình có chút sợ hãi, nghĩ rằng mình đã bị gài bẫy bởi một kẻ lập dị nào đó và mình thậm chí còn không biết tại sao. Điều tôi không hiểu được là, mục đích của tất cả những chuyện đó là gì, từ quan điểm của người phụ nữ tóc sẫm màu kia? Cô ta hẳn là đã lường trước chuyện sẽ xảy ra: tôi sẽ đến để đưa người ta đi thăm nhà, và tôi sẽ gặp bác sĩ Gane thật. Đó là điều cuối cùng cũng phải xảy ra, đúng không?”

Sam tự hỏi liệu mục đích có phải là làm Selina Gane sợ đến mất cả lý trí không. Để khiến cô ấy nghĩ, “Nếu vợ người tình của mình có khả năng làm chuyện này, cô ta còn có thể làm gì nữa?”

“Tôi không cho là Selina Gane đã nói gì về việc người phụ nữ tóc đen kia có thể là ai?”

“Cô ấy nói năng hơi lộn xộn. Lúc đầu khi tôi hỏi cô ấy liệu có ai lại có thể làm thế, cô ấy nói, ‘Tôi biết ai làm rồi.’ Tôi đợi cô ấy nói thêm, nhưng cô ấy lại bắt đầu lảm nhảm về chuyện đổi khóa. Cô ấy tóm lấy quyển danh bạ và bắt đầu tìm số của những nhà làm khóa, rồi cô ấy ném quyển sách xuống sàn, òa khóc và nói làm sao cô ấy có thể ở lại trong nhà sau chuyện này được? ‘Nếu cô ta có thể lấy được bản sao chìa khóa cửa của tôi một lần, cô ta có thể làm thế lần nữa,’ cô ấy nói. Tôi nói cô ấy nên gọi cho cảnh sát.”

“Cô ấy đã nghe lời khuyên của cô,” Grint nói. Anh ta bình luận câu tiếp theo với Sam. “Cô ấy đã trình báo vào thứ Năm ngày mùng 8 tháng Bảy. Trong đó, cô ấy nói rằng bản thân nhận ra có một người phụ nữ tóc tối màu bám theo mình – cô ấy không biết đó là ai, nhưng người phụ nữ này đã loanh quanh ở đó, hành xử lạ lùng. Từ lời trình báo của cô ấy, chúng ta không có cách nào để tìm ra người đó là ai, nhưng rồi sau đó...” Grint quay lại với Jackie. “Đã có một vài tiến triển gần đây.”

Grint không biết về việc trình báo này vào sáng hôm qua, Sam nghĩ, nếu không thì giọng anh ta nghe phải có vẻ quan tâm hơn nhiều vào lần đầu tiên Sam nói chuyện với anh ta về số 11 Bentley Grove và người phụ nữ bị giết hại đã biến mất của Connie Bowskill.

“Tôi phải hỏi chuyện cô ấy,” Jackie nói. “Tôi muốn biết cô ấy nghĩ là ai đã làm thế. Cô ấy nói, ‘Tôi không biết người đó là ai cả.’ Nhưng vài phút sau, cô ấy lại nói mình biết người đó. Cô ấy hẳn là không muốn nói về chuyện ấy.”

Grint và Sam nhìn nhau. Grint nói, “Tôi nghĩ ý cô ấy là cô ấy nghi ngờ rằng người phụ nữ bám theo mình là người chịu trách nhiệm trong việc này – cô ấy biết mình có kẻ bám đuôi, nhưng không biết tên tuổi kẻ bám đuôi đó.”

“Phải rồi,” Jacie nói. “Vâng, tôi cho là thế. Tôi chưa nghĩ đến điều đó.”

“VẬY là chị vút đám tờ rơi vào thùng rác, gõ số 11 Bentley Grove khỏi trang web...” Sam nói.

“Xóa những tấm hình tôi đã chụp, giải thích với sếp chuyện gì đã diễn ra.” Jackie nói có phần cay đắng. “Tôi bị mắng xối xả vì không chịu kiểm tra hộ chiếu cẩn thận.” Cô ta hướng về Sam một cái nhìn nói lên rằng, Tôi biết anh đang đứng về phía ai. “Rồi, ngay trước khi tôi tới New Zealand, tôi nhận được một cuộc điện thoại từ bác sĩ Gane – bác sĩ Gane thật. Tôi đã kiểm tra.”

Sam tự hỏi quá trình kiểm tra nghiêm ngặt đến mức nào, qua điện thoại. Có thật lần này cô đúng là Selina Gane không? Có. Ồ, được rồi, tuyệt.

“Tôi nhận ra giọng cô ấy,” Jackie gắt lên với anh.

“Chắc thế là đủ,” Sam nói đều đều.

“Cô ấy gọi cho tôi bởi cô ấy nói tôi đã rất tốt bụng và cảm thông, vào cái hôm với mấy người Pháp.” Có một vẻ ‘Thấy chưa’ không thể nhầm lẫn được trên mặt Jackie, như thể Sam đã ngờ vực sự tốt đẹp hết sức cốt yếu của cô ta. “Cô ấy muốn bán ngôi nhà và muốn tôi tiếp quản việc đó. Cô ấy nói cảm giác như ngôi nhà không còn là của mình nữa. Tôi có thể hiểu được cảm giác ấy đến từ đâu – tôi cũng sẽ cảm thấy y như vậy nếu ở trong trường hợp đó. Cô ấy nói, ‘Nếu người phụ nữ đó vào được một lần, cô ta có thể đã đột nhập vào cả trăm lần rồi. Tôi không thể sống ở đây sau khi nhận ra rằng cô ta đã xâm phạm khoảng không gian của tôi. Cô ta có thể đã ngủ trên giường của tôi, qua đêm ở đây trong khi tôi đi vắng.’ Tôi bảo cô ấy là tôi không lo việc này được, tôi sắp đi nghỉ mát, và đã nhờ Lorraine gọi cho cô ấy. Cô ấy đồng ý – cô ấy biết Lorraine, từ hồi cô ấy mua ngôi nhà – chính Lorraine là người đã bán nó cho cô ấy. Lorraine đến thăm, chụp những bức hình mới...”

“Khoan đã,” Sam ngăn cô ta lại. “Khi tôi trao đổi với Lorraine Turner, cô ta không nói gì về bất kỳ ai giả dạng Selina Gane và

rao bán ngôi nhà mà cô ấy không hề hay biết.”

“Tôi không cho cô ấy biết,” Jackie nói. “Bác sĩ Gane yêu cầu tôi không được làm vậy.”

“Cô ấy không muốn bất kỳ ai biết chuyện gì đã xảy ra, những người không cần phải biết,” Grint nói với Sam. “Cô ấy cảm thấy phiền lòng và xấu hổ vì nó, không muốn người ta hỏi về việc đó.”

Sam vẫn đang nghĩ về Lorraine Turner, người mà mối quan hệ với số 11 Bentley Grove còn đi xa hơn cả mối quan hệ của Selina, Jackie, Connie. Lorraine đã thay mặt cặp đôi cây thông Giáng sinh, ông bà Beater, bán số 11 Bentley Grove cho Selina. Liệu cô ta có phải là người bán ngôi nhà cho gia đình Beater, khi nó mới được xây, hay người xây nhà tự làm việc đó?

“Tôi nói với Lorraine là gặp bác sĩ Gane ở Addenbrooke hay ở khách sạn của cô ấy để lấy chìa khóa,” Jackie tiếp tục. “Lúc đó tôi nghĩ, ‘Đừng có mà yêu cầu cô ấy gặp cô ở Bentley Grove – cô ấy sẽ không lại gần cái chỗ đó đâu.’ Cô ấy nói với tôi rằng mình sẽ không bao giờ quay lại ngôi nhà đó một lần nào nữa.”

Grint đi về phía cánh cửa phòng thẩm vấn. “Hãy cùng đi và gặp kẻ bám đuôi Selina Gane, được chứ?” anh ta nói. Jackie đứng thẳng lên. Một người nhạy cảm hơn hẳn đã lo lắng, Sam nghĩ, anh chắc chắn là người như vậy. Anh cố tưởng tượng ra cảnh Connie Bowskill thừa nhận điều đó, và không thể nghĩ ra được. Cũng không thể tưởng tượng nổi cảnh chị ta phủ nhận điều đó – làm sao chị ta có thể, nếu Jackie chỉ thẳng mặt một cách thật rõ ràng? Như chính Connie đã nói, thật là khó để giữ vững được sự phủ nhận khi điều mà bạn đang cố gắng chối bỏ bị lật ngược ngay trước mặt bạn và bạn bị buộc phải đối diện với nó.

Nếu như phủ nhận. Sam đột nhiên nghĩ rằng Connie có thể thậm trọng hơn vẻ bề ngoài. Chị ta có thể là một diễn viên giỏi đến mức nào? Cuộc tấn công chỉ-nhìn-thôi-cũng-đau của chị ta nhắm vào chồng mình đầy mâu thuẫn, xoay chuyển từ cáo buộc này sang cáo buộc khác; lúc đó Sam đã cho rằng đó là do sự bối rối và hoảng loạn, nhưng giờ anh không chắc chắn nữa. Lúc đầu, Connie có vẻ tin rằng Kit nghĩ là chị ta là kẻ giết người, và

hoảng sợ rằng anh ta có thể đã đúng. Connie muốn Grint nói giúp mình rằng việc giết một người phụ nữ rồi chôn giấu ký ức đó là không khả thi – chị ta gần như là mớm từng lời cho Grint. Và rồi chị ta thay đổi máu chốt: Kit không thực sự nghĩ là Connie giết ai cả, nhưng Kit muốn chị ta nghĩ đó là điều anh ta tin – muốn găm vào đầu óc chị ta nỗi sợ hãi rằng có thể mình đã gây ra một vụ án mạng mà giờ đây bản thân không còn chút ký ức gì.

Khi lắng nghe, Sam đã tự hỏi làm sao chị ta có thể mang trong mình hai mối nghi ngờ như vậy cùng một lúc. Anh đã rút ra kết luận rằng Connie sợ nhất là không thể kiểm soát được hành vi của chính mình, chị ta thích nghĩ rằng chồng mình là ác quỷ hơn.

Sau khi nói chuyện với Jackie Napier, Sam lại có một giả thuyết khác. Không phải tình cờ mà anh lại chỉ thắc mắc rằng đáp án là gì trong hai cái: Kit kẻ dối trá, Kit kẻ sát nhân, gây nhiều loạn đầu óc vợ mình với hy vọng có thể khiến Connie tự hòa theo niềm tin anh ta dựng lên nhằm đổ cho vợ một tội lỗi chị ta không hề gây ra – hay Connie là nạn nhân xui xẻo của một cơn suy sụp tinh thần, khi mà sự rạn vỡ về mặt tâm lý quá nghiêm trọng, đến mức chị ta không thể bị buộc phải chịu trách nhiệm cho hành động của mình. Không hề tình cờ khi sự lựa chọn đã được ấn định giữa hai khả năng đó và không có khả năng nào khác. Sự chú ý của Sam, và của Grint đã bị chuyển hướng một cách điều luyện khỏi khả năng thứ ba: rằng Connie đã nhận thức rõ và có chủ đích sát hại người phụ nữ. Rằng hình ảnh nhân vật đầy nỗi thống khổ đến gần như mất trí chị ta giả vờ với thế giới chỉ là một sự dối trá đã được hoạch định kỹ lưỡng.

Sam cảm thấy bối rối. Một phần trong anh muốn kéo Grint về một phía và hỏi xem chuyện gì đang xảy ra trên phương diện pháp lý, hỏi xem Selina Gane đã nói gì khi Grint phỏng vấn cô ta, bởi Sam tin rằng anh ta hẳn đã làm vậy rồi. Anh cũng muốn biết liệu những người chủ trước của ngôi nhà, ông và bà Beater, có nhận dạng được vết bẩn trên tấm thảm đó chính là vết mà cây

thông Giáng sinh của họ gây ra hay không, hay liệu có phải Grint sẵn sàng tin vào lời Lorraine. Sam không thể nào làm thế được, vài lần anh định mở miệng bảo với Grint, nhưng rồi lại đổi ý. Không phải vận rủi của anh ta, không phải vấn đề của anh ta.

Đã đến lúc để tự giải thoát cho chính mình và quay trở lại với những đồng đội kém cỏi hơn nhiều của riêng anh. Càng thảo luận về xác người phụ nữ biến mất của số 11 Bentley Grove với Grint, anh càng lún vào sâu hơn. Phỏng vấn Jackie Napier đã là một bước đi quá xa, anh đáng ra nên từ chối. Tại sao anh lại không làm thế kia chứ? Vợ anh, Kate sẽ nói vậy – câu hỏi vô nghĩa nhất từng được đặt ra, và là câu Kate thường xuyên hỏi.

Anh không làm bởi vì anh không làm.

Khi anh theo Grint và Jackie bước lên một bậc hẹp của cái cầu thang xám xịt, Sam thừa nhận với bản thân rằng anh không có sự lựa chọn nào ngoài việc giúp Grint liên lạc với Simon, người chắc hẳn sẽ có khả năng xác nhận rằng Connie đã nói thật về cuộc đối thoại giữa mình và cậu ta. Simon sẽ tạo dựng một ấn tượng về tính cách chị ta, tiêu cực hoặc tích cực. Cậu ta sẽ không ngại phải lựa chọn một vị trí, hoặc nhiều vị trí: đáng tin hay dối trá, điên rồ hay tỉnh táo, nạn nhân hay kẻ thủ ác. Tốt hay xấu. Simon đối mặt với nhiều khái niệm khác nhau hơn những gì Sam có thể cảm thấy thoải mái đối mặt, và tin tưởng vào đánh giá của riêng mình, cậu ta là sự giúp đỡ Grint cần. Ai đó không nói nước đôi liên tục. Sam thường có cảm giác rằng, trong khi đầu óc của phần lớn mọi người giống như các bản tuyên ngôn, nhấn mạnh vào những niềm tin và ràng buộc, thì tâm trí của riêng anh lại có phần giống như chiếc hộp gợi ý hơn, với mỗi khía cạnh của lý lẽ đều được nhồi nhét vào, tất cả đều kêu gào sự chú ý, mỗi cái đều đòi hỏi sự quan tâm tương tự nhau; nhiệm vụ duy nhất của Sam là chốt lại những lời khẳng định đang cạnh tranh với nhau ấy một cách vô tư khách quan nhất có thể. Có thể đó là lý do anh luôn cảm thấy mệt mỏi.

Anh sẽ phải liên lạc với Simon ở Tây Ban Nha và cảnh báo với cậu ta rằng Grint sẽ liên lạc, như thế để cho công bằng. Tuyệt. Ngay lúc đó, Sam không thể nghĩ được bất kỳ điều gì anh muốn

tránh hơn việc chen vào giữa tuần trăng mật, nhất là tuần trăng mật thuộc về Charlie Zailer. Charlie không được biết đến với bản tính dễ tha thứ.

Sam bị sốc khi Grint mở cánh cửa phòng phỏng vấn và thấy vợ chồng Bowskill. Cả hai đều có vẻ hết hơi. Connie trông như thể đã khóc liên tục không nghỉ suốt khoảng thời gian ở riêng với chồng. Có những vết xám trên quần chị ta mà lúc này không có. Chuyện quái gì đã xảy ra thế? Một mùi chua, khó chịu lan tỏa trong không khí, thứ mùi mà Sam không thể tự miêu tả cho bản thân, cũng như không trùng khớp với mùi của bất kỳ thứ gì anh từng ngửi thấy trước đây.

“Sam?” Giọng Connie khản đặc. Mắt chị ta nhìn vào Jackie Napier, nhưng không có vẻ gì là nhận ra cô ta. “Chuyện gì đang xảy ra vậy? Đây có phải người đã thấy cái tôi thấy không?”

Nếu chị ta đang nói dối, Sam nghĩ, thì bây giờ lời nói dối ấy cần thiết cho sự tồn tại của chị ta chẳng kém gì tim phổi, chị ta sẽ bám chặt vào nó bất kể chuyện gì, bởi chị ta không thể đương đầu với cuộc đời mà không có nó. Hầu hết những kẻ nói dối mà Sam đụng độ trong công việc đều ưa những lời dối trá dùng một lần – họ sẽ dựng lên một câu chuyện và trưng nó ra với hy vọng nó sẽ giúp họ giảm nhẹ bản án, nhưng họ biết bản thân đang nói huyền thuyên, đó là cách họ tự định nghĩa nó. Họ không gấn bó về mặt cảm xúc với những cảnh tượng bịa đặt của mình, khi bạn chỉ ra cho họ thấy bạn có thể chứng minh rằng họ không ở chỗ họ nói mình đã ở đó tại một thời điểm nhất định, họ thường nhún vai và nói, “Cũng đáng thử một lần, phải không?”

Sam thẳng người lên để chuẩn bị đối chất. Anh cảm nhận được một cuộc gây gổ mãnh liệt tiềm tàng trong Jackie Napier, luôn luôn canh chừng tìm một cơ hội để thoát ra. Rằng cô ta sẽ tấn công túi bụi Connie Bowskill, bằng từ ngữ nếu như không phải bằng nắm đấm, dường như chẳng có gì để nghi ngờ điều đó. Vậy thì sao phải trì hoãn? Tại sao cô ta lại nhìn chằm chằm vào Connie Bowskill, chẳng nói năng gì?

Jackie quay về phía Grint, miệng cô ta vẽ ra một vẻ thiếu kiên nhẫn. “Đây là ai?” Cô ta chỉ về phía Connie.

Grint mất một giây mới trả lời. “Đây không phải người phụ nữ đã trình cho cô hộ chiếu của Selina Gane ư?”

“Tôi làm cái gì cơ?” Connie nói.

“Anh đang nói cái chết tiệt gì vậy?” Kit quay về phía Sam. “Ý anh ta là gì?”

“Không,” Jackie Napier trả lời một cách giận dữ. “Tôi không biết anh kiếm được cô ta từ đâu ra, nhưng anh có thể đưa cô ta về. Tôi chưa từng gặp cô ta trong đời.”

TANG VẬT SỐ: CB13345/432/24IG

TRƯỜNG TIỂU HỌC CAVENDISH LODGE

Ngày: 13.07.06

Họ tên: Riordan Gilpatrick

Khối: Mẫu giáo bé

Tuổi trung bình: 3 tuổi 4 tháng

Tuổi: 3 tuổi 8 tháng

GIAO TIẾP, NGÔN NGỮ, KỸ NĂNG ĐỌC VIẾT

Riordan đã có nhiều tiến bộ về ngôn ngữ trong năm học này. Bé luôn nói rõ ràng và lưu loát, có khả năng nhớ tốt và rất thích giờ đọc sách. Bé nhận diện và nghe được tất cả các kí tự trong bảng chữ cái và hiện tại đang sử dụng các âm độc lập để xây dựng từ.

PHÁT TRIỂN TOÁN HỌC

Riordan nhận diện được các số tới 9 và đếm tới 18. Bé có thể hoàn thành bức tranh ghép 6 miếng, nhận diện được màu sắc cùng hình khối và biết phân loại theo màu hay kích cỡ. Riordan thích chơi các trò chơi số học và tham gia ca hát.

KIẾN THỨC VÀ HIỂU BIẾT VỀ THẾ GIỚI

Riordan tỏ ra hứng thú với thế giới xung quanh bé và thích tham gia vào các buổi thảo luận của chúng tôi. Bé thích trồng cây bằng hạt và rễ củ, nướng bánh, theo dõi thời tiết hàng ngày cho biểu đồ thời tiết của chúng tôi và học về các chủ đề như Trang Trại, Vòng Đời và 'Những Người Giúp Đỡ Chúng Ta'.

PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT

Khả năng vận động của Riordan rất xuất sắc. Bé vẽ những bức

tranh đáng yêu và xử lý bút chì hoặc bút lông thành thạo. Bé có thể xỏ hạt, sử dụng kéo và tô chữ cẩn thận. Khả năng vận động thô cũng rất tốt: bé thích chạy nhảy, đẩy xe nôi và thích tham gia các trò chơi ngoài sân chơi.

PHÁT TRIỂN SÁNG TẠO

Riordan yêu trò hóa trang và nhập vai trong Góc Gia đình với bạn bè mình! Ngoài ra bé cũng thích sử dụng trí tưởng tượng của mình trong thế giới đồ chơi. Bé luôn hào hứng khi ngồi tại bàn sáng tạo của chúng tôi và tô vẽ những bức tranh đáng yêu rất chi tiết hay ghép các bức tranh lại với nhau.

PHÁT TRIỂN NHÂN CÁCH, TÂM LÝ VÀ XÃ HỘI

Riordan ổn định khá tốt trong năm đầu tiên ở trường và làm quen được với nhiều bạn mới. Bé giao tiếp tốt và luôn quan tâm tới bạn bè mình. Thật vui khi có bé là một phần của lớp: chúng tôi sẽ nhớ bé khi bé chuyển lên mẫu giáo lớn vào năm sau! Tôi chắc rằng bé sẽ thích môi trường mẫu giáo lớn. Con làm tốt lắm, Riordan!.

Giáo Viên: **Teresa Allsopp**



Thứ Sáu, ngày 23-07-2010

“Không có gì à?” Mẹ nhìn bố với sự van nài khẩn thiết trong ánh mắt, như thể bà mong ông sẽ lao ngay vào hành động để sửa chữa sự bất công. “Ý anh là gì, chúng không làm gì hết?”

Kit và tôi đã sẵn sàng. Chúng tôi biết phản ứng mình sẽ phải nhận được. Chúng tôi đã thấy trước hơi thở dồn dập hoảng hốt, sự run rẩy của cơn cuồng loạn trong giọng nói. Chúng tôi cũng dự đoán trước phản ứng của bố, thứ mà bây giờ chúng tôi chưa phải chịu, nhưng chúng tôi đã hoàn toàn sẵn sàng trên mặt trận đó, bởi chúng tôi cũng tiên đoán được sự chậm trễ. Mẹ là người phản ứng ngay tức thì trong hai người, nôn ra cơn hoảng loạn trong quyết tâm đưa ra những cáo buộc mà bà tự cho là đúng đắn. Sẽ mất mười phút – mười lăm phút nhìn từ bên ngoài – trước khi bố đóng góp bất cứ lời nào cho cuộc thảo luận. Cho tới lúc đó, ông sẽ ngồi với đầu gục về phía trước và bàn tay đan vào nhau, cố gắng làm quen với bằng chứng thật khó chịu rằng cuộc đời không phải luôn luôn diễn ra theo cái cách mà Val và Geoff Monk tin là nó nên diễn ra.

Anton sẽ tiếp tục nằm ngang qua tấm thảm phòng khách của tôi, tựa mình lên cánh tay, chủ yếu nói chuyện với Benji về chủ đề ưa thích gần đây của họ: một bộ sưu tập những người ngoài hành tinh giả tưởng có mấy cái tên kiểu như Humungosaur và Echo-Echo. Fran thì làm nhiều việc một lúc, trong khi đảm bảo rằng Benji không phá hoại Melrose Cottage, em sẽ nhắm những lời chỉ trích nửa câu kính nửa đùa giỡn vào bố mẹ như một cách để che chở họ khỏi lời chỉ trích lớn hơn, có sức công phá mạnh hơn mà họ đáng phải nhận.

Ở cạnh gia đình mình, Kit và tôi trở thành những nhà ngoại

cảm đoán đầu trúng đó. Sự dễ đoán của gia đình Monk nên là một sự nhẹ nhõm dễ chịu sau tất cả những gì chúng tôi đã trải qua. Dễ dự đoán được là không phải thế.

“Từ những gì chúng con có thể thu thập được, có một sự xung đột từ bên trong,” Kit nói với mẹ. Lắng nghe anh nói, không ai đoán được anh cảm thấy khốn khổ và lạc lõng đến thế nào. Mỗi khi bố mẹ tôi xuất hiện, anh lại đóng vai chàng rể thông thái, mạnh mẽ, giỏi giang, anh từng nói với tôi rằng mình thích thế – anh muốn trở thành người như vậy. “Ian Grint không muốn từ bỏ, nhưng anh ta đang chịu áp lực. Rất nặng nề, hay cũng có thể đó là ấn tượng chúng ta có từ Sam Kombothekra.”

“Nhưng Connie đã thấy... cái thứ kinh khủng đó! Một người khác cũng nhìn thấy nó. Làm sao mà cảnh sát có thể tiếp tục như không có chuyện gì xảy ra? Hẳn phải có gì đó họ có thể làm chứ.” Bất kỳ ai đang nghe mà không phải là chuyên gia thấu hiểu suy nghĩ trong đầu mẹ hẳn sẽ nghĩ rằng bà đã quên mất là lúc đầu bà không hề tin tôi. Đó là điều hầu hết mọi người sẽ làm: nói một đằng, rồi, khi nó được chứng minh là sai, nói một nẻo khác và chọn cách quên đi rằng lần nào đó họ từng chọn sai. Không phải với Val Monk, bà không thể nào có cái kiểu bảo-toàn-cái-tôi-tự-lừa-dối-mình thường thấy. Bà giải thích cho tôi và Kit vào tối thứ Ba, khi chúng tôi đã quá kiệt sức sau một ngày với Grint để tranh cãi nổi với bà, rằng bà chẳng có gì để tự trách mình cả: bà đã đúng khi không tin tôi ngay từ đầu vì chẳng ai biết về Jackie Napier ở thời điểm đó, và, nếu không có cô ta chứng thực, điều tôi nói không thể nào là thật được. Sau đó, ngay khi chỉ còn hai đứa, Kit bảo tôi, “Vậy là, tóm lại tình hình của mẹ em: bà đã đúng khi không tin em lúc đó cũng như đã đúng khi tin em bây giờ. Dù cho chuyện gì là thật bây giờ, nó chắc chắn cũng là thật lúc đó.” Chúng tôi cười với nhau về điều ấy – thực sự bật cười – và tôi nghĩ thật lạ lùng làm sao khi ngay giữa tất cả những sự khổ sở, không rõ ràng và sợ hãi, sau một ngày bị hỏi cung bởi những tay thám tử vốn không thích cũng không tin bất kỳ ai trong chúng tôi, Kit và tôi vẫn có thể thu

nhặt được một chút niềm an ủi từ sở thích xưa cũ là xé toạc mẹ tôi thành từng mảnh.

“Vấn đề nằm ở việc thiếu hụt chứng cứ có tính pháp lý,” Kit đang giải thích cho bà. “Họ đã lục soát từng inch một của số 11 Bentley Grove, lấy tấm thảm, nạy gỗ trải sàn – cơ bản là họ đã tháo rời ngôi nhà ra và gửi rất nhiều phần nhỏ đi phân tích, nhưng họ không tìm được gì cả. Chà, không hẳn, họ tìm ra còn hơn cả không gì cả,” Kit tự sửa lời mình. “Họ tìm ra không một điều gì hết theo cái cách mà rất có ý nghĩa.”

“Hai mươi tí nhiều hơn không gì cả, phải không, bố?” Benji hỏi Anton, đập đập lên chân cậu ta bằng một món đồ chơi người ngoài hành tinh bằng nhựa màu xám.

“Cái gì cũng nhiều hơn không gì cả, anh bạn ạ.” Nếu tôi và Kit vẫn bình thường với nhau, thì giờ tôi đã nhìn anh và gửi đi một thông điệp im lặng: Có thể nào đây là điều sâu sắc nhất Anton từng nói không?

“Sam nói với chúng con có hai kiểu không có kết quả, theo các định nghĩa pháp lý,” Kit tiếp tục. “Kiểu có thể đưa ra kết luận và kiểu không cho kết luận.”

Vẫn bắt kịp tụi này chứ, Anton?

“Như thế tức là sao?” Mẹ nói một cách sốt ruột.

“Mẹ có thể không tìm thấy gì ở nơi có thể là hiện trường của một vụ án mạng và vẫn không biết được liệu có tội ác nào đã xảy ra hay không. Hoặc là, như trong trường hợp này, mẹ không thể tìm thấy bằng chứng pháp lý nào và có thể nói mà không nghi ngờ gì rằng một tội ác cụ thể đã không xảy ra ở đây. Sam nói không có cách nào mà trong ngôi nhà đó từng tồn tại một lượng máu lớn như cả Connie và Jackie Napier đã mô tả mà lại không để lại... tàn dư có giá trị pháp lý nào. Bởi vì nó không...” Kit nhún vai. “Cảnh sát chẳng có gì để điều tra. Về mặt pháp lý, họ phải kết luận rằng không ai bị giết ở đó cả. Họ đã có một người môi giới bất động sản và hai người chủ cũ thể độc rằng tấm thảm hiện tại trong phòng khách đúng là tấm đã ở đó nhiều năm rồi, kể từ trước khi người chủ hiện tại chuyển vào. Họ đã

hỏi chuyện với hàng xóm xung quanh, những người không nói được gì nhiều, ngoại trừ việc Bentley Grove là một con phố yên tĩnh đáng yêu. Không có người bị mất tích nào trùng với mô tả mà Connie và Jackie Napier trình bày với họ, và chẳng có cái xác nào. Họ có thể làm gì được?”

“Họ là cảnh sát,” mẹ nói, mím môi lại. “Phải có điều gì đấy – một góc độ mà họ chưa nghĩ tới, một điều gì khác họ có thể theo đuổi.”

“Kit đang cố giải thích với mẹ là không có đâu,” Fran bảo bà. Tôi tự hỏi liệu em ấy có cảm thấy phiền muộn khi nói đỡ cho người đàn ông mà em tin là một kẻ dối trá với một cuộc đời bí mật. Em ấy chưa hề kể gì về cuộc nói chuyện của chúng tôi hôm thứ Hai – chưa kể với bố mẹ, chưa kể với Anton. Họ không biết gì về địa chỉ trong định vị của Kit, hay chiếc xe của anh trên mục Cảnh Đường Phố. Tôi không yêu cầu em ấy không được kể với ai, em ấy tự quyết định rằng tất cả chúng tôi nên tiếp tục chơi trò “Gia đình Gắt gỏng Hạnh phúc.” Em đang đóng vai của mình hoàn toàn tự nguyện giống như Kit đóng vai của anh.

Và mày thì sao, Connie? Tại sao mày lại không nói gì? Tại sao mày không bảo với mọi người chồng mình có thể là kẻ sát nhân?

“Ian Grint không phải là đồ ngốc, mẹ Val à,” Kit cố xoa dịu mẹ. “Anh ta biết Connie và cái cô Jackie này đang nói sự thật. Sam nghĩ sếp của anh ta cũng biết điều đó, nhưng hãy nhìn từ quan điểm của họ. Nếu một vụ giết người đã diễn ra, họ chẳng có cái xác, chẳng có nghi phạm, chẳng có bằng chứng nào ngoại trừ lời khai của hai nhân chứng và không có cách nào để tiến hành cả. Hoàn toàn bị chặt đứt vây cánh, phải không? Không quá tệ với Grint – anh ta chỉ là cảnh sát điều tra, không phải đứng mũi chịu sào. Thanh tra cấp trên của anh ta mới là người chịu mọi rủi ro khi thông báo ‘Đây không phải một vụ phạm tội, nó có thể chỉ là một trò chơi khăm – hãy cứ cho là như thế và quên chuyện này đi.’”

“Một trò chơi khăm?” Mẹ lại lôi kéo sự chú ý của bố một lần nữa. “Anh có nghe thấy không, Geoff? Giết chết ai đó, giờ đây, là một trò chơi, phải không? Để mặc họ chảy máu trên tấm

thảm...”

“Mẹ à, vì Chúa.” Fran làm vẻ mặt ám chỉ sự suy sụp tinh thần. “Kit đang muốn nói rằng cảnh sát nghĩ là không có vụ sát hại nào hết – trò chơi khăm ở đây là kiếm ai đó nằm trên một vũng sơn đỏ, hay sốt cà chua...”

“Chị biết sự khác biệt giữa máu và sơn,” tôi nói.

“Thế loại chơi khăm gì mà lại thế?” Mẹ thắc mắc. “Không vui vẻ gì lắm, đúng không? Người phụ nữ đầu óc bình thường nào lại làm hỏng một cái váy đẹp bằng cách nằm lên sơn?”

“Sam và Grint đều cho rằng giả thuyết trò chơi khăm thật ngu ngốc, cũng y như mọi người ở đây nghĩ vậy,” Kit nói. “Ai đó cấp cao hơn trong sở cảnh sát Cambridge đã gợi ý như vậy khi họ tìm ra rằng người nào xâm nhập vào trang web và thay đổi tour ảo cũng đổi nó lại như cũ vào nửa tiếng sau. Con không hiểu tại sao chuyện đó lại đáng quan tâm, và con không chắc là Sam và Ian Grint hiểu, nhưng không có nhiều thứ chúng con có thể làm. Quyết định đã được đưa ra rồi.”

“Và con sẽ chỉ ngồi đó và chẳng làm gì hết?” Mẹ nhìn tôi trong nỗi bàng hoàng. “Vờ như nó chưa bao giờ xảy ra? Thế còn trách nhiệm của con với người phụ nữ tội nghiệp đó, dù cô ta có là ai đi nữa?”

“Connie có thể làm gì được?” Kit hỏi.

“Con có thể xin vào làm cảnh sát trưởng vùng Cambridge,” tôi gợi ý.

“Bánh đầu rồi, bố ời?” Benji hỏi Anton. “Khi nào thì chúng ta sẽ tặng quà cho bác Connie?”

Tôi không biết thằng bé đang nói về cái gì. Rồi tôi nhớ ra đây đáng lẽ phải là tiệc sinh nhật của tôi. Hôm nay là sinh nhật tôi. Giống như tất cả những buổi lễ kỷ niệm của nhà Monk, nó bắt đầu lúc 5 giờ 45 phút chiều và sẽ kết thúc lúc 7 giờ 15 phút, để Benji có thể ở trên giường lúc 8 giờ.

“Việc đầu tiên phải làm sáng thứ Hai, Kit, con gọi cho cảnh sát,” bố nói. Chào mừng bố đến với cuộc hội thoại. “Con nói với họ rằng con nghĩ đây là một chuyện đáng hổ thẹn – con muốn

câu trả lời và con muốn phải có ngay. Con muốn biết họ có kế hoạch hành động gì, và tốt hơn là họ nên có kế hoạch hành động gì đó đi.”

“Đúng rồi.” Mẹ gật gù hưởng ứng.

“Nếu họ gây rối với con, con đe dọa sẽ tìm tới báo chí. Nếu họ vẫn không chịu động tay, con cứ thế mà làm. Ngay giây phút chuyện được lên báo địa phương, ngay giây phút người dân Cambridge biết về chuyện này và bắt đầu hoảng hốt, sẽ chẳng có lỗi nể nào cho Ian Grint và bầy của anh ta chui xuống nữa.”

“Bố, bố đang nói cái gì vậy?” Fran bật cười. “Người dân địa phương sẽ không hoảng loạn đâu. Bố làm cho chuyện nghe như kiểu có một tên cuồng loạn đang miệt mài giết chóc, đi lang thang khắp các con phố Cambridge. Liệu bố có hoảng không, nếu bố nghe rằng ai đó đã bị giết ở Little Holling, nếu bố chẳng có lý do gì để nghĩ rằng mình đang gặp nguy hiểm?”

“Chuyện đó sẽ không bao giờ xảy ra,” mẹ nói. “Đó là lý do chúng ta sống ở Little Holling – bởi vì nó an toàn và không kẻ nào có thể sát hại chúng ta trong nhà mình.”

“Cambridge không hoàn toàn là Rwanda, phải không, và có vẻ như có ai đó đã bị giết ở đó,” Fran vặc lại bà.

“Cambridge là một thành phố, với... nhiều người từ khắp mọi nơi đến sống ở đó. Không ai biết ai trong thành phố, không có không khí cộng đồng. Không có điều gì giống thứ Connie đã thấy lại xảy ra ở đây cả, và nếu như có, cảnh sát sẽ điều tra cẩn thận.”

“Mẹ định nghĩa ‘ở đây’ xem nào.” Fran nhìn về phía tôi tìm sự ủng hộ. Tôi nhìn đi chỗ khác. Tôi không thể mạo hiểm dính líu vào bất kỳ hình thức tranh luận nào với mẹ, phòng khi tôi bị cuốn theo và vô tình nhắc rằng giả như có một vụ án mạng xảy ra ở Little Holling thật, có khả năng cao sẽ là vụ mà nạn nhân là bà, do tôi sát hại. “Cambridge không xa đến thế. Con chắc chắn nó có tỉ lệ án mạng tương đối thấp, bởi người dân sống ở đó về cơ bản là khá thông minh và có nhiều việc hay ho để làm hơn là giết chóc lẫn nhau. Trong khi ở Culver Valley...”

“Culver Valley là một trong những nơi an toàn nhất nước Anh,” bố nói.

“Bố đùa con à? Anton, nói cho bố đi! Bố không đọc hai tờ báo địa phương à? Ở Spilling và Silsford trong vài năm gần đây, đã có...” Fran ngừng lại. Benji đang nín tay em. “Ừ, con yêu? Sao thế?”

“Án mạng là gì vậy? Có phải là một người chết khi người ta được một trăm tuổi không?”

“Giờ thì nhìn xem con vừa làm gì!” Mẹ hét vào mặt Fran. “Benji bé nhỏ tội nghiệp. Cháu không có gì phải lo lắng đâu, thiên thần nhỏ ạ. Tất cả chúng ta đều sẽ tới thiên đường khi chúng ta chết và ở trên thiên đường thì rất tuyệt – phải không nào, ông ngoại?”

“Thiên thần?” Fran trông có vẻ sẵn sàng nhảy bổ vào. Tôi không nghĩ là mình từng trông thấy em ấy giận dữ đến mức này trước đây. “Ngay bây giờ, chúng ta đang ở trên Trái đất, mẹ ạ, không phải thiên đường, và tên thằng bé là Benji.”

“Làm ngay sáng thứ Hai đi, Kit.” Bố ra hiệu bằng ngón tay. “Con phải khiến cho anh chàng cảnh sát Ian Grint đấy không thể nào không để ý đến được.”

Tôi phải trốn khỏi tất cả bọn họ. Tôi lăm bằm điều gì đó về trà và bánh ngọt, và ép bản thân rời khỏi phòng với một tốc độ bình thường, thay vì bỏ chạy, điều mà tôi muốn làm. Vào trong bếp, tôi đóng cửa lại và tựa vào cửa. Bao lâu nữa tôi mới có thể trốn thoát khỏi việc phải sống ở đây? Mãi mãi ư?

Tiếng gõ cửa chen ngang vào những mơ tưởng của tôi. Kit. Hẳn là anh – tôi vẫn nghe được mẹ, bố và Fran đang tranh luận trong phòng khách. Tôi không muốn cho anh vào, nhưng vì tôi là người đồng chủ mưu với anh nên chẳng có sự lựa chọn nào khác. Có thể anh có chuyện quan trọng muốn nói về việc giữ vững sự dối trá mà chúng tôi đang trưng ra với gia đình tôi chiều nay: cuộc hôn nhân hạnh phúc giả tạo của chúng tôi.

“Em ổn không?” anh hỏi tôi.

“Không. Anh thì sao?”

“Chỉ đang cố cảm thấy thoải mái. Hãy cùng pha trà và lấy bánh, rồi có thể chúng ta sẽ loại bỏ được họ sớm thôi.”

“Họ sẽ về đúng lúc bảy giờ mười lăm, dù mình có làm hay không làm gì,” tôi nói. Đáng ra Kit phải biết rằng không nên hy vọng chuyện gì khác có thể xảy ra. “Bố và Anton sẽ đi thẳng đến quán rượu cho đêm thứ Sáu bia bọt của họ, và mẹ sẽ bận rộn trong suốt ít nhất nửa tiếng để giúp Fran cho Benji đi ngủ. Em sẽ chở anh tới ga lúc bảy giờ hai mươi lăm – bằng cách đó em có thể về kịp trước khi tất cả mọi người đều trở về. Nếu bất kỳ ai trong số họ buồn nhìn ngó, họ sẽ thấy cả hai chiếc xe của chúng ta và cho rằng chúng ta đều đang ở đây.”

Kit gật đầu. Tôi rót đầy ấm và bật nó lên, lấy chiếc bánh sinh nhật mua từ cửa hàng ra khỏi giỏ bánh mì. Tôi chọn loại đắt tiền nhất trong siêu thị, như thể việc đó có thể bù đắp cho bất kỳ điều gì. Tôi xếp những chiếc tách, đĩa đựng chén và thìa uống trà vào một chiếc khay, rót đầy sữa vào bình, cạo lớp đường bị đổi màu ở trên bề mặt để mẹ không phải bật như lò xo khi bà nhìn vào trong bát. Cuối cùng, không kém phần quan trọng, một cốc đồng có nắp đầy nước táo cho Benji, đứa bé năm tuổi duy nhất trên thế giới này vẫn còn uống nước từ cốc cho bé sơ sinh.

Kit lấy những chiếc đĩa sạch ra khỏi máy rửa bát. “Ngày mai, em sẽ dành cả ngày ở chỗ bố và mẹ,” tôi bảo. Anh chìa ra một con dao có răng cưa lớn cho tôi cầm. “Nếu em ở đó, sẽ không ai trong số họ tới đây. Em sẽ bảo họ là anh ở nhà làm việc.”

“Chuyện này thật điên khùng, Con. Sao chúng ta không thể nói cho họ sự thật? Dự án hiện tại của chúng ta đang đến giai đoạn cực kỳ quan trọng ở London, người ta cần anh làm việc ở đó toàn thời gian, vậy nên anh đã quyết định ở lại căn hộ trong tương lai gần.”

Tôi lấy con dao từ tay anh. “Đó không phải sự thật, Kit.”

“Em biết ý anh là gì mà,” anh nói một cách mất kiên nhẫn, như thể tôi đang vạch lá tìm sâu. “Không phải sự thật hoàn toàn, nhưng... chẳng lẽ chúng ta không thể nói với họ điều gì đó gần với sự thật, để mình không phải giả vờ là anh đang sống ở

đây trong khi thật ra là không phải?” Tôi quan sát lúc anh quyết định nói thêm, và biết được anh sẽ nói gì. “Hoặc mình có thể biến lời nói dối của chúng ta thành sự thật: em có thể để anh chuyển về lại.”

“Đừng.” Tôi đẩy anh ra, không dám nhìn thẳng vào mắt anh, phòng khi ánh mắt tôi thể hiện quá rõ ràng rằng tôi nhớ anh nhiều đến chừng nào. Anh chuyển ra ngoài từ thứ Tư. Hai đêm gần đây, tôi đã nằm khóc, không tài nào ngủ được, dùng hết ý chí quyết tâm để ngăn mình không gọi cho anh và cầu xin anh quay về. Tôi cứ tự cho mình là người tốt cho tới khi tất cả chuyện này xảy ra, nhưng giờ tôi hiểu rằng mình không như vậy. Tôi đã có thể dễ dàng bỏ qua những gì đúng đắn, quay về phía Kit và nói, “Anh biết sao không? Em không quan tâm nếu anh gặp gỡ ai đó sau lưng em. Em không quan tâm nếu anh là một kẻ dối trá hay thậm chí là tên sát nhân – em sẽ yêu anh và ở bên cạnh anh dù gì đi nữa, bởi vì lựa chọn làm gì khác là quá khủng khiếp và mất quá nhiều công sức.”

“Chúng ta sẽ phải làm việc đó, phải không?” Kit nhắm mắt lại. “Toàn bộ màn trình diễn: hát chúc mừng sinh nhật, mở quà, thổi nến, những nụ hôn, cái ôm chúc mừng...” Tôi thấy cơn rùng mình chạy dọc cơ thể anh.

“Tất nhiên sẽ phải thế. Chẳng phải đó là chuyện xảy ra hàng năm kể từ khi anh biết em? Gia đình em không biết rằng năm nay có gì khác biệt.”

“Connie, chúng ta có một sự lựa chọn.” Anh tiến về phía tôi. Tôi nên ngăn lại. “Chúng ta có thể để lại tất cả những chuyện này phía sau lưng, quay lại như xưa. Hãy tưởng tượng không ai trong chúng ta từng có quá khứ, tưởng tượng rằng hôm nay là ngày đầu tiên trong cuộc đời chúng ta.”

“Chúng ta sẽ không kết hôn. Chúng ta sẽ là những người xa lạ.” Nếu tôi không nhanh chóng quay đi khỏi anh, có thể tôi sẽ không bao giờ còn làm vậy được nữa. “Em đồng ý, như thế có vẻ dễ chịu hơn,” tôi nói. “Ngay bây giờ, chúng ta là những người lạ đã kết hôn.”

“Hai đứa đang làm gì thế?” Mẹ mở tung cửa mà chẳng buồn

gỗ. “Hai đứa đang nói chuyện gì vậy? Hy vọng không phải vẫn là về chuyện cảnh sát. Hôm nay phải là một dịp ăn mừng. Geoff nói đúng, Kit – con sẽ gọi cho cái cậu Ian Grint này vào thứ Hai, và chuyện sẽ được giải quyết cách này hay cách khác.

“Con chắc chắn là như vậy,” Kit nói không cảm xúc.

Bằng cách này hay cách khác. Hai cách trong đầu bà là cách nào vậy? Tôi tự hỏi. Các nhà khoa học có thể bắt cóc mẹ tôi và thay thế bà bằng một người máy trông giống hệt bà, thế là sẽ không ai nhận ra miễn là người ta đã lập trình đủ những câu nói rập khuôn vào trong bộ từ vựng của cỗ máy: cách này hay cách khác, giờ thì nhìn xem con đã làm gì, như thế nghĩa là sao?

Tôi làm việc duy nhất có thể khiến cho phần còn lại của cái gọi là bữa tiệc này dễ chịu hơn: tôi quay lại phòng khách và bắt đầu một cuộc nói chuyện với Anton về thể hình. Tôi bảo với cậu ta là mình đã chán việc gầy nhẳng rồi, hỏi xem tôi có thể làm gì để có cơ bắp mà vẫn trông không giống như một người phụ nữ lực điền với hai cánh tay đồ vật. Tôi không nghe câu trả lời của cậu ta, nhưng ơn trời, nó rất dài và chi tiết, và cứu tôi khỏi phải nói chuyện với bất kỳ ai khác. Bố và Fran tranh luận ở phía bên kia căn phòng về việc liệu có ai chuyển tới một thành phố lại tỏ vẻ mong muốn bị tấn công một cách dữ dội, thường xuyên hay không, còn Benji thì ném những mô hình người ngoài hành tinh đồ chơi bằng nhựa lên không, cố gắng đụng trần và thường thì thành công.

Giữa họ, mẹ và Kit sắp xếp những món quà của tôi thành một đống trên tấm thảm – một nghi lễ của gia đình Monk được thực hiện vào mỗi dịp có quà cáp. Mọi người theo lượt của mình nhặt một món quà khỏi đống đó và đưa nó cho người nhận. Việc lấy quà phải theo thứ tự tuổi tác: Benji, Fran, tôi, Anton, Kit, mẹ và bố, và rồi lại quay lại Benji nếu vẫn còn thêm gói quà để phân phát. Hệ thống này không phải là không có khiếm khuyết: khi đây là sinh nhật tôi và tới lượt mình chọn, rõ ràng tôi biết là cuối cùng thì mình sẽ phải đưa bất kỳ món quà gì tôi đã chọn cho chính mình. Nhiều năm rồi, bố vẫn cố gắng vận động hành lang cho một sự thay đổi: nếu dịp đó là sinh nhật thay vì Giáng sinh,

người có sinh nhật nên được loại khỏi vòng chọn. Mẹ phản đối dữ dội một sự cải tổ, và cho đến nay bà vẫn thành công trong việc chặn đứng nó.

Toàn bộ màn kịch không lời này làm tôi muốn bắn một phát vào đầu mình.

Năm nay, Benji đã mua cho tôi một chiếc túi màu oải hương hình trái tim. Tôi dành cho thằng bé cái ôm âu yếm thay lời cảm ơn và thằng bé cố gắng uốn éo để thoát ra. “Khi người ta chết, lúc được một trăm tuổi, trái tim họ ngừng đập,” nó nói. “Phải không, bố ời?”

Bố mẹ tặng tôi thứ họ đã luôn tặng tôi – và tặng Fran, Kit cùng Anton nữa – vẫn là món quà của họ kể từ khi chúng tôi có nhà riêng, cho ngày sinh nhật của chúng tôi, lễ Giáng sinh và lễ Phục sinh: một phiếu giảm giá của Monk & Sons trị giá một trăm bảng. Tôi trét một nụ cười lên mặt, hôn cả hai người, giả vờ biết ơn.

Bố mẹ của Kit trước đây rất giỏi chọn quà. Tôi đoán là họ vẫn vậy, dù cho họ không còn tặng quà chúng tôi nữa. Tôi luôn thích mê những món họ tặng tôi: phiếu spa, vé xem opera, thẻ thành viên của câu lạc bộ sô-cô-la và câu lạc bộ rượu vang. Kit chẳng bao giờ bị ấn tượng. “Ai cũng có thể mua những món như thế,” anh nói. “Những món quà của khách hàng từ công ty, từ những người làm tiền chẳng thêm quan tâm.” Kể cả trước khi anh cắt đứt quan hệ với bố mẹ mình, anh cũng không có vẻ yêu quý họ lắm. Tôi không thể hiểu được. “Em sẵn sàng cho đi bất cứ thứ gì để có được phụ huynh là những con người bình thường, thú vị,” tôi từng nói với anh, rất ấn tượng bởi việc Nigel và Barbara Bowskill, những người sống ở Bracknell, thường lái xe tới London để đến nhà hát hoặc xem triển lãm nghệ thuật.

Khi Simon Waterhouse hỏi tôi tại sao Kit lại chối bỏ bố mẹ mình, tôi kể cho anh ta những gì Kit nói với tôi: rằng vào năm 2003, khi tôi đang trải qua cơn khủng hoảng tinh thần nho nhỏ vì viễn cảnh rời khỏi Little Holling, khi tóc tôi đang rụng và cơ mặt tôi bị liệt và tôi nôn mửa liên tục, bố mẹ Kit nói với anh rằng anh phải tự lo liệu những vấn đề của mình, không thể

trông chờ bất kỳ sự giúp đỡ hay hỗ trợ nào từ họ – họ quá bận rộn xây dựng công việc kinh doanh mới của mình.

Tôi không thể tưởng tượng được bác Nigel hay Barbara lại vô tâm như thế, nhưng khi tôi nói vậy với Kit, anh quát tháo với tôi rằng tôi không ở đó còn anh thì có, và tôi phải tin lời anh: bố mẹ anh không quan tâm quái gì đến tôi, hay anh, vậy thì sao phải nhọc công liên hệ gì thêm đến họ?

Tôi nghĩ mình đã trả lời cho câu hỏi của Simon, nhưng trông anh ta có vẻ không vừa lòng. Anh ta hỏi tôi liệu có bất kỳ điều gì khác tôi có thể kể ra, điều gì cũng được, về chủ đề quan hệ giữa Kit và bố mẹ anh ấy. Tôi nói không còn. Quả đúng là như vậy, thẳng thắn mà nói. Có ích gì không khi thú nhận chính tôi cũng luôn tự hỏi liệu Kit có cố ý dịch sai hay phóng đại điều gì đó vô thưởng vô phạt mà bác Nigel và Barbara đã nói, hòng có được nguyên cớ để cắt đứt liên hệ với họ? Tôi quyết định rằng có lẽ mình đã không công bằng khi nghi ngờ anh dựng chuyện về họ như vậy, nên tôi không nói gì về điều đó với Simon.

“Nào, Connie – mọi người đang đợi đây,” tiếng của mẹ kéo tôi trở về với bữa tiệc tôi chẳng muốn tham gia. Có một gói quà trong lòng tôi, được gói trong giấy gói ‘Chúc Mừng Sinh Nhật’: món quà từ Kit. Chỉ có anh, Fran và tôi biết rằng tôi đã nhìn thấy nó từ trước, rằng bên trong nó là một chiếc túi xách Chongololo. Cả ba người chúng tôi đều đang nghĩ về việc tôi gần như phá hỏng điều bất ngờ trong ngày sinh nhật vô cùng chu đáo của Kit – hay ít nhất là tôi nghĩ thế. Tôi đứng ở ngưỡng cửa, Kit quanh quẩn với chiếc kéo và băng dính Sellotape, cố gắng tỏ ra như thể anh không bị tổn thương bởi sự thiếu tin tưởng của tôi. Tôi nhìn nó như một cảnh tĩnh trong cuốn phim chẳng có ý nghĩa gì với mình; tôi chẳng cảm thấy ăn năn, không hối lỗi. Cảm giác tội lỗi sau một thời gian trở nên nhàm chán, bạn cuối cùng quyết định rằng đó hẳn phải là lỗi của người khác, không phải bạn.

Tôi không muốn món quà này, dù nó có là gì đi nữa, nhưng phải giả vờ rằng mình thích. Mẹ vỗ tay và nói, “Ồ, mẹ rất nóng lòng được xem nó! Kit có gu rất tuyệt!” Tôi tạo ra những âm thanh hào hứng giả tạo khi xé giấy bọc, nghĩ rằng đến một lúc

nào đấy tôi sẽ phải nói cho bố mẹ biết rằng Kit đã chuyển ra ngoài, rằng tôi có thể đỡ cho mình nhiều tuần hay nhiều tháng sống trong dối trá bằng cách nói cho họ ngay bây giờ. Tại sao tôi lại không làm? Có phải tôi đủ ngây thơ để hy vọng rằng, bất kể mọi chuyện đã xảy ra, rắc rối giữa chúng tôi sẽ hết?

Kit đã nói gì? Chúng ta có thể biến lời nói dối thành sự thật.

Tôi thả giấy gói trên sàn, mở chiếc túi Chongololo và lấy ra một chiếc váy xanh dương.

“Chờ đã,” mẹ nói. “Tất cả chúng ta đều muốn xem nó, phải không, Geoff?”

“Bố sẽ không phân biệt được một cái váy Chongololo với một cái bình tưới nước đâu, mẹ,” Fran nói.

Và bố chẳng bao giờ trả lời khi mẹ hỏi trực tiếp ông. Mẹ chưa từng để ý ư, trong suốt bao nhiêu năm kết hôn với ông? Ông chỉ nói chuyện với mẹ khi nào ông thấy cần, không phải để đáp ứng bất kỳ nhu cầu nào của mẹ.

Tôi đứng dậy, rũ cái váy để mẹ có thể thấy nó. Nó không chỉ xanh dương, còn có màu hồng nữa. Một loại họa tiết. Những đường uốn cong.

Những đường uốn lượn, tay ngắn...

Không. Không, không, không.

Bóng tối trườn vào từ ngoài rìa tầm nhìn của tôi, hướng về trung tâm. “Chị ổn chứ, Con?” Tôi nghe Fran nói.

“Sao thế, Connie?” Giọng của mẹ bị bóp méo trên đường vọng đến tôi. Khi chúng tôi được tai tôi, những từ ngữ đã bị kéo giãn và vặn xoắn, như những đường trên chiếc váy.

Tôi phải làm một điều gì đấy để đẩy lùi cơn choáng váng. Cho tới lúc này, tôi chưa từng trải qua một cơn choáng váng nào trước mặt mẹ, và tôi không cho phép chuyện đó diễn ra bây giờ. Năm 2003, trong một khoảnh khắc yếu đuối, tôi thú nhận với bà về việc rụng tóc, nôn mửa và liệt cơ mặt. Tôi chưa từng nói với ai, kể cả Kit, nhưng tôi cảm thấy sợ cái cách bà giải nghĩa tình trạng khó khăn mới của tôi. Nó đem lại cho bà một câu chuyện để bà tự kể cho chính mình, câu chuyện mà bà thích: tôi

tự làm mình phát bệnh vì cứ cố giả vờ như bản thân muốn chuyển tới Cambridge, trong khi, thẳm sâu trong lòng, tôi không muốn – tôi chỉ nói mình muốn để làm vừa lòng Kit. Giờ đây, tôi đang phải trả giá vì sự ngu ngốc của mình, và bà sẽ săn sóc cho tôi khỏe lại. Bài học đạo đức từ câu chuyện? Không có thành viên nào của gia đình nhà Monk được phép nghĩ đến chuyện rời khỏi Little Holling.

“Connie?” Qua sự lơ mờ, tôi nghe Kit gọi tên mình, nhưng chẳng có mối liên hệ nào giữa não bộ và giọng nói của tôi, nên tôi không thể trả lời.

Đừng đầu hàng cơn váng vất. Cố gắng suy nghĩ đi. Tóm lấy một ý nghĩ và tập trung cả năng lượng của mày vào nó, trước khi nó tan biến và để lại mày trôi nổi trong bóng tối.

Mày không muốn nói với Kit bởi vì mày không muốn tự thừa nhận điều đó, đúng không? Lắm nhảm về việc mẹ mình là đồ quái dị hoang tưởng thích kiểm soát là một chuyện, còn chuyện khác phải nói... Nào, thú nhận đi. Đó là sự thật, phải không? Mày biết là thế mà. Bà vui mừng vì mày bệnh tật, bà nghĩ mày đáng phải chịu thế. Bà thà rằng mày bệnh hoạn còn hơn được tự do.

Đám mây mù trong đầu tôi bắt đầu tan. Khi tầm nhìn của tôi trở lại bình thường, tôi thấy Fran và Kit đều sẵn sàng nhảy khỏi ghế để giữ lấy tôi, nhưng họ chẳng cần phải lo. Cơn choáng váng đã qua, và nó sẽ không quay lại nữa. Cả những lời nói dối của tôi nữa, không phải những lời tôi nói với người khác. Tôi đã phát bệnh với việc đầu độc bản thân mình bằng sự không trung thực.

Tôi ném chiếc váy vào Kit. “Đây là chiếc váy người phụ nữ đã chết đó mặc,” tôi nói.

Mẹ, bố và Fran đều bắt đầu phản đối âm ỉ. Tôi nghe thấy “... xanh dương và hồng... lối bịch... áp lực của tất cả những chuyện cảnh sát này... không thể nào...”

“Đó là chiếc váy cô ta đã mặc,” tôi nhắc lại, vẫn nhìn vào Kit. “Anh biết là nó. Đó là lý do vì sao anh mua nó cho em – một phần trong kế hoạch hủy hoại em của anh.” Mẹ kêu lên một tiếng kiêu như một con ngựa bị tấn công có thể sẽ kêu. Tôi lơ bà

đi. “Đúng ra đến giờ phút này em phải hóa điên hoàn toàn rồi, đúng không?” Tôi nhớ từng từ vào mặt Kit. “Sụp đổ? Bởi vì anh không thể nào lại đi mua cho em chiếc váy sinh nhật tương tự với cái mà người phụ nữ bị sát hại đã mặc trong bức hình em thấy trên Roundthehouses, vậy hẳn là em bị điên, em hẳn là mất trí rồi – có đúng thế không?”

“Sao bác Connie lại giận vậy, bố ơ?” Benji hỏi.

“Connie, nghĩ về những điều em đang nói đi.” Mặt Kit trắng bệch. Dùng mắt mình, anh làm dấu về phía mẹ như muốn nói, Em có thực sự muốn làm thế này trước mặt mẹ không?

Tôi không thêm để tâm. Tôi sẽ nói những gì mình phải nói, dù có là ai vô tình đang nghe đi nữa, dù đó có là mẹ, bố, Giáo hoàng hay Nữ hoàng Anh.

“Em nói cái váy em nhìn thấy có màu xanh lá và tím hoa cà.” Kit đang nhìn vào tôi, nhưng lời nói của anh không vì lợi ích của tôi, anh muốn khán giả của chúng tôi nghe được rằng anh có chứng cứ cho sự không nhất quán của tôi, và thêm đó, cho sự điên rồ của tôi. “Cái váy này màu xanh dương và hồng.”

“Đúng là chị đã nói là xanh lá và tím nhạt, Con.” Fran vào hùa với anh.

Tôi nhặt lấy túi của mình. Khi tôi rời khỏi căn phòng, mẹ gọi với theo tôi. “Mẹ không biết con nghĩ con sẽ đạt được gì với việc bỏ chạy!”

Tôi đã đạt được rồi. Tôi đã đi.

. . .

“Thiết kế giống y hệt,” tôi bảo Alice. “Hẳn là có một phiên bản xanh lá và tím cùng một phiên bản xanh dương và hồng.” Đây là cuộc hẹn gặp khẩn cấp thứ hai trong vòng chưa đầy một tuần. Lần trước, tôi lo lắng rằng cô ấy sẽ khó chịu vì tôi lợi dụng cô ấy. Hôm nay, khi tôi xuất hiện trong lúc cô ấy chuẩn bị rời chỗ làm, tôi không hề xin lỗi hay cho cô ấy một lựa chọn nào. Tôi bảo

rằng cô ấy phải gặp tôi.

“Người phụ nữ bị giết ở số 11 Bentley Grove mặc một chiếc váy từ một cửa hàng quần áo độc lập nhỏ, vốn tự sản xuất phục trang của riêng nó và chỉ có một chi nhánh – ở Silsford.” Tôi ngừng lại để cho sự quan trọng của thông tin này tự gây ấn tượng với Alice.

“Hãy nhìn từ góc rộng hơn một chút.” Cô ấy làm điệu bộ máy ảnh bằng tay, kéo nó về phía cơ thể mình. “Đặt chuyện chiếc váy sang bên một lúc đã...”

“Kể cả Fran cũng tin Kit, và em ấy nghĩ anh là một kẻ dối trá,” tôi hấp tấp. “Hôm trước em ấy nói với tôi rằng bất kỳ bác sĩ nào kết luận rằng tôi không có vấn đề gì chắc chắn là chưa xem xét kỹ lắm.”

“Quên Fran đi,” Alice nói. “Tôi muốn chị nói về mình và Kit. Không có ai khác là quan trọng cả. Chị nói Kit đang cố làm chị nghi ngờ sự minh mẫn của chính mình. Tại sao anh ấy lại làm thế?”

Tôi mở miệng, rồi nhận ra mình chẳng có gì để nói, không có câu trả lời. Tôi lật lại mọi thứ trong đầu: tìm thấy địa chỉ trong định vị, Kit phủ nhận mọi hiểu biết về nó, chuyến tour ảo của số 11 Bentley Grove, cái xác người phụ nữ, cảnh sát, Jackie Napier cũng nhìn thấy cái xác, Fran quan sát trên mục Cảnh Đường Phố và phát hiện ra xe của Kit, tôi mở món quà sinh nhật từ Kit và thấy chiếc váy đó.

Tôi nhận ra gần như tất cả các nhân vật trong câu chuyện: Simon Waterhouse thông minh và cẩn trọng, Sam Kombothekra tốt bụng và khiêm tốn, Fran thực tế và vô tâm, Selina Gane tức giận và sợ hãi. Tôi thậm chí có thể tìm ra được những tính từ cho Jackie Napier, người tôi chỉ được gặp trong năm phút: tỏ vẻ cao đạo, ngạo mạn, thiếu sức hút. Và người phụ nữ đã chết trên tấm thảm: cô ta đã chết, bị rút sạch máu, bất động. Đó là những đặc điểm định nghĩa cô ta. Chỉ có duy nhất một người tôi không thể tập trung vào được, dù có cố đến đâu.

“Connie?” Alice thúc giục tôi.

“Tôi không biết Kit là ai hay cái gì nữa,” tôi cuối cùng cũng nói. “Như thể anh ấy hoàn toàn không còn là một con người nữa, chỉ là... một hình ảnh, một hình ảnh không gian ba chiều. Một tập hợp của những hành động.”

“Ý chị là chị không tin anh ấy.”

“Không.” Thật khó để miêu tả một thứ đã thất lạc. Một sự vắng mặt chỉ có hình dạng rõ ràng khi nó từng xuất hiện, khi bạn biết thứ gì đã biến mất rồi. “Tôi không tin anh, nhưng đó không phải điều tôi đang nói. Khi tôi ở bên cạnh anh, tôi không cảm nhận được... một con người ở đây, dưới lớp da ấy,” tôi nhún vai. “Tôi không thể giải thích được gì hơn, nhưng... chuyện này không mới. Nó không bắt đầu xảy ra khi tôi phát hiện ra số 11 Bentley Grove trong định vị của anh. Tôi biết đến nó nhiều năm rồi. Tôi chỉ chưa cho phép bản thân mình thừa nhận nó.”

Alice đang chờ đợi tôi thổ lộ nhiều hơn.

“Khi Kit còn là sinh viên ở Cambridge, anh đã yêu một người nào đó. Có vẻ như anh đã để vượt mất cô ấy, nhưng khi tôi hỏi anh về chuyện đó thì anh ngậm chặt miệng và phủ nhận. Anh luôn giận dữ với bố mẹ mình, nhưng chẳng bao giờ chịu nói cho tôi vì sao. Anh giả vờ là không phải thế, nhưng tôi có thể thấy rõ – tôi nghe thấy sự giận dữ ấy trong giọng nói của anh bất cứ khi nào anh nói chuyện với họ. Rồi anh cắt đứt quan hệ với cả hai người họ, và tôi khá chắc anh đã nói dối về lý do thực sự.”

“Và rồi xảy ra chuyện định vị vệ tinh, xe của anh ấy ở phần Cảnh Đường Phố, xác người phụ nữ, chiếc váy,” Alice nói. Cô ấy xoay chiếc ghế lại đối diện với cửa sổ. “Connie, tôi thường không nói những điều như thế này với một bệnh nhân, nhưng tôi sẽ nói với chị: tôi nghĩ chị đã đúng khi không tin Kit. Tôi không biết anh ấy đã làm gì, nhưng tôi nghĩ chị cần tránh xa anh ấy ra.”

“Tôi không thể. Selina Gane không chịu nói chuyện với tôi, và cảnh sát đã nói họ sẽ không điều tra kỹ hơn nữa. Cách duy nhất để tôi tìm hiểu được chuyện gì đang diễn ra là thuyết phục Kit nói sự thật. Sao?”

Có phải đấy là sự thương hại hiện lên trong mắt cô ấy không?

“Cô không nghĩ là tôi sẽ tìm ra được, đúng không? Cô nghĩ tôi nên bỏ cuộc.”

“Tôi biết chị sẽ không làm thế.” Cô ấy mỉm cười với tôi. “Tôi cũng sẽ không bỏ cuộc, nếu tôi là chị.”

“Trước khi tất cả những chuyện này xảy ra, tôi cũng như Kit,” tôi bảo cô ấy. “Tôi cũng không thực. Giờ thì tôi đã có một nét tính cách rồi: tôi là người phụ nữ sẽ không từ bỏ.”

“Chị không thực?”

Tôi không chắc đó là điều tôi có thể giải thích, nhưng tôi phải cố, dù nghe có điên rồ đến đâu đi nữa. “Năm 2003, khi Kit và tôi đang tìm nhà ở Cambridge, tôi cảm thấy... mình không tồn tại.”

Alice chờ đợi tôi nói chi tiết hơn.

“Hầu hết mọi người đều có một kiểu nhà mà họ thích: nhà ống ở trung tâm thành phố, nhà nhỏ bằng đá ở một nơi biệt lập. Vài người luôn mua nhà mới xây, vài người khác chỉ xem xét một ngôi nhà trên trăm tuổi. Ngôi nhà bạn chọn nói lên một điều gì đó về kiểu người của bạn. Khi Kit đưa tôi đi xem một ngôi nhà nhỏ trong một ngôi làng tên là Lode, ngay ngoại thành Cambridge, tôi nghĩ, ‘Phải, mình có thể là kiểu người nông thôn.’ Rồi anh đưa tôi tới một căn hộ áp mái trên một trục đường chính ở trung tâm thành phố, và tôi nghĩ, ‘Đây có thể là mình – có thể bản chất của mình thuộc về thành phố.’ Tôi hoàn toàn không hiểu bản thân mình, hay điều mình muốn. Sau ba hay bốn lần xem nhà, tôi bắt đầu hoảng sợ rằng bản thân chẳng có định dạng. Tôi trong suốt – tôi nhìn xuyên thấu bản thân và chẳng thấy gì ở đó. Tôi nghĩ mình có thể sống ở bất kỳ nơi nào trong những chỗ này. Tôi không thể nói xem cái nào trong chúng ‘đúng là mình’ hay ‘không giống mình’. Có lẽ tôi không có cá tính.”

Alice ngả mình vào lưng ghế. Nó kêu cọt kẹt. “Chị là người phóng khoáng. Kit cho chị xem rất nhiều ngôi nhà đẹp, và chị thích tất cả theo những cách khác nhau. Hoàn toàn có thể hiểu được, và không có gì phải lo lắng. Có lẽ mỗi ngôi nhà nói lên một

nét tính cách khác nhau của chị.”

“Không.” Tôi xua đi những lời làm yên lòng tôi của cô ấy. “Đúng, tôi thật là ngốc nghếch khi lo sợ về việc không biết mình thích kiểu nhà nào, tất nhiên là thế, nhưng tôi lại hoảng sợ – đó mới là điều đáng ngại. Mỗi lần tôi xem một ngôi nhà và không thể chắc chắn ngay rằng nó có ‘đúng là mình’ hay không, tôi có cảm giác càng lúc càng không thực. Như thể từng cái tôi mà tôi có thể đã từng có đang rơi rụng dần, từng chút một.” Tôi cắn móng tay, sợ rằng mình đang thừa nhận quá nhiều và sẽ phải trả giá vì điều đó. “Và rồi chúng tôi tìm ra ngôi nhà tuyệt vời này, số 17 Pardoner Lane – ngôi nhà tuyệt nhất cho đến lúc đó, giờ đây tôi có thể nhận ra – và tôi đã trong một thứ tình trạng mà, tôi không biết rằng mình thích nó hay ghét nó. Kit mê mẩn nó. Tôi cũng vờ như vậy – tôi không biết mình tỏ ra có thuyết phục không. Tôi cảm thấy như mình đang sụp đổ. Tất cả những gì tôi muốn là có thể nói rằng, ‘Đúng, ngôi nhà này hoàn toàn chính là tôi’ và... hiểu được như vậy có ý nghĩa gì.”

Alice cúi xuống, với tay vào chiếc va li màu nâu đang để mở dưới bàn. Đó là nơi cô ấy cất các loại thuốc; bên trong chiếc va li được chia ra thành nhiều ô nhỏ, mỗi ô chứa một lọ thủy tinh nhỏ màu nâu. “Chị đã lo lắng và trầm cảm, bị ngợp bởi những kỳ vọng vô lý của gia đình,” cô ấy nói, lấy một chiếc lọ, rồi một cái nữa, đọc nhãn. “Cảm giác co hẹp cái tôi của chị là hậu quả của việc cố gắng dập tắt những nhu cầu bản thân vì bố mẹ, bởi họ cảm thấy không thoải mái với chúng. Nó chẳng liên quan gì đến việc dễ dàng thay đổi kiểu cách nhà chị muốn mua, tôi hứa đấy.” Cô ấy đã tìm ra thứ thuốc mình cần. Dành cho người cực kỳ, cực kỳ điên khùng.

Tôi muốn nói thêm về ngôi nhà tôi đáng lẽ đã phải lòng, nhưng tôi đã quá kích động để có thể nhìn ra. Tôi cần phải thú nhận tất cả: cách tôi bắt đầu phá hỏng mọi thứ, tan nát bởi lời kết án của Kit về chứng hoang tưởng của mình. “Số 17 Pardoner Lane ở cạnh một trường học – Trung tâm Beth Dutton,” tôi kể với Alice. “Tôi mất ngủ – suốt đêm – vì cái chuông. Nực cười đến mức nào chứ?”

“Cái chuông?”

“Chuông của trường. Sẽ ra sao nếu nó kêu giữa các tiết học và quá ồn ào? Tiếng ồn có thể làm chúng tôi phát điên, chúng tôi sẽ không thể nào bán nhà và chuyển đi bởi chúng tôi phải trung thực với những người mua sau này – chúng tôi không thể nói dối về một thứ như vậy được. Kit nói, ‘Nếu chuông quá ồn, chúng ta sẽ yêu cầu họ nhỏ tiếng xuống.’ Anh cười tôi vì lo lắng một thứ quá ngốc nghếch như vậy. Anh lại cười nữa vì vài ngày sau tôi lại hoảng lên vì một lý do lồ bịch tương đương: ngôi nhà không có tên.”

“Lần này tôi sẽ cho chị một loại thuốc khác,” Alice nói. “Anhalonium. Vì chị đã nói về việc cảm thấy như thể mình trong suốt và không có cá tính.”

“Tôi chưa từng sống ở nơi nào lại không có tên,” tôi nói, không lắng nghe cô ấy. “Vẫn chưa. Đầu tiên tôi sống ở Thorrold House cùng với bố mẹ, rồi tôi chuyển đến ở với Kit. Căn hộ của anh ấy ở Rawndesley là số 10, nhưng tòa nhà có một cái tên: Tháp Martland. Dù sao thì, đấy là chuyện khác. Không ai trong chúng tôi nghĩ căn hộ đó là nhà – nó chỉ là chỗ tạm thời, một khoảng dừng. Giờ tôi sống ở Melrose Cottage, nhà Fran và Anton là Thatchers... ở Little Holling, tất cả các ngôi nhà đều có tên. Đó là điều tôi đã quen. Trong khi Kit đang mê mẩn số 17 Pardoner Lane, tôi cố tưởng tượng bản thân mình sống trong một ngôi nhà mà chỉ là một con số, nó dường như... không đúng, theo một cách nào đó. Quá thiếu cá tính. Điều đó làm tôi sợ.”

Alice gật đầu. “Sự thay đổi là vô cùng đáng sợ,” cô ấy nói. Alice luôn ủng hộ tôi. Tôi không chắc mình cần gì, không còn chắc nữa. Có lẽ sẽ tốt hơn cho tôi khi nghe cô ấy nói, “Đúng, Connie. Thật quá điên rồ. Chị cần phải ngừng suy nghĩ một cách điên khùng như vậy.”

“Một đêm, tôi đánh thức Kit dậy lúc bốn giờ sáng,” tôi kể với cô ấy. “Anh đang ngủ, và tôi cứ lay anh dậy. Tôi nghĩ hẳn là mình bị cuồng loạn rồi. Tôi mất ngủ suốt đêm, tôi tự đẩy mình vào tình trạng đó. Kit nhìn chăm chăm vào tôi như một kẻ thần kinh – tôi vẫn nhớ được trông anh sốc đến mức nào. Tôi bảo với

anh là chúng ta không thể mua số 17 Pardoner Lane trừ phi ta đặt tên cho nó – tôi không thể sống trong một ngôi nhà không tên. Tôi muốn chúng tôi tìm trên mạng, xem liệu có thể đặt cho ngôi nhà một cái tên nếu nó chưa có. Cô biết đấy, một cách chính thức.”

Alice mỉm cười, như thể có điều gì đó có thể hiểu được hay dễ mến trong sự điên khùng của tôi.

“Kit thấy tôi sẽ không bình tĩnh lại hay cho anh ngủ thêm được tí nào cho tới khi anh tìm được giải pháp cho vấn đề tôi tự tạo ra, nên anh nói, ‘Thôi nào, được rồi – hãy đi tìm hiểu xem.’ Anh nhanh chóng tìm được đủ thông tin trên mạng để thuyết phục tôi không cần lo: chúng tôi có thể đặt số 17 một cái tên nếu chúng tôi muốn. Rất dễ – tất cả những gì bạn phải làm là viết thư cho Bưu điện. Anh nói, ‘Cái tên Nhà thương điên thì sao nhỉ?’”

“Chị chắc phải cảm thấy tổn thương lắm,” Alice nói.

“Không hề. Tôi bắt đầu cười – tôi nghĩ đó là câu đùa hay nhất tôi từng được nghe. Tôi thấy thật nhẹ nhõm là mọi thứ sẽ ổn – Kit sẽ có được ngôi nhà anh yêu, và tôi sẽ có thể biến nó thành tổ ấm bằng cách đặt tên cho nó. Tất nhiên, ở một mức độ nào đó, tôi hẳn đã biết mình sẽ phải nghĩ ra một chương ngại mới...” Tôi lắc đầu mình trong cảm giác kinh tởm. “Tôi tự hỏi nó sẽ là gì: tôi không thích tay nắm cửa, hay thùng thư. Sự điên loạn của tôi có thể gắn vào một thứ ngẫu nhiên nào đó, dù chỉ có một chút xíu cơ hội, nhưng lúc đó tôi không nhận ra. Kit cũng nhẹ nhõm. Chúng tôi đã gần như... tôi không biết nữa, như thể chúng tôi đang ăn mừng. Chúng tôi không đi ngủ ngay lập tức – chúng tôi thức để tìm xem các trang web về tên nhà trên mạng, bật cười vì những gợi ý kỳ cục: Costa Fortuna, Wits End. Có vẻ như những cái tên như vậy rất phổ biến – trang web nói thế. Tôi thấy thật khó tin, nhưng Kit nói anh có thể tưởng tượng một vài người đồng nghiệp gọi tên ngôi nhà của mình kiểu như thế. ‘Đó là một thứ tai họa phổ biến, nghĩ rằng mình hài hước lắm trong khi chẳng phải,’ anh nói. ‘Wits End. Cũng có thể gọi nhà của bạn là Tôi là đồ ngẩn.’ Tôi hỏi anh ấy muốn gọi tên nhà mình là gì.”

“Anh ấy nói gì?”

“Ồ, một đồng những thứ ngu ngốc – những thứ anh biết là ngu ngốc, để làm tôi vui lên. Tôi không nghĩ anh đã cố quá đâu – anh biết nó không phụ thuộc vào mình. Cái tên cần phải hoàn hảo, và nó phải đến từ tôi – một điều gì đó nói lên rằng ‘đây là nhà’ và khiến mọi nỗi lo lắng của tôi biến mất. Kit bắt đầu nói nhảm. ‘Anh có ý này,’ anh nói. ‘Hãy gọi nó là Trung tâm *Death Button*. Em có nghĩ những người ở Trung tâm Beth Dutton sẽ tức giận không? Hay người đưa thư?’ Tôi bảo anh đừng có ngớ ngẩn thế. Đáng ra phải biết rằng làm vậy chỉ khiến anh càng quậy hơn.” Ký ức, đã biến mất khỏi tâm trí tôi biết bao năm, đột nhiên giờ còn sống động hơn thực tế. Tôi có thể thấy mình rất rõ, ngồi bên bàn trong căn hộ Tháp Martland, Kit quỳ cạnh tôi, cả hai đều đang mặc đồ ngủ. Chúng tôi chỉ có một ghế ngồi máy tính hồi ấy. Tôi cười rú lên, to đến mức gần như không nghe được giọng Kit nữa, nước mắt chảy xuống. “Anh vờ như vô cùng nghiêm túc, nói, ‘Càng nghĩ về nó anh càng thấy thích nó: Trung tâm *Death Button*. Chúng ta có thể đặt làm một tấm biển ở cửa trước. Không, anh biết rồi, còn hay hơn thế – hãy đặt tên nó là 17 Pardoner Lane...” Những từ ngữ thoát ra khỏi miệng tôi khi nỗi sợ hãi mới trào lên khắp cơ thể. Gì vậy? Đó là gì vậy?

Trung tâm Death Button. Trung tâm Nút Tử thần...

Tôi đứng dậy, suýt ngã, dựa người vào tường.

“Connie? Có chuyện gì vậy?”

Tôi biết mình đã thấy gì – chi tiết còn thiếu mà tôi đã không thể nghĩ ra cho tới tận bây giờ. Đúng, nó đã ở đó. Nó chắc chắn đã ở đó, trong bức hình có người phụ nữ và vũng máu. Nhưng không phải trong tấm ảnh phòng khách, tấm không có người phụ nữ đó, tấm ảnh tôi sẽ thấy nếu tôi xem tour của số 11 Bentley Grove bây giờ. Trong bức hình đó, nó đã biến mất. “Tôi phải đi,” tôi nói với Alice. Tôi túm lấy túi của mình và chạy, mặc kệ cô ấy van nài ở lại, bỏ lại đằng sau lọ thuốc cô ấy đã chuẩn bị cho tôi đang đặt ở góc bàn của cô ấy.

TANG VẬT SỐ: CB 13345/432/25IG

NÚI LỬA

Tilly Gilpatrick viết,
20/04/2010

*Nóng bỏng dòng nham thạch
Úp lên mọi nơi trên mặt đất
In như một chiếc chăn to nóng và ẩm ướt
Lan tỏa khắp thế giới một làn bụi
Ước gì có thể bay về nhà, những con người đang đi du lịch
Ánh lên dòng nham thạch nóng bỏng màu cam!*

Bài thơ tuyệt vời, Tilly! Những hình ảnh đáng yêu!
Không, đó là một bài thơ tệ hại, kể cả là do đứa trẻ năm tuổi sáng tác.

Đây mới là một bài thơ hay:

*Khi tôi mới lần đầu đi hội chợ
Tôi chỉ có vài đồng trong túi thôi,
Dài làm sao, khoảng thời gian tôi đứng và thèm khát
Tất cả những gì tôi không thể mua về.
Giờ khi mọi chuyện đã nằm trong quá khứ
Nếu tôi muốn, tôi hoàn toàn có thể mua;
Tiền ở đây rồi, và đây là hội chợ,
Nhưng chàng trai trẻ bị lạc đâu rồi?
Để nghĩ rằng hai cộng hai bằng bốn
Chứ không phải bằng năm hoặc bằng ba,*

*Trái tim của cậu lâu ngày đã đau mỗi
Và lâu ngày chuyện này đã xảy ra.*



Thứ Sáu, ngày 23-07-2010

Ian Grint đến sớm. Simon đã đoán là anh ta sẽ như vậy, anh đã cảm nhận được cơn giận dữ của tay thám tử chỉ vài giây sau khi gặp anh ta, sự sốt ruột của một người cần phải chứng minh người khác là sai, và thật nhanh chóng. Grint đi về phía quầy, làm một cử chỉ nâng cốc với Simon, người vừa gật đầu. Thật ra thì, anh không cần nhiều thời gian như cả anh và Grint tưởng là anh sẽ cần. Anh đã đọc xong toàn bộ mọi thứ nửa tiếng trước và đã đi tản bộ một vòng. Quán rượu Grint đã chọn, quán Sống Và Để sống, nằm trong khu dân cư, nên Simon chưa hề thấy bất kỳ tòa nhà đại học cổ kính nào mà Charlie bảo anh phải đi xem bởi chúng rất đẹp, chỉ có nhà cửa và một quán rượu nhỏ khác: quán Sáu Chiếc Chuông.

Simon đi loanh quanh và rút ra kết luận rằng Cambridge là một nơi sáng tạo hơn Spilling. Dễ chịu đựng hơn nữa. Màu sắc của những cánh cửa trước đã làm anh ngạc nhiên: vàng, cam, tím nhạt, hồng, ngọc lam sáng. Có vẻ là cư dân của Cambridge tin rằng tất cả mọi sắc độ đều thích hợp để dùng. Ở Spilling hầu hết mọi người lựa chọn màu sắc ảm đạm và trang nghiêm: đen, đỏ thẫm, xanh lá cây thẫm. Simon ngờ rằng chỉ có duy nhất một cánh cửa màu cam trong cả vùng Culver Valley.

Tên của những quán rượu ở Spilling cũng quá nặng nề truyền thống: quán *the Brown Cow*, *the Star*, *the Wheatsheaf*, *the Crown*. Dù mất một triệu năm nữa cũng chẳng bao giờ có người chủ nào ở Culver Valley gọi quán của mình là Sống Và Để sống. Sống Và Xoắn Cả Lên Với Bất Kỳ Ai Không Sống Như Cách Bạn Sống, thì có thể – gọi tắt là quán Sống Và Xoắn. Quán Liv Và Chris Gibbs, Simon suy nghĩ kỳ cục – đó là quán rượu mà Charlie sẽ không đặt chân vào.

Anh lấy giấy tờ ra khỏi bàn, đặt nó xuống chiếc ghế bên cạnh mình khi Grint tiếp cận anh với cốc bia trong tay. “Tôi hy vọng không ai trong số những người đồng nghiệp đáng mến của tôi đã từng ở đây và nhòm mấy tờ giấy qua vai anh,” anh ta nói. “Dù rất muốn bị đuổi việc ngay bây giờ, có lẽ tôi nên cố gắng không để bị như vậy. Tôi không nghĩ là vợ mình sẽ đánh giá cao điều đó.” Từ ‘đáng mến’ ngập tràn sự mỉa mai.

“Tôi sẽ làm anh thất vọng đấy,” Simon nói với anh ta. “Tôi chưa tìm ra được nhiều. Không có gì để anh có thể đặt trước mặt thanh tra cấp trên của anh và nói, ‘Đây là một góc độ mới, một hướng để mọi việc tiến triển.’”

“Dù sao thì, anh cũng tìm ra một thứ gì đó?”

“Một thứ gì đó và chẳng gì cả. Những bản tường trình mà Kit và Connie Bowskill đã ký – anh lấy riêng từng cái hay...”

“Riêng.” Grint uống một ngụm bia, rồi chùi miệng bằng mu bàn tay. “Bản tường trình chính thức, cả hai người họ đều chỉ có một mình với tôi. Sau đó, tôi cho họ vào một phòng cùng nhau và cho họ trải qua tất cả những việc đó một lần nữa, mang theo cả Sam Kombo nữa. Tôi muốn xem họ thay đổi đến thế nào khi có mặt người kia, nếu có sự thay đổi.”

“Có không?”

“Không phải theo cách anh có thể dự đoán được. Anh ta trông có vẻ không thoải mái hơn khi cô ta ở đó, nhưng nếu là tôi thì tôi cũng vậy, trong hoàn cảnh của anh ta – cô ta phun những lời buộc tội vào chồng, từ bên trái, bên phải và chính giữa, mọi phía. Cô ta có vẻ tăng động hơn một chút ở trước mặt anh ta so với khi chỉ có một mình, nhưng ít thôi.”

Simon lật qua những trang giấy tờ, lần tìm bản tường trình của Connie và Bowskill. “Khi anh phỏng vấn họ riêng biệt, anh có để ý thấy điều gì lạ không?”

Grint cười. “Ý anh là, ngoại trừ mọi thứ về họ?”

“Những sự tương phản thực tế.”

“Anh muốn tôi bắt đầu từ đâu đây? Anh ta tin rằng vợ hắn là đã cài đặt địa chỉ vào định vị của mình, cô ta thì nói chồng đã

làm thế. Anh ta đoán vợ có thể là kẻ giết người tâm thần, cô ta thì nghĩ chồng mới là kẻ tâm thần. Mỗi người họ đều sẵn sàng nghi ngờ đối phương đã giết người trên cơ sở của một bức ảnh và chẳng còn gì khác – một bức ảnh anh thậm chí còn chưa xem.” Grint lắc đầu. “Quái dị còn chẳng hề đủ để diễn tả.”

“Còn một điểm bất đồng nhỏ giữa họ nữa mà có thể rất đáng chú ý.” Simon đưa hai bản tường trình cho Grint. “Ngôi nhà họ suýt nữa mua ở Cambridge năm 2003. Trong bản tường trình của Connie Bowskill, cô ta ghi địa chỉ là số 17 Pardoner Lane. Trong bản của Kit, nó là số 18 Pardoner Lane.”

Grint cau mày. Nhìn chằm chằm trong khi Simon chỉ vào những đoạn có liên quan. “Không thể tin được là tôi bỏ lỡ nó,” cuối cùng anh ta cũng nói. “Dù sao, với khoảng cách bảy năm rông, rất dễ để một người nhầm lẫn. Tôi ngờ rằng nó chẳng có nghĩa gì cả.”

Simon không đồng tình. “Cả hai người họ đều chỉ ra rằng ngôi nhà ở bên cạnh một ngôi trường tên là Trung tâm Beth Dutton. Cả hai người đều miêu tả chi tiết vì sao ngôi nhà đặc biệt này lại thu hút với họ: lò sưởi từ thời Victoria nguyên bản, lan can sắt nguyên bản bên ngoài...” Simon nhún vai. “Dù là ai đã nhầm lẫn đi nữa, tôi không thể hiểu được tại sao họ nhớ được tất cả những thứ đó mà lại không phải là số nhà.”

“Tôi vẫn quên những chuyện lật vạt suốt,” Grint nói. “Anh không thể sao?”

Simon chẳng bao giờ quên điều gì. Anh né tránh câu hỏi. “Điện thoại của Connie Bowskill chuyển thẳng tới hộp thư thoại – tôi đã thử gọi cô ta chắc phải năm chục lần kể từ khi trở về từ Tây Ban Nha. Tôi chưa bao giờ nói chuyện với người chồng, nên tôi không có số của anh ta. Tài liệu của anh có, nên tôi đã tận dụng nó.” Anh chờ đợi Grint quở trách mình. Khi việc đó không xảy ra, anh tình nguyện cung cấp thêm thông tin. “Anh ta đã đồng ý gặp tôi tối nay lúc tám giờ.”

“Ở đâu?” Grint hỏi.

Không phải việc của anh. Simon tự nhắc mình đừng thành ra

thằng khốn. Grint có quyền được biết.

“Tại một quán rượu – quán Maypole. Tôi đang định nhờ anh chỉ đường.”

Grint kêu lên một tiếng khó chịu. “Quán Maypole,” anh ta lầm bầm, như thể cái tên đó làm anh ta cảm thấy bị xúc phạm. “Tôi sẽ không đi với anh đâu, trong trường hợp đó.”

Tôi có bảo anh đi cùng đâu. Simon giỏi nói chuyện với riêng một ai đó hơn là nói trong một nhóm, dù chỉ là nhóm nhỏ.

“Anh có thể gọi cho tôi sau, nói với tôi nếu anh lấy được thông tin gì có giá từ anh ta,” Grint nói. “Nếu không, tôi sẽ phải ngừng việc giả vờ mình là siêu anh hùng. Tôi sẽ làm cho ngài trên cao hạnh phúc bằng cách tuân theo mệnh lệnh và vờ như chưa từng có chuyện gì xảy ra – không còn nhiều việc tôi có thể làm, phải không?”

Anh ta thất vọng, Simon nhận ra. Sam đã khoa trương về tài năng của Simon, và Grint đã mong đợi anh nghĩ ra một kế hoạch hành động, mong đợi anh tìm thấy một điều gì đó trong những tài liệu anh ta đã đưa mà trước đây bản thân anh ta chưa thấy được. Simon mới là người hóa ra chẳng phải siêu anh hùng.

“Theo như Kit Bowskill, điện thoại của Connie đã hỏng,” anh nói. “Cô ta ném nó xuống đường.”

“Phải rồi, cô ta có thể làm thế.” Grint nhìn đồng hồ. “Anh còn tận một tiếng đồng hồ nữa cơ. Có muốn ăn tạm cà ri không? Anh có thể kể cho tôi những giả thuyết khó tin của mình và tôi có thể kể cho anh giả thuyết của tôi. Tôi luôn nhận thấy rằng những ý tưởng nhằm nhí lại mở đường cho những ý kiến hay.”

Simon cảm thấy không thoải mái khi đi ăn với những người mình không biết rõ. Tại sao người ta lại phải đi ăn cùng nhau? Để làm gì cơ chứ? “Tôi không nghĩ đến đồ ăn,” anh nói. Anh nghĩ về Pardoner Lane, rằng nó chắc chắn không quá xa chỗ anh đang đứng bây giờ. Anh có đủ thời gian để đi tìm nó, nhìn xem Trung tâm Beth Dutton ở bên cạnh số 17 hay 18. Một sự không tương thích nhỏ, đúng, nhưng không có lý do gì để nghĩ rằng nó không quan trọng tương đương.

Cũng như vậy, không có lý do gì phải nhắc đến kế hoạch hay những suy nghĩ của anh cho Ian Grint.

. . .

“Anh có nhớ cái đêm ở quán Brown Cow vài năm trước, khi anh suýt nữa tham gia vào một cuộc ẩu đả không?” Olivia hỏi Gibbs. Họ đang nằm trên giường cùng nhau tại khách sạn Malmaison ở London. Họ đã thử một vài khách sạn trong tuần này, nhưng đây là khách sạn ưa thích của Olivia. Những bức tường và sàn nhà đều tối màu – đỏ, nâu, tím, đen ở mọi chỗ, cảm giác như thể đang bước vào bên trong trái tim của con người. Liv đã nói với Gibbs về giả thuyết của mình nhiều lần: khách sạn hẳn là đã được trang trí với một tâm tư chứa đựng khao khát bí mật.

“Anh đã suýt dính vào rất nhiều vụ ẩu đả.”

“Vụ mà có một tay nói rằng anh lấy ghế của bạn hẳn ta mặc dù hẳn đã nói ghế này có người ngồi rồi. Anh nói hẳn bảo với anh ghế chưa có ai cả.”

Gibbs lắc đầu. “Không nhớ.”

“Vậy mà anh lại nhớ đã gặp em ở Brown Cow?”

Anh ta nhìn cô bằng ánh mắt kỳ lạ. “Luôn luôn.”

“Anh đã nghĩ gì?”

“Nghĩ?”

“Khi anh thấy em ấy.”

“Anh không biết. ‘Cô chị gái của Charlie với giọng điệu bẻ trên và bộ ngực khổng lồ.’ Em nghĩ gì khi thấy anh?”

“Em không nghĩ chuyện này sẽ xảy ra, không thể trong một triệu năm nữa. Anh có nghĩ thế không?”

“Không.”

“Anh không nghĩ như thế là kỳ lạ à?”

“Gì cơ?”

“Rằng không ai trong chúng ta lại đoán được mình sẽ kết

thúc... ở chỗ chúng ta bây giờ.”

“Không hẳn,” Gibbs nói. “Làm sao chúng ta biết được điều gì chuẩn bị xảy ra trước khi nó xảy ra?”

“Ý em là, chúng ta còn không nghĩ rằng mình muốn chuyện này xảy ra.”

“Thế thì sao? Dù gì nó vẫn cứ xảy ra.”

“Ý anh là gì?” Olivia đẩy anh ta ra. “Anh có nghĩ thế thật không? Việc nó vẫn sẽ xảy ra, dù chúng ta không hề đoán được trước?”

Gibbs suy nghĩ. “Chuyện đã xảy ra rồi,” anh ta nói. “Trước khi nó diễn ra, ắt là nó chuẩn bị diễn ra.”

“Anh nghĩ việc chúng ta cuối cùng lại ở đây cùng với nhau là không thể tránh khỏi?”

“Giờ thì là như vậy mà,” Gibbs nói.

“Phải, nhưng ý em là...” Olivia băn khoăn phải đặt câu hỏi như thế nào cho tốt nhất. “Trước đám cưới của Charlie và Simon, liệu có thể nào có chuyện chúng ta ở cạnh nhau hay không, hay cái khả năng chúng ta không đến với nhau chưa bao giờ tồn tại hết?”

“Cái thứ hai,” Gibbs nói.

“Thật sao?” Liv cố gắng không để lộ sự hào hứng trong giọng nói. “Chưa từng có bất kỳ khả năng nào là chúng ta sẽ không qua lại với nhau – đó là điều anh thực sự nghĩ? Vậy là anh tin vào định mệnh? Anh tin rằng ý nguyện là một sự ảo tưởng?”

“Em lại đang làm thế nữa rồi.”

“Sao cơ?”

“Bất kỳ điều gì anh nói, em đều biến nó thành một thứ anh không thể hiểu nổi, rồi nói với anh đó là điều anh đã nói. Việc anh nói gì chẳng có nghĩa lý. Em viết ra những câu thoại cho anh, anh chẳng quan tâm.”

“Em mới là người chẳng hiểu gì hết,” Liv rên rỉ. “Giải thích đi!”

Gibbs nhìn chăm chú lên trần. “Khi điều gì đó xảy ra, em có thể nhìn lại và nói nó đã luôn định trước là sẽ xảy ra – bởi vì

đúng là như vậy. Chẳng có sự lựa chọn nào khác, một khi chuyện đã rồi.”

“Em không hiểu liệu anh đang nói những lời lãng mạn hay không.”

Anh nhún vai. “Không có chủ ý gì hết. Anh chỉ đang nói ra một sự thật.”

“Thôi được rồi – vậy anh nghĩ gì về tương lai?”

“Toàn là ân ái.”

“Với em?” Olivia hỏi.

“Không, với Ant và Dec chết tiệt. Rõ ràng là em rồi.”

“Em không nghĩ Debbie sẽ nghĩ như thế là rõ ràng đâu.”

“Đừng nói về Debbie.”

“Dom cũng sẽ không nghĩ thế.”

“Cả anh ta nữa.”

“Có gì trong tương lai của họ? Dom và Debbie?”

“Không phải chúng ta,” Gibbs nói.

. . .

“Tôi vẫn thường xuyên đến đây khi còn là sinh viên,” Kit Bowskill nói với Simon. “Rất thích chỗ này. Kể từ hồi đó, tôi luôn có hứng thú với những quán rượu khuất nẻo khó tìm ở cuối phố. Không bao giờ trên những trục đường lớn. Một quán rượu ở trên mặt đường lớn là sai hẳn.” Anh ta mỉm cười, uống một ngụm ly Guinness của mình. “Xin lỗi. Tôi nói huyền thuyên quá.”

“Tôi có thể tới Silsford,” Simon nói, cảm nhận được sự lo lắng của anh ta. “Hay London. Anh có lý do gì để muốn được gặp mặt tôi ở đây không?”

“Như tôi đã nói đấy: tôi thích quán Maypole.”

Simon vẫn nhìn anh ta. Cuối cùng, Bowskill đỏ mặt và nhìn đi chỗ khác, nới lỏng cà vạt. “Tôi là một kẻ nói dối vô vọng, anh thấy đấy. Dù sao thì tôi cũng chuẩn bị đến Cambridge tối nay. Để

gặp Connie.”

“Cô ấy có ở đây?”

“Tôi không biết bây giờ thì đã có mặt ở đây chưa, nhưng cô ấy nói sẽ gặp tôi lúc chín rưỡi.”

“Ở đâu?”

Bowskill trông có vẻ hối lỗi. “Tôi nói với cô ấy tôi sẽ gặp anh, và anh đã cố liên lạc với cô ấy. Cô ấy không muốn nói chuyện với anh.”

“Tại sao không?”

“Cô ấy tức giận với anh vì đi xa mà không báo cho cô ấy. Cô ấy tìm tới anh để được giúp đỡ và anh không giúp cô ấy.”

Dễ thấy là Simon đã thất bại trong việc che giấu sự khó chịu của mình, bởi Bowskill nói, “Tôi là anh thì sẽ không để bụng đâu. Con bây giờ đang giận dữ với tất cả mọi người – cảm thấy như cả thế giới này làm cô ấy thất vọng.”

Ở bàn bên cạnh họ, ba người đàn ông trung tuổi đang lớn tiếng nói chuyện về một học bổng – ai đó không xứng đáng đã được trao tặng, người xứng đáng lại không được. Một trong số họ rất tức giận vì việc này. Simon cố gắng bỏ ngoài tai những câu nói của họ, tập trung vào lời của Bowskill.

“Ngôi nhà anh và Connie suýt nữa mua năm 2003,” anh nói.

“Số 18 Pardoner Lane?”

“Địa chỉ của nó là như thế à?”

Bowskill gật đầu.

“Connie không nghĩ thế.”

“Ý anh là gì?”

“Cô ấy nói với Ian Grint nó là số 17. Số 17 Pardoner Lane.”

“Trong trường hợp đó, cô ấy đã nhớ nhầm,” Bowskill nói. “Nó là số 18.”

“Sao cô ấy lại nhầm nó?”

“Tại sao lại có ai nhầm một cái gì đó? Nếu tôi ngồi đây và liệt kê tất cả mọi thứ Connie đã sai lầm trong suốt sáu tháng qua, chúng ta sẽ vẫn phải ở đây cho tới tận thứ Năm tuần sau.”

Simon gật đầu. “Anh hẳn là cảm thấy khá giận dữ với cô ấy.”

“Tôi không được phép như vậy, phải không? Tôi ước mình tin được là cô ấy cố tình lên kế hoạch để phá hủy cuộc đời của cả hai – ít nhất tôi có thể ghét cô ấy. Như bây giờ, tôi đang sống trong một cái hộp vô danh ở London, bị vây quanh bởi rất nhiều những bộ vest, bị cấm cửa khỏi ngôi nhà tôi đã dành nhiều năm tạo dựng nên – từ con số không, gần như là như vậy. Melrose Cottage là một đồng đồ nát khi chúng tôi mua nó. Đâu có phải là Connie đã đánh bóng mặt sàn, lát gạch cho lò sưởi, sắp xếp sân vườn – mà là tôi. Và giờ cô ấy đuổi tôi đi. Phải, tôi rất mong được tức giận với cô ấy, nhưng không phải cô ấy là người gây ra tất cả những chuyện này, nó là... tôi không biết nữa, một thứ gì đó đã xâm nhập vào cô ấy, một loại điên rồ nào đó. Cô ấy không nhận thức được chút nào những việc mình đang làm từ lúc này sang lúc khác. Cô ấy không còn là Connie nữa – đó là điều tồi tệ nhất trong tất cả những chuyện này.” Bowskill chớp chớp cho nước mắt khỏi rơi, hẳn nhiên là hy vọng Simon không để ý đến chúng.

“Tôi vừa trở về từ Pardoner Lane. Ngôi nhà hai người đã không mua năm 2003 là số 18.”

“Vậy là anh tin tôi?”

Một câu hỏi mà Simon rất muốn tránh, đặc biệt là khi giờ đây Bowskill trông có vẻ tự tin hơn. Tin tưởng chẳng liên quan gì đến chuyện đó, Simon đã tự mình kiểm chứng sự thật. Sự tự tin của anh nằm trong những khám phá của riêng anh, không phải từ Bowskill. Nhưng, anh vẫn có những câu hỏi cá nhân khác mà mình muốn hỏi, và sẽ chẳng hại gì khi cố gắng đi xa hết mức có thể theo con đường thoải mái. “Số 18 Pardoner Lane nằm bên cạnh Trung tâm Beth Dutton, vậy nên không có gì để tranh cãi cả,” anh nói. “Anh nói đúng còn Connie nói sai. Về số nhà. Cô ấy đã nói đúng về tất cả những thứ còn lại: lan can bằng sắt, kiến trúc kiểu Victoria, cửa sổ kính trượt. Số 17 nằm ở bên kia đường.”

Chủ nhân của nó, một cặp đôi trung niên thân thiện, đã mời Simon vào uống cà phê và trông có vẻ thất vọng khi anh nói

không cần, anh chỉ có một câu hỏi nhanh cho họ. Họ đã mua ngôi nhà này hoàn toàn mới vào năm 2001, từ khoảng thời gian đó nó chưa từng được rao bán. Phải, họ nhớ rằng số 18 được rao bán năm 2003. Nó đã được bán ngay sau vài tuần, họ nói với Simon, và điều tương tự xảy ra khi nó được rao bán lần nữa năm ngoái. “Thực ra là, chúng tôi đã tính chuyện mua nó – hai lần. Mặt tiền của nó đẹp hơn nhà chúng tôi và phòng cũng rộng hơn. Không may là, điều đó cũng được phản ánh trong giá của nó. Và khi nghĩ về việc đó, có vẻ điên rồ khi chuyển sang bên kia đường – dù điều đó không thực sự có lý lắm, phải không? Nó giống như khi bạn đi ăn ở ngoài và ai đó gọi món bạn muốn và bạn nghĩ, ‘Ồ, được thôi, mình không thể gọi món đó nữa vì cô ta đang ăn nó mất rồi’, và rồi cuối cùng thì bạn gọi một món bạn không thích chút nào!”

Simon gật đầu, kinh ngạc. Anh muốn tránh những nhà hàng ra, nhưng dù sao, anh cảm thấy mình đáng ra nên biết rõ chủ nhân của số 17 Pardoner Lane đang nói về điều gì, mà anh lại không biết. Anh dành quá nhiều thời gian gật đầu với những thứ chẳng có nghĩa lý gì với mình cả, chỉ để giữ phép lịch sự.

“Tôi cần hỏi anh một câu hỏi riêng tư,” anh nói với Bowskill.

“Cứ hỏi đi.”

“Bố mẹ của anh.”

Phản ứng đó là không thể nhầm lẫn được: một sự tức giận ngay tức khắc. Với Simon, vì đã hỏi, hay với ông bà Bowskill? Simon không thể biết được. Anh biết một chút về họ, nhờ có Connie. Tên họ là Nigel và Barbara, họ sống ở Bracknell, Berkshire. Họ điều hành công việc kinh doanh riêng: cái gì đó có liên quan đến tạo tia la-de được dùng cho kỹ thuật nhận dạng vân tay.

Bowskill đã lấy lại sự bình tĩnh. “Để tôi đoán nhé,” anh ta nói. “Connie đã kể với anh là tôi không còn liên lạc với họ nữa. Tôi cho là cô ấy đã kể với anh tại sao?”

“Cô ấy nói với tôi chưa từng thực sự hiểu được tại sao.”

“Thật là vớ...” Bowskill kiềm được cơn tức giận. Một nụ cười

gượng ép thay thế cho vẻ cáu kỉnh của anh ta. “Như vậy là không hề đúng. Connie biết hoàn toàn chính xác chuyện gì đã xảy ra.”

“Anh có thể kể cho tôi được không?” Simon hỏi.

“Tôi không hiểu sao anh lại quan tâm. Nó có liên quan tới chuyện gì không?”

“Tôi chỉ muốn biết thôi.” Simon cố làm cho nó nghe như một sự tình cờ. Chẳng có lý do gì để nói với Bowskill đó là nguyên nhân chính mà anh muốn gặp anh ta. “Với tư cách là một người mà bố mẹ anh ta đang là bên cố gắng...”

“Nhưng nếu anh rơi xuống đáy vực, họ sẽ ở đó vì anh, phải không?” Bowskill nói. “Trong tình thế khẩn cấp, họ sẽ làm bất kỳ điều gì – họ sẽ chăm sóc cho anh.”

Simon chưa bao giờ nghĩ về điều đó. Những ngày còn nhỏ, suốt thời thơ ấu của anh, mẹ đã làm anh ngộp thở với sự chăm chút của bà, đối xử với anh như thể anh làm từ thủy tinh và sẽ tan vỡ nếu anh làm bất kỳ điều gì liều lĩnh kiểu như sang nhà bạn chơi. Giờ đây, thật khó để tưởng tượng Kathleen lại chăm sóc ai đó. Tiếng nói của bà đã mất đi trọng lượng lâu lắm rồi. Dù bà mới sáu mươi một tuổi và không có vấn đề gì về sức khỏe cả, bà cử động và nói năng như một di hài cổ mỏng manh lê bước dần về phía diệt vong. Simon thường tưởng tượng việc gặp gỡ bà với tư cách là một người xa lạ, mà thực ra đó chính là điều anh nghĩ về bà. Nếu được yêu cầu đoán tuổi tác và câu chuyện của bà, anh chắc chắn sẽ nói là tám mươi, và ở một thời điểm nào đó đã từng bị kẻ dao vào cổ bởi những tên sát nhân trẻ và mất đi ý chí muốn được sống.

Anh mở miệng để bảo rằng trong những hoàn cảnh cấp bách thảm khốc nhất anh sẽ tìm tới rất nhiều người khác nhau – bao gồm cả những người hoàn toàn xa lạ – trước khi liên quan gì đến mẹ mình, nhưng Bowskill đang được đà nói. “Bố mẹ gì mà lại không giúp đỡ con cái mình? Tôi không có anh chị em, nên không tồn tại bất cứ sự cạnh tranh nhằm đòi sự chú ý nào của họ cả. Tôi chẳng đòi hỏi họ phải hiến thân của mình.”

“Chuyện gì đã xảy ra?” Simon hỏi.

“Connie lúc ấy đang rệu rã. Cả về thể chất và tinh thần – la hét trong giấc ngủ, ác mộng, tóc cô ấy rụng. Tôi thực sự lo lắng cho cô ấy. Tôi nghĩ... ừ thì, cô ấy đã không làm thế, cho nên chắc không phải là đại miện khi nói: tôi nghĩ cô ấy có thể làm chuyện đại dột.”

Simon gật đầu. Thực sự lo lắng cho cô ấy. Trái ngược với giả vờ lo lắng cho cô ấy hả? Liệu đó có phải là điều Bowskill đang làm vào khoảng thời gian đó không?

“Bố mẹ tôi nói rõ ràng rằng tôi không trông chờ được gì vào sự giúp đỡ của họ.”

“Anh có hỏi xin sự giúp đỡ của họ không?”

“Ồ, có chứ. Chẳng có gì là không rõ ràng về việc này cả. Tôi hỏi, họ nói không.”

“Chính xác thì, anh muốn họ làm gì?”

“Connie đã kể cho anh nghe về họ chưa?” Bowskill hỏi. “Rằng họ tẩy não cô ấy và hăm dọa cô ấy, làm tê liệt suy nghĩ của cô ấy khiến cho cô ấy không thể tự nghĩ cho bản thân mình nữa?”

Simon lắc đầu. “Cô ấy có nói họ rất khó chịu. Về chuyện hai người chuyển tới Cambridge.”

Bowskill bật cười. “Nói giảm nói tránh thường không phải sở trường của Connie,” anh ta nói. “Rất vui được biết là cô ấy đang mở rộng vốn khả năng của mình.”

“Vậy chuyện gì đã xảy ra?” Simon hỏi. “Với bố mẹ của anh?”

“Connie đã cần phải tránh xa khỏi gia đình mình, đặc biệt là mẹ cô ấy. Tôi không biết tại sao tôi lại dùng thì quá khứ nữa – cô ấy vẫn cần như thế. Tôi đã hy vọng mẹ tôi sẽ hành động đúng như hình tượng của một bà mẹ, chỉ trong một khoảng thời gian thôi – anh biết đấy, thúc đẩy sự tự tin của cô ấy, nói với cô ấy rằng cô ấy có thể có cuộc đời mà mình mong muốn, đạt được tất cả những gì cô ấy đã quyết tâm làm. Tôi đã tự mình nói với cô ấy cho tới khi tôi phát bệnh lên vì giọng điệu của chính mình, nhưng chẳng có tác dụng gì. Tôi chỉ là một người, và tôi không phải một bậc phụ huynh, tôi ngang hàng với cô ấy. Dù tôi có nói

gì đi nữa, chỉ tôi thôi cũng không đủ để thay thế gia đình của Connie, dù họ có ảnh hưởng xấu tới cô ấy đến mức nào – và cô ấy hoàn toàn hiểu rõ họ đang gây tổn hại đến mình như thế nào, không phải là cô ấy không thể nhận thức được điều đó. Nhưng... cô ấy sợ phải phản đối mẹ mình, người không muốn cô ấy chuyển tới Cambridge. Thật là vô vọng. Tôi biết tôi sẽ không bao giờ dụ dỗ được cô ấy xa lánh gia đình mình trừ phi tôi có... ừ thì, một thứ gì đó ngoài chính bản thân mình để dành cho cô ấy. Cô ấy và mẹ tôi luôn hòa thuận với nhau, bố mẹ tôi đã tuyên bố yêu thương cô ấy như con đẻ, nhưng... khi xảy ra chuyện như vậy, khi tôi nhờ họ đoàn kết lại và trở thành một gia đình cho Connie, họ nói, ‘Không, cảm ơn con, chúng ta không muốn dính líu vào.’”

“Anh có nghĩ họ thận trọng với việc khuyến khích cô ấy chống đối lại chính bố mẹ mình?” Simon hỏi. “Họ không muốn can thiệp?”

“Không,” Simon nói dứt khoát. “Chẳng liên quan gì tới việc đó. Họ chẳng quan tâm quái gì đến Val và Geoff Monk, chỉ để ý tới bản thân họ thôi. Họ không muốn gây khó dễ cho mình, đơn giản thế thôi. Bắt đầu lảm nhảm về chuyện một người cần phải tự đứng vững trên đôi chân mình, lệ thuộc là không tốt... Thật là đáng tởm, thật lòng là vậy – một sự rũ bỏ trách nhiệm hoàn toàn. Tôi sẽ không bao giờ làm thế với con mình, nếu tôi có một đứa. Tôi nhìn họ và nghĩ, ‘Bố mẹ là ai? Tại sao con lại bận tâm về bố mẹ kia chứ?’ Là vậy đấy – tôi không nói chuyện với họ kể từ lúc ấy.”

“Nghe có vẻ dữ dội,” Simon nói. Anh cố tạo ra một biểu cảm không lấy gì làm vui vẻ để cho hợp với biểu cảm của Bowskill, che giấu sự thỏa mãn của mình. Anh đã có một giả thuyết, và dù chưa được chứng minh là đúng, tất cả những gì Bowskill vừa mới nói cho thấy anh sẽ sớm làm được điều đó thôi.



Thứ Sáu, ngày 23-07-2010

“Connie.”

Đừng tỏ vẻ vui mừng được gặp em. Anh sẽ không cười nổi nữa đâu, một khi anh đã nghe những điều em phải nói ra đây.

“Cảm ơn anh vì đã tới.” Anh ấy không phải là chồng mày. Anh ấy là một người xa lạ. Đây là cuộc gặp bàn chuyện công việc.

Tôi cố đưa thực đơn cho Kit nhưng anh đẩy nó đi. Người anh có mùi bia. Chúng tôi đang ở trong nhà hàng ở Doubletree cạnh Hilton Garden House, khách sạn của Selina Gane và giờ cũng là của tôi nữa. Tôi thuê phòng ở đây một tiếng trước.

“Không đói sao?” Tôi nói. “Em cũng không đói.” Có vẻ thật đáng tiếc. Thức ăn có lẽ sẽ rất ngon. Vải nhung bọc bàn ghế màu xanh vỏ chanh và tím trông đắt tiền. Nó khiến tôi nghĩ về chiếc váy của người phụ nữ đã chết, màu sắc là giống nhau.

Tôi đặt thực đơn xuống bàn, rót cho cả hai một ít nước.

“Đừng đùa giỡn,” Kit nói. “Tại sao chúng ta lại ở đây?” Anh vẫn đang đứng, sẵn sàng cho một cuộc cãi vã, không có ý định tham gia vào một cuộc đối thoại với tôi mà không biết chủ đề sẽ là gì.

“Em ở khách sạn này.” Tôi không nói với anh Selina Gane cũng ở đây. Tất nhiên, anh có thể đã biết điều đó rồi.

“Em...” Hơi thở của anh dồn dập hơn, như thể một người đang chạy. Tôi tự hỏi có phải anh đang nghĩ đến chuyện bỏ trốn không. Liệu khó khăn cho anh đến mức nào khi phải giữ nguyên vị trí? “Em bỏ đi khỏi bữa tiệc sinh nhật của chính mình mà không giải thích gì cả...”

“Bữa tiệc sinh nhật đó chính là lời giải thích. Nó và chiếc váy

anh mua tặng em.”

“Anh thể với Chúa, Con...”

“Thôi quên đi,” tôi nói. “Em không quan tâm. Em cần nói với anh về việc khác. Ngồi xuống đi. Ngồi.”

Một cách miễn cưỡng, anh hạ mình xuống một chiếc ghế đối diện với tôi. Tôi chưa từng thấy một người trông không thoải mái đến thế – vai so lại, hàm cứng đờ, mặt đỏ bừng. “Chúng ta nên bàn chuyện công việc,” anh nói.

“Cứ nói đi.” Đây là một cuộc gặp mang tính chất công việc, rốt cuộc thì là thế. Bạn không thể mời chồng mình đến một cuộc thảo luận về việc làm ăn mà lại không cho anh ta nói về công việc.

“Em là giám đốc tài chính và kinh doanh của Nulli. Tất cả chiến lược đều bắt nguồn từ em, tất cả mọi hoạch định... em là người đảm bảo rằng mọi người đều được trả lương. Anh có thể đổ mồ hôi sôi nước mắt, đội của anh cũng có thể như vậy, nhưng chúng ta đang phung phí thời giờ nếu em không làm công việc của mình.”

“Đồng ý,” tôi nói.

“Nếu em không nắm vững mọi chuyện, Nulli sẽ sụp đổ.”

“Và anh nghĩ là em đang không nắm vững mọi thứ?”

“Có phải vậy không?”

“Em đã không nắm vững, không,” tôi thừa nhận. “Kể từ khi em thấy cái xác đó trên Roundthehouses. Nhưng chỉ mới chưa đầy một tuần thôi. Công ty sẽ không tan tành mây khói bởi vì em không làm công việc giấy tờ trong một tuần. Dù sao thì, tất cả những chuyện này cũng chẳng liên quan. Bằng giờ này năm sau, Nulli có lẽ sẽ không tồn tại nữa.”

Mặt Kit trắng bệch. “Em đang nói cái gì vậy?”

“Anh rất thông minh và giàu lòng quyết tâm,” tôi nhanh chóng trả lời, quyết định rằng mình nên cho anh một sự bù đắp vì việc mất cả vợ lẫn công việc kinh doanh. “Anh sẽ khởi đầu một công ty mới mà không có em. Em chắc chắn nó sẽ rất thành công.”

Miệng và mắt Kit bắt đầu chuyển động – co giật ngẫu nhiên, không phối hợp với nhau. Anh không nghĩ chuyện này lại có thể xảy đến với anh. Tôi biết anh cảm thấy gì.

“Làm sao em có thể...?”

Em xin lỗi. Em không yêu anh bớt đi chút nào so với trước khi tất cả những chuyện này xảy ra. Em tin anh ít hơn, thích anh ít hơn, sẵn lòng làm tổn thương anh nhiều hơn, nhưng tình yêu chưa hề thay đổi. Em chưa từng nghĩ chuyện này là có thể – anh có nghĩ thế không, Kit?

Tôi cưỡng lại khao khát giải thích, biết rằng nó sẽ chẳng giúp ích gì.

“Làm sao em có thể bình tĩnh ngồi đó và thông báo dự định phá hủy tất cả những gì chúng ta đã có?” Giọng Kit trống rỗng, khản đặc. “Cuộc hôn nhân của chúng ta, công ty của chúng ta...”

“Em cần anh đọc một thứ.” Tôi lấy lá thư ra khỏi túi, đẩy nó về phía anh. “Em muốn anh xem nó trước khi Selina Gane xem. Một khi anh đã chấp thuận, em sẽ đẩy nó vào dưới cánh cửa phòng cô ta. Selina cũng đang ở đây. Anh có biết điều đó không?”

Kit chậm chậm lắc đầu, mắt anh mở to, nhìn chăm chú vào những chữ viết tay của tôi.

Tôi đã nghĩ sẽ khó khăn, nhưng nó lại là lá thư dễ dàng nhất tôi từng viết. Tôi giả định, vì mục đích luyện tập trước, rằng Selina Gane vô tội, và tôi đã giải thích mọi thứ, hay ít nhất là nhiều nhất trong khả năng của mình: việc tìm ra địa chỉ của cô ả trong định vị vệ tinh của Kit, những sự nghi ngờ và sợ hãi của tôi, chúng đã khiến tôi đứng chờ trước cửa nhà cô ả và đi theo cô ả như thế nào, rằng tôi ước mình đã thẳng thắn hơn về chuyện này, nói chuyện trực tiếp với cô ả ra sao. Đó cũng là điều cô ả muốn nếu cô ả cũng sợ hãi và bế tắc như tôi. Tôi nghĩ: một lá thư trình bày thẳng thắn để làm rõ những hiểu lầm và xin lỗi, từ một người vô tội tới một người vô tội khác.

Tôi không mất thời gian lo lắng về những gì cần ghi vào và những gì cần bỏ qua, tôi cung cấp rất nhiều thông tin, cho cô ả

biết vượt xa lượng cô ả cần – kể cả việc tôi đang ở tại Garden House, dù trong một căn phòng hoàn toàn cách xa cô ả. 'Tôi rất xin lỗi nếu nó khiến cô cảm thấy như thể tôi đang đeo bám cô một lần nữa,' tôi viết. 'Tôi thực sự không làm thế. Tôi chọn khách sạn này bởi cái tên đó hiện lên trong đầu tôi, bởi vì tôi gọi cho cô ở đây. Trong một thế giới lý tưởng nào đó, tôi sẽ khéo léo hơn và chọn một khách sạn khác, nhưng tôi đã kiệt sức và mức năng lượng của tôi gần cạn rồi, nên tôi không làm vậy.'

Đọc ngược từng đoạn của bức thư, trong khi Kit đọc nó, tôi nghĩ rằng mình đang làm rất tốt việc khiến bản thân mình nghe như một người tỉnh táo. Nếu tôi là Selina Gane, tôi sẽ đồng ý gặp và nói chuyện với tôi.

Kit thả những trang giấy xuống bàn. Anh chậm chậm ngẩng đầu lên, dường như anh hầu như không thể chịu được việc đưa mắt lên để nhìn vào mắt tôi.

“Sao?” Tôi nói.

“Em đang đề nghị mua nhà của cô ta.”

“Phải.”

“Em điên à? Thậm chí còn điên hơn nữa? Em đang đề nghị mua với giá chào bán – 1,2 triệu bảng. Em không đủ khả năng...”

“Thông tin của anh lỗi thời rồi,” tôi bảo anh. “Ngày hôm nay, giá chào bán đã là một triệu. Cô ta hẳn khá là tuyệt vọng khi giảm giá nó chỉ sau một tuần, anh có nghĩ thế không?”

Kit gục đầu xuống tay. “Vậy là em đang chào mời cô ta nhiều tiền hơn, khi mà cô ta đòi hỏi ít đi – tất cả số tiền em không có và sẽ không thể nào vay mượn. Anh không hiểu, Connie. Giúp anh với.”

“Hoặc anh có thể giúp em,” tôi nói đều đều. “Tất cả những gì em muốn, bây giờ, là được biết sự thật. Em không quan tâm nó là gì. Em thực sự nghiêm túc đấy. Dù có tồi tệ đến đâu đi nữa, kể cả có tồi tệ hơn mức em có thể tưởng tượng ra. Em không quan tâm đến cuộc hôn nhân của chúng ta...”

“Cảm ơn rất nhiều.”

“...Em không quan tâm nếu anh có từng giết ai đó hay không – một mình anh hay có sự giúp đỡ của Selina Gane. Em thậm chí sẽ không tới chỗ cảnh sát – em chẳng quan tâm nữa. Em chỉ quan tâm đến bản thân – em cần biết chính xác chuyện gì đã xảy ra với cuộc đời mình.”

“Dừng lại.”

“Em xin lỗi nếu mình làm anh phật ý,” tôi nói. “Em chỉ muốn anh nhận ra rằng việc này có thể thật dễ dàng: anh chỉ cần nói cho em thôi. Rồi em sẽ không phải nhét lá thư này dưới cánh cửa phòng khách sạn...”

“Connie.” Anh tóm lấy bàn tay tôi từ bên kia bàn.

“Nói cho em!”

Tôi thấy có điều gì đó thay đổi trong đôi mắt anh: nỗi sợ hãi, sự nhận thức, tính toán. Chủ yếu là nỗi sợ, tôi nghĩ. “Ôi, Chúa ơi, Con... anh không biết phải làm sao để...” tôi chờ đợi, không dám cử động một thớ cơ nào vì sợ anh sẽ thay đổi ý định. Có phải tôi, cuối cùng thì, sắp sửa được nghe sự thật?

“Làm thế nào để anh thuyết phục được em đây?” anh nói bằng một giọng cứng rắn hơn. “Anh không biết gì hết. Anh chưa làm một điều gì hết.”

Không. Mà không tưởng tượng. Từng có một cơ hội, và nó đã đi rồi. Anh đã chọn không nắm lấy nó.

“Em không tin anh, phải không?” anh nói.

“Không, em không tin.” Sự nặng nề đang chìm dần trong tôi quá mãnh liệt đến mức trong một khắc tôi không nói được lời nào. Mà đã trông chờ gì chứ, một lời thú tội đầy đủ? “Thôi được rồi,” cuối cùng tôi cũng nói. “Nếu anh không kể cho em nghe sự thật, em sẽ phải tự mình tìm ra. Kể từ lá thư này.”

“Kể từ?” Tiếng cười của Kit làm tôi sốc. Tại sao một âm thanh ngắn gọn lại có thể chứa đựng nhiều nỗi căm giận đến thế? “Xin lỗi, em đang muốn nói đến một mối liên hệ logic ư? Làm sao mà việc chia sẻ tất cả những chi tiết về nỗi khốn khổ của chúng ta với một người xa lạ và đề nghị mua một ngôi nhà em không đủ khả năng chi trả lại đưa em đến gần với sự thật hơn được?”

“Có thể sẽ không được.”

“Em sẽ nhận được gì, với thứ này?” Anh đập đập lá thư bằng mu bàn tay.

“Có lẽ là chẳng gì cả. Em làm không phải vì em nghĩ nó là một ý tưởng thông minh và chắc chắn sẽ thành công.” Nếu tôi không kiệt sức đến thế, tôi sẽ cố gắng nhiều hơn để cho anh thấy tôi đã trôi xa đến tận đâu, trong sáu ngày qua, từ trong địa hạt của những khả năng chiến thắng và những lựa chọn tích cực. “Em đang làm điều này bởi đây là ý tưởng duy nhất em có – cách duy nhất em có thể nghĩ ra để giúp mọi việc tiến triển, khi mà giờ đây cảnh sát nói họ sẽ không làm gì hết.”

Một người phục vụ tiến lại. Kit giơ tay lên để từ chối anh ta, giống như người điều phối giao thông chặn dòng xe cộ. “Chúng tôi không muốn gì ngoài việc được để yên một mình,” anh gắt. Vài doanh nhân ở bàn gần đó quay lại nhìn chăm chăm vào chúng tôi. Một người nhướn mày.

“Em biết chắc chắn hai điều,” tôi nói bình tĩnh, bám sát vào kịch bản của mình. “Số 11 Bentley Grove đã xuất hiện trong định vị của anh với cài đặt là ‘Nhà’. Một người phụ nữ bị sát hại ở đó, tại phòng khách. Em không thể giải thích được hai điều đó. Anh nói anh cũng không thể. Vậy nếu em muốn có được sự thật, em cần tìm hiểu thêm về ngôi nhà đó nhiều hơn so với những gì em biết ngay bây giờ.” Tôi nhún vai. “Mua nó là kế hoạch duy nhất em có thể nghĩ ra. Đừng có mất công bảo em nó khó có thể thành công thế nào – em biết sẵn rồi. Em cũng biết rằng khi mua nó, anh sẽ tìm ra được đủ mọi thứ mà nếu không mua thì không thể nào biết được: có mùi ẩm mốc trong tủ bát, một ngăn bí mật dưới sàn phòng ngủ...”

“Connie, em không thể mua nổi số 11 Bentley Grove.”

“Có, em có thể. Hay, nói đúng hơn là, chúng ta có thể. Em cần sự giúp đỡ của anh và anh sẽ phải giúp em. Nếu anh không chịu, em sẽ bắt đầu thủ tục ly dị ngay ngày mai. Hay thứ Hai – sớm nhất em có thể. Em cũng sẽ rời khỏi Nulli mà không cần nhìn lại, và từ chối bán cho anh một nửa cổ phần của mình. Em sẽ trở thành cơn ác mộng tồi tệ nhất của anh: một đối tác ngang hàng

không thềm đóng góp gì hết. Em biết chính xác cách để biến cuộc đời anh thành địa ngục và phá đổ Nulli. Đừng sai lầm mà nghĩ rằng em không dám làm.”

Tôi chưa từng nghe thấy một sự im lặng nào lớn tiếng đến thế. Những người khác trong nhà hàng đang nói chuyện – tôi có thể thấy miệng họ cử động – nhưng âm thanh đã bị nhấn chìm bởi màn đêm khổng lồ trong tâm trí tôi, trong cái nhìn chăm chăm kinh hoàng không lời của Kit.

Hai hay ba phút trôi qua, hai chúng tôi bất động. Rồi Kit nói, “Em đã biến thành cái gì thế này?”

“Một người đang chiến đấu vì điều mình tin,” tôi nói với anh. “Tóm lại, anh sẽ giúp em chứ?”

“Bằng cách nào?”

“Tất cả những gì anh sẽ cần phải làm là ký vào các mẫu đơn em đưa và vào thời gian em bảo.”

“Anh không được nghe về kế hoạch kiểm soát tài chính?”

Nói với anh thì có hại gì?

Tôi uống một ngụm nước từ ly của mình, đột nhiên cảm thấy lo lắng, như thể giáo viên toán của tôi chuẩn bị chấm bài tập về nhà. “Với tình thế hiện giờ, anh nói đúng – chúng ta không đủ khả năng mua số 11 Bentley Grove. Chúng ta chưa bán nhà mình – nó còn chưa được rao bán. Kể cả khi chúng ta rao bán ngày mai, khó có khả năng chúng ta sẽ có một người mua chắc chắn kịp lúc. Giờ đây khi giá chào bán của số 11 Bentley Grove hạ xuống một triệu, nó sẽ được bán chỉ trong vài ngày thôi. Nó sẽ được quảng cáo là một món hời – giảm giá để bán nhanh. Và nó lại nằm ở một trong những khu vực tốt nhất của Cambridge. Nếu phải đoán, em cho là một thỏa thuận sẽ được hoàn thành vào cuối ngày thứ Hai.”

“Anh có thể tiêm một ít thực tế vào mộng tưởng này không?” Kit nói. “Kể cả khi mình có hóa phép ra một người mua, mức cao nhất có thể có được từ Mellers là ba trăm ngàn bảng. Chúng ta vẫn sẽ không thể mua được nó.”

“Với thu nhập của chúng ta và lợi nhuận của Nulli, chúng ta

có thể mua thế chấp được từ tám trăm đến chín trăm ngàn, em nghĩ thế. Không phải từ ngân hàng Halifax hay NatWest...”

“Vậy từ ai?”

“Có rất nhiều ngân hàng tư không mong muốn gì hơn là cho chúng ta vay một đồng tiền và thay vào đó, chúng ta chuyển giao công việc kinh doanh và tài khoản cá nhân cho họ. Chúng ta chính là loại khách hàng họ muốn thu hút. Nghĩ về lợi nhuận của Nulli trong hai năm qua xem – nó đã tăng vọt. Em sẽ cần phải thêm vào lợi nhuận của các dự án cho năm nay và năm sau những lượng bằng nhau, để mà ngân hàng nhìn vào những con số và nghĩ, ‘Tuyệt, không có rủi ro,’ nhưng việc đó cũng đủ dễ. Ngân hàng sẽ lấy Nulli và số 11 Bentley Grove làm thế chấp – em không thấy có bất kỳ lý do nào họ lại từ chối chúng ta.”

Kit không nói gì. Ít nhất anh đang nghe. Tôi đã không chắc anh sẽ nghe. Tôi đã tưởng rằng tới thời điểm này mình sẽ phải nói chuyện với một cái ghế xanh vỏ chanh không người ngồi.

“Anh đã đọc lá thư,” tôi nói chậm rãi, cố gắng trình bày bài diễn văn đã chuẩn bị sẵn của mình. “Anh đã thấy là em đang chào mời mức giá 1,2 triệu cho Selina Gane, giá chào bán ban đầu. Em đã làm vậy vì hai lý do. Một: cô ta không muốn thấy hay nói chuyện với em. Một khoản thêm vào hai trăm ngàn – mà cô ta không mong đợi – có thể là sự khích lệ cô ta cần. Hai: một khi tin tức truyền ra là số 11 Bentley Grove giờ đây đang bán với giá một triệu, nó sẽ thu hút rất nhiều sự quan tâm, có thể sẽ có nhiều người đấu giá lẫn nhau. Một khi điều đó xảy ra, giá sẽ lại tăng một lần nữa. Trừ phi Selina Gane là đồ ngốc ngây thơ, cô ta sẽ biết điều này. Nếu muốn có được lượt trả giá mua ưu đãi, em cần phải suy xét đến việc nhu cầu có thể đẩy mức giá lên. Một cách thực tế nhất, em dự đoán mức giá trả cao nhất trong tình thế đó có thể là 1,1 triệu.”

“Vậy tại sao lại không chào mua giá đó?” Kit hỏi, giọng lãnh đạm. Tôi tự nhủ rằng như thế này là có tiến triển: anh đang quan tâm đến tính khả thi, ít nhất là như vậy. Hỏi những câu hợp lý.

“Em đã nghĩ về chuyện đó,” tôi nói với anh. “Nhưng sự kết

hợp giữa ác cảm của Selina Gane dành cho em và khả năng dù gì cô ta cũng sẽ có được 1,1 triệu bảng khiến cô ta sẵn sàng đuổi cổ em đi hơn. 1,2 triệu là mức chào mua mà cô ta phải thật sự điên rồ mới từ chối – em không thấy có lý gì cô ta lại làm thế.”

Và cô ả sẽ biết những điều về ngôi nhà mà không ai khác biết – về những thứ được che giấu ở đó và thứ gì đã bị lấy đi. Một cái xác người phụ nữ, chiếc nút tử thần...

Tôi có thể gọi cho Lancing Damisz và đưa ra tên giả, yêu cầu Lorraine Turner cho tôi xem số 11 Bentley Grove, nhưng như thế thì có ích gì? Kể cả một nhân viên môi giới hiểu biết cũng chỉ nắm được một phần nhỏ những gì chủ nhà biết.

Chào mời Selina Gane hơn một triệu bảng có vẻ như là một cách tốt để thuyết phục cô ta nói chuyện với tôi.

“Em có nghe thấy chính mình đang nói gì không?” Kit xì một tiếng, vươn người qua bàn như thể sự gần kề hơn cùng thái độ thù địch của anh có thể khiến tôi thay đổi ý định. “Một lời đề nghị cô ta phải thực sự điên rồ mới từ chối? Đó là lời đề nghị em phải thực sự điên rồ mới đưa ra! Kể cả nếu như chúng ta có thể vay chín trăm ngàn bảng từ ngân hàng tư nhân...”

“Làm sao chúng ta có thể chi trả các khoản thu hàng tháng?” Tôi đã chặn trước mọi câu hỏi anh có thể đưa ra, mọi sự phản đối có thể. “Em đã làm vài phép tính ước đoán rồi. Nếu vay thế chấp chỉ trả lãi, và nếu chúng ta đổ vào chín mươi phần trăm tiền lương và tất cả số tiền tiết kiệm cá nhân, chúng ta có thể đủ khả năng chi trả hết trong hai tới ba năm, tùy thuộc vào các biến số khác nhau. Sau đó, em không biết. Có thể chúng ta sẽ giàu từ một thương vụ làm ăn mới nào đó, hoặc...”

Không. Dừng lại.

Tôi đã tự hứa với bản thân mình sẽ không nói dối để khiến chuyện dễ dàng hơn, cho Kit hay cho tôi.

Sẽ không có việc kinh doanh mới. Chẳng có 'chúng ta', không còn nữa.

“Khi chúng ta không thể chi trả các khoản được nữa, số 11 Bentley Grove sẽ bị thu hồi,” tôi bảo Kit. “Điều đó là không thể

tránh khỏi, và cũng không làm em lo lắng. Nếu em vẫn chưa tìm ra điều mình cần biết trong hai năm nữa, khả năng là em sẽ không bao giờ tìm được. Đến mức ấy, em sẽ phải nghĩ đến chuyện từ bỏ.”

“Em đang đề xuất một kế hoạch dù biết rằng nó sẽ đẩy em vào cảnh phá sản?”

“Có tiền cũng chẳng có nghĩa lý gì nếu anh không sẵn sàng chi dùng nó vào những điều quan trọng. Em cho là nếu mình thực sự không một xu dính túi theo nghĩa đen, chính phủ sẽ phải cho em một chốn nào đó để ở – một phòng trong một ngôi nhà chung, một căn hộ cộng đồng, cả phụ cấp nữa. Em sẽ không chết đói đâu.”

“Những con số của em không trùng khớp,” Kit nói, một nụ cười chế nhạo đặc trưng hiện lên trên mặt anh. Anh nên biết hơn mới phải. Có bao giờ những con số của tôi lại không khớp? Sự kích động ngấm vào trong tôi. Cuộc đời em có thể đổ vỡ nhưng kỹ năng kế toán của em vẫn còn nguyên vẹn. Chúc mừng. “Em đang nói về chuyện vay chín trăm ngàn bảng, nhưng trong thư chào giá 1,2 triệu bảng.” Kit đập đập nó lần nữa bằng mu bàn tay. “Ba trăm ngàn còn thiếu từ đâu ra?”

“Từ việc bán Melrose Cottage,” tôi nói. “Anh nói về chuyện hóa phép ra một người mua? Đó là chính xác những gì em sẽ làm. Một người mua chắc chắn mà không làm chúng ta thất vọng, để chúng ta có thể giao dịch với Selina Gane ngay lập tức và biết rằng nó sẽ không thất bại.”

“Ai? Em đang nói nhảm đấy! Em không có thời gian để tìm được ai hết. Ngôi nhà thậm chí còn chưa được rao bán trên thị trường! Bố mẹ em sẽ không giúp em tự làm mình phá sản đâu, chắc chắn – họ sẽ đột quy vì lên cơn đau tim nếu họ nghe thấy điều anh vừa nghe. Fran và Anton chẳng có tiền bạc gì. Người mua của em là ai, Connie? Em đang ảo tưởng quá rồi đấy!”

“Chúng ta sẽ bán Melrose Cottage cho chính chúng ta. Cho Nulli.”

Không có phản ứng.

Tôi tiếp tục. “Hiện giờ Nulli đang có một trăm năm mươi ngàn bảng trong tài khoản, có thể nhiều hoặc ít hơn. Về mặt pháp lý, nó là một thực thể tồn tại tách biệt với anh và em, dù chúng ta sở hữu nó. Đây là cách mọi thứ hoạt động: Nulli mua Melrose với giá ba trăm ngàn bảng. Em không biết, có thể nó có thể trả cao giá hơn một chút – ba trăm hai mươi ngàn, ví dụ, hoặc ba trăm năm mươi ngàn. Phải, khi nghĩ về chuyện đó, em nghĩ có thể Nulli quá ấn tượng với nội thất cao cấp của ngôi nhà, nó sẽ không cưỡng lại được việc trả giá thêm năm mươi ngàn để chiến thắng trong cuộc cạnh tranh. Người giám định sẽ được báo rằng đó là mức giá mà người mua và người bán đồng thuận, và sẽ không nghĩ đến chuyện thắc mắc gì hết – ba trăm năm mươi ngàn bảng không phải là mức không thể hình dung được so với ngôi nhà của chúng ta, với tất cả những công sức chúng ta đã bỏ vào nó.”

“Tất cả những công sức anh đã bỏ vào,” Kit lầm bầm.

Tôi sẽ không tranh cãi với anh. Điều đó cũng có lý. “Nulli trả một trăm ngàn cho Melrose, vay hai trăm năm mươi ngàn,” tôi nói. “Năm mươi ngàn còn lại trong tài khoản công ty sẽ chi trả cho phần lệ phí chứng từ, các chi phí pháp lý, mọi thứ – có thể thậm chí còn thừa một ít để trả lương.” *Anh phải cười, đúng không, Kit? Không thì anh sẽ khóc mất.* “Ngay khi Nulli sở hữu Melrose, nó sẽ rao bán ngôi nhà. Sẽ không mất quá lâu để bán đâu. Một người bạn học cùng em ngày xưa sẽ mua nó, hoặc một trong số những người bạn của bố mẹ muốn ở một ngôi nhà nhỏ hơn khi giờ đây con cái họ đều đã đi rồi. Trong khi đó, chúng ta sẽ có một khoản gộp từ việc bán nhà của chúng ta – ta sẽ có năm trăm năm mươi ngàn tiền mặt. Chúng ta đặt ba trăm ngàn cho số 11 Bentley Grove và vay chín trăm ngàn. Không.” Tôi tự sửa. “Xin lỗi. Chúng ta đặt vào hai trăm chín mươi ngàn, vay chín trăm mười ngàn. Sáu mươi ngàn không trả vào đó sẽ dùng cho lệ phí, chắc chắn sẽ rất tốn kém, và các chi phí thủ tục. Ngay khi Melrose được bán cho một người mua thực sự, Nulli lấy lại được hai trăm chín mươi ngàn, và cuối cùng chỉ còn lại sáu mươi ngàn. Rồi nó cũng sẽ không còn lại gì cả, bởi nó là chúng ta và

chúng ta cũng là nó – lúc ấy chúng ta đã dùng hết số tiền sáu mươi ngàn đó rồi. Ngoại trừ những thứ khác, đây là một cách tuyệt vời để lấy được một khoản tiền lớn từ công ty mà không mất thuế.”

Kit không nói gì cả, thậm chí còn không chớp mắt. Có lẽ anh chết rồi, tôi đã làm anh sốc đến chết.

“Đầu tiên em nghĩ Nulli có thể mua số 11 Bentley Grove, nhưng như vậy không được,” tôi nói. “Em cần phải chuyển tới sống ở đó – em sẽ không tìm ra được gì nếu không ở đó. Nếu Nulli sở hữu ngôi nhà và em sống ở đó, nó trở thành một dạng lợi nhuận có thể bị đánh thuế. Thêm vào đó, một ngân hàng tư sẽ không đời nào cho Nulli vay nhiều như nó sẽ cho chúng ta vay, và nó sẽ đánh mức lãi suất gấp đôi – điều kiện cho các khoản vay thương mại khó khăn hơn nhiều so với cho vay mua nhà cá nhân. Theo chiều như thế này, mọi chuyện mới hoàn hảo. Nulli mua Melrose, nơi chúng ta không còn ở nữa, nên nó không phải là khoản lợi nhuận có thể tính thuế – nó là một sự đầu tư. Chúng ta sẽ nhờ cho ngân hàng vài thứ vớ vẩn về việc có thể cho thuê nó.”

“Im đi!” Kit gầm lên. “Anh không muốn nghe thêm gì nữa, chỉ là... im đi.”

Vâng lời, tôi chờ đợi anh chuẩn bị sẵn sàng để xé xác tôi ra trong im lặng. Anh không phải là người nóng vội, Kit ấy. Anh sẽ muốn luyện tập đợt tấn công của mình trước.

Tất cả mọi người trong nhà hàng đều đang quan sát chúng tôi và vờ như không phải thế. Tôi suy tính chuyện thông báo cho công chúng: đừng có bận tâm một cách tinh tế như vậy. Chúng tôi không thêm quan tâm mọi người nghĩ gì về mình đâu.

Đột nhiên, một cách tuyệt vọng, tôi muốn một ly Kir Royale. Đây là một nơi rất hợp với Kir Royale. Tại sao mọi người lại muốn uống cái gì khác, trong căn phòng nhung tím và xanh vỏ chanh với ánh sáng dịu nhẹ cùng khung cảnh nhìn ra sông này?

Tôi không thể gọi một ly Kir Royale. Như vậy sẽ là không đúng. Không thích hợp. Connie điên khùng.

“Em có hiểu chuyện này điên loạn đến mức nào không?” Kit nói sau vài phút. Anh đang hạ giọng mình tới mức thì thầm, có lẽ anh thực sự quan tâm đến việc tạo dựng một ấn tượng tốt, ngay cả như bây giờ. Tôi tự nhắc mình rằng tôi chẳng biết gì về anh cả, chẳng có gì là quan trọng. “Em nói, ‘Lúc ấy, chúng ta đã chi hết số sáu mươi ngàn ấy rồi,’ như thể trong đó có phần lợi nhuận nào cho chúng ta! Phải, chúng ta sẽ chỉ dùng số sáu mươi ngàn đó – hoan hô. Chúng ta sẽ dùng số tiền ấy để mua một ngôi nhà mà sẽ mất sau hai năm bởi vì ta không đủ tiền trả. Và Nulli – thứ mà chúng ta đã mất quá lâu để gây dựng và đổ vào đó tất cả công sức, nỗ lực – Nulli sẽ trôi tuột xuống cống. Khi mà Melrose được bán cho một người chủ đích thực xong xuôi, chúng ta sẽ có gì cơ? Hai, ba tháng không thể trả lương cho ai?”

“Anh nói đúng,” tôi cắt lời anh. “Nulli sẽ là thương vong trong kế hoạch, gần như chắc chắn là vậy. Và chúng ta sẽ mất cả hai ngôi nhà, Melrose Cottage và số 11 Bentley Grove. Xét về mặt tích cực thì, nếu số 11 Bentley Grove bị thu hồi, chúng ta có thể lấy được một ít từ số tiền bán nhà chênh lệch, phụ thuộc vào việc ngân hàng bán nó với giá bao nhiêu. Và khi Nulli bán Melrose, kể cả lúc đó nó đã rạn nứt rồi, vẫn sẽ là ba trăm ngàn quay trở lại túi chúng ta, trừ đi các khoản phí có liên quan tới việc phá sản.”

“Chúng ta sẽ chẳng còn lại gì hết,” Kit nói, giọng anh nặng một nỗi thống khổ. “Đó là điểm chung của những con người phá sản. Dùng não em đi, chết tiệt.”

“Em nghĩ anh đang bị quan quá rồi,” tôi bảo anh. “Chúng ta sẽ kiếm được thứ gì đó từ nó. Hãy nhớ, có hai ngôi nhà để bán lấy tiền.” Giờ là lúc tỏ ra hào phóng. Khuyến khích anh ấy. “Anh có thể lấy tất cả số đó,” tôi nói. “Tất cả những gì chúng ta còn lại khi tất cả chuyện này kết thúc. Em thực sự nghiêm túc với điều mà em vừa nói: em không quan tâm nếu sau này có nghèo khổ và vô gia cư.” Một giọng nói trong đầu tôi – của mẹ tôi, chắc thế – nói, Nói rằng con không quan tâm nghe cũng được đấy. Con nên quan tâm.

Nhưng tôi không quan tâm.

“Em cần phải biết sự thật,” tôi nói với Kit. “Em có thể không bao giờ tìm ra được, nhưng nếu có, thì đây là cách chuyện đó sẽ diễn ra. Kế hoạch này có thể là khởi đầu cho việc em sẽ có được vài câu trả lời cho những câu hỏi của mình.”

1,2 triệu bảng. Câu trả lời đắt nhất trong lịch sử thế giới.

“Nếu anh phản đối, em sẽ ly dị anh, đúng không?” Kit nói.

Tôi gật.

“Chuyện gì sẽ xảy ra với cuộc hôn nhân của chúng ta nếu anh đồng ý?”

“Cũng còn tùy. Nếu em tìm ra sự thật, và sự thật là anh không phải kẻ nói dối, không phải tên sát nhân...” Tôi nhún vai. “Có lẽ chúng ta có thể tìm được cách để trở về như cũ, nhưng...” tôi ngừng lại. Thật không công bằng khi mời gọi hy vọng ảo tưởng cho anh, dù nó có thúc đẩy động cơ của tôi đi nữa. “Em nghĩ dù sao thì, cuộc hôn nhân của chúng ta có lẽ là kết thúc rồi,” tôi nói.

“Đấy là điều mà em sẽ gọi là ‘không có não’.” Nụ cười của Kit run run. “Nếu phải lựa chọn giữa việc chắc chắn đánh mất người phụ nữ anh yêu và chỉ có khả năng đánh mất cô ấy thôi, anh sẽ phải chọn cái chỉ có khả năng ấy.” Anh đứng lên. “Anh sẽ ký bất kỳ thứ gì em muốn anh ký. Chỉ cần nói ra. Em biết phải tìm anh ở đâu.”

Thứ Sáu, ngày 23-07-2010

“Anh cần em làm một chuyện cho anh.”

“Em cũng chào anh.” Charlie làm mặt thô lỗ với cái điện thoại.
“Em ổn, cảm ơn vì đã hỏi. Anh đang ở đâu?”

“Liên hệ với Alice Fancourt, sắp xếp một cuộc gặp với cô ấy sớm nhất có thể. Alice Bean chứ, xin lỗi – cô ấy đã bỏ họ Fancourt rồi. Tìm hiểu xem lần cuối cô ấy gặp Connie Bowskill là lúc nào và điều gì...”

“Oaa, đợi một phút đã.” Đây là kiểu hội thoại cần đến sự góp mặt của một ly rượu: vang trắng, lạnh, hoàn toàn không ngọt. Charlie nhấn nút tạm dừng trên điều khiển từ xa, lê mình khỏi ghế sofa và đóng rèm phòng khách lại kín hết mức có thể. Hai bên rèm không gặp nhau ở giữa, cô đã treo nó quá ầu. Liv từng bảo “Tháo chúng xuống và treo lại cho đúng cách đi,” nhưng theo như Charlie nhận thấy, rèm cửa thuộc vào loại chỉ có duy nhất một cơ hội. Chị em cũng vậy.

Cô sẽ không bao giờ thừa nhận với bất kỳ ai, nhưng cô rất vui mừng khi được về nhà – lại một lần nữa được làm nữ hoàng của một ngôi nhà ống nhỏ, bài trí xấu xí, không còn là một kẻ ngoại đạo ở thiên đường nữa. “Connie Bowskill biết Alice ư?” cô nói, cố ghì cái ngáp.

“Alice là người chữa bệnh theo liệu pháp vi lượng đồng căn của cô ta,” Simon nói. “Anh cần được biết lần cuối hai người gặp nhau, Connie đã nói những gì, liệu cô ấy có biết chút manh mối gì về nơi Connie hiện đang ở không.”

“Dù có nguy cơ bị coi là ích kỷ, em muốn biết bản danh sách cần làm đó có liên quan gì đến em không? Em đang xem DVD.” Cho tới giờ thì nó vẫn rất hay. Tội Ác Tiềm Ẩn. Vai chính là một

đứa con nuôi bị tâm thần tên là Esther, kẻ dường như có ý định sát hại tất cả anh chị em của mình. Charlie cảm thấy đồng điệu mãnh liệt với con bé, dù cô ngờ rằng đó không phải là phản ứng mà đạo diễn hy vọng khơi gợi nên.

“Anh không thể nói chuyện với Alice được, đúng không?” Simon nói một cách nôn nóng.

“Cả hai người đều có miệng và có tai, lần cuối em kiểm tra là như vậy. Ý anh là anh không muốn nói chuyện với cô ta.” Charlie tự rót cho mình một ly rượu vang, mừng là anh không trực tiếp có mặt ở đây để trông thấy cô cười. Nụ cười nhạt dần khi cô nghĩ ra rằng việc anh không muốn nói chuyện với Alice có thể được hiểu theo rất nhiều cách: không ưa, ngại ngùng, nổi ác cảm khi phải gặp lại quá khứ. Bất kỳ cái nào trong số đó cũng ổn thôi, Charlie nghĩ, đặt lại rượu vào trong tủ lạnh. Tình yêu đơn phương tàn héo – kiểu tình yêu mà anh biết rằng nó sẽ bị phóng đại thành nỗi đau đớn khổ sở hơn khi phải đối mặt với đối tượng của mình. Không. Lố bịch. Có thể thấy rõ trong giọng nói của anh rằng Alice chỉ là một phương tiện để đạt được mục đích. Connie mới là người anh đang quan tâm bây giờ. Và không, Charlie khẳng định chắc chắn với bản thân mình – không phải theo cách đó.

“Anh không muốn nói chuyện với Alice, không đâu,” Simon đáp.

Charlie cũng không muốn, nhưng cô biết chuyện gì sẽ xảy ra nếu cô từ chối: anh sẽ vượt qua sự ngần ngại của mình và làm điều anh phải làm để có được những thông tin anh muốn. Đây là cơ hội của cô để ngăn chặn một cuộc tái ngộ. “Được rồi, em sẽ giúp. Anh ở đâu?”

“Vẫn ở Cambridge.”

“Anh sắp về chưa?”

“Chưa. Anh sẽ tới Bracknell để nói chuyện với bố mẹ của Kit Bowskill?”

“Bây giờ ư? Khi anh đến nơi thì nửa đêm mất rồi.”

“Họ sẵn sàng đón tiếp anh ngay đầu buổi sáng rồi. Anh sẽ ở lại

trong xe ô tô bên ngoài nhà của họ.” Đoán trước sự phản đối của cô, anh nói, “Anh quay về nhà chỉ để dành ra vài tiếng đồng hồ trên giường thì chẳng có ích gì. Dù sao thì anh cũng sẽ không ngủ.”

Cứ như kiểu chẳng có việc gì khác để làm trên giường ngoài ngủ ấy.

“VẬY là...” Anh đang trình bày quá nhanh so với cô hiểu. “Kit Bowskill cho anh số điện thoại của bố mẹ mình?” Tại sao anh ta lại làm thế? Tại sao Simon lại hỏi xin số?

“Danh bạ điện thoại cho anh số. Chỉ có duy nhất một Bowskill ở Bracknell – vẫn N cho Nigel.”

“Nhưng... anh đã gặp Kit Bowskill rồi?”

“Ừ. Hỏi anh ta tận ba lần liên nguyên do gây ra sự chia rẽ giữa anh ta và người thân. Hai lần đầu anh ta tránh né câu hỏi. Phải đến câu trả lời thứ ba mới cho thấy anh ta đang che giấu điều gì đó đáng để tâm. Anh ta cho anh một thứ mà bề ngoài có vẻ như là một câu trả lời đầy đủ, nhưng nó hoàn toàn chỉ để gây nhiễu về tâm lý – dùng rất nhiều từ ngữ để làm anh phân tâm, để anh không nhận ra là anh ta đang không cho anh biết gì hết. Anh ta nói bố mẹ mình không chịu ‘đoàn kết lại’, không chịu trở thành gia đình với Connie khi cô ta cần đến. Điều đó gần như chẳng có nghĩa lý gì.”

“Có thể anh ta đã quyết định rằng đó không phải là việc của anh?” Charlie hỏi. Cô có thể hiểu được tại sao Kit Bowskill từ chối thảo luận về mối quan hệ đã bị tàn phá nghiêm trọng với một tay thám tử cộc cằn anh ta chưa từng gặp bao giờ.

“Không. Anh ta đang sợ hãi.” Dừng một lúc, Simon thêm vào. “Anh ta là kẻ xấu. Đừng bắt anh phải chứng minh bởi vì anh không thể. Chưa thôi.”

“Anh còn không biết được liệu có kẻ xấu ở đây không.”

“Anh ta nói với anh là Connie không muốn nói chuyện với anh – cô ta đang tức giận vì anh đi xa mà không nói cho cô ta biết. Như thế nghe có ổn không?”

“Có đấy,” Charlie nói. “Lúc trước, em cũng tức giận với anh, vì

anh khởi hành đi Cambridge mà không nói cho em. Em đáng ra có thể đi cùng anh.”

“Nếu như anh ta cũng đã giết vợ, và đó là lý do cô ta không trả lời điện thoại thì sao?”

“Hoàn toàn do anh phỏng đoán, Simon.”

“Em biết được bao nhiêu người cắt đứt quan hệ với bố mẹ mình?”

“Anh bị ám ảnh với bố mẹ của Kit Bowskill rồi,” Charlie cầu nhàu.

“Kể từ bây giờ, đây sẽ là nguyên tắc xuyên suốt dẫn dắt cho anh: bất cứ khi nào có hai người nói những điều sai khác và anh không biết phải tin ai, nếu một trong số họ từ bỏ hai con người mang họ tới cuộc đời này, anh sẽ tin người còn lại.”

“Như thế... thật sự ngu ngốc.” Charlie cười và nhấp một ngụm rượu.

“Không, không hề.”

“Chà – thật là một luận điệu thuyết phục.”

“Mỗi ngày trôi qua trong cuộc đời, anh đều nghĩ đến việc mẹ mình chết đi – từng ngày một. Anh nghĩ về việc mình sẽ cảm thấy tự do thế nào. Và rồi anh nhận ra có lẽ bà sẽ sống thêm ba chục năm nữa.”

Charlie chờ đợi. Đếm từng giây: một, hai, ba, bốn, năm, sáu...

“Vấn đề là, anh sẽ không bao giờ định nói với bà, ‘Rất tiếc, mẹ hãy bước ra khỏi cuộc đời con đi,’” Simon tiếp tục. “Bất kỳ ai có trái tim đều biết bố mẹ mình sẽ cảm thấy thế nào khi nghe những lời đó, bất kỳ ai có khả năng thông cảm với người khác dù chỉ một chút...” Hơi thở giữa từng câu chữ nghe còn rõ hơn lời nói. Simon sẽ không muốn thảo luận trực tiếp chuyện này, Charlie đoán, chỉ có khoảng cách mới khiến cuộc hội thoại này khả thi với anh. “Không có đứa con nào nên từ mặt bố mẹ mình, không thể nào nếu không có cơ sở vững chắc,” anh nói. “Không thể nào trừ phi đó là chuyện sống chết.”

Charlie không chắc là mình đồng ý, nhưng cô tạo ra một âm thanh khiến Simon nghĩ rằng cô cũng đồng quan điểm. “Nếu Kit

Bowskill không muốn nói cho anh biết chuyện gì đã xảy ra, có khả năng là bố và mẹ anh ta cũng sẽ không chịu nói đâu,” cô chỉ ra.

“Rủi ro đó anh phải chấp nhận thôi.”

Chấp nhận đi, Zailer: anh ấy sẽ không về nhà đâu.

Charlie mang theo ly rượu vang vào phòng khách và buông mình xuống ghế sofa. Đứa trẻ mồ côi tâm thần Esther, bất động một chỗ, quắc mắt với cô từ màn hình tivi. “Kể cả khi bố mẹ anh ta kể cho anh lý do xảy ra sự rạn nứt đó, vậy thì sao chứ?” cô hỏi. “Làm sao mà nó lại liên quan chút gì đến việc Connie nhìn thấy một xác chết trên một trang web bất động sản? Cứ cho là chị ta thấy cái thứ đó đi. Em vẫn cảm thấy không thuyết phục – em không quan tâm có bao nhiêu nhân chứng độc lập đã xuất hiện.” Chiếc máy ảnh của cô đang nằm trên tay vịn ghế sofa bên cạnh cô. Charlie đặt ly xuống và cầm máy ảnh lên. Kể từ khi trở về từ Tây Ban Nha, cô luôn giữ nó bên mình – bên giường khi cô đang ngủ, trên cửa sổ nhà tắm – khi cô đang ngâm mình trong bồn. Cô bị nghiện việc ngắm nhìn những bức ảnh mình chụp Los Delfines.

“Độc lập,” Simon nói. “Cách dùng từ hay đấy.”

“Gì cơ?” Charlie nhìn chăm chú vào Domingo bé nhỏ đầy mồ hôi, đang tựa vào thân cây huệ tây trồng ngược.

“Có hai người đã nhìn thấy thi thể người phụ nữ trên Roundthehouses: Connie Bowskill và Jackie Napier. Không ai khác. Liệu có thể nào hai người duy nhất nhìn thấy cái xác trên trang web – trong nửa tiếng đồng hồ ngắn ngủi nó ở trên đó, trước khi bị thay đi – lại vô tình là hai người đó? Hãy nghĩ về hàng triệu người đã có thể nhìn thấy nó mà xem.”

“Có thể nào?” Charlie làm một vẻ mặt ‘la hét trong im lặng’. “Simon, chúng ta đã bỏ cái có thể nào sau lưng được vài năm ánh sáng rồi. Không có gì là có thể nào. Em vẫn nghĩ nó là một kiểu... trò đùa thực tế kỳ cục. Hoàn toàn không có bằng chứng gì cả – bằng chứng thực sự, em đang nói về cái đó – rằng có ai đó đã bị giết, bị thương, bất kỳ thứ gì. Ôi, Chúa ơi!”

“Gì thế? Có chuyện gì vậy?”

“Thật là gớm. Gớm bỏ mẹ!”

“Cái gì gớm cơ?”

“Khuôn mặt! Trên núi. Bây giờ, em có thể thấy được nó thật rõ ràng: mắt, mũi, miệng.” Charlie bấm nút phóng đại trên máy ảnh. “Em đã hỏi anh là trông gương mặt có quyến rũ không – sao anh không nói với em đây là một bản mặt xấu ma chê quỷ hờn? Trông như nhân vật Jabba the Hutt từ bộ phim Chiến Tranh Giữa Các Vì Sao ấy.”

“Ý em là sao, giờ em có thể thấy nó?” Giọng Simon có vẻ bức bối. “Em đang ở nhà.”

“Trên máy ảnh của em.”

“Không có cách nào một bức ảnh có thể...”

“Đây là một bức ảnh toàn cảnh, tấm em chụp ở sân thượng. Bể bơi, bếp nướng thịt, vườn, núi – và một khuôn mặt xấu xí.”

“Khuôn mặt anh thấy không hiện lên trong một tấm hình,” Simon nói.

“Simon, em đang nhìn vào một khuôn mặt ở đây. Một ngọn núi có thể có bao nhiêu khuôn mặt?”

“Em không thể nhìn ra được gì từ một tấm hình,” anh nói cộc lốc.

“Có phải khuôn mặt anh thấy trông như Jabba the Hut từ Chiến Tranh Giữa Các Vì Sao không?”

Có một khoảng lặng. Rồi Simon nói, “Nếu em không thấy nó ngay từ đầu, em không thể khẳng định mình đã thấy nó – không phải trên cơ sở một bức ảnh bé tí được.”

“Em không được khẳng định như vậy với ai?” Charlie trêu anh. “Hội đồng Phân loại Mặt Trên Núi? Có vấn đề gì nếu em cũng nhìn thấy? Nó có khiến anh cảm thấy mình bớt đặc biệt đi không?”

“Không.” Anh có vẻ bối rối bởi câu hỏi của cô. “Anh muốn em thấy nó, nhưng em lại không thấy. Nhìn thấy nó trên một bức ảnh không giống như vậy.”

“Không, không giống. Nhưng em vẫn có thể thấy nó.”

“Không phải trên núi.”

Charlie để điện thoại ra xa và nguýt một tiếng – một tiếng thật to và dài. Khi cô kể điện thoại lên tai trở lại, Simon đang nói nhanh đến mức cô không thể theo kịp được điều anh đang nói. Điều gì đó về một ai đó tên là Basil. “Chậm lại đã,” cô bảo anh. “Em lỡ mất đoạn đầu rồi. Anh bắt đầu lại đi.”

“Basil Lambert-Wall,” anh hỏn hển nói. “Ngài giáo sư, người sống ở Bentley Grove, hàng xóm của Selina Gane. Ông ta nói đã nhìn thấy Kit Bowskill lúc trước, nhớ không, khi anh cho ông ta xem một tấm ảnh? Nói rằng Bowskill đã lắp chuông báo động cho ông ta?”

Charlie có nhớ. “Và rồi anh tới công ty kinh doanh chuông báo động, ở đó người ta nói họ không nhận ra Bowskill và anh ta không làm việc ở đó.”

“Em nói với anh là em đã thấy một khuôn mặt trên núi trong khi em chưa hề thấy – em thấy nó trong một tấm ảnh.” Câu chữ của Simon đung nhau chan chát, chúng luôn như vậy khi anh đang hào hứng. “Tại sao em lại mắc sai lầm như thế? Bởi vì em đồng nhất bức ảnh với ngọn núi – đó là một sự đồng nhất chặt chẽ trong tâm trí em đến mức em nhầm cái này với cái kia.”

Charlie mở miệng định phản đối, nhưng rõ ràng là anh không có ý định dừng lại.

“Basil Lambert-Wall đã nhầm về việc Bowskill là người đã cài đặt chuông báo động của ông ta – chúng ta biết thế. Nhưng nếu như ông ta đã đúng về việc nhìn thấy anh ta thì sao? Biết đâu việc bắt gặp Kit Bowskill lại gần bó quá chặt chẽ với cái ngày Basil lắp chuông chống trộm mới trong suy nghĩ của ông ta thì sao? Biết đâu có việc gì khác cũng xảy ra vào ngày hôm ấy, và ông giáo sư đã nhầm lẫn hai thứ với nhau? Nghĩ về điều đó đi – chắc chắn là như vậy! Lý do gì khác khiến ông ta lại chắc chắn Kit Bowskill là người lắp chuông chống trộm cho mình đến thế trong khi thực tế là không phải?”

Bởi vì ông ta già yếu và run rẩy và chỉ đơn thuần là đã nhầm

thôi? Charlie không buồn thốt lên điều đó. Khi Simon đang như thế này, nói chuyện với anh chẳng có ích gì.

Cô nghe một tiếng tách, rồi đường dây tắt lịm. Cô đã không còn hữu dụng. Đến lượt buổi tối của Hiệp sĩ Giáo sư Basil bị ngắt quãng, ông già tội nghiệp. Charlie cảm thấy thật lạ lùng khi cô biết điều gì sắp xảy đến với ông ta còn ông ta lại chẳng hay biết gì. Cô hy vọng không phải ông ta đang ngủ.

Charlie thở dài rồi bấm nút chạy trên điều khiển từ xa và nằm dài người trên ghế sofa để xem nốt phần còn lại của bộ phim. Alice Fancourt có thể đợi đến mai. Nếu Simon có nguyên tắc cốt lõi của mình, thì Charlie cũng có: những người kết thúc cuộc điện thoại mà không nói câu tạm biệt không xứng đáng được đáp ứng những yêu cầu của họ ngay lập tức.

. . .

“Sam.” Kate Kombothekra lấy điện thoại khỏi tay chồng mình và đặt nó xuống bàn cà phê giữa họ. Nàng đang mặc bộ quần áo ngủ màu vàng, một tay cầm cuộn giấy bọc thực phẩm. “Em cần sự chú ý của anh trong vòng năm giây. Anh có nghĩ mình làm được không?”

“Xin lỗi.”

“Anh có nhớ đi mua giấy cho máy in không?”

“Không. Xin lỗi. Mai anh sẽ làm.”

“Anh đã gọi cho hội đồng chưa?”

“Anh phải làm thế à?”

“Phải. Để hỏi về việc thuê thùng lồng và lấy báo giá...”

“Ồ, đúng rồi. Chưa. Anh xin lỗi.”

Kate thở dài. “Thôi được rồi, chỉ một câu hỏi nữa thôi, và bởi vì em quá tuyệt vọng được nghe một câu trả lời ‘có’: liệu có hợp lý không khi cho rằng anh đã bỏ bê không làm tất cả bốn việc anh đã hứa sẽ làm hôm nay?”

“Là Connie Bowskill trên điện thoại,” Sam bảo nàng. “Chị ta muốn anh hỏi xin Grint số điện thoại của Jackie Napier.” Không phải là một yêu cầu vô lý, trong một số trường hợp.

“Ồ, không phải thế nữa chứ!” Kate đập đập cuộn giấy bọc thực phẩm vào lòng bàn tay trái với một điệu bộ chắc chắn đủ tiêu chuẩn để coi là hành động đe dọa, nếu như vũ khí gia dụng có vẻ bớt vô hại. “Quên Connie Bowskill đi. Lại đây và giúp em chuẩn bị đồ cho các con ngày mai nào. Em đã gần gói xong bữa trưa rồi – nếu anh có thể lôi ra được những cái ba lô to đựng của chúng từ tầng hầm. Những cái mà có họa tiết rắn ri ấy, anh biết mà.” Kate trình diễn một màn kịch câm: một người đang ngồi bật dậy từ ghế và vụt chạy.

Sam không nhúc nhích. “Chị ta đang ở tại khách sạn Garden House,” anh nói. “Cùng khách sạn với Selina Gane.” Anh không chắc tại sao cái ý tưởng hai người phụ nữ đó ở gần nhau lại làm anh cảm thấy khó chịu. Có phải anh lo rằng Connie sẽ làm gì không? Không. Chị ta không phải là người ưa bạo lực. Tuyệt vọng thì đúng hơn. Vô số hành động bạo lực Sam gặp phải trong nhiều năm qua sản sinh từ sự tuyệt vọng.

Anh đang chiến đấu với cảm giác thôi thúc được gọi Grint và bảo anh ta tới khách sạn. Để làm gì chứ, khi anh ta đến đó? Thật điên rồ. Việc không muốn Connie nói chuyện với Jackie Napier cũng thế. Sam không thích nghĩ bản thân là đồ quái dị thích kiểm soát – loại người ra quyết định thay mặt người khác và biện minh điều đó trên cơ sở vì muốn tốt cho người ta. Anh có thể dễ dàng bảo với Connie rằng Jackie làm việc cho Lancing Damisz, rằng anh không cần phải phiền đến Grint – Connie có thể liên lạc với Jackie qua chỗ làm của cô ta nếu muốn nói chuyện. Lẽ đương nhiên là Connie sẽ muốn giữ liên lạc với người duy nhất trên thế giới chắc chắn tin tưởng mình, người phụ nữ thấy chính xác những gì mình đã thấy. Đặt vào địa vị của chị ta, Sam cũng sẽ muốn trao đổi ý kiến, đi vào các chi tiết. Vậy tại sao linh cảm của anh lại đang yêu cầu anh phải làm mọi việc có thể để tách hai người phụ nữ đó ra?

Anh không thể ngừng nghĩ về điều gì đó Jackie đã nói khi anh

phỏng vấn cô ta, về người phụ nữ đóng giả làm Selina Gane và rao bán số 11 Bentley Grove. Cô ta biết tất cả những gì mình cần làm là nói về những người trông không giống như trong ảnh hộ chiếu. *Nếu cô ta làm mình nghĩ về tất cả những người khác, cô ta sẽ không phải thuyết phục mình – mình sẽ tự làm tất cả những điều đó.* Đó là một trong những điều mọi người đều nói, đúng không? ‘Trông anh ta chẳng giống ảnh hộ chiếu gì cả, tôi ngạc nhiên là anh ta vẫn được nhập cảnh về nước đấy.’

Có phải Sam nhớ nhầm không? Không, anh khá chắc chắn đó là những gì cô ta đã nói.

Anh mở miệng định hỏi Kate liệu anh có đang tưởng tượng ra những vấn đề vốn không tồn tại không, nhưng nàng đã rời khỏi phòng rồi.

. . .

“Chọn một con số giữa một và ba mươi đi.”

“Mười sáu,” Simon nói. Ngày cưới của anh và Charlie.

Hiệp sĩ Giáo sư Basil Lambert-Wall rê ngón tay giữa lướt qua những cuốn sách trên chiếc giá gần mình nhất, đếm từng quyển một. Khi với tới quyển thứ mười sáu, ông ta kéo nó ra khỏi dãy, móc gậy chống vào lưng chiếc ghế gần nhất và bắt đầu cố gắng nắm lấy cuốn sách bìa cứng to đồ sộ bằng hai tay. Simon bước lên để giúp, hối hận vì sự đa cảm của anh đã khiến ông ta phải lấy cuốn sách rõ ràng là nặng nhất trên giá – Những Lời Thì Thầm, tên là như vậy. Tiêu đề phụ là Cuộc Sống Cá Nhân Trong Nước Nga Của Stalin.

“Ở yên đấy!” vị giáo sư quát lên. Chất giọng thật vang và quyền lực khi so với vóc dáng nhỏ bé của ông ta. “Ta hoàn toàn có thể tự lo tốt.” Ông ta làm một tràng những tiếng thở hổn hển khi đi quanh cái ghế rồi ngồi xuống nó. Rồi lại thêm nhiều những tiếng hổn hển nữa khi ông ta chỉnh lại quyển sách trên đùi mình.

Simon quan sát nỗ lực của ông ta, cố không nhăn mặt, hy vọng cổ tay nhỏ xíu của ông Lambert-Wall không rụng ra. Anh tự trách móc mình vì đã không đoán được ông già nghĩ gì, nếu biết thì anh đã chọn số mười lăm mỏng dính, Những Câu Cách Ngôn Của La Rochefoucauld. Có không ít sách để chọn: tất cả các bức tường đều được phủ kín. Có những giá sách phía trên cánh cửa, bên trên và bên dưới cả hai cửa sổ – tất cả đều chất đầy. Ở giữa hai chiếc ghế bành và ghế sofa là ba đồng tạp chí. Ở trên cùng của một chồng là ấn bản tờ Nhà kinh tế, trên chồng khác là tờ Đánh giá PN. Chồng thứ ba đang đỡ hai chiếc cốc. Simon không nhìn được tên của tờ báo giữa chúng, nó có bức hình tượng Nữ thần Tự do ở một góc.

“Cậu khéo chọn đấy,” ông giáo sư nói khi đã lấy lại được nhịp thở bình thường. “Những Lời Thì Thầm là một cuốn sách xuất sắc khác thường. Giờ thì, chọn một con số giữa một và sáu trăm năm mươi sáu,” ông lật giở qua các trang sách.

“Ông có chắc là cháu không làm ông mất ngủ không?” Simon hỏi. Bộ áo choàng tằm màu đỏ đang khiến anh cảm thấy tội lỗi, bộ pyjama sọc màu xám, phần ống dài xám xịt của đôi tất thò ra từ đôi dép xỏ mềm màu nâu. Vận đồ như vậy không nhất thiết là đã đến giờ ngủ, Lambert-Wall đã mặc nguyên xi vào lần cuối cùng Simon ghé thăm, lúc buổi trưa.

“Còn chưa đến mười giờ,” ông già nói, khiến Simon cảm thấy như mình là một vị phụ huynh phiền phức bao bọc con cái quá đáng. “Ta ngủ từ bốn giờ đến chín giờ. Và ta viết lách từ mười một giờ mười lăm đến bốn giờ, vậy cho nên miễn là chúng ta xong việc lúc mười một giờ...?” Ông liếc nhìn về phía chiếc đồng hồ điện tử trên bậu cửa sổ, rồi nhướn mày với Simon, người vừa gật đầu. “Tốt. Vậy thì... số?”

“Mười một.”

Ông giáo sư bật cười. “Trang mười một đây rồi. Và giờ thì... một con số nằm giữa một và bốn mươi ba, xin mời.”

“Hai mươi hai.” Sinh nhật của Charlie.

“Tuyệt vời. Và cuối cùng, một con số giữa một và... ba mươi

tư.”

“Mười hai.” Sinh nhật của Simon. Anh không thấy những sự lựa chọn của mình có thể tiết lộ bất kỳ điều gì về bản thân mà anh không muốn cho một người lạ biết.

“À. Xin lỗi.” Ông giáo sư nhăn trán. “Cậu không thể lấy được từ thứ mười hai ở dòng hai mươi hai được, ta e là thế. Đó là từ ‘Trotsky’. Danh từ riêng là không được.”

“Cháu sẽ chọn số mười một nữa vậy,” Simon nói, quá tò mò nên không lấy làm mất kiên nhẫn. Dụng ý của trò chơi này là gì?

“Cậu vừa chọn từ ‘cuộc đời’.” Lambert-Wall mỉm cười. “Một kết quả rất ấn tượng – kết quả tốt nhất trong suốt một thời gian dài.” Ông ta gấp quyển sách lại, đặt nó trên tấm thảm màu be bên cạnh chân mình. Simon nghĩ về tấm thảm màu be của Selina Gane ở nhà bên cạnh, với vết ố của cây thông Giáng sinh ở một góc. Có phải những chuyên viên thiết kế đã trải tất cả các ngôi nhà với cùng một loại thảm khi họ xây chúng không? Nhìn từ bên ngoài, chúng có vẻ đồng bộ: một kiểu thiết kế, nhân lên ba mươi mấy lần. Simon nhận thấy mình đang nhìn chăm chú vào ba chồng tạp chí trước mặt. Tưởng tượng ra việc dời chúng đi làm lộ ra ba viên vết ố màu đỏ thẫm, mỗi cái có dạng hình đầu người. Anh tự nhắc mình hãy bình tĩnh lại.

Basil Lambert-Wall đã kéo mình ra khỏi ghế và đang đi tập tễnh, mà không nhờ đến chiếc gậy, về phía một chiếc bàn đứng trước cửa sổ, với rất nhiều đồ chặn giấy trên đó nhưng chẳng có tờ giấy nào. Khi đến được đích, ông ta nhặt một chiếc bút không có nắp lên và viết gì đó vào một quyển sổ để mở trên bàn. Lưng quay về phía Simon, ông ta nói, “Cậu là con người của sự sáng suốt và là sức mạnh đại diện cho những điều tốt đẹp trên thế giới. Và cậu có một câu muốn hỏi ta. Xin cứ hỏi đi.”

Simon cảm thấy bối rối. Có phải ông giáo sư vừa khó nhọc đi về phía chiếc bàn để ghi chép lại kết quả bài kiểm tra lập dị của ông ta không? Simon rất muốn được tìm hiểu nội dung của cuốn sổ một cách chi tiết. Mỗi khi có ai đó dành cho anh một lời khen, anh bị cảm dỗ bởi cảm giác phải tranh cãi lại. ‘Cuộc đời’ là sự lựa chọn thứ hai của anh. Anh đã chọn từ ‘Trotsky’ lần đầu

tiên – một kẻ thẩm sát hàng loạt. Từ đó nói lên điều gì về anh? Dựa trên cơ sở nào mà những danh từ riêng lại bị loại ra?

“Cái ngày mà ông lắp chuông chống trộm mới – thứ Ba ngày 29 tháng Sáu.”

“Làm sao cậu biết được đúng là ngày đó?” Ông giáo sư hỏi.

“Ông đã nói với cháu, lần cuối cùng chúng ta nói chuyện. Công ty Chuông báo động Safesound đã xác nhận thông tin đó.”

“Cậu đã kiểm tra ta à?”

“Cháu kiểm tra mọi thứ,” Simon bảo ông. “Lúc nào cũng vậy.”

“Nếu ta nói với cậu một ngày chính xác, thế nghĩa là ta hẳn đã tra nó trong nhật ký của mình.”

“Đúng thế.”

“Vậy thì không việc gì phải kiểm tra.” Lambert-Wall hạ thấp mình ngồi xuống ghế, rồi nhắc mình dậy lần nữa để chỉnh bộ đồ.

Simon chờ cho tới khi ông ta ngồi yên vào chỗ. “Không cần quan tâm đến ngày tháng đâu ạ. Cháu cần ông nghĩ về ngày hôm đó. Ông lắp chuông báo động mới. Còn việc gì ngày hôm đó mà ông nhớ, bất kỳ điều gì mà xảy ra gần như cùng một lúc không?”

“Có.” Ông già háp háp mắt nhiều lần liên tiếp. Trông thật khó coi – như thể có ai đó đang quấy tung bộ phận điều khiển mí mắt của ông. “Ta đã đọc một cuốn sách lạ thường – Những Con Người Của Sự Đối Trá của M. Scott Peck. Nó đưa ra định nghĩa chuẩn xác nhất về sự xấu xa của loài người mà ta từng đọc.”

Simon mừng tượng một dòng chữ hai từ, hai từ đó là ‘Giles’ và ‘Proust’. “Còn gì nữa không ạ?” anh hỏi.

“Có. Ta ăn một thứ gọi là ‘tian’ vào bữa trưa. Ta đã ăn và vẫn chưa biết tian là cái gì, nhưng vị rất ngon. Nó có dạng hình ống. Ta thích hình dạng của nó lúc ở cửa hàng, nên đã nghĩ mình nên thử một lần.Ồ, ta đã tới cửa hàng, tất nhiên – ở siêu thị.”

“Vào ngày mà chuông chống trộm của ông được lắp?”

Lambert-Wall gật đầu. “Con gái ta chở ta, vào buổi sáng, tới

Waitrose. Con bé chở ta mỗi sáng thứ Ba. Nó muốn ta mua hàng trên mạng, nhưng ta không chịu.”

Simon gật đầu. Chuyện này sẽ chẳng đưa anh tới đâu. “VẬY là ông đã đọc Những Con Người Của Sự Đối Trá, ăn trưa, đi mua sắm...”

“Đúng, dù không phải theo thứ tự như thế. Ta đã đi ngủ lúc chiều, như mọi khi – một giờ tới bốn giờ.Ồ, và một trong những người hàng xóm đã rất thô lỗ với ta, làm hỏng cả một ngày đáng ra là khá vui vẻ của ta.”

“Hàng xóm nào ạ?”

Ông giáo sư chỉ về phía cửa sổ. “Một trong số những người sống trong ngôi nhà đối diện,” ông nói. “Anh ta bình thường là một tâm hồn tràn đầy sự lịch thiệp, và đó là lý do ta lại ngạc nhiên đến thế. Anh ta và vợ mua rèm cửa mới, và họ đang mang nó vào trong nhà. Cô vợ đã phải hạ ghế sau xuống để đặt vừa những cái rèm đó vào. Ta đi loanh quanh đấy để nói chuyện phiếm, có ý định bình phẩm về sự trùng hợp ngẫu nhiên – rèm cửa mới, chuông báo động mới. Không ép buộc quá đáng gì cả, ta đảm bảo với cậu, nhưng không ngờ là nó lại làm nảy sinh những vấn đề lớn hơn. Phản ứng của anh ta hoàn toàn không lường trước được.”

“Anh ta đã làm gì?”

“Anh chồng gào vào mặt ta. ‘Không phải bây giờ! Ông không thấy tụi này đang bận à?’ Rồi anh ta nói với vợ mình, ‘Đuổi cổ ông ta đi, nhé?’ và rồi đi thẳng vào trong nhà, tay ôm một đồng rèm cửa. Chúng cũng là những loại kém hấp dẫn nhất, xét từ những gì ta nhìn thấy qua túi bọc.”

Simon bắt đầu nổi gai ốc. Nhất định phải là thế: một người đàn ông bình thường thì lịch thiệp, đột nhiên thô thiển và lỗ mãng. Kit Bowskill? Ngoại trừ việc này chẳng có lý gì cả. Cứ cho câu chuyện có tồn tại đi, thì mối liên hệ sai trái của Kit Bowskill là với số 11 Bentley Grove. Đó là địa chỉ vợ anh ta đã tìm thấy trên định vị vệ tinh của chồng, ngôi nhà chị ta đang xem lúc nhìn thấy cái xác. Số 11 Bentley Grove ở bên cạnh nhà của Basil

Lambert-Wall, không phải đối diện.

“Vợ của anh ta cảm thấy vô cùng có lỗi,” ông già tiếp tục. “Cô ta phải xin lỗi đến hai chục lần. ‘Mặc kệ anh ấy đi ạ,’ cô ta nói. ‘Không phải tại ông, là tại hai tiếng đồng hồ chúng cháu vừa mất ở xưởng làm rèm. Không bao giờ anh ấy hành xử như thế một lần nữa đâu ạ!’ Cậu cứ nghĩ xem, sau khi mất từng ấy thời gian đáng ra họ đã lắp đặt rèm xong xuôi rồi, nhưng hóa ra vẫn chưa.”

Simon lấy ra một tấm ảnh từ trong túi, cùng tấm mà anh đã cho Lambert-Wall xem lần trước, ảnh Kit Bowskill. “Gương mặt này ông thấy có quen không?” anh hỏi.

“Có, chính là anh ta,” ông giáo sư nói.

“Người hàng xóm đã thô lỗ với ông?”

“Phải.”

“Từ ngôi nhà chính diện?” Simon đi về phía cửa sổ và chỉ ra, để tránh nhầm lẫn.

“Đúng vậy. Cậu có vẻ ngạc nhiên.”

Kit Bowskill sống ở Little Holling, Silsford. Kit Bowskill lại là hàng xóm của Hiệp sĩ Giáo sư Basil Lambert-Wall, ở Cambridge. Làm sao mà cả hai lời khẳng định đó đều đúng?

“Vậy là... người đàn ông trong ảnh, anh ta không phải người từ Safesound, người đã lắp đặt chuông báo động cho ông?”

Lambert-Wall lại làm tròn mắt một lần nữa. “Tại sao cái thằng cha bên kia đường lại đi lắp đặt chuông báo động cho ta?”

Simon chẳng còn tâm trí đâu để nhắc ông ta nhớ lại những gì ông ta đã kể vào lần cuối họ nói chuyện với nhau. “Ông miêu tả anh ta là ‘một trong những người sống trong ngôi nhà đối diện’. Vậy là còn người nữa?”

“Phải. Anh chàng Ban đêm.”

Simon cố gắng không để lộ sự ngạc nhiên của mình. Có vẻ như anh đã thất bại, bởi ông giáo sư bật cười. “Ta nên giải thích mới phải: người đàn ông bất lịch sự với ta là Anh chàng Ban ngày. Đó không phải tên thật của họ – ta quên mất chúng từ lâu

rồi, ta e là thế, nếu ta từng biết được tên họ.”

“Ông cho cháu biết về Anh chàng Ban Ngày và Anh chàng Ban Đêm đi,” Simon cố nói một cách bàng quan hết mức có thể.

“Anh Ban đêm kết hôn với Chị Ban đêm và họ có hai đứa con – một trai một gái, nhưng ta chưa từng thấy ai trong số họ vào ban ngày, chỉ có buổi tối thôi. Và Anh Ban ngày kết hôn với Chị Ban ngày. Ừ thì, ta nói ‘kết hôn’ – ai mà biết được điều đó có nghĩa lý gì trong thời buổi này? Có thể họ chẳng cưới nhau, nhưng họ chắc chắn là một đôi.”

“Vậy là sáu người họ sống trong ngôi nhà đó – Anh Ban đêm, Chị Ban đêm cùng hai đứa con của họ, và Anh Ban ngày, Chị Ban ngày?”

“Ta không hiểu họ làm điều đó kiểu gì,” ông giáo sư nói. “Những ngôi nhà đó không to như nhìn từ bên ngoài đâu – còn không có đủ phòng trong ngôi nhà này cho ta và đại gia đình của ta nữa là.”

Một sự ngạc nhiên nữa. “Ông sống ở đây cùng gia đình mình ư?”

Lambert-Wall mỉm cười, đưa tay chỉ xung quanh phòng. “Ta đang nói đến những quyển sách của mình,” ông nói.

Simon hỏi câu tiếp theo mà không biết mình hỏi thế là có ý gì.

“Ông đã bao giờ gặp Anh và Chị Ban ngày lẫn với Anh và Chị Ban đêm cùng nhau chưa?” Anh không thể nào suy nghĩ cho ra hồn khi đang nói chuyện với ông già được. Anh phải hy vọng rằng bản năng đang đẩy mình đi theo đúng hướng.

“Bây giờ khi cậu nhắc đến ta mới nhớ ra, không, ta chưa thấy. Anh và Chị Ban đêm ở đây vào những buổi tối, và ta đã nói...”

“Thế còn cuối tuần thì sao?” Simon hỏi.

“Ta dành những ngày cuối tuần ở nhà con gái tại Horseheath. Con bé đưa ta về lúc mười giờ tối Chủ nhật, ta chỉ đủ thời gian để đồ đạc và có mặt tại bàn viết lúc mười một giờ.”

Họ quay lại với con số 11.

“Còn điều gì nảy ra trong đầu ông không?” Simon hỏi.

“Có. Tất cả những nhà với hơn một người ở đều có tôn ti trật tự nắm quyền, và ngôi nhà đối diện cũng không phải là ngoại lệ. Ta sẽ liệu mình đoán là quyền đó thuộc về Anh và Chị Ban đêm. Họ và các con ở địa vị cao hơn.”

“Sao ông lại nói thế?” Simon không biết bất kỳ ai lại mua rèm cửa cho một ngôi nhà sở hữu bởi người khác.

“Cách sắp xếp vị trí đỗ xe của họ.” Giáo sư mỉm cười. “Anh và Chị Ban đêm đỗ xe của họ trong ga-ra. Anh và Chị Ban ngày đỗ xe của họ ngoài đường. Họ không thể đỗ xe trên lối vào ga-ra. Nếu Anh hay Chị Ban đêm về nhà vào ban ngày, họ sẽ không thể cho xe vào được. Lúc nào cũng thế, bất kể đêm ngày, quyền được đỗ xe của họ được bảo toàn. Cậu không thấy thế có nghĩa họ là những cư dân được quyền ưu tiên, và vì thế họ hẳn là chủ nhân sao?”

“Có thể như vậy, hoặc...” Simon ngừng lại. Liệu nói thêm có phải là thiếu chuyên nghiệp không? Anh không thấy có lý do nào, đêm nay, để anh không nên làm chính xác những gì mình muốn. Đây không phải công việc, về mặt danh nghĩa thì anh vẫn đang trong tuần trăng mật. “Hay Anh và Chị Ban ngày không được phép ở đó,” anh nói.

“Cậu đang ám chỉ điều gì?” Vị giáo sư rướn người về phía trước. Trong một giây, Simon sợ rằng ông ta vươn người quá xa và sắp sửa bổ nhào khỏi ghế.

“Nếu như Gia đình Ban đêm không hề hay biết rằng họ đang chia sẻ ngôi nhà với Anh và Chị Ban ngày?” *Anh và Chị Ban ngày. Kit Bowskill và... ai?*

“Kẻ mạo danh, ý cậu là thế? Kẻ xâm nhập bất hợp pháp?” Lambert-Wall suy nghĩ trong im lặng một vài giây. “Không, ta e là cậu nhầm rồi.”

“Điều gì khiến ông khẳng định thế ạ?”

“Anh chàng Ban ngày có chìa khóa vào nhà. Chị Ban ngày cũng thế. Ta đã thấy họ tự mở cửa vào, cùng nhau và đi riêng.”

Simon gật đầu. Anh nghĩ về loại người có thể kiếm được chìa khóa vào nhà, và về Lorraine Turner, một nhân viên môi giới

bất động sản anh chưa từng gặp. Sam cũng chưa từng gặp cô ta, dù anh ta đã nói chuyện điện thoại với Lorraine.

“À.” Ông giáo sư giơ ngón trỏ trên bàn tay phải của mình lên. “Ta vừa nhớ ra một cái tên. Có kỳ lạ lắm không khi một phút trước cậu hoàn toàn không nhận thức được điều gì đấy, và ngay phút sau lại như thể một bức màn vừa bị tháo bỏ và nó đây: thông tin mà đáng lẽ ra đã ở đó ngay từ trước tới giờ?”

“Một cái tên?” Simon gợi ý.

“Đúng. Chị Ban ngày tên là Catriona. Dù cô ta nói với ta không ai gọi mình như thế cả, có chút đáng tiếc. Cách gọi tắt của những cái tên Thiên Chúa là một dạng mọi rợ, cậu có nghĩ thế không?”

Simon biết, với một cảm giác nôn nao nơi dạ dày, chuyện gì đang đến. Anh cũng biết một người tên là Catriona.

“Tất cả những người cô ta biết gọi cô ta là Connie,” ông già nói.

Thứ Bảy, ngày 24-07-2010

Selina Gane đang đứng bên ngoài cửa chính khi tôi tắt xe vào lề. Một chùm chìa khóa đung đưa trên bàn tay phải của cô ả. Vận chiếc quần dài màu đen và áo vải linen xanh dương, cô ả cũng giống nhân viên môi giới bất động sản, sẵn sàng cho cuộc gặp với một khách mua nhà tương lai.

Không phải chính là tôi sao?

Mái tóc vàng của cô ả được buộc gọn lên, trông có vẻ nghiêm túc. Tôi tự hỏi liệu cô ả có mang cùng một biểu cảm ấy khi buộc phải thông báo tin xấu cho bệnh nhân. Hay có thể cô ả không phải kiểu bác sĩ ấy, có thể cô ả dành cả ngày của mình trong phòng thí nghiệm nghiên cứu các mẫu mô, không bao giờ liên hệ với chủ nhân của chúng.

Từ cử chỉ của cô ả, tôi có thể thấy cô ả đang căng thẳng. Cô ả không mong đợi điều này.

Tất nhiên cô ả không mong đợi gì việc này cả. Tại sao cô ả lại mong chứ?

Tôi lau mồ hôi đọng ở môi trên và ra khỏi xe, tự nhắc mình rằng chẳng có lý do gì để lo lắng cả. Tôi đã nói cho cô ả tất cả mọi thứ, trong lá thư của tôi. Hôm nay đến lượt cô ả nói cho tôi những gì mình biết. Tôi không thể tin là cô ả không biết gì hết. Số 11 Bentley Grove là nhà của cô ả.

Trừ phi cảm giác không phải vậy, khi tôi đi về phía cô ả trên lối đi có hoa oải hương chạy dọc hai bên. Ngôn ngữ cơ thể lạc lõng của cô ả gợi ý rằng cô ả cảm thấy bản thân đứng đó, bên ngoài một ngôi nhà chẳng liên quan gì tới mình, và cô ả không chắc là vì sao. “Tôi không muốn vào trong một mình,” cô ả nói, và tôi nghe thấy được mong ước giá như số 11 Bentley Grove

không phải của cô ả lớn đến thế nào.

“Cảm ơn vì đã đồng ý gặp tôi,” tôi nói.

Cô ả mở khóa cửa trước. Mắt nhìn xuống, cô ả có ý muốn tôi vào trước. Cô ả thà ở ngoài trong ánh nắng và không khí trong lành, hoãn lại khoảnh khắc vào trong càng lâu càng tốt. Đó là lúc tôi biết chắc chắn: cô ả sẽ chấp nhận lời đề nghị của tôi.

Cô ả không muốn có mối liên hệ gì với số 11 Bentley Grove, và đó là một mong muốn mãnh liệt, không phải chỉ là một sở thích nhạt nhẽo. Khi chúng tôi cùng nhau vào trong, cô ả hẳn phải cảm thấy như thể mình đang xâm nhập vào hiện trường vụ án trong quá khứ của chính mình.

Tôi đang bước chân vào tương lai của chính mình, mà không biết nó có thể chứa đựng những gì.

Tôi đã chờ đợi một bầu không khí tồi tệ, nhưng chẳng có gì cả. Bên trong số 11 Bentley Grove sáng sủa và thoáng đãng. Vô hại. Nhưng thứ gây hại đâu thể là ngôi nhà, mà là những con người sống trong đó. Tôi nhìn xung quanh, nhận thức rõ sự hiện diện của Selina Gane sau lưng mình. Tôi ngửi thấy mùi oải hương. Cô ả chưa đóng cửa trước. Tôi mong cô ả sẽ để cửa mở chừng nào chúng tôi còn ở trong nhà, không muốn bị khóa ở đây.

Không đợi được cho phép, tôi di chuyển theo hướng về phòng khách. Tôi không thể nhớ mình đã xem bản vẽ mặt bằng trên Roundthehouses chưa, nhưng chắc là tôi xem rồi, bởi tôi thấy được nó trong tâm trí, và tôi biết mọi thứ ở đâu. Tôi biết căn phòng nơi người phụ nữ đã chết nằm bên kia cánh cửa ở phía bên phải tôi.

Tôi không cần phải đi vào trong. Một cái liếc nhìn và tôi biết là không có máu me, không có cái xác nào cả.

Mày thực sự mong chờ nó nằm ở đó? Đang chờ đợi mày?

Tôi thấy một khoảng thảm màu be không lắm bản gì, rìa của bàn cà phê, chiếc bàn với những bông hoa được giữ bên dưới mặt kính. Lò sưởi, tấm bản đồ trên đó... tôi biết tất cả những thứ đó là thật, nhưng vẫn thật lạ lùng khi nhìn thấy chúng trước mặt: cảm thấy như thể rơi vào một giấc mơ.

“Tôi không biết chồng cô,” Selina Gane nói. “Tôi chưa từng biết anh ta, và tôi không qua lại với anh ta.”

Thế thì lá thư của tôi hẳn là chẳng có nghĩa gì lắm với cô ả.

Cầu thang. Tôi đáng ra phải xem cầu thang trước tiên, và việc tôi đã không làm thế khiến tôi lo lắng. Tâm trí tôi không làm việc được như tôi muốn, tôi quá choáng ngợp khi đứng ở đây. Trong suốt sáu tháng, tôi đã nghĩ về ngôi nhà này gần như không ngừng nghỉ. Tôi đã dành trọn nhiều ngày đứng bên ngoài nó. Giờ đây, khi cả cảnh sát và chủ nhân ngôi nhà đã rời bỏ nó, tôi tự đặt cho mình nhiệm vụ đào xới câu chuyện bị ẩn giấu.

Chẳng ai quan tâm đến số 11 Bentley Grove nhiều như tôi. Có phải đó là lý do tôi cảm thấy như thể nó đã là của tôi rồi?

Selina Gane phá vỡ sự im lặng bằng cách nói, “Tôi là bác sĩ. Tôi dành hầu hết thời gian sống cố gắng cứu mạng mọi người. Tôi chưa từng sát hại ai, và nếu tôi định làm thế, tôi sẽ không làm trong phòng khách nhà mình.”

Tôi gật đầu.

“Có thực chồng của cô cài đặt địa chỉ này trong định vị là địa chỉ nhà?” cô ả hỏi.

“Vâng.” Tôi miết tay dọc theo tay vịn. Trên đỉnh của trụ cầu thang là gỗ tối màu – một hình lập phương có cạnh mài tròn phủ vec-ni màu nâu.

“Tôi cần hỏi cô một câu,” tôi nói. Tôi cần hỏi cô về chiếc nút tử thần. “Trong bức ảnh của...”

Lại bắt đầu rồi.

“Có cái gì đó ở cầu thang này khang khác.” *Như thế này tốt hơn – sự mơ hồ. Đừng nói cho cô ả, hãy để cô ả nói cho mình.* “Không phải nó lúc nào cũng trông như thế này, đúng không?” Tôi vuốt lên mặt trên hình lập phương gỗ.

Cô ả trông có vẻ bối rối. “Không. Nó luôn trông đúng như thế này. Ý cô là gì?”

“Lúc nào đó, nó đã từng có một chi tiết trang trí màu trắng bên trên. Kiểu hình tròn, nhưng là... một cái đĩa dày. Được gắn vào đỉnh ở đây, nhưng không rộng như thế.” Tôi vuốt lên mặt

phẳng một lần nữa.

“Không.” Cô ả lắc đầu.

Có. Tôi đã thấy nó.

Tôi cố gắng một lần nữa. “Giống một cái nút lớn. Ở giữa, đây này. Màu trắng, hoặc kem, có thể.”

“Một cái nút?” Tôi quan sát cô ả đang cố tưởng tượng. Cô ả biết tôi đang nói về điều gì. Trong một khắc, khi cô ả mở miệng, tôi đã tưởng tượng cô ả sẽ mỉm cười và nói: “Chào mừng đến với trung tâm (Nút Tử thần#Death Button).” Tim tôi rộn lên, nhịp điệu của mỗi nhịp tim lại thay đổi – kéo dài ra, rồi lại dồn dập vào. Tôi có thể chạy trốn, nếu tôi biết mình đang chạy trốn khỏi ai hay cái gì. Điều tôi từng bảo với Alice để cô ấy cảm thấy thương hại cho tôi giờ thật đúng, dù lúc đó không có vẻ như vậy: tôi ghen tị với tất cả những ai biết điều gì đang đe dọa họ, và có thể gọi tên nó ra dù không thể trốn chạy được. Nỗi sợ hãi không gắn với một thứ gì cụ thể tệ hơn một trăm lần nỗi sợ có nguyên nhân chắc chắn.

“Tại sao cô lại hỏi về cầu thang của tôi?” Một sự thù địch không thể nhầm lẫn lóe lên trong giọng nói của Selina Gane. Nó nhắc cho tôi nhớ rằng cô ả không có nghĩa vụ phải nói với tôi điều gì, và có lý do hoàn toàn xác đáng để không tin tưởng tôi.

“Tôi xin lỗi. Đáng ra tôi nên giải thích,” tôi nói. “Không ai trong chúng ta muốn có thêm những câu hỏi không được trả lời nữa.”

“Tôi đồng ý,” cô ả nói.

“Tôi đã thấy nó trong bức ảnh, cũng là tám ảnh mà có người phụ nữ đã chết kia trong đó. Trên tour ảo, khi căn phòng bắt đầu xoay vòng...”

“Xoay vòng?”

“Những tấm hình trên tour ảo không đứng yên,” tôi nói. “Trong mỗi căn phòng, ai đó chắc là đã quay 360 độ với máy quay trong tay, ghi lại.”

Bất kỳ ai ghi hình lại căn phòng khách hẳn là đã đứng ở rìa vũng máu, sát chỗ máu đọng lại. Anh ta hay cô ta hẳn là đã đi xung

quanh nó, tay giữ máy quay, cẩn thận để không giẫm vào vũng máu đỏ...

Tôi gạt suy nghĩ đó khỏi tâm trí.

“Khi hình ảnh xoay vòng, hành lang và chân cầu thang có thể thấy được qua cánh cửa phòng khách để mở. Có thể thấy cái này.” Tôi tóm lấy trụ cầu thang bằng hai tay. “Nó có một bộ phận màu trắng ở bên trên – tròn và phẳng, không phải hình cầu. Tôi chắc chắn đã thấy nó. Ban đầu, tôi không nhớ ra điều ấy, nhưng tôi biết có thứ gì đó đã biến mất, một thứ khác tôi đã nhìn thấy ngoài người phụ nữ và vũng máu. Và rồi hôm qua, tôi... tôi đang nói chuyện với một người, và từ ‘cái nút’ bật ra, đột nhiên hình ảnh trở nên hết sức rõ ràng trong tâm trí tôi.”

“Cầu thang lúc nào cũng trông như thế này,” Selina Gane khẳng khái.

Cô ả đang nói dối.

“Khi tôi gọi Kit dậy và anh xem tour, xác người phụ nữ đã biến mất và cái thứ màu trắng ở đây cũng thế,” tôi nói, vẫn bám lấy trụ cầu thang, như thể bằng cách tiếp xúc với nó, tôi có thể đưa sự tồn tại vật chất của nó vào danh sách lý luận của tôi. “Tôi đã dành hết phần còn lại của đêm đó để mở tour, xem nó một lần nữa, đóng lại, lại mở ra. Tôi chắc đã làm thế được hai trăm lần – mở, xem phòng khách, đóng – nhưng tôi không hề nhìn thấy người phụ nữ hay vũng máu một lần nữa.” Cảm thấy nhẹ cả đầu, tôi ra lệnh cho bản thân mình chậm lại, lấy lại nhịp thở. Lúc đầu không khí cưỡng lại nỗ lực của tôi và không chịu đi vào buồng phổi. Tôi không cố gắng nữa và thay vào đó cố thở ra, sâu đến tận thượng vị. Trống rỗng. Rồi tôi hít vào chậm rãi, đều đặn, và cảm nhận được khí ô-xi tràn vào – lực lượng cứu hộ khẩn cấp đang ồa vào.

“Tôi cũng không nhìn thấy cái thứ hình đĩa màu trắng đó nữa,” tôi nói. “Nó xuất hiện trong bức ảnh có người phụ nữ, nhưng không có trong ảnh khác – không phải hình ảnh tôi đã nhìn thấy mỗi khi tôi xem kể từ lần đầu tiên.”

Một kỷ niệm khác tràn về với tôi: mẹ, Fran, Benji và tôi tại nhà

hàng Belle Italia ở Silsford. Chúng tôi đến ăn trưa ở đó năm ngoái, để ăn mừng chiếc răng vĩnh viễn đầu tiên của Benji. Người phục vụ mang cho Benji gói đồ chơi mà hẳn là họ mang đến cho tất cả trẻ em: bút sáp màu, trò nối điểm, trò tìm chữ, rất nhiều trò chơi để làm thằng bé thích thú. Có một trò chơi mà phải quan sát hai tấm ảnh gần như y hệt nhau của một chú chó ngồi dưới gốc cây, và cố gắng tìm ra bảy điểm khác biệt giữa chúng. Ba hay bốn điểm đầu tiên khá là dễ thấy, kể cả với Benji. Rồi chúng tôi, Fran, mẹ và tôi tìm ra được điểm khác nhau thứ năm và thứ sáu, nhưng không ai có thể tìm được điểm thứ bảy. Sau gần nửa tiếng đồng hồ tự tra tấn, nhìn chăm chăm vào một tấm giấy không ngừng nghỉ, chúng tôi chấp nhận thua cuộc và nhìn vào câu trả lời được in ngược ở cuối trang. Điểm khác biệt thứ bảy quá nhỏ, đến mức chúng tôi sẽ không bao giờ nhìn thấy được, dù có phí phạm bao nhiêu tiếng đồng hồ quan sát đi nữa: một đường thêm vào trên chiếc lá thấp nhất của cái cây trong bức hình thứ hai.

“Có một cái tên cho thứ cô đang miêu tả,” Selina Gane nói. “Nó được gọi là nút thế chấp.”

“Nút gì cơ?”

Cô ả thở dài. “Tôi cần uống cái gì đó. Đi nào.”

Tôi đi theo cô ả vào căn phòng bếp tôi đã thấy quá nhiều lần qua màn hình máy tính của mình. Cô ả kéo ra một cái ghế đẩu cao từ tủ bàn bếp ở giữa căn phòng – cái tủ bàn nghĩa vụ, Kit gọi như vậy – và chỉ tôi ngồi vào đó. “Trà hay whisky?” cô ả hỏi.

“Cho tôi xin tách trà.”

“Tôi nghĩ mình sẽ cần cả hai,” cô ả nói.

Tôi chờ đợi trong im lặng khi cô ả lấy ra các thứ đồ uống. Cụm từ ‘nút thế chấp’ xoay vòng chậm chậm trong tâm trí tôi. Tôi xem xét nó từ đủ mọi góc độ, nhưng vẫn không hiểu được. Làm sao mà lại có thể tồn tại một thứ tên là nút thế chấp được? Nghe có vẻ bất khả thi quá.

Selina rót sữa vào trà của tôi, không đường. Đó chính là kiểu pha tôi sẽ yêu cầu cô ả làm, nếu như có được hỏi.

Cô ả không ngồi, mà dựa vào bồn rửa bát, xoay lưng về phía cửa sổ, cầm cốc whisky bằng cả hai tay. “Đó là một truyền thống của Mỹ,” cuối cùng cô ả cũng cất tiếng. “Khi cô đã trả hết khoản thế chấp và hoàn toàn sở hữu ngôi nhà, cô sẽ mua một cái nút thế chấp và gắn nó vào trên đỉnh trụ cầu thang, đúng giữa tâm – chính xác vị trí cô nói đã nhìn thấy nó. Cô có thể mua loại bằng nhựa rẻ tiền, loại bằng gỗ, loại chạm trổ – thậm chí có những cái được làm từ ngà voi, cho những người muốn khoe khoang sự sung túc và thành đạt của mình với tất cả những vị khách thăm nhà.” Giọng của cô ả cho thấy một sự coi thường với những người như vậy. “Trông nó hơi giống quân cờ đam màu trắng – cô biết đấy, giống như trong trò chơi. Dân Mỹ gọi trò đó là cờ đam Anh.”

Bố mẹ thường hay chơi cờ đam khi chúng tôi còn nhỏ, trước khi họ cuối cùng cũng đầu hàng sự phản đối của tôi và Fran để mua một cái ti vi – một thứ mà bất kỳ người bình thường nào trong nước cũng đã sở hữu từ vài năm trước. “Đó chính xác là hình dạng của nó: một quân cờ đam ngoại cỡ.”

“Vậy là tôi nói đúng rồi,” Selina nói. “Thứ cô đã thấy là một nút thế chấp. Nhưng chưa bao giờ có một cái như vậy trong nhà này.”

Tôi thậm chí còn không nghe được một chút âm sắc dù là nhỏ nhất nào của giọng Mỹ. “Nhưng cô biết những thứ đó,” tôi nói, hy vọng nghe nó không quá giống một lời buộc tội.

“Bạn tôi có một cái,” Selina dời mắt khỏi tôi để nhìn đi chỗ khác. “Cô ấy đến từ New England.” Tôi cảm thấy như ánh đèn tiêu điểm chiếu vào mình vừa tắt phụt. Tôi không còn là trung tâm của những suy nghĩ trong đầu cô ả nữa. Cô ả căn môi trong, nhìn chăm chăm vào chiếc giá bên cạnh mình, về phía một chiếc tách màu trắng trông như sứ tro xương với họa tiết lông vũ màu đỏ. Cô ả với tay ra để cầm nó lên, nhìn vào bên trong, rồi đặt nó lại lên giá. Tôi nghe tiếng lách cách. Dù bên trong có chứa gì đi nữa, cô ta cũng muốn kiểm tra xem nó còn đó không.

Chiếc nút màu trắng? Chối bỏ sự hiện diện của nó, sao cô ả lại lộ liễu quá vậy?

“Có điều gì cô không nói với tôi à?” Tôi hỏi. Cùng một câu tôi đã hỏi Sam Kombothekra vài ngày trước, câu tôi đã hỏi Kit hơn một nghìn lần kể từ tháng Một. Tôi nên đặt một chiếc áo phông có in câu nói đó.

“Không có gì. Xin lỗi,” cô ả nói, trông vẫn lo lắng. “Tôi chỉ đang nghĩ gần đây mình đã bỏ mặc bạn bè – tất cả những người bạn của tôi. Quá bận bịu công việc.”

Tôi gật đầu, vờ như mình đã thỏa mãn.

“Nói đến chuyện thế chấp, liệu cô có cần thế chấp không, để mua nhà? Cứ cho là tôi đồng ý bán cho cô.”

Tôi nói với cô ả là mình sẽ cần, rằng tôi có thể thu xếp nhanh chóng thôi. Tôi hy vọng sẽ đúng là như vậy. “Cô sẽ không nhận được lời mời chào nào tốt hơn của tôi đâu,” tôi nói.

“Cô nghiêm túc về việc này?”

“Rất nghiêm túc.”

“Tôi sẽ không hỏi tại sao cô lại muốn làm thế,” cô ả nói. “Nếu cô thực sự thấy thứ cô nói đã thấy...” Cô ả ngừng lại, lắc đầu. “Tôi đã nói sẽ không hỏi, nên tôi sẽ không hỏi. Nếu cô muốn ngôi nhà, nếu đây không phải trò đùa bệnh hoạn nhất, cô có thể có nó. Tôi càng sớm từ bỏ được nó và không còn liên hệ gì với nó, với tôi sẽ càng tốt.”

Tôi không thể không mỉm cười. “Một lời rao hàng rất độc đáo,” tôi nói. “Khi cô nói tôi có thể sở hữu nó...”

“Với giá 1,2 triệu bảng,” cô ả nói nhanh. “Đó là cái giá cô đã đưa ra.”

“Chỉ đang kiểm tra chắc chắn là cô sẽ không đề nghị cho tôi miễn phí.”

“Tôi sẽ cho cô thông tin liên lạc với luật sư của tôi – hãy bảo luật sư của cô làm một lời đề nghị chính thức, sớm nhất có thể.” Cô ả uống cạn cốc, đặt nó lại trên bàn bếp. “Cô có muốn tôi đưa đi xem quanh nhà không? Hay như vậy chỉ phí thời gian? Cô không quan tâm lắm các phòng trông như thế nào, có lẽ vậy. Cô muốn mua ngôi nhà vì cô nghĩ ai đó có thể đã bị sát hại ở đây – cũng là lý do tôi muốn bán nó.”

Tôi chẳng buồn biện hộ cho mình. Nếu cô ả muốn nghĩ tôi đang làm việc này vì những lý do đáng ghê tởm thì cứ để cô ả nghĩ thế. “Tôi muốn được đi xem nhà,” tôi đáp.

“Làm nhanh cho xong đi,” cô ả nói cộc cằn. “Tôi cần phải ra khỏi đây.”

Khi chúng tôi đi qua từng phòng tầng một, cô ả chẳng nói chẳng rằng. Không một lời nào. Cô ả ngần ngừ một vài giây trước mỗi cánh cửa, như thể sợ phải mở nó và đi vào trong. Có một nhà kính trồng hoa không xuất hiện trong những bức ảnh – viên bằng nhựa, không phải gỗ. Kit sẽ ghét nó lắm đây.

Ở chân cầu thang, Selina nói, “Nếu cô có câu hỏi gì, hỏi đi.”

“Tôi đã hỏi rồi,” tôi bảo cô ả.

“Ý tôi là về ngôi nhà – hệ thống sưởi trung tâm, chuông chống trộm...”

“Tôi chẳng quan tâm đến bất kỳ cái gì kiểu thế cả.”

Tôi đi theo cô ả lên tầng. Đứng từ phòng này sang phòng khác, tôi nhìn xung quanh, giả vờ như đang chú ý, không thật sự xem xét những thứ trước mặt mình. Tôi vẫn đang nghĩ về chiếc tách sứ với họa tiết lông vũ đỏ trên thân, về thứ đồ cứng đã tạo ra tiếng lách cách bên trong nó.

Khi Selina dẫn đường vào phòng tắm, tôi nói, “Ồ – chờ đã. Tôi nghĩ mình nghe thấy tiếng chuông điện thoại trong túi – tôi đi lấy nó đã.” Không đợi cô ả phản ứng, tôi xoay người chạy xuống tầng.

Ngay ở ngưỡng cửa của căn bếp, tôi đông cứng lại. Có phải tôi đã nhắc đến chuyện điện thoại của mình bị hỏng, trong thư? Không, tôi không nghĩ mình đã làm thế. Tôi bảo cô ả gọi cho tôi vào phòng khách sạn, nhưng không nói gì đến chuyện không có điện thoại.

Tôi di chuyển về phía chiếc tách lông vũ đỏ. Tay tôi run lên khi tôi nhắc nó khỏi giá và nhìn vào bên trong. Không có cái nút hay đĩa màu trắng nào trong đó, chỉ có một chùm chìa khóa gắn với một thẻ tên nhựa màu vàng. Tiếng đập thành thịch của tim tôi dội vào tai. Có một cái nhãn trên thẻ tên, với vài chữ viết tay

nhỏ. Tôi chậm chậm lấy nó ra, để những chiếc chìa khóa không chạm vào thành cái tách, và nhìn kỹ hơn.

Tôi đọc đi đọc lại, mắt đảo thật nhanh qua dòng chữ nhỏ. Nó không thể có nghĩa như tôi nghĩ được. Phải là thế. Còn lý do gì khác để Selina nhìn vào chiếc tách khi cô ả lấy nó ra, kiểm tra xem chùm chìa khóa vẫn còn đó? Một tiếng gầm lớn vang vọng trong đầu tôi. Hơi thở tôi gấp gáp. Tôi không thể kiểm soát được, nó đang chạy trốn khỏi tôi.

Ôi, Chúa ơi.

Tại sao tôi có thể không biết, suốt khoảng thời gian ấy?

Tôi nghĩ về những gì tôi đã nói với Alice, điều Kit nói về việc đặt tên ngôi nhà ở Cambridge của chúng tôi: Càng nghĩ về nó anh lại càng thấy thích nó – Trung tâm Death Button. Chúng ta có thể đặt làm một tấm biển ở cửa trước. Không, anh biết rồi, còn hay hơn thế – hãy đặt tên nó là số 17 Pardoner Lane.

Làm sao tôi có thể nói điều đó với Alice, mà vẫn không nhận ra?

“Connie?” Tôi nghe tiếng bước chân của Selina Gane ở phía trên.

“Tôi tới đây,” tôi nói to. Tôi nhét chùm chìa khóa vào túi mình, đặt lại chiếc tách rỗng lên giá, và chạy lại lên tầng. “Tôi phải đi đây,” tôi nói. “Chỉ là...” Chẳng có lời nói dối thuận tiện nào nảy ra trong đầu. “Có chuyện.” Đây là câu tốt nhất tôi có thể nghĩ ra. Tôi phải ra khỏi đây trước khi Selina Gane nhận ra tôi đã lấy chùm chìa khóa.

Tại sao mà lại lấy chúng? Mà định làm gì?

Cô ả cau mày. “Cô vẫn định mua, đúng không?”

Trong một giây, tôi sợ là mình sẽ bật cười vào mặt cô ả. Cô ả sẽ nói sao nếu tôi bảo mình không cần phải trả cái giá quá giá trị cho ngôi nhà của cô ả nữa? Tôi rất tiếc, nhưng tôi sẽ phải bỏ qua – tôi đã nghĩ ra được chuyện gì đang xảy ra mà không cần phải tự đẩy mình vào cảnh phá sản. Cô có mừng cho tôi không, bác sĩ?

Mọi thứ đã thay đổi. Tôi không còn cần mua số 11 Bentley

Grove nữa.

Nhưng tôi vẫn muốn. *Tại sao?* Alice trong nội tâm của tôi hỏi. Bởi vì nó ở Cambridge, tôi trả lời cô ấy, và Cambridge là nơi tôi muốn sống. Nó đã là nơi tôi muốn sống kể từ năm 2003. Và ngôi nhà này đang được rao bán, và tôi thì đã chào mua nó, và không có ai bị giết ở đây cả – tôi đã nhầm về việc đó. Và... khi tôi bấm nút 'Nhà' trên định vị vệ tinh, đây là địa chỉ đã xuất hiện: số 11 Bentley Grove.

Tôi không biết những lý do của mình là có thể cảm thông hay thực sự điên khùng, nhưng tôi cũng không mấy quan tâm.

“Tôi vẫn sẽ mua,” tôi nói với Selina Gane. “Đừng lo, tôi sẽ không làm cô thất vọng đâu.” Và rồi tôi chạy mất.

Thứ Bảy, ngày 24-07-2010

“Cảm ơn.” Alice Bean mỉm cười khi Charlie cầm lấy lá thư từ cô ta. “Sam Kombothekra trông có vẻ hoảng khi tôi cố đưa nó cho anh ta.”

“Đàn ông là đồ thô đế.” Charlie mở túi ra, đảm bảo rằng Alice nhìn thấy cô đặt lá thư một cách an toàn vào bên trong. “Cô có thể nhờ Sam chuyển một lời nhắn cho người giao sữa và anh ta sẽ sợ bị vướng vào một vụ lùm xùm.”

“Mục đích của tôi không phải là gây rắc rối. Ngược lại. Tôi quan tâm đến Simon.”

“Vậy hãy nắm lấy cơ hội này để giúp đỡ anh ấy.” Charlie tự nhắc mình rằng cô ở đây để thu thập thông tin. Sẽ thật dễ dàng để mà nói, “Phải rồi, thì, anh ấy chẳng muốn liên quan chút gì đến cô – cô nghĩ tại sao tôi lại ở đây?”

Cô đã gợi ý với Alice là họ nên gặp nhau ở quán cà phê Spillages, nhưng thay vào đó Alice lại đề nghị công viên. Lúc đó, điều này đã làm Charlie khó chịu – cô ghét những người nói về chuyện ‘bị nhốt’ và cư xử như thể việc đi ra ngoài hay đứng trực tiếp dưới nắng mỗi khi ra ngoài là nghĩa vụ bắt buộc – nhưng bây giờ cô thấy mừng vì được đứng ở không gian thoáng đãng, đi theo con đường mòn nhỏ hẹp có cây cối hai bên chạy vòng quanh hồ, lắng nghe những chú chim trên đầu sôi nổi tranh luận bằng một thứ ngôn ngữ cô không hiểu được. Đi dạo bên cạnh một ai đó, bạn không cần phải nhìn thẳng vào mặt họ, hay để họ thấy mặt mình. Ngồi ở bàn đối diện với Alice sẽ khó khăn hơn nhiều.

Còn khó hơn nữa là việc cưỡng lại cảm dỗ được nói, “Ồ, tiện thể thì – đoán xem ai mới kết hôn thứ Sáu tuần trước?” Trước

khi gọi cho Alice, Charlie đã quyết định rằng mình sẽ không nhắc đến chuyện đó. Cô biết rằng việc kể ra sẽ dẫn đến một sự thù địch công khai giữa họ, dù cô không biết chính xác điều đó sẽ xảy ra như thế nào. Có lẽ đó sẽ thành ra lỗi của cô. Trong quyền hạn chính thức là vợ của Simon, cô cảm thấy như mình có nghĩa vụ phải nói, “Nhét cái thư của cô vào mông ấy.”

Cô hy vọng rằng về sau mình sẽ thấy vui – thậm chí là tự hào – vì đã lựa chọn con đường chín chắn, không đổi đầu. Giờ cô chẳng thấy thích thú gì cả, với mọi chuyện đang diễn ra; sự thù địch, dù sau này sẽ khiến bạn hối hận, thì vẫn thú vị hơn nhiều vào lúc này.

“Tôi sẽ giúp nếu có thể,” Alice nói, “nhưng... liệu tôi có thể hỏi trước một câu được không?”

“Cứ thoải mái đi.”

“Cô có nghĩ liệu Simon có bao giờ tha thứ cho tôi không?”

Đó là câu mà Charlie có thể trả lời thật lòng. “Không biết được,” cô nói. “Có thể anh ấy đã tha thứ cho cô rồi. Hoặc cũng có thể anh ấy sẽ giữ sự hằn học đến hết đời. Điều duy nhất tôi có thể chắc chắn là anh ấy sẽ không bao giờ bàn về nó với bất kỳ ai.” Nhất là không phải với tôi.

Alice dừng lại trước một băng ghế gỗ ở ven hồ, dưới một cây liễu rủ. Cô ta phải đi những chiếc lá trên ghế và cúi xuống để đọc dòng chữ trên tấm biển vàng*. “Tôi không bao giờ đi qua những cái này mà không đọc chúng,” cô ta bảo với Charlie. “Tôi sẽ cảm thấy như thể mình đang bỏ mặc ai đó chết trong cô độc. Nhìn cái này xem – hai anh em, cũng mất vào ngày 29 tháng Tư năm 2005, một người hai mươi hai và một người hai mươi tư. Thật buồn làm sao.”

“Tai nạn xe hơi, có lẽ thế,” Charlie nói một cách lạnh lùng. Cô không muốn bàn những chuyện buồn với Alice. Với bất kỳ ai. Cô tưởng tượng ra chính mình và Liv cùng chết vào một ngày khi cô cho tay vào túi để tìm những điều thuốc lá. Đột nhiên cô cảm thấy việc lấy ra một điều và châm thuốc là một nhu cầu khẩn thiết. Cô rít một hơi dài. “Khi tôi chết, tôi muốn tấm biển trong

công viên của mình viết, ‘Cô ấy luôn có ý định từ bỏ thứ đó.’”

Alice cười. “Hay đấy.”

“Simon rất lo lắng về Connie Bowskill.” *Đã đến lúc ngừng giả vờ chúng ta là hai người bạn đang dạo chơi và tận hưởng một ngày đẹp trời.* Với một người như Alice Bean, chẳng tồn tại thứ gì là nói chuyện phiếm cả, trong bất kỳ trường hợp nào. Cho đến lúc này, cô ta đã bàn tới sự tha thứ, cái chết cô đơn, bị kịch gia đình – tiếp theo sẽ là chủ đề gì, sự tra tấn động vật nhỏ?

“Tôi cũng rất lo.”

“Cô có biết Connie ở đâu không?” Charlie hỏi.

“Không. Chị ấy không trả lời cả máy bàn lẫn điện thoại di động.”

“Lần cuối cùng cô gặp chị ta là khi nào?”

“Mặc dù rất muốn cho cô biết, tôi không được phép làm thế,” Alice nói. “Bảo đảm bí mật cho người bệnh.”

Charlie gật đầu. “Tôi hiểu rằng cô phải tôn trọng sự riêng tư của Connie. Tôi cũng biết rằng cô không phản đối việc phác thảo một bộ chỉ dẫn đạo lý mới khi ai đó có thể đang gặp nguy hiểm. Bảy năm trước, cô đã làm thế vì lợi ích của chính mình. Không lẽ việc bảo đảm an toàn cho Connie không xứng đáng để cô nói lỏng sự chính trực rất chuyên nghiệp của mình sao?”

“Bảy năm trước, tôi đã làm thế vì lợi ích của con gái mình,” Alice sửa lời cô, có vẻ không lấy thế làm giận dữ. “Và tôi không biết chắc Connie có đang gặp nguy hiểm không, và liệu Simon có thể bảo đảm an toàn cho chị ấy, trong trường hợp chị ấy đang gặp nguy hiểm thật.”

“Nhưng cô nghĩ có thể chị ấy đang gặp nguy hiểm.” Cô đã cố gắng thuyết phục bản thân tin vào điều ngược lại, và cô đã thất bại.

“Tôi khá sốc vào lần cuối chị ấy tới gặp tôi,” Alice thừa nhận. “Tôi đã từng rơi vào hoàn cảnh như vậy, bằng bản năng, tôi nhận ra được một sinh vật bị đe dọa khi gặp chị ấy. Có một nguồn năng lượng nguy hại xung quanh Connie, cố gắng nghiền nát cuộc đời chị ấy. Không thể nhầm lẫn được – ở chung

một căn phòng với chị ấy chưa bao giờ dễ dàng, nhưng gần đây nó thực sự là một thử thách – khi tôi ngồi ở đó, tiếp tục nhắc nhở bản thân rằng chị ấy là một người đang cần sự giúp đỡ của tôi. Điều tôi không thể biết là mối đe dọa có nguồn gốc từ bên ngoài, mà chị ấy đã hấp thụ vào mình, hay thứ năng lượng xấu xa ấy đến từ chính Connie. Không dễ để phân biệt trong ngoài – khi người khác tìm cách hủy hoại chúng ta, chúng ta thường phản ứng bằng cách tự biến mình thành kẻ đồng lõa, thay mặt họ tự trừng phạt mình.”

“Cô có định nghĩa dành cho dân không chuyên không, để tôi có thể hiểu một phần hay toàn bộ chuyện này?” Charlie hỏi.

Alice đứng lại. “Bản năng của tôi nói rằng Connie có thể sẽ không vượt qua nổi. Dù là ai đó ngoài kia đang cố gắng hủy diệt con người chị ấy, hay chị ấy đang tự làm thế với bản thân.”

“Cô nghĩ là ai?”

Charlie không mong đợi một câu trả lời, và rất ngạc nhiên khi Alice đáp, “Người chồng.”

“Kit?”

“Hôm qua là sinh nhật Connie. Món quà của anh ta là một chiếc váy: cùng loại với chiếc váy mà chị ấy thấy người phụ nữ đã chết mặc trên tấm ảnh tour ảo – khác màu, nhưng cùng thiết kế. Đáng ra tôi không nên nói cho cô biết bất kỳ điều gì.”

“Vậy là hôm qua cô nói chuyện với chị ta,” Charlie nói. Tại sao tất cả mọi thứ Connie nói – với Simon, Sam, Alice – đều cần đến một sự ngờ vực hay hoài nghi khổng lồ như vậy? Bởi vì người phụ nữ đó là một kẻ dối trá bệnh hoạn. “Ngoài chiếc váy ra, hai người nói về chuyện gì?”

“Những nỗi sợ hãi, bất hạnh, nghi ngờ của Connie – như mọi khi. Những buổi trị liệu của chúng tôi luôn diễn ra khó khăn, nhưng... trước đây tôi chưa từng thấy sợ hãi cho chị ấy, nhưng lần này chị ấy nói ra hai điều mà... tôi không biết nữa, chuyện chiếc váy thực sự làm tôi bị sốc. Đêm qua, tôi đã gặp ác mộng – tôi biết nó là ác mộng, dù mọi thứ trong đó thực sự đã xảy ra. Tôi mơ thấy buổi trị liệu với Connie, chính xác như đã xảy ra: chị ấy

ngồi trong phòng tư vấn kể với tôi rằng chiếc váy có màu xanh dương và hồng, cái còn lại màu xanh lá và tím nhạt.” Alice rung mình. “Đôi khi, tất cả những sự quý quyết dường như được đóng gói trong các chi tiết nhỏ nhất.”

Charlie hiểu ý cô ta là gì, và ước rằng mình không hiểu.

“Tôi không thể ngừng nghĩ về Kit – một người đàn ông tôi chưa từng gặp – bỏ tiền mua hai chiếc váy, cho mỗi người phụ nữ một cái. Một trong số họ kết thúc cuộc đời trên một tấm thảm ở đâu đó tại Cambridge – chuyện gì sẽ xảy ra với người còn lại?” Alice quay lại phía Charlie, đặt một bàn tay lên tay cô. Gương mặt cô ta trắng bệch, tương phản với màu son đỏ tươi. “Chị ấy đang ở đâu? Tại sao chị ấy không trả lời điện thoại?”

“Cô nói có hai điều.” Charlie nhận ra mình đang có lợi thế, với tư cách là người ít quan tâm nhất. Cô cũng cảm thấy bị ra rìa. Simon lo lắng về Connie Bowskill, Alice cũng vậy, thậm chí còn lo lắng hơn nữa là đằng khác. Họ có thể gặp nhau và mở một buổi tiệc hoảng loạn. Charlie cực kỳ tin tưởng rằng Connie Điền rô đang nói lảm nhảm, chị ta sẽ không được mời. “Còn điều gì khác mà Connie nói làm cô sợ?” cô hỏi Alice.

“Nếu ra ngoài ngữ cảnh thì nghe sẽ chẳng có nghĩa lý gì: *Trung tâm Nút Tử thần.*”

Charlie cười. “Cái gì cơ?”

“Tôi không phải là người duy nhất sợ hãi. Có chuyện gì đó đã xảy ra với Connie khi chị ấy nói ra nó – một điều gì đó chị ấy chưa từng nghĩ đến trước đây. Tôi có thể thấy nó đột ngột vụt ra với chị ấy, dù đó có là gì. Như thể chị ấy vừa nhìn thấy một bóng ma trong đầu mình vậy. Chị ấy chạy – theo đúng nghĩa đen, chạy trốn.”

“Trung tâm Nút Tử thần?”

“Connie và Kit suýt nữa chuyển đến Cambridge năm 2003. Ngôi nhà họ định mua nằm cạnh một ngôi trường tên là Trung tâm Beth Dutton. Connie lúc đó bị căng thẳng vì suy nghĩ phải bỏ lại gia đình sau lưng. Chị ấy nảy ra ý nghĩ rằng mình không thể sống trong một ngôi nhà không có tên.”

“Một cái tên?”

“Cô biết đấy: Cây Sồi, Cây Dương, Cánh đồng mùa hè...”

“Phải, tôi hiểu mà,” Charlie nói. Cô có hiểu không? Không, không thực sự hiểu. Không hiểu chút nào, thực tế là thế. “Tại sao chị ta không thể sống trong một ngôi nhà không có tên?” Trong khi rất nhiều người sống được, hầu hết mọi người.

“Đó là một cái cớ. Connie đã sống ở Little Holling suốt cả cuộc đời, và tất cả những ngôi nhà ở đó đều có tên – đó là điều chị ấy đã quen. Chị ấy sợ phải bỏ đi quá xa khỏi chốn duy nhất mình biết, và xấu hổ không muốn thừa nhận điều đó. Chị ấy và Kit đã tìm ra ngôi nhà này – ngôi nhà hoàn hảo, hay đó là điều chị ấy nói – và chị ấy nói với anh ta là sẽ không chịu mua nó trừ khi họ có thể đặt cho nó một cái tên. Nó nằm liền kề với Trung tâm Beth Dutton, nên Kit – nói đùa – đã gợi ý gọi nó là Trung tâm Death Button. Anh ta hỏi chị ấy liệu chị ấy có nghĩ cái tên đó sẽ làm những người ở Trung tâm Beth Dutton khó chịu, cả người đưa thư nữa.”

Charlie quay đi để giấu nụ cười. Alice và Connie có thể cảm thấy đáng sợ nếu họ muốn, cô có quyền cảm thấy chuyện này rất khôi hài. “Vậy cô nghĩ là Connie nhận ra điều gì đấy trong khi kể với cô chuyện này? Điều gì đó làm chị ta hoảng sợ đến mức phải bỏ chạy?”

“Tôi chắc chắn. Tôi cứ nghĩ đi nghĩ lại về cuộc nói chuyện đó trong đầu – chẳng có điều gì khác lại có thể làm chị ấy hoảng sợ nữa. Đó là điều cuối cùng chị ấy nói trước khi bỏ đi.”

“Chính xác thì chị ta nói gì, cô có nhớ được không?”

“Chỉ những điều tôi đã kể cho cô: rằng Kit muốn gọi ngôi nhà là Trung tâm Nút Tử thần, hay giả vờ muốn thế – không rõ là cái nào. Tôi cho rằng anh ta đang nói đùa. Không ai thực sự muốn đặt cho ngôi nhà cái tên đó, phải không?”

Charlie không nghĩ có bất kỳ điều gì mà mình có thể chắc chắn nói: ‘Chẳng có ai làm thế cả.’ Luôn luôn có những kẻ điên rồ sẵn sàng bước lên để chứng minh là bạn sai. Sau những gì Alice đã trải qua – sau những gì tự cô ta đã làm – Charlie tự hỏi

sao cô ta lại có thể ngây thơ đến thế.

“Anh ta nói mình dần thích cái tên ấy hơn khi nghĩ về nó, gợi ý rằng họ nên đặt làm một tấm biển cho cửa chính.” Alice nheo mắt lại khi tập trung vào ký ức. “Tôi nghĩ đó là điều cuối cùng Connie nói trước khi chị ấy... ồ, không, xin lỗi. Kit gợi ý một cái tên khác cho ngôi nhà, thậm chí còn ngớ ngẩn hơn – số 17 Pardoner Lane – nhưng đó không phải là thứ làm trời dậy phản ứng sợ hãi của Connie.”

“Sao cô biết?”

“Khó giải thích lắm. Cô có lẽ sẽ không tin vào những xung động năng lượng...”

“Có lẽ là không,” Charlie đồng ý.

Alice đổi chủ đề. “Hãy nhớ lấy lời tôi: chính là Trung tâm Nút Tử thần đã làm Connie hoảng sợ – cái tên khủng khiếp đó. Ai mà lại tưởng tượng ra một cái tên đáng sợ như vậy cho một ngôi nhà họ yêu quý và muốn sống ở đó? Kể cả là đùa cợt, cũng chẳng như thế.”

Một cách nào đó, Charlie cảm nhận cơn rùng mình như thể nó truyền từ cơ thể Alice. *Làm sao có thể thế được?*

Trung tâm Nút Tử thần. Nhấn vào chiếc nút và ai đó sẽ chết.

“Số 17 Pardoner Lane là địa chỉ của ngôi nhà hoàn hảo họ đã không mua,” Alice nói.

“Vậy là Kit muốn để tên mỗi cái địa chỉ thôi?”

“Không phải, anh ta...” Alice nhìn lên trời. “Ồ,” cô ta nói, giọng nghe có vẻ ngạc nhiên vì đã tự ngắt lời chính mình. “Có lẽ cô nói đúng. Có thể ý anh ta là, ‘Đừng gọi ngôi nhà bằng những cái tên ngớ ngẩn nữa – hãy thật khôn ngoan và gọi nó bằng chính cái địa chỉ luôn: số 17 Pardoner Lane.’ Dù phải nói rằng, đó không phải là ấn tượng tôi cảm thấy, từ những gì Connie nói.”

“Cô làm tôi khó hiểu,” Charlie nói.

“Tôi nghĩ ý chị ấy là Kit đã nhảy từ sự ngu ngốc này sang sự ngu ngốc còn tệ hơn và gợi ý số 17 Pardoner Lane làm cái tên cho ngôi nhà – thứ mà cũng đồng thời là địa chỉ nhà. Tôi nghĩ sự

lập lại chính là trò đùa.” Nhìn thấy biểu cảm trên khuôn mặt Charlie, Alice trông có vẻ xấu hổ. “Tôi biết – thật là điên rồ. Nhưng Trung tâm Nút Tử thần cũng thế. Connie vẫn thường miêu tả Kit là vui tính, nghịch ngợm – có lẽ anh ta có một khiếu hài hước kỳ quặc.”

“Vậy là các bức thư sẽ được chuyển cho địa chỉ số 17 Pardoner Lane, số 17 Pardoner Lane, Cambridge?” Charlie nhận ra mình lại mỉm cười lần nữa. “Tôi thấy có vẻ như anh ta đang trêu vợ.” Charlie càng nghĩ về nó thì lại càng thích ý tưởng ấy: lấy chính địa chỉ của ngôi nhà làm tên cho nó chẳng khác gì xoắn vào mặt tất cả những ai coi chuyện đặt tên cho một ngôi nhà là vấn đề quá to tát. Cô quyết định sẽ gợi ý cho Simon: số 21 Đường Chamberlain, số 21 Đường Chamberlain, Spilling. Họ có thể đặt in biển cho ngôi nhà. Mẹ của Simon, người không có tí khiếu hài hước nào, sẽ phát hoảng lên, và không cần nói dài dòng, Simon và Charlie sẽ hiểu rằng Chúa cũng chia sẻ với nỗi hãi hùng của bà. Chẳng có gì là kỳ diệu hết, cái cách Chúa và Kathleen Waterhouse luôn đồng điệu trong mọi vấn đề.

Liv sẽ thấy buồn cười lắm.

“Tôi sắp phải đi rồi,” Alice nhìn vào đồng hồ của mình. “Tôi phải đưa con gái đi dự tiệc sinh nhật.”

“Nếu nhớ ra bất kỳ điều gì, cô có thể gọi cho tôi được không?” Charlie nói. Simon sẽ không vui đâu. Một câu đùa về việc đặt tên cho ngôi nhà là Trung tâm Nút Tử thần không có vẻ là câu trả lời cho bất kỳ điều gì. Nếu Connie Bowskill đang trong trạng thái cảm xúc dễ bị kích động, trong tình trạng tự hủy hoại bản thân, liệu một từ ‘tử thần’ có đủ để làm chị ta chịu sự tấn công của chứng hoang tưởng đoán nhận không? Chị ta có thể kết nối hai thứ vốn không hề có liên hệ gì với nhau hết – một câu đùa nhạt nhẽo chồng mình nói từ nhiều năm trước, với một người phụ nữ bị sát hại mà chị ta đã thấy trên màn hình máy tính, hay đúng ra là khẳng định đã nhìn thấy.

Khi cô nhìn theo Alice đi xa dần, Charlie cảm thấy có gì đó rung lên trong người. Những xung động năng lượng. Nhảm nhí làm sao. Cô lấy điện thoại ra khỏi túi. Là Sam Kombothekra. “Cô

đang làm gì vậy?” Anh ta tuôn ra còn chẳng buồn chào hỏi.

“Không làm gì lắm,” Charlie nói. “Anh thì sao?” Trong những trường hợp bình thường, cô có thể sẽ nói với anh ta, nhưng cô không muốn nhắc đến cái tên ‘Alice’ phòng khi Sam cảm nhận được cảm giác tội lỗi qua điện thoại. Không phải là cô cảm thấy tội lỗi, cô chỉ đơn giản nhận ra là mình có tội. Hoặc sẽ sớm có tội thôi. Trong dịp này, lỗi lầm của cô không làm cô bận lòng. Kẹp điện thoại vào dưới cằm, cô dùng cả hai tay để lục lại lá thư của Alice trong túi xách.

“Cô đang ở đâu?” Sam hỏi.

Charlie bật cười. “Có phải câu hỏi tiếp theo của anh sẽ là: ‘Cô đang mặc quần trong màu gì?’”

“Câu hỏi tiếp theo của tôi là: ‘Simon đâu?’ Tôi đã cố gọi cho anh ta.”

“Anh ấy đang ở Bracknell nói chuyện với bố mẹ của Kit Bowskill,” Charlie bảo anh ta. Thật lố bịch làm sao là cô lại cảm thấy tự hào: cô biết Simon ở đâu còn Sam thì không.

“Cô có thể gặp tôi ở quán Brown Cow trong mười lăm phút nữa không?”

“Chắc là được thôi. Có vấn đề gì vậy?”

“Tôi sẽ kể khi gặp cô.”

“Tôi sẽ đến đó nhanh hơn nếu có gợi ý để làm động lực tăng tốc,” Charlie nói. Những ngón tay của cô lần theo đường viền nếp dán phong bì. Mở nó ra chẳng đem lại điều gì tốt đẹp, Simon không biết đến sự tồn tại của nó, và Charlie không muốn nội dung của nó tiếp thu vào đầu óc mình cũng như vào tâm trí Simon. Cô xé lá thư thành nhiều mảnh nhỏ, và nhiều mảnh nhỏ hơn nữa, để chúng rơi xuống chân mình.

“Jackie Napier,” Sam nói. “Vấn đề chính là Jackie Napier.”

. . .

“Bạn sẽ phải nhìn nhận như thể mình mất đi một người thân,” Barbara Bowskill nói với Simon. “Bạn từng có một đứa con, nhưng giờ không còn nữa. Cậu ở cùng trong cùng hoàn cảnh với một bà mẹ có con trai đi chiến trận ở Iraq và chết vì bom đạn, hay một người có con chết vì ung thư, hay bị sát hại bởi một kẻ ấu dâm. Cậu tự nói với mình rằng chẳng thể làm gì được nữa – chúng đã mất rồi – và cậu ngừng hy vọng.” Simon thấy bà không khác gì hình mẫu nhà tư vấn tâm lý cho những người chịu nỗi đau mất người thân, dù ngoài đời thật, họ hiếm khi giống vậy: tóc uốn xoắn nhuộm nâu vàng, chân tóc màu xám; áo dài thắt ngang lưng với họa tiết thêu phủ ngoài quần bò ống loe, vòng cổ bằng gỗ to bản, dép xăng đan với quai vải và gót gỗ bản. Và không có nhà tư vấn tâm lý nào lại khuyên bạn hãy vờ như con mình đã bị sát hại bởi một kẻ ấu dâm trong khi đứa con đó vẫn còn sống sờ sờ ở Silsford.

Kể từ khi tới thăm, đây không phải là lần đầu tiên Simon có những nghi ngờ về mẹ của Kit Bowskill. Không chỉ là tình tiết về kẻ ấu dâm. Anh cảm thấy nụ cười của bà ta không dễ chịu, và thấy mừng là mình chỉ nhìn thấy nó hai lần – một lần khi bà mở cửa cho anh vào, một lần nữa khi bà đưa cho anh một tách trà và anh nói lời cảm ơn. Một nụ cười bừa bãi, một sự lạm dụng nụ cười – thứ cho thấy sự đồng cảm cực độ, nỗi đau được chia sẻ, lòng thương hại và khao khát mạnh mẽ được ăn tươi nuốt sống linh hồn của kẻ được nhận nụ cười ấy. Có quá nhiều nếp nhăn nơi vùng da xung quanh mắt bà, quá nhiều lần bặm môi, gần như thể bà ta chuẩn bị hôn gió và rồi bắt đầu khóc cùng một lúc.

Nigel Bowskill trông như thể ông thuộc về một thế giới khác hẳn với vợ mình, trong chiếc quần âu màu xám, áo phông xanh lá và giày thể thao trắng. “Dù sao cũng quá đau đớn,” ông giải thích. “Chúng tôi không thể dành hết phần đời còn lại để chờ đợi Kit đổi ý. Nó đã không đổi ý suốt bảy năm qua. Có lẽ sẽ không bao giờ thay đổi.”

“Tại sao thằng bé lại có thứ quyền lực đó với chúng tôi cơ chứ?” Giọng Barbara nghe có vẻ thủ thế, dù chưa ai chỉ trích bà cả. Có điều gì đó lạ lùng trong cách đôi vợ chồng này nói năng,

Simon nghĩ – cứ như thế mỗi người đều phản đối dữ dội điều người kia vừa nói, dù nếu bạn chỉ lắng nghe từ ngữ mà bỏ qua giọng điệu, họ có vẻ đồng điệu suốt mạch hội thoại.

Cho tới giờ, Simon vẫn không hề thấy thoải mái khi ở trong nhà của họ: một căn biệt thự hiện đại xây gạch màu be, cùng với ga-ra đôi xây rời, tạo thành hình chữ L. Anh tự nhắc nhở rằng điều đó không quan trọng, đây là công việc không được trả công, không phải trò vui. Ngày thứ tám trong tuần trăng mật của anh. Simon ước mình đã mang Charlie đi theo, nhưng biết rằng nếu có phép màu nào đó để quay ngược thời gian về hôm qua, anh vẫn sẽ lựa chọn đi một mình. “Hẳn là khó khăn lắm,” anh nói. “Cô chú có phiền không nếu cháu hỏi điều gì đã gây ra rạn nứt?”

“Kit không nói với cậu sao?” Barbara đảo mắt vì sự ngờ nghệch của mình. “Không, tất nhiên là không nói, bởi vì nó không thể nói, nếu không nó sẽ lộ ra điều gì đó về bản thân mà nó không muốn cho cậu biết – rằng một khi nó cố gắng làm điều gì đó rồi không thành công, thì nó sẽ bị sốc, hoảng loạn. Cậu cần phải hiểu rằng con trai tôi là người dè dặt, kín đáo nhất cậu từng gặp, cũng là người có lòng kiêu hãnh lớn nhất. Bởi vì nó từ chối thỏa hiệp với những sai lầm của chính mình, lòng tự tôn của nó rất dễ bị tổn thương – đó là khi sự kín đáo của nó xuất hiện, tất cả vì mục đích giữ thể diện. Đầu óc Kit không có chút nghi ngờ gì rằng cả thế giới đang quan sát nó, thèm thuồng chờ đợi lúc nó sa chân. Nó có thể tỏ ra thoải mái và dễ nói chuyện bề ngoài, nhưng đừng bị lừa – nó chỉ duy trì thể diện mà thôi.”

“Suốt cả tuổi thơ nó né tránh chúng tôi,” Nigel nói.

Simon tự động nhìn quanh phòng tìm những chỗ trốn khả dĩ, và chẳng thấy gì cả, chẳng có gì để trốn đằng sau, chỉ có hai chiếc sofa lông vũ đặt vuông góc với nhau, mỗi chiếc dựa vào một tường. Hành lang mà Simon được dẫn qua cũng vậy, y như căn bếp anh đã đứng trong chốc lát, khi Barbara pha cho anh một tách trà. Anh chưa từng thấy ngôi nhà nào ít đồ đạc hơn thế. Không có giá sách, không có đồ trang trí, không có áo khoác treo trên móc ở cửa trước, không có cây cối, không có giỏ trái cây

hay đồng hồ, không có những chiếc bàn đặt ngẫu nhiên. Ngôi nhà như một trường quay chưa được lắp đặt hoàn thiện. Bố mẹ của Kit cất đồ đạc của họ ở đâu vậy? Simon đã hỏi liệu có phải họ mới chuyển đến không, và được trả lời họ đã ở ngôi nhà này trong suốt hai mươi sáu năm.

“Ý tôi không phải là né tránh về mặt hữu hình,” Barbara nói. “Chúng tôi luôn biết thằng bé ở đâu. Nó chẳng bao giờ đi ra ngoài và làm chúng tôi lo lắng, như vài đứa bạn khác của nó làm với bố mẹ chúng.”

“Chúng tôi nghĩ mình cũng biết thằng bé là ai nữa,” Nigel nói, gương mặt ông trông giống con trai cộng thêm hai mươi lăm tuổi. “Một đứa bé làm chúng tôi rất hài lòng, lễ phép, nghe lời – học hành tấn tới, rất nhiều bạn bè.”

“Nó trưng cho chúng tôi những điều nó biết chúng tôi muốn được thấy,” Barbara hấp tấp nói, như thể bà sợ chồng mình sẽ nói câu quan trọng nhất trước nếu bà không nhanh hơn. “Suốt thời thơ ấu, con trai chúng tôi là người quản lý hình ảnh cho chính nó.”

“Vậy anh ta đã cố gắng che giấu điều gì ạ?” Simon hỏi. Cho tới giờ, những câu hỏi đều chưa được trả lời. Nếu một ai trong hai phụ huynh của Kit Bowskill có thắc mắc tại sao một thám tử lại tự tìm đến nhà họ để hỏi về con trai, họ cũng im lặng về điều đó. Giá mà tất cả những người Simon phỏng vấn đều thể hiện sự thiếu tò mò của họ, anh ghét phải mình tự giải thích, kể cả khi lời giải thích đó là thỏa đáng.

“Không có bí mật tội lỗi nào cả,” Nigel nói. “Chỉ có chính thằng bé thôi.”

“Sự thiếu coi trọng bản thân của nó,” Barbara chữa lời. “Những gì nó cho là khuyết điểm của mình. Tất nhiên, chúng tôi chỉ hiểu ra tất cả những điều này khi nhìn lại – chúng tôi khá giống thám tử, anh có thể nói thế. Mãi sau này chúng tôi mới nói chuyện với bạn cùng trường của nó, tìm ra những điều trước đây chúng tôi chưa từng biết vì Kit luôn đảm bảo chúng được che giấu khỏi chúng tôi – sự tra tấn giáng vào những thằng bé giành được những giải thưởng mà nó nghĩ đáng ra nó phải

giành được, những khoản hối lộ nó cho chính những thằng bé đó một khi nó tỉnh táo lại, để chúng không nói gì với bố mẹ hay thầy cô về người đã làm chúng bị thương.”

“Nó khiến tất cả những ai trót làm chệch quỹ đạo của nó phải kinh hoàng,” Nigel nói.

Barbara mỉm cười. “Khi nó không có mặt, chúng tôi đã dựng lên một hồ sơ tâm lý về nó, theo cách các cậu làm với tội phạm. Lúc đó, nó hoàn toàn lừa được chúng tôi. Dù cố ý hay không, nó đã đùa giỡn với lòng tự tôn của chúng tôi. Nigel và tôi đã từng hạnh phúc, giàu có – chúng tôi có một sự nghiệp kinh doanh thành công. Tất nhiên chúng tôi tin rằng con trai mình là một cậu bé vàng được ban phước lành, một người chưa từng chịu thất bại, chưa từng buồn bực hay tức giận, chưa từng thừa nhận gặp vấn đề nào.”

“Thằng bé diễn rất khéo.” Sự hối hận trong giọng nói của Nigel pha lẫn sự ngưỡng mộ, Simon nghĩ. “Nó không thể chịu được việc ai đó thấy rằng nó chỉ là một con người bình thường đôi khi hành động ngốc nghếch – có những khi thằng trâm giống như tất cả mọi người. Kit phải tỏ vẻ đứng trên tất cả những thứ đó – luôn luôn nắm quyền kiểm soát, luôn luôn hạnh phúc...”

“Điều đó đồng nghĩa với việc không ai được phép biết điều gì là quan trọng với nó, hay việc đôi khi nó buồn bực, đôi khi nó thất bại hay không phải là người giỏi nhất trong việc gì đó.” Cách nói đầy vẻ giận dữ của Barbara khiến cho việc lắng nghe bà trở nên khó khăn. Khao khát được nói khiến giọng điệu bà không được bình tĩnh. Có vẻ bà cảm thấy không thể chịu nổi khi tới lượt của chồng và mình phải chờ đợi. “Suốt cả cuộc đời mình, Kit đã xây dựng hình ảnh của sự hoàn mỹ. Đó là lý do thực sự tại sao nó không thể tha thứ cho chúng tôi – trong một vài tiếng đồng hồ năm 2003, chiếc mặt nạ rơi xuống và chúng tôi thấy nó bối rối và đau khổ như thể chuyện này phá tan một điều vô cùng quan trọng với nó. Người mà nó không thể tha thứ chính là bản thân thằng bé, vì đã để mọi chuyện đến mức mà nó cần phải tìm đến sự giúp đỡ của chúng tôi – chẳng liên quan gì đến con số

năm mươi ngàn bảng.”

“Năm mươi ngàn bảng?” Simon hỏi. Có phải đó là ý của Kit khi nói bố mẹ anh ta đã không ‘đoàn kết lại’?

Nigel gật đầu. “Nó cần số tiền đó để mua một ngôi nhà.”

“Tôi vẫn còn giữ tờ rơi ở đâu đó, tôi nghĩ thế,” Barbara nói. “Kit mang nó tới để cho chúng tôi xem. Khi chúng tôi không hợp tác, nó nói với chúng tôi là mình không muốn tờ rơi đó nữa, không thể mua được ngôi nhà. ‘Sao bố mẹ không xé nó đi, hay đốt ấy?’ nó nói. ‘Con đoán bố mẹ sẽ thích thế đấy.’ Tôi nghĩ nó tưởng rằng khi chúng tôi xem những bức ảnh và thấy ngôi nhà đẹp dễ đến thế nào, chúng tôi sẽ đưa tiền. Nó rất đẹp, nhưng... nó không đáng với cái giá mà người bán yêu cầu Kit phải trả, và chúng tôi không nghĩ sẽ là công bằng với những người mua kia nếu Kit và Connie lại đột ngột giật mất nó khỏi họ như vậy. Kiểu cư xử lưu manh gì vậy?”

“Thằng bé không được đối xử với họ như vậy, nó cũng không được đối xử với chúng tôi như thế,” Nigel ném ra lời bình luận đó như một lời thách đố, xem có ai cả gan không đồng ý hay không. Ông đã chuẩn bị sẵn sàng để lao vào cuộc chiến một lần nữa, như thể Kit đang ngồi đối diện tại đây với ông chứ không phải Simon. “Connie và Kit có thể dễ dàng mua một ngôi nhà khác đáp ứng thừa nhu cầu của chúng ở Cambridge – có đủ loại nhà chúng có thể mua. Tại sao chúng lại đặc biệt muốn ngôi nhà này, ngôi nhà mà thực tế đã bán rồi?”

Bởi vì lòng tự tôn của Kit quá lớn để mà thỏa hiệp, anh ta kiên quyết phải giữ lấy thương vụ này?

“Kit thấy chẳng có lý do gì để nói cho chúng tôi tại sao,” Barbara nói. “Nó hành xử như thể Chúa ban cho nó quyền được sở hữu ngôi nhà đó, bằng bất cứ giá nào.”

“Nó gan cùng mình, dám nói với chúng tôi là nó muốn phung phí năm mươi ngàn bảng vào một việc vô đạo đức và mong chờ chúng tôi phải trả giá. Nó thậm chí còn không hỏi vay, đó là điều làm tôi khó chịu. Chẳng nói gì đến việc trả lại khoản tiền, chỉ đòi hỏi chúng tôi cho nó. Khi chúng tôi nói không, nó trở nên hằn

học.”

Simon muốn hỏi Nigel ý của ông là gì khi nói ngôi nhà đã được bán rồi, nhưng anh không muốn chen ngang. Anh có thể đi vào chi tiết sau. Thay vào đó, anh hỏi. “Hần học như thế nào ạ?”

“Ồ, mọi thứ cứ thế tuôn ra thôi. Barbara và tôi không có chuẩn mực gì cả – chúng tôi không biết phân biệt giữa tốt và xấu, không nhận ra được một ngôi nhà đẹp khi chúng tôi thấy nó, không hiểu được tầm quan trọng của vẻ đẹp, không nhận ra nó khi nó đang hiện hữu ngay trước mặt.Ồ, và chúng tôi không nhận ra được cả sự xấu xí, và không có những bước thích hợp để tránh nó – chúng tôi chỉ toàn mua những ngôi nhà xấu xí.” Nigel cố gắng giữ giọng mình có vẻ vô tư khi ông liệt kê danh sách những lời sỉ vả của con trai mình, nhưng Simon nghe thấy được sự tổn thương trong giọng nói của ông.

“Và tất nhiên chúng tôi đã khiến Kit khổ sở, bởi vì nó phải sống trong những ngôi nhà xấu xí đó với chúng tôi,” Barbara góp lời. “Nó nói chúng tôi như thú vật, không hiểu gì về việc đặt mục tiêu cao xa và chỉ chấp nhận những gì tốt nhất. Chúng tôi thì biết cái gì chứ? Chúng tôi đã chọn sống trong ba nơi mọi rợ, kinh khủng liên tiếp nhau: đầu tiên là Birmingham, rồi Manchester, rồi đến Bracknell – tất cả những nơi đáng bị xóa sổ khỏi mặt đất. Làm sao mà chúng tôi lại có thể bắt Kit sống trong đó? Làm sao mà chúng tôi có thể tự mình sống ở đó vậy?”

“Kể từ giây phút Kit đặt chân đến Cambridge, không còn nơi nào khác đủ tốt nữa,” Nigel nói. “Chúng tôi không còn đủ tốt nữa.”

“Kit rất điêu luyện trong việc che giấu, chúng tôi không hề hay biết rằng mình bị nó coi thường – không biết cho tới khi chúng tôi không chịu cho thằng bé số tiền nó nghĩ mình được quyền lấy, và nó tức giận đến mức nói với chúng tôi rằng mọi thứ chúng tôi từng làm đều là sai lầm.”

“Danh sách tội lỗi của chúng tôi dài vô tận.” Nigel bắt đầu đếm trên những đốt tay. “Chúng tôi đáng ra nên chuyển đến Cambridge khi Kit bắt đầu học đại học – chuyển nhà và công

việc kinh doanh – để nó không phải rời thành phố vào những ngày nghỉ lễ và quay trở lại Bracknell...”

“... nơi mà nó mô tả là ‘cái chết của hy vọng’. Tưởng tượng ai đó nói như thế về nhà của cậu mà xem!”

“Chúng tôi đáng ra phải giúp đỡ nó khi nó tốt nghiệp và công việc duy nhất thằng bé xin được là ở Rawndesley – đáng ra phải đề nghị giúp đỡ nó về mặt tài chính, để nó không cần phải chuyển đi, không phải rời Cambridge.”

“Lúc trước nó nói với chúng tôi là mình rất hào hứng với công việc mới ở Rawndesley và thực sự mong chờ được thay đổi môi trường!”

“Thủ đoạn nó hay dùng,” Nigel nói. “Giả vờ như những điều xảy ra là thứ thằng bé đã luôn mong muốn, để nó có thể xuất hiện như một người chiến thắng.”

“Nó nói rất thuyết phục. Kit lúc nào cũng rất thuyết phục.” Barbara đứng dậy. “Cậu có muốn xem phòng nó không?” bà hỏi Simon. “Tôi đã giữ chỗ đó y nguyên như khi nó rời đi – như phòng của một đứa con đã mất, và tôi là bà mẹ khốn khổ, người quản lý bảo tàng.” Bà bật ra một tiếng cười.

“Sao cậu ta lại muốn đi xem phòng ngủ của Kit chứ?” Nigel quát lên. “Chúng ta thậm chí còn không biết tại sao cậu ta lại ở đây. Có phải là Kit mất tích và cậu ta đến điều tra đâu.”

Simon, giờ đã đứng dậy, chờ đợi được hỏi về lý do cho cuộc viếng thăm của anh.

“Có thể nó đang mất tích,” Barbara nói với chồng. “Chúng ta không biết, phải không? Có thể nó đã chết rồi. Nếu không, nó là một mối quan tâm của cảnh sát vì một lý do gì khác. Bất kỳ ai muốn hiểu Kit cũng cần phải xem phòng ngủ của nó.”

“Nếu nó đã chết thì chúng ta phải được thông báo rồi,” Nigel nói. “Người ta sẽ phải nói cho chúng tôi biết. Cậu cũng sẽ như vậy đúng không?”

Simon gật đầu. “Cháu muốn được xem căn phòng, nếu các bác không phiền dẫn cháu đi,” anh nói.

“Càng đông càng vui,” Barbara nói, giọng bà nghe có vẻ ve

vẫn. Bà giang tay ra, mời mọc một đám đông không tồn tại đến tham gia cùng họ. “Dù tôi cảnh báo trước với cậu, tôi lạc hậu lắm đấy. Tôi đã không làm hướng dẫn viên được một thời gian rồi.” Điều cười ỷ mị tham lam ấy lại xuất hiện, Simon cố không giật lùi lại.

Nigel thở dài. “Tôi sẽ không tham gia với bà đâu,” ông nói.

“Không ai mời ông,” Barbara bật thẳng câu trả lời lại như một quân át chủ bài.

Simon đi theo bà ra khỏi phòng. Đi lên nửa chừng cầu thang, bà quay lại đối diện với anh. “Cậu có thể đang thắc mắc tại sao chúng tôi không hỏi,” bà nói. “Để sống sót trong cuộc chiến cảm xúc này, chúng tôi không thể đầu hàng trước sự tò mò. Sẽ dễ dàng hơn nhiều nếu không biết gì.”

“Hắn cô chú phải cố gắng tự chủ lắm,” Simon nói.

“Không hẳn. Chẳng ai muốn phải chịu đựng một cách không cần thiết, hoặc ít nhất là tôi không muốn, và Nigel cũng không. Bất kỳ thông tin mới nào về con trai ngày xưa của chúng tôi sẽ phá hỏng ba ngày trong cuộc đời chúng tôi. Dù là chi tiết nhỏ nhất nhất – rằng Kit tới cửa hàng và mua một tờ báo vào sáng nay, rằng thằng bé mặc một chiếc áo phông nào đó hôm qua. Dù cho cậu chỉ kể có thể, tôi vẫn sẽ nằm lì trên giường vào ngày mai, không thể làm bất kỳ điều gì. Tôi không muốn nghĩ về nó ở thì hiện tại – cậu có hiểu không?”

Simon hy vọng là không, hy vọng rằng điều đó không có nghĩa như anh nghĩ.

“Chúng tôi phải tin rằng thời gian đã dừng lại,” Barbara giảng giải với anh, tin tưởng vào vị trí đứng đắn của bà như một người lên chiến dịch chính trị. “Đó là lý do vì sao tôi vào phòng nó mỗi ngày. Nigel không thể chịu đựng được điều ấy. Tôi cũng thế, thực sự là vậy, nhưng nếu tôi không vào, tôi không thể biết chắc chắn rằng căn phòng không có gì thay đổi. Và phải có ai đó giữ nó sạch sẽ.”

Bà leo những bậc còn lại lên thêm nhĩ tầng hai. Simon đi theo bà. Có bốn cánh cửa, tất cả đều đóng. Một cửa có một tờ

giấy lớn dán lên, trên đó có người đã vẽ một đường viền tam giác màu đen, các cạnh thẳng tắp, và viết tay gì đó vào bên trong bằng mực đen. Từ chỗ anh đứng, Simon không thể đọc được.

“Đó là phòng Kit, với lời nhắc trên cánh cửa,” Barbara nói. Simon cũng đã đoán như vậy. Khi lại gần, anh nhận thấy tấm biển được làm bằng thứ gì đó dày dặn hơn giấy – kiểu như vải dầu. Và những chữ được vẽ lên đó, chứ không phải viết. Nét chữ rất cẩn thận, trông nó gần như tác phẩm nghệ thuật. Kit Bowskill đã nâng tấm tấm biển trên cánh cửa của mình lên cao hơn một phương tiện truyền đạt thông tin đơn thuần.

Barbara, đứng sau lưng Simon, đọc to từng chữ trong khi anh đọc chúng. Cảm giác thật không thoải mái, như thể bà chính là tiếng nói trong suy nghĩ của anh. ‘Văn minh là sự tiến triển hướng đến một xã hội của quyền riêng tư. Sự tồn tại của loài người hoang dại bấy lâu nay đều xảy ra trong sự công khai, bị kiểm soát bởi luật lệ của bộ lạc. Văn minh là quá trình giải phóng con người khỏi con người.’

Bên dưới dòng trích dẫn là một cái tên: ‘Ayn Rand’. Tác giả của cuốn Suối Nguồn. Nó là một trong rất nhiều cuốn tiểu thuyết Simon ước mình đã đọc qua, nhưng anh chưa bao giờ thực sự hứng thú. “Đây có phải là một cách trí tuệ để nói, ‘Phòng của Kit – Cấm vào?’” anh hỏi Barbara.

Bà gật đầu. “Chúng tôi đã làm theo. Rất vâng lời. Cho tới khi Kit nói với chúng tôi rằng đây là lần cuối cùng chúng tôi được gặp và nói chuyện với nó. Và rồi tôi nghĩ, ‘Quý tha ma bắt – nếu mình mất con trai, ít nhất mình có thể lấy lại một căn phòng trong nhà.’ Tôi đã quá tức giận, đến mức xé toạc cả tường được.” Giọng nói run bần bật như điện giật của bà cho thấy trong từng ấy thời gian bà chưa hề nguôi giận đi chút nào. “Tôi đã định vào trong đó để xé hết giấy dán tường đi, nhưng tôi không thể, khi tôi thấy nó đã làm gì. Làm sao tôi có thể phá hoại tác phẩm nghệ thuật bí mật của con trai mình khi đó là tất cả những gì còn lại tôi có về nó? Nigel nói đó không phải là nghệ thuật, Kit không phải nghệ sĩ, nhưng tôi chẳng thấy có cách nào khác để miêu tả nó cả.”

Simon đã gần cửa lắm rồi – cách hai bước chân. Anh đã có thể tự bước vào và xem xét, dù nó có là gì đi nữa, thay vì đứng ngoài lắng nghe bà Barbara miêu tả vòng vo, nhưng làm thế có vẻ không đúng, anh nên chờ đợi sự cho phép của bà.

“Cậu đã bao giờ có cảm giác tim mình bị cán bởi một chiếc xe tải lớn chưa?” Bà ấn cả hai tay vào ngực. “Đó là điều đã xảy ra với tôi khi tôi mở cánh cửa đó lần đầu tiên trong mười một năm. Tôi không hiểu được gì hết – tôi đang nhìn vào cái gì đây cơ chứ? Giờ thì mọi thứ đã có nghĩa, giờ đây khi tôi biết rõ Kit hơn một chút, khi nó không có mặt ở đây.”

Mười một năm. Lại số mười một. Thay vì cảm giác nóng bức, một cơn ớn lạnh chạy dọc sống lưng Simon. Barbara hẳn là đã thấy câu hỏi trong mắt anh, bởi bà nói, “Nigel và tôi chính thức bị cấm khi Kit mười tám tuổi. Nó trở về nhà sau học kỳ đầu tiên ở trường đại học và đó là điều đầu tiên nó nói. Không chỉ chúng tôi, bởi chúng tôi là bố mẹ nó – tất cả mọi người đều bị cấm. Không ai đặt chân vào phòng nó sau đó nữa – nó đảm bảo chắc chắn điều đó. Nó không thường mang bạn bè tới, nhưng khi bạn bè tới, chúng phải ở phòng khách. Kể cả Connie, khi hai đứa nó thường xuyên tới thăm nhau, nó chưa bao giờ đưa con bé lên lầu. Chúng sẽ ngồi ở phòng khách, hay phòng đọc sách. Kit đã có căn hộ riêng khi hai đứa gặp nhau – tôi không nghĩ Connie biết rằng nó vẫn có phòng ở đây, căn phòng quan trọng với nó hơn bất cứ nơi nào nó từng thực sự ở. Cậu không nghĩ đến điều đó, đúng không? Hầu hết mọi người, khi chuyển ra ngoài, thì chuyển đi hoàn toàn.”

Trừ phi họ có điều gì muốn hay cần phải giấu, Simon nghĩ. Hầu hết mọi người không thể tránh làm phật lòng cô bạn gái sống chung khi nói: ‘Căn phòng này là của anh – em không được phép lại gần.’ Cũng tương tự với các vị phụ huynh, nghĩ đến chuyện đó mà xem. “Trong mười một năm, hai người chưa bao giờ bị cấm đỗ bước chân vào và xem sao ư?”

“Có lẽ tôi cũng từng như vậy, nhưng Kit đã lắp một chiếc khóa.” Barbara hất đầu về phía cánh cửa. “Đây là cánh cửa mới, không có khóa, là biểu tượng của chính sách cấp phép mới:

phòng của con trai ngày xưa của tôi mở cửa với công chúng, 24/7. Tôi sẽ trưng cho bất kỳ ai muốn xem,” bà nói với vẻ thách thức, rồi cười khúc khích. “Nếu Kit không thích thể, cứ để nó quay lại đây mà phàn nàn.”

“Cô đã bỏ cánh cửa cũ đi, cái mà có khóa ấy?” Simon hỏi.

“Nigel phá nó đi,” Barbara bảo anh, một cách tự hào. “Sau ‘cuộc đổ vỡ lớn.’” Bà đưa tay lên làm điệu hai dấu nháy. “Đó là cách duy nhất để chúng tôi có thể vào trong. Nigel nói, ‘Ít nhất nó cũng sạch sẽ’, câu đó có chút đánh giá thấp – đến tôi còn không thể lau dọn căn phòng nào sạch như thế, chắc chắn là vậy. Kit tự mua máy hút bụi, chổi lau, đồ đánh bóng, các thứ dụng cụ. Nó thường về hai tuần một lần và dành vài giờ trong đó – bảo trì nó – cậu có thể nghe tiếng máy hút bụi chạy. Tôi không nghĩ Connie biết nó đang làm gì – con bé dành quá nhiều thời gian rảnh ở chỗ bố mẹ, Kit có thể tới đây vào những ngày cuối tuần mà nó chẳng biết gì cả. Nigel và tôi thường cảm thấy tiếc cho con bé vì nó chẳng hay biết gì, bị khóa chặt khỏi một thứ rất quan trọng với thằng bé – như thể chúng tôi là những người may mắn, chia sẻ những bí mật của thằng bé, bởi chúng tôi biết về căn phòng của nó dù cho chúng tôi không biết trong đó có gì.”

Barbara lắc đầu khi sự tự hào nhường chỗ cho cảm giác đổ vỡ. “Chúng tôi là những kẻ ngu ngốc, để cho đứa con mười tám tuổi của mình khóa chúng tôi ra khỏi một căn phòng trong chính nhà mình. Nếu có thể quay ngược thời gian, tôi sẽ không cho phép Kit đóng một cánh cửa nào trước mặt tôi, chứ đừng nói là khóa mất. Tôi sẽ quan sát nó như một con chim ưng, từng giây phút mỗi ngày.” Bà chỉ tay vào Simon như thể muốn anh đứng yên một chỗ. “Tôi sẽ ngồi bên cạnh giường nó suốt đêm và ngắm nhìn khi nó ngủ. Tôi sẽ đứng bên cạnh phòng tắm khi nó tắm rửa, thậm chí đứng canh chừng nó khi nó ở trong nhà vệ sinh. Tôi sẽ không cho phép nó có bất cứ sự riêng tư nào hết. Nó sẽ kinh hoàng lắm nếu nghe tôi nói những lời này, nhưng tôi không quan tâm. Sự riêng tư là mảnh đất màu mỡ nuôi dưỡng mầm mống của cái xấu xa, nếu cậu hỏi tôi.”

“Chúng ta có thể vào xem phòng được chưa?” Simon hỏi, cảm thấy bà thật đáng sợ. Nếu anh được gặp bà trước khi có cái gọi là ‘cuộc đổ vỡ lớn’, có lẽ anh đã có cảm giác khác về bà. Lúc đó, bà hẳn là một con người khác. Simon sẽ không bao giờ chịu thừa nhận với ai, nhưng anh thường cảm thấy kinh tởm với những người từng phải trải qua những chuyện đặc biệt tồi tệ; đó là lỗi của anh, không phải họ. Anh nhận ra nó có liên quan đến niềm khao khát được lánh xa khỏi bi kịch, dù nó có là gì đi nữa. Mặt khác, nó cũng khiến anh cố gắng giúp đỡ họ nhiều hơn, để bù đắp lại.

“Vào đi,” Barbara nói. “Tôi sẽ theo cậu sau một phút. Tôi không muốn cản trở ấn tượng đầu tiên của cậu.”

Simon xoay nắm cửa. Khi cánh cửa rộng mở, mùi dầu đánh bóng nội thất xộc lên không thể nhầm lẫn. Kit Bowskill có thể không còn đặt chân vào thánh địa riêng tư này kể từ năm 2003, nhưng ai đó vẫn duy trì được tiêu chuẩn rất cao của anh ta kể từ hồi ấy. Barbara. Đó là kiểu công việc mà chỉ có một bà mẹ mới bỏ công làm.

“Đừng để vấp vào máy hút bụi,” bà cảnh báo. “Không giống những căn phòng khác trong ngôi nhà này, Kit thực sự có đồ đạc trong phòng.” Bà bật cười. “Khoảng sáu tháng sau khi Kit cấm vận chúng tôi, tôi vứt đi một đồng thứ mà tôi và Nigel từng có. Chúng tôi chẳng còn con trai, sở hữu trong tay bất cứ thứ gì cũng chẳng có nghĩa lý gì nữa.”

Cánh cửa vẫn để ngỏ. Simon đẩy hết cỡ và đi vào trong. Căn phòng chứa đầy đồ mà không lộn xộn: chiếc giường, hai cái ghế đẩu, bàn làm việc, tủ quần áo, tủ kéo, một giá sách dựa vào tường với chiếc máy hút bụi hiệu Dyson ở bên cạnh. Giữa giá sách và chiếc cửa sổ bé tí xíu là một hàng các sản phẩm tẩy rửa – cho kính, cho gỗ, cho thảm – bên cạnh một chiếc xô nhựa màu xám thò ra sáu chiếc chổi lông, giống như hình ảnh nhại lại một bình hoa.

Lúc đầu Simon cứ nghĩ các bức tường được phủ giấy dán tường, bởi từng phân một trên tường đều được bao bọc, cả trần nhà nữa. Anh nhanh chóng nhận ra đó không thể là giấy được,

không có họa tiết lặp lại. Không có nhà thiết kế nào, dù là cấp tiến nhất, lại tạo ra một thứ rối mắt và kỳ dị thế này. Những tấm ảnh. Simon nhận ra mình đang nhìn vào hàng trăm bức ảnh, được gắn với nhau theo cái cách mà bạn không thể nhìn thấy bất kỳ điểm kết nối nào. Có thể chẳng hề có kết nối, Simon không thể tìm được một mạch mà theo đó một tấm ảnh được bắt đầu và một tấm khác kết thúc. Làm sao mà Kit có thể làm được việc này? Có phải anh ta đã chụp tất cả những tấm ảnh này, và biến chúng thành giấy dán tường, bằng một cách nào đó?

Tất cả đều là ảnh những con đường và tòa nhà, ngoại trừ những tấm ở trên trần. Chúng là ảnh về bầu trời: đơn thuần màu xanh nhạt, màu xanh dương với những sọc mây trắng, màu xám lốm đốm ráng chiều hồng và đỏ, một màu xanh thẫm với vàng trắng khuyết ở một góc, một đường cong màu trắng sáng không đều.

Simon tiến lại gần bức tường hơn, anh đã phát hiện ra một con đường mình biết. Phải, đó là quán rượu Sáu Chiếc Chuông, nằm ở gần quán Sóng Và Để sống, nơi anh đã gặp Ian Grint. “Đây có phải là...?” Quay lại để tìm Barbara, anh nhận ra thay vào đó mình đang nhìn vào sách trên giá. Chúng được xếp dọc gọn ghẽ, gáy sách sóng thẳng hàng y hệt nhau. Từ những tiêu đề, Simon thấy rằng chúng có chung một chủ đề.

“Chào mừng tới Cambridge ở Bracknell,” Barbara nói.

Lịch sử của Cambridge, những cuốn sách về nguồn gốc của trường đại học, cuộc đua thuyền, sự cạnh tranh của Cambridge với Oxford, về những người nổi tiếng gắn liền với thành phố, Cambridge và những nghệ sĩ của nó, Cambridge và những nhà văn nó đã truyền cảm hứng, những quán rượu của Cambridge, những khu vườn của Cambridge, những công trình kiến trúc của nó, những cây cầu của nó, những máng nước trong các tòa nhà trường đại học, Một Tuổi Thơ Cambridge, những nhà nguyện nằm trong khuôn viên đại học của Cambridge, Cambridge và khoa học, những gián điệp có liên hệ với Cambridge.

Simon thấy dòng chữ ‘Pink Floyd’ – có phải anh vừa tìm thấy một cuốn sách phá vỡ xu hướng chung không? Không, đó là cuốn Hướng Dẫn Tới Cambridge Có Minh Họa Dành Cho Người Hâm Mộ Pink Floyd.

Ở góc xa của giá sách là một phiên bản sơ khai Từ A Đến Z về thành phố – một cuốn sách cũ, nếu Kit không ở trong căn phòng này từ năm 2003, nhưng trông nó lại mới tinh. Ở chiếc giá bên trên đó, Simon thấy một hàng các cuốn danh bạ điện thoại và sách chỉ dẫn trang vàng về Cambridge.

Đột nhiên, anh nhận ra Barbara đứng sau lưng mình. “Chúng tôi biết thằng bé yêu thích nó,” bà nói. “Chúng tôi chỉ không biết đó lại là một sự ám ảnh bao trùm.”

Simon đang đọc những tấm biển chỉ đường trên những tấm ảnh: Đại lộ De Freville, Đường Hills, Đường Newton, Ngõ Gough, Đường Glisson, Bãi cỏ Grantchester, Đường Alpha, Lối St. Edward’s. Không có Pardoner Lane, hay ít nhất không có gì mà Simon đã thấy. Anh nhìn lên những tấm ảnh chụp bầu trời Cambridge. Nghĩ về Kit Bowskill mười tám tuổi, không hề mong muốn phải ngủ dưới bầu trời Bracknell.

Connie đã nhầm rồi. Cô ta đã nói với Simon rằng anh ta đã yêu một ai đó khi học đại học, một người anh ta không chịu nhắc tới, một người mà sự tồn tại bị phủ nhận thẳng thừng. Vì những lý do rất dễ hiểu, cô ta đã nghi ngờ rằng đó là Selina Gane.

Không phải vậy. Chẳng là ai hết. Tình yêu Kit Bowskill đã cố ý che giấu vợ mình – mạnh mẽ đến mức anh ta không thể cất thành lời được, hay không muốn nói – không dành cho một cư dân riêng lẻ nào của Cambridge. Mà chính là thành phố đó.

Barbara làm công việc hướng dẫn của mình, như đã hứa. “Đây là Fen Causeway – Nigel và tôi thường hay lái xe dọc theo đường này khi chúng tôi tới thăm con. Nhà nguyện King’s College thì có thể cậu đã nhìn ra rồi. Thư viện Wren ở Trinity. Bến xe buýt Đường Drummer...”

Simon chỉ nhận thức được hơi thở của mình và không gì

nhiều lắm. Giống như Kit Bowskill bảy năm trước, anh chỉ có thể nghĩ về một điều.

“Cậu có ổn không?” Barbara hỏi. “Cậu trông có vẻ lo lắng.”

Số 18 Pardoners Lane.

Kit Bowskill, người ghét phải thất bại, đã tìm được ngôi nhà hoàn hảo cho mình trong thành phố hoàn mỹ của anh ta. Bố mẹ anh ta không chịu cho số tiền mà anh ta cần, vậy là anh ta không thể mua được nó, nhưng một người khác đã mua nó. Một ai đó đã thành công trong khi Kit thất bại.

Một người mà, lúc ấy, chắc là cảm thấy may mắn lắm.

Thứ Bảy, ngày 24-07-2010

“Cô có công việc gì không?” Hạ sĩ Alison Laskey hỏi tôi, bình tĩnh một cách kiên định trước sự dao động của tôi. Chị ta là một người phụ nữ mảnh mai, đứng tuổi với mái tóc nâu ngắn đứng đắn. Chị ta gợi cho tôi nhớ đến vợ của một chính trị gia từ khoảng hai mươi năm trước – mẫn cán và trầm lặng.

“Tôi có hai công việc,” tôi nói với chị ta. “Chồng tôi và tôi sở hữu công ty riêng, và tôi cũng làm việc cho bố mẹ tôi nữa.” Chúng tôi đang ở trong cùng căn phòng phỏng vấn mà Kit và tôi đã ngồi hôm thứ Ba, với chiếc lưới thép bọc cửa sổ. “Chuyện này có liên quan gì đến Ian Grint? Tất cả những gì tôi muốn chỉ là...”

“Hãy tưởng tượng cô đang trong kỳ nghỉ lễ – tắm nắng ở một bãi biển, cho là thế – và ai đó xuất hiện ở một trong những chỗ làm của cô để hỏi số điện thoại của cô. Cô có muốn bố mẹ, hay những người ở công ty, đưa cho họ số điện thoại của cô, để người ta có thể xen vào kỳ nghỉ của cô?”

“Tôi không hỏi xin số điện thoại di động của Ian Grint.”

“Cô đã hỏi khi mới tới đây,” Hạ sĩ Laskey nói.

“Tôi hiểu tại sao chị lại không thể đưa số cho tôi. Tất cả những gì tôi đang yêu cầu là chị gọi cho Grint và nhắn anh ta gọi cho tôi. Hay... gặp tôi ở đâu đó, để tôi có thể nói chuyện với anh ta. Tôi cần nói chuyện với anh ta. Anh ta có thể gọi đến khách sạn của tôi. Tôi có thể quay lại đó lúc...”

“Connie, dừng lại đi. Dù cậu ấy có bị chen ngang vì tôi hay vì cô, đó vẫn là chen ngang, phải không?” Hạ sĩ Laskey mỉm cười. “Hôm nay là ngày nghỉ của cậu ấy. Không có lý do gì để làm phiền cậu ấy cả. Tất cả công việc ở sở cảnh sát đều giao cho toàn bộ nhóm đảm trách. Cô có thể nói chuyện với tôi về bất kỳ điều

gì đang làm cô bận tâm. Tôi đã nắm sơ qua... trường hợp của cô rồi, vậy nên tôi biết cơ bản vấn đề. Tôi đã đọc tường trình cô gửi chúng tôi."

"Có phải chị là người đã quyết định rằng không có vụ giết người nào ở số 11 Bentley Grove hết? Chị đã quyết định từ bỏ nó, quên hết về nó?"

Khóe miệng của Laskey giật giật. "Điều cô muốn nói với Ian là gì?" chị ta hỏi.

"Đã có một vụ giết người," tôi bảo chị ta. "Hãy đi cùng tôi và tôi sẽ cho chị thấy."

"Cô sẽ cho tôi thấy?" Chân mày chị ta nhướn lên. "Cô sẽ cho tôi xem gì, Connie? Một người phụ nữ đã chết nằm trên một bể máu?"

"Đúng vậy." Tôi còn sự lựa chọn nào khác ngoài việc dày mặt mà nói thế? Kể cả khi người phụ nữ đã chết không còn ở đó nữa, máu chắc chắn vẫn còn. Ít nhất là những dấu vết của nó. "Chị có đi với tôi không?" tôi hỏi.

"Tôi rất muốn đi," Laskey nói, "nhưng tôi muốn cô nói cho tôi biết chúng ta sẽ đi đâu và tại sao."

"Có ích gì kia chứ? Chị nghĩ tôi bị hoang tưởng – chị sẽ không tin vào bất kỳ điều gì tôi nói. Đi cùng tôi và tự mình xem lấy, rồi tôi sẽ cho chị biết – khi chị không có sự lựa chọn nào khác ngoài việc suy nghĩ chuyện của tôi một cách nghiêm túc." Tôi đẩy ghế ra sau, đứng thẳng dậy. Những chiếc chìa khóa tôi lấy từ chiếc tách trên giá của Selina Gane trĩu nặng trong túi tôi.

"Ngồi xuống đi," Laskey nói. Tôi nghe thấy sự chán nản kiệt sức trong giọng nói của chị ta. "Hôm nay là ngày nghỉ của Ian Grint, không phải của tôi. Tôi còn việc phải làm, trong tòa nhà này." Chị ta huơ tay quanh phòng, như thể tôi sẽ nghi ngờ ý chị ta là gì khi nói 'tòa nhà này'. "Tôi không thể rời nhiệm vụ trừ phi tôi bị thuyết phục rằng có sự cần thiết. Dù thích hay không, nếu cô muốn tôi theo cùng cô đi đâu, cô sẽ phải giải thích đầy đủ cho tôi ngay bây giờ."

Và rồi chị sẽ kết luận rằng tôi thậm chí còn điên rồ hơn những

gì chị vốn nghĩ.

Tôi ngã người lại ghế. Tôi có thể làm quen với việc này, nếu không có sự lựa chọn nào khác. Tôi quay đầu lại để khỏi phải nhìn chị ta, và bắt đầu nói, tưởng tượng rằng mình đang tường thuật cho một người nghe biết cảm thông hơn: Sam, hay Simon Waterhouse. Tôi đã nghĩ về chuyện liên hệ với họ thay vì Grint, nhưng họ có thể làm gì được? Họ đang ở rất xa, tại Spilling.

Tôi kể cho Laskey mọi thứ. Chị ta hẳn là đang thắc mắc sao lối kể chuyện của tôi lại quá chậm chạp và dờ hời. Tôi không thể cưỡng lại được – điều quan trọng nhất là kiểm tra từng câu chữ trước khi nó rời khỏi miệng tôi, tìm kiếm lỗi. Lý trí của tôi cần phải thuyết phục được chị ta, nếu không chị ta sẽ không chịu giúp tôi. Một giọng nói trong đầu tôi, thứ tôi đang cố lờ đi, thì thầm rằng sẽ không có hiệu quả đâu, dù tôi có cố đến mấy đi nữa, và tôi sau này sẽ ghét bản thân mình vì đã cố gắng một cách khó nhọc để gây ấn tượng với chị ta.

Khi tôi nói xong, chị ta nhìn tôi thật lâu mà không nói một lời nào.

“Chị sẽ đi cùng tôi chứ?” tôi nói.

Chị ta có vẻ như đang cố gắng ra quyết định về một điều gì đó. “Tôi sẽ nói cho cô biết mình định làm gì. Tôi sẽ nhờ người mang cho cô một tách trà và bánh kẹp, để cô có thể nghỉ ngơi một chút, và rồi tôi sẽ quay lại và...”

“Tôi không cần nghỉ,” tôi quát lên.

“Và rồi tôi sẽ quay trở lại, và tôi muốn cô kể cho tôi câu chuyện đó – tất cả mọi điều cô vừa kể cho tôi – lại một lần nữa.”

“Nhưng như thế chỉ phí thời gian! Tại sao chị lại đòi nghe thêm lần nữa? Lúc này chị không lắng nghe sao?”

“Tôi thực sự đã nghe rất cẩn thận. Tôi không nghĩ tôi từng nghe bất kỳ điều gì mà lại... lạ lùng thế. Cảnh sát chúng tôi không nghe nhiều câu chuyện kỳ lạ như vậy đâu – ít hơn cô tưởng nhiều. Thường thì những câu chuyện xoay quanh các tội ác chúng tôi phải xử lý rất nhàm chán.”

Tôi hiểu ý chị ta là gì. “Chị nghĩ tôi bịa ra toàn bộ câu chuyện,

phải không? Chị muốn nghe lại câu chuyện để kiểm tra xem tôi có vấp vấp và thay đổi một vài chi tiết không.”

“Cô có phản đối việc kể lại cho tôi lần nữa hay không?” Laskey hỏi.

Có chứ. Làm như vậy là phí phạm thời giờ. Tôi ép mình kiểm cơn tức giận xuống. “Không,” tôi nói, và rồi lại không kiểm được mà thêm vào. “Miễn là chị nhận thức được khiếm khuyết trong logic của chị.”

“Là gì vậy?”

“Nếu tôi kể với chị lần nữa và câu chuyện của tôi không thay đổi, chị không còn ở thế thượng phong nữa. Có thể tôi đang nói sự thật, hoặc tôi là kẻ dối trá với một trí nhớ xuất sắc.”

Chị ta mỉm cười. “Dù cô có là gì đi nữa, cô cũng cần ăn cái gì đó. Dạ dày cô đã sôi sùng sục trong suốt mười lăm phút rồi. Đợi tôi ở đây.”

Ra đến cửa, chị ta dừng rồi quay lại. “Tiện thể thì, ăn trộm chùm chìa khóa từ nhà người khác là một tội. Nếu cô có ý định thay đổi bất cứ phần nào trong câu chuyện, đó là phần tôi sẽ để tâm đầu tiên.” Vẫn mỉm cười, chị ta rời khỏi phòng.

Ý chị ta là gì? Có phải chị ta gợi ý tôi nên nói dối để tránh rắc rối hay không? Hay báo cho tôi biết rằng, sau bữa ăn chị ta ép tôi nhận, tôi sẽ bị bắt? Tôi đã không nghĩ ra là không được nói cho chị ta biết rằng tôi lấy chùm chìa khóa từ chiếc tách trong bếp của Selina Gane. Làm sao mà chị ta lại có thể quan tâm đến chuyện đó, sau những gì tôi đã kể ra?

Bởi vì chị ta không tin mày về chuyện người phụ nữ đã chết kia và sẽ không bao giờ tin. Chị ta có lẽ cũng không tin mày về chuyện ăn trộm chùm chìa khóa, nếu không thì đã bắt giữ mày rồi.

Tôi phải lấy chùm chìa khóa đó. Có đúng không? Sẽ ra sao nếu tôi sai, và chúng không thuộc về người bạn Mỹ của Selina Gane? Nếu như con số trên nhãn không có ý nghĩa như tôi nghĩ thì sao? Biết đâu là một con phố khác. Cái nhãn không ghi phố Bentley Grove, hay một cái tên nào cả, chỉ có số nhà.

Không. Mày không sai.

Khi nói chuyện về người bạn Mỹ của mình, Selina Gane nhìn thẳng vào chiếc tách đó. Chùm chìa khóa vào ngôi nhà người bạn – hẳn là thế. Và con số mà không kèm theo tên đường, nó phải mang là Bentley Grove – bạn chỉ ghi vắn tắt thế với chính con phố nhà mình mà thôi.

Và những ngôi nhà trên phố Bentley Grove gần như y hệt.

Những căn phòng khách cũng gần như y hệt...

Đột nhiên, ý nghĩ ở lại đây thêm một giây phút nữa, bị chiếu cố và đe dọa một cách kín đáo, làm tôi cảm thấy buồn nôn. Tôi không cần kiểu giúp đỡ này. Tôi có ý hay hơn, ý tưởng không liên quan đến việc cố lấy lòng Alison Laskey.

Tôi tóm lấy túi xách và chạy ra khỏi tòa nhà nhanh nhất có thể, rồi đi bộ cho tới khi tôi bắt gặp một buồng điện thoại. Nhấn nút, tôi tự hỏi liệu mình sẽ luôn ghi nhớ số điện thoại của Kit, dù cho mười hai hay hai mươi năm nữa.

Anh trả lời sau hồi chuông thứ hai. “Em đây,” tôi bảo anh.

“Connie.” Anh có vẻ vui vì được nghe giọng tôi. Giọng anh khàn khàn, nghẹn lại. Có phải anh vừa khóc không? Anh trước đây chẳng dễ rơi nước mắt đến thế. Có thể bây giờ anh thường xuyên làm thế hơn, khi đã quen rồi. “Em đang ở đâu?”

“Em đang ở đâu không liên quan gì ở đây cả. Chính là nơi em chuẩn bị tới trong hai mươi phút nữa mới là quan trọng. Em chuẩn bị tới số 11 Bentley Grove.”

“Em đang làm cái...?”

“Anh hiểu ý em là gì, phải không, Kit?” Tôi ngắt lời anh. “Số 11 Bentley Grove, không phải nhà của Selina Gane. Đó là nơi em chuẩn bị tới. Số 11 Bentley Grove của anh.”

Một khoảng im lặng từ phía Kit.

“Em có một chùm chìa khóa trong tay,” tôi bảo anh. “Em đang nhìn vào chúng đây.”

Tôi đặt ống nghe xuống, rời khỏi buồng điện thoại, hoảng sợ khi tôi cố nhớ xem mình đã để xe ở đâu. Đúng rồi: khu đỗ xe nhiều tầng bên cạnh bể bơi bằng kính cùng với máng trượt hình ống.

Tôi di chuyển nhanh hết mức có thể, biết rằng Kit, dù có ở chỗ nào đi nữa khi tôi vừa nói chuyện với anh, cũng đang trên đường tới ngôi nhà đó. Tôi không thể giải thích cho một người như Alison Laskey làm sao mà mình biết chuyện này, nhưng tôi biết. Khi bạn đã ở bên cạnh một người đủ lâu như tôi ở với Kit, bạn có thể dự đoán được rất nhiều thứ về hành vi của họ.

Tôi phải tới đó trước khi anh tới. Tôi cần phải vào được trong nhà và tự mình xem xét nó, dù nó có là gì đi nữa. Dù nó có tồi tệ đến đâu đi nữa.

Mình sẽ làm gì khi Kit xuất hiện? Giết anh ấy? Nói ‘Em đã bảo anh rồi mà’?

Dường như việc gì sắp xảy ra tiếp theo chẳng đáng để tâm. Tất cả những gì quan trọng chính là việc tôi đang làm – cố gắng tới được ngôi nhà, để tôi có thể tra chìa vào ổ và xoay nó. Xem nó có chính xác không. Đây là tất cả những gì tôi muốn từ việc này: cảm giác nhẹ nhõm vì cuối cùng cũng chứng minh được với bản thân, rằng tôi không điên rồ hay hoang tưởng. Tôi không thể nghĩ được gì hơn nữa.

Tất cả các đèn tín hiệu đều màu đỏ. Tôi lờ một vài cái đi và lái thẳng. Những cái còn lại thì tôi tuân thủ. Chẳng có hệ thống nào đứng sau điều chỉnh hành động của tôi cả, khả năng lái xe của tôi tệ hơn bao giờ hết, tất cả các quyết định của tôi đều ngẫu nhiên. Rất nhiều ý nghĩ rời rạc vụt qua trong tâm trí tôi: chiếc váy ôm màu xanh dương và hồng Kit mua tặng tôi, tấm thảm thêu Melrose Cottage của mẹ trên tường phòng ngủ của tôi ở nhà, nụ cười nửa miệng của Alison Laskey, bản vẽ mặt bằng số 11 Bentley Grove, giấy đăng ký kinh doanh của Nulli nằm trong khung ảnh đã vỡ nát, rào chắn bằng sắt, Pardoner Lane, Trung tâm Beth Dutton, chiếc cải bắp hồng mẹ tìm thấy trong chạn bát dưới gầm cầu thang, chùm chìa khóa với thẻ tên vàng trong túi tôi, những họa tiết lông vũ màu đỏ trên chiếc tách trong bếp của Selina Gane, bản đồ Cambridgeshire với chiếc gia huy bỏ trống của cô ta. Hội chứng Gia huy Bỏ trống, tôi nghĩ, và bật cười to.

Tôi đỗ xe bên ngoài ngôi nhà và nhìn vào đồng hồ trên màn hình hiển thị của xe ô tô. Chuyển đi từ chỗ đỗ xe nhiều tầng tới

đây mất mười phút. Cảm giác giống mười tiếng đồng hồ hơn.

Chiếc chìa khóa mở được vì tôi không mất thời gian suy nghĩ xem nó có dùng được hay không. Tất nhiên là có. Đó là phần mà tôi đã quên không nói với Alison Laskey: rằng tôi hoàn toàn chắc chắn mình đã đúng đến thế nào.

Tôi đẩy cửa trước ra và bước vào. Thứ mùi ở đây làm tôi phải bịt miệng: mùi chất thải của người. Và còn cái gì đó tệ hại hơn bên dưới nó, như một ẩn ý bên trong. Sự chết chóc. Tôi chưa từng nghĩ thấy nó trước đây, nhưng tôi nhận ra nó ngay lập tức.

Chuyện này là thật.

Một thứ gì đó bên trong tôi đang gào thét rằng tôi nên chạy trốn, thoát khỏi đây, càng xa càng tốt. Tôi đã nhìn thấy nhiều thứ cùng một lúc: chiếc nút màu trắng gắn ở trên đỉnh của trụ cầu thang, một chiếc điện thoại đặt trên bàn ở hành lang, bên cạnh cầu thang, rất nhiều những tờ giấy lấm tấm máu rơi bừa bãi trên sàn bên dưới cái bàn, một chiếc áo khoác bò màu hồng nằm ngay sau cửa trước. Tôi vươn tay nhặt lấy nó, sờ vào các túi. Một túi trống rỗng. Một túi khác có hai chìa khóa bên trong – một chiếc gắn vào móc khóa của Lancing Damisz, chiếc còn lại có một tấm thẻ bằng giấy, loại mà bạn có thể dùng để gắn vào quàng cáp. Trên chiếc thẻ, ai đó đã viết, “Selina, số 11”.

Đầu óc tôi quay cuồng khi tôi cố gắng hiểu được điều này. Rồi tôi nhận thấy chẳng có bí ẩn gì cả, nó đơn giản đến thảm hại: bạn cho ai đó chìa khóa dự phòng của bạn, họ cho bạn cái của họ. Nếu bạn bị nhốt ở ngoài, bạn được ứng cứu.

Hãy gọi cảnh sát đi. Cầm điện thoại lên và gọi 999.

Tập trung vào từng cử động của cơ thể, tôi đặt một bàn chân trước bàn chân kia và bắt đầu đi dọc hành lang, giữ cho mắt mình nhìn cố định vào điểm cuối. Mười hai bước nữa là tới cái điện thoại đó, không hơn. Tôi dừng lại khi bắt gặp một cánh cửa mở, nhận thức được điều gì đó trong tầm nhìn ngoại biên của mình, một thứ gì rất lớn và có màu đỏ. Đường như đầu tôi quá nặng nề để quay lại còn cổ thì cứng đơ. Chậm chậm, tôi kéo cả cơ thể mình lại để đối mặt với gian phòng khách.

Tôi đang nhìn vào biển máu của tôi. Của tôi và của Jackie Napier, tôi cho là mình nên nói thế, bởi tôi và cô ta là những người duy nhất từng nhìn thấy nó. Giờ nó thẫm hơn, khô lại, như màu nước khô. Ở chính giữa, có một người phụ nữ nằm sấp với đầu quay về một phía, khuất khỏi tầm mắt tôi. Tư thế đầu của cô ta không phải thứ duy nhất khác đi. Tóc cô ta gọn gàng hơn trong bức hình tôi thấy trên Roundthehouses. Gần như là quá gọn gàng, như thể ai đó đã chải nó trong khi cô ta nằm đó. Và cô ta đang không mặc chiếc váy ôm màu xanh lá và tím nhạt, cô ta đang mặc một chiếc áo không tay màu hồng, một chiếc váy với họa tiết trắng và hồng, giày cao gót có dây buộc màu hồng lên tận cổ chân. Chiếc áo khoác hồng ở hành lang hắc cũng là của cô ta. Nằm bên cạnh, như thể tuột khỏi vai trước khi cô ta ngã xuống, là một chiếc túi xách vải bạt in hoa sặc sỡ.

Không có chiếc nhẫn cưới nào trên tay trái của cô ta cả.

Nỗi kinh hoàng chạy khắp cơ thể tôi. Tôi không biết phải làm gì. Gọi cho cảnh sát? Kiểm tra xem cô ta có còn sống không?

Chạy ngay khỏi ngôi nhà.

Nhưng tôi không thể. Tôi không thể bỏ mặc cô ta ở đây được.

Tôi không biết mình đứng đó bao lâu – có thể nửa giây, mười giây, mười phút. Cuối cùng, tôi ép bản thân đi vào phòng. Nếu tôi đi quanh rìa vũng máu, về phía cửa sổ, tôi có thể nhìn được mặt cô ta. Nếu tôi đi quanh rìa. Bước đi. Quanh vũng máu. Chỉ khi lặp đi lặp lại những lời đó với bản thân, tôi mới có thể làm thế được.

Khi tôi nhận ra ai đang nằm đó, tôi phải dùng cả hai tay bịt miệng mình chặt đến mức phát đau. Cánh tay tôi run lên lấy bầy – toàn bộ cơ thể tôi đang run bần bật. Đó là Jackie, Jackie Napier. Cô ta đã chết. Mắt mở to, kinh hoàng. Có vết bầm tím quanh cổ. Bị bóp cổ. Ôi, Chúa ơi, làm ơn đừng để chuyện này diễn ra.

Gương mặt cô ta méo mó, nhất là khuôn miệng. Có thể nhìn thấy đầu lưỡi của cô ta giữa hai môi. Tôi nghe thấy chính mình nói không, lặp đi lặp lại.

Jackie Napier. Người duy nhất thấy cái mình thấy.

Tôi kéo lê mình về phía cô ta, gần hết mức tôi có thể chịu đựng nổi. Tôi cúi xuống, chạm vào chân cô ta. Vẫn còn ấm.

Rùng mình, tôi lùi lại khỏi phòng. Điện thoại. Gọi cho cảnh sát. Là thế đó. Đó là việc tôi sẽ làm tiếp theo: gọi cho cảnh sát. Tôi tập trung vào điểm đến của mình, bắt đầu đi dọc hành lang. Khi tới gần cái bàn để điện thoại, tôi nhìn thấy một thứ làm mình đông cứng lại: chữ viết tay của chồng tôi, ở một trong những tờ giấy dính máu trên sàn.

Tôi quỳ sụp xuống, không thể đứng vững nổi. Tôi không hiểu gì hết về thứ mình đang nhìn vào. Đó là một bài thơ được viết bởi ai đó tên là Tilly Gilpatrick, về một ngọn núi lửa. Có một bình luận bên dưới nó, khen ngợi bài thơ. Bên dưới lời khen, Kit đã viết rằng bài thơ thật kinh khủng, dù là do một đứa trẻ năm tuổi sáng tác, và thêm vào một bài thơ anh nghĩ là tốt hơn: ba đoạn thơ vắn. Tôi cố đọc chúng, nhưng không thể tập trung nổi.

Từng tờ một, tôi nhặt những mảnh giấy rải rác khác lên. Tất cả chúng đều lấm tấm máu. Có một danh sách mua hàng – ai đó tự gọi mình là ‘E’ yêu cầu ‘D’ mua, trong số các thứ đồ, a-ti-sô ngâm dầu, không phải a-ti-sô đóng hộp. Chữ ‘không’ được viết hoa. Còn gì đây nữa? Một giấy chứng nhận bảo hiểm xe ô tô. Tôi để ý thấy cái tên Gilpatrick một lần nữa những người lái xe được ghi tên là Elise và Donal Gilpatrick.

E và D.

Một lá thư cảm ơn Elise, Donal, Riordan và Tilly vì một kỳ nghỉ cuối tuần tuyệt vời, một lá thư trông có vẻ cũ kỹ với lời lẽ tức giận từ Elise tới một ai đó tên là Caroline, ghi ngày tháng vào năm 1993, một bài thơ của Riordan Gilpatrick về hạt dẻ ngựa, cùng một bản tin của trường Riordan, một bài miêu tả những chú mèo con viết bởi Tilly. Tôi đẩy tất cả các thứ đó sang một bên, và nhận ra mình đang nhìn chằm chằm vào một tờ ghi chú nhỏ từ Selina Gane tới Elise, ghi ngày 24 tháng 7. Hôm nay. Có phải cô ta viết nó chỉ ngay sau khi tôi vừa rời đi không? Không có máu trên tờ này. Khi đọc, tôi cảm nhận được cảm giác tê dại ở mắt mình. Tôi phải dừng đọc.

Những người này là ai, gia đình Gilpatrick? Họ có liên quan gì

đến Kit?

Bằng cách nào đó, tôi cũng cố mà đứng thẳng được trở lại. Tôi nhắc điện thoại lên, rồi để ý thấy một tờ giấy khác nữa bên cạnh điện thoại, trên bàn. Lại là chữ viết tay của Kit, nhưng lần này chỉ một câu, viết đi viết lại. Màu mực bị nhòe ở những chỗ có giọt nước rơi xuống giấy, như thế nó bị bỏ lại ngoài trời mưa.

Như thế người viết đang khóc khi anh ta viết nó.

Những từ ngữ trông rất quen. Có phải đó là một câu từ bài thơ Kit viết ở bên dưới bài thơ về núi lửa của Tilly? Tôi cúi xuống, tìm tờ giấy có liên quan. Nó đây rồi. Đúng rồi. Nhưng tại sao Kit lại chọn viết chỉ câu này mười ba lần liền? Như thế nghĩa là gì? Và ai đã viết bài thơ? Không phải Kit, anh không sáng tác thơ, dù anh thường trích dẫn chúng – luôn luôn là những câu có vần điệu, của những người đã chết được nhiều năm mà tôi chưa từng nghe nói tới.

Tôi nhắc điện thoại lên lần nữa, cố gắng áp nó lên tai, và nhận ra mình không thể cử động cánh tay. Có một bàn tay tóm lấy cổ tay tôi, kéo lại. Tôi đánh rơi chiếc điện thoại khi một ánh kim loại lóe lên trước mặt tôi, phản chiếu ánh mặt trời ủa vào từ cửa sổ hành lang. Một con dao. “Đừng giết em,” tôi nói máy móc.

“Em nói như thể anh muốn làm thế vậy. Anh không muốn.” Một giọng nói tôi từng yêu thương, giọng nói của chồng tôi. Mặt lưỡi dao ấn sát vào cổ tôi, đè lên khí quản tôi.

“Tại sao?” Tôi cố gắng thốt lên lời. “Tại sao anh định giết em?”

“Bởi vì em biết anh,” Kit nói.

TANG VẬT SỐ: CB 13345/432/26IG

24/07/2010

Chào Elise,

Tớ vừa nhận ra hàng tuần nay mình chưa gặp cậu, dù chỉ là lướt qua. Kể cả Donal và lũ trẻ. Và (với rủi ro trở thành một người hàng xóm lắm điều!) rèm cửa nhà cậu có vẻ như đã đóng được khá lâu rồi, cả trên gác lẫn dưới nhà. Mọi chuyện có ổn không vậy? Cậu có về Mỹ mùa hè này không? Tớ đoán là không, vì cậu đã không nhờ tớ tưới mấy cái cây hay đại loại thế (trừ phi cậu đã tìm được ai khác!).

Tớ cảm thấy thật tội lỗi vì đã bỏ lơ cậu quá lâu rồi – không phải biện hộ đâu nhưng công việc thật điên rồ và gần đây tớ đang có một khoảng thời gian khó khăn – tớ sẽ kể cho cậu ngay khi mình gặp nhau.

Dù sao đi chăng nữa, hãy cứ gọi cho chúng tớ (vào di động, chứ không phải điện thoại nhà) hoặc nhắn tin, và gặp nhau hàn huyên sớm nhé.

Yêu cậu,

Selina xxx

TANG VẬT SỐ: CB 13345/432/27IG

[illegible]

Thứ Bảy, ngày 24-07-2010

“Tôi cần anh giúp tôi đột nhập vào một ngôi nhà,” Simon nói, như thể đó là yêu cầu hợp lý nhất trên đời.

Charlie chút nữa là đánh rơi ba cốc bia cô đang cầm. Bằng cách nào đó cô vẫn có thể đặt chúng xuống bàn mà không làm rơi đến một giọt. Cô, Simon và Sam Kombothekra đang ngồi bên ngoài quán rượu Granta ở Cambridge, cạnh bờ sông. Charlie đang đợi Sam ở quán Brown Cow ở Spilling thì nhận được lời triệu tập của Simon qua tin nhắn. Cô phải bỏ lại đồ uống của mình và bảo với Sam là anh ta cũng sẽ chẳng có lý nước nào hết, cho tới khi đã ngồi xe được hai tiếng đồng hồ.

“Trên đường Bentley Grove,” Simon tích cực cung cấp thêm thông tin. “Không phải số 11 – ngôi nhà đối diện nhà của Hiệp sĩ Giáo sư Basil Lambert-Wall cơ.”

“Tại sao?” Sam hỏi. “Có gì trong đó?”

Simon uống một ngụm, cau mày. “Không biết nữa,” anh lầm bầm. “Có khi chẳng có gì.”

“Xem nào, em nghe được có một khoản tiền thưởng hậu hĩnh không thể cưỡng lại được ở đó,” Charlie châm biếm.

“Tôi sẽ nói cho anh những điều tôi biết,” Simon nói. “Như thế sẽ dễ dàng hơn. Sau khi rời nhà bố mẹ Kit Bowskill, tôi đã chạy quá tốc độ hết cả quãng đường tới số 18 Pardoner Lane. Chẳng có ai ở nhà, nên tôi thử số 17. Chủ nhân ngôi nhà vẫn vui vẻ tiếp đón tôi, giống như lần trước tôi xuất hiện mà không báo trước, và hôm nay tôi chấp nhận lời mời uống cà phê của họ. Tôi nhận ra họ chính là những người thích hợp để hỏi về số 18 – họ đã sống ở Pardoner Lane từ năm 2001, và họ là những người thích kể lể. Nhất là bà ấy.”

Nhìn thấy biểu cảm khó hiểu của Sam, Charlie giải thích, “Anh ấy muốn nói là họ là những người khéo léo giao tiếp, những người chủ động trò chuyện và thân thiện với mọi người.” Trái ngược hoàn toàn với Simon, người cúi gằm mặt khi anh vào và rời khỏi ngôi nhà, và không thể tưởng tượng được điều gì tồi tệ hơn việc quen biết tất cả hàng xóm hay phải nói chuyện phiếm với họ khi đụng mặt. Charlie đã cầu nhàu với anh về việc đó không biết bao nhiêu lần. ‘Anh vẫn nói chuyện phiếm với đồng nghiệp, bố mẹ mình và với em,’ cô nói, tự nhận thức được sự thiếu chính xác về mặt từ ngữ. Những gì Simon làm khó có thể coi là nói chuyện phiếm được. ‘Nếu anh nói chuyện với hàng xóm một lần, sẽ tạo ra tiền lệ,’ anh lý giải. ‘Mỗi khi anh bước ra khỏi cửa, anh sẽ phải dừng lại trên đường và chào hỏi lẫn nhau – anh không muốn làm thế. Khi anh ra khỏi nhà, đấy là bởi anh có việc phải đi đâu đó. Khi đang trên đường về nhà, anh muốn về đến nhà, thật nhanh.’

“Thế Bà Nói Nhiều kể gì cho anh?” Charlie hỏi.

“Khi bà ấy và chồng lần đầu tiên chuyển tới Pardoner Lane, số 18 thuộc sở hữu của những người của Trung tâm Beth Dutton – ngôi trường bên cạnh.”

Charlie lại tự hỏi tại sao Connie Bowskill lại nhầm địa chỉ được. Làm sao chị ta có thể nhớ chính xác từng chi tiết nhỏ ngoại trừ số nhà, nhất là khi Kit còn nói đùa về việc dùng địa chỉ làm tên cho ngôi nhà?

Số 17 Pardoner Lane, 17 Pardoner Lane, Cambridge.

Nhưng như thế là sai, chắc chắn. Đó phải là 18 Pardoner Lane, 18 Pardoner Lane, Cambridge.

“Bà hiệu trưởng sống ở số 18,” Simon nói. “Quãng đường bà ấy đi làm rất ngắn – chỉ ngay bên cạnh nhà. Rồi, vào năm 2003, ngôi trường gặp khó khăn về tài chính và họ bán số 18 để gây quỹ. Bà hiệu trưởng hiện đang sống ở trong một căn hộ thuê ở con phố bên cạnh.”

“Bà Nói Nhiều kể với anh thế?” Charlie hỏi.

“Bà ấy và bà hiệu trưởng cùng trong một câu lạc bộ sách. Anh

đã hỏi bà ấy có biết ngôi nhà được bán cho ai không. Bà biết: một gia đình tên là nhà Gilpatrick. Bà cũng biết trung tâm môi giới nào đã bán nó, cả vào năm 2003 và năm ngoái, khi nó được rao bán lần nữa, bởi vì bà ấy và chồng đã suýt nữa hỏi mua. Cả hai lần, ngôi nhà đều được bán thông qua Cửa Hàng Giao Dịch Bất Động Sản Cambridge. Các văn phòng của hãng bất động sản mở cửa vào các ngày thứ Bảy, nên họ là điểm gọi tiếp theo của anh.” Đôi mắt Simon đã chuyển sang ánh nhìn đờ đẫn, ám ảnh mà Charlie và Sam đã biết quá rõ. “Đoán xem ai làm việc cho Cửa Hàng Giao Dịch Bất Động Sản Cambridge năm 2003 nào? Và vào năm 2009 – cô ta chỉ vừa mới rời đi để tìm công việc mới vào tháng Hai năm nay.”

“Lorraine Turner?” Charlie nói.

“Không,” Sam nói. Thường thì giọng anh ta có phần ngập ngừng mỗi khi anh ta gợi ý điều gì đó, nhưng không phải bây giờ. “Là Jackie Napier, phải không?”

“Điều gì khiến anh nghĩ thế?” Simon hỏi. Charlie thở dài. Rõ ràng là cô đã sai, nếu như Simon yêu cầu Sam giải thích suy nghĩ của mình chứ không phải là cô.

“Tôi có linh cảm xấu về cô ta,” Sam nói. Anh quay sang với Charlie. “Đó là lý do vì sao tôi muốn nói chuyện với cô hôm nay.” Ít nhất anh ta cũng còn tỏ ra có chút ăn năn. “Xin lỗi, tôi đáng ra phải nói cho cô lúc trên xe.”

. . .

Suốt cả quãng đường từ Spilling tới Cambridge, Charlie đã cố thuyết phục anh ta nói cho cô biết chuyện gì quan trọng đến mức anh ta không thể chờ đợi được. Sam đã từ chối sự lôi kéo, khẳng định rằng anh đã hiểu nhầm ở đâu đó, rằng không có chuyện gì đâu, thật sự là như vậy. “Tôi cho là Simon biết chuyện gì đang xảy ra và anh ấy sẽ nói với chúng ta khi chúng ta tới đó. Nếu không liên quan gì đến Jackie Napier, thì linh cảm của tôi là

sai – tôi nghĩ là mình không muốn đi nói xấu cô ta. Tôi chẳng có chứng cứ cho bất kỳ điều gì cả.”

“Cùng nghe linh cảm nào,” Simon nói.

Sam trông có vẻ lo lắng. Anh thở dài. “Tôi không thích cô ta chút nào. Cô ta có vẻ... Điều này nghe sẽ có vẻ hợm hĩnh không thể tha thứ được.”

“Tôi tha thứ cho anh,” Charlie bảo anh. “Hãy cứ đi theo sự ngạo mạn ẩn bên trong mình đi, tôi đã làm thế, từ lâu lắm rồi.”

“Cô ta có vẻ ngu ngốc. Dốt nát, nhưng lại tưởng mình biết tuốt – đó là cách ứng xử của cô ta hầu như suốt buổi phỏng vấn. Loại người tự tưởng tượng ra rằng mình gây nên một ấn tượng thông minh xuất sắc, trong khi thật ra tất cả những người nghe cô ta nói đều nghĩ cô ta là một ả ngốc thiển cận. Cô ta thốt ra những câu tự đắc cổ điển: ‘Tôi sống trong thế giới thật, không phải vùng đất thần tiên’, ‘Chẳng ai trả tiền cho tôi để lo lắng về những kẻ giết người’ – kiểu như thế. Tự trích lại lời mình rất nhiều nữa: ‘Tôi luôn nói rằng’, đi kèm theo bằng những câu danh ngôn ngu ngốc hay đại loại thế.”

Charlie bật cười. “Chúa ơi, Sam, anh đúng là gã hợm hĩnh, đồ khốn kiếp!”

Mặt Sam đỏ lên. “Tôi không có thích thú gì chuyện này cả,” anh ta phân trần.

“Nói tiếp đi,” Simon nói.

“Cô ta có những ý kiến bất di bất dịch về bản thân, liên tục nói cho tôi biết cô ta là kiểu người gì. ‘Hai điều về tôi’, cô ta nói, rồi liệt kê chúng ra. Điều đầu tiên là sự trung thành – nếu cô ta đứng về phía anh, thì cô ta sẽ đứng về phía anh mãi mãi.”

“Nhật nhẽo,” Charlie nói. “Những người hay ba hoa khoác lác về lòng trung thành của mình luôn là những kẻ đầu tiên trở nên hần học nếu anh gửi cho họ thiệp sinh nhật muộn.”

“Cô ta nói với tôi là cô ta không phải ‘dạng người có các ý tưởng’,” Sam nói. “Có vẻ tự hào về điều đó nữa. Cô ta vừa quay lại từ kỳ nghỉ với chị gái ở New Zealand. Từ những gì mình nói, rõ ràng cô ta dành thời gian của mình ở đó để chỉ trích sự lựa chọn

cuộc đời của chị gái – hoàn toàn lạnh lùng. Nhưng rồi có những khi cô ta tỏ ra biết chính xác tôi đang nghĩ gì – nhạy cảm đến mức gần như là đọc được suy nghĩ. Cô ta không nhất quán.”

“Vài người như vậy mà,” Charlie cảm thấy có nghĩa vụ phải chỉ ra.

“Tôi biết,” Sam nói. “Đó là những gì tôi tự nói với bản thân. Nhưng rồi cô ta nói chuyện khác, về bức ảnh hộ chiếu của Selina Gane, một điều gì đó làm tôi cảm thấy... không đúng. Bản năng của tôi, thậm chí trước cả khi tôi có dịp để suy nghĩ về nó. Tôi biết mình vừa được nghe một điều rất mâu thuẫn ngay khi cô ta nói ra, nhưng tôi không nghĩ được nó là gì, cho đến rất lâu sau. Rồi đêm qua, tôi mới nghĩ ra. Cô ta đang nói chuyện về người phụ nữ đóng giả Selina Gane đã cố gắng đem rao bán số 11 Bentley Grove. ‘Cô ta thật thông minh,’ Jackie nói. ‘Cô ta biết tất cả những gì mình cần làm là nói về chuyện người ta trông không giống như trong ảnh hộ chiếu của họ. Nếu cô ta khiến tôi nghĩ về tất cả những người đó, cô ta sẽ không phải thuyết phục tôi nữa – tôi sẽ tự mình làm hết tất cả.’”

“Vậy thì sao?” Charlie hỏi. “Có vấn đề gì ở đây?”

Simon đang gật đầu, tức giận với cái tôi biết tuốt của mình. Anh không thể hiểu ra được Sam đang có ý gì. Có thể không?

“Có thể không có vấn đề gì.” Sam thở dài. “Đó là lý do tôi không nói gì về nó cả.”

“Vậy có hoặc không có vấn đề gì ở đây?” Charlie diễn dịch lại câu hỏi, đảo mắt vì sự nhún nhường khó chịu của anh ta. “Tôi không bắt anh phải cam đoan là có một vấn đề nào đó ở đây – chỉ cần nói với tôi đấy là gì thôi.”

“Cô nghĩ Jackie có ý gì khi nói rằng người phụ nữ đó biết là cô ta sẽ tự làm hết mọi thứ?” Sam hỏi.

“Cô ả biết rằng Jackie sẽ lập tức nghĩ đến những tấm ảnh hộ chiếu của bạn bè mà cô ta đã thấy là trông không hề giống như họ,” Simon nói. “Tất cả những lần cô ta bật hỏi, ‘Đó có thực sự là cậu không vậy?’”

Sam gật đầu lia lịa.

“Sức nặng của kinh nghiệm bản thân luôn đem lại cảm giác như một bằng chứng chắc chắn.” Simon hướng lời nhận xét về phía Charlie. Có phải anh nghĩ cô đang bị tụt lại đằng sau không? “Tiềm thức của Jackie gợi cho cô ta nhớ ra rằng trong tất cả những trường hợp mà cô ta, với tư cách cá nhân, đã bắt gặp, mà không có ngoại lệ nào, những tấm ảnh khó tin của mọi người, dù chúng trông có khác người thật thế nào đi nữa.”

“Chính xác là như vậy.” Sam có vẻ nhẹ nhõm. “Dù cô ả là ai, người phụ nữ này cũng không lừa dối Jackie nhiều bằng việc khiến Jackie tự lừa chính mình: nâng tầm bức hình hộ chiếu của Selina Gane lên thành vấn đề mà cô ả biết là thường xuyên xảy ra trong những tình huống thường gặp: rằng chẳng có ai trông giống y như ảnh hộ chiếu của họ, tuy nhiên điều đó không có nghĩa đó không phải là ảnh của họ. Nó chỉ có nghĩa là ảnh không được giống người lắm, thế thôi.”

Charlie nghĩ mình đã nắm bắt được. “Vậy anh đang muốn nói rằng người phụ nữ này cố tình khơi gợi một trong những nhận định đã ăn sâu vào tiềm thức Jackie...”

“Một trong những nhận định dựa trên kinh nghiệm cá nhân đã ăn sâu vào đầu óc cô ta,” Simon sửa lại. “Những nhận định như vậy luôn có sức ảnh hưởng hơn: tôi gặp một anh chàng đồng tính có giọng nói the thé, thế là tất cả những người đàn ông có tông giọng cao đều là đồng tính. Một nhóm các cô cậu thiếu niên người châu Á từng ăn trộm túi xách của tôi, vậy là tất cả thiếu niên châu Á tôi gặp từ giờ trở đi hẳn đều là tội phạm. Tâm trí chúng ta được đảm bảo bởi những hình mẫu lặp đi lặp lại: mỗi khi X là trường hợp đó, thì có nghĩa là Y cũng là trường hợp đó. Đó là ý của Jackie Napier: rằng người phụ nữ bí ẩn đang đào xới trong đầu óc cô ta, tìm ra rãnh nứt gây quen thuộc và đi sâu vào đó – không có tấm ảnh hộ chiếu nào giống với chủ nhân của nó, nhưng tất cả những tấm hộ chiếu đó, dù sao đi nữa, cũng thuộc về chủ nhân của chúng.”

“Vậy là Jackie đã đúng,” Charlie kết luận. “Người đàn bà đối trá đó rất thông minh.”

“Cô ả có thể thông minh hoặc không, nhưng đó không phải là

điều quan trọng.” Sam trông có vẻ lo lắng. “Chính sự thông minh của Jackie mới là điều tôi cảm thấy đáng lo. Khi cô ta nói với tôi, thoáng qua thôi, rằng người phụ nữ này biết cô ta sẽ tự mình hoàn thành công việc thuyết phục bản thân, cô ta nêu ra một luận điểm khá sâu sắc và tinh tế – một luận điểm chúng ta vừa phải mất đến vài phút để mổ xẻ, mà chúng ta là ba con người thông minh. Xin lỗi.” Sam đỏ mặt khi anh ta xin lỗi vì đã tự phong cho mình danh hiệu có lẽ anh ta không xứng đáng. “Cô ta thể hiện rằng mình hiểu và có thể đưa ra kết luận, một cách cô đọng, súc tích hơn chúng ta nhiều, chính xác lý do vì sao việc lừa dối lại thành công đến thế. Mức độ thấu hiểu bản năng của một thứ gì đó phức tạp đến vậy thường vượt quá tầm của rất nhiều người. Nó sẽ là quá tầm của một người – xin lỗi, cái này nghe sẽ kinh khủng lắm – có trí tuệ thấp kém, dưới mức trung bình mà cô ta luôn tỏ ra trong suốt khoảng thời gian còn lại.”

Simon nốc cạn nốt bia của mình, dẫn mạnh cốc xuống bàn. “Không nghi ngờ gì rằng Jackie Napier rất thông minh,” anh nói. “Cô ta còn là chuyên gia dối trá. Nếu anh thông minh, gần như anh không thể bộc lộ bản thân theo hướng ngược lại được – khó hơn nhiều so với việc một người xấu xa tỏ ra tốt đẹp. Không chỉ có thái độ mà anh biểu hiện ra phải khác biệt, mà nó còn liên quan đến phong cách nói, cấu trúc câu cú, từ vựng, mọi thứ. Nhưng cô ta đã gần như thành công. Nếu cô ta không nói ra điều vừa rồi, anh có thể đã bị thuyết phục rồi.”

Sam gật đầu.

“Anh đã được đặc cách,” Simon bảo anh ta. “Jackie hẳn là đánh giá anh rất cao. Với anh, cô ta đã cực kỳ nỗ lực để xây dựng lời nói dối to tát nhất cô ta từng hoặc có thể thốt ra. Cô ta nói với anh rằng mình không phải là dạng người có những ý tưởng. Sai rồi – đó chính xác là con người cô ta. Jackie là một người giàu trí tưởng tượng, nhưng không có lương tâm, không có lòng thương cảm, hầu như không sợ hãi, gần như không nhận thức được những hạn chế của bản thân.”

Charlie cảm thấy một cơn rùng mình chạy dọc cơ thể. Sự mô tả đó quá quen thuộc, những cái tên khác bật ra trong tâm trí.

Những cái tên của quỷ dữ.

“Jackie Napier là dạng người mà anh sẽ ước rằng cô ta không có chút ý tưởng nào.” Simon nói.

Thứ Bảy, ngày 24-07-2010

“Em không thở được,” tôi hỗn hển. Kit đang ấn quá mạnh con dao vào cổ tôi. “Anh đang làm em nghẹt thở.”

“Xin lỗi,” anh thì thầm. Anh vùi mặt mình vào tóc tôi. Tôi có thể cảm nhận được những giọt nước mắt của anh thấm ướt cổ tôi. Anh rút con dao lại, giữ nó trước mặt tôi. Nó run lẩy bẩy trong tay anh. Cánh tay còn lại của anh ôm lấy eo tôi, giữ tôi đứng yên một chỗ, ép chặt cánh tay tôi vào bên người. Không có cách nào tôi có thể thoát khỏi anh, tôi không đủ khỏe.

Lưỡi dao có răng cưa ánh bạc.

Những hình ảnh vụt qua tâm trí tôi: một ấm trà, bánh sô-cô-la, một chiếc bình rót sữa có nắp, chiếc đệm ôm màu xanh da trời và hồng.

Đó là con dao của chúng tôi, từ Melrose Cottage. Lần cuối cùng tôi thấy nó là trên khay gỗ, bên cạnh chiếc bánh sinh nhật của tôi.

Tại sao tôi lại không nghĩ đến việc Kit có thể đã ở đây sẵn rồi? Sao tôi lại có thể ngu ngốc đến thế? Những giọt lệ trào ra khỏi mi mắt tôi. Tôi chớp mắt, cố kiềm chúng lại. Cố suy nghĩ. Tôi không thể chết ngay bây giờ, không thể để Kit giết mình được. Không thể để sự liều lĩnh của bản thân biến tôi thành tiêu đề bản tin được. Người ta sẽ nghe câu chuyện đã xảy ra với tôi và nói: ‘Đó là sai lầm ngu dốt của cô ta.’

“Đừng sợ,” Kit nói. “Anh sẽ đi cùng em. Em thực sự nghĩ anh sẽ để em phải đi một mình ư?”

Đi. Anh đang nói về cái chết.

“Chúng ta sẽ đi cùng nhau, khi chúng ta đã sẵn sàng,” anh nói. “Chúng ta đang ở đúng chỗ, ít nhất là thế.”

Khi chúng ta đã sẵn sàng. Nghĩa là chưa. Anh chưa chuẩn bị, chưa sẵn sàng để giết chết cả hai chúng tôi – tôi bám lấy tia hy vọng này.

“Người phụ nữ đã chết em thấy trên tour ảo là ai?” Tôi tự thề với bản thân mình: tôi có thể không sống sót qua lần này, nhưng tôi sẽ không chết cho tới khi được biết. Tôi sẽ không chết trong sự thiếu hiểu biết.

“Jackie Napier,” Kit nói.

Không. Không phải thế. Jackie còn sống hôm thứ Ba. Cô ta đã bước vào căn phòng Kit và tôi ngồi. Nói với Grint: “Tôi không biết anh kiếm được cô ta từ đâu ra, nhưng anh có thể đưa cô ta về. Tôi chưa từng gặp cô ta trong đời.”

“Đó không phải là Jackie...” tôi bắt đầu nói.

“Chính là cô ta,” Kit nói. “Lúc đó, cô ta chưa chết, nhưng đó là cô ta.”

Lúc đó cô ta chưa chết, nhưng đó là cô ta. Lúc đó cô ta chưa chết, nhưng đó là cô ta. Nổi kinh hoàng chạy trên da thịt tôi, như những cái chân mảnh khảnh của một ngàn con nhện nhỏ xíu, khắp cơ thể tôi. Tôi không thể bắt mình hỏi xem vũng máu có thật hay không. Không cần hỏi. Tôi biết câu trả lời.

Tôi nghĩ đến việc mẹ từng hỏi rằng người phụ nữ đầu óc bình thường nào lại đi phá hỏng một chiếc váy xinh đẹp bằng cách nằm lên sơn đỏ. Đầu óc Jackie Napier hẳn là bất bình thường vô cùng.

“Lúc đó cô ta nằm trên vũng máu không thuộc về mình,” Kit nói.

Bây giờ vẫn vậy. Nếu bạn bóp cổ ai đó đến chết, họ sẽ không chảy máu. “Máu của ai?” Tôi thở dốc, dịch mật trào lên cuống họng. Tôi có thể ngửi thấy mùi mồ hôi của Kit, nỗi tuyệt vọng của anh – một thứ mùi thối rửa, nặng nề. Như thể cơ thể anh đã chấp nhận rằng nó sẽ sớm tàn úa và đang chuẩn bị sẵn sàng.

“Em không biết anh ghét cô ta đến mức nào đâu,” anh nói. “Và anh căm ghét mình vì đã ghét cô ta.”

Nhưng không phải vì đã giết cô ta. “Jackie ư?” Tôi hỏi.

“Cô ta có thể làm bất kỳ điều gì vì anh...” Phần còn lại của câu nói trôi tuột mất khi cơn nức nở ồn ã làm rung chuyển cả người anh.

Khi anh đã im lặng trở lại, tôi hỏi, “Tại sao anh lại giết cô ta?”

“Bởi vì anh phải làm thế.” Hơi thở của anh rối loạn. “Chẳng có hạnh phúc mãi mãi về sau cho anh và cô ta. Chẳng có hạnh phúc mãi mãi về sau gì cho anh và em, không thể, khi mọi thứ đã diễn ra theo hướng này. Chúng ta không còn lối thoát nữa. Chúng ta phải đứng cảm lên, Con. Em đã nói tất cả những gì em muốn là được biết, và anh muốn nói cho em biết. Anh đã phát ốm cái cảm giác cô đơn vì biết mà không thể nói với em.”

Nỗi kinh hoàng bóp nghẹt trái tim tôi. Tôi không muốn anh nói với tôi, chưa phải bây giờ, nếu giết chết tôi là thứ diễn ra sau đó.

Tôi nhìn chăm chăm vào con dao đang run bần bật. Kể cả khi tôi có thể tập trung vào nó đủ nhiều để khiến nó rơi khỏi tay anh, tôi vẫn không thể thoát ra được. Tôi cố bắt mình tin rằng hạ sĩ Laskey sẽ đến kịp lúc. Tôi đã cho chị ta địa chỉ, nói với chị ta ở đây có thi thể của một người phụ nữ. Chị ta có thể nghi ngờ câu chuyện của tôi, nhưng chị ta vẫn sẽ đến. Chị ta sẽ muốn kiểm tra.

Thi thể của một người phụ nữ. Không phải hai. Xin đừng là hai.

“Anh sẽ chăm sóc em, Con,” Kit nói. “Jackie nói cô ta sẽ để ý đến em, nhưng cô ta không muốn chăm sóc em. Cô ta nói ‘để ý’ theo nghĩa khác. Có điều gì không đúng với việc đó, em có nghĩ thế không? Rằng cùng một cụm từ có thể có hai nghĩa?”

Từ ngữ. Tôi nghe thấy chúng, nhưng chúng dường như chẳng có ý nghĩa gì. Chúng chẳng truyền tải một ý nghĩa gì. Anh đang nói gì vậy?

Tôi có thể ngửi thấy mùi của sự chết chóc. Mực nát, thối rữa. Sao có thể thế được? Kit giết Jackie Napier được bao lâu rồi? Mất bao lâu để một cái xác bắt đầu bốc mùi? Cô ta vẫn còn ấm...

“Cô ta nói gì về em?” Tôi hỏi.

“Cô ta sắp sửa giết em, Con ạ.” Kit ứa nước mắt xuống tóc tôi.

“Anh không thể ngăn cô ta lại, không thể nào nếu không... làm điều anh đã làm.” Anh hôn lên gáy tôi. Tôi ghì chặt miệng mình để kiềm chế tiếng hét đang vang vọng trong đầu tôi.

“Anh giết cô ta để cứu em,” Kit nói.

Thứ Bảy, ngày 24-07-2010

Charlie đã uống hết cốc của mình và cần thêm cốc nữa, nhưng cô biết rằng nếu mình đến quầy bar, cô sẽ bỏ lỡ quá nhiều thứ và phải cố gắng lắm mới bắt kịp được, đó là – Simon đã gọi nó là gì ấy nhỉ? – nhận định dựa trên kinh nghiệm cá nhân đã ăn sâu vào đầu óc của cô. Hai người kia có vẻ đã quên mất rằng còn có cơ thể đang khát cháy họng gắn liền với bộ não, Charlie cố gắng làm điều tương tự.

“Có nhớ ý kiến của em về giải pháp đơn giản, lúc ở Tây Ban Nha không?” Simon nói. “Khi có một điều bí ẩn, một câu đố chưa có lời giải, câu trả lời đơn giản nhất thường là câu trả lời đúng?”

“Anh đã không đồng tình với em,” Charlie nói. “Chúng tôi đã nhồi nhét được một vài cuộc tranh luận thú vị vào tuần trăng mật cấp tốc của mình,” cô bảo với Sam.

“Jackie Napier tin tưởng vào việc Ian Grint thuận theo suy nghĩ của anh, không phải của tôi,” Simon nói. “Như rất nhiều người giàu trí tưởng tượng khác, cô ta cho rằng hầu hết những người cô ta gặp đều có đầu óc thẳng thắn, khô cứng hơn cô ta, và cô ta đã đúng. Grint phát hiện ra có ai đó đã đột nhập vào mạng máy tính của Lancing Damisz – ai là người rõ ràng không bị tình nghi? Jackie Napier. Tại sao cô ta lại cần phải đột nhập vào khi bản thân làm việc ở đó và có thể truy cập vào hệ thống một cách danh chính ngôn thuận bất kỳ khi nào mình muốn? Nếu có một người phụ nữ có thể hoặc không thể bị giết tại số 11 Bentley Grove, ai là người rõ ràng không bị nghi ngờ? Lại là Jackie Napier – cô ta gây sự chú ý với cảnh sát, nói rằng mình đã nhìn thấy cái xác, bồi đắp thêm cho câu chuyện của Connie Bowskill, một câu

chuyện không ai lại phí phạm năm phút mà nghe nếu Jackie không xuất hiện – Connie sẽ bị gạt sang một bên với tư cách một kẻ tâm thần ảo tưởng. Nhờ có Jackie mà Grint bắt đầu tìm hiểu khả năng có một vụ giết người, thực hiện thủ tục pháp lý, tìm ra việc xâm nhập máy tính. Nhận định đơn giản? Rằng Jackie không thể chịu trách nhiệm cho bất kỳ việc gì trong đó. Khả năng là cô ta có thể đã nhúng tay vào việc gì đó không hề nảy ra trong đầu Grint hay bất kỳ ai – chẳng ai lại gây sự chú ý với cảnh sát về tội ác của chính mình, những tội ác mà nếu không làm thế đã có thể thoát được trót lọt.”

“Nhưng... cậu đang muốn nói là Jackie đã làm thế?” Sam hỏi.

“Tôi nghĩ thế đấy, phải,” Simon nói. “Tuy nhiên, tôi không chắc là tại sao.” Trông anh có vẻ tức giận. “Tôi có thể là một người nhiều ý tưởng, nhưng không đời nào tôi đạt đến trình độ của cô ta.”

“Anh đang nói như thể anh biết chắc sự thật là Jackie đúng là một kẻ dối trá,” Charlie nói.

“Anh biết. Nếu hôm nay em tới Lancing Damisz và Cửa Hàng Giao Dịch Bất Động Sản Cambridge cùng anh, em cũng sẽ biết.”

Charlie chẳng buồn chứng minh rằng anh không hề nói với cô là anh định đi đâu hay mời cô đi cùng.

“Đầu tiên, Jackie không hề tới New Zealand trong khoảng thời gian gần đây, và cô ta không có chị em,” Simon nói. “Phần về kỳ nghỉ thì đúng. Cô ta đưa bà mẹ tàn tật của mình tới một nhà nghỉ giá rẻ ở Weston-super-Mare. Cô ta làm vậy vào mùa hè hàng năm, có vẻ thế.”

Weston-super-Mare. New Zealand. Khoảng cách giữa lời nói dối và sự thật là đủ để bất kỳ ai cũng phải cảm thấy say máy bay.

“Jackie đã bán số 18 Pardoner Lane cho gia đình Gilpatrick vào năm 2003,” Simon nói. “Vào năm 2009, họ quyết định chuyển đi lần nữa. Jackie, lúc đó vẫn đang làm việc cho Cửa Hàng Bất Động Sản Cambridge, bán cho họ một ngôi nhà khác: căn đối diện với nhà của Hiệp sĩ Giáo sư Basil Lambert-Wall. Cô ta tự mua lại ngôi nhà của họ.”

“Gì cơ?” Charlie không chắc mình vừa nghe đúng.

“Jackie Napier đã mua số 18 Pardoner Lane, vào tháng Ba năm ngoái,” Simon nói. “Cô ta là người môi giới chịu trách nhiệm cho ngôi nhà, cô ta rao bán nó – rồi tự mình mua lại.”

“Vậy thì... tại sao lại phải mất công rao bán làm gì?” Sam hỏi.

“Cô ta có phải tự trả tiền hoa hồng cho chính mình không?” Charlie hỏi tiếp.

“Không biết được.” Simon nhìn đi chỗ khác, rất ghét việc mình không biết. “Nhưng đó là nơi cô ta đang sống bây giờ – trong ngôi nhà Kit Bowskill từng sống chết muốn mua vào năm 2003, ngôi nhà mà anh ta muốn đến độ cho phép bản thân vứt bỏ mặt nạ của mình và cầu xin người thân năm mươi ngàn bảng.”

Charlie quay sang nhìn Sam tìm sự giúp đỡ, và thấy sự bối rối của mình phản chiếu trên mặt anh ta.

“Vào tháng Hai năm nay, Jackie đổi chỗ làm – cô ta chuyển tới Lancing Damisz,” Simon nói. “Tôi đã nói chuyện với Hugh Jepps, một trong những đối tác cấp cao của Cửa Hàng Bất Động Sản Cambridge. Ông ta vẫn còn cảm thấy tội lỗi vì bức thư giới thiệu chói sáng mà mình viết cho cô ta, và rất muốn tôi nghe lời thú tội của ông ta. Bức thư giới thiệu mỹ miều như vậy chỉ bởi vì ông ta quá mong muốn được loại bỏ Jackie – đáng ra ông ta nên đuổi việc cô ta, nhưng lại sợ những việc mà cô ta từng phạm phải có thể bị vỡ lở. Jepps không chắc rằng công ty có thể chống đỡ lại điều tiếng xấu. Ông ta cũng không thể chứng minh bất kỳ điều gì chống lại cô ta, dù ông ta biết chính xác chuyện gì đang diễn ra.”

“Vẫn còn biết nhiều hơn em với Sam,” Charlie lầm bầm.

“Mỗi ngôi nhà Jackie bán, ngay sau khi xuất hiện một lời đề nghị mua, sẽ có thêm một đề nghị mua đối chọi lại – cao hơn một chút,” Simon nói. “Thường thì việc này sẽ dẫn đến một cuộc chiến trả giá, với mỗi bên đề nghị trả cao thêm hai ngàn bảng mỗi lần, đôi khi cao hơn năm hay mười ngàn bảng một lần, tùy thuộc vào việc bất động sản đó hấp dẫn đến mức nào.

Cuối cùng thì sẽ có ai đó bỏ cuộc. Cho tới giờ, việc đó rất bình thường, Jepps nói – chuyện luôn xảy ra với việc bán nhà – ngoại trừ việc, với những ngôi nhà Jackie Napier rao bán, luôn có một đầu thủ: Kit Bowskill. Bowskill là người chào giá thứ hai, luôn như vậy, và là người châm ngòi cuộc chiến trả giá. Buồn cười làm sao, anh ta chưa bao giờ thích thú với bất kỳ ngôi nhà nào khác đang được rao bán. Chỉ những ngôi nhà trong danh sách của Jackie mới khiến anh ta trả giá cao hơn và cao hơn nữa, cao hết mức có thể. Lần nào cũng vậy, sự hứng thú nhanh chóng trôi qua, Bowskill luôn là người bỏ cuộc, để lại người trả giá kia bị đội giá lên mười ngàn bảng hay thậm chí tệ hơn, đôi lúc, nhưng rất vui mừng hơn hở, nghĩ rằng anh ta hay cô ta đã chiến thắng.”

“Vậy là... cậu đang nói Kit Bowskill không bao giờ có ý định mua bất kỳ ngôi nhà nào?” Sam nói. “Anh ta muốn đẩy giá ảo. Tại sao?”

“Để Jackie Napier có được nhiều hoa hồng hơn,” Charlie nói chắc nịch. Ai đó nên nghĩ ra một từ mới, cô nghĩ, để miêu tả khoảnh khắc à-ra-thế đặc biệt này: khi đồng xu rơi xuống và bạn nhận ra hai con người chưa từng có liên hệ trước đây hóa ra đang qua lại với nhau. Napier và Kit Bowskill. Olivia Zailer và Chris Gibbs.

“Chuyện tương tự cũng xảy ra với Lancing Damisz, kể từ khi Jackie chuyển chỗ làm,” Simon nói. “Cô ta chưa ở đó đủ lâu để mọi người để ý thấy, nhưng khi tôi kể cho Lorraine Turner những gì Hugh Jepps đã nói, Lorraine bắt đầu lưu tâm đủ nhiều để đi lục lọi bàn làm việc của Jackie. Cô tìm thấy hai lá thư từ Jackie gửi cho Bowskill, xác nhận lời đề nghị mua của anh ta cho hai ngôi nhà khác nhau cô ta đang bán, giải thích rằng có khách mua tiềm năng khác quan tâm đến từng ngôi nhà và đã chào giá cao hơn mức anh ta có, và hỏi xem anh ta có muốn trả cao hơn ở thời điểm này không?”

“Như thế là phạm pháp,” Sam nói. “Thế là gian lận.”

“Phải, đúng là như vậy,” Simon đồng ý. “Một sự gian lận gần như không thể chứng minh được, chừng nào Kit vẫn còn dính

lấy câu chuyện của anh ta: kể từ năm 2003, anh ta đã tìm kiếm một nơi ở tại Cambridge. Anh ta đã đề nghị mua rất nhiều ngôi nhà, tham gia vào những cuộc chiến mạt cả – bắt đầu bằng số 18 Pardoner Lane, ngôi nhà duy nhất là thật – nhưng, cho đến giờ, anh ta luôn rút lại. Tại sao? Anh ta là một người theo chủ nghĩa hoàn hảo – điều đó quả thực đúng, nên nó chống đỡ cho sự dối trá khá hiệu quả. Không ai có thể xâm nhập vào tâm trí anh ta và chứng minh động cơ: rằng anh ta chưa bao giờ có bất kỳ ý định mua bất kỳ ngôi nhà nào trong số đó, tất cả đều là lừa đảo. Và nếu đồng nghiệp của Jackie có hỏi bất kỳ câu hỏi nào – như Hugh Jepps đã hỏi, nhiều lần – cô ta mưu mẹo nói, ‘Tôi nghiệp cái anh Bowskill – anh ta không thể gắn bó được với điều gì.’”

“Hugh Jepps, dù sao, cũng không tin cô ta.” Charlie nói.

“Tất nhiên ông ta không tin. Sự trùng hợp là Bowskill chỉ tìm đến những ngôi nhà Jackie rao bán không hề hợp lý. Jackie chẳng quan tâm – cô ta mặt trời trán bóng. Đó chẳng phải là lỗi của cô ta, chẳng liên quan gì đến cô ta, cô ta nói thế. Bowskill với cô ta là người xa lạ, và những sự trùng hợp vẫn xảy ra. Jepps đã suy nghĩ đến việc thuê một điều tra viên tư tìm hiểu cô ta, xem liệu có thể chứng minh được sự liên hệ giữa cô ta và Bowskill không. Cuối cùng ông ta quyết định chỉ muốn đẩy cô ta đi, đóng gói cô ta gửi sang công ty khác. Ông ta nói hành động tỏ vẻ ngây thơ vô tội khi bị cáo buộc vô lý của cô ta thuyết phục một cách đáng sợ.”

“Đó không phải là cách hành xử tôi đã thấy,” Sam nói. “Cô ta không ngây thơ với tôi, cô ta giống như kiểu... một người phụ nữ thông thái đang cảm thấy chán chường và bị ngược đãi, người nghĩ rằng mình biết một hay hai thứ.”

“Tôi nghi ngờ việc cô ta là kiểu người đó đấy,” Simon nói. “Người phụ nữ ở số 17 miêu tả cô ta là ‘một cô gái ấm áp, dễ thương’.”

“Vậy là nếu Jackie sống ở số 18 Pardoner Lane, thì Bà Nói Nhiều ở số 17 là hàng xóm của cô ta,” Charlie nói.

“Hàng xóm và bạn tốt,” Simon nói. “Ồ, bà ta đã biết Jackie

nhiều năm rồi, bà ta kể với tôi – rất lâu trước khi Jackie chuyển tới Pardoner Lane. Bà ta cũng thân thiết với Elise Gilpatrick, dù bà ta không gặp Elise được một thời gian rồi.” Anh nhấn mạnh điều này như thể anh nghĩ nó quan trọng. Charlie định hỏi xem anh đang có ý gì thì anh nói, “Jackie cũng là một người bạn thân của Elise – trước đây thường ăn tối ở nhà Gilpatrick suốt. Đó là nơi Người phụ nữ số 17 gặp cô ta. Đó là lý do bà ta không nghi ngờ gì khi gặp Jackie và bạn trai của cô ta đi vào nhà số 18 vào những buổi chiều ngày thường.”

Jackie Napier và Elise Gilpatrick, bạn thân. Charlie cau mày. Jackie đã bán số 18 Pardoner Lane cho Elise Gilpatrick vào năm 2003. Lúc đó có phải họ đã là bạn bè rồi không? Chắc là thế. Chẳng ai kết bạn với tay môi giới bất động sản bán nhà cho mình cả.

“Người phụ nữ ở số 17 cũng nhầm lẫn giống như Basil Lambert-Wall,” Simon nói. “Anh thấy một ai đó tự vào nhà bằng chìa khóa riêng và thế là anh cho rằng họ là chủ nhà. Những kẻ đột nhập không có chìa khóa: chúng đội tất chân lên đầu và cầm theo những bao bố dán nhãn ‘Của cướp được’ trên đôi tay đeo găng của chúng. Người phụ nữ số 17 thậm chí còn không hiểu ra được khi Elise Gilpatrick tâm sự với bà là cô ấy không thể rũ bỏ cảm giác vô lý rằng số 18 Pardoner Lane không phải của mình, theo một cách nào đó. Cô ấy nói bản thân cảm thấy như một kẻ xâm phạm hay chiếm đoạt, dù cô ấy và chồng mình đã đường đường chính chính mua ngôi nhà. Cô ấy có những cơn ác mộng về một gia đình khác xuất hiện và nói với cô rằng cô phải đi. Một hôm, cô ấy đã bật khóc và thừa nhận rằng mình lo là ngôi nhà đã bị ám, dù cô ấy biết không thể thế được và cô cũng không tin vào ma quỷ. Nhưng Người phụ nữ số 17 vẫn không nghĩ ra mối liên hệ.” Một sự khinh thị hòa lẫn với sự không tin nổi làm giọng nói của Simon sắt lại. “Kể cả khi kể chuyện cho tôi, bà ta vẫn làm như hai việc trên không hề liên quan: cảm giác của Elise Gilpatrick rằng số 18 không thật sự là nhà của cô ấy, và việc Jackie Napier cùng với bạn trai xuất hiện ở ngôi nhà đó vào ban ngày, khi không có thành viên nào của gia đình Gilpatrick ở

nhà. Tôi cho bà ta xem bức ảnh của Kit Bowskill mà Connie đưa cho tôi – bà ta xác nhận là đó chính là người mà bà ta nghĩ là bạn trai của Jackie.”

Trông Sam như thể mắt sắp rớt khỏi tròng.

“Số 18 Pardoner Lane không bị ám,” Simon nói. “Nó bị xâm phạm. Họ thật không may mắn, gia đình Gilpatrick. Ngôi nhà họ chuyển tới vào tháng Ba năm ngoái, đối diện với nhà của Basil Lambert-Wall – nó cũng bị xâm phạm nốt.”

“Anh chàng Ban ngày và Chị Ban ngày,” Charlie nói, nhớ lại thông tin ít ỏi Simon đã chia sẻ cho mình qua điện thoại, trong khi cô lái xe. “Đó cũng chính là họ – Kit Bowskill và Jackie Napier.”

Simon gật đầu, “Dù Jackie nói với ông giáo sư rằng tên cô ta là Connie, gọi tắt cho Catriona. Lúc đầu anh thắc mắc không biết Chị Ban ngày có phải là Connie không, nhưng chuyện đó là không thể. Vào ngày 29 tháng 6, khi Chị Ban ngày xin lỗi Basil Lambert-Wall vì sự thô lỗ của Anh Ban ngày, Connie Bowskill đang ở cửa hàng của bố mẹ cô ta ở Silsford suốt cả ngày – anh đã kiểm tra rồi.”

“Jackie đang đóng giả làm vợ anh ta,” Sam nói. “Tôi hiểu phần đó, nhưng không hiểu về gia đình Gilpatrick.” Anh ta ngẩng lên, nhìn vào Simon. “Tại sao Bowskill và Jackie lại muốn làm tình với nhau ở nhà của gia đình Gilpatrick – trong hai ngôi nhà của gia đình đó – khi họ không có nhà? Đó có phải là một dạng ám ảnh về tình dục không?”

“Simon.” Giọng Charlie nghẹn lại trong cổ họng giờ đang khát cháy. “Mẹ kiếp. Em nghĩ em vừa...”

“Sao? Sao cơ?” Simon luôn yêu cầu được biết mọi thứ trước khi cô có cơ hội để sắp xếp suy nghĩ của mình.

“Ngôi nhà đối diện nhà ông giáo sư – nó có số bao nhiêu nhỉ?” Simon nhăn nhó mặt mày, cố gắng nhớ lại.

“Nó là số 12, phải không?”

“Lạ thật. Ngay trước khi em nói thế, anh cũng đang nghĩ đến số ‘12’. Anh đoán là đúng số đó rồi. Anh nhớ loáng thoáng đã

thấy số trên cánh cửa.”

“Em nghĩ Alice đã hiểu lắm những gì Connie Bowskill nói với cô ta rồi,” Charlie nói, câu chữ vấp vấp khi cô cố phát ngôn thật nhanh. “Về câu đùa của Kit cho số 18 Pardoner Lane. Em nghĩ câu đùa của anh ta về việc gọi nó là số 17 Pardoner Lane trong khi địa chỉ là 18 Pardoner Lane. Không phải sự lặp đi lặp lại là thú buồn cười – 17 Pardoner Lane, 17 Pardoner Lane, Cambridge – chính là ý tưởng làm người đưa thư lúng túng bằng việc đặt tên cho ngôi nhà với một địa chỉ khác nằm trên cùng một con phố. Không chỉ chọc tức người đưa thư, mà còn quấy rầy cả những người sống ở số 17 nữa – Ông và Bà Nói Nhiều.” Ký ức về những lời nói của Alice đột nhiên tập trung lại sắc nét. “Chọc tức người khác là ý tưởng trong đầu Kit Bowskill khi anh ta đưa ra gợi ý ngớ ngẩn đó,” Charlie nói, giờ đây cảm thấy chắc chắn rằng cô đang bắt đầu nắm bắt được điều gì đó. “Anh ta hỏi Connie liệu chị ta có nghĩ nó sẽ làm phiền những người ở Trung tâm Beth Dutton hay không, rồi gọi ngôi nhà của họ là Trung tâm Death Button.”

“Số 17 Pardoner Lane, số 18 Pardoner Lane, Cambridge,” Sam nói chậm rãi.

“Em nói đúng,” Simon nói. “Đó là một câu đùa có hiệu quả. Thậm chí có thể còn tốt hơn được nữa.” Sự hài hước không phải phạm trù chuyên môn của anh, và anh biết thế. “Điều này cũng giải thích tại sao Connie nhớ nhầm địa chỉ, bao nhiêu năm sau – nếu lời nói đùa còn trong tâm trí, nếu số 17 Pardoner Lane trở thành biệt danh của chị ấy và Kit Bowskill cho ngôi nhà...” Simon lấy điện thoại ra khỏi túi, nhấn một vài nút và đẩy nó vào khoảng trống giữa Charlie và Sam để hai người cùng xem được. “‘Proust’ không phải là Proust trong điện thoại của anh – ông ta là ‘Người Tuyết’. Những biệt danh, tên thân mật – chúng sẽ gắn chặt trong tâm trí. Phải không, Stepford?”

Sam co rúm cả người lại thấy rõ vì cái biệt danh mà Colin Sellers và Chris Gibbs đã nghĩ ra cho anh khi họ gần như chẳng biết gì về anh cả và cảm thấy sự lịch thiệp không thể thay đổi của anh thật là phát nản lên được.

“Quên chuyện trêu Sam đi,” Charlie nói một cách sốt ruột. “Anh không thấy em đang nói gì ư? Kit Bowskill lại làm thế một lần nữa – anh ta lặp lại trò biệt danh của mình, anh ta có vẻ tự mãn làm sao về trò đùa ẩn nho nhỏ của mình. Anh ta chưa bao giờ có bất kỳ liên hệ gì với Selina Gane, hay với ngôi nhà của cô ta – anh ta không nghĩ ngợi gì đến ngôi nhà của cô ta khi đặt địa chỉ số 11 Bentley Grove vào định vị vệ tinh của mình.”

Mắt Simon mở to, đờ đẫn. Charlie có thể thấy là anh bắt đầu hiểu ra. “11 Bentley Grove chính là cái tên của anh ta đặt cho số 12 Bentley Grove,” cuối cùng anh cũng nói. “Cái tên riêng tư cho...”

“‘Tổ chim câu’ là từ anh đang tìm đấy,” Charlie châm chọc.

Simon cắn môi trong. “Nếu anh ta quan tâm đến ngôi nhà đó đủ nhiều để đặt cho nó một cái biệt danh... Không, như vậy không đúng. Nếu bây giờ anh ta đang bị ám ảnh với số 12 Bentley Grove, thì chỉ bởi gia đình Gilpatrick đã mua nó. Nó là một ngôi nhà kém hấp dẫn hơn rất nhiều lần so với số 18 Pardoner Lane, và Kit chưa sẵn sàng thỏa hiệp để chấp nhận thứ thẩm mỹ đó. Điều đó có nghĩa là chuyện không còn là về ngôi nhà nữa...” Simon nheo mắt. Anh gõ nhịp ngón tay lên bàn.

“Chúng ta mất dấu anh ấy rồi,” Charlie nói với Sam, người đang trông có vẻ lo lắng.

“Em không thể loại bỏ số 11 Bentley Grove vì nó không liên quan gì được,” anh nói với Charlie. “Đó là nơi Connie Bowskill nhìn thấy cái xác.”

“Tại sao họ lại mua rèm cửa mới?” Simon hỏi, làm Charlie và Sam giật mình vì âm lượng của anh. “Không ai lại mua rèm cửa cho một ngôi nhà người ta không sở hữu. Basil Lambert-Wall nói rằng rèm cửa chưa được lắp, nhưng hôm nay, khi tôi tới ngôi nhà đó và bấm chuông, tất cả rèm cửa đều đang buông xuống. Vào một ngày nắng đẹp như thế này, tại sao lại không cho nắng chiếu vào?”

“Hôm nay anh đã tới số 12 Bentley Grove?” Charlie hỏi.

“Anh đã hy vọng được nói chuyện với một người nào đó hoặc

cả gia đình nhà Gilpatrick,” Simon nói với cô. “Bảy năm trước, họ có thứ mà Kit Bowskill muốn. Anh muốn kiểm tra xem họ có sống sót được sau chiến thắng không. Không ai mở cửa cả.”

“Nên anh nghĩ là mình có thể tranh thủ sự giúp đỡ của bọn này để đột nhập vào,” Sam nói với một cơn rùng mình mà anh ta đã cố che giấu, nhưng không thành công.

“Người phụ nữ ở số 17 Pardoner Lane nói cho tôi biết Elise Gilpatrick làm việc ở đâu,” Simon nói. “Trường Thẩm phán Luật. Tôi không thể gọi được cho họ qua điện thoại – có lẽ họ nghỉ làm vào thứ Bảy. Nếu gọi được, tôi đã hỏi xem lần cuối cùng Elise xuất hiện để đi làm là lúc nào.”

“Anh có đang vội vàng nhảy vào một kết luận cực đoan không vậy?” Charlie nói.

“Người phụ nữ đã chết mà Connie Bowskill nhìn thấy trên Roundthehouses là ai mới được?” Sam hỏi cô. Charlie nhận thức được từ câu hỏi ấy rằng anh ta cũng đang chia sẻ sự lo lắng với Simon về tính mạng của Elise Gilpatrick.

“Anh có thể bọc một cái xác trong hai tấm rèm,” Simon nói giọng đều đều. Anh dường như đang nói chuyện với một điểm nào đó sau lưng Charlie. “Ông giáo sư nói rằng xe của Jackie Napier chở đầy rèm, được bọc trong giấy bóng kính – nhiều đến mức cô ta phải hạ ghế sau xuống. Quấn một xác chết bằng rèm cửa, bọc lại toàn bộ bằng giấy bóng kính, gắn lại thật chặt bằng băng keo để hàng xóm không ngửi thấy mùi gì...” Simon đang nhấn nút trên điện thoại. Cùng một nút, ba lần: số 9. “Chúng ta đã có đủ rồi,” anh nói. “Không cần phá cửa và đột nhập nữa.” Vài giây sau, Charlie và Sam nghe anh yêu cầu được kết nối với cảnh sát.

Thứ Bảy, ngày 24-07-2010

“Anh vẫn có thể cứu em mà,” tôi nói với Kit, bình tĩnh hết sức có thể. “Cứu em không có nghĩa là phải giết em. Anh hẳn là có thể hiểu điều đó mà.”

Anh đang đứng sau lưng tôi, mặt anh áp chặt vào sau đầu tôi. Khi anh lắc đầu, tôi có thể cảm nhận được. “Em không hiểu gì hết,” anh nói, những từ ngữ không rõ ràng, bị nghẹt trong mớ tóc của tôi. “Không gì hết.”

Con dao di chuyển xuống dưới cằm tôi. Tôi ngẩng mặt lên, cố gắng đẩy lùi cổ mình về phía sau.

“Nghe em này, Kit. Anh đã luôn nói với em rằng em rất thông minh. Anh nhớ không?” Đây là điều tôi phải làm: tôi phải nói chuyện. Không thể để hờ sự im lặng hay khoảng trống nào cho anh suy nghĩ. Khoảng trống cho anh hành động.

“Em không thông minh bằng Jackie,” anh nói phủ phàng.

Tôi muốn hét vào mặt anh rằng tôi thông minh hơn Jackie, rằng cô ta đang nằm chết ở đó trên vũng máu đã đông cứng lại của ai khác và tôi thì vẫn còn sống.

Tôi đủ thông minh để tìm ra chiếc chìa khóa gắn nhãn ‘Số 12’ trong một chiếc tách với họa tiết lông vũ đỏ, và nhớ được về số 17 Pardoner Lane, 18 Pardoner Lane. Số 11 Bentley Grove, 12 Bentley Grove.

Giá như tôi đủ thông minh để tránh xa ra – thỏa mãn với việc biết, thay vì cố tự mình chứng minh.

Làm sao mà Jackie Napier lại có thể muốn tôi chết đi? Cô ta đâu có biết tôi.

“Xin hãy nghe em,” tôi nói đều đều. “Không có lối thoát nào

cho chuyện này cả, anh nói đúng, nhưng có một cách để vượt qua. Nếu chúng ta đối mặt với những gì đã xảy ra, nhận lấy trách nhiệm...”

Kit bật cười. “Em có biết là chẳng có nhà tù nào ở Cambridge không? Hôm qua, anh đã tìm trên Google rồi. Có một cái ở March, một ở một chỗ gọi là Stradishall, gần Newmarket. Mã bưu điện là CB8 – nghe giống Cambridge, nhưng không phải.”

Tôi mở miệng ra, nhưng không nói được lời nào. Đó không phải là những gì tôi nghĩ anh sẽ nói. Anh đã tìm kiếm những nhà tù ở Cambridge. Trên mạng. Tại sao?

“Chúng ta đã là những kẻ ngu ngốc – chúng ta đáng ra không nên phung phí thời gian vào những ngôi làng,” anh lầm bầm. “Đáng ra chỉ nên gắn với thành phố thôi. Những chỗ bé tí quê mùa đó – Horningsea, Harston – chúng không phải Cambridge, không phải nơi văn minh. Đã đành phải ở nơi ao tù nước đọng tại Little Holling. Reach, Burwell, Chippenham – em có thể cũng phải ở Newmarket, một khi đã đi xa đến mức đó.”

Rằng tôi va vào nhau lập cập. Bên ngoài trời còn nóng không? Không thể nóng được, tôi đang lạnh cóng đây. Cơ thể Kit cũng lạnh lẽo nữa. Chúng tôi đang làm nhau lạnh cóng đến chết.

“Chúng ta đã phí phạm biết bao nhiêu thời gian,” anh buồn bã nói. Anh đang nói về năm 2003, cuộc tìm kiếm nhà của chúng tôi.

Bảy năm trước. Qua rồi, hết rồi. Chẳng còn quá khứ hay tương lai gì nữa, chẳng có ích gì khi nói về hai thứ đó. Chẳng còn gì ngoài hiện tại, và nỗi sợ hãi cái chết, và sự im lặng chồng chất xung quanh tôi, ngọt ngào, lan ra như máu.

Vũng máu đã biến mất khi Kit ngồi xuống xem.

Tôi thở nặng nhọc. Sự thật ập vào tôi, trước khi tôi có thời gian để mà nghi ngờ nó. Vũng máu không phải là thứ duy nhất đã biến mất.

Tôi cố gạt nỗi sợ sang một bên và suy nghĩ theo thứ tự, nhưng tôi không thể nghĩ được – tất cả những gì tôi có thể làm là nhìn xem thứ gì không còn xuất hiện trước mắt nữa, như một cuộn

phim chạy trong đầu tôi: Kit ngồi ở bàn tôi, nhìn chăm chăm vào chiếc máy tính. Tôi đứng sau lưng anh, sợ rằng mình sẽ nhìn thấy hình ảnh kinh hoàng một lần nữa, dù rằng anh nói nó không có đó, giấy đăng ký kinh doanh của Nulli nằm trên sàn trong chiếc khung vỡ nát...

“Em biết anh đã làm như thế nào,” tôi nói. “Tất cả mọi người cứ hỏi em là tại sao anh không nhìn thấy cái xác, khi mà anh xem cùng một tour như em, cái mà em đã khởi động. Em cứ cố giải thích thứ mà em nghĩ đã xảy ra.”

Kit khịt mũi nhẹ. Vì một lẽ gì đó, tôi có thể nhận ra là anh đang cười.

Tôi có thể cảm nhận được biểu cảm trên gương mặt anh mà không cần nhìn: như thế có nghĩa là tôi hiểu anh phải không?

“Đó là một giả thuyết hay,” anh nói. “Một tour ảo với một tham biến xuất hiện một lần mỗi một trăm hay một nghìn vòng lặp.”

“Em đã sai, phải không? Anh xem một tour khác. Khi anh đi vào trong phòng, em đứng ở ngoài.” Run rẩy ở thêm nghĩ. Kit ở phía bên kia của cánh cửa đóng kín, phàn nàn. Tuyệt. Anh đã luôn muốn được xem máy rửa bát nhà người lạ vào lúc nửa đêm.

“Anh đã đóng hết lại,” tôi nói. “Tour, internet, mọi thứ. Một cú nhấn chuột và mọi thứ biến mất. Ngoài màn hình, anh đã có tour khác sẵn sàng chạy – tour gốc.” Anh lấy được nó từ cô ta, từ Jackie. “Một cú nhấn chuột khác và nó bắt đầu phát. Rồi xuất hiện căn phòng khách, chẳng có cái xác nào trong đó.”

Kit không nói gì cả. Tôi không nghĩ anh còn cười nữa.

“Khi em quay lại phòng, không còn màn hình của Roundthehouses đằng sau hộp thoại tour ảo nữa, chỉ có màn hình máy tính. Trước khi em đánh thức anh dậy, lúc em đang xem tour một mình, màn hình phía đằng sau là cửa trang Roundthehouses. Địa chỉ có ở đó – số 11 Bentley Grove – và biểu tượng của Roundthehouses.”

Tại sao ký ức của tôi lại mất nhiều thời gian đến thế để xuất ra

chi tiết đó?

Bởi mày không thể nhìn thấy tất cả mọi thứ cùng một lúc được. Mày không thể nhìn thấy mặt chồng khi còn đang nhìn chăm chăm vào con dao trước mặt chính mình.

“Khi anh nổi cáu với em và quay lại giường ngủ, em ngồi đó và nhìn mông lung vài phút, chỉ nhìn thôi. Nhìn các phòng lần lượt xuất hiện một cách từ từ. Mỗi lần phòng khách quay trở lại, nó vẫn như cũ – không có cái xác nào cả. Rồi em tắt tour đi – tour của anh. Em quyết định bắt đầu lại từ đầu, phòng khi biết đâu làm như vậy lại tạo ra sự thay đổi gì. Em không hề thắc mắc tại sao lại phải kết nối lại mạng – em gần như không nhận thức được mình đang làm điều đó.”

“Em không đánh thức anh dậy,” Kit nói nhẹ.

Tất nhiên là không. “Không. Anh còn thức. Làm điệu bộ của một người đang ngủ rất thuyết phục.” Những hơi thở chậm và sâu ấy, sự yên tĩnh... *Cả hai người, anh và Jackie, nằm bất động, vờ vĩnh. Đối trá.*

“Anh biết là em tới Cambridge vào những ngày thứ Sáu, đi tìm anh, tìm bằng chứng về một cuộc đời khác của anh ở số 11 Bentley Grove. Anh hẳn là đã biết từ rất lâu trước khi em nói với anh.” Tôi cảm thấy mất phương hướng khi kéo câu chuyện, dần dần từng chút một, ra khỏi bóng tối. Tôi vẫn không thể hiểu được nó có nghĩa lý gì, vẫn không thể nhìn được toàn cảnh. Cảm giác như thể tôi đang chiếu ánh sáng vào từng mảnh một, cố gắng kết nối từng phần mới vào những gì tôi đã cố gắng thu nhặt được với nhau.

“Em không đi vào tất cả các ngày thứ Sáu,” Kit nói. “Anh luôn luôn biết được. Một vài tối thứ Năm em cực kỳ căng thẳng – em hỏi anh định đi London vào lúc mấy giờ buổi sáng, mấy giờ anh sẽ trở về nhà khi hết ngày. Em muốn biết em có bao nhiêu thời gian.”

Tôi nhắm mắt, nhớ lại việc đó đã khổ sở đến mức nào – giả vờ như mình có một lý do, che lấp cho lý do khác.

Không cần phải nhọc công với bất kỳ thứ gì nữa, không bao

giờ.

Không. Nói tiếp đi. Kể tiếp câu chuyện đi, trước khi cơ hội tuột mất. Kit đã dành rất nhiều thời gian và rất vất vả để cố gắng tách biệt thực tại của tôi với của anh. Tôi cần phải phá bỏ rào chắn. Chúng tôi sắp sửa chết ở đây, cùng nhau, tôi muốn chúng tôi lần đầu tiên, dù chỉ trong một khắc ngắn ngủi, sống trong cùng một thế giới.

“Jackie biết chính xác khi nào thì số 11 Bentley Grove được rao bán. Cô ta làm cho Lancing Damisz. Đã từng làm,” tôi tự sửa lời mình. “Cô ta đã biết hết mọi thông tin chi tiết. Cả hai người đều biết lúc nào em tới Cambridge hôm thứ Sáu đó, em sẽ thấy tấm biển ‘Bán nhà’ bên ngoài ngôi nhà lần đầu tiên và tuyệt vọng muốn được xem bên trong. Em đã gọi cho họ, anh biết đấy.”

“Ai cơ?” Kit kể con dao vào gần cổ tôi hơn.

“Lasting Damage.” Tôi nghe thấy một tiếng ồn, một tiếng cười điên loạn, và rồi nhận ra nó phát ra từ chính tôi. “Em muốn ai đó dẫn em đi xem nhà ngay lập tức. Người phụ nữ tiếp chuyện em nói rằng không có ai lúc đó cả, thông báo quá gấp. Có phải chính là Jackie nói với em lúc đó không?”

Kit chẳng nói gì cả, và tôi biết là mình đã đúng. Tôi run lên: cảm giác nhột nhạt lạnh lẽo nơi cổ.

“Anh biết em sẽ trở về nhà và đi thẳng tới điểm Internet để xem những bức ảnh. Đó là lý do...” tôi dừng lại, cảm nhận được sự hiện diện của một chương ngại mà không biết nó là gì. Rồi tôi hiểu ra. “Sao anh biết là em sẽ không đến một quán cà phê Internet? Em đã nghĩ về việc đó. Nếu như em biết được có một chỗ...”

“Bọn anh đã nhìn ra được là em chắc chắn sẽ làm thế,” Kit nói. *Bọn anh. Anh và Jackie.* “Không quan trọng. Bọn anh biết em sẽ xem lại ở nhà, ngay khi em có thể. Em đầy sự nghi ngờ và hoang tưởng lúc đó, một lần là không đủ cho em – em sẽ phải kiểm tra, phòng khi bỏ lỡ mất một điều gì.”

“Anh dính chặt lấy em như keo khi em về nhà, suốt cả buổi

tối, cho tới tận khi chúng ta đi ngủ. Em đã nhớ mình còn nghĩ rằng thật kỳ lạ là anh không làm bất kỳ điều gì anh thường làm: xem tiêu điểm thời sự trên Kênh 4, uống nhanh một cốc bia trước bữa tối. Tất cả những gì anh muốn làm là nói chuyện với em. Em đã không nghĩ ngờ – em đã hy vọng hảo huyền.” *Sau sáu tháng không tin tưởng anh, em vẫn yêu anh.* “Khi chúng ta đi ngủ, anh đọc những cuốn sách rất lâu – lâu hơn bình thường nhiều. Có phải anh đã thỏa thuận một khoảng thời gian với Jackie, từ trước?”

Qua làn tóc tôi, từ phía sau đầu, tôi cảm nhận được Kit gật đầu. Tôi chờ đợi anh nói một điều gì đó. Tất cả những gì tôi nghe được là hơi thở vỗ vụn.

“Anh cần nó xuất hiện lúc đêm khuya,” tôi nói thẳng thắn những gì mình nghĩ. “Anh cần cái xác và vũng máu xuất hiện và biến mất thật nhanh – em phải là người duy nhất nhìn thấy nó.” Tâm trí tôi vấp phải một thứ gì đó, nhưng tôi cố sức gạt nó sang bên. “Jackie đã xâm nhập vào trang web và đăng tour mới ngay trước một giờ. Anh cho cô ta chỉ dẫn từng bước một về cách làm việc đó. Cô ta còn chẳng phải đột nhập vào, ngoại trừ việc phải làm cho nó trông như thể người ngoài đã thực hiện việc đó. Lúc một giờ sáng, anh vờ như đã ngủ, biết chính xác em sẽ làm gì và chính xác em sẽ thấy gì.” Cảm giác căm giận bùng lên trong lòng tôi, phá vỡ nỗi sợ hãi. “Cảm giác thế nào, khi biết nhiều thứ đến thế, trong khi em chẳng biết gì hết?”

Con dao dịch về phía tôi, cửa vào da trên cổ tôi. Tôi cảm nhận một dòng chảy nhỏ bé – thanh mảnh, như một dòng nước mắt.

Anh chỉ làm được đến thế thôi sao?

Nếu anh muốn làm tôi im miệng, anh sẽ phải giết tôi. “Có phải anh đã nằm trên giường chờ đợi tiếng thét của em không?” Tôi không thể nhớ được, ngay lúc này đây, liệu mình lúc ấy có hét lên hay không. Tôi hy vọng là không, nếu đó là điều Kit chờ đợi. Tôi hy vọng mình đã làm anh thất vọng. “Anh biết em sẽ đánh thức anh ngay khi em nhìn thấy nó. Em không muốn ở một mình với... cái thứ đó, giữa đêm khuya, tất nhiên em sẽ đánh thức anh. Chắc đây là một lần đặt cược khá là an toàn của

anh rằng em sẽ không đời nào muốn lại gần máy tính sau đó, rằng em sẽ bắt anh tự vào đó mà xem, để em không phải nhìn thấy nó một lần nữa.”

“Anh biết em chỉ... rằng em chỉ vào phòng một khi anh đã nói với em rằng chẳng có gì ở đó hết,” Kit thì thầm. Anh nói từng câu chữ đầy vấp vấp, gồng mình lên với thứ chắc hẳn là như ngôn ngữ thứ hai với anh, không phải tiếng mẹ đẻ: ngôn ngữ của lý trí.

“Anh đi vào, tắt tour của em đi, bấm vào tour của anh trên màn hình máy tính và bắt đầu phát nó,” tôi nói, cảm thấy tê dại từ bên trong. “Anh gọi em, bảo rằng anh đang xem bức ảnh của căn phòng khách và chẳng có người chết nào ở đó cả.”

“Dừng lại đi,” Kit nói. Có một sự mỗi mệt lờ mờ trong giọng nói của anh. “Không có gì trong câu chuyện này là lỗi của anh,” anh nói. “Hay của em, hoặc của Jackie.”

Nếu tôi cố thoát ra, liệu tôi có cơ hội nào không? Không. Cánh tay của Kit vẫn đang giữ chặt tôi vào anh. Có thể là lúc sau, khi anh giữ nguyên tư thế lâu hơn và cơ bắp bắt đầu đau. Nếu tôi cố gắng và thất bại bây giờ, tôi có thể sẽ chẳng còn cơ hội nào nữa – Kit có lẽ sẽ quyết định đẩy nhanh mọi việc.

Anh đã ở đây với Jackie được bao lâu trước khi ra tay sát hại cô ta?

“Tại sao lại để sẵn tour gốc trong máy tính của em? Tại sao không phải chỉ nhắn tin cho Jackie và bảo cô ta đổi lại?” Tôi đang tự hỏi mình, không phải Kit. Tôi đang hỏi người mà tôi tin tưởng. Khi câu trả lời tự xuất hiện, tôi cảm thấy như mình vừa gian lận và đó chắc là câu trả lời sai rồi. Làm sao bây giờ tôi lại biết được, nếu trước đây tôi không nghĩ ra?

Tôi nghe thấy giọng nói của Alice trong đầu mình: Thường thì những gì chúng ta tìm kiếm lại tự tìm đến với chúng ta. Vấn đề chỉ là nó mất bao lâu để đến được với ta.

“Anh có nhắn tin cho Jackie,” tôi nói. “Anh đã nghe em hét lên, hay nghe thấy tiếng kính vỡ khi em làm cho khung giấy đăng ký kinh doanh của Nulli rơi khỏi tường – dù là cách nào,

anh cũng biết là em đã thấy thứ em cần phải thấy và nhấn tin ngay cho cô ta. Nhưng anh không thể mong đợi rằng cô ta có thể thay đổi tour lại như cũ đủ nhanh, đúng không? Và anh không thể mạo hiểm để em nhìn thấy cái xác người phụ nữ đó nhiều hơn một lần.”

“Dừng lại đi, Con.”

Tôi nhận ra sự van xin trong điều mình vừa nghe. Nhưng Kit đâu cần phải cầu xin. Anh mới là người nắm quyền lực, người giữ lưỡi dao. Tôi lờ anh đi. “Nhiều hơn một lần và sẽ không còn dễ dàng khiến mọi người tin rằng em đã tưởng tượng ra nó nữa: một ảo giác trong một thoáng chốc, biến mất chỉ trong chớp mắt. Đó là điều anh muốn tất cả mọi người đều nghĩ – cảnh sát, gia đình em, Alice. Anh muốn em cảm thấy rằng cả thế giới đang chống lại mình, rằng không ai tin tưởng em hết... nhưng...” Tôi ngừng lại, phát hiện ra một khiếm khuyết trong điều mình vừa nói. “Jackie. Cô ta tự ra mặt, cô ta nói cũng đã nhìn thấy nó. Ian Grint chỉ nhìn nhận câu chuyện của em một cách nghiêm túc vì cô ta.” *Như thế không hợp lý. Nếu Kit và Jackie muốn tôi không được ai tin tưởng...*

“Im đi!” Kit gào lên, tìm lại được sức mạnh của mình. Anh bắt đầu di chuyển, kéo lê tôi đi cùng. Tôi cố gào lên đủ to để làm anh dừng lại khi anh kéo tôi về phía cầu thang, nhưng cảm giác kinh hoàng đánh cắp mất âm thanh, và tất cả những gì còn lại là một tiếng rên rỉ kéo dài, trầm thấp. Có phải tôi đã nghĩ mình có thể giữ chân anh mãi được không? Rằng nếu tôi cứ tiếp tục nói, tôi có thể khiến anh đứng yên một chỗ? Tôi vươn tay ra, những ngón tay nắm lấy đỉnh của trụ cầu thang, chiếc nút tử thần màu trắng, nhưng Kit kéo tôi ra, lôi tôi xềnh xệch lên những bậc cầu thang, từng bậc một. Cánh tay và đôi chân tôi nhũn ra, rã rời, như một con búp bê hỏng.

Liệu anh có kế hoạch cho những gì sẽ xảy ra tiếp theo hay không, hay kế hoạch của anh đã cạn kiệt từ lâu lắm rồi? Liệu có phải anh định làm thế ở một trong những phòng tắm không? Một thứ dịch lỏng trào lên khắp cổ họng tôi. Tôi chẳng còn sức lực mà nuốt xuống nữa, tôi gần như không thở nổi.

Ở thêm nghĩ, mùi hôi nồng nặc hơn. Kit bắt đầu hoảng loạn. Tôi có thể cảm thấy điều đó, như có một dòng điện chạy khắp cơ thể anh, truyền sang người tôi. Anh ấy không muốn lên đây. Anh không thể giữ yên được nữa. Lưỡi dao cứ đung vào mặt tôi, mỗi lần như vậy, tôi lại quay phắt mặt đi. Kit lầm bầm lời xin lỗi, hết lần này tới lần khác. Xin lỗi, xin lỗi, xin lỗi. Tôi quá sợ hãi không thể cất nên lời, không thể nói cho anh biết rằng bao nhiêu lời xin lỗi cũng không bao giờ là đủ. “Không phải là lỗi của em, bất kỳ việc gì ở đây cũng không phải lỗi của em,” anh nói. “Anh sẽ cho em xem ai mới là người có lỗi.”

Anh đi về phía cánh cửa đóng duy nhất ở hành lang, tất cả những cánh cửa khác đều hơi mở.

“Không,” tôi cố nói. “Làm ơn, em không... không, đừng...” Là căn phòng này. Anh chuẩn bị giết tôi trong căn phòng này.

Dùng mũi dao, Kit ấn mạnh vào chỗ gần tay nắm và cánh cửa mở ra với một tiếng *cách*. Anh ghì chặt một cánh tay quanh eo tôi. Tôi cố tập trung vào việc hít thở thật nhẹ nhàng, không bị gò bó. Kit rú lên như một con thú bị đánh bầy khi anh cố ấn tôi qua ngưỡng cửa. Anh không muốn làm việc này. Anh căm ghét tất cả những điều mình đang làm. Mùi hôi thối của sự phân hủy trong căn phòng làm tôi muốn nôn. Tôi chẳng để ý thấy điều gì ngoài những tiếng vo ve, và chiếc giường đôi trước mặt tôi, và trên giường...

Không. Không. Không làm ơn đừng là mơ, đừng là mơ, đừng là mơ.

Bốn chiếc bọc nhựa, mỗi chiếc dài hơn một mét, với băng dính nâu quấn quanh và bọc kín hai đầu. Bốn chiếc kén bốc mùi hôi thối, với một đám mây những con ruồi đen xì vo ve bên trên – ba chiếc nằm sát cạnh nhau, và chiếc thứ tư, nhỏ nhất, nép mình vào khe hở ở chỗ cong vào của hai chiếc lớn nhất. Qua lớp giấy bóng trong suốt, tôi nhìn thấy lớp vải – hoa văn hình những bông hoa và lá, kiểu hoa văn Ba Tư sắc sảo...

“Bọn anh phải bọc họ lại như xác ướp,” Kit nói. “Để ngăn mùi bốc lên, ngăn những con ruồi bay vào – đó là những gì Jackie đã bảo. Em có thấy hiệu quả đến mức nào không? Đây là ý tưởng

ngăn ruồi bay vào của cô ta.”

Bây giờ đây. Đây chính là lúc tôi nên chạy, nhưng cơ thể tôi mềm nhũn và không còn chút sức lực nào. Kit cúi xuống, kéo tôi đi cùng. Có một cuộn băng dính nâu trên sàn, cạnh chân giường. “Nhặt nó lên,” anh nói, thả một cánh tay của tôi ra. “Tự dán miệng em vào, rồi quấn băng dính hai vòng quanh đầu, để miệng em hoàn toàn bị dán kín.” Con dao huơ huơ trong khoảng không trước mặt tôi. Thêm một inch nữa và nó sẽ cắt đôi nhãn cầu tôi ra.

Tôi cảm thấy có thứ gì chảy xuống chân mình. Tôi cố phủ nhận với bản thân, nhưng sự thật rõ ràng rành rành và chẳng thể nào trốn tránh được. Tôi đã tiểu ra quần. Tôi cố quay đi để không phải nhìn thấy nổi nhục nhã thấm ướt tẩm tẩm. Bất kỳ ai tìm thấy cái xác của tôi cũng sẽ biết tôi chết trong kinh hoàng và hổ thẹn.

“Nhặt băng dính lên,” Kit nói lại, như thể anh không hiểu được tại sao điều mà anh muốn xảy ra lại chưa xảy ra ngay lúc này. “Dán miệng em lại, rồi quấn hai vòng quanh đầu.”

Nhưng tôi không thể làm được gì cả, không một điều gì hết. Tôi không thể tuân theo cũng không thể cưỡng lại. “Cứ giết em đi,” tôi nói, nức nở. “Kết thúc chuyện này đi.”



Thứ Bảy, ngày 24-07-2010

“Rất nhiều sinh viên Cambridge ở lại sau khi họ học xong,” Charlie nói. “Tại sao Kit Bowskill lại không làm thế, nếu hẳn ta yêu nơi đó đến vậy?” Cô đang ngồi ở ghế sau xe của Simon, bỏ lại xe của cô ở bên ngoài quán rượu Granta. Đường rất đông xe, Sam đã gợi ý một lần rằng họ nên ra ngoài và đi bộ. Charlie bắt đầu nghĩ có lẽ anh ta nói cũng đúng. Chiếc xe đã phớt dưới cái nắng gay gắt suốt khoảng thời gian họ ở trong quán rượu, và cho tới giờ thì điều hòa không có hiệu quả mấy. Lưng áo của Charlie ướt đầm mồ hôi

“Em đang nhìn nhận sai cách rồi,” Simon nói. “Đừng nghĩ rằng Bowskill là một gã tầm thường, kiểu người lên kế hoạch đạt được một gì đấy, rồi tự vỗ vai chúc mừng cho một việc gì hẳn ta đã làm tốt. Hãy nghĩ rằng hẳn là một cỗ máy của sự thèm muốn, được lập trình để làm không một điều gì khác ngoại trừ việc thúc đẩy kỹ năng thèm muốn của nó. Hẳn dành cả cuộc đời mình để tập luyện. Hẳn có thể đòi hỏi lâu hơn, mãnh liệt hơn và sâu sắc hơn năm năm trước. Hẳn quá giỏi đòi hỏi, đến mức đạt được bao nhiêu cũng không bao giờ là đủ.”

“Vậy là hẳn né tránh những gì mình mong muốn để rồi có thể thực hiện nhiều điều hẳn muốn hơn?” Sam nói.

“Về cơ bản thì, phải,” Simon nói. “Mặc dù nếu khó tính hơn, tôi sẽ nói rằng chẳng có thứ gì gọi là ‘điều mà hẳn muốn’. Charlie nói đúng – nếu sống ở Cambridge là điều hẳn muốn, hẳn đã có thể ở lại đây sau khi lấy được bằng. Việc đó có thể sẽ buộc hẳn phải nhận lấy bất kỳ công việc chán ngắt nào, và sống ở một khu ổ chuột trong một khoảng thời gian, điều mà với Bowskill không thể là một sự lựa chọn. Sẽ là quá hạ cấp với hẳn, sau ba

năm sống với tư cách là một trong những tinh hoa của thành phố – nơi ở nằm trong những tòa nhà đại học cổ kính, học hành tại một trong những trường đại học tốt nhất thế giới. Nhưng cũng chẳng phải là hẳn đã hạnh phúc suốt những năm học đại học đâu. Hẳn chẳng bao giờ đủ thư giãn để tận hưởng một chút nào của quãng thời gian đó, khi biết rằng đây chỉ là tạm thời.”

Charlie lắc đầu. “Em vẫn không hiểu được làm thế nào mà nhận một công việc ở Rawndesley lại đưa hẳn gần hơn tới...”

“Anh hiểu đấy,” Simon cắt lời cô. “Anh có thể đoán được chiến lược của hẳn là gì: có được một công việc ở một công ty danh tiếng, công ty có cơ hội thăng tiến tốt và sở hữu nhiều chi nhánh trên khắp đất nước – đặc biệt là, công ty có chi nhánh ở Cambridge – và chờ đợi cơ hội để chuyển đi. Trong khi đó, hẳn có thể sống ở Rawndesley, nhưng lên một kế hoạch để quay trở lại nơi mình muốn. Và có thể bắt đầu leo lên từng bậc một trong công ty, để khi chuyển công tác tới Cambridge thì hẳn có thể đủ khả năng mua một ngôi nhà bình thường ở đó. Miễn là còn sống ở Rawndesley, rất dễ để chấp nhận rằng cuộc sống hiện tại là một sự thỏa hiệp – Rawndesley là một nơi có vẻ phù hợp để thỏa hiệp. Điều Bowskill không muốn làm là thỏa hiệp ở Cambridge – với hẳn, Cambridge là biểu tượng của sự hoàn mỹ, và hẳn chỉ muốn đến đó khi những điều kiện đã hoàn hảo. Nếu có khả năng hiếm hoi nào mà sự thỏa hiệp xảy ra, hẳn sẽ cảm thấy tồi tệ hơn lúc nào hết – một cú sốc lớn với hệ thống của hẳn. Cái ngày mà Kit Bowskill bị buộc phải thừa nhận rằng chẳng có chi tiết nào trong cuộc đời hẳn có thể được cải thiện – là một ngày nguy hiểm với hẳn. Kit sẽ phải nhận ra rằng vấn đề là từ bên trong – rằng hẳn mới là chi tiết cần phải thay đổi. Có lẽ đến mức mà hẳn rơi vào suy sụp.”

“Vậy là... trước khi nộp đơn xin việc ở Deloitte Rawndesley, hẳn đã xin việc ở Deloitte Cambridge?” Charlie hỏi.

“Phải – và tất cả các công ty khác hẳn cho rằng xứng đáng với mình,” Simon nói. “Hẳn có lẽ đã chấp nhận đổi mặt với mức lương của nhân viên mới và một căn hộ nhỏ xíu nếu hẳn có được công việc mình tự hào, và có thể nhìn được đường đi nước

bước rõ ràng để tới được đỉnh cao. Có lẽ chẳng có khởi đầu nào cả, hoặc có lẽ hẳn đã đi phông vắn và thua những người khác – dù là gì đi nữa, Deloitte Rawndesley là điều tốt nhất hẳn có thể đạt. Có thể hẳn đã đặt ra mục tiêu cho mình: chuyển tới chi nhánh Cambridge trong vòng hai năm, năm năm, sao cũng được.”

“Rõ ràng đã thất bại,” Charlie nói.

“Không. Em vẫn không hiểu được đầu óc của hẳn rồi. Một người như Bowskill không bao giờ thất bại cả. Hẳn luôn luôn có con đường để thực hiện kế hoạch bậc thầy của mình. Thành công và vinh quang luôn luôn ở rất gần.”

Charlie làm mặt xấu sau lưng Simon. Nếu như cô không hoàn toàn thông thạo mọi sắc thái của thứ tâm thần bất bình thường của Kit Bowskill, thì đó là bởi vì cô chưa bao giờ gặp hẳn. Simon chỉ mới gặp hẳn ta một lần, vậy mà anh có vẻ như đã thành chuyên gia về thương hiệu đặc biệt của sự bất mãn không bao giờ dập tắt được ở Bowskill. Charlie tự hỏi liệu chuyện này có phải là điều cô nên lo lắng hay không.

“Dù kế hoạch chuyển-tới-Cambridge của Bowskill có là gì đi nữa, hẳn đã thay đổi nó khi gặp Connie,” Simon nói. “Ngay từ giây phút đầu tiên gặp cô ấy, chuyển tới Cambridge mà không có cô ấy sẽ có cảm giác như một thất bại kinh khủng.”

“Anh đang nói là hẳn ta đem lòng yêu chị ấy sao?” Charlie lấy làm thích thú khi cố bắt Simon nói ra chữ ‘yêu’.

Anh tránh né một cách điệu nghệ. “Anh nghi ngờ việc hẳn có khả năng cảm nhận cảm xúc bình thường,” anh nói. “Tất cả mọi điều hẳn ta cảm thấy đều được đưa vào khuôn khổ của một mong muốn. Hẳn đã quyết rằng mình muốn có Connie cũng nhiều như muốn Cambridge, nhưng cô ấy lại gắn bó quá mạnh mẽ với cội rễ Silsford – cô ấy là một thành viên gia đình Monk trước khi kết hôn với Bowskill. Gia đình cô ấy đã sống ở Little Holling nhiều thế hệ rồi. Sẽ không mất quá lâu để Bowskill nhận ra rằng bẫy Connie ra khỏi Culver Valley sẽ khó khăn lắm. Connie đã tự mình nói với anh: tập quán đặc trưng rằng không một ai rời đi hết đã được dựng nên thành cốt lõi của gia đình cô

ấy. Dẫu sao thì, cũng đã có một tia sáng hy vọng le lói cho Bowskill – hẳn nhanh chóng nhận ra rằng bố mẹ Connie làm cô ấy phát điên. Cô ấy tuyệt vọng muốn được trốn thoát khỏi họ. Một cách rất khôn ngoan, hẳn không tạo bất cứ áp lực nào lên cô ấy hay cố thuyết phục cô ấy. Hẳn động viên cô ấy dành thời gian với gia đình, nói với cô ấy rằng một gia đình gắn bó với nhau là một điều tuyệt vời đến thế nào – hẳn luôn luôn nói thế, Connie kể với anh như vậy. Hẳn tin tưởng vào việc cô ấy sẽ chán ghét gia đình Monk đến mức tự gợi ý việc chuyển đi. Hẳn có lẽ đã phải chờ đợi lâu hơn hẳn hy vọng lúc đầu, nhưng cuối cùng thì việc cũng đến – một đêm họ đi ăn tối bên ngoài và Connie than với hẳn rằng Culver Valley nhằm chán đến thế nào. Bowskill không phí phạm chút thời gian nào mà nói với cô ấy rằng hẳn đã nhận được lời mời làm việc từ Deloitte Cambridge, một sự thăng chức...”

“Quá mức trùng hợp,” Charlie xen vào.

“Không phải trùng hợp – một lời nói dối,” Simon nói. “Nếu anh gọi cho Deloitte Cambridge vào hôm thứ Hai và hỏi, anh biết họ sẽ nói gì: họ không hề mời mọc gì Bowskill hết. Hẳn tìm đến họ, nhanh nhất có thể sau khi phát hiện ra Connie muốn chuyển đi. Không nhất thiết phải là thăng chức – bất kỳ công việc gì cũng được, dù anh cho rằng đó có thể coi là một sự thăng tiến với hẳn. Anh chắc chắn rằng Bowskill khi ấy đã dành nhiều năm, cố gắng chắc chắn rằng hẳn đã gây ấn tượng với tất cả những người có liên quan. Deloitte hẳn là đã đồng ý với sự thay đổi đó, bởi Bowskill và Connie đã bắt đầu đi tìm nhà ở Cambridge. Họ đã tìm ra ngôi nhà hoàn mỹ.”

“Số 18 Pardoner Lane,” Sam nói.

“Tất cả những sự ‘hoàn hảo’ dường như đang nối tiếp nhau diễn ra,” Simon tiếp tục. “Thành phố hoàn hảo, người phụ nữ hoàn hảo, công việc hoàn hảo. Một người như Bowskill sẽ hạnh phúc nhất khi hẳn sát gần với việc hình dung được ước mơ – trước khi nó trở thành sự thật, và hẳn thức dậy ngày hôm sau nhận ra mình vẫn là thằng thất bại đau buồn như trước kia. Mẹ kiếp, cái đám xe cộ này có định di chuyển không đây?” Simon

đấm vào cửa sổ xe một cách bực tức. “Anh thậm chí còn không leo lên vỉa hè được, không làm thế được nếu không tông chết năm chục khách du lịch. Em biết Cambridge rõ hơn anh, Char – chúng ta có nên ra khỏi xe và chạy không? Chúng ta còn cách Bentley Grove bao xa nữa, nếu đi bộ?”

“Đây là phần tệ nhất rồi,” Charlie bảo anh. “Cứ ngồi yên đây đi. Một khi đến được bùng binh ở trước mặt, chúng ta sẽ ổn thôi.”

“Hắn là một cú đau đینگ, khi hắn ta không có được số 18 Pardon Lane,” Sam nói.

“Hắn đáng ra có thể có được nó, nếu như bớt ngạo mạn đi,” Simon bảo anh ta. “Có một người khác nữa cũng quan tâm, nhưng khi Hugh Jepps báo tin cho Bowskill, Bowskill cáo buộc ông ta đã nói dối, và bảo rằng hắn ta không tin rằng có tồn tại người mua nào khác, rằng đó chỉ là thủ đoạn để đẩy giá lên. Hắn ta bỏ đi – bảo Jepps hãy liên lạc lại với hắn ngay khi người mua kia mất hứng thú. Anh có thể thấy cái ý tưởng trò lừa đảo cuộc chiến trả giá giả của hắn và Jackie lấy ý tưởng từ đâu.” Chiếc xe chệch mạnh sang bên trái, bánh xe cà lên lề đường.

“Simon, đừng mà,” Charlie rên rỉ. “Vỉa hè không phải là một lựa chọn đâu – bỏ đi.”

“Khi Bowskill phát hiện ra rằng chuyện có người mua khác là thật, thì thỏa thuận đã thực hiện xong rồi,” Simon nói. “Những người ở Beth Dutton đã bán nó cho gia đình Gilpatrick. Bowskill hắn đã trải qua một khoảng thời gian khó khăn để chấp nhận được điều đó. Đó là khi Jackie Napier xuất hiện. Hugh Jepps nói với Bowskill ngôi nhà đã được bán, chẳng làm gì được nữa, nhưng Bowskill đánh hơi được là Jackie đồng cảm với động cơ của hắn hơn.”

“Nếu cô ta muốn ngủ với hắn ta như điên, cô ta sẽ phải tỏ vẻ thế,” Charlie góp lời một cách vui vẻ.

“Đúng thế,” giọng nói nghiêm nghị của Simon cắt đứt sự bông đùa của cô. “Cô ta đã gọi cho những người bán và xin họ suy nghĩ lại – có lẽ đã kể với họ Bowskill đã khao khát đến mức

nào, rằng hẳn ta sẵn sàng trả cao hơn mức giá họ đã thỏa thuận với gia đình Gilpatrick. Những người ở Beth Dutton rất phân vân – họ phản đối việc phá hoại nguyên tắc của mình, nhưng họ cũng nhận thấy một cơ hội nắm trong tay nhiều tiền hơn. Họ nói với Jackie rằng nếu Bowskill có thể trả cao hơn giá mà gia đình Gilpatrick dự định mua năm mươi ngàn bảng, hẳn có thể sở hữu ngôi nhà.”

“Họ nguyên tắc đến mức mà giá tiền cho sự phản bội của họ cũng cao hơn nhiều đến thế,” Charlie lầm bầm đầy khinh miệt.

“Chúng ta đều biết chuyện gì xảy ra tiếp theo,” Simon nói. “Gia đình của Bowskill không chịu chi tiền ra và hẳn ta từ mặt họ. Trong khi đó, Connie lặng lẽ sụp đổ. Dù khao khát được chuyển đi, cô ấy cũng rất hoảng sợ. Bowskill không thể nói cho cô ấy biết sự thật về số 18 Pardoner Lane và thừa nhận rằng mình đã thất bại, vậy nên hẳn viết lại câu chuyện. Trong một phiên bản nhưng sự việc giả tưởng của mình, hẳn khẳng định lại quyền lực của bản thân – thay vì là kẻ đáng thương hại trong tình thế ấy, hẳn là người nắm sự kiểm soát. Hẳn vờ như mình đã đổi ý vì lo cho sức khỏe của Connie, và cố làm cô ấy hào hứng với kế hoạch mới của mình: việc kinh doanh riêng của họ, một ngôi nhà xinh đẹp ở Culver Valley – một giấc mơ mới, giả tạo.”

“Dẫu sao thì, nó đã thành sự thật,” Sam chỉ ra. “Tôi đã thấy nhà của họ ở Little Holling rồi. Trông nó khá là tuyệt – một ngôi nhà kiểu thôn quê bình dị thanh cảnh điển hình. Và họ thực sự đã gây dựng công việc kinh doanh – một cái gì đấy có liên quan đến dữ liệu và cơ sở dữ liệu. Tên nó là Nulli Secundus. Tôi có cảm nhận rằng đó là một sự nghiệp thành công.”

“Ồ, phải, Bowskill đã khiến tất cả mọi thứ xảy ra,” Simon nói. “Nhưng đó không bao giờ là mơ ước của hẳn cả – chỉ là một bước trên con đường tới với mục tiêu đích thực.”

“Anh làm sao biết được,” Charlie nói bức bối. Cơn nóng đang làm cô khó chịu. Cô muốn mở một cửa sổ, nhưng nếu làm thế, Simon sẽ lại yêu cầu cô đóng cửa lại vì cái điều hòa quá-yếu-chẳng-cảm-thấy-gì-khác. “Biết đâu giấc mơ mới lại là thật.”

“Em sẽ không nói thế đâu nếu em thấy căn phòng ngủ ở nhà

bố mẹ hắn,” Simon bảo cô. “Chừng nào Kit vẫn còn sống và hơi thở vẫn còn, không đời nào Kit Bowskill chịu an cư ở một nơi nào khác mà không phải Cambridge.”

“Nhưng hắn đã ổn định rồi đấy thôi,” Charlie cãi lại. “Nếu không thì hắn đã đổi ý rồi: hắn đã từng khăng khăng gắn với Cambridge, nhưng rồi suy nghĩ lại và...”

“Em không thấy cái mà anh thấy,” Simon ngắt lời cô. “Đó không phải là căn phòng ngủ của một kẻ trù tính việc suy nghĩ lại – hãy nhớ lấy lời anh. Ngôi nhà nhỏ ở Little Holling chỉ là bàn đạp. Bắt đầu một sự nghiệp kinh doanh riêng là một bước đi hay: nếu em tự làm việc cho chính mình, em có thể chuyển địa điểm khi thích hợp – em không bị phụ thuộc vào việc Deloitte hay bất kỳ công ty nào khác mở chi nhánh vào đúng lúc.”

“Nhưng... Connie nói với tôi là hắn ta bị ám ảnh với ngôi nhà Little Holling mà,” Sam nói. “Chị ấy nói là hắn đã thuê một họa sĩ để vẽ tranh ngôi nhà.”

“Chuẩn,” Charlie nói. Chẳng cần phải nói gì thêm khi chỉ một từ thôi đã đúc kết được tất cả rồi.

“Những kẻ bị ám ảnh vẫn sẽ ám ảnh, nhưng họ đôi khi thay đổi mục tiêu của sự ám ảnh, phải không?” Sam hỏi.

“Không phải Bowskill,” Simon nói giận dữ. Anh rất ghét khi những câu hỏi khó chịu của người khác ngáng đường sự hiểu biết chắc chắn của anh. “Thay đổi quan điểm về việc đâu mới là nơi tuyệt vời nhất để sống chẳng khác gì một sự thất bại với một người có đầu óc như hắn – như thế sẽ có nghĩa là hắn sẽ phải thừa nhận rằng mình đã sai trong biết bao nhiêu năm qua. Hắn là kiểu người cảm nhận cảm giác nhục nhã một cách quá dữ dội và dễ dàng. Cứ thử tưởng tượng cảnh hắn lôi tất cả những tấm ảnh ra khỏi những bức tường trong căn phòng ngủ ở Bracknell của hắn, nghĩ đến thằng ngu nào đã dán nó lên lúc đầu.”

Sam và Charlie nhìn nhau. Chẳng có ai muốn nói rằng không có điều gì ở đây là có thể biết chắc chắn hết.

“Trong khi hắn và Connie đang tìm nhà ở Little Holling và bắt đầu việc kinh doanh, Bowskill vẫn còn day dứt vì sai lầm của

mình,” Simon nói. “Sai lầm đầu tiên: từ bỏ số 18 Pardoner Lane và mong chờ nó sẽ quay lại với mình. Không tin vào gia đình Gilpatrick. Thứ hai: để cho Connie nhìn thấy sự hào hứng muốn được chuyển đi của hần, ngay khi cô ấy gợi ý điều đó. Sự kiên định và quyết tâm của hần làm cô ấy cảm thấy sợ – cô ấy rơi vào vai trò người hoảng loạn và phải tự hãm lại. Hần ta trở thành người trưởng thành đáng dựa dẫm còn cô ấy là đứa trẻ con sợ hãi. Tóc cô ấy bắt đầu rụng, cô ấy phát ốm vì lo lắng liên tục – tất cả đều không ổn – Bowskill không muốn sống ở Cambridge cùng bà vợ hời đầu bệnh tật, người cảm thấy bị cuốn vào việc chuyển đi và không bằng lòng với điều đó. Việc nhận thức được rằng chẳng có cách nào chạm tay được vào số 18 Pardoner Lane đã thuyết phục được hần: từng mảnh của sự hoàn hảo đang trôi dần, và tốt hơn thì nên rút ra và chờ đợi.”

Sam và Charlie chờ đợi. Dòng xe đã bắt đầu nhích dần về phía trước.

Simon không di chuyển, cho đến khi chiếc xe đằng sau bắt đầu bấm còi. Anh quá tập trung vào suy nghĩ của mình; thế giới bên ngoài, với hơi nóng hầm hập như trong lò, tắc đường, đã lùi xa.

“Đến lần thứ hai, Bowskill dự định làm khác đi,” anh nói. “Hần nói với Connie mình đã thay đổi ý định, và không còn muốn chuyển tới Cambridge nữa – bảo với cô ấy hãy quên hết nó đi, họ có thể vẫn sống hạnh phúc ở Silsford. Đó là liệu pháp tâm lý đảo ngược, và nó đã thành công. Connie bắt đầu tức giận với hần vì đã từ bỏ giấc mơ Cambridge. Nghĩ rằng hần đã từ bỏ nó, cô ấy lấy nó làm ước mơ của mình. Bowskill, trong lúc đó, đang chờ đợi số 18 Pardoner Lane được rao bán lần nữa – hần đã sẵn sàng chờ đợi dù mất bao lâu đi nữa. Càng lâu càng tốt – hần biết Connie sẽ dần dần cảm thấy đau khổ nhiều hơn, khi bị mắc kẹt trong cái bẫy của gia đình Monk. Khi ngôi nhà cuối cùng cũng được rao bán lần nữa, Bowskill sẽ sẵn sàng với lời đề nghị mua trước – đủ tiền để đảm bảo rằng gia đình Gilpatrick chấp nhận, dù có mất bao nhiêu đi nữa. Hần bây giờ là giám đốc của một công ty thành đạt – không có chuyện hần phải đi xin xỏ từng

đồng lẻ nữa. Một khi lời đề nghị của hắn được chấp nhận, hắn sẽ bảo với Connie, ‘Ồ, tiện thể thì, một anh bạn của anh ở Cambridge nói rằng ngôi nhà của chúng ta lại được rao bán một lần nữa – thật tiếc là chúng ta đang hạnh phúc ở đây rồi.’ Rồi hắn sẽ ngồi đó và để cho sự nhiệt tình với giấc mơ thuở ban đầu của cô ấy làm nốt phần còn lại. Được tiếp tay và xúi giục bởi nỗi tuyệt vọng muốn được thoát khỏi Culver Valley và không bao giờ quay lại nữa.” Simon nói phần cuối này đầy cảm xúc, như thể anh biết chị ấy cảm nhận thế nào. Charlie rất đỗi ngạc nhiên. Anh luôn cho người khác thứ ấn tượng rằng anh gắn bó bền chặt với Spilling cho đến tận khi cái chết chia lìa – cái chết của anh, có lẽ thế, bởi Spilling đã chết như thể không bao giờ được chết nữa, ít nhất là cho tới khi mặt trời làm trái đất nổ tung, hay bất kỳ chuyện gì mà cuối cùng cũng sẽ phải xảy ra và kết thúc tất cả mọi thứ; khoa học chưa bao giờ là điểm mạnh của Charlie.

“Vậy là, đến lần thứ hai, Connie lại là người đóng vai trò thúc đẩy tích cực?” Sam nói.

“Phải,” Simon nói. “Và Bowskill là người nghi hoặc, kẻ phải bị thuyết phục – bởi hắn yêu ngôi nhà ở Little Holling của mình quá nhiều, hay đúng hơn là hắn đã khiến Connie tin là như vậy – hắn thậm chí còn thuê vẽ một bức tranh về nó.”

“Chuẩn,” Charlie lại nói.

“Kể từ giây phút bỏ lỡ mất số 18 Pardoner Lane vào năm 2003, Bowskill đã dành trọn tâm huyết của mình vào việc giả vờ như mình yêu thương tất cả những gì thuộc về Silsford,” Simon nói. “Hắn phải làm thế – để tạo ra được sự kiên định cần thiết trong lòng Connie. Trong khi đó, hắn vẫn đang làm việc với một khía cạnh khác trong kế hoạch của mình, phần có cơ sở nằm ở Cambridge.”

“Jackie Napier,” Sam nói.

“Jackie Napier,” Simon nhắc lại. “Thông minh, vô liêm sỉ và khao khát được giành lấy Bowskill cho riêng mình. Có một câu hỏi cho anh đây: nếu Bowskill ghét bị người khác chứng kiến mình thất bại, tại sao hắn ta lại dính dáng với một người phụ nữ mà chắc hắn đã biết chính xác hắn đau khổ đến thế nào khi

không có được ngôi nhà mình hằng ao ước? Hẳn đã phải nói cho Jackie biết mình không thể kiếm được năm mươi ngàn bảng. Với một người kiêu hãnh như Bowskill cuối cùng lại phải... ngoại tình với người đàn bà đã chứng kiến sự bại trận của mình – làm sao có thể như thế được?”

“Anh là người duy nhất hiểu hẳn rõ đến thế,” Charlie nói khô khốc. “Nói với tụi em đi.”

“Thôi được rồi.” Chẳng có vấn đề gì với Simon, người mà, tất nhiên rồi, biết hết mọi thứ. “Jackie đủ thông minh để nhanh chóng nắm bắt được là Bowskill cần được nhìn nhận bản thân với tư cách là người thắng cuộc. Cô ta nói với hẳn. ‘Anh vẫn chưa mất ngôi nhà đâu – anh chỉ chưa có được nó thôi. Cuối cùng, nó vẫn sẽ thuộc về anh, nhưng chúng ta phải chơi trò chơi này lâu hơn.’ Cô ta nghĩ ra một kế hoạch. Bước đầu tiên? Làm một bản sao chùm chìa khóa số 18 Pardoner Lane trước khi giao lại cho gia đình Gilpatrick khi hoàn thành việc mua bán. Cô ta dùng đến cái duyên giả tạo của mình – thứ sẽ khá là khó cưỡng lại đấy – để trở thành bạn của Elise Gilpatrick, để cô ta có thể tìm ra càng nhiều thông tin càng tốt, trong số đó có nhiều thứ mà Bowskill quan tâm: gia đình Gilpatrick có một đứa con mới sinh và họ không có ý định dừng lại ở một đứa. Số 18 Pardoner Lane không có vườn. Sam, liệu anh và Kate có bao giờ lại đi mua một ngôi nhà không có vườn không?”

“Không đâu,” Sam nói. “Có con rồi, anh sẽ cần một khu vườn.”

“Và Jackie Napier chắc đã nói với Bowskill rằng gia đình Gilpatrick sẽ nhận ra điều này, có lẽ sớm thôi,” Simon nói. “Cô ta cũng phát hiện ra rằng chẳng có ai ở nhà vào những ngày trong tuần – Elise và anh chồng tên gì cũng được, làm việc toàn thời gian, và đứa bé thì được gửi ở chỗ nhà trẻ. Không phải sẽ buồn cười lắm sao, Jackie nói với Bowskill, nếu chúng ta dùng nhà của họ như thể nó đã là của mình rồi? Gần như đánh dấu sự khẳng định rằng mình mới là những chủ nhân đích thực – những người biết rõ chuyện gì đang xảy ra, trái ngược với đôi vợ chồng Gilpatrick bị lừa dối, những người chỉ nghĩ rằng họ nắm sự kiểm soát và không nhận ra rằng ngôi nhà không thực sự thuộc về họ.

Giờ thì anh đã thấy tại sao Jackie chắc chắn phải làm bạn với Elise Gilpatrick chưa? Cô ta cần phải được bắt gặp ở ngôi nhà đó, thường xuyên, với Elise, để không ai nghi ngờ điều gì khi họ thấy cô ta ở đó vào ban ngày. Bạn bè có chìa khóa của nhau, đúng không?”

“Cô ta cũng muốn đảm bảo rằng, nếu và khi gia đình Gilpatrick quyết định chuyển tới một ngôi nhà có vườn, họ sẽ nhờ cô ta lo liệu việc bán số 18 Pardoner Lane thay vì tìm tới một trung tâm môi giới khác,” Sam nói.

“Đúng vậy,” Simon đồng ý. “Điều mà khi đến thời điểm thích hợp thì họ cũng đã làm, năm ngoái. Đó là khi kế hoạch của Jackie bắt đầu bất ngờ đổ bể. Khi cô ta nói với Bowskill là gia đình Gilpatrick cuối cùng cũng chuẩn bị chuyển đi rồi, hắn không phản ứng như mong đợi. Cô ta đã quá tự mãn về bản thân, ba hoa về việc mình thông minh đến mức nào, đã tìm được ngôi nhà hoàn hảo cho cô bạn Elise ra sao. Thay vì nói ‘Tuyệt vời, làm tốt lắm’ và mua số 18 Pardoner Lane, Bowskill lại bắt đầu hỏi về ngôi nhà mà gia đình Gilpatrick sắp chuyển tới. Đến giờ phút này thì sự ganh tị với gia đình Gilpatrick đã ăn sâu vào tiềm thức – hắn đã sống với nó sáu năm rồi. Suốt khoảng thời gian đó, hắn đã đọc hết những lá thư họ để rải rác, lật xem những thứ đồ riêng tư của họ – hắn ta biết có gì trong phòng tắm, trong tủ đồ, thậm chí có lẽ là trong cả đầu óc họ. Nếu họ đang hạnh phúc, hắn cảm nhận được niềm hạnh phúc. Điều đó làm hắn khó chịu. Làm hắn căm tức. Nhưng không thể ngừng được, không thể nào không chìm sâu vào cuộc đời họ và ghen tị với nó. Họ có một cuộc đời thực sự còn hắn thì không – hắn bị cuốn hút bởi điều mà hắn biết là mình không thể trở thành và... sở hữu được. Nhà Gilpatrick là những kẻ tiềm ngòi, người giành chiến thắng với giải thưởng lớn trong tay. Nếu họ đột nhiên tìm thấy một nơi họ nghĩ là tốt hơn, việc đó nói lên điều gì về số 18 Pardoner Lane? Có lẽ suy cho cùng nó chẳng phải là ngôi nhà hoàn hảo, nếu những người chiến thắng không còn muốn sống trong đó nữa. Sam, anh vừa nhắc đến sự chuyển giao nổi ám ảnh – đây chính là khoảnh khắc điều đó diễn ra,

Bowskill quyết định rằng đây không còn là về ngôi nhà nữa, nó là về thắng lợi trước gia đình Gilpatrick bằng việc giành được thứ họ muốn.”

“Vậy hẳn là một kẻ điên khùng, phải không, Kit Bowskill ấy?” Charlie nói. “Một kẻ điên rồ đầy bản lĩnh.”

“Đó cũng là một cách nhìn nhận,” Simon nói. “Cách khác là coi hẳn là một kẻ thực tế. Dễ thích nghi. Nghĩ về điều đó mà xem: nếu hẳn ta không chuyển hướng sự ám ảnh của mình ở thời điểm này và bắt đầu ám ảnh với số 12 Bentley Grove, hẳn sẽ làm gì? Mua số 18 Pardoner Lane? Connie là người hẳn muốn ở bên, không phải Jackie. Cô ta thúc đẩy lòng tự tôn của hẳn và rất có ích với tư cách là một phương tiện để đi tới đích, nhưng Bowskill hiểu được sự khác biệt giữa một sản phẩm chất lượng và thứ đồ nhái rẻ tiền – hẳn biết rằng Connie đứng thứ nhất và Jackie thứ hai. Nếu hẳn và Connie mua số 18 Pardoner Lane rồi chuyển vào đó, hẳn sẽ phải nói gì với Jackie? ‘Xin lỗi, rất cảm ơn vì sự giúp đỡ, nhưng từ giờ vợ tôi sẽ tiếp quản?’ Jackie sẽ không ngồi đó và chấp nhận, phải không? Cô ta sẽ nói với Connie về chuyện ngoại tình, và cố gắng hết sức để phá hoại cuộc hôn nhân.”

Charlie cố không bận tâm việc Simon đã miêu tả Connie Bowskill là một sản phẩm chất lượng.

“Vậy là Bowskill chuyển đổi sự ám ảnh của mình sang số 12 Bentley Grove...” Sam bắt đầu một cách rụt rè.

“Hẳn thuyết phục Jackie mua số 18 Pardoner Lane,” Simon nói. “Nói với cô ta đó là cách để họ có được cả hai ngôi nhà, bảo cô ta sao ra chìa khóa của số 12 Bentley Grove trước khi bàn giao lại, và họ lại có thể bắt đầu cuộc phiêu lưu thêm một lần nữa – xâm phạm vào ngôi nhà mới của gia đình Gilpatrick như đã làm với ngôi nhà cũ. Jackie làm như được yêu cầu, và họ bắt đầu nhịp sống mới – các ngày trong tuần gặp nhau ở số 12 Bentley Grove, có thể ở nhà cũ số 18 Pardoner Lane nữa, để giúp Bowskill tin vào đế chế Cambridge của mình. Và một mục tiêu xoay quanh sự hoàn hảo bất khả thi mới, bởi vì hẳn phải duy trì được ảo mộng của mình, luôn luôn, rằng hẳn đang nỗ lực hướng

về vinh quang cuối cùng của mình. Hắn hỏi Jackie rằng liệu, trên lý thuyết, cô ta có nghĩ mình có thể thuyết phục gia đình Gilpatrick chuyển đi một lần nữa. Đến mức này rồi, nếu cô ta biết được đạo lý thông thường, cũng như biết suy nghĩ, cô ta sẽ bắt đầu nghi ngờ hắn. Suốt bao nhiêu năm qua, hắn đã nói với cô ta là hắn muốn sống cùng cô ta trong ngôi nhà 18 Pardoner Lane – hắn chắc đã nói thế, để giữ cô ta bên mình – và giờ hắn có cơ hội làm điều đó thì lại không làm. Hắn cũng chẳng bỏ Connie, dù không nghi ngờ gì là đã hứa hẹn điều đó. Jackie ở bên cạnh hắn, nhưng không hạnh phúc. Không như Bowskill, cô ta không cuồng cái ý tưởng về sự hoàn hảo không thể đạt được – cô ta muốn có được kết quả mình muốn, ngay khi có thể đạt được: cô ta và Bowskill sống cùng nhau ở Cambridge. Cô ta bắt đầu nghĩ cách để khiến điều đó xảy ra.”

“Hắn ta không nhận thấy rằng chẳng có cách nào giải quyết tình thế tiến thoái lưỡng nan này à?” Charlie hỏi. “Kể cả khi gia đình Gilpatrick có chuyển đi lần nữa, điều gì có thể ngăn Bowskill quyết định rằng số 12 Bentley Grove không còn đủ tốt nữa, và chạy theo bất kỳ ngôi nhà nào họ sẽ chuyển tới?”

“Đó chính xác là điều hắn sẽ làm,” Simon nói. “Hắn sẽ không cho phép bản thân dừng lại ở đó, hay ở lựa chọn mà mình sẽ phải đối mặt ngay khi hắn chuyển tới bất kỳ một ngôi nhà nào ở Cambridge: Connie hay Jackie. Nếu chọn Connie, Jackie sẽ tàn phá cả thế giới của hắn. Nếu chọn Jackie, hắn sẽ ở bên cạnh người đàn bà không phù hợp – một trong những thứ ‘hoàn hảo’ của hắn bị khiếm khuyết. Thấm sâu trong lòng, hắn biết mình không bao giờ có được vòng tròn toàn vẹn, dù là gì đi nữa, nhưng hắn cũng không thể tiếp nhận được lối suy nghĩ thực tế hơn. Nếu hắn cho phép mình nhìn nhận mọi thứ đúng với bản chất, hắn sẽ phải đối mặt với sự hủy hoại ngay tức khắc, hay ít nhất hắn sợ là thế.”

“Vậy thì hắn làm gì?” Sam hỏi. Một hàng dài động cơ đã bắt đầu trôi chảy, họ đã gần đến bùng binh. Cuối cùng, cái điều hòa cũng chịu làm việc.

“Hắn trút giận lên Jackie,” Simon nói. “Nổi nóng với cô ta bất

cứ khi nào cô ta cố nói cho hắn rằng gia đình Gilpatrick khó mà chuyển đi nữa trong tương lai gần, họ đã tìm được căn hộ hoàn hảo có sân vườn. Bowskill khẳng định rằng họ có thể quyết định bán – đó là điều hắn mong đợi và sẽ chờ đợi nó xảy ra. Jackie không thích nghe điều đó, nhưng cô ta làm gì được? Nếu kết thúc mối quan hệ, cô ta sẽ không có được thứ mình muốn: Bowskill.”

“Vậy là cô ta chịu đựng sự điên khùng của hắn vì cô ta yêu hắn?” Charlie nói. Cuối cùng thì, ở đây, có một kiểu tâm lý cô có thể hiểu được.

“Trong khi cô ta chịu đựng điều đó, chuyện không ngờ tới xảy ra,” Simon nói. “Connie Bowskill tìm ra một địa chỉ cô ấy không quen, được đánh dấu là ‘Nhà’. Trong một nỗ lực đáng thương để khiến ảo tưởng của hắn cảm giác giống thật hơn, Bowskill thậm chí đã đặt cho số 12 Bentley Grove một biệt danh – thứ gợi nhớ cho hắn về một khoảng thời gian hạnh phúc hơn, giấc mơ của hắn trong tầm với. 17 Pardoner Lane, 18 Pardoner Lane – một câu đùa của hắn nhiều năm trước, khi hắn vẫn còn tin rằng sự hoàn hảo là có thể đạt được. Hắn không còn tin nữa, nhưng biết đâu nếu lặp lại câu đùa ấy, hắn sẽ có lại cảm giác cũ. Hắn cài đặt số 11 Bentley Grove vào định vị vệ tinh của mình – chỉ để xem cảm giác ra sao, bởi đó là điều hắn sẽ làm nếu ngôi nhà là của hắn.”

“Và Connie tìm thấy nó,” Charlie nói.

“Phải. Connie tìm thấy nó và không tin vào hắn khi hắn nói nó chẳng liên quan gì đến mình. Đột nhiên, Bowskill có một vấn đề mới phải xử lý – hắn không chỉ gồng mình lên để kiểm soát kỳ vọng của Jackie và nuôi dưỡng ảo tưởng của mình, giờ hắn còn phải cố gắng đối mặt với người vợ không tin tưởng hắn – người không tin vào một lời nào hắn nói, dù có cố gắng nói dối đến thế nào đi nữa.”

Họ đang ở trên đường Trumpington, cách Bentley Grove vài phút nữa.

“Đừng hỏi anh chuyện gì xảy ra tiếp theo, vì anh không biết,” giọng Simon có vẻ không vừa lòng. “Anh có thể nghiên cứu, nếu

em muốn.” Không chờ đợi sự khích lệ, anh nói tiếp: “Với việc Connie quá nghi ngờ như vậy, Bowskill và Jackie có thể chuyển hướng ra khỏi số 12 Bentley Grove. Hay có thể họ chỉ gặp gỡ khi họ biết chắc Connie đang bận, nhưng làm sao mà Bowskill biết chắc được là cô ấy sẽ không xuất hiện khi hắn ít ngờ tới nhất, cố gắng bắt quả tang chồng? Hắn không thể làm được. Jackie sẽ làm tăng thêm áp lực, bằng cách nói, ‘Quên số 12 Bentley Grove đi – chuyện đang quá khó khăn rồi. Đến và sống ở số 18 Pardoner Lane với em, hạnh phúc đến hết đời.’” Simon thở dài. “Đến một lúc nào đó, khi bị siết chặt từ mọi hướng, Bowskill chạm đến giới hạn của mình.”

“Và làm gì?” Sam hỏi.

“Tới nhà số 12 và giết chết gia đình Gilpatrick,” Simon nói. “Còn ai khác để đổ lỗi cho mớ rắc rối hắn ta đang vướng vào nữa? Tôi nghĩ chúng ta sắp tìm thấy xác của họ, được bọc trong vải rèm và túi bóng.”

Sam kêu lên một tiếng kỳ lạ khi họ rẽ trái vào Bentley Grove.

“Có chuyện gì vậy?” Charlie hỏi.

“Đó là chiếc Audi của Connie Bowskill,” anh nói, chỉ tay ra. “Chết tiệt. Chị ấy cũng ở trong đó.”

Simon nhảy ra khỏi xe trong vài giây, bắt đầu chạy.

TANG VẬT SỐ: CB13345/432/28IG

11BG trị giá 1,2/1,3 triệu

Tiền thế chấp tối thiểu £400.000? (Nulli? C bỏ vì ốm – căng thẳng)

Vay 800.000/900.000

Bảo hiểm trọn đời cho toàn bộ khoản vay

Tn/tt – chính sách thanh toán toàn bộ (Kiểm tra điều khoản cho tự tử – có thể phải là tai nạn)

Nhà trị giá 1,2 triệu cho 400k HOẶC 1 triệu/900k nếu giảm giá?

Như trên, nhưng tiền gửi tối thiểu 250k

Nhà trị giá 1,2 triệu cho 250k – không tệ!

Vẫn nhà đây, nhưng vườn lớn hơn nhiều, quay mặt về hướng Nam – đáng thèm khát hơn – HIỂN NHIÊN VÀ KHÔNG THỂ PHỦ NHẬN – SỐ TRỜI!!

(Tai nạn chính thức – có khả năng tự tử, không chứng minh được. Bị buộc 4 tội giết người – bị ám ảnh với nhà Gil từ vụ Pardoner 2003. Muốn nhà 11 để nhìn qua nhà 12, để theo dõi họ? HOANG TƯỞNG VÀ ẢO GIÁC TỪ THÁNG 1, KHI ĐẶT ĐỊA CHỈ VÀO ĐỊNH VỊ!! 11BG, 12BG – lảm nhảm từ đầu đến cuối.)

Xem nhà (Gia đình người Pháp? Gia đình Talbot?)

Lôi kéo SG – việc bám đuôi tiến xa hơn, đem nhà đi rao. Người phụ nữ đã gặp và giao chìa khóa – mô tả C Thư từ, đặt đồ trong hòm thư? Đồ Nitromose vào xe?

LANCING DAMISZ, KHU SỐ 3 WELLINGTON COURT

CAMBRIDGE CB5 6EX, 01223-313300

Tour ảo – xác nhà Gil?

Còn gì nữa?

Khuyến bán nhanh 1 triệu/900k

Cần hộ chiếu của C để mua/bán

ADN của C ở số 12

Cảnh sát – C vào được số 12 nhờ chìa khóa tìm được ở số 11 – quá dễ

LÀM SAO LẤY CHÌA KHÓA SỐ 11?

Quan trọng? Nguyên nhân tự tử dễ hiểu – tránh sự trừng phạt?

Thuê tạm số 11, sống ở Pardoner – £2.500/tháng

Thứ Bảy, ngày 24-07-2010

Tôi không thể cử động hay nói được. Băng dính quấn quanh đầu tôi, dán miệng tôi lại. Làm xong việc đó, Kit trói cổ tay tôi lại sau lưng và bắt tôi nằm xuống sàn. Có thể đã có cơ hội để tôi chạy trốn, nhưng tôi đã không tóm lấy nó, nếu thực sự có cơ hội ấy, và giờ thì tôi sắp chết. Khi Kit sẵn sàng. Và nếu giờ đây cái chết là điều tồi tệ nhất rồi, tôi biết cách để đẩy nhanh quá trình – tất cả những gì tôi có thể làm là để bản thân bật khóc. Tôi sẽ không thể thở nổi chỉ trong vòng vài phút, và chết ngạt.

“Anh không hề muốn giết họ, Con.” Anh phải nói to lên để át đi tiếng ruồi bay. “Bốn mạng người, hai trong số đó là trẻ con. Đó là quyết định không hề dễ dàng, cho tới khi anh nghĩ về chúng ta. Những đứa con mà chúng ta sẽ có. Đây là tổ ấm mà các con chúng ta xứng đáng được hưởng.”

Tôi không muốn nghe, nhưng ép mình phải nghe. Tôi muốn chia sẻ với thực tại của Kit. Đây là thực tại của Kit. Người đàn ông này, con ác quỷ này, là chồng của tôi. Tôi đã yêu anh. Tôi đã cưới anh.

“Anh cũng không muốn giết Jackie,” anh nói. “Cô ta không hề phán xét khi anh kể cho cô ta là mình đã làm gì. Cô ta không hề hoảng sợ như anh. Việc bọc cái xác là ý tưởng của cô ta, để ngăn mùi đến mức tối thiểu. Kín hơi, cô ta nói thế.” Anh ngừng lại, nhìn về phía chiếc giường. “Anh không hiểu sao những con ruồi lại xuất hiện,” anh nói một cách lơ đãng. “Em có nghĩ là chúng không được kín hơi không?”

Nhìn vào tôi, anh nhớ ra rằng băng dính đang ngăn tôi trả lời. Nhớ ra rằng anh đang dở câu chuyện kể cho tôi, về chuyện Jackie không sợ hãi. “Cô ta đăng nhập vào email của họ,” anh nói. “Liên

hệ với chỗ làm của họ để nói rằng có việc gấp từ gia đình, rằng họ sẽ không thể đi làm trong một thời gian. Và trường học. Cô ta sạc điện thoại của họ, quản lý chúng – khi có tin nhắn từ bạn bè và người thân, cô ta sẽ nhắn lại, giả vờ là...” Cơ thể anh rung lên, như có một dòng chảy xuyên qua đó. “Vờ như mình là Elise Gilpatrick,” cuối cùng anh cũng nói. Tên của người phụ nữ anh giết chẳng vì lý do gì.

“Anh đã suy sụp, Con. Chính Jackie là người đã giữ anh đứng vững, Jackie là người đã lên kế hoạch. Anh đi theo đó bởi anh là một thằng hèn, và bởi... làm sao anh có thể không giúp cô ta, sau tất cả những gì cô ta đã làm cho anh?”

Tôi co rúm lại khi anh tiến về phía mình, bắt đầu cào cào bằng móng trên miệng tôi. “Sao em không nói gì đi nhỉ?” anh rít vào mặt tôi. Móng tay của anh cắm vào da thịt tôi. Ngoài việc làm tôi đau, nó chẳng có tác dụng gì. Kit nhặt con dao lên, ngắm nghía nó, rồi đặt nó xuống và rời khỏi phòng. Tôi đếm. Bảy giây sau, anh quay trở lại với một chiếc kéo cắt móng tay. Tôi cố ngồi yên hết mức có thể khi anh cắt băng dính, nhưng anh quá run rẩy và cuối cùng cắt vào miệng tôi. “Xin lỗi,” anh thở dốc, mồ hôi chảy ròng ròng xuống mặt và cổ.

Vài giây sau anh cắt hết đám băng dính – tôi có thể nói trở lại, nếu tôi muốn. Máu chảy thành dòng xuống cằm tôi. Chỗ mới bị cắt bắt đầu gât gât, càng lúc càng đau đớn hơn.

Kit đứng lùi lại và nhìn chăm chăm vào tôi. “Nói gì đi,” anh ra lệnh.

Tôi không nên cho phép bản thân mình hy vọng, nhưng niềm hy vọng đã xuất hiện, dù có được phép hay không. Anh đã dán miệng tôi lại, rồi lại cắt băng dính đi. Đó là một sự đảo ngược tình thế rõ ràng, cho phép tôi tin rằng anh cũng sẽ đảo ngược lại ý định giết tôi. “Jackie muốn làm gì với em?” tôi hỏi. “Cô ta cũng muốn anh giết em ư?”

“Không. Cô ta định tự mình làm thế. Cô ta biết anh sẽ không bao giờ có thể làm điều đó được. Anh sẽ không bao giờ có thể làm điều đó được.” *Anh sẽ không bao giờ có thể làm điều đó được.* Tôi níu lấy những từ ngữ ấy.

“Có rất nhiều việc phải diễn ra trước khi cô ta có thể giết em,” Kit nói. “Cô ta phải sắp đặt mọi thứ trước, để em trở thành người chịu trách nhiệm cho...” Anh liếc nhìn về phía chiếc giường. “Những người kia, em biết đấy,” anh nói. “Anh không biết làm sao mà cô ta suy nghĩ rõ ràng được, nhưng cô ta lại làm được. Em có muốn xem không?”

“Xem?” Tôi lặp lại một cách trống rỗng.

Kit mỉm cười, và trong một khoảnh khắc tôi thấy mình trở lại với cuộc sống của chúng tôi ngày xưa, cuộc sống bình thường của chúng tôi. Tôi đã nhìn thấy nụ cười này biết bao nhiêu lần rồi: khi Kit nói đùa một câu mà anh rất thích, khi tôi nói điều gì đó làm anh ấn tượng. “Anh đang muốn cho em xem bằng chứng đấy,” anh nói. Nụ cười biến mất. Giọng nói của anh khàn đục.

“Cho em xem đi,” tôi nói.

Kit gật đầu, quay lưng lại. Tôi nghe thấy anh chạy xuống dưới tầng. Khi quay lại, anh cầm trong tay với một tờ giấy A4 nhàu nát. Trên đó có những chữ viết tay khảng khiu. Chữ viết tay của Jackie. Kit giữ nó trước mặt tôi. Tôi đọc nó ba bốn lần. Tôi không nên hiểu được nó. Tôi cố giả vờ như mình không hiểu, nhưng chẳng có ích gì. Tôi nhận ra ngay lập tức ý của Jackie là gì khi cô ta viết những lời đó.

Tôi cảm thấy bị làm nhục, và nỗi sợ hãi bị giam cầm, như thể tôi bị mắc kẹt bên trong đầu óc méo mó của cô ta, không thể nào thoát ra khỏi vòng xoáy bại hoại những suy nghĩ của cô ta. Tôi chẳng có sự lựa chọn nào ngoài việc thừa nhận rằng điều này là thật, bởi nó đang ở đây ngay trước mắt tôi. Dù sao đi nữa, tôi cũng không thể tin nổi. Cho tới bốn ngày trước, tôi còn không hề biết đến sự tồn tại của Jackie Napier.

Tôi mừng là cô ta đã chết rồi.

“Không có gì trong này là ý tưởng của anh hết,” Kit nói.

“Anh đã giết gia đình Gilpatrick.”

Anh né đầu ra khỏi tôi, như thể tôi đã cố đánh anh vậy. “Đây không phải một ý tưởng. Nó không hề được lên kế hoạch, nó... Jackie là người lên kế hoạch, không phải anh.” Anh thả tờ giấy

ra. Nó rơi xuống sàn. “Cô ta dường như có thể nhìn thấu trước tất cả mọi thứ, và anh thì thậm chí còn không thể thấy được bước tiếp theo.”

Cô ta có thấy trước được việc anh bóp cổ cô ta không?

“Cô ta đã đoán được là em sẽ không thể nào rời khỏi Cambridge được, sau khi em tìm thấy địa chỉ trên định vị vệ tinh,” Kit nói tiếp. “Anh không tin cô ta – anh nghĩ chẳng đời nào em đi cả quãng đường như thế với hy vọng rằng sẽ bắt quả tang được anh. Jackie đã cười khi anh nói thế. Gọi anh là đồ ngốc ngây thơ. Cô ta nói sẽ chứng minh cho anh thấy: cô ta nghỉ làm hai tuần và khoanh vùng Bentley Grove. Ngay khi gia đình Gilpatrick ra khỏi nhà vào buổi sáng, cô ta sẽ vào trong nhà số 12, chờ đợi em. Cô ta biết em trông ra sao – cô ta hẳn đã dành không biết bao nhiêu tiếng đồng hồ trên trang web của Nulli, nhìn chăm chăm vào bức ảnh của em. Cô ta ghen tị với em phát điên.”

Ganh tị với tôi. Ai mà lại không muốn làm vợ của một tên sát nhân loạn trí cơ chứ?

“Hai thứ Sáu liền, cô ta bắt gặp em. Rồi bọn anh biết – kể cả anh cũng hiểu được. Thứ Sáu là ngày em sẽ đi, nếu như có thể đi. Những ngày thứ Hai và thứ Tư có khả năng anh ở nhà, thứ Ba và thứ Năm em làm ở Monk & Sons. Thứ Sáu là ngày rảnh rỗi duy nhất của em khi anh ở London, chắc chắn rồi.”

Tôi gật đầu, cố lờ đi cảm giác ghê tởm đang tràn lên khắp cơ thể. Kit muốn tôi đáp trả thế nào đây?

“Thỉnh thoảng, Jackie cũng đi theo em,” anh nói. “Tới Addenbrooke’s, hay vào trung tâm thành phố. Anh đã bảo cô ta không nên mạo hiểm – anh không chịu được ý nghĩ em để ý thấy và chạm trán với cô ta phòng khi cô ta để lộ điều gì, nhưng cô ta chỉ cười vào mặt anh, ‘Em chỉ bị để ý khi em muốn,’ cô ta đã nói thế.”

“Cô ta sai rồi,” tôi nói, bị sốc vì tông trầm khàn trong giọng nói của chính mình. “Em biết có người đi theo mình.”

Tôi đã nhắc đến điều đó với Alice khi tôi đến gặp cô ấy lần đầu

– rằng một hay hai lần gì đó, khi ở Cambridge, tôi nghe tiếng bước chân sau lưng mình. Cô ấy đã kê một loại thuốc cho ảo giác riêng biệt ấy: *Crotalus Cascavella*.

Sai rồi.

Tôi không cần một lọ nàu chứa đầy thứ gì đó hòa tan trong nước. Tôi cần Jackie Napier phải chết.

Bị ám ảnh với gia đình Gils từ Pardoner năm 2003. Như thế chỉ có duy nhất một ý nghĩa.

“Nhà Gilparick đã mua số 18 Pardoner Lane, đúng không?” tôi hỏi. “Khi anh... khi chúng ta muốn mua.”

Tôi chẳng cần đến câu trả lời – tôi có thể nhìn thấy trên gương mặt Kit.

“Anh giả vờ rằng anh không muốn nó nữa, đổ lỗi cho... vấn đề của em. Anh chắc là ghê tởm gia đình Gilpatrick lắm. Và rồi... sao cơ? Họ mua số 12 Bentley Grove và...”

Thuê số 11, sống ở Pardoner.

“Jackie. Jackie đã mua số 18 Pardoner Lane.” Tôi vẫn đang cố suy nghĩ trong khi nói. “Có lẽ anh đã cho cô ta một ít tiền.”

“Làm sao anh có thể làm thế được?” Kit nói một cách bức tức. “Anh không có bất kỳ khoản tiền nào mà em không biết.”

“Em là một mớ bòng bong quá phức tạp không thể rời khỏi gia đình mình được, nhưng đó không phải là vấn đề với anh,” tôi nói, thẳng thắn những gì mình nghĩ. “Anh có thể sống ở Cambridge với Jackie. Hai người đã chờ đợi số 18 Pardoner Lane xuất hiện trên thị trường một lần nữa, nhưng anh không còn muốn nó nữa – Jackie vẫn muốn, đủ nhiều để bỏ tiền ra mua, nhưng anh...” Hẳn rồi. Hẳn là như vậy. “Anh muốn bất kỳ ngôi nhà nào mà gia đình Gilpatrick muốn, và đó không còn là số 18 Pardoner Lane nữa – mà là số 12 Bentley Grove.”

Những ý nghĩ rời rạc va chạm nhau trong tâm trí tôi. Kit đã nói gì về việc Jackie chờ đợi ở số 12, quan sát tôi, biết rằng tôi sẽ đến xem ấy nhỉ? Ngay khi gia đình Gilpatrick rời đi vào buổi sáng... Vậy là họ vẫn chưa chết cho tới thời điểm đó. Và nếu Kit chưa giết họ... “Làm sao mà Jackie có được chìa khóa vào ngôi

nhà này?” Tôi hỏi. “Có phải cô ta...?” Chiếc áo khoác bò màu hồng của cô ta, một chiếc móc chìa khóa Lancing Damisz trong túi. Chữ viết tay dài ngoằng của cô ta, trên một tờ giấy Lancing Damisz. “Cô ta là một nhân viên môi giới bất động sản, phải không? Có phải anh gặp cô ta năm 2003? Có phải cô ta bán ngôi nhà này cho gia đình Gilpatrick không?”

Kit không trả lời. Anh nhìn đi chỗ khác.

“Đúng thế, phải không? Và cô ta giữ một bản sao của chìa khóa cửa chính.”

“Bọn anh thường gặp nhau ở đây, khi họ không có nhà,” Kit lầm bầm, mắt nhìn xuống. “Đó là một trò chơi ngu ngốc mà bọn anh chơi, nhưng nó tốt hơn cuộc sống thực sự mà cô ta muốn anh và cô ta sống cùng nhau. Anh không thể nào đặt chân vào ngôi nhà ở Pardoner Lane, một khi cô ta đã mua nó. Cô ta muốn anh chuyển vào đó cùng cô ta, nhưng làm sao anh có thể? Anh đã sống ở Little Holling, với em – ở Melrose Cottage.” Anh nói như thể tôi còn chưa biết điều đó – như thể tôi là một người hoàn toàn xa lạ mà anh đang tự giới thiệu. Kể cho tôi nghe về cuộc đời anh. “Anh chưa bao giờ yêu Jackie. Điều duy nhất anh biết chắc chắn là anh muốn sống cùng em, dù anh sống ở nơi nào nhưng... lúc đó trò chơi đã đi quá xa rồi. Và... nó còn hơn cả một trò chơi. Anh đã muốn...” Anh hắng giọng. “Anh không thể hiểu được tại sao gia đình Gilpatrick lại có được điều anh muốn. Đó là khi tất cả mọi thứ bắt đầu đi sai đường, khi họ mua ngôi nhà của chúng ta.”

Tôi chờ đợi.

“Jackie và anh đã cãi nhau rất khùng khiếp,” cuối cùng anh cũng nói tiếp, rất khẽ đến mức tôi gần như không nghe được. “Anh không thực sự muốn nơi này...” anh đưa tay chỉ xung quanh mình “... nhưng sẽ dễ dàng khi giả vờ là mình muốn hơn là thừa nhận sự thật. Jackie biết rằng điều đó thật là nhảm nhí – cô ta cứ nói đi nói lại rằng gia đình Gilpatrick sẽ không bán nhà nữa đâu, rằng đây là tổ ấm vĩnh viễn của họ rồi, cố bắt anh thừa nhận rằng anh dù sao cũng sẽ thôi mong muốn nó ngay khi có thể sở hữu được, kể cả khi họ có quyết định chuyển đi lần nữa.

Cô ta rất bức bối với anh – tại sao anh lại có thể để cô ta mua số 18 Pardoner Lane nếu anh không có ý định sống ở đó cùng cô ta? Những cuộc cãi vã càng lúc càng tồi tệ và rồi...” Anh lắc đầu.

Lần này tôi không thể đoán được. Tôi phải hỏi. “Rồi sao?”

“Chuyện với cái định vị vệ tinh xảy ra. Và Jackie quyết định rằng đây là số phận của anh và cô ta – giải pháp cho tất cả những vấn đề.”

“Cách nào? Bằng cách nào, Kit?”

“Số 11,” anh thì thầm, nắm chặt bàn tay lại thành nắm đấm. “Tất cả mọi thứ đều dẫn tới đó. Mười một là cách mà bọn anh gọi tên ngôi nhà này – em còn nhớ câu đùa ngày xưa không?”

Tôi cắn chặt môi để ngăn mình đừng hét lên.

“Có mấy chiếc chìa khóa trong chiếc bát ở phòng bếp có dán nhãn ‘Selina, số 11’, và sau thảm họa định vị vệ tinh, em đã nghĩ là anh dây dưa với một người ở số 11 – chẳng điều gì anh nói mà thuyết phục được em cả. Một hôm Jackie hỏi anh liệu anh có biết khu vườn của nhà số 11 lớn hơn vườn ở đây bao nhiêu không.” Kit quay ngoắt đầu về phía cửa sổ. “Anh không biết cô ta đang nói về chuyện gì. Lúc ấy biểu cảm trên mặt cô ta thật quái lạ. Nó làm anh sợ. Rồi anh nhận ra: cô ta sắp hóa điên rồi.”

“Cô ta đã dùng những chiếc chìa khóa ở phòng bếp và vào nhà số 11,” tôi nói.

Anh gật đầu. “Cô ta muốn kiểm tra ngôi nhà mà đáng ra là nơi anh sống cuộc đời hai mạng. Cô ta nghĩ chuyện đó rất hài hước.”

Tôi nhìn xuống tờ giấy trên sàn, nhớ lại những lời của Jackie: Vẫn nhà đấy, nhưng vườn lớn hơn nhiều, quay mặt về hướng Nam – đáng thèm khát hơn – HIỂN NHIÊN VÀ KHÔNG THỂ PHỦ NHẬN – SỐ TRỜI!!

“Cô ta nghĩ mình đã tìm ra giải pháp hoàn hảo.” Kit nhún vai. “Bọn anh có thể mua một ngôi nhà gần như giống y hệt nhà của gia đình Gilpatrick nhưng tốt hơn, trên cùng một con phố. ‘Anh sẽ có thể ra oai với họ,’ cô ta nói. ‘Tất cả những gì chúng ta cần làm là thuyết phục cô Selina này bán nhà.’ Cô ta bắt đầu nói về chuyện nhét chất thải vào hộp thư, đổ Nitromose vào xe của

Selina... Anh thậm chí còn chẳng hiểu Nitromose là cái gì. Anh bảo với cô ta đừng có lố bịch nữa – kể cả khi anh và cô ta có thể đẩy chủ nhà ra khỏi đó, cũng sẽ không bao giờ có đủ tiền mua nổi một ngôi nhà trên phố Bentley Grove, dù là nhà này hay số 11. Anh chỉ còn thiếu chút nữa là đã nói với Jackie mình không thể tiếp tục chuyện của anh và cô ta như hiện tại thì...” Anh ngừng lại.

Một sự bình tĩnh nặng nề lan tỏa khắp cơ thể tôi, như ma túy. Tôi cố chống lại sự thèm muốn được nhắm mắt lại. “Khi cô ta giải thích cho anh thật chính xác mọi thứ có thể diễn ra thế nào,” tôi kết thúc câu nói của Kit. “Nếu em chết vào đúng lúc, với cái giá thích đáng cho mạng mình, vậy là anh có thể mua nó. Kế hoạch của cô ta là gì? Đầu tiên, hất cẳng em ra khỏi Nulli. Tất cả những căng thẳng em phải gánh chịu sau khi tìm ra địa chỉ nhà đó trong định vị vệ tinh của anh – đáng ra anh phải bảo em nên ngừng làm việc một thời gian, chuyển giao lại hết mọi thứ cho anh. Và rồi, sao nào, bán Nulli đi, với Jackie giả dạng làm em để ký những giấy tờ liên quan? Cô ta trông giống em, khi mới nhìn – tóc tối màu dài đến vai, mảnh mai. Với hộ chiếu của em, và một người tư vấn thủ tục chưa từng gặp em...”

“Dù sao thì, anh không làm thế, đúng không?” Kit quát lên. “Anh chưa bao giờ gợi ý em từ bỏ công việc – tất cả mọi thứ anh làm kể từ giây phút đó đều là để bảo vệ em khỏi... khỏi người đàn bà điên loạn mà anh đã khiến hai chúng ta liên lụy vào. Em không cần phải tin, nhưng đó là sự thật.” Anh bật cười cay đắng. “Jackie buộc tội rằng anh mới là kẻ điên khùng. Với cô ta thì mọi thứ đã quá hiển nhiên, quá đơn giản – bán Nulli đi, mua số 11 Bentley Grove bằng một khoản thế chấp khổng lồ và một hợp đồng bảo hiểm nhân thọ khổng lồ, với cô ta đóng giả làm em, rồi...” Kit lấy tay ôm mặt. Rên rĩ.

“Rồi giết em, lợi dụng điều đó, giành lấy ngôi nhà đáng giá 1,2 triệu bảng với giá hai trăm năm mươi ngàn hay bốn trăm ngàn bảng, tùy thuộc vào việc Selina Gane mong muốn vứt bỏ ngôi nhà của mình nhanh đến mức nào,” tôi nói, nhận ra sự vô dụng trong giọng mình, ước sao chúng là những mũi dao. “Ngôi nhà

cô ấy đã bị khủng bố bởi những người không quen biết, chẳng vì một lý do gì liên quan đến cô ấy. Vậy anh nói sao? Anh có nói rằng, ‘Không, anh không muốn Connie phải chết’ không? Anh có nói, ‘Anh sẽ báo cảnh sát’ không?”

“Anh không thể báo cảnh sát. Anh... anh đã cố gắng hết sức để ngăn chặn cô ta bằng cách...”

Tôi chờ đợi.

Kit đổi hướng. “Dù sao thì, kế hoạch của cô ta cũng sẽ không thành công được,” anh biện hộ. “Ai sẽ cho chúng ta thế chấp từng ấy tiền khi chúng ta đã bán Nulli đi rồi và chẳng còn lại gì?” Có phải anh đang thách thức tôi gọi anh là đồ dối trá, hay anh đã quên mất Melrose Cottage bởi vì anh muốn thế? Anh và Jackie có thể đã có được khoản thế chấp – ai đó sẽ trao nó cho họ, nhất là nếu như người mua Nulli giữ Kit lại làm CEO với một mức lương trên trời.

“Anh phải giả vờ thuận theo, giả vờ như bọn anh cuối cùng sẽ thực hiện việc đó, một khi đã có trong tay các chi tiết chính xác. Jackie rất thích lập kế hoạch. Bọn anh ngừng cãi nhau. Hoàn toàn. Đôi khi anh nghĩ – anh hy vọng – rằng làm việc với các chi tiết nhỏ có thể giữ cho cô ta hạnh phúc mãi mãi, rằng cô ta sẽ không bao giờ phải... đẩy mọi chuyện đi xa hơn.”

“Vậy mục tiêu của anh là đảm bảo rằng Jackie hạnh phúc cả đời?”

“Không! Em chẳng hiểu rồi,” Kit nức nở.

“Em hiểu,” tôi nói với anh. “Em ước em không hiểu, nhưng lại có đấy.”

Tôi quan sát anh vật lộn để trấn tĩnh lại.

“Jackie có thể và sẽ phá hủy cuộc đời anh nếu anh nói không. Anh phải cho cô ta thứ gì đó để bám vào. Anh chưa bao giờ yêu cô ta, Con. Cô ta giống như là... anh không biết nữa, một người đồng nghiệp anh cảm thấy mình phải trung thành. Cô ta yêu anh – anh không nghi ngờ gì điều đó. Em phải biết là cô ta... cô ta đã khóc suốt gần hai tiếng sau khi bọn anh... bọn anh quay phim.”

Có phải anh đang nói về tour ảo không?

“Cô ta khẳng khái đòi đeo chiếc nhẫn cưới của anh khi làm thế – cô ta không chịu giải thích tại sao. Cứ nói mãi rằng vậy sẽ vui lắm, nhưng đó không phải là lý do thực sự. Nếu nó hài hước đến thế, tại sao cô ta lại đau khổ khi anh đòi lại chiếc nhẫn? Anh cảm thấy tệ khi lấy chiếc nhẫn khỏi tay cô ta còn hơn khi anh...” Miệng anh mím lại thành một đường thẳng băng, như để cản không cho những từ ngữ thoát ra: hơn là khi anh bóp cổ cô ta đến chết.

“Anh cảm thấy tệ đến cỡ nào về việc tàn sát một gia đình vô tội? Việc đó nằm ở đâu trên thang đo tội lỗi của anh?”

“Nếu việc này khiến em cảm thấy tốt hơn chút nào, thì anh sẽ nói cho em một điều anh chưa từng nói với Jackie, ngay cả đến giây phút cuối cùng,” Kit nói, lơ đi câu hỏi của tôi. “Anh đã nghĩ đến chuyện kể cho cô ta, nhưng lại thôi. Làm thế sẽ có vẻ hằn học quá.”

Tôi ước lúc đó anh nói cho cô ta, dù đó có là gì đi nữa, nếu điều đó có thể làm cô ta tổn thương. Tôi ước anh đừng nói với tôi, nhưng tôi chẳng nói câu gì để ngăn lại cả.

“Địa chỉ trong định vị của anh ấy?” anh cao giọng lên, như sợ tôi không nghe thấy. “Anh đã cài đặt nó đấy.”

“Em biết thế,” tôi nói, bắt đầu bật khóc vì sự ngu ngốc của việc này – anh nói cho tôi một điều tôi đã nói với anh và anh đã phủ nhận suốt sáu tháng. “Em đã biết từ lâu rồi.”

“Anh cố tình làm thế,” anh nói. “Anh biết hôm đó em sẽ lấy xe của anh, bởi vì trời tuyết. Anh muốn em tìm ra, Con. Anh muốn em ngăn anh lại. Sao em không ngăn anh lại?”

. . .

Tôi không giết gia đình Gilpatrick. Tôi không giết họ. Không phải tại tôi mà họ phải chết.

Tôi không biết đã bao lâu trôi qua kể từ lần cuối chúng tôi nói

chuyện với nhau. Có một lỗ hổng trong tâm trí tôi và tôi chẳng biết nó dẫn đi đâu. Những con ruồi vẫn đang vo ve. Mùi hôi thối càng lúc càng nồng nặc.

Có phải tôi tưởng tượng ra, hay Kit vừa kể cho tôi phần còn lại của câu chuyện? Anh muốn ngừng mọi chuyện lại, tất cả. Tôi không thể ngăn nó lại cho anh, nên anh đã giết chết gia đình Gilpatrick – là lỗi của họ mà anh lâm vào tình thế khổ sở lúc ấy, vậy nên họ đáng phải chết. Có phải Kit đã nói thế không, hay là tôi đang tưởng tượng ra những điều anh có lẽ đã nói?

Mọi thứ với Jackie sau đó thật dễ dàng – cô ta nắm được anh ở chính xác nơi mình muốn. Cô ta có thể giúp anh thoát tội giết người mà anh gây ra, nhưng chỉ với điều kiện anh đồng ý với cái chết thứ năm. Chỉ khi anh đồng ý rằng tôi phải chết.

Jackie làm một bản sao chìa khóa nhà số 11, tự vào nhà Selina Gane với một vài người mua nhà, và nói dối về việc một người phụ nữ trông rất giống kẻ đeo bám lạ mặt của Selina đã đem rao bán ngôi nhà trên thị trường, đóng giả làm Selina. Có thể cô ta còn làm những việc khác để hất Selina ra nữa – có thể cô ta đã đổ Nitromose vào xe, dù thứ đó có là gì đi nữa. Dù cô ta đã làm gì, cô ta cũng đạt được kết quả mình muốn: số 11 Bentley Grove được rao bán.

Vậy tại sao lại có phần tiếp theo? Tôi chẳng còn sức lực để hỏi Kit nữa. Họ hẳn là đã dịch chuyển tất cả mọi thứ ra khỏi căn phòng khách ở số 12, nơi có máu, và thay bằng đồ đạc của nhà số 11. Rất mạo hiểm, một ai đó có thể trông thấy họ. Họ phải chuyển nội thất và tranh ảnh sang bên kia đường. Nhưng chẳng có ai thấy họ cả, nếu không thì người ấy đã phải tìm tới cảnh sát rồi. Tất nhiên chẳng ai nhìn thấy họ cả, Bentley Grove là kiểu con phố mà người ta chẳng bao giờ chú ý đến điều gì – kiểu đường phố khiến cho những kẻ đeo bám cảm thấy hoàn toàn thoải mái. Không có ai ở đó ban ngày ngoại trừ một ông già tuổi tác đã cao, người hầu như toàn ngủ.

Jackie đã tiếp cận được với đúng loại máy quay, và tới trang web của Lancing Damisz. Jackie nằm trên vũng máu của gia đình Gilpatrick, cô ta và Kit làm một phiên bản thay thế của

tour ảo để cho tôi xem, để tôi phải tới gặp cảnh sát và nói về máu và giết chóc. Tôi sẽ phát rồ lên – chính xác là kiểu người mà có thể, sau này, phải trải qua một tai họa kiểu như là tự tử hoặc không. Kit chắc là đã quay phim. Liệu có phải là họ đã lên kế hoạch cho Selina phát hiện ra rằng có người khẳng định đã có một vụ giết người trong nhà cô ấy, ngôi nhà mà cô ấy vốn đã tuyệt vọng muốn được tống khứ đi, và hạ giá xuống?

Khi nào thì tôi sẽ phải trải qua tai họa của mình? Không phải là trước khi Kit và Jackie, giả dạng làm tôi, đã mua xong nhà số 11 Bentley Grove? Cảnh sát sẽ không quá mất công để phát hiện ra một chuỗi sự kiện: tôi đã bị ám ảnh với gia đình Gilpatrick từ năm 2003, khi họ mua ngôi nhà tôi đã mê mẩn. Tôi quá ám ảnh đến mức đã thuyết phục Kit mua số 11 Bentley Grove, đối diện trực tiếp với nhà mới của gia đình Gilpatrick, để có thể theo dõi họ, nhưng hóa ra là lén lút theo dõi họ thậm chí còn chẳng đủ với tôi – một ngày tôi đột nhập và giết họ, tất cả bọn họ. Tôi đã điên loạn đến mức giết cả hai đứa trẻ.

Cô ta cứ làm phiền cảnh sát với câu chuyện bịa đặt về một xác chết trên một trang web – tất cả mọi người đều biết đó là dối trá. Chẳng có chứng cứ về máu me nào trên tấm thảm – cảnh sát đã kiểm tra rồi.

Cảm giác tội lỗi đã làm cô ta phát điên.

Họ tìm ra ADN của cô ta khắp số 12, bạn biết đấy. Khắp những cái xác.

“Gì cơ?” Kit nói, làm tôi nhảy dựng lên.

Tôi đã nói gì ư?

“Em đã khiến chuyện dễ dàng cho cô ta,” tôi bảo anh. “Jackie. Cô ta không cần phải đóng giả làm em để mà hai người có thể mua số 11 Bentley Grove – em tự nghĩ ra một kế hoạch mua nó.” Một cơn ớn lạnh chạy vào tận xương khi tôi nhận ra điều đó nghĩa là gì. “Đó là lý do anh giết cô ta, phải không? Một khi em... một khi chúng ta mua xong ngôi nhà, cô ta sẽ muốn chuyển sang giai đoạn mới.”

Tôi nghĩ về điều Kit nói lúc trước: anh giết cô ta để cứu em.

Bằng việc khẳng khẳng đòi mua số 11 Bentley Grove, tôi đã đẩy nhanh thời hạn thực hiện. Và ký vào giấy tử của Jackie.

“Khi em nói em muốn mua nó, em biết cái gì chạy qua suy nghĩ của anh không?” Kit nói. “Chuyện này không thể xảy ra được,’ anh nghĩ. ‘Jackie chưa bao giờ nói việc này sẽ xảy ra.’ Nghe thảm hại đến mức nào chứ?”

“Không ai có thể dự đoán được hết mọi thứ, kể cả Jackie.”

“Đúng vậy,” anh đồng ý. Khi nghe chúng tôi trò chuyện thế này, tôi không thể tin nổi cả hai chúng tôi sắp phải chết. Có thể là không. Kit chưa hề động vào con dao được một lúc lâu rồi. Hay ít nhất, tôi nghĩ là lâu rồi. Có lẽ là không phải, có thể chỉ mới vài phút thôi.

“Không có cách nào mà cô ta biết được về ông bà Beater và cây thông Giáng sinh của họ cả,” anh nói. “Cô ta cực kỳ thích thú khi tới đồn cảnh sát và cư xử với họ như đồ ngốc, nói rằng cô ta đã thấy thứ mà em thấy, nhưng đó không phải là một phần của kế hoạch ban đầu.”

Tôi không hiểu ý anh là gì.

Kit chắc hẳn đã nhìn thấy sự bối rối của tôi, bởi anh nói. “Cảnh sát không kiểm tra câu chuyện của em như đáng ra họ phải làm – họ không thấy có bất kỳ lý do gì để cho Selina Gane biết rằng có người khẳng định đã nhìn thấy hình ảnh của một người phụ nữ bị sát hại trong nhà cô ta.”

Và cũng không có lý do gì để cô ấy hạ giá chào bán từ 1,2 triệu bảng xuống còn con số chín trăm ngàn mà Jackie đã suy tính trong đầu.

“Đồng nghiệp Lorraine của Jackie đã giải thích với họ rằng tám thăm ở nhà số 11 vẫn là tám thăm vốn đã ở đó lần cuối cô ấy bán ngôi nhà – và có vết ố để chứng minh điều đó. Thế đấy, hết chuyện – Grint không có ý định đi sâu hơn chỉ dựa vào mỗi lời em nói nữa. Một khi Jackie đã tham gia vào vòng chiến, anh ta liền suy nghĩ lại – gạt qua một bên vết ố cây thông Giáng sinh. Nếu hai người, hoàn toàn không có chút liên hệ gì với nhau, lại cùng thấy một cái xác người phụ nữ trên cùng một trang web

cùng một lúc...”

Một âm thanh chói tay cắt ngang giọng Kit. Cả hai chúng tôi đều nhảy dựng lên. Tôi bắt đầu run rẩy không kiểm soát nổi. Chuông cửa. Cảnh sát. “Xin chào? Kit? Connie? Hai người có trong này không? Mở cửa ra.”

Không phải hạ sĩ Laskey. Là Simon Waterhouse.

Kit nhặt con dao lên và chĩa vào cổ họng tôi. Mũi dao chọc vào da thịt tôi. “Không được nói gì hết,” anh thì thầm.

“Anh Bowskill, anh có thể mở cửa được không?” Đó là Sam Kombothekra.

“Dù sao thì chúng tôi cũng sẽ vào,” Simon Waterhouse nói to. “Anh nên tự mở cửa cho chúng tôi vào.”

Nghe thấy giọng nói của họ làm suy nghĩ của tôi sắc bén hơn. Vẫn còn những điều tôi chưa hiểu, những điều tôi muốn được hỏi trong khi Kit và tôi vẫn còn đang ở riêng với nhau. Tôi không biết chuyện gì sẽ xảy ra với cả hai chúng tôi, nhưng tôi biết chắc chắn rằng chúng tôi sẽ không ở trong một căn phòng cùng nhau nữa, chỉ có hai chúng tôi, không bao giờ nữa.

“Grint hỏi Jackie xem liệu em có phải người đóng giả Selina Gane và rao bán số 11 Bentley Grove hay không.” Những câu chữ của tôi tuôn ra quá nhanh. “Cô ta nói không.”

“Nếu cô ta nói có, em sẽ biết là cô ta đang nói dối. Grint chẳng có lý do gì để nghi ngờ Jackie khi cô ta xuất hiện và nói mình đã thấy cái xác, nhưng nếu em bảo với anh ta rằng cô ta là kẻ nói dối, anh ta có thể xem xét cô ta kỹ hơn.”

“Và tìm ra được sự liên hệ với anh.” Đúng rồi. Như thế là hợp lý.

“Bowskill! Mở cửa! Đừng có làm bất kỳ điều gì ngu ngốc. Connie, cô có ổn không?”

Lưỡi dao cắt vào môi dưới của tôi. Nó khiến tôi nhận ra môi tôi vẫn đang chảy máu. Tôi tự hỏi mình đã mất bao nhiêu máu rồi. Nghĩ về việc đó khiến tôi thấy yếu nhược đi.

“Thế còn chiếc váy thì sao?” Tôi hỏi Kit.

“Cái váy?” Anh phát âm từ đó một cách kỳ lạ, như thể nó chẳng thuộc về cuộc hội thoại của chúng tôi. Anh giờ không nói dối nữa, tôi không nghĩ anh hiểu được tôi đang nói về chuyện gì.

“Quà sinh nhật của em.”

“Chẳng có gì. Anh đã nói với em nó chẳng có gì cả,” anh nói một cách mất kiên nhẫn. “Anh phải mua cho em một món quà sinh nhật, và anh cũng mua cho Jackie một món quà cùng lúc – anh thích cái váy đó, thế thôi. Anh mua một cái cho em, một cho cô ta.” Anh khịt mũi, lấy mu bàn tay lau mũi. “Tất cả những gì anh muốn là tất cả những thứ... ngu xuẩn này kết thúc tốt đẹp – cho cả ba chúng ta. Tất cả những thứ khốn kiếp không phải lỗi của anh, hay của em, hay của Jackie. Không ai trong chúng ta đáng phải chịu chuyện này – họ mới là những người đáng bị như thế.” Anh hát đầu về phía chiếc giường. “Em có muốn xem họ không? Em có muốn nhìn những bộ mặt bánh chọe của họ không?” Anh tóm lấy tôi, kéo lê tôi đi.

“Không!” Tôi hét lên, nghĩ rằng anh sắp cho tôi xem những cái xác. Thay vào đó, anh kéo tôi xuống tầng, vào phòng khách. Có một ổ khóa trên cánh cửa. Kit trượt khóa. Anh đặt con dao xuống, đi về phía một cái tủ và mở ra. Anh lấy ra một tấm ảnh, ném vào tôi. Nó rơi xuống trên người Jackie, mặt hướng lên trên. *Nó rơi xuống Jackie, đã chết. Jackie đã chết.* Một người đàn ông, một người phụ nữ, một bé trai và một bé gái. Đứng trên cầu, ăn kem. Cười.

Tôi biết gương mặt của người phụ nữ. Gương mặt của Elise Gilpatrick. Làm sao tôi biết được? Thật vô lý.

Cái gì mới là có lý kia chứ? Cái xác của Jackie nằm kia như một đồng rác rưởi – điều đó có lý không?

Kit bước chầm chậm về phía tôi, tay giữ con dao trước mặt mình. Simon Waterhouse đâu rồi? Sam đâu rồi? Sao tôi không nghe được tiếng họ nữa? Tôi cố phát đi một thông điệp tới họ, dù biết rằng vô ích: *Làm ơn tới đây. Làm ơn.* Chẳng còn nơi nào khác để tôi đi cả, chẳng còn cách nào chạy thoát khỏi Kit. Anh đang ở đây, một cơn sóng thần, một đám mây đầy khí độc – tất cả những điều tồi tệ từng có trên đời, đang tiến về phía tôi. Anh

không còn nhìn vào tôi nữa, đôi mắt hướng về phía bức ảnh, hình gương mặt của những nạn nhân. Chẳng có gì là lỗi của họ hết – tôi biết quá rõ điều đó – nhưng họ chính là lý do.

Tôi sắp sửa bị sát hại vì một gia đình tên là nhà Gilpatrick.

Họ có bốn người: bà mẹ, ông bố, cậu con trai và cô con gái. “Elise, Donal, Riordan và Tilly.” Kit nói cho tôi tên của họ, cứ như kiểu tôi muốn bỏ qua mọi lễ nghi ban đầu để làm thân với họ vậy, trong khi tôi chỉ muốn la hét thất thanh mà chạy khỏi căn phòng. “Riordan bảy tuổi,” anh nói. “Tilly lên năm.”

Im đi, tôi muốn gào vào mặt anh như vậy, nhưng tôi sợ hãi đến mức chẳng thể mở miệng nổi. Như thể có ai khóa chặt miệng tôi lại. Không một từ nào có thể thoát ra, không bao giờ.

Vậy đấy. Đây là nơi, là lúc, là lý do và cách tôi sẽ chết. Ít nhất tôi cũng biết được lý do, cuối cùng thì tôi cũng đã hiểu.

Kit cũng hoảng loạn như tôi. Còn hơn cả tôi ấy chứ. Đó là lý do anh cứ liến thoắng liên hồi. Vì anh biết, giống như tất cả những ai đang nín thở chờ đợi trong kinh hoàng đều biết rõ, rằng khi sự câm lặng và nỗi sợ hãi hòa làm một, chúng tạo nên một thực thể còn đáng sợ hơn trăm ngàn lần từng thành phần đơn lẻ.

“Gia đình Gilpatrick,” anh nói, nước mắt lăn dài trên mặt.

Tôi nhìn hình phản chiếu của cánh cửa trong chiếc gương treo trên lò sưởi. Hình chiếu trông nhỏ và xa hơn nếu tôi quay lại để nhìn thẳng vào nó. Chiếc gương trông như một tấm bia mộ to lớn: ba cạnh gương thẳng và cạnh trên cùng uốn vòm.

“Anh đã không tin họ thực sự tồn tại. Cái tên nghe như bịa.” Kit cười rồi nắc lên một tiếng nức nở. Toàn thân anh run rẩy, kể cả giọng nói. “Gilpatrick là kiểu tên mà người ta sẽ nghĩ đến khi muốn bịa ra một người nào đấy. Ông Gilpatrick. Giá mà anh tin là có ông ta, những chuyện này sẽ không xảy ra. Ta đáng ra đã được an toàn rồi. Giá mà anh...”

Anh dừng lại, quay lưng tránh xa cánh cửa đang khóa trái. Anh cũng nghe thấy tiếng bước chân như tôi – tiếng bước chân chạy xô đẩy tán loạn. Họ đang ở đây. Cảnh sát cuối cùng cũng đã đến đây. Giữ lấy cán dao bằng cả hai tay, Kit chĩa nó vào ngực

mình. Điều cuối cùng anh nói là: “Xin lỗi.”

TANG VẬT SỐ: CB13345/432/29IG

Caroline Capps

24/12/93

43 Phố Stover Birmingham

Caroline yêu quý,

Xin lỗi nếu bức thư này quá thẳng thừng, nhưng có một số người trong chúng ta thà thẳng thắn còn hơn hai mặt – không phải cậu, rõ ràng là vậy. Cậu bảo là cậu tin tớ, nhưng giờ Vicki và Laura nói rằng không phải vậy – có vẻ như cậu chỉ nói vậy vì phép lịch sự, và vì cậu cảm thấy thương hại tớ. May mắn thay, tớ không cần sự thông cảm của cậu. Trong mắt tớ, cậu mới là người cần lòng thương hại, nếu không phải là tâm lý trị liệu cường độ cao. Tớ đã bị đàn ông bỏ nhiều lần trong đời, và chưa bao giờ gặp vấn đề khi thừa nhận điều đó. Và tớ cũng CHƯA TỪNG gửi hàng tá bức ảnh của chính mình tới cho một người bạn trai cũ nào cả – sao tớ lại phải làm thế? Cậu thấy tớ trông điên rồ đến thế nào? Bạn trai cậu chính là kẻ điên rồ ở đây – anh ta là một kẻ vừa điên khùng vừa dối trá. Anh ta chụp những bức ảnh cậu tìm thấy – anh ta phát cuồng vì tớ, cho dù tớ chỉ nói chuyện với anh ta tổng cộng khoảng mười phút. Sao cậu không tự kiểm chứng điều đó đi? Một ngày nào đó hãy đi theo anh ta – sẽ không mất nhiều thời gian trước khi cậu bắt gặp anh ta lẻo đẻo theo sau tớ ở khu vực Cambridge với một cái máy ảnh. À nhân tiện, nếu cậu có thể bảo anh ta dừng lại, tớ sẽ rất biết ơn đấy. Và để làm rõ thêm một điều nữa: đúng, tớ đang nói rằng anh ta không đá tớ, nhưng tớ cũng không nói rằng tớ đá anh ta, như cậu nghĩ vậy. Không ai đá ai cả – CHƯA HỀ CÓ MỘT MỐI QUAN HỆ NÀO NGAY TỪ ĐẦU!!! Đáng ra tớ không cần phải nói với cậu chuyện này – nếu ra-đa của cậu không phát hiện được tớ là bạn

cậu còn anh ta là một kẻ bệnh hoạn, vậy thì cậu hết thuốc chữa rồi.

Elise

Thứ Sáu, ngày 17-09-2010

Tôi nên ngồi xuống, thư giãn, nhưng không thể làm nổi.

Tôi đứng bên cửa sổ phòng khách, bên cạnh vết ố cây thông Giáng sinh. Chờ đợi. Vẫn còn hai mươi phút nữa mới đến lúc cô ta hẹn tới. Khi tôi thấy một chiếc xe tấp vào ở bên ngoài, tôi cho rằng đó không thể là cô ấy được. Khi một người phụ nữ tóc đỏ cao ráo với cái cổ duyên dáng bước ra khỏi xe, tôi tự nói với mình đó không thể là Lorraine Turner được, phải là một ai khác.

Tôi đã nhầm. “Xin lỗi vì đến sớm quá,” cô ta nói, bắt tay tôi. “Tôi mừng là cô đến sớm,” tôi nói với cô ta. “Vào đi.”

Cô ta rụt rè bước qua ngưỡng cửa, như thể sợ rằng mình sẽ hối tiếc việc đó. “Tôi không thể giả vờ là mình hiểu được,” cô ta nói. Cho tôi cơ hội để giải thích nếu tôi muốn.

Tôi không giải thích. Tôi mỉm cười, chẳng nói gì.

“Chị có hoàn toàn chắc chắn là mình muốn bán ngôi nhà này không?” cô ta hỏi.

“Có.” Cô ta không thể hỏi han tôi quá lâu mà không tỏ ra bất lịch sự được. Biết một chút ít về những gì tôi phải trải qua, cô ta không muốn làm tôi buồn bực.

Cô ta cố gắng lần cuối cùng để khiến tôi nói chuyện. “Chị hoàn thành việc mua nhà vào lúc nào?” cô hỏi. Ngôn ngữ của dân môi giới bất động sản.

“Ngày hôm qua. Tôi đã gọi cho cô ngay lập tức.”

Cô ta bỏ cuộc, đi lên tầng để bắt đầu chụp ảnh. Ngay khi cô ta rời khỏi phòng, tôi hối hận vì sự dè dặt của mình. Cô ta có vẻ tốt bụng, và tôi cần phải dừng việc nghĩ rằng tất cả mọi người đều không đáng tin cậy. Hầu hết mọi người không phải là Kit

Bowskill và Jackie Napier.

Không còn ai là Kit Bowskill, và không còn ai là Jackie Napier cả – không còn nữa.

Khi Lorraine Turner xuống tầng, có lẽ tôi sẽ kể cho cô ta. Tôi không hồ thẹn một chút nào về việc đó. Tôi mua số 11 Bentley Grove bởi tôi đã hứa với Selina Gane. Làm sao mà tôi có thể làm cô ấy thất vọng, sau khi đã hứa hẹn rồi? Khi hứa vậy, tôi đã nghĩ mình sẽ có thể sống ở số 11, bởi chẳng có gì tồi tệ từng xảy ra ở đây cả – bởi nó không phải nhà số 12. Tôi có thể sẽ sống ở đây, nếu như mọi thứ không đột nhiên đổi khác – nếu không phải tôi bị kéo đến căn phòng với đám ruồi bay và những cái xác bị bọc kín, vô vọng trong nỗi kinh hoàng... Nhưng sau những gì đã trải qua, tôi không thể sống ở Bentley Grove nữa. Điều đó là không thể.

Vậy nên tôi rao bán ngôi nhà mới, dù chỉ mới mua nó ngày hôm qua. Và khi bán xong, tôi sẽ mua một ngôi nhà trên một con phố khác của Cambridge. Tôi đã thấy một vài ngôi nhà có vẻ rất hứa hẹn, nhưng tôi phải chờ xem mình sắp học trường đại học nào, và có lẽ sẽ cố mua nhà ở quanh đó. Fran đã gọi điện ngày hôm qua và nói em ấy có nghe về một trường đại học ở Cambridge dành riêng cho những sinh viên nữ trưởng thành. Sự động viên của em ấy rất hữu ích, bù đắp cho sự im lặng của bố mẹ về chuyện đi học đại học muộn của tôi.

Số 11 Bentley Grove không phải tất cả những gì tôi đang rao bán. Ngân hàng Tư bản London đang trong quá trình mua lại Nulli từ tôi, với giá khoảng một nửa giá trị của nó, nhưng số tiền không còn quan trọng nữa – sự tự do của bản thân là tất cả những gì tôi quan tâm. Một sự khởi đầu mới.

Tôi nghe tiếng Lorraine đi lại trên lầu. Cô ta sẽ xuống ngay thôi. Tôi mở chiếc túi xách mang theo bên mình. Một việc dang dở cần phải hoàn thành nữa. Tôi lấy ra bản in Kit đã tặng mình vào Giáng sinh nhiều năm trước – cô gái đang cười ngồi trên bậc thềm nhà nguyện King's College – và nhét nó vào giữa bức tường và chiếc sofa mà Selina Gane không mang đi. Đó là một bức ảnh đẹp, và tôi chẳng thể nào vứt nó đi dù tôi không muốn

giữ nó lại. Có lẽ chủ nhân mới của ngôi nhà sẽ tìm thấy nó và lấy làm vui. Anh ta hay cô ta sẽ thấy con số '4/100' ở mép và tin, như tôi đã tin, rằng nó là một bản in hiếm.

Không phải thế. Tự Kit đã chụp bức ảnh đó. Cô gái trong hình là Elise Gilpatrick tuổi mười tám. Hay đúng hơn là Elise O'Farrel, cái tên của cô ấy ngày đó, khi cô và Kit còn là sinh viên cùng nhau và cô đã mắc sai lầm chết người khi từ chối sự theo đuổi của anh.

Tôi không thể bỏ mặc cô ấy đằng sau chiếc sofa được, cảm giác không đúng chút nào. Tôi lấy chiếc khung và đặt nó lên bệ lò sưởi, dựa vào bức tường ngày trước treo tấm bản đồ Cambridgeshire của Selina Gane. Như vậy tốt hơn.

"Tạm biệt, Elise," tôi nói. "Tôi rất xin lỗi."

Có tiếng bước chân trên cầu thang. Lorraine đang đi xuống. Tôi đã sẵn sàng mỉm cười và mời cô ta uống trà hay cà phê.

LỜI CẢM ƠN

Như mọi khi, tôi xin được bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới Peter Straus và Jenny Hewson ở Rogers Coleridge & White, và tới Carolyn Mays, Francesca Best, Karen Geary, Lucy Zilberkweit, Lucy Hale và tất cả mọi người ở nhà xuất bản tuyệt vời Hodder & Stoughton. Tôi phải cảm ơn vì sao may mắn của mình vì cuối cùng đã giúp tôi gặp được tất cả mọi người – và rồi tôi quyết định rằng đó là định mệnh, chứ không phải vận may.

Xin được gửi lời cảm ơn tới Liz và Andrew Travis vì đã đóng góp cho sự nghiệp văn học cao cả, tới Beth Hocking vì đã dành cho tôi một đầu mối liên hệ hữu ích, và tới Guy Martland vì đã cung cấp những thông tin cơ bản mà khủng khiếp về sự phân hủy tử thi và sự ướp xác. Xin được cảm ơn Annie Grey vì đã dạy tôi tất cả những gì tôi được biết về việc chữa bệnh bằng biện pháp vi lượng đồng căn, tới Lewis Jones vì đã gọi một ai đó là ‘Gummy’ trước mặt tôi, tới Heidi Westman vì đã nhắc tới một sự kiện nhỏ liên quan tới định vị vệ tinh mà, theo như tôi được biết, chưa bao giờ được giải quyết thỏa đáng và vì thế vẫn còn nằm trong vòng nghi hoặc (dù tôi chẳng có quyền hồ nghi ai cả...) Xin gửi lời cảm ơn tới Mark Worden vì cuốn sách Pink Floyd, cảm ơn Paul Bridges vì tuyển tập các họ (để mở ngay ở chỗ cái tên ‘Gilpatrick’), tới Tom Palmer, James Nash và Rachel Connor vì những lời khuyên về biên tập từ những bước đầu tiên, và tới Stuart Kelly, người đã giới thiệu cho tôi khái niệm về sự bất mãn dai dẳng – sự bất mãn của tôi chính là không tự nghĩ ra được điều ấy.

Cảm ơn Dan vì vết ố cây thông Giáng sinh (e hèm) và những ý tưởng độc đáo về tên cho các căn nhà. Cảm ơn Phoebe và Guy vì

những tấm thiệp và quà tặng rất đáng yêu khi tôi hoàn thành cuốn sách, và vì tầm nhìn hết sức thiết yếu liên quan tới những người ngoài hành tinh trong phim Ben 10.

Vô cùng cảm ơn John Jepps và Peter Bean, vì tất cả những lý do thông thường, và lần này vì cả một lý do lạ thường nữa, lý do tự nó sẽ xuất hiện khi họ đọc cuốn sách.

Xin cảm ơn Geoff Jones, và tới người bí ẩn (mà, tôi không nghi ngờ gì, là có thật) ‘Ông Pixley’, người cứ đề nghị trả nhiều tiền hơn một chút so với tôi. Hừm... Xin cảm ơn Trung tâm Jill Sturdy vì đã nâng đỡ cho tiềm năng của một kịch bản hấp dẫn.

Tôi có thể tưởng tượng ra được những nhân viên môi giới bất động sản ở Cambridge đã phát ngán tôi đến thế nào. Họ hẳn sẽ rất vui khi biết rằng cuối cùng tôi cũng đã tìm được ngôi nhà phù hợp, hoặc cũng có thể chỉ cần nghĩ về tôi là họ đã nhún vai và rên rỉ rồi. Dù là trường hợp nào đi nữa, dù sao cũng xin cảm ơn Nick Redmayne, Chris Arnold, Oliver Hughes, George Moore, Stewart Chipchase, James Barnett, Richard Freshwater, Robert Couch, Michael Higginson, Zoe và Belinda từ Carter Jonas và những người còn lại. Tôi xin hứa sẽ không chuyển nhà lần nữa trong tương lai gần.

Xin cảm ơn ngôi nhà ảo về mặt tinh thần của tôi, trang web Rightmove (trên đó, tôi có thể thoải mái nói rằng chẳng có hình ảnh gì về những xác chết hết, sau khi đã kiểm tra từng ngôi nhà và bản vẽ mặt bằng từng chi tiết một rồi). Tôi không phải kẻ nghiện ngập, tôi có thể dừng lại bất kỳ khi nào mình muốn. Và bên cạnh đó, sẽ không có gì xấu nếu bạn làm một cách điều độ, và tôi thì đã giảm xuống một tiếng đồng hồ mỗi ngày rồi. Xin cảm ơn Đại học Trinity và Đại học Lucy Cavendish ở Cambridge – những ngôi nhà tinh thần không-ảo của tôi.

Xin cảm ơn Will Peterson vì đã là một người thật tuyệt vời và đáng yêu, cảm ơn Morgan White vì lời nhận xét dí dỏm về tấm bảng trên băng ghế công viên, cảm ơn Jenny và Ben Almeida vì ý tưởng lấy họ mới sau khi kết hôn.

Cuối cùng, tôi xin được cảm ơn Alexis Washam, Carolyn Mays, Francesca Best và Jason Bartholomew vì đã đoàn kết lại

cùng nhau trong suốt khoảng thời gian căng thẳng gấp rút (như ác mộng) của chương 27. Nếu không có sự giúp đỡ của mọi người, chương 27 sẽ không bao giờ được hoàn thành.

Bài thơ ‘Khi Tôi Mới Lần Đầu Đi Hội Chợ’ được viết bởi A. E. Housman.

